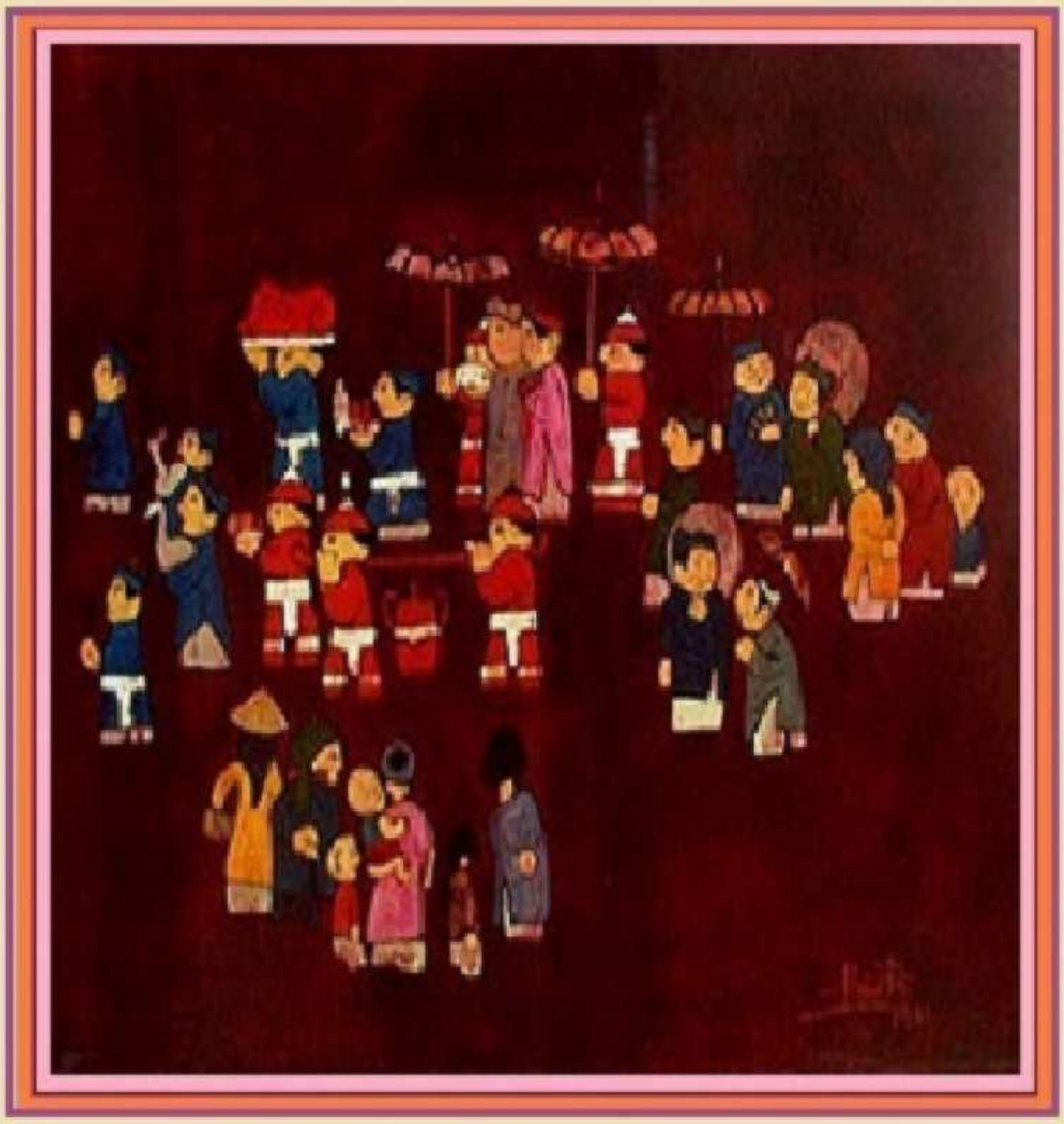
việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 15 - 16



15 tháng 10 năm 2014

tủ sách việt văn mới

2014

VIỆT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 15 & 16

15 tháng 10 năm 2014

hộp thư toà soạn

newvietart@gmail.com

---

tổng thư ký : cố văn sĩ Nguyễn Mai

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san việt văn mới

số 15 & 16

15 tháng 10 năm 2014

với sự góp mặt của các tác giả :

. hồ thủy . từ kế tường . mai thục . tiến thảo . lý thị minh châu . nguyễn đoan tuyết . mang viên long . lê văn trung . phạm hồng thắm . phạm phù sa . giang trung học . bùi đức long . trần minh nguyệt . khải nguyên . trần tâm . chu vương miện . trịnh tuyên . trần hậu . dương phương toại . duy phi . nguyễn thị mây . hoàng yên linh . qúy thể . hoàng thị như huy . phan . đàm lan . vũ kiêm ninh . xuân thông . trương thị kim chi . lý thu thảo . nguyễn khôi . trần trương . diệp phương chi . nguyễn lệ uyên . trọng nghĩa . võ công liêm . ngô xuân tiếu . hoàng thị viễn du . phan chính . trần vấn lệ . lương văn hồng . từ sâm . nguyễn thăng . hoàng bích nga . hồ chí bửu . kiều văn . vũ thế long . trương văn dân . elena pucillo trương . hoàng gia cương . dương leh . hoàng vũ đông sơn . nam ninh . vương hoài uyên . phương thủy . trần huy thuận . huy định . trần nhuận minh . đổng ngọc hoa . phạm vũ . tâm nguyện . mạc triều . kiêm thêm . huyền viêm . lê hoài nguyên . vương thủy . từ vũ .

tủ sách việt văn mới 2014



truyện ngắn

Ừ... THÔI EM VỀ...

HỒ THỦY

Anh ngồi trầm ngâm trước hiên nhà, trong đầu anh là một mảng cứng, nó đặt sệt với những ý nghĩ lung tung, loạn xạ, anh không thể xác định được anh đang thật sự nghĩ về điều gì? bởi có quá nhiều điều anh nghĩ đến, thật đáng buồn và đáng lo là không có gì rõ rệt trong những điều anh nghĩ, nó như một mớ hỗn tạp rối bời, nhưng có một điều chắc chắn nhất; đó là hai chữ "vô cảm" nó cứ lập đi lập lại trong đầu anh, nó ong óng gào thét như đàn ong đang bay vo ve bên lỗ tai anh, nó làm anh nhức nhối đến buốt óc. Mai đang ngồi bên cạnh anh, cô hỏi anh câu gì đó nhưng hình như anh không nghe hay sao ấy, mắt anh nhìn đâu đâu, không trả lời cô. Mai đứng lên, nhìn anh hơi phân vân, lo lắng vì sự lạ lùng của anh chiều hôm nay. Cô nói:

- Anh à!, em về nhé.

Tuyên ngước nhìn cô, hơi hờ hững:

- Ừ! thôi em về...

Mai ngạc nhiên quá, chưa bao giờ anh giống như bây giờ, có điều gì đang thay đổi ở trong anh? Vì bao giờ cũng vậy; khi cô nói "em về nhé" là anh ôm lấy cô, hôn lên tóc cô một cái, dắt xe

ra, lấy nón rồi dịu dàng đội vào cho cô, tất cả đều hàm chứa những ân cần yêu thương... thế mà chiều nay anh chỉ trả lời một câu rất ngắn gọn:"ừ! thôi em về", rồi anh tiếp tục đắm chìm trong sự suy tư của mình.

Nào ai biết lòng anh đang thổn thức, đang dậy sóng, đang đau đớn với niềm đau từ lâu anh cố chôn kín trong lòng. Yêu Mai, cũng chỉ là muốn tâm trí bận rộn với tình yêu của Mai, để quên đi những gì anh muốn quên. Thế nhưng chiều hôm qua, anh và rất nhiều người được nghe một câu lên án về những người còn trẻ như anh; rằng: *"- tuổi trẻ bây giờ sống vô cảm với quê hương đất nước, với đồng bào dân tộc của mình..."* Trời ơi! một câu lên án quá đúng làm tim anh đau nhói. Suốt đêm anh thao thức trăn trở không sao ngủ được, vì hai chữ "vô cảm" cứ xoáy mạnh vào đầu anh.

Anh muốn trả lời ngay lúc đó là anh không vô cảm, nhưng thật xấu hổ khi anh đã nhát gan, đi đôi với sự sợ sệt, nên anh không dám nói lên suy nghĩ của mình, cũng như anh rất muốn làm những điều giống như người nói vào mặt những người trẻ như anh là "sống vô cảm" đã làm. Anh rất yêu quê hương đất nước, nhưng anh quen sống co rút người lại, dấu mình như con rùa rụt cổ núp trong bộ mai của nó. Tại sao và tại sao? Chỉ tại cuộc sống này... mọi người phải lo cho cái bao tử, phải chạy theo cơm áo gạo tiền, đua đòi vật chất, thích hưởng thụ, an phận. Anh cũng như nhiều người, rất sợ một sự trừng phạt nào đó đầy bất công và phi lý. Đau lắm chứ khi tai nghe mắt thấy những điều phi nhân bất nghĩa của những tên cướp cạn giữa ban ngày, có chức vụ, có quyền hành sinh sát ở trong tay. Anh xót ca khi nghĩ đến số phận bi thảm của những người dân nghèo có ít ruộng rẫy để làm ăn, để nuôi sống gia đình, thế mà cũng bị chiếm lấy không một chút xót thương, rồi đất nước bị xà xẻo, bị bán rẻ từng phần một. Bao nhiêu lần anh đã chạnh lòng đến chảy nước mắt, thế nhưng trớ trêu thay; anh lại nhút nhát, đớn hèn, yếu đuối quay lưng đi, như vậy anh có phải là người vô cảm không?

Ôi chao! ước gì anh có được một ít lòng can đảm, ước gì người lên án "*tuổi trẻ hôm nay thật đáng buồn vì đã sống vô cảm...*" chuyền cho anh một ít lửa để khơi sáng trái tim anh, để cho anh biết anh phải làm gì?

Buổi sáng anh đến công ty làm việc; ngỡ rằng một ngày như mọi ngày. Nhưng hai hôm nay thì khác, nó không như mọi ngày, khi trong đầu anh luôn bị ám ảnh bởi khuôn mặt trẻ trung, non nớt nhưng đôi mắt thì rực sáng, và câu nói như một lời kết tội cứ ong óng vang lên trong đầu anh:*" đáng buồn thay khi tuổi trẻ hôm nay sống vô cảm, không mục đích, không lý tưởng và mất phương hướng... hãy đứng dậy... dậy mà đi hỡi đống bào ơi!..."*

Các đồng nghiệp trong công ty ngạc nhiên khi thấy anh chàng Tuyên vui tươi, dí dõm hay cười đùa của mọi ngày đâu mất tiêu, mà thay vào đó là một chàng Tuyên đăm chiêu, trầm ngâm như đang lo lắng, vướng bận vì suy nghĩ đến điều gì ghê gớm lắm. Gần giờ ra về , anh trưởng phòng tới gần hỏi:

- Sao vậy? có điều gì lo lắng lắm sao?

Tuyên giật mình ngẩng đầu nhìn anh trưởng phòng:

- Ờ... không có gì, chỉ là đầu óc hơi hoang mang chút xíu.

Có tiếng nhạc từ điền thoại, Mai gọi anh:

- Alô... anh chờ em ghé qua, chúng mình cùng đi chợ, em hẹn với mẹ anh rồi, chiều nay em sẽ ghé qua nhà anh nấu cơm cho ba mẹ và anh ăn nha.

Anh ngần ngừ một chút rồi trả lời Mai:

- Có lẽ anh về trể, em cứ về trước, rồi ghé chợ muốn mua gì thì mua, anh dễ mà.

Mai hơi buồn:

- Vậy thì em về trước nha.

- Ừ...thôi em về...

Tại sao mấy hôm nay anh chỉ nói một câu tạm biệt Mai bằng lời đầu của một bài hát "*ừ thôi*

em về..."? Liệu mai kia mốt nọ anh có thêm vào "*Chiều mưa giông tới...*" không đây? Có điều gì đó lớn lắm đang choáng ngợp tâm hồn anh chăng? có bóng hồng nào đang làm tim anh nhức nhối chăng? Mối tình của hai người đang đi đến hồi kết cuộc, đám cưới cũng đã được hai bên gia đình thống nhất, tại sao bỗng dưng anh thay đổi?

Khi anh về đến nhà thì trời sẫm tối, xe của Mai dựng ở bên hiên nhà, mùi thơm của thức ăn từ trong bếp bay ra ngoài sân, bình thường thì anh đã huýt sáo từ nhà ngoài vô tới bếp, anh sẽ ôm vai mẹ, nhón tay bốc một món ăn nào đó. Nhưng mấy tối nay thì khác, anh không hào hứng huýt sáo, không ôm vai mẹ, không nhón thức ăn. Mai nhìn anh, cô buồn đến ứa nước mắt vì sự thay đổi cùa anh. Tuyên lẳng lẽ đi vào phòng thay áo quần. Ba anh thấy được sự thay đổi mới lạ nơi đứa con trai ngoan hiền của mình, ông muốn hỏi anh về những gì đang làm xáo trộn tâm tư tình cảm của anh, nhưng ông nghĩ rằng chưa phải lúc.

Mai gắp thức ăn cho anh. cô nhìn anh dò xét nhưng không thấy được gì ngoài sự trầm ngâm tinh lặng của anh. Mẹ anh cố làm cho không khí bữa cơm tối sôi động bằng câu khen:

- Hôm nay Mai làm thức ăn ngon quá trời, chừng hai đứa cưới nhau xong, con về làm dâu mẹ rồi... cha! lúc đó mẹ lên cân vù vù cho coi.

Mai cười gượng, lòng cô không vui vì sự thờ ơ lãnh đạm của anh khi nghe mẹ nói câu đó. Cha anh nhìn con trai, chén cơm không vơi bớt là bao nhiêu, hình như con trai ông có điều gì đó đang làm bận rộn tâm trí nó. Ông chờ sau khi cơm tối xong, ông sẽ hỏi con mình về những gì đang làm nó nặng lòng. Ông xốn xang khi thấy con buồn.

Mai rửa dọn chén dĩa, lau chùi bàn ghế, quét nhà xong đâu vào đó, rồi châm một bình trà, sau đó cô chuẩn bị ra về. Anh ngồi trên băng ghế đá ngoài sân dưới giàn hoa giấy, đối diện là cha anh. Mai đem bình trà nóng ra để trên bàn, cô rất muốn ngồi xuống bên cạnh anh, nhưng cô e ngại vì nét mặt đăm chiêu của anh, Mai tần ngần một lúc rồi dắt xe ra cổng, cô cố ý khó khăn nặng nhọc để dò xem phản ứng của anh, nhưng anh thờ ơ, cô ứa nước mắt khi chào hai người:

- Thưa bác... chào anh... em về.

Cha anh gật đầu, còn anh thì vẫn là câu:

- Ừ... thôi em về.

Anh ngập ngừng hỏi cha:

- Thời của cha... lúc cha bằng tuổi tụi con bây giờ... tuổi trẻ của cha có... vô cảm không cha?

Cha anh nhíu mày thở dài:

- Tuổi trẻ của cha thời đó hầu như ai cũng có lý tưởng, và sống có mục đích rõ rệt, sống với nhau rất có tình người.

- Cha có thể kể cho con nghe chút ít không?

Cha anh cười buồn:

- Chút ít thì nói làm gì.

Anh rót trà ra ly đưa về phía cha mình:

- Cha à; đôi khi con cảm thấy cuộc sống của những người trẻ như tụi con bây giờ nó ra làm sao ấy, hình như bị mất hướng, không mục đích cũng chẳng có lý tưởng gì hết. loanh quanh lòng vòng chạy theo vật chất với cơm áo gạo tiền, chỉ biết đua đòi, sống cho riêng mình, riết rồi đầu óc không chứa thêm gì được ngoài những chuyện tầm thường, đến nổi nhiều khi con không còn biết mình là ai?. mình là gì? và mình muốn gì? Ngày xưa cha đi lính; cuộc sống và tâm trạng của cha như thế nào? cha kể cho con nghe...

Cha anh hớp một ngụm trà, lòng thổn thức khi gợi nhớ lại ngày xưa:

- Đời quân nhân ngày đó... hào hùng lắm con à, tuổi trẻ của cha ai cũng yêu quê hương, đất nước và đồng bào của mình, mọi người đều quyết tâm bảo vệ tổ quốc, bảo vệ phần đất của

mình. Nhưng lực bất tòng tâm, sự thua cuộc không phải do mình yếu kém nhưng do mình bị phản bội, cũng có thể la do lòng mình nhân đạo... đó là một vết dao nhọn đâm sâu vào trái tim của những người như cha.

Anh thổ lộ nỗi lòng mình với cha:

- Cha ơi! tuần trước con đi lễ, con đã nghe lời kết tôi của một cô bé đáng tuổi em con, cô bé nói rằng:" *thật đáng buồn khi tuổi trẻ việt nam bây giờ sống vô cảm*". Trước tình hình đất nước bị quân tàu từng bước xâm chiếm một cách ngang nhiên, như rằng bọn tàu đang được "chính thức cấp giấy phép", Thế mà tuổi trẻ Việt Nam chỉ biết im lặng đưa mắt nhìn.

- Bởi vì những ai lên án sự xâm lược của tụi tàu thì đều bị... "ôm lịch". Chiến tranh chẳng phải là điều hay ho tốt đẹp gì, nhưng một khi phải bảo vệ quê hương, bảo vệ chính kiến hay lý tưởng của mình thì phải chịu cảnh chém giết nhau. Mọi người đều có quyền tự do về tư tưởng, không ai có thể kề dao vô cổ ai để ép buộc người khác... Buồn nhất là người cùng một nước mà lại đánh giết nhau, hãm hại nhau. Cha nhớ hồi cha còn nhỏ, cha được xem một cuộn phim cine rất hay, nội dung phim nói đến chiến tranh giữa hai nước... hai bên bắn giết nhau tơi bời, cuối cùng mỗi bên còn lai một người. Hai người lính cùng buông súng nhìn nhau rồi họ bước tới gần nhau, bắt tay nhau, một người rút trong túi áo ra một gói thuốc lá mời người kia, người phía bên kia lấy bidong nước mời người phía bên này uống. Họ không cùng chung một tiếng nói, nhưng họ hiểu được nhau qua ngôn ngữ của tình người, họ cũng biết rằng nếu người nọ bắn chết người kia hoặc ngược lại, thì trong hai người sẽ có một người chết vì cô độc... sự phi lý của chiến tranh là vậy đó, nhưng... thôi con à, những người già như cha đang muốn quên và cố quên, khơi lại làm chi đống tro tàn cho cay mắt, đắng lòng. Nhưng có một điều cha tự hào là ngày đó, những người thời của cha đã rất yêu quí nhau, rất biết chạnh lòng, luôn binh vực những người cô thế yếu đuối, không lấy của ai dù chỉ là một tất đất, còn bây giờ thì cá lớn mặc sức mà nuốt cá bé... Thời nay phần lớn người ta sống mất nhân tính; đối xử tàn ác với nhau, không có tình người, điều này thật đáng lo sợ.

Anh ứa nước mắt khi nghe tiếng thở dài của cha. Mấy ngày nay anh cố soi rọi lòng mình xem anh có vô cảm hay không? Thực tình là không, khi anh cũng đã từng bị những lưỡi dao của sự bất công đâm nát trái tim mình, nó làm anh đau nhói, sự đau đớn ấy chứng tỏ con người anh không phài là kẻ vô càm, nhưng anh hèn nhát vì anh sợ; phải rồi, anh sợ nếu anh có phản ứng nào đó thì anh sẽ không còn được sống bình yên với những gì anh đã cố gắng tạo được, và cũng không được ung dung tự toại hưởng thụ những gì anh đang có. Như vậy có phải anh là người quá vị kỷ, chỉ biết sống cho bản thân mình? anh co rút như con rùa rụt cổ, anh hèn nhát quá. Cũng có nghĩa là anh sống không phương hướng, không mục đích, không lý tưởng ngoài những thứ vật chất tầm thường, với cơm áo gạo tiền, chính những điều này đã làm anh không phải là anh, không còn là anh, anh đã đánh mất chính anh rồi.

Đêm nay ngồi nói chuyện với cha mình, tuy chỉ vài câu ngắn ngủi nhưng cũng đủ cho anh cảm nhận được ngày xưa và người xưa sống đẹp như thế nào., còn bây giờ thì... đáng buồn thay! anh phải làm gì để chứng tỏ rằng mình không phải là con người vô cảm đây? Liệu anh có dám không đây? Liệu trong anh còn có chút lòng can đảm nào không đây? hay đã bị chết đi từng ngày? mỗi ngày một chút... rất nhẹ nhàng êm ái.

Chiều nay Mai đến hơi muộn hơn mọi khi, nét mặt cô rất buồn. Anh ngồi trong nhà thờ ơ nhìn cô đi vào, má anh vui mừng khi thấy Mai, bà đón từ tay cô một túi xách đầy những loại trái cây tươi ngon. Mai rất sợ nếu như lát nữa đây khi ra về; anh lại tạm biệt cô bằng câu:

- Ừ... thôi em về.

Chắc chắn là cô sẽ khóc trên đường về. Biết đến bao giờ anh mới trở lại là anh ngày đó mà không có câu nói đáng ghét:

- Ừ...thôi em về.

HỒ THỦY



truyện ngắn

BUỔI CHIỀU CHẠNG VẠNG

TỪ KẾ TƯỜNG

Xuyên ngâm hai bàn tay trong thau nước đầy. Buổi chiều bỗng dưng trời trở lạnh bất ngờ, giống như một vết xước nhỏ dưới gót chân Xuyên vừa vừa phát hiện nhưng nàng không biết rõ nguyên nhân. Xuyên nghĩ thầm, mình đúng là lười quá mức, lẽ ra Xuyên đã nấu một ấm nước sôi pha với nước lạnh thì khi thọc hai bàn tay vào rửa sẽ ấm áp biết bao. Xuyên mỉm cười về sự thói lười biếng của nàng và chợt Xuyên thèm nghe vô cùng tiếng nước từ chiếc vòi của cái ấm chảy xuống thau nước tạo thành âm thanh giòn tan. Xuyên ghiền cảm giác được ngâm hai bàn tay vào thau nước ấm, nó vừa sảng khoái vừa thú vị, nhất là khi mệt mỏi hoặc trước lúc đi ngủ.

Nhưng hôm nay Xuyên lười biếng đến nỗi cứ thọc bừa hai bàn tay vào thau nước lạnh cóng, khiến da thịt nàng xanh tái, những sợi lông tơ nổi rõ, phất phơ trong làn nước càng tôn vinh hai cổ tay tròn lẵng của cô gái biết mình đẹp. Xuyên xòe cả mười ngón tay thon dài đẹp như muỗi viết để ngắm nhưng rồi nàng sững sờ khi phát hiện móng tay của ngón út bị gãy lúc nào không hay, mười móng tay mà Xuyên trau chuốt, gìn giữ lâu nay giờ đâm ra khập khiễng nhìn thật đáng buồn. Xuyên lấy hai bàn tay ra khỏi thau nước, dùng khăn lau khô rồi ấp vào mặt mình, đầu hơi cúi xuống, lưng cong, bờ vai tròn đầy nở ra. Xuyên bây giờ trông giống như một cô gái đang tắm hệt bức tranh đang treo trong phòng.

Xuyên tới đứng bên cửa nhìn màu trời, những đám mây ẩm đục trôi một cách buồn rầu, hơi lạnh như thoát xuống từ những đám mây rồi tan loãng vào không khí giá buốt. Xa xa đó là bãi đất kéo dài từ chân đồi có những hàng cây xanh rì thả bóng là đà trong nền trời chiều. Bên kia những hàng cây là con sông nước đầy chạy qua những khoảng trống theo tầm mắt rồi bị chắn ngang bởi dãy nhà tôn ngăn mất bãi cát bao la, nơi có một công trường xây dựng đang hoạt động và cũng có lẽ sắp hết giờ làm việc buổi chiều. Tiếng máy chạy nghe cũng mệt mỏi, rời rã như ngày s8áp tàn. Sau dãy nhà tôn là con đường mòn trải đá lởm chởm dân lên ngọn đồi, trên đồi có một cửa hàng bán thức ăn, nước giải khát cho thợ của công trường.

Con đường lên đồi giờ này thật vắng, chỉ lưa thưa vài người, họ là người từ thành phố xuống và đều có thời gian nhàn rỗi để đi ngoạn cảnh. Một cặp tình nhân đi ngang, tay nắm tay, có lúc Xuyên như nhìn thấy họ dừng lại nhưng thật ra họ đang đi chậm lại để nhìn xuống bãi cát phía dưới và có thể họ đang quan tâm tới iếng máy nổ từ công trường. Trên đồi, trong một cửa hàng đã có ánh đèn, tuy nhiên Xuyên không nhìn thấy người nào trong quán. Bỗng dưng Xuyên chợt nghe có tiếng chân bước vào sân, tiếng chân chậm rãi như của một người nào đó đang đi dạo. Xuyên bước ra và gặp ngay người đàn ông đang đứng trong sân. Xuyên hỏi ông tìm ai. Người đàn ông mỉm cười không nói. Xuyên liền hỏi lại lần nữa bằng chất giọng hơi lớn:

- Ông tìm ai?
- Tôi từ công trường ở cao nguyên được chuyển về đây. Tôi đang tìm đến công trường đang xây dựng ngoài bãi cát.
- Ông đi ngả này.

Xuyên đưa tay chỉ con đường trước mặt. Người đàn ông gật nhẹ đầu, anh ta dùng ngón tay đẩy chiếc nón cối màu xanh lên khỏi mí mắt như thể để nhìn con đường cho rõ hơn rồi nói:

- Có, tôi biết con đường này. Nhưng tôi đã đi suốt đến một ngả tư và rồi tôi bị lạc, không định hướng được con đường nào mới dẫn ra bãi cát.
- Ông cứ rẽ bên phải, con đường chạy trước mặt hai dãy nhà tôn nằm ngang. Ông vòng ra phía sau rồi thẳng đến bãi cát, ở đó có một công trường đang làm việc. Ông có nghe thấy tiếng máy nổ không?

Người đàn ông làm như vừa chú ý đến điều đó, anh ta nghiêng đầu lắng nghe và nói:

- Tôi lại không nghe thấy tiếng máy nổ. Nếu nghe thấy tôi đã nhắm hướng đó để đi tới. Có lẽ nó ở xa lắm trong bãi cát.
- Tôi cũng chưa bao giờ tới đó nên không biết trả lời ông thế nào.
- Điều này không hề gì, tôi nhắm hướng có tiếng máy nổ đi mãi, thế nào rồi cũng tới được.

Người đàn ông lại đưa tay kéo chiếc nón cối màu xanh xuống như một thói quen, hoặc anh ta làm cử chỉ đó như thay thế cho lới chào. Xuyên nhìn ông ta mỉm cười nói:

- Chiếc nón của ông đã sụp tới mí mắt rồi, coi chừng ông không còn nhìn thấy đường để đi đấy.
- Không sao, tôi còn nhìn rõ mà.
- Vậy ông nhìn thấy tôi thế nào?
- Cô đẹp như một đóa hoa rừng.

Anh ta vội móc trong túi áo rộng của mình ra một bông hoa màu hồng, xoay cuốn hoa còn dính mấy chiếc lá xanh trong mấy ngón tay, giọng ân cần:

- Tôi hái nó từ cánh rừng trên cao nguyên nơi chỗ cũ tôi làm việc trước lúc lên xe về đây. Tôi tặng cô để tưởng nhớ…

Xuyên định từ chối nhưng người đàn ông đã nhanh nhẹn dúi bông hoa vào tay nàng và quay bước. Xuyên cầm bông hoa thẫn thờ một lúc rồi sực nhớ, nói vội theo người đàn ông:

- Kìa ông…lúc nãy ông nói để tưởng nhớ…nhưng tưởng nhớ điều gì?

Ông ta dừng lại nói:

- Không hề chi, cô cứ nghĩ sẽ biết. Bây giờ tôi bận lắm không thể giải thích đâu.

Người đàn ông giơ một tay ra hiệu chào Xuyên. Cô xoay bông hoa trước mũi, gật nhẹ đầu và mỉm cười. Chờ cho người đàn ông đi khuất trên con đường, Xuyên cài bông hoa vào khuy áo trước ngực đến ngồi ở chiếc băng đá sau một bụi cây ở góc sân. Bụi cây có những dây nho dại thòng xuống lơ lửng với những chùm hoa màu tím sẫm. Xuyên cứ ngồi như thế và chờ cho buổi chiều tắt hết nắng không biết để làm gì. Xuyên thấy mình dửng dưng đến độ xa lạ với cảnh vật chung quanh.

Trên con đường vật vạ nắng, một chiếc xe công nông chở đầy đá xanh lạch bạch chạy tới, bỏ lại phía sau những vạt khói và bụi. Người đàn ông lái xe ngồi ngất ngưởng, lắc lư như một hình nhân không cảm giác. Xuyên nhìn cho chiếc xe ì ạch chạy qua rồi cười nhỏ mấy tiếng rồi ngả lưng dựa vào thành băng đá nhắm mắt. Một lúc sau Xuyên mở mắt ra, cô thấy chung quanh mình tối sẫm, nhìn vào trong nhà Xuyên nhìn thấy Tuy đang ngồi bật động trên bậc thềm. Xuyên lên giọng gọi "Anh Tuy, anh Tuy…" Người thanh niên xuay lại thế ngồi rồi ngước nhìn Xuyên mỉm cười. Nhưng nụ cười của anh ta bị nhòa vào bóng tối.

Xuyên đứng lên đi về phía Tuy, cô ngồi xuống cạnh anh và hỏi:

- Anh Tuy, anh có nghe thấy gì không?

Tuy lắc đầu. Xuyên cười cười:

- Hình như anh đang mơ ngủ?
- Đúng hơn là anh đang buồn ngủ, buổi chiều ở đây có âm thanh như tiếng ru.
- Em lại không nghe điều này.
- Chỉ có anh nghe thôi, một mình anh, chỉ duy nhất một mình anh.
- Còn em ở đâu? Làm như em không có mặt trong buổi chiều này chắc?
- Ai biết. Nhưng anh nghĩ em đang ở một nơi nào khác.

Xuyên gật đầu, giọng cô nghe thật buồn:

- Hình như vậy, em đang ở một nơi rất khác xa anh.
- Em giận anh ư? Anh đang buồn lắm.
- Anh mà cũng biết buồn nữa sao?

Tuy đưa hai tay lên trời:

- Buồn chứ, ai mà không có lúc buồn.
- Vâng, em cũng đang buồn. Anh có nghe thấy tiếng động cơ ầm ầm từ bãi cát vọng về đây không?
- Không, anh không nghe thấy gì hết.

Xuyên nghiêng đầu lắng nghe, cô mỉm cười xác nhận:

- Lạ thật, giờ thì em cũng không còn nghe thấy gì hết. Chắc công trường nghỉ rồi. Em đố anh cánh thợ đã lên hết trên đồi chưa?
- Có lẽ...ừ, mà hình như chưa.
- Anh cứ nhát gừng hoài.
- Em thì nghĩ sao?
- Họ đã lên hết rồi, họ đang ăn cơm, có người đang uống cà phê và có nhóm thợ đang đánh bi da.

Tuy ôm ngang lưng Xuyên, bàn tay anh xoa đều lưng cô. Xuyên cong lưng kêu ứ ứ trong miệng như con mèo con nũng nịu, đầu Xuyên cúi thấp đụng khuỷu tay của Tuy. Xuyên hất mái tóc qua một bên.

Tuy kêu lên:

- Tóc em đâm vào mắt anh.
- Có đau không?-Xuyên cười khúc khích.
- Đau đau.
- Đau đau là thế nào? Là đau chút xíu thôi phải không?

Tuy ừ ừ trong miệng, tay anh tiếp tục vuốt ve vai Xuyên. Nhưng Xuyên không đón nhận cử chỉ âu yếm này của người đàn ông mà cô né tránh nó khiến bàn tay của Tuy rơi vào khoảng không. Tuy bực mình nói:

- Mình đi đạo một vòng chơi đi em.
- Đi đâu?
- Đi đến bao giờ em mỏi chân.
- Còn lâu em mới mỏi chân. Em muốn đi vào trong bãi cát một lần cho biết trong đó có gì, hồi nào tới giờ em chưa tới đó.
- Trong đó có gì lạ mà xem?
- Em nghĩ những người thợ xây dựng của công trường làm việc chắc vui lắm, trong bãi cát chắc gió thổi mạnh và lạnh vào buổi tối thế này. Thật thú vị khi em nghĩ mình đang chạy chơi trên bãi cát cùng với bóng tối ập xuống. Anh có thấy ý nghĩ của em kỳ cục không?

Tuy vân vê cằm, một tay anh chống nạnh. Phía trước mặt hai người là cánh đồng chìm dần vào bóng tối với màu rạ khô lờ mờ, màu đất mốc trắng đang xám lại cùng bóng tối. Tuy đáp một cách miễn cưỡng:

- Ừ, ý nghĩ của em kỳ cục đấy.
- Kỳ cục nhưng thật thú vị. Đúng không anh?

Nói xong Xuyên cười khúc khích.Tuy dùng mủi giày đá một hòn sỏi lăn long lóc trên sân. Tuy nhìn chăm chăm gương mặt Xuyên nói:

- Em vào nhà thay quần áo đi, chúng ta bắt đầu không nhìn rõ mặt nhau rồi đó. Anh không muốn thấy em mất hút trong bóng tối khi ta vào bãi cát. Đó là một điều rất đau khổ mà anh sẽ không chịu nổi.
- Sao hôm nay anh có vẻ bực bội thế?
- Đã bảo anh đang rất buồn.

Xuyên ừ nhỏ trong miệng, chính cô cũng không nghe thấy âm thanh này, hình như nó bị chặn lại ngang cổ. Xuyên quay vào nhà. Ánh đèn bật sáng lên phía cửa kính. Tuy nhìn thấy Xuyên loay quay với những đông tác như một người đang diễn kịch câm. Anh ho nhẹ mấy tiếng, đi đi lại lại vẻ sốt ruột, thỉnh thoảng dừng lại nhìn chăm chăm vào cửa kính. Một lúc sau những cử động của Xuyên không còn nữa, cái bóng của cô cũng mất hút sau cửa kính. Đúng lúc đó Tuy nghe có tiếng gà gáy, tiếng gà gáy bất ngờ trong buổi chiều tối nghe thật buồn rầu và mơ hồ. Ánh đèn vụt tắt sau cửa kính, Xuyên bước ra và khóa trái cửa lại.

Lúc này Xuyên gọn gàng trong chiếc áo pull tay ngắn màu trắng, quần Jeans xanh xăn lai lên khỏi mắt cá chân. Xuyên khỏe mạnh và đẹp rực rỡ khiến Tuy không kềm lòng phải vòng ra sau ôm eo cô rồi đặt lên chiếc gáy trắng hồng của Xuyên một nụ hôn. Anh thoảng nghe mùi thơm da thịt Xuyên, trên mái tóc cô, nhưng không phải mùi của nước hoa.

Tuy hít mũi nói:

- Chà, em thơm quá, mùi ngọt như là nho ấy.
- Nịnh hả?

Tuy cười, choàng tay qua vai Xuyên siết mạnh. Xuyên kêu:

- Ơ kìa, người ta nhìn thấy thì mắc cở chết.
- Không có ai đâu, chỉ có anh và em và buổi chiều tối mênh mông thôi.
- Em lại nghĩ có một người thứ ba nào đó đang nhìn mình.
- Kệ họ, bộ lạ lắm sao, dễ thường họ không thấy người ta hôn nhau, âu yếm nhau chắc?

Tuy nắm tay Xuyên kéo cô đi, khoảng sân cát dưới chân bây giờ thấp thoáng như một vũng nước đọng. Tuy móc thuốc ra châm hút. Xuyên khịt mũi kêu:

- Anh hút thuốc làm em khó chịu quá.
- Dễ thường em không ngửi mùi khói thuốc bao giờ sao?
- Lần đầu tiên, với anh đấy.

Tuy huýt sáo miệng. Hai người lầm lủi đi trong bóng tối chập choạng. Thỉnh thoảng điếu thuốc trên miệng Tuy đỏ lên. Gió bây giờ thổi rất mạnh, cái lạnh ngấm vào da thịt Xuyên và cô vội ôm lấy ngực.

TỪ KẾ TƯỜNG



thơ

HỒ GƯƠM XANH

Sóng ở đâu xanh?
Gió ở đâu xanh?
Mà Hồ thiêng long lanh huyền thoại
Rùa thần đòi gươm- giữ lành linh khí
Kẻ sĩ ngàn đời Viết lên trời xanh
Câu thơ xanh
Nốt nhạc xanh
Sắc cọ xanh
Hồn ta xanh Tự do- Hòa bình- Bác ái
Hát vang lên Hồ Gươm xanh
Đất trời- Con người hòa nhập
Vui sống ngàn năm thanh bình âu ca.

Hồ Gươm Xuân 2006
(Thi tập Luân hồi- Đồng vọng của Mai Thục)

MAI THỤC



truyện lịch sử

NGỌN LỬA LÀNG CHUỒN

TIẾN THẢO

An Truyền là một ngôi làng nhỏ, xinh xinh, như chiếc thuyền nổi bềnh bồng giữa một miền đầm phá. Quanh năm, vây giăng tứ phía: lưới, sáo, nò; lô nhô những cọc tre, trông giống như cọc trên sông Bạch Đằng thời chống quân Nam Hán, quân Nguyên, giữa tiếng đập cánh của bầy chim cò, chim vạc.

Mặc dầu, làng đã trải qua mấy trăm năm, kể từ thời các Chúa Nguyễn vào cai quản đất Thuận Hóa, nhưng cái mùi phù sa ngai ngái pha một chút biển mặn và cái màu xanh của rong rêu, cây năn, cây lác, cây bần mọc lan trên mặt nước từng đám, vẫn không thay đổi.

Miền đầm phá này rất nhiều tôm cá và các loại sản vật biển khác. Có người kể rằng, khi mới lập làng, gặp ngày nắng ấm cá chuồn đùa giỡn, đua nhau bay lên khỏi mặt nước. Màu cá lấp lánh dưới ánh mặt trời như sao sa. Và có những đêm, khi thấy ánh đèn, cá đã bay vào đầy lòng thuyền, ngư dân chỉ biết thu gom chở về, khỏi phải mất công đánh bắt.

Những năm được mùa cá chuồn, dân buôn gồng gánh về đây mua cá, tấp nập. Không biết có phải từ đó mà láng An Truyền cũng có tên là làng Chuồn, một cái tên dân dã mang tính chất làng nghề. Cái tên ấy đã in đậm vào tình cảm của dân làng.

Làng vẫn nghèo ! Cái nghèo đeo đẳng từ thế hệ này qua thế hệ khác. Một phần vì bão lụt, một phần vì sưu cao thuế nặng, vì chiến tranh tàn phá. Cái câu ca dao ở đâu đó, như thể đã vận vào đây: "Giáp đông là giáp đông còi - Con đam, con ốc mà coi bằng vàng".

Làng có mấy thôn với nhiều xóm nhà nằm cách nhau một con hói nhỏ, kéo dài từ chiếc cầu ván đầu làng chạy dọc theo đôi bờ cho đến đồng Miều là nơi thờ các vị thần thành hoàng, mong cầu trừ ma, đuổi quỷ để dân làng được yên bình, sinh sống. Giữa làng nổi lên những công trình cổ kính mái ngói rêu xanh, rồng phụng bay lên giữa không gian cây cao, bóng cả, thâm u. Đó là khu vực đình làng, các nhà thờ họ Hồ, họ Nguyễn, họ Đoàn... Các họ đã có công khai phá, lập làng thuở ban đầu .

Sân đình rất rộng rãi, thoáng mát; là nơi thường diễn ra các lễ hội trong năm. Những buổi trưa hè nóng nực dân làng cũng thích ra ngồi ở đây để hóng mát, chuyện trò hoặc đánh cờ, uống nước.

Ở phía xóm thượng, cách đường cái một khoảng có một ngôi nhà tranh, vách đất, trông có vẻ lụp sụp, nằm giữa một khu vườn tương đối rộng trồng nhiều loại cây ăn trái và nhiều thứ hoa màu khác, trước cổng có một cây đào trồng đã lâu năm, đến mùa trái chín đỏ, nhiều lúc rụng đầy mặt đất. Bọn trẻ con thường đến đây hái lượm. Chúng gọi đây là vườn đào. Hai chữ vườn đào như đã vận vào ngôi nhà này, gợi nhớ chuyện các anh hùng hảo hán kết nghĩa vườn đào trong chuyện cũ.

Cụ cả Đoàn có ba người con trai khôi ngô tuấn tú. Có lẽ, do mang dòng máu khí tiết của cụ nên đứa nào khi lớn cũng thẳng tính. Đoàn Trưng anh cả, thâm trầm điềm đạm hơn cả. Đoàn Hữu Ái hay bệnh vực người yếu thế. Có lần đi đường thấy chuyện bất bình, Ái đã ra tay nghĩa hiệp, suýt vạ lây vì chuyện đánh người trọng thương. Còn Đoàn Trực, em út thì tính tình ngang tàng, không chịu thua ai điều gì.

Tuy tính nết có khác nhau nhưng cả ba anh em đều mang những hoài bảo lớn. Trong lòng, ai cũng như đang có ngọn lửa nung nấu tâm can trước vận nhà, vận nước. Dân làng gọi bằng những

cái tên rất thân thương như Cử Trưng, Cử Trực hoặc Tư Trực, Tương Trực... Như vừa để biểu lộ tình cảm gần gũi mà cũng như vừa để tôn vinh, khen ngợi đối với sức học của cả mấy anh em.

Sinh ra và lớn lên ở đất làng nên cả ba người đều giữ nếp sống của làng quê. Hằng ngày, hoặc giúp cha trong việc đồng án với mấy sào ruộng nếp, ruộng tẻ ở đầu xóm, hoặc giăng lưới, chắn sáo, đổ nò nhưng đêm đêm vẫn chăm chỉ học hành.

Lúc ba anh em còn nhỏ, cha rước thầy về nhà. Thầy là một cụ đồ Nghệ, nổi tiếng hay chữ. Người ta đồn rằng, cụ đỗ đạt cao, ra làm quan một thời gian ngắn rồi từ quan vì không chịu nổi sự quỵ lụy chốn quan trường cũng như các tệ nạn quan liêu, tham ô, lãng phí xảy ra khắp nơi từ triều đình đến làng xã. Cụ từ giã vợ con, vào đây dạy học trò của mình cái tinh thần ái quốc, ái quần, nhất thiết không làm điều gì phạm đến dân, đến nước, dù cái hại ấy rất nhỏ như chỉ lấy cắp một đồng xu trong ngân quỹ Nhà nước hay một đấu lúa, đấu gạo trong kho lẫm.

Khi lớn lên, sức học ai nấy đã khá. Mặc dầu cuộc sống gia đình rất túng thiếu nhưng cụ cả Đoàn vẫn thắt lưng buộc bụng, gởi ba con lên kinh thành thụ giáo với thầy Tùng Thiện Vương, một hoàng tử văn hay chữ tốt, nổi tiếng khắp nước được vua Tự Đức sánh với thơ thời Thịnh Đường.

Đoàn Trưng, Đoàn Trực học hành sáng láng đều trở thành ông cử. Đoàn Hữu Ái, khéo tay hơn nên viết chữa rất đẹp. Thấm thoát, cả ba anh em không những kinh sử thuộc lòng, thơ phú giỏi giang mà cả võ nghệ cũng không phải là hạng vừa. Dân làng thường lui tới xin chữ trong các dịp lễ tết. Bà con quanh vùng ai cũng quý mến, nể nang.

Cuối khu vườn của bác cả Đoàn tiếp giáp với đầm nước. Ở đó, ba anh em dựng lên một cái chòi để ngồi rớ cá, nhưng đồng thời cũng để ngắm trăng, uống rượu, ngâm thơ, đàn đúùm với bạn bè, với tao nhân mặc khách tứ phương. Dần dà nơi đây trở thành hội quán của " Đông sơn thi tửu" mà đứng đầu gồm ba anh em họ Đoàn cùng với mấy người bạn là Trương Trọng Hòa, Phạm Lương. Tất cả thương nhau như anh em đồng đảng.

Đã mấy hôm rồi, Trương Trọng Hòa, Phạm Lương cùng một vài anh em khác ghé chơi. Không khí của hội quán lại bừng lên tình bằng hữu cùng thơ với rượu. Khách và chủ rất đồng điệu. Họ tự tay làm lấy những món ăn từ các sản vật của địa phương như tôm, cá, cua, ốc. Rau cỏ, bầu bí thì đã có sẵn ở trong vườn. Đặc biệt nhất là rượu làng Chuồn, một thứ rượu được nấu từ nếp hương trồng tại đây. Rượu này đã nổi tiếng khắp vùng từ lâu.

Trăng lên đã quá ngọn tre. Gió đầm phá thổi vào mát rượi. Tiếng ếch nhái, tiếng côn trùng, tiếng cá quẫy cùng với tiếng sóng vỗ bờ rì rào tạo nên khúc nhạc đồng quê hòa với tiếng nói cười thân thiết của bằng hữu, phá tan đi sự yên tĩnh, trầm lắng của khu vườn nơi thôn dã.

Rượu cứ như nước rót tràn. Đoàn Trưng nâng chén mời mọi người rồi uống ực một cái trông rất sảng khoái. Ông đặt chén xuống và ngâm bài "Dạ ẩm" của Nguyễn Cư Trinh :

"Tỉnh nhân sao khổ một mình ngâm

Lưu bạn bóng kề rót rượu tăm

Tay đuốc nghỉ bù ngày ngắn ngủi

Chén tình nào sá nỗi canh thân"...

Tiếng ngâm vừa dứt, ai nấy đều ồ lên một tiếng và khen hay quá ! Rượu lại được rót ra, lại tiếp tục nâng chén.

Trương Trọng Hòa ngồi bên cạnh, hiểu được mối thâm tình của bạn cũng như tâm sự của một con người đang đứng trước vận nước điêu linh, trước một triều đại mới hơn sáu mươi năm đã có nhiều biểu hiện bất lực trong việc quản lý đất nước, nên cần phải có sự thay đổi. Ông cất cao tiếng ngâm bài "Độc thi" của Cao Bá Quát, một bài thơ ông rất tâm đắc, đã tự chép vào sổ tay của mình.

"Trời cao đêm mịt mờ

Dưới có người không ngủ

Trên có vì sao muốn rơi

Loại cây Bồ kết thì tốt um

Cây lan đơn độc không ai biết…"

Ngâm xong, ông như muốn nói thêm: Cái sở học của Cao Bá Quát uyên thâm, văn chương của ông khí phách, nghĩa lý muôn trùng, lan tỏa ảnh hưởng đến cả thế hệ đương thời.

Hơn nữa, cuộc khởi nghĩa của Cao Bá Quát ở Sơn Tây cùng với cái chết bi tráng của ông vẫn đang còn làm xúc động lòng người khắp nước.

Nghe Hòa ngâm thơ của Cao Bá Quát, Phạm Lương cũng ngâm nối tiếp mấy câu của họ Cao với cái cảm hứng của người trai trẻ từ lâu bị gông cùm, nay mới được thoát vòng lao lý tù ngục, bước đi trên nẻo đường vạn dặm với bao ý chí mạnh mẽ:

"Bể Đà Nẵng xa trông về phía đông

Đảo cồn muôn lớp đường đi nghìn trùng

Mây khói kinh thành, ban trưa thường nằm mộng

Việc cầm kiếm ở bên trời chính là lúc trai tráng này…"

Tiếng ngâm sang sảng, câu thơ cuối đầy khí phách và khát vọng làm cho mọi người như muốn bật dậy để cùng lên đường với nhà thơ họ Cao.

Trong không khí hứng khởi, rượu lại tiếp tục rót ra, thơ lại cứ ngâm tràn giữa trăng sao, sóng nước của miền đầm phá trải dài, lấp lánh như dát bạc.

Đêm đã về khuya. Có vài tiếng gà cất lên cuối xóm. Bên ngọn đèn dầu hỏa leo lét, ba anh em họ Đoàn cùng Trương Hòa và Phạm Lương vẫn còn thức. Thỉnh thoảng, con gió lạnh ùa vào. Họ ngồi sát vào nhau như thể tìm chút hơi ấm.

Đoàn Trưng ngồi ở mép ngoài, đôi tay vân vê điếu thuốc châm lửa hút một hơi, rồi chậm rãi nói với anh em:

- Tình hình đất nước có vẻ khó khăn lắm. Trong Nam, bọn Pháp chiếm xong ba tỉnh miền Đông lại dòm ngó ba tỉnh phía Tây, thế nào rồi cả lục tỉnh cũng rơi vào tay giặc Pháp. Vua quan ta đã tỏ ra bất lực trước sự tấn công của Pháp. Trong lúc đó, nhân dân lại tỏ ra rất ngoan cường. Như khi Hoàng Thượng cùng Triều đình ra lệnh cho Nam bộ đình chiến, đức Trương Định về Phú Yên, dân ta không đồng tình lại tôn Trương Định làm Bình tây Đại nguyên soái để lập căn cứ chống Pháp. Ngoài Bắc cũng nhiều đám phù Lê nổi lên. Tệ nhất là bọn giặc khách ở bên kia biên giới tràn qua. Bọn chúng đến đâu cũng giết chóc, vơ vét thóc, gạo, lợn, gà… Khiến dân chúng rất khổ sở.

Đoàn Trực nghe anh nói, lòng như lửa đốt thét lên :

- Thật là khốn kiếp, phải quét sạch bọn chúng ra khỏi đất nước.

Trương Trọng Hòa cũng tức giận, nói xen vào :

- Những điều các bạn nói, ghe thật đau lòng. Nhưng có một điều đau lòng hơn là đất nước đang ngửa nghiêng mà không thấy Triều đình có kế sách gì mới. Hơn nữa, một số quan lại lợi dụng tình hình, đục nước béo cò, chẳng nghĩ đến dân đến nước.

Đoàn Hữu Ái, ngồi bên cạnh cũng dằng từng tiếng một:

- Ờ ! ờ ! ngay cả cái việc Hoàng Thượng cho sửa chữa cung điện, xây dựng lăng tẩm, tốn kém biết bao của cải và sức lực của nhân dân. Đáng lẽ ra lúc này phải tập trung tiền bạc để mua thêm vũ khí, rèn luyện quân sĩ để đánh giặc giữ nước thì lại làm những việc rất hoang phí, xét ra chưa cần thiết phải làm trong lúc này.

Có người ngủ bên cạnh trở mình. Chiếc sạp tre kêu răng rắc. Thỉnh thoảng, thuốc lại được đốt lên ánh lửa lập lòe trong đêm. Mấy anh em chí cốt vẫn còn thức, nói hết chuyện này đến chuyện khác. Trước bóng tối của lịch sử, đâu là lối ra ? Tuy nhiên có một điều ai cũng thấy là cần phải đổi mới nhanh chóng về cả tư tưởng lẫn hành động.

Sau đêm hội ngộ đầy tri âm, tri kỷ, Đoàn Hữu Ái xuống tóc, mặc áo cà sa, ông ta lánh vào nhà

một người bạn học ở phía chân núi thuộc thôn Ngũ Tây làng An Cựu. Vào một buổi chiều, đầu đội nón lá, vai mang đẩy vải, ông chậm rãi đi về phía đồi Dương Xuân, tìm đến chùa Long Quang.

Con đường mòn trơ sỏi đá chạy ngoằn ngoèo giữa rừng thông xanh. Hoa lá hai bên đường toả một mùi hương dịu nhẹ. Lòng ông bồn chồn với nhiều lo lắng. Từ lâu ông đã nghe tiếng sư trụ trì của chùa Long Quang là một người đức độ sâu dày, kiến thức uyên bác, biết nhìn xa trông rộng, tín đồ đông đảo, có uy tín khắp vùng.

Đoàn Hữu Ái tự xét mình là một học tăng bất đắc dĩ, kinh điển nhà Phật chỉ mới biết qua loa, đại khái, thì làm sao có thể mạn đàm và thuyết phục sư cụ được.

Ông vừa đi, vừa nghĩ miên man nên con đường cũng dường như ngắn lại. Ngôi chùa Long Quang đã hiện ra trước mặt.

Ngôi chùa nay tuy không đồ sộ như nhiều ngôi chùa khác ở đất Thần kinh nhưng trông có nét cổ kính. Chùa nằm sát chân đồi, bốn phía đều tiếp giáp với những rừng thông xanh um. Khoảng sân trước rất rộng, có hai cây tùng trồng đã lâu năm. Trên lối đi vào, đặt nhiều chậu sành sứ, mỗi cây mỗi vẻ, trông rất đẹp mắt. Mùi ngọc lan, mùa hoa ngâu tỏa hương dịu nhẹ, không khí nhà chùa thật là yên tĩnh, đạo vị.

Đoàn Hữu Ái dừng lại trước bậc cấp, ngước lên định cất tiếng gọi thì đã thấy có người từ phía trong đi ra. Chú tiểu vừa đẩy cánh cổng, vừa lễ phép hỏi :

- Thưa thầy, thầy hỏi ai ?

- Tôi muốn hỏi sư trụ trì. Sư có ở nhà không ?

- Dạ có, nhưng các sư đang ngồi thiền. Khoảng mười lăm phút nữa, các sư mới xả thiền.

Chú tiểu mời khách vào phòng đợi, cung kính rót nước mời, rồi nhỏ nhẹ nói :

- Xin thầy vui lòng đợi chốc lát, sư trụ trì sẽ ra. Chú tiểu vái khách một vái rồi bước lùi vào phía sau.

Đoàn Hữu Ái đã có dịp vãng cảnh chùa nhiều lần nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên được ngồi giữa một căn phòng với không khí trang nghiêm, thanh tịnh, lòng bổng nhiên thấy nhẹ nhàng, thanh thản, quên bớt sự trầm cấu ở đời.

Ông ngước mắt nhìn quanh một vòng. Trên bàn, một chiếc bình cổ cắm mấy cành địa lan màu trắng điểm nhụy hồng. Trên vách treo những bức phù điêu thể hiện sự tu chứng của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Riêng những bức thư pháp mang lời Phật dạy, chữ Hán có, chưa Nôm có, các nét chữ thanh thoát, điêu luyện. Câu nào ý nghĩa cũng sâu xa, khuyên con người ăn ở hiền lành, nuôi dưỡng tâm ý thanh tịnh, cứu người giúp đời.

Đoàn Hữu Ái vừa nâng chén trà lên chưa kịp uống thì thấy phía hậu liêu sư trụ trì đang chậm rải bước tới. Ông vội đặt chén xuống, đứng dậy chắp tay vái chào. Sư trụ trì chào lại rồi bước tới ngồi xuống ghế đối diện với khuôn mặt từ ái, thân thiện.

Mở đầu câu chuyện, Đoàn Hữu Ái lễ phép thưa :

- Bạch sư trụ trì ! Con là Đoàn Hữu Ái, đến xin vấn an Ngài, sau mong được chỉ giáo.

Sư trụ trì rót thêm nước vào tách cho khách rồi nói :

- Trước đây, khi tôi mới bắt đầu học Phật cũng vất vả lắm, phải trãi qua nhiều chùa, nhiều thầy mới có chút kết quả tu hành nhhư ngày hôm nay. Tôi thấy ý chí mạnh mẽ, lòng quyết tâm cao là điều kiện tiên quyết của người xuất gia. Có nhiều người đã nguyện xuất gia, rồi lại bỏ tu giữa chừng, chắc là vì thiếu những yếu tố ấy. Lúc đầu, người tu cốt phải giữ được giới luật, biết trân quý đời sống thanh tịnh. Sau đó mới nói đến chuyện đem hết nguyện lực của mình để cứu người, giúp đời.

- Nhưng thưa thầy, tình hình đất nước như hiện nay chắc là khó tu lắm. Bởi vì, giặc Pháp càng ngày càng lấn tới, mọi người đều được vận động tham gia đánh giặc thì làm sao có thể giữ giới và làm sao có thể sống yên ổn, thanh tịnh được !

Nghe Đoàn Hữu Ái nói đến đó, sư trụ trì chợt nẩy ra nhiều ý nghĩ khác thường đối với vị khách mới gặp lần đầu. Nhà sư nói :

- Dù hoàn cảnh nào đi nữa thì ta vẫn có thể giữ cho tâm ta thanh tịnh được. Thanh tịnh có nghĩa là không vọng động trước tiền bạc, sắc dụ, danh lợi ... Còn đánh giặc giữ nước là trách nhiệm của mỗi người công dân trong đó có người Phật tử. Thời nhà Lý khi phải chống quân xâm lược nhà Tống, thời nhà Trần chống quân Nguyên Mông chúng ta thấy từ vua quan cho đến thứ dân đều ra trận cả, mà trong đó hầu hết là Phật tử. Như vậy, trong lúc đánh giặc vẫn tu được. Ta đánh giặc vì lòng thiện chứ không phải vì tâm ác.

Sư trụ trì chậm rải nói một hơi dài rồi ngước lên đưa tay chỉ vào ba chữ Bi Trí Dũng treo ở phía trên cao.

Đoàn Hữu Ái ngộ ra một điều là Phật giáo Việt Nam luôn luốn gắn bó với vận mệnh của dân tộc. Với tính tình bộc trực, với ý định của mình có trước khi đến tiếp xúc với nhà chùa, ông mạnh dạn nói :

- Bạch sư, con là Đoàn Hữu Ái, anh em với Đoàn Trưng, Đoàn Trực, người làng Chuồn tức là làng An Truyền. Ba anh em chúng con từ lâu chỉ biết cúi mặt xuống với ruộng đất, đầm phá để tìm miếng cơm manh áo, thật không mong gì hơn nữa.

Nhưng đã là người dân của một nước có truyền thống lịch sử, có bề dày văn hóa thì không thể làm ngơ trước việc Triều đình để một phần đất của Tổ quốc rơi vào tay giặc. Hôm nay con đến đây không ngoài mục đích cầu mong ngài chỉ cho một lối thoát trước đêm tối của lịch sử, đồng thời cũng xin ngài góp một tay với anh em con trong việc cứu nước, giúp dân. Nếu được như thế, chắc việc lớn sẽ thành.

Nói xong, Đoàn Hữu Ái đứng dậy chắp tay lạy ba lạy, đầu cúi xuống sát đất. Sư trụ trì rất cảm động, đưa tay nâng khách đứng lên, rồi nói một câu làm cho Đoàn Hữu Ái giật mình: "Từ nay, chúng ta sống chết với nhau".

Cả hai thầy trò nước mắt rưng rưng, siết tay nhau như hai người bạn thân từ lâu xa vắng nay mới gặp lại.

Bên ngoài, quan cảnh núi đồi thật là huyền ảo dưới ánh nắng le lói của buổi cuối chiều, khiến cho mỗi bước chân của người nặng lòng với đất nước như Đoàn Hữu Ái, có sức vang động thẳm sâu giữa cỏ cây hoa lá của chốn thiền môn.

Trong lúc Đoàn Hữu Ái được phân công đến gặp sư trụ trì chùa Long Quang thì Trương Trọng Hòa được giao nhiệm vụ tìm mọi cách để tiếp xúc và lôi kéo cho được Tôn Thất Cúc, đang giữ chức Thống chế quyền Chưởng hữu quân, một người có nhiều uy lực trong đội quân hộ thành.

Tôn Thất Cúc vốn là người của Hoàng tộc, rất được Hoàng Thượng tin cẩn nhưng vì tính tình quyết đoán, không chịu quỵ lụy nên nhiều vị đại thần không ưa tìm cách đàn hặc với Hoàng Thượng. Bởi vậy, Tôn Thất Cúc dần dần trở nên bất mãn.

Khu nhà của ông rộng rãi, sang trọng nằm ở phía Nam ngoại thành. Hàng ngày, chiếc cổng gỗ lớn thường đóng kín. Trong sân có một đàn chó rất dữ. Mỗi lần khách đến phải có gia nhân ra đón tận cổng

Rất may, khi Trương Trọng Hòa vừa đến thì chiếc xe kéo của quan Thống chế cũng vừa về. Hai người chào nhau rồi cùng tiến vào nhà.

Giữa phòng khách, Trương Trọng Hòa cẩn trọng mở đầu câu chuyện với ý định thăm dò:

- Thưa Thống chế, có lẽ tôi đã quá đường đột khi đến đây nhưng vì có chuyện riêng quan trọng, mong Ngài bỏ qua cho.

- Xin ông cứ tự nhiên, có chuyện gì thì ông cứ nói. Ngoài việc quân ra, chúng ta là bạn của nhau.

- Thưa Thống chế, từ khi Nam Kỳ rối ren, nhất là lúc ba tỉnh miền Đông bị rơi vào tay giặc Pháp tôi bỗng dưng bị chứng bệnh mất ngủ. Nghe người ta nói Ngài có người em bốc thuốc giỏi, mong

được giúp đỡ. Tôi không bao giờ quên ơn Ngài.

Nghe đến đó, Tôn Thất Cúc dường như đã nhận ra tâm ý của người đối diện. Ông không ngần ngại hỏi khách:

- Tay dơ lấy gì mà rửa?

- Dạ thưa, lấy nước mà rửa!

- Thế thì nước dơ lấy gì mà rửa?

- Ờ! Ờ! Trong lúc khách còn ngập ngừng suy nghĩ thì Tôn Thất Cúc nói luôn:

- Nước dơ lấy máu mà rửa! Còn cái bệnh mất ngủ của anh sẽ lành hẳn khi đuổi xong bọn cướp nước.

Nghe chủ nhà nói như vậy, Trương Trọng Hòa mạnh dạn đi thẳng vào vấn đề và tự giới thiệu.

- Tôi là Trương Trọng Hòa, nằm trong tổ chức "Đông Sơn Thi Tửu", kết nghĩa với ba anh em họ Đoàn, muốn Ngài giúp một tay trong việc chống giặc, giữ nước.

Tôn Thất Cúc ồ lên một tiếng rồi nói:

- Muốn chống giặc giữ nước, trước hết phải củng cố lại Triều đình. Chúng ta đang cần một Triều đình "Vua ra vua, tôi ra tôi". Hiện nay, có nhiều tay đại thần khuynh loát cả Hoàng Thượng. Bọn chúng đang lợi dụng tình hình rối ren ở trong Nam để vơ vét của cải, làm giàu cho cá nhân. Về phía Hoàng Thượng thì không tập trung sức người, sức của để đánh giặc lại bày ra chuyện sửa cung điện, xây lăng tẩm vô cùng hao tốn.

- Ngài thật là sáng suốt. Trương Trọng Hòa nói.

Tôn Thất Cúc cảm ơn lời đánh giá khen ngợi của khách rồi hỏi:

- Nhưng cụ thể là nhờ tôi chuyện gì?

- Dạ, khi dân chúng nổi dậy làm binh biến, xin Ngài hỗ trợ bằng cách cho lính mở cửa thành

- Được, tôi sẽ sắp đặt. Nhưng việc đại sự là việc hệ trọng, cần phải chu đáo và nghiêm mật.

Câu chuyện giữa hai người đã đề cập đến nhiều vấn đề. Chủ nhà giữ khách lại dùng cơm tối. Hai người tuy mới sơ ngộ nhưng đã tỏ ra gắn bó, vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ.

Trên đường về, bước dọc theo đường cái quan, Trương Trọng Hòa thấy lòng thư thái vì như đã gỡ được một mối quan trọng trong chuỗi công việc đầy cả cam go. Đêm đã gần khuya, trăng chênh chếch phía Ngự Bình. Mùi rong rêu dưới đáy sông thoảng lên trong gió. Ông chậm bước đi về phía Kim Long với ý định tìm đến một người cũng có vai trò quan trọng không kém vai trò của Tôn Thất Cúc.

Sau khi tiễn khách ra về, quan Thống chế nghĩ ngợi lan man. Ông lại dạo quanh sân một vòng. Không khí về đêm hơi ẩm ướt, khóm Mai Chiếu Thủy nở hoa trắng lấp lánh ánh đèn hắt ra từ hiên nhà với mùi hương dịu nhẹ. Ông nghĩ mình đã bao năm chỉ huy lính hộ thành, lại là người của Hoàng Tộc. Nếu mai này tham gia vào việc binh biến sẽ mang tiếng là bất trung. Việc thành bại chưa nói đến nhưng đã làm một bề tôi mà bất trung thì sẽ bị hoàng thân quốc thích nguyền rủa, chê cười. Nghĩ đến đó lòng ông như có lửa đốt. Ông ngồi xuống trên một phiến đá. Dòng nước trên hòn giả sơn đặt giữa hồ Kiên Trung chảy róc rách, gợi lại bao điều. Làm sao ông không phân vân trước một ý định không những tác động đến bản thân, gia đình ông mà còn liên quan tới cả số phận một dòng tộc.

Giữa đêm thanh vắng, một mình một bóng, ông cảm thấy cô đơn, lạnh lẽo với tâm trạng của kẻ đứng giữa ngã ba đường của lịch sử. Ôi! Phải chọn lựa thế nào đây?

***

Đoàn Thọ theo việc quân từ lúc vua Thiệu Trị lên ngôi được vài năm. Lúc đầu ông chỉ được giao một chức quan nhỏ là Hậu Bảo Hiệp Quản. Sau đó, trãi qua nhiều chức vụ khác nhau, thăng dần lên chức Trung Quân Đô Thống, Sung Phòng Hộ Sứ cửa biển Thuận An. Được vua Tự Đức quý

mến, tin cẩn, thấy có sức khỏe, lại là gốc con nhà tướng nên được cử làm Đô Thống phủ-Chưởng phủ sự, sung quản lính thị vệ đại thần, có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự của Hoàng Cung, nhất là công tác bảo vệ Tử Cấm Thành. Ông có tính thẳng thắn, bộc trực đôi lúc hay nóng nảy nên ít người ưa ông, thường tìm cách dèm pha, nói xấu ông với Mẫu Hậu.

Hiểu được vai trò quan trọng của Đoàn Thọ, Đoàn Trưng cố tìm cách lôi kéo ông ta, dẫu biết rằng việc ấy không phải là dễ. Nếu không chinh phục được Đoàn Thọ thì việc tiến quân vào Tử Cấm Thành để bắt vua Tự Đức sẽ không bao giờ thực hiện được, nhất là bên cạnh Đoàn Thọ lại có Hồ Uy, một tay nổi tiếng về võ nghệ, lại có kinh nghiệm trong việc hộ thành.

Trong những người đồng sự, Xuân Mai là người mà Đoàn Trưng nghĩ có thể tiếp xúc và thăm dò thái độ của Đoàn Thọ.

Xuân Mai là người yêu cũ của Đoàn Thọ khi hai người còn học ở trường huyện. Dù nay đã lớn tuổi nhưng nhan sắc vẫn còn, lại ăn nói có duyên, lịch thiệp, biết đâu nhờ những kỷ niệm cũ giữa hai người mà Xuân Mai có thể gần gũi được với Đoàn Thọ.

Mỗi ngày sau việc quân, Đoàn Thọ thường ghé Tây Linh quán để uống rượu. Khách ở đây rất đông, phần lớn là lính hộ thành.

Một buổi chiều, Xuân Mai vừa bước vào quán, kéo ghế ngồi thì thấy Đoàn Thọ đến. Ông tuy có đổi khác nhiều, tóc đã lốm đốm bạc nhưng sức vóc, phong độ vẫn như cũ. Xuân Mai vội vã ngước lên chào. Đoàn Thọ lúc đầu tỏ ra còn bỡ ngỡ nhưng thoáng chốc đã nhận ra người yêu cũ của mình. Đoàn Thọ lịch sự hỏi:

- Xin lỗi, có phải cô là Xuân Mai?

- Dạ, phải.

- Lúc đầu thật tình tôi không nhận ra! Ngày ấy đến nay đã mấy mươi năm, thời gian trôi qua nhanh quá!

- Đúng, thời gian như thế thật nhưng vóc dáng anh thì không bao giờ em quên được. Khuôn mặt anh có thay đổi chút ít thôi, em trông thấy là nhận ra anh liền.

Đoàn Thọ nghe Xuân Mai nói, vô cùng cảm động. Bao nhiêu chuyện cũ lại lóe lên khiến ông có vẻ hơi bối rối.

Đoàn Thọ kéo ghế ngồi xuống bên cạnh, gọi đồ ăn thức uống rồi mở đầu câu chuyện:

- Từ lâu, em thế nào? Chiều nay đi đâu mà ghé lại đây?

- Từ khi anh đi biệt tăm, em vẫn ở làng, lấy chồng chỉ được mấy năm rồi dang dở. Đến nay vẫn là người độc thân vui tính. Em có việc lên kinh tìm người bà con nhưng không gặp, định ghé lại uống nước, may quá lại gặp anh.

- Thật tình, nhìn kỹ lại em cũng chẳng thay đổi gì mấy! Khuôn mặt trái xoan vẫn như ngày nào. Đôi mắt bồ câu lúng liếng khiến anh say đắm vẫn như thuở mới lớn.

- Anh khen quá lời! Em nhà quê, nhà mùa, quanh năm suốt tháng lăn lộn với ruộng đất, khổ lắm. Hơn nữa, việc chồng con chẳng đến đâu nên nhiều lúc rất buồn tẻ, có muốn thăm anh cũng chẳng biết đường nào mà tìm!

Nghe Xuân Mai tâm sự, lòng ông rất áy náy, ông kéo ghế ngồi sát vào, cầm chén rượu lên uống, rồi nói:

- Anh thật là người có lỗi, dù sao anh cũng là người đã thề ước là sẽ cưới em nhưng rồi cuối cùng duyên lại không thành. Chắc là em giận anh lắm?

- Em là gì mà có quyền giận hờn. Bìm bìm đâu dễ leo nhà ngói. Anh bước vào đời đã là một ông quan của Triều đình, còn em chỉ là cô gái của xóm nghèo! Có điều những hình ảnh ngày đầu quen nhau thì không bao giờ em quên được. Chiếc lược mà anh mua cho em hồi ấy đến nay vẫn còn.

Nghe Xuân Mai nói, vừa trách cứ lại vừa bày tỏ sự tha thiết với mối tình đầu, Đoàn Thọ thật sự xúc động, bàng hoàng, không ngờ Xuân Mai lại còn thương mình đến thế! Ông lại có ý nghĩ mung

lung. Chắc là cô em biết mình hay đến uống rượu ở đây nên tìm cớ để đến gặp. Tội nghiệp thật!

Sau chiều gặp lại, thỉnh thoảng hai người lại hẹn hò nhau ở chỗ này hay chỗ khác, càng lúc càng gắn bó.

Một hôm, ngồi bên bến đá của dòng sông Kẻ Vạn, Xuân Mai tìm cách đi vào nội dung chính mà Đoàn Trưng đã dặn. Xuân Mai hỏi Đoàn Thọ:

- Hàng ngày chắc anh làm việc vất vả lắm?

- Phải. Kể từ khi có cái vụ Hồng Bảo muốn lật đổ nhà vua, Triều đình cũng như binh lính chia năm sẻ bảy, khó nói lắm. Mình buông lỏng thì không được mà siết chặt thì bị bọn chúng ghét, tìm cách phao tin thất thiệt, thậm chí nói xấu mình nơi này hoặc nơi khác.

- Thế thì Hoàng Thượng còn tin tưởng vào anh không?

- Thời gian gần đây, Hoàng Thượng đem lòng nghi hoặc nhiều người. Riêng anh thì vẫn còn được thương mến nhưng không bằng như trước. Có lẽ Hoàng Thượng tin vào Hồ Uy hơn.

- Đúng rồi, người ta đồn rằng Hồ Uy sẽ thay anh.

Đoàn Thọ nghe Xuân Mai nói như vậy, đôi mắt quắc lên có vẻ giận dữ, ông buột miệng trách móc đại thần xu nịnh thường nói xấu ông với Hoàng Thượng và ông cho rằng đôi lúc Hoàng Thượng cũng thiếu sáng suốt, thật đáng giận, Xuân Mai lại hỏi tiếp:

- Anh nghĩ gì về việc Triều đình để mất đất vào tay giặc Pháp? Liệu rồi có được yên ổn không anh? Nếu đất nước này bị rơi hoàn toàn vào tay giặc Pháp thì chắc dân tình phải khốn khổ lắm? Em nghĩ đến đó mà sợ!

- Em nói như vậy không có gì sai cả. Sau khi ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường mất, lòng dân uất hận và ly tán. Họ cho Triều đình ta quá yếu, quá nhu nhược, đã để cho bọn Pháp được đằng chân lân đằng đầu, chiếm phía Đông xong lại dòm ngó sang phía Tây. Trước sau gì thì Nam Bộ cũng mất, mà đâu chỉ mất chừng đó. Nếu Triều đình không thức thời thì một ngày nào đó, không xa Hoàng cung này cũng phải mất theo.

- Anh còn tin tưởng vào Hoàng Thượng không? Lỡ ra có sự biến một lần nữa thì anh xử trí thế nào?

Nghe Xuân Mai hỏi, Đoàn Thọ giật mình. Bởi vì đây cũng chính là những băn khoăn suy nghĩ mà thời gian gần đây cứ vướng vất trong tâm trí ông, làm cho nhiều đêm ông không ngủ được. Nhưng có điều "Ơn mưa móc" đối với ông quá nhiều. Ông nhớ lại nhà cửa, bổng lộc, ruộng vườn ông có được đều là do Hoàng Thượng ban cả. Nếu Hoàng Thượng không còn, liệu của cải kể cả thân mạng của ông có còn không? Bao nhiêu câu hỏi cứ xuất hiện trong đầu làm cho ông đôi lúc rất mệt trí. Ông cố giải thích với Xuân Mai:

- Hoàng Thượng từ khi nối nghiệp đến nay, ngày đêm chăm chỉ việc triều chính, không một chút xao lãng. Là người học rộng, biết nhiều, lại giỏi thơ phú nên được nhiều người quý trọng. Anh là bậc bề tôi nên luôn giữ tấm lòng trung.

Hoàng Thượng vốn bản thân ốm yếu từ nhỏ nên hay bị bệnh, lại không có con nối dõi nên ít khi được vui. Tình hình đất nước gần đây càng làm cho lòng của Hoàng Thượng rối bời, tâm trí chẳng được phút yên tĩnh. Chúng ta phải thông cảm cho một con người như Hoàng Thượng để ra sức bảo vệ. Anh chẳng để yên cho một tên nghịch tặc nào đụng đến uy danh và long thể của Hoàng Thượng.

Trời đã chập choạng tối, những cây đèn trên hoàng thành đã được lính canh đốt dần lên. Hai người chia tay rồi hẹn ngày gặp lại.

Xuân Mai đi về phía bến đò Trường Súng để gọi đò sang bên kia sông. Nhìn dòng Hương giữa đêm nổi sóng, nỗi lo lắng chợt hiện ra sau khi biết thái độ cứng rắn của Đoàn Thọ. Binh lính của ông ta rất tinh nhuệ, rất trung thành với Triều đình. Nếu ông không chịu tham gia thì thật là một trở ngại lớn, dễ dầu gì quân binh biến vào được Tử Cấm Thành.

Còn Hồ Uy là ai mà mới nghe danh nhiều người đã khiếp? Xuân Mai muốn gặp một lần để rõ

mặt anh hào. Biết đâu hắn lại giúp mình một việc gì đó.

Chẳng biết đây là lần thứ mấy Đoàn Thọ mời Xuân Mai đến Tây Linh quán. Trong lúc hai người vừa ăn vừa nói chuyện thì phía cửa có một người mặc võ phục bước vào. Đoàn Thọ trông thấy kéo ghế mời ngồi rồi giới thiệu với Xuân Mai:

- Đây là Chưởng vệ Hồ Uy, người cộng sự đắc lực của anh.

Xuân Mai cúi chào rồi nâng hủ rượu rót mời khách. Hồ Uy là một người vạm vỡ, khuôn mặt chữ điền, ria mép như rễ tre, mắt xếch, lông mày rậm. Đúng là vóc dáng của một võ tướng. Xuân Mai tìm cách gợi chuyện:

- Thưa quan Chưởng vệ, chắc là quan hay đến uống rượu ở đây?

- Vâng, tôi và quan Đô Thống những lúc rãnh rỗi cũng thường đến, nhất là vào buổi chiều sau giờ bãi việc. Đặc biệt ở đây bán rượu làng Chuồn ngon lắm. Người hầu kẻ hạ toàn là mỹ nhân, mười tám đối mươi. Hồ Uy nói đến đó rồi cười hề hề, tít mắt.

Đoàn Thọ nói chen vào như cố giải thích sự gắn bó giữa hai người:

- Anh và quan Chưởng vệ sống như hai anh em một nhà, giúp nhau nhiều việc lớn. Quan Chưởng vệ có công phá tan âm mưu binh biến trước đây nên được Hoàng Thượng tin tưởng.

Được Đoàn Thọ ca ngợi mình trước người đẹp, Hồ Uy càng phấn chấn. Ông bưng cả hủ rượu tu một hơi dài. Mặt ông ta đỏ lừ với giọng nói lè nhè. Bỗng nhiên ông cúi gục xuống bàn, cánh tay vung ra làm rơi cái bát xuống đất, kêu xoảng, vở tung tóe.

Xuân Mai thấy vậy nên muốn ra về. Đoàn Thọ uống cạn chén rồi cũng đứng dậy. Các phòng bên vang lên tiếng nói cười, tiếng chạm cốc, chúc tụng nhau thật là ầm ĩ.

Trên đường về nhà, Xuân Mai nhận ra tiếng Hồng Nhật, cũng là người của "Đông sơn thi tửu" đang ngập ngừng trước ngã ba đường. Hai người gặp nhau mừng rỡ, rồi cùng đi về hướng Vĩ Dạ, vừa đi vừa nói chuyện. Xuân Mai hỏi:

- Anh đi đâu về mà tối thế ?

- Anh đi đã mấy hôm rồi. Hôm trước anh ra tận làng Hiền Lương, hôm nay lại lên Phường Đúc,là hai nơi có nhiều thợ rèn và thợ đúc đồng giỏi. Sắp tới chúng ta cần rèn nhiều vũ khí. Anh đã tiếp xúc với họ, nhiều người có lòng tốt, sẵn sàng ủng hộ công việc của anh em mình. Anh đã đưa cho họ một ít tiền để mua sắt thép. Có thể họ vận động thêm cho mình. Đường xa, cách trở đò giang, nên vất vả lắm.

Xuân Mai nhìn thấy Hồng Nhật áo quần lôi thôi, lếch thếch, khuôn mặt hốc hác lấm lem bụi đường, trông thật tội nghiệp.

- Thế thì anh đã ăn tối chưa ?

- Cả ngày đường chưa được ăn gì cả. Toàn gặp người lạ nên mình cũng e dè, giữ kẻ. Hơn nữa, cũng không muốn làm phiền họ về chuyện ăn uống.

- Thế thì hai anh em ta tìm quán nào gần đây vào ăn tạm cái gì cho đỡ đói.

Nghe XuânMai nói, Hồng Nhật bàn vào :

- Thôi chúng ta cứ xuống Vĩ Dạ, ghé ông bạn thân rồi tính sau. Nếu thấy cần, ở lại đêm nay cũng được. Từ đây về đến An Truyền còn xa. Đêm nay dễ bị mưa, gió lại lạnh lắm. À ! à ! Còn em đi đâu về ?

- Em đến chỗ quan Đô Thống. Rất may là cũng được gặp quan Chưởng vệ ở đó.

- Thấy hai ông thế nào ? Liệu hai ông có giúp gì được chúng ta không ?

- Không. Mình đâu có dám đặt vấn đề trực tiếp với hai ông, chỉ nói chuyện loanh quanh, xa xa gần gần thôi . Tâm ý của hai ông là muốn bảo vệ Hoàng thượng và Triều đình đến cùng.

- Anh cũng có dự cảm trước. Việc móc nối hai ông là chuyện khó. Dù sao thì quyền lợi, chức

tước của hai ông cũng gắn về Triều đình này. Nhà cửa, ruộng vườn, bổng lộc đều do Triều đình ban phát cả. Dễ gì một sớm, một chiều mà người ta thay đổi thái độ, dù biết đó là việc phải làm.

- Nếu như vậy, thì tại sao Tôn Thất Cúc lại có ý ngầm giúp ta ?

- Tôn Thất Cúc so với hai ông này có nhiều điểm khác biệt là đang bị các quan đại thần nghi ngờ, ghét bỏ. Nên phẩn chí muốn chống lại.

- Còn binh lính nói chung thế nào?

- Binh lính hiện nay đời sống rất cực khổ nên lắm người bất mãn. Chúng ta cần có kế hoạch vận động thẳng vào họ. Nếu họ hiểu việc ta làm là chính đáng thì thế nào cũng có người giúp ta.

À, còn chuyện này nữa ! Em có biết Đoàn Hữu Ái đi gặp sư trụ trì chùa Long Quang kết quả thế nào không ? Hồng Nhật hỏi :

- Trụ trì chùa Long Quang là sư Nguyễn Văn Quí. Ông ta là bậc chân tu, rất có lòng với đất nước. Trước tình hình hiện nay, sư muốn có một sự thay đổi sâu sắc về phía Triều đình để có đủ sức mạnh mà chống thực dân Pháp xâm lược. Em nghe nói sư Quí và một số đệ tử thân cận sẵn sàng yểm trợ chúng ta khi cần thiết.

Nghe Xuân Mai nói, Hồng Nhật tiếp lời :

- Mừng ghê hí ! Đệ tử của mấy Sư đông lắm, có truyền thống gắn bó với dân tộc nên ghét tư tưởng vọng ngoại, nhất là rất ghét bọn nối giáo cho giặc.

Vừa đi vừa nói chuyện huyên thuyên cũng thấy vui vui, quên bớt đường dài. Hai người dừng lại bên này sông Như Ý. Giữa đêm khuya, những ánh đèn của làng chài ven sông lập lòe, lung linh sóng nước. Những hàng tre rủ bóng im lìm dưới sao trời. Gió từ phía Thuận An thổi lên càng lúc càng lạnh. Hai người lặng lẽ đợi đò qua sông với nỗi lòng bâng khuâng, lo lắng.

***

Mặc dầu rất bận công việc triều chính nhưng theo định lệ, hôm nay là ngày chăn, vua Tự Đức phải vào hầu mẹ.

Con đường dẫn từ Điện Cần Chánh đến Cung Gia Thọ, nơi Hoàng Thái Hậu ở đã được sửa sang lại còn nồng mùi vôi vữa. Những phiến đá thanh mài nhẵn, xanh bóng, những bức phù điêu sành sứ khảm trên vách nhà với những họa tiết hoa lá, chim cá, thú rừng lấp lánh dưới ánh nắng mai. Những cây tùng, cây bách cổ thụ nghiêng che mái ngói rêu phủ, tỏa hương dịu nhẹ theo làn gió thoảng làm cho nhà vua quên đi nỗi mệt nhọc sau một đêm thức khuya để phê tấu.

Nhà vua bước từng bước chậm rãi lên bậc thềm rồi tiến vào đứng trước mẹ. Trong giây lát tự sửa sang trang phục rồi quì xuống vấn an sức khoẻ, sau đó ngồi vào bàn để hầu chuyện mẹ.

Bà Từ Dũ gọi Thị nữ pha lại ấm trà, mang quả mứt hạt sen ra để tiếp Hoàng thượng. Hai mẹ con đang nói chuyện vui vẻ, bỗng bà nghiêm sắc mặt nhìn con, rồi nói:

- Hoàng thượng có biết muốn trị quốc an dân trước hết phải làm sáng cái đức của các bậc Tiên đế đã dạy. Cái đức đó không gì khác hơn là tình thương yêu con người và làm cho ai cũng phải biết tự giữ đúng cách đối xử của mình với kẻ khác cho phải đạo. Muốn được như vậy phải luôn luôn nghĩ đến việc xây dựng một nếp sống văn hóa cho mọi người, từ Triều đình đến thôn xóm.

Nghe mẹ nói với ý quở trách, nhà vua hơi bối rối nhưng cố lấy lại vẻ tự nhiên ban đầu, rồi nhỏ nhẹ thưa :

- Thưa mẹ, con hiểu. Nhưng con chưa biết chuyện gì mới xảy ra để mẹ phải phật ý, buồn lòng ?

- Vừa rồi, mẹ đến cung Thọ Ninh xem đoàn Thanh Bình hát vở "Đường Chinh Tây" lớp "Phan Lê Huê tru huynh sát phụ" tức là Phan Lê Huê giết anh, giết cha. Mẹ xem xong, rất buồn. Không biết có phải hết chuyện rồi sao người ta đem đi rêu rao cái việc giết anh, giết cha, chẳng còn gì là gia phong, đạo lý. Thật là sai trái.

Mẹ nghĩ, một con người tài năng như Phan Lê Huê lại không tìm ra một cách gì khác để thoát hiểm mà lại hành động như thế. Người viết chuyện đã không xiển dương đạo lý, người diễn tuồng cứ nhắm mắt làm theo.

Mà đâu chỉ có như thế ! Thời gian qua mẹ nghe nhiều chuyện loạn lắm. Nào là cờ bạc, rượu chè, xì ke ma tuý, nhà thổ, nào là thiếu niên hư hỏng lang thang móc túi, cướp của giết người, kịch nghệ thì bạo lực, đồ trụy. Phong hóa của một nước mà như thế thì con nghĩ thế nào?

Nghe mẹ nói đến đây, nhà vua giật mình. Không ngờ xã hội lại loạn lạc đến thế! Nhà vua lật đật quỳ xuống và thưa:

- Lạy mẹ, con đã nhận ra điều mẹ dạy. Con sẽ cho thu tuồng Phan Lê Huê để sửa lại và quyết tâm chấn chỉnh nền văn hóa.

Biết con hối lỗi về việc quản lý lỏng lẻo của mình, bà Từ Dũ đưa hai tay đỡ con dậy ngồi vào ghế. Hai mẹ con tiếp tục việc đam đạo từ việc nội cung cho đến việc dân chúng. Nhà vua vừa lắng nghe, vừa ghi chép những lời mẹ nói. Mới một thời gian ngắn mà tập "Từ Huấn Lục" đã dày lắm.

Gần giữa buổi, nhà vua trở ra Điện Cần Chánh mà trí óc vẫn cứ vướng vất những điều mẹ quở trách. Không ngờ mẹ ở một nơi mà lại biết nhiều chuyện từ Nam cho chí Bắc. Từ cái chuyện bọn Lã Thị móc ngoặc đến cả quan Thượng Thư coi về ruộng đất, bọn Bùi Việt lũng đoạn cả ngân sách ngoại viện, bọn bộ công thì đồ giả nói đồ thật, bọn lính trạm thì mua một tính mười. Tất cả bọn chúng chỉ mới năm nay đã làm thất thoát cả ngàn tỷ đồng. Đau hơn cả là ngay cả Bộ học cũng có kẻ mua quan bán tước, bằng giả tràn lan. Ôi! Quan lại bây giờ! Không biết rồi ra ta có giữ được sự nghiệp của các tiên đế ?

Vì quá bực bội trước hiện tình của đất nước, nhà vua muốn thiết triều ngay để hỏi cho ra mọi lẽ, nhưng làm sao có thể vượt qua định lệ được. Nhà vua bèn đứng dậy đi về hướng Cơ Mật Viện. Khi đến nơi, chẳng thấy một quan đại thần nào, nhà vua lại đi về hướng Tử Cấm Thành với tâm trạng cô đơn, buồn tẻ giữa một hoàng thành trầm mặc, rêu phủ.

Nhà vua cứ cách nhật lại vào hầu và đàm đạo chuyện dân, chuyện nước với mẹ. Nhưng thời gian gần đây, mỗi lần đàm đạo xong lòng nhà vua không được vui. Hoàng Thái Hậu đưa ra nhiều ý kiến muốn chấn chỉnh lại việc triều chính, khiến cho nhà vua phải suy nghĩ. Khi không ngủ được, nhà vua lại đốt đèn làm thơ, bình văn.

Đêm nay cũng vậy, chưa cuối thu nhưng gió heo mây thổi lạnh. Nhà vua với tay lấy chiếc áo lông thú khoác vào vai rồi tiếp tục sửa chữa, thêm ý cho bài thơ viết từ tháng trước nhưng vì bận công việc nên còn dỡ dang.

Thỉnh thoảng ông lại ngừng bút để ngâm ngợi các câu thơ mà ông thích: "...Đập vỡ kính ra tìm lấy bóng / Xếp tàn y lại để dành hơi / Mối tình muốn dứt càng thêm bận..."

Mấy câu thơ này không biết là tâm sự về một mối tình bị chia lìa, đau đớn hay tâm sự về một cuộc đời làm vua mà phải đối diện với nạn nước đang rối rắm như tơ vò, muốn dứt ra mà không dứt được ?

Nhiều lúc nhà vua cảm thấy mình không được hạnh phúc như các Tiên đế. Dù các Ngài phải đánh Nam dẹp Bắc nhưng bao giờ cũng được chủ động, cũng ở trên thế mạnh, yên tâm trước cơ đồ mà mình đang có. Còn thời buổi này là thời buổi nhiễu nhương, thù trong giặc ngoài nhất là trước sự gây hấn và xâm lược của thực dân Pháp với tàu to, súng lớn, binh lính tinh nhuệ. Chỉ với một trận đầu ở Đà Nẵng, ta đã phải hy sinh biết bao là tướng sĩ và của cải. Rồi lại thêm cái trận đồn Kỳ Hòa, Tán tướng quân vụ Nguyễn Duy và nhiều binh lính khác lại phải hy sinh!

Trong số các bài thơ khắc ở Điện Thái Hòa, có mấy bài viết về mùa thu, nhà vua rất thích nên đọc đi, đọc lại mãi. "Đêm thu nghe vắng lặng / Sương móc tạnh trời quang / Lãng đãng mây che khuất / Mây qua tỏ ánh trăng" hoặc bài : "Lung linh rũ trướng sa / Tiêu sái riêng thành nhà / Thú cao sĩ vốn thích / Thu muộn ngắm yên hà..."

Có phải nhà vua đang khát khao có một sự yên bình như mùa thu, hưởng cái thú của bậc cao sĩ giữa đất nước thái bình thịnh trị.

Nhà vua nghĩ sau này có kẻ cho ông là người khép kín, là người "bế quan tỏa cảng", là người cấm đạo, giết đạo. Chính sách của triều đại ông vẫn thông thoáng, vẫn giao hảo với các nước lân bang. Cụ thể là ông đã cử Nguyễn Tri Phương đi mua bán, trao đổi hàng hóa đến tận Nam Dương, Mã Lai và ngoài ra còn cử nhiều đoàn đi sứ Trung Quốc. Các khu phốù dành cho người nước ngoài buôn bán làm ăn có từ thời các Chúa như Hội An, Phố Hiến vẫn được duy trì tốt. Còn đối với bọn Tây Dương là bọn cướp nước thì không thể dễ dàng rước chúng vào được. Bọn này đâu chỉ dòm ngó Đại Nam ta, hiện đang nuốt dần hết cả Ấn Độ, Trung Quốc, Lào, Miên v,v... Còn riêng với bọn nối dáo cho giặc, bọn phá hoại văn hóa nước nhà thì phải nhất thiết chặn đứng, không thể để cho bọn chúng tự tung, tự tác được.

Chưa bao giờ như lúc này, nhà vua đang cần chiếc chìa khóa để mở ra cánh cửa ổn định, đem lại thái bình thịnh trị cho đất nước. Nhà vua nghĩ chiếc chìa khóa ấy đang nằm trong tay những người có đức, có tài. Bởi vậy, đã nhiều lần tự tay viết chiếu biểu kêu gọi thần dân ai có tài năng, phương cách gì cứ tự tiến lên vua,không nên che giấu. Nếu các ý kiến dâng lên mà thực hành có hiệu quả sẽ được ban thưởng và lưu ở đời. Mà thật vậy, để cụ thể hóa ý tưởng này, nhà vua đã đặt ra Nha Sĩ Khoa, Cát Sĩ Khoa để chọn người tài ra làm quan và thiết lập Tập Hiền Viện, Khai Kinh Diên để nhà vua cùng quần thần luận đàm về văn học và chính trị. Về bên võ nhà vua cũng cho mở khoa thi Võ Tiến sĩ, ai thi đậu cho khắc tên vào nhà Võ thánh.

Tuy nhiên, trong mấy đợt khảo thí vừa qua nhà vua cảm thấy buồn vì sĩ tử rất kém, phần nhiều đối đáp không xứng với đề ra. Nhà vua đã phải thốt lên: "Lòng của trẫm cầu kẻ sĩ khẩn thiết như thế mà kẻ sĩ ứng lời chiếu chỉ lại thưa thớt thế kia". Lỗi do thầy hay do trò ?

Mới tờ mờ sáng nhà vua đã thức dậy, dạo một vòng quanh sân rồi vào uống trà cố tìm một chút sảng khoái trước khi đến Điện Cần Chánh.

Buổi thiết triều hôm nay bao gồm cả các quan đai thầân trong Cơ Mật Viện, các quan Thượng thư của Lục bộ, quan các trấn, các doanh ...

Mặt trời mới ló lên chưa qua khỏi ngọn tre thì sân điện Cần Chánh đã đông người, chức quan nào vị trí ấy, thật là ngay hàng thẳng lối. Các thân công, hoàng tử lập ban trên thềm, các quan từ ngũ phẩm trở lên lập ban giữa sân. Đồ nhạc đã treo hai bên đối xứng nhau, còn các nhạc sinh, ca sinh cũng theo thứ tự xếp hàng, chuẩn bị tấu nhạc theo đúng nghi thức của buổi thường triều.

Tất cả đều đã sẵn sàng. Quan bộ lễ chiếu theo danh sách điểm qua một lượt. Những người vắng mặt vô cớ sẽ bị đánh dấu để sau này trách phạt.

Khác với các buổi thiết đại triều, nhà vua mặc Hoàng bào, thêu rồng cuộn lớn, mắt rồng khảm bằng hổ phách huyền, các chuỗi kết bằng hạt ngọc nhỏ, các tay áo thêu các chữ phúc, lộc, thọ; đội mũ Cửu Long theo kiểu đời Đường.

Hôm nay chỉ thiết thường triều nên nhà vua chỉ mặc áo giao lĩnh màu vàng, bổ tử thêu rồng cũng màu vàng không đội mũ mà chỉ chít khăn Cửu Long.

Nhà vua từ phía sau điện Cần Chánh bước ra, nhìn một lượt rồi ngồi xuống ngai. Các quan mặc áo thường triều, đội mũ cánh chuồn, theo hiệu lệnh sụp lạy ba lạy. Khi đứng lên đồng hô Hoàng thượng vạn vạn tuế. Sau đó, nhạc khúc được tấu lên với điệu chúc mừng.

Sau phần chầu hầu là đến phần trình tấu của các quan đại thần, các quan trấn doanh và các quan địa phương. Nhưng đã có dự định sẵn, phần trình tấu hôm nay được sắp xếp gọn, chỉ trình tấu những việc lớn, cần kíp. Còn phần lớn thời gian dành cho Hoàng thượng răn dạy quần thần và chấn chỉnh việc triều chính.

Mở đầu nhà vua khen thưởng một số quan chức có nhiều thành tích trong mấy tháng đầu năm. Nhà vua nói :

- Các tỉnh biên trấn phía Bắc bị bọn phỉ Thanh quấy nhiễu, cướp bóc gây nỗi hoang mang lo sợ cho thần dân. Trẫm đã cử các quan có năng lực đến đó để tiểu trừ, nhưng mỗi lần ta ra binh thì bọn chúng lại phân tán lẫn trốn vào rừng. Việc tiểu trừ xem như chẳng có kết quả gì. Tuy nhiên mấy tháng qua có quan Thống đốc mưu lược, bên cạnh lại có quan Tổng đốc uy vũ nên bình trị được, mặc dầu chưa thể quét sạch hết, nhưng xét ra đó cũng là một chiến công lớn, tỏ ra hai vị

tận trung lo lắng, chịu quên mình giữa rừng sâu nước độc để mong đem lại sự vạn toàn cho muôn dân, rất xứng đáng là những bậc tướng lược can thành, cứu người giúp đời. Bởi vậy ta ban chỉ dụ khen thưởng mỗi người năm mươi quan tiền, mười lạng vàng và một số vải vóc lụa là để thể hiện tấm lòng của Trẫm đối với sự hy sinh nơi biên địa. Binh lính theo cùng, ta cũng đã có lời khen và cấp tiền bạc cho vợ con ở nhà.

Nhà vua cũng khiển trách một số Tôn Thất làm việc ở triều nhưng lại chểnh mãng công việc hoặc do phạm thượng vì thói dương dương tự đắc, làm mất gia pháp. Nhà vua chỉ ra:"Người ta phải có lễ mới an / Ở triều đình thì không gì bằng chức tước..." thế mà Viên Từ tế sứ đã vượt bậc đứng trên viên Biện lý, viên Lĩnh thủ hộ sứ cũng ngồi ở trên viên Thị Lang, như thế đầu ngồi vượt bậc và vô lễ,không giữ đúng chức năng vị trí của mình, có ý nghĩ "cá mè một lứa" thì thật là vô lễ, làm mất hết thứ bậc.

Sự việc là như thế mà Bộ Lại không chấn chỉnh, Đô sát viện cũng không chỉ bảo thì các khanh coi Triều đình ra thế nào ? Nay Trẫm tuyên phạt giáng cách từ một đến ba bậc nhưng được lưu nhiệm để chứng tỏ luôn luôn giữ nghiêm phép nước kể cả đối với những người trong hoàng tộc.

Tiếp theo nhà vua khiển trách bọn Thủy sư Long thuyền phụng mạng coi giữ Từ Châu, không cẩn thận để rò chảy. Khi cấp trên xét hỏi thì tìm cách che giấu, chẳng nghĩ gì đến chuyện an nguy.

Trước sự việc hệ trọng như vậy tính mạng của người đi thuyền mà bọn Thị vệ hành doanh cũng chỉ trố mắt điềm nhiên, coi như không có quan hệ gì, thật là coi thường chức vụ mình, chẳng còn biết gì đến phép nước. Chiếu theo tội nặng nhẹ mà khiển trách hoặc giáng cấp, hoặc thuyên chuyển, hoặc đuổi về quê quán để làm gương.

Bên cạnh khiển trách và giáng chức, nhà vua cũng khai phục chức vụ cũ cho nhiều người trước đây do mắc sai lầm mà phải chịu tội vì tuổi già sức yếu hoặc là đã tự sửa chữa bản thân để chuộc tội, nay có thể xét lại để bổ nhiệm, giao cho gánh vác việc nước.

Nghe nhà vua khiển trách, cả sân triều im phăng phắc, không ai dám nhúc nhích, ai cũng thấy cái lỗi của mình trong công việc hàng ngày được giao, đến khi qua phần khai phục mọi người mới nhẹ nhõm trong lòng.

Sau một bài nhạc ngắn được tấu lên, với điệu nhẹ nhàng đầm ấm, nhà vua bảo các bề tôi:

- "Trẫm nghĩ rằng, theo quốc thể thì quan Đại phu là chân tay, sĩ dân là da thịt, sự đau xót có tương quan với nhau, sự được mất có tương tế với nhau... ngay các Đức thánh Minh Vương đời xưa cũng chưa từng dùng một ý kiến riêng của mình mà có thể làm nên việc lớn. Trẫm đây vô tâm, hễ việc đến thì làm, không dám có bụng tư riêng cho một người nào, phàm người có tai nghe mắt thấy điều biết cả, nào Trẫm đâu dám che dấu điều gì cho mình. Thế mà đến nay nước chưa được phú cường, dân tình còn nhiều sầu khổ, có lẽ Trẫm không đủ phúc đức...

Trẫm chỉ mong các quan cấp lớn, cấp nhỏ đều là người tài giỏi, không có bụng dối trên hại dưới. Còn nếu ở ngoài đã che dấu, ở trong lại cẩu thả qua loa, phải trái hỗn độn làm cho thưởng phạt không công minh, sai một ly đi một dặm thì làm sao quốc gia đại sự có thể thành công được.

Nay Trẫm mong rằng vua tôi phải như cha con, việc nước phải như việc nhà, không nên có một mảy may nào không thành thực ở trong ấy. Như vậy thì mới được xứng ý của Trẫm, Trẫm vẫn thành tâm muốn làm như thế mà vẫn chưa sao làm được. Nay Trẫm nguyện cùng các thần công cùng mưu việc đó.

Trên gò Vạn Niên, thuộc làng Dương Xuân, hàng ngàn binh lính và dân phu được điều động về đây ngày đêm lao động cực lực trong nắng hè oi bức, trong mưa dầm rét buốt của thời tiết xứ Huế khắc nghiệt.

Việc xây Khiêm Lăng được khởi sự từ tháng hai năm Giáp Tý đến nay đã hơn hai năm nhưng công việc vẫn còn ngổn ngang trong lúc Hoàng Thượng đang nóng lòng chờ ngày khánh tạ.

Giữa những lán trại cất vội vả bằng tranh tre cho binh lính ở, lâu ngày đã có phần xiêu vẹo và dột nát. Quan bộ công Nguyễn Văn Chất và những công sự đang lo lắng mở tấm họa đồ của công trình ra xem. Mặc dầu ông mở ra và gấp lại đã hàng trămlần, tấm họa đồ gần nhàu nát, nhưng mỗi lần mở ra ông đều bị choáng ngợp bởi những công trình được vẽ trong đó. Ông đã xem Thiên Thọ

lăng của vua Gia Long, Hiếu Lăng của vua Minh Mạng, đã từng tham gia xây dựng Xương Lăng của vua Thiện Trị cách nay không lâu. Tuy chỉ có Khiêm Lăng của vua Tự Đức là khối lượng thi công quá lớn, và vận chuyển vật liệu quá mất thời gian vì cách đào đắp quá khó nhọc, vật liệu phần nhiều lấy ở xa, gỗ phải vào tận rừng sâu, đá lót đường, lót sân phải đưa từ Thanh Hóa vào, ngay cả đá xây thành cũng ở cách xa hàng chục dặm. Vì kể từ lúc đất nước thống nhất đến nay không biết bao nhiêu là cung điện, đình tạ được xây dựng nên vật liệu tại chỗ càng ngày càng hiếm.

Giữa tiếng hò nện giã vôi vang động, đôi mắt của quan Bộ công như dán vào tấm họa đồ. Dãy La thành cao hơn bốn mét được thiết kế bằng những tảng đá và gạch vồà chạy vòng quanh bao bọc cả mấy khu đồi. Lăng có hai cửa chính ở phía Đông. Cửa Vụ Khiêm ở phía Nam dùng để thường xuyên vào ra hàng ngày, dù chỉ là cửa phụ cũng thiết kế ba tầng, cao mười mét thì đủ biết hai cửa chính to lớn và đẹp đẽ thế nào. Qua khỏi Vụ Khiêm môn đắp một con đường dẫn vào phía trong cung rồi chạy thẳng ra nhà bia, sẽ được lát bằng gạch bát tràng và các bậc cấp lát bằng đá thanh. Phía bên trái cung điện, lâu đài, thành quách như mắc cửi. Bên trong Khiêm cung môn là chính điện tức Hòa khiêm cung, rộng và uy nghi tráng lệ hơn cả chính điện ở các Lăng khác. Phía sau chính điện là Lương Khiêm điện, nơi nghỉ ngơi của đức Từ Dũ. Khi bà qua đời sẽ được phụng thờ ở đó.

Ngoài ra còn có nhiều viện, nhiều nhà làm việc như: Minh Khiêm Đường, Ôn Thiên Đường, Tùng Khiệm Điện, Dụng Khiêm Viện, Ích Khiêm Cát v.v... Nằm liên hoàn với nhau chỉ cách những khoảng sân hay những lối đi nhỏ, có đặt những chậu sành sứ hay những giàn hoa rủ bóng. Tất cả các cung và các điện ẩn mình sau Thiên cung môn xây theo lối cổ lầu, dáng vẻ uy nghi, hai bên có hai con rồng uốn khúc chạy dọc theo những bậc đá thanh, cao mười sáu mét.

Lê Văn Chất quay ngược đầu bút lông chỉ theo những vạch mực trên bức họa đồ. Thỉnh thoảng ông dừng lại phân tích tiến độ thi công trong thời gian qua. Phần công việc nặng là khối lượng đào đắp, nhất là việc đào và chuyển đất của Khiêm hồ. Giữa hồ có Khiêm đảo, trên đảo có Nha Khiêm Đình, Tiêu Khiêm Đình, Lạc Khiêm Đình. Ở phía Bắc của hồ thì có Xung Thiên Tạ, ở phía Tây thì có Dũ Khiêm Tạ, loại kiến trúc một nửa trên cạn một nửa dưới nước đều thiết kế bằng gỗ quý chạm trổ sơn son thiếp vàng. Soi bóng bên hồ trồng sen trắng, sen hồng. Nằm cạnh là những đồi thông sẽ được trồng khi công việc xây dựng được ổn định.

Nối liền đảo và tạ có ba chiếc cầu bằng gỗ là được chạm trổ rất mỹ thuật. Tuân Khiêm Kiều, Tiểu Khiêm Kiều và Do Khiêm Kiều.

Đó là chưa nói đến bao nhiêu bệ thờ, đồ thờ được đắp nổi hoặc chạm trổ rất công phu đòi hỏi rất nhiều thời gian.

Kể từ khi được Bộ công giao nhiệm vụ chỉ huy xây Khiêm Lăng. Ngay lúc bắt tay vào việc Nguyễn Văn Chất và nhóm thuộc viên đã chia binh lính và dân phu thành những toán lớn nhỏ tùy theo công việc như có toán vào rừng lấy gỗ, toán đào và vận chuyển đá, toán nung gạch vồ, đào đắp đất, giã vôi, lấy mật mía, ra sông biển lặn nghêu sò, xây thành, dựng nhà, chạm trổ, sơn son thếp vàng v.v... Đứng đầu công việc có cai đội chỉ huy trực tiếp. Nhìn vào công trường hàng ngàn nhân công đang miệt mài đào xới khuôn vác, đốt lò, dựng cột... như một đàn kiến đang dời tổ, hay như một đàn ong đang xe mật, giữa tiếng cuốc xẻng, búa rìu, giã vôi... cộâng với tiếng hò hét của mấy bọn cai đội.

Khí hậu của xứ Huế vô cùng khắc nghiệt. Mùa hè nắng chang chang, nhiều khi cả tháng không có giọt mưa; mùa đông thì mưa dầm thối đất, thậm chí cả mấy tuần liền chẳng thấy mặt trời, cộng thêm bão lụt liên miêm làm cho công nhân lao động trên công trường Vạn Niên vô cùng cực khổ. Bọn chỉ huy lại ăn bớt tiêu chuẩn thực phẩmvà vật dụng áo quần chăn chiếu cấp cho binh lính và dân phu nên ai cũng gầy ốm xanh xao, áo quần rách rưới. Những toán vào rừng lấy gỗ thì bị muỗi mòng, sốt rét kinh niên, mặt xanh nanh vàng. Những toán lặn sông, lặn biển để lấy vỏ sò thì có người bị nước cuốn trôi mất xác. Những toán đào đất đất đắp nền mặt mày lem luốc như trâu lăn vũng.

Trãi qua hai năm mà số người chết viø tai nạn lao động hoặc bị trọng bệnh đã không thể nào nhớ hết. Nặng nhọc là toán vận chuyển đá. Tảng lớn thì trâu bò kéo, tảng nhỏ thì người mang vác

đi xa hàng mấy dặm, vì nhu cầu đá quá lớn cho công việc xây dựng nên số người này phải lao động cực lực suốt ngày, đôi khi có người không chịu nổi, té xỉu giữa đường, vô cùng thảm hại.

Vào một buổi chiều mưa lất phất gió bấc thổi mạnh toán kiểm soát dưới sự chỉ huy của Nguyễn Văn Chất đi một vòng kiểm tra công trường thấy một nhóm người áo quần tơi tả, gầy đét ngồi bên một hốc đá. Nguyễn Văn Chất hỏi:

- Các người này sao không làm mà vào đây ngồi ?

- Bẩm ông, chúng con vừa đói vừa rét nên vào đây định đốt lửa sưởi một chút rồi ra làm ngay ạ. Một người trong nhóm lễ phép trả lời.

Bất chợt có tiếng quát to :

- Tụi này to gan thật, Trong giờ lao động lại dám trễ nải công việc như thế !

Rồi hai, ba tay lực lưỡng quất roi mây túi bụi vào đầu, vào lưng đám người ấy. Cả nhóm quỳ xuống van xin, lạy lục.

Nguyễn Văn Chất ra lệnh tống cổ bọn họ vào nhà giam. Đây là ngôi nhà được xây dựng vội bên cạnh công trường để tống giám và trừng phạt những người lao động nào mà ban chỉ huy không vừa ý.

Nguyễn Văn Chất thấy khối lượng công việc còn quá lớn trong lúc Hoàng Thượng lòng như lửa đốt vì tình hình bất an ở trong Nam cũng như ngoài Bắc, muốn cho việc xây Khiêm Lăng hoàn tất càng nhanh càng tốt, ngày nào cũng gửi chiếu chỉ xuống thúc dục. Nguyễn Văn Chất muốn bảo vệ địa vị và quyền lợi của mình nên càng ngày càng trở nên hung bạo. Nhiều dân phu và binh lính đã ngã quỵ dưới đòn roi của ông và bọn cộng sự.

Binh lính và dân phu rất căm giận, có nhiều người không chịu nổi ức uất vì ăn đói mặc rách, lao động cực nhọc lại còn bị đối xử thậm tệ đã dùng đá đập vào đầu tự tử, hoặc có người bỏ trốn bị lính gác bắt lại cột chặt vào cọc phơi nắng cho đến ngất xỉu để làm gương. Cảnh công trường dần dần biến thành cảnh địa ngục trần gian. Thật vô vùng khốn khổ và khiếp đảm.

Lời ca thán về sự khắc nghiệt và nỗi nhục nhằn mà dân phu và binh lính phải chịu đựng dần dần đã lan tỏa ra ngoài dân chúng. Ai nghe cũng căm tức. Việc xây Lăng tẩm quá lớn không những hao tốn công quỹ nhà nước mà còn đày đọa con người chẳng khác gì cảnh lao động khổ sai ở ngoài biên địa. Nhiều người nghĩ rằng thật là một bọn quan lại tàn ác, trời không dung, đất không tha, trời đánh thánh vật...

Chẳng biết xuất phát từ đâu, dân chúng từ nơi thành đô đến các làng mạc, từ đình chùa đến chợ búa truyền miệng:

Vạn niên là vạn niên nào

Thành xây xuơng lính hào đào máu dân .”“

Câu ca dao nói lên nỗi uất hận vô cùng tận của quần chúng nhân dân. Đây co ùphải là lời cảnh báo về một biến động lịch sử sắp tới ? Nhiều người thì thầm luận bàn.

Cuối làng Dương Xuân có một thôn nhỏ chừng vài mươi nóc nhà,mái tranh vách đất, nằm cách khu đồi Vạn Niên chưa được một dặm. Mẹ Huỳnh góa chồng đã lâu, chỉ sống với một người con gái. Minh Nguyệt tuổi chừng đôi mươi, thân hình dong dõng cao, nước da trắng, đôi mắt lúng liếng, làn tóc mây đen nhánh, chảy dài xuống lưng, nhất là đôi môi không son phấn nhưng luôn luôn mọng đỏ với nụ cười tươi xinh xắn.

Từ khi có công trường Vạn Niên, hai mẹ con mở quán bán rượu với một ít quà bánh lặt vặt. Khách chủ yếu là binh lính và dân phu đang xây Khiêm Lăng, hoặc trai tráng trong làng ghé uống rượu, tán tỉnh Minh Nguyệt.

Bên ngoại của mẹ Huỳnh cũng là người làng Chuồn có thông gia với phía Đoàn Trưng. Mẹ lấy chồng nhưng chồng đi lính chết trận, chịu cảnh mẹ góa con côi, làm ăn vất vả trăm bề dần dà trôi dạt về cái xóm nhỏ này sau khi đã lênh đênh khắp chốn mười mấy năm.

Trước đây, thỉnh thoảng hai mẹ con về quê ngoại cúng giỗ để nối lại tình làng nghĩa xóm, tình chị em bạn hữu thời thơ ấu còn lưu dấu nhiều kỷ niệm đẹp. Nhưng kể từ khi mở quán bán rượu, Minh Nguyệt thường về làng mua rượu lên bán. Loại rượu làng Chuồn ai cũng khen ngon nhất là bọn lính tráng cả ngày lao động vất vả, chiều tối được nghỉ ngơi ra ngoài ghé quán làm một chai thì thật là tuyệt.

Một hôm ở nhà thờ họ Đoàn, sau ngày chạp mộ mọi người ăn uống xong ra về chỉ còn anh em họ Đoàn ở lại để tính sổ sách thì Minh Nguyệt ghé vào chơi, hai bên gia đình từ lâu vẫn là chỗ thân tình. Đoàn Trưng và Minh Nguyệt ngồi đối diện nhau bên cạnh bể nước có hòn Giả Sơn với cây đa xù xì rễ bám chặt vào các tảng đá, dưới giàn hoa thiên lý trổ đầy hoa. ĐoànTrưng mặc áo đen dài, đầu đội khăn đóng, đôi tay vân vê điếu thuốc lá, loại thuốc trồng ở đất Phù Lai có tiếng rất thơm và cháy đượm. Mở đầu câu chuyện Đoàn Trưng nói :

- Cái bể cạn và hòn giả sơn này có từ thời ông cố, kể ra cũng đã hơn hai trăm năm. Riêng cây đa này cũng đã bảy tám chục năm, khi cha tôi chưa cưới mẹ tôi thì nó đã lớn lắm rồi. Rễ của nó càng ngày càng bám vững chắc vào các hốc đá nên mưa gió bão tố gì nó cũng đứng rất vững chãi. Đoàn Trưng vừa nói dứt lời thì Minh Nguyệt liền hỏi :

- Bác ơi ! Bảy tám chục năm sao nó chỉ có chừng này? Đáng lẽ ra cái thân của nó phải mấy người ôm mới xuể ?

Đoàn Trưng vui vẻ rót nước mời rồi giải thích :

- Cháu không thấy à ? Nó như thế này vì ta trồng nó trên hòn giả sơn, hàng năm lại cắt tỉa bớt rễ và cành lá, uốn ép nó, đâu có cho nó tự do phát triển. Thắc mắc của cháu cũng đúng. Nếu ta mà trồng ngoài đất thì với thời gian ấy nó phải cao bốn năm mươi thước, thân nó phải mấy người ôm, chẳng khác gì mấy cây đa ở trước đình làng hay là cây bồ đề ở trên chùa, tán lá che rợp cả một khoảng sân rộng. À! Mà chuyện cây đa này chẳng khác chi chuyện nước Việt mình. Từ ngày lập quốc đến nay đã hơn mấy nghìn năm rồi mà cũng khó vươn lên được. Hết một ngàn năm đô hộ của giặc Tàu rồi lại đến bọn Nguyên Mông, Minh, Thanh đánh phá, tàn hại, nay lại dến bọn Pháp Lang Sa âm mưu chiếm cứ. Trước mặt bọn chúng đã nuốt mất ba tỉnh miền Đông, lại lăm le ba tỉnh miền Tây của phần đất Phương Nam. Mà đâu chỉ có giặc ngoài gây tai họa, ngay cả bọn vua quan trong nước cũng vơ vét, bắt phu, bắt liùnh đày đọa dân ta không ngóc đầu lên nổi. Cháu cứ thấy dân làng Chuồn này, từ khi lập làng đến nay đã bốn năm trăm năm mà vẫn mái tranh vách đất, bữa no bữa đói, nghèo rớt mồng tơi, huống chi cái xóm nhỏ của cháu trên đồi Dương Xuân, có chỉ tràm với chổi mọc cằn cỗi trên đất cày lên sỏi đá thì hỏi lấy gì mà sống? Chắc cả năm mẹ cháu chẳng may được cho cháu một manh áo đẹp.

Nghe bác Trưng nói như vậy, Minh Nguyệt nhìn lại tấm áo chàm vá vai của mình, rưng rưng muốn khóc

- Nhưng hoàn cảnh đã như thế thì làm sao hở Bác !

- Thì mình phải tự đứng dậy làm chủ cuộc sống của mình và đồng bào mình.

Thấy câu chuyện đã đi quá xa với những ý tưởng có thể Minh Nguyệt chưa hiểu tới, Đoàn Trưng quay trở lại câu chuyện ban đầu và hỏi,

- Cháu bán rượu có đắt không ? Hàng ngày có kiếm đủ tiền đong gạo cho hai mẹ con không ?

- Dạ, bán cũng được. Duy chỉ có mấy ông quan chỉ huy việc xây Khiêm Lăng hay ra quán ăn uống rồi chọc ghẹo cháu quá. Có nhiều ông uống say rồi ôm chằm lấy cháu. Cháu sợ quá hét toáng cả lên. Còn bọn lính tráng thì liều lĩnh phá phách, không cho bọn chúng ghi nợ rượu bọn chúng đòi đốt cả quán. Mỗi lần như thế mẹ cháu buồn lắm, muốn dọn đi nơi khác.

- Thế thì cháu ở đó, cháu thấy bọn lính có thuần phục bọn chỉ huy không?

- Thưa bác, hàng ngày lính tráng và dân phải lao động cực nhọc lắm, đau ốm liên miên, lại ăn đói mặc rách nên oán giận lắm. Mà không những chỉ oán giận họ còn căm thù nữa là khác vì Nguyễn Văn Chất ngầm ra lệnh cho bọn giữ kho và bọn nhà bếp cắt xén lương thực, thực phẩm, vải vóc tiêu chuẩn hàng ngày của họ. Ai biết được mà mở miệng ra thì bọn chúng đánh chết, quăng mất xác, nên cuối cùng ai cũng sợ, im thin thít. Mặc dầu vậy trong lòng của họ sự căm thù

như lửa đốt. Nếu có cơ hội thì họ sẽ đứng dậy đập chết hết bọn quan lại ác đức đó.

Đoàn Trưng nghe Minh Nguyệt trình bày mà lồng ngực căng lên, tim đập thình thịch. Ông giận quá bóp tay, dậm chân. Nếu ngồi với anh em uống rượu thì ông phải đập bàn mấy cái làm cho hả hơi, nhưng dù sao ngồi trước mặt ơng cũng là một phụ nữ nhu mì nên ông cố nén cơn giận, gật gật cái đầu ra vẻ chăm chú vào câu chuyện ghê lắm. Ông nói :

- Bác nghe cháu có giọng ngâm thơ hay lắm thì phải ?

- Dạ, ngày xưa lúc ba cháu còn sống, cũng có ngâm thơ, làm thơ, cũng có tập cho cháu chút ít. Mỗi lần ba cháu xướng họa cùng mấy người bạn học, hay mấy người quanh xóm thì cháu thổi sáo hoặc đôi lúc diễn ngâm theo yêu cầu của mọi người. Ban nhạc cung đình mời cháu nhưng cháu từ chối. Cháu không thích vào ra nơi chốn cung cấm. Từ xưa người ta đã nói xướng ca vô loại, cháu ở nhà cuốc đất trồng khoai còn hơn.

Đoàn Trưng nghe Minh Nguyệt nói như vậy rất là cảm khái cái chí khí của một người con gái có mang giòng máu bên ngoại của làng Chuồn này..

Gió ngoài đầm phá thổi vào mát rượi. Mùa tháng ba vừa mới gặt xong. Trên đường làng tỏa một mùi rơm rạ. Bọn trẻ con hát đồng dao ở phía sân đình. Đất làng nhìn bên ngoài có vẻ thanh bình nhưng sâu thẳm trong tâm thức vẫn có một điều gì đó báo hiệu sự bất an.

Từ hồi chiều đến giờ, hai bác cháu nói chuyện có vẻ say sưa và tâm đắc. Đoàn Trưng bỏ thêm trà vào bình rồi chế tiếp nước sôi vào. Mùi trà bốc lên hòa giữa mùi hoa thiên lý tạo ra một không khí thân mật, một sự dịu nhẹ dễ chịu. Bỗng có tiếng chó sủa ở phía ngoài ngõ. Minh Nguyệt vẫn thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra, nhưng riêng Đoàn Trưng thì luôn luôn cảnh giặc vì từ khi nghe tin "Đông Sơn Thi Tửu Hội" hoạt động mạnh, bọn lính lệ của triều đình thường về đây để dò xét, nhất là bọn chúng đã ghi tên mấy anh em họ Đoàn vào sổ đen trình cho huyện và phủ biết.

Đoàn Trưng vặn to ngọn lửa đèn, ngước mắt nhìn ra thì thấy hai bóng đen chậm rãi bước vào. Khi đến gần Đoàn Trưng mới nhận ra là hai chú em đi công việc trên dinh mới về. Đoàn Trưng kéo ghế cho hai em ngồi rồi giới thiệu Minh Nguyệt là người có dây mơ rễ má với làng, chiều nay ghé chơi. Ba người cúi chào nhau và tỏ ra thân mật ngay từ phút đầu vì qua mấy lần dự lễ hội làng Chuồn, Minh Nguyệt cũng đã biết Đoàn Hữu Ái và Đoàn Trực, mặc dù gần gũi thì đây chỉ mới là lần đầu.

- Cháu mà biết thổi sáo ngâm thơ thì mấy bác mời cháu tham gia "Đông Sơn Thi Tửu" cho vui. Đây là hội uống rượu ngâm thơ. Ngoài ba bác ở đây còn có một số người nữa, tất cả sống với nhau như anh em, chẳng có gì là phân biệt cả. Trong hội cũng có nhiều chị em phụ nữ, họ nhiệt tình lắm! Có chị làm được cả thơ Đường nữa! Còn hò vè, hát Thài thì ai cũng biết. Có cháu vào hội thì có thêm cây sáo trúc, thật là tuyệt vời. Các hội thơ khác chắc gì đã có một phụ nữ biết thổi sáo như cháu.

- Dạ, cháu ngại lắm! Phận con gái chỉ biết chuyện bếp núc, làm gì mà mơ đến chuyện văn thơ. Nhưng có lẽ mỗi lần cháu về làng mua rượu lên bán cháu sẽ ghé đây để nghe các bác xướng họa. Nếu được phép, thì cháu biết gì cháu tham gia nấy, các bác chớ cười.

- Ừ, thì vậy cũng được. Nếu cháu rủ thêm các bạn trai, bạn gái của cháu vào hội thì càng tốt. Hội ta cần đông người thì mới vui.

Nghe Đoàn Trưng nói, Đoàn Trực cũng nói chen vào:

- Dù sao thì Minh Nguyệt cũng có họ hàng ở đây, vào giúp cho hội là đúng rồi. Nếu không chịu ngâm thơ, thổi sáo thì ráng cá, rót rượu cũng được. Người xinh như thế này mà rót rượu thì chắc trai làng mau say lắm.

Nghe Đoàn Trực nói, mọi người phá lên cười, vỗ tay khen ngợi: Hay quá! Hay quá!

Minh Nguyệt vừa vui vừa không giấu được nỗi thẹn thùng của mình.

Đoàn Hữu Ái xuống nhà bếp bưng lên một dĩa khoai vừa luộc xong còn bốc khói ngùn ngụt mời anh và mọi người ăn. Vừa đưa tay bốc khoai, Đoàn Hữu Ái vừa nói:

- Đây là khoai nghĩa, khoai tình do thím Bảy ở bên cạnh nhà mang sang vì biết hôm nay gia đình ta có khách quý đến chơi, mà cá mắm thì bị mất mùa liên miên chẳng ai đánh bắt được con nào. Đáng lẽ phải có một nồi cháo cá, nhưng thôi, ta ăn đỡ khoai vậy.

Minh Nguyệt e dè bốc lên một củ nhỏ, lột vỏ từng chút một. Cô vừa ăn vừa chăm chú nghe Đoàn Trưng dặn.

- Khi cháu lên lại nhà, cháu để ý thử tinh thần bọn lính và dân phu diễu tiến như thế nào? Tuần sau về cháu cho bác biết. Bác cháu ta phải tìm cách nện cho bọn chỉ huy một trận vỡ mật để bọn chúng hết cái thói hung hăng, cậy quyền, cậy thế, phá phách quán của hai mẹ con cháu. Cháu phải ra sức lôi kéo những người tốt ở trong bọn chúng, làm cho ai cũng thấy được sự ác độc của bọn vua quan, để khi hữu sự họ đứng về phía chính nghĩa, về phía mình.

- Dạ, ngày xưa ông ngoại cháu có kể cho cháu nghe chuyện ấy nhưng cũng không được rõ lắm, nay bác giảng giải cháu mới sáng hơn. Tổ tiên mình có lòng với nước nhà ghê bác hỉ? Sao bây giờ bọn quan lại toàn là bọn có học cả mà họ chẳng nghĩ đến dân, đến nước chi cả. Làm việc gì cũng ăn chận ăn bớt, ăn của đút lót, thậm chí đem cả biên địa của Tổ quốc dâng cho nước ngoài để cầu mong giữ được địa vị và lợi lộc cá nhân. Nói đến đây cháu tức cái thằng Nguyễn Văn Chất lắm! Nó muốn công việc mau xong để được thăng quan tiến chức mà đánh đập lính tráng dữ quá. Nhiều người đã chết dưới gậy gộc của bọn chúng. Khi nào dân chúng mới trả thù được hở bác?

- Ngày ấy chắc không còn lâu nữa đâu cháu ạ !

Vì say sưa nghe chuyện, Minh Nguyệt không ngờ trăng đã lên cả cây sào. Cô xin phép rồi lật đật gánh hai ghè rượu đi ra ngõ. Ba anh em họ Đoàn nhìn theo, lòng chua xót. Cô đi được một quãng rồi ngoái lui nói to: Tuần tới cháu lại về mua rượu tiếp.

Con đường từ làng Chuồn về lại Dương Xuân nằm vòng vèo giữa những cánh đồng đang vào cuối vụ gặt, có đám gặt xong trơ gốc rạ, có đám còn chín vàng lấp loáng dưới ánh trăng. Hai bên đường rải rác có những gò mả u1t. Chưa lấy gì khuya lắm nhưng con đường thật vắng vẻ. Thỉnh thoảng mới có người đi ngược chiều. Ếch, nhái, côn trùng kêu vang. Lúc nhỏ còn ở quê nhà, mỗi lần nghe ếch, nhái kêu như thế này Minh Nguyệt tưởng như có dàn đại hợp xướng của trời đất giao hòa với niềm vui của con người, sao bây giờ nàng nghe những lời than van, sầu thảm của kiếp côn trùng cũng như tiếng gào thét đòi sự sống của bao sinh linh đang bị đọa đày giữa địa ngục trần gian.

Nàng vừa nghĩ bâng quơ vừa cố bước đi cho nhanh để mau qua khỏi quãng đường quạnh vắng. Hai ghè rượu càng lúc càng nặng trĩu trên vai như có người đè xuống, tiếng kĩu kịt của chiếc đòn gánh càng lúc càng lớn dần như khắc họa cái điệp khúc ai oán của đời nàng.

Với sự hối hả của mình, nàng đã qua khỏi làng Chiết Bi, đang rẻ phải để đến làng Ngọc Anh. Qua khỏi làng Ngọc Anh sẽ đến sông Như Ý. Nàng phân vân không biết giờ này còn đò chợ Cống hay không? Nếu không có đò thì phải quay trở lại phía Vĩ Dạ để qua đập đá.

Càng tiến về phía Kinh Thành càng thấy an tâm hơn vì dù sao thì quan xá hai bên đường giờ này vẫn còn thức, không đến nỗi đồng không mông quạnh khi quãng đường giữa An Truyền và Chiết Bi.

Khi qua khỏi đập đá thì đã có bạn đường là mấy người gánh cá từ Thuận An lên. Vừa đi đường vừa nói chuyện cũng vui bớt.

Minh Nguyệt hỏi người đi bên cạnh:

- Chị mua bao nhiêu cá mà nặng thế?

- Hơn ba mươi cân. Đi từ sớm đến giờ mới về đây. Ngày mai lại gánh cá ra chợ bán, ngày mốt lại xuống Thuận An.

- Con cái đâu cả mà chị không cho chúng đi theo gánh bớt cho nhẹ vai. Từ thành xuống Thuận An xa lắm, đường lại xấu. Nắng thì đi lốp chân, mưa thì lầy lội. Đường đó vẫn kể là đường quan mà sao tệ quá! Mấy năm này họ chẳng sửa sang gì cả.

- Khổ quá chị ơi! Con cái lớn rồi thì nó có việc nó, việc mình mình lo. Kể từ ngày chồng tôi đi phu

xây Khiêm Lăng đến nay đã hơn hai năm chưa được về nhà một lần, mọi việc tôi đều phải lo liệu cả. Khổ nỗi, ông ấy vào rừng lấy gỗ, lên núi đập đá bị sốt rét cứ đau ốm hoài. Mình nuôi mình chưa nỗi lại thỉnh thoảng phải bới xách cho chồng nữa. Trước đây có hai sào ruộng cấy nhưng khô hạn luôn, lại thiếu người nên bỏ hoang, phải chịu cảnh buôn thúng bán mẹt như thế này. Chẳng biết bao giờ chồng về. Người ta xây dựng gì mà dữ quá, mấy năm rồi vẫn chưa xong, trông chồng mỏi cả con mắt, chắc đầu hai thứ tóc ông ấy mới về được.

À! Mà tôi nghe nói trên Vạn Niên người ta chết dữ lắm. Người thì đau chết, người thì bị gỗ, bị đá đè chết, người thì bị đánh đập chết. Có phải vậy không em?

- Em ở gần trên đó, cũng nghe người nói như vậy.

- Nếu mà thiệt như rứa thì không biết chồng tôi có sống đến ngày về hay không? Mỗi lần sốt đến ông cứ run cầm cập. Tội nghiệp lắm.

- Chị nên gởi cho ông một ít áo quần, thấy ai cũng rách rưới. Áo quần thì nhà nước cũng có phát nhưng bọn chỉ huy ăn chận, ăn bớt hết, chỉ phát toàn đồ xấu bận mau rách lắm.

- Tui cũng muốn gởi, nhưng chẳng biết gởi cho ai, hơn nữa ở nhà cũng chẳng có áo quần gì tốt mà gởi. Mấy bộ vải tám may từ hồi còn cày ruộng thì ông đã mang đi hết rồi. Ăn chưa đủ có đâu mà mặc. Nói đến đó lòng chị quặn thắt, thương chồng không thể tả, nhưng thật ra cái khó nó bó cái khôn, chẳng xoay xở thế nào được.

Dưới ánh đèn lờ mờ hắt ra từ những ngôi nhà hai bên đường, bến đò Thừa Phủ đã hiện ra trước mặt. Hai người chia tay nhau, chị gánh cá xuống đò qua sông, còn Minh Nguyệt thẳng đường lên Nam Giao rồi rẽ về Dương Xuân. Gà đã bắt đầu gáy sáng ở phía đầu làng.

Khi bước vào nhà, Minh Nguyệt thấy mẹ vẫn còn thức, cô hỏi:

- Sao mẹ thức khuya thế?

- Con chưa về mẹ đâu có chợp mắt được. Hôm trước lần nào con cũng về sớm, sao lần này con về quá muộn, mẹ lo quá.

- Dạ thưa mẹ, họ ra rượu hơi trễ. Trong lúc chờ đợi con có ghé thăm bác Đoàn. Bác gởi lời thăm mẹ, bác dặn khi nào rỗi mời mẹ về chơi. Bác Trực và bác Ái cũng vui lắm, các bác đều rất trông mẹ. Tình làng nghĩa xóm bao giờ cũng đậm đà, bữa nào con sẽ đưa mẹ đi.

- Thôi, con đi một mình đi! Mẹ chỉ gửi lời thăm các bác, mẹ đi bỏ quán xá cho ai. Lúc này bọn lính tráng triều đình nó phá phách lắm. Khi sáng con đi rồi cái thằng Chất cứ ra đây tìm con mãi, không biết nó có ý gì.

- Chẳng có ý gì đâu mẹ, có lẽ là nó muôn uống rượu thôi, mẹ đừng lo mà sinh bệnh.

Hôm nay, trời tương đối êm dịu. Mới khoảng tám chín giờ sáng mà bọn lính gác đã mò ra quán uống rượu. Trên mấy chiếc chõng tre, bát đũa, ly chén nằm ngổn ngang, vò rượu lăn lóc dưới nền đất. Tên nào tên nấy mặt đỏ gay, đi lại chếnh choáng, nói chuyện, cải nhau om sòm. Thậm chí có đứa ói mửa, nằm vắt cẻo trên chiếc võng ở môït mé sân, chốc chốc lại đòi nước uống

Bỗng chúng đứng phắc dậy rồi chạy dạt lui phía sau quán tìm đường chạy thoát.

Có tiếng vọng lại, quan lớn đến, quan lớn đến. Bà Huỳnh ngước mắt nhìn ra ngoài thì thấy quan bộ công Nguyễn Văn Chất đến. Ông ta mặc võ phục thắc lưng đeo kiếm, tay cầm roi mây, gò cương ngựa chậm rải tiến vào. Ông nhảy phóc xuống, buộc ngựa vào gốc cây, rồi khom người bước vào trong quán. Trong lúc hai tên lính hầu chạy bộ theo đứng cạnh ở phía bên ngoài cổng.

Biết ý như mọi ngày, bà Huỳnh cho Minh Nguyệt bưng đồ nhắm và một vò rượu đặt lên sập quán được kê sát vách đất ở phía bên trong cửa chính.

Đặt xong mâm rượu, Minh Nguyệt định lật đật bước lui về phía bếp nhưng Nguyễn Văn Chất đã nắm tay kéo lại, ngồi vào chiếc ghế bên cạnh. Cô ta vừa ngồi xuống vừa run rẩy. Để trấn an, ông ta nói :

- Cô cứ ngồi đây hầu rượu cho ta, sau khi thanh toán ta sẽ hậu thưởng cho hai mẹ con.

- Ông cứ dùng đi, cho con xuống nhà dưới, con ngại với bọn lính tráng lắm.

- Cô em đừng ngại gì cả. Ta là tướng một cõi ở đây, đứa nào thấp thoáng qua đây trong lúc ta đang uống rượu với nàng, ta sẽ gông đầu nó lại, bắt bỏ tù cả đám. Bây giờ thế giới này là của ta. Chỉ có ta với nàng.

Nguyễn Văn Chất vừa cất giọng, vửa nâng vò lên, rồi tu một hơi dài. Khi đặt vò rượu xuống ông ta khen rượu ngon quá, ngon quá. Rượu này thật là đăc biệt. Ngày mai nàng gánh cho ta vài ghè nữa.

Uống chưa hết nửa vò mà lão ta đã muốn say, nói cưới lè nhè trông rất dị hợm. Ông ta bốc đồng, vừa hỏi vừa trả lới :

- Nàng có biết ta là ai không ? Ta là quan Bộ công, quyền uy một phương, nhà cửa mênh mông, ruộng vườn cò bay thẳng cánh. Của cải của mấy tay nhà giàu ở đất này lần lượt sẽ vào tay ta hết. Há ! ha ! ha ! Duy ta chỉ còn thiếu một thứ tìm đâu cũng không thấy. Nàng có biết đó là thứ gì không ?

- Dạ, bẫm quan không biết ạ !

- Nàng không biết à ! Cái thứ đó là trái tim của nàng. Ôi ! Nàng đẹp lắm. Nếu mà ta cưới được nàng, ta sẽ đuổi hết mấy mụ vợ cũ, ta sẽ cho bọn chúng về vườn hết.

- Dạ, bẫm quan, con còn nhỏ dại, con không dám đâu !

- Nàng nói nàng còn nhỏ dại hả ? Mười chín đôi mươi là được quá rồi ! Thậm chí có quan thể dục còn ăn nằm với cả gái vị thành niên nữa mà ! Ta thấy nàng được lắm. Ta quyết theo đuổi nàng.

Mẹ Minh Nguyệt ngồi ở phía ngoài nghe quan nói mà phát run. Bà nghĩ chắc thế nào lão Chất cũng bắt ép mẹ con bà. Trong lúc đó hai đứa lính hầu đi vòng lui phía sau, nhìn vào khe cửa đắc ý, cười nói chỉ chỏ. Bọn chúng hát khẽ :

"Có quan bộ công say nhè
Ngồi trong quán rượu be he với nường..."
Hí hí hí ...

Nghe tiếng rục rịch ở phía sau, quan quát lớn.

- Đứa nào làm gì đó ? Ta chém đầu.

Bà Huỳnh hoảng hốt chạy vào bẫm quan :

- Dạ không có chi mô. Mấy con chó nó đùa dai đó.

- Ừ, thôi ra ngoài. Ta yên tâm rồi.

Ông ta lại bưng vò rượu lên uống ừng ực, mắt đỏ ké, nhưng nước da tái dần. Người lảo đảo một tay vịn cột nhà đứng dậy, một tay đưa ra quờ quạng níu Minh Nguyệt vào lòng. Minh Nguyệt vùng vẫy nhưng lão mạnh quá cứ níu chặt nàng.

Trong lúc đó một tên lính gác chạy xộc vào la lớn :

- Bẫm quan, có chiếu chỉ của nhà vua gởi đến.

Lão ta nghe loáng thoáng rồi buông Minh Nguyệt ra tức giận quát lớn :

- Ai đó ?

- Dạ, lính hầu.

- Có việc gì ?

- Dạ, bẫm quan có chiếu chỉ của nhà vua.

- Không chiếu chỉ, chiếu chiết chi hết, không vua không chúa chi hết. Trời này, đất này chỉ có ta là trên hết. Biết chưa ?

- Dạ, biết rồi ạ.

Tên lính hầu thấy quan lớn say quá rồi, không biết nên đưa hay nên giữ. Bỗng bỏ chạy ra phía ngõ để hỏi ý kiến của bạn mình.

Nghe có chiếu chỉ của vua gởi xuống, không biết điều lành hay điều dữ. Ông giật mình tỉnh lại, rồi đi ra mở ngựa, truy phong.

Hai mẹ con lật đật đuổi theo, vừa chạy vừa la ơi ơi !

- Quan lớn ơi ! Chưa trả tiền rượu quan lớn ơi ! Trời ơi sao mẹ con tôi khổ thế này !!!

Hai tên lính hầu thấy thảm cảnh cũng ứa nước mắt, lủi thủi ra về.

Khi trở về để dọn dẹp ly tách chén bát, bà Huỳnh nói với con:

- Đúng là bọn quan lại thời nay tệ thật. Mấy hào bạc rượu cũng uống quỵt, hỏi những chuyện lớn hơn chúng sòng phẳng sao được. Mẹ nghe nó tán tỉnh con mà mẹ lạnh cả xương sống. Giữa ban ngày ban mặt mà nó còn dê như rứa thì đêm hôm chắc mẹ con ta không thoát khỏi tay nó. Hay là ta bỏ đây, dời nhà đi nơi khác. Nghe mẹ nói như vậy, Minh Nguyệt an ủi mẹ :

- Mẹ ơi ! Cố gắng chịu đựng một thời gian. Nó gian dâm quá biết đâu nhà vua lại đày nó ra biên ải hoặc cho nó về đuổi gà, gánh nước cho vợ. Nhưng nếu đi thì biết đi đâu. Người ta tránh hổ, tránh rắn rết thì dễ chứ tránh quan khó khăn lắm. Mẹ buồn làm gì. Mẹ không nghe người ta hát à : Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan !

- Ừ ! Con nói phải đấy. Thôi vào thổi cơm trưa đi. Đã quá buổi rồi đó !

Nghe có tiếng la ơi ới của mẹ con bà Huỳnh, mấy người hàng xóm chạy sang. Bà Tám hỏi :

- Có việc gì mà la thất thanh thế chị ?

Bà Huỳnh vừa bối tóc vừa dằn từng tiếng một.

- Cái thằng Chất, quan lớn bộ Công nó uống quỵt rượu. Khổ quá chị ơi ! Tôi bán từ sáng đến chiều lời được mấy hào, mà mỗi lần nó quỵt lại mất cả đồng vốn, chắc là mẹ con tôi phải chịu cảnh chết đói thôi !

Mà đâu chỉ có chuyện ấy. Nó lại còn dê cả con Nguyệt nhà tôi nữa. Nó níu kéo, hôn hít, con Nguyệt cố vùng vẫy thoát ra làm rách cả áo. Khổ quá ! Thật là gia đình tôi gặp phải lúc chó cắn áo rách.

Bà Tám nghe bà Huỳnh nói một hơi dài liền an ủi :

- Thôi đừng buồn nữa chị ơi ! Bọn hắn là rứa đó, nhà cao cửa lớn, ruộng vườn cò bay thẳng cánh nhưng mặt dày mày dạn lắm. Hôm trước nó cho tay chân xuống nhà tôi mua chịu gà đến nay cũng chẳng nói chẳng rằng chuyện tiền bạc. Chắc nhà tôi cũng mất phén mấy con gà rồi, hy vọng gì mà lấy được tiền của bọn chúng. Quan lại thời nào cũng đúng là ghê thật !

Nghe bà Tám chia sẻ nỗi đau và động viên bà Huỳnh, bà Cửu Vọng cũng nói chen vào :

- Mình còn ở đây thì bọn chúng còn lui tới. Cái Lăng gì mà xây mấy năm không xong. Mong cho bọn chúng làm xong cuốn gói ra về là chị em mình yên ổn.

- Chị ơi ! Nếu cháu Nguyệt bị xé rách áo thì nói cháu sang nhà tôi lấy đỡ chiếc áo cũ về mặc. Thời buổi vải vóc quá hiếm thì có chi mặc nấy. Ai đời, con gáiù người ta còn nhỏ, ăn chưa no, lo chưa tới mà cũng dê được. Thật là bọn khốn kiếp.

Bà Huỳnh nghe vậy bớt cơn giận, níu tay bà Tám, bà Vọng ngồi xuống chiếc chõng tre rót nước chè vào bát mời. Các bà vừa uống, vừa than dài thở vắn.

Bên kia sông Hương là Hoàng thành. Con đường bên hữu ngạn này dù được mở rộng để phục vụ các dịp tế lễ ở đàn Nam Giao, nhưng đất đá vẫn còn lổn chổn. Hai bên đường nhà cửa dân cư thưa thớt ngoài các trại lính hải thuyền đóng bên mé sông dưới những hàng cây rậm rạp, lau lách xanh um. Khi đi đến gặp mé sông đào An Cựu rẽ dọc về phía đông chừng hơn một dặm ta sẽ thấy một khu vườn rộng chừng chục mẫu, ở giữa là khu nhà lợp ngói, cột kèo chạm trổ tinh vi với nhiều

bồn hoa chậu cảnh, không khí tịch mịch trang nghiêm. Đó là phủ Tùng Thiện Vương.

Tùng Thiện Vương Miên Thẩm anh của Tuy Lý Vương Miên Trinh, là con thứ mười của vua Minh Mạng. Vì là hoàng tử lại sinh thứ mười nên người ta thường gọi là ông Hoàng Mười cho có vẻ thân mật. Ông là một người nho học uyên thông, văn hay chữ tốt nổi tiếng khắp nước, ông không thích đời sống quan lại mặc dầu cha và cháu đều là vua cả. Ông và Tuy Lý Vương cùng một số bạn hữu lập ra nhóm "Mạc Vân Thi Xã" để cùng sáng tác và ngâm vịnh. Cho dù ông được Triều đình cấp bổng theo tiêu chuẩn Hoàng thân quốc thích nhưng ông vẫn dùng một cái chái rộng trong phủ để mở trường dạy học với hy vọng truyền được tâm huyết của mình cho thế hệ mai sau.

Ông là một người điềm đạm, nho nhã, thích cuộc sống ẩn dật lấy trung hiếu làm cốt cách, xa lánh phường danh lợi nên ai cũng quý mến. Ngay cả vua Tự Đức cũng tỏ ra rất kính trọng ông, thường đưa thơ của mình cho ông sửa chữa. Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu đều là những danh sĩ "Bắc Hà" khí phách ngang tàng mà khi về kinh nhận việc đều đến vái chào và đàm đạo với ông.

Trong đám học trò của ông có hai người trông có vẻ quê mùa cục mịch, từ làng Chuồn lên nhưng lại thông minh hiếu học. Đoàn Trưng nhanh nhẹn, khí tiết hơn. Hồ Đắc Thuấn cần mẫn, miệt mài đèn sách. Sau mấy năm học hai người đều đỗ cử nhân cả. Thầy quí mến cho ở lại trong nhà, về sau gã công nữ Thể Cúc cho Đoàn Trưng và công nữ Thức Huấn cho Hồ Đắc Thuấn.

Từ khi có ý định làm một cuộc binh biến nhằm lật đổ Tự Đức, phò Đinh Đạo lên làm vua, nhóm "Đông Sơn Thi Tửu" càng hoạt động ráo riết. Riêng Đoàn Trưng dựa vào uy tín của cha vợ và nhà cửa rộng rải của phủ Tùng Thiện Vương để họp hội nhất là những lúc cha mẹ vợ vắng nhà.

Tùng Thiện Vương thấy Đoàn Trưng là người đỗ đạt lại yêu văn học nên rất ưng ý. Ông dành hẫn cho một căn phòng ở phía chái Tây nhìn ra hồ Thủy Tiên để có chỗ yên tĩnh đọc sách, ngâm thơ, đàm đạo cùng bạn hữu.

Được nơi thuận lợi, khỏi bị lính tráng triều đình dòm ngó, Đoàn Trưng cùng với Trương Trọng Hòa, Phạm Lương và hai em của mình đàm đạo luôn, có khi thức đến canh hai canh ba. Một hôm nhân cha đi vắng, Đoàn Trưng nói với nhóm đồng đảng :

- Tình hình hiện nay rất thuận lợi cho một cuộc binh biến. Ngoài Bắc giặc giã khắp nơi, triều đình phải điều nhiều quân ra đó. Dân tình mất mùa đói kém kéo nhau đi xin ăn khắp các huyện, nhất là việc xây Khiêm Lăng hao người tốn của, oán hận không cùng. Nếu ta hô lên một tiếng ắc phải có nhiều người theo.

Tiếp lới của Đoàn Trưng, Trương Trọng Hòa nói :

- Qua tường thuật của anh em vừa công tác về thì Tôn Thất Cúc đã đồng ý tiếp tay với chúng ta, Sư Nguyễn Văn Quí đã nhận làm quân sư, cố gắng huy động khối Phật tử càng đông càng tốt. Sư lên kế hoạch, sát với ngày binh biến sẽ tổ chức lễ Trai đàn chẩn tế ở chùa Pháp Vân, để lấy cớ tụ họp nghĩa sĩ. Sư Nguyễn Văn Viên và Nguyễn Văn Lý ở đây đã đồng ý.

Phạm Lương tiếp lới :

- Hơn một tháng qua tôi đã liên lạc được với suất đội là Bùi Văn Liệu, Nguyễn Văn Đệ, Hồ Văn Sự, đội trưởng là Lê Chí Trực. Tôi cũng đến làng Dã Lê để thuyết phục Nguyễn Văn Vũ và binh lính Vũ Lâm là Lê Văn Tể. Tất cả đều mong ngày khởi binh đến sớm.

Phạm Lương vừa đứt lời, Đoàn Trưng nói :

- Điều quan trọng là phải huy động cho được đám binh lính và dân phu đang tham gia xây Khiêm Lăng. Bọn này rất căm ghét tên Nguyễn Văn Chất tàn ác, và cũng không thương tiếc gì Tự Đức, vì ông ta mà họ phải lao động quá cực nhọc hơn hai năm trời, bỏ cả việc đồng áng, canh cửi.

Trước sự lo lắng của anh, Đoàn Trực phân giải:

- Đối với với lính tráng và dân phu ở Khiêm Lăng thì đã có cô Minh Nguyệt lo liệu. Hai mẹ con cô đang bán quán rượu ở cạnh đó nên nắm tình hình rất sát. Bọn lính có cảm tình với cô ta, thường lui tới uống rượu. Qua chuyện trò, cô biết được bọn lính rất căm ghét bọn chỉ huy ở đó, nhất là tên Nguyễn Văn Chất. Bởi vậy, khi động binh ta phải hô hào bắt giế Nguyễn Văn Chất trước, tức thì mọi người đều theo ta. Có một điều cần nhắc nhở cô Nguyệt là phải giữ tuyệt đối bí mật cho đến

phút chót chỉ cần chinh phục thêm cho được tình cảm của những binh lính có thể làm nội ứng.

Thấy câu chuyện còn dài, mọi người bày rượu ra uống. Ánh trăng đã chệnh chếch phía bờ sông. Gió khuya thổi vào mát rượi. Hương trà, hương ngâu, hương quế, hương trầm của khu vườn, của căn nhà toả thơm ngào ngạt.

Đoàn Trưng cầm vò rượu rót vào các chén đặt trên khay dát bạc. Mọi người cùng Đoàn Trưng nâng chén. Đoàn Trưng nói:

- Ở đây thì sang trọng thật, chén ngọc, khay bạc, rượu bổ nhưng không khí uống rượu chắc không vui như ở quê ta.

Đoàn Hữu Ái vừa đặt cái chén xuống đã nói oang oang.

- Anh nói phải đó. Rượu ni làm răng mà ngon bằng rượu làng Chuồn được. Ngồi trên cái chòi ngắm trăng ấy mà uống rượu thì không có nơi nào bằng. Con đam, con ốc ở quê mình mà biết nấu thì cũng ngon ra phết, chẳng ai mà chê được.

Mọi người vừa uống vừa nói tiếp câu chuyện hồi tối. Ai nấy đều thoáng một chút lo lắng, vui buồn lẫn lộn.

***

Tùng Thiện Vương ngồi trên sập gụ, Đoàn Trưng bắc ghế ngồi bên cạnh. Từ lâu hai cha con ít gặp gỡ nói chuyện với nhau, một phần vì Đoàn Trưng thường về làng, một phần Tùng Thiện Vương hay qua Vĩ Dạ đàm đạo với Tuy Lý Vương.

Đoàn Trưng rót rượu dâng lên, Tùng ThiệnVương đưa tay ra đỡ rồi nói :

- Cha thấy mấy lâu nay con hay vắng ở đây để vợ con vào ra một mình, thật là tội nghiệp.

- Thưa cha, dưới làng đang vào vụ mùa mà cha con lúc này thường đau yếu hoài, mấy anh em con phải về để giúp đỡ cha già.

- Cha tưởng con đi đâu, chứ biết lo lắng giúp cha già thì tốt quá. Khi nào con đưa vợ con về dưới đó ít ngày vừa để thay đổi không khí nhưng cũng vừa để hầu hạ thuốc men cho cụ. Làm dâu con không có gì quí bằng chăm sóc hoàn cảnh mẹ chồng lúc già yếu. Thế thì mấy lâu nay dân làng Chuồn có được mùa tôm cá không con ?

- Dạ thưa, mất mùa hoài. Dân tình khổ sở lắm. Đánh một mùa tôm cá vào, dành dụm không đủ nộp thuế. Nhà nào cũng ăn khoai sắn là chủ yếu. Năm ngoái bão lụt kéo dài lại càng tệ hơn.

- Con nói vậy, sao cha nghe dân làng Chuồn xây nhà cửa ghê lắm. Họ lên tận đầu nguồn sông Hương để mua các, đá.

- Làm gì có ! Nhà của dân chỉ toàn là mái tranh vách đất, chưa mưa đã dột, chưa gió đã xiêu. Chỉ có bọn lý trưởng, địa chủ mới có điều kiện xây nhà to lớn. Mới đây bọn quan lại phủ, huyện cũng về đó tranh ruộng đất, đầm phá với dân làng. Đã xảy ra nhiều vụ xô xát ghê gớm.

Ông Sáu Chí ở cạnh nhà con đã phải đi tù, hơn cả năm nay vì dám tranh chấp mặt nước nuôi tôm với quan Tri phủ.

- Con cũng liệu chừng đó. Cha biết tính con thẳng thắn lại hay nóng nảy, dễ sinh chuyện lắm. Cha nghĩ sống ở đời cũng chẳng nên tranh chấp nhau làm gì ! Trăm năm chẳng có là bao ! Dầu sao bần tiện rồi cũng qui tiên cả, chỉ có thơ văn mới tồn tại lâu dài.

- Nhưng thưa cha, dân vốn đã khổ mà còn lại bị chèn ép quá thì buộc lòng họ phải đứng dậy. Trước cảnh đó người nhân sĩ thật là khó xử. Nhiều người muốn ẩn dật và cũng chẳng ẩn được ví như Cao Bá Quát chẳng hạn.

Nhắc đến Cao Bá Quát, Tùng Thiện Vương giật mình. Ông vừa thương cảm một người có tài văn học, vừa e ngại vì triều đình đang còn truy lùng những người thân thiện hoặc đồng đảng của Cao Bá Quát, cũng như ra lệnh thu hồi hết những thơ văn của ông đã sáng tác trong bao nhiêu năm trời.

- Thôi đừng nói chuyện đó nữa. Bây giờ cha bàn với con chuyện này.

Thấy con lập gia thất đã lâu, việc học là cả đời. Một lúc nào đó con cũng phải có tư riêng để chăm lo vợ con. Nếu con trở về làng cày cấy thì chắc phải giải dầu mưa nắng, hơn nữa vợ con từ nhỏ đến lớn sống nhàn nhã quenthân, nếu con đem về đó chắc cũng không giúp gì cho con được. Cha thì không cầu cạnh gì Hoàng thượng nhưng định nhờ mấy đứa học trò cũ như bọn Nguyễn Trông Hợp, Phạm Phú Thứ, đều là người trong Cơ mật viện bổ nhiệm con một chức quan gì đó, dù lớn hay nhỏ cũng được để có bỗng lộc nuôi thân, nuôi vợ con. Rồi cha cũng sẽ cắt đất cho con làm nhà ở riêng để dần dà có đời sống tự túc tự cường. Riêng phần cha càng ngày càng già yếu bệnh tật, đến lúc muốn giúp con cũng không kịp.

Nghe cha nói, Đoàn Trưng suy nghĩ vẩn vơ rồi kính cẩn thưa :

- Thưa cha, việc cấp đất dựng nhà cho vợ con ở thì được, vì con nghĩ, vợ chồng con cũng không thể ở mãi đây dù cha mẹ có thương mấy đi nữa. Riêng việc cha có ý định nhờ cậy người ta để bổ nhiệm con nhận chức này chức nọ thì con xin phép cha thôi đi ạ. Từ nhỏ lớn lên con chỉ thích ruộng đồng sông nước chứ không thích chốn quan trường. Chốn ấy quan nhỏ thì quy lụy, quan lớn thì cậy quyền cậy thế, tham ô hủ hóa. Thưa cha, con không chịu được cảnh ấy.

- Thế con định trù tính công việc làm ăn thế nào ?

- Thưa cha, con sẽ trở về làng cày cấy mấy sào ruộng nếp, đào thêm ao để nuôi cá, trồng rau, trồng bầu, trồng bí. Đến vụ cá sẽ sắm thêm ghe và lưới cùng đánh bắt với dân làng. Chắc rồi cũng đủ sống.

Nghe con trình bày, Tùng Thiện Vương ôn tồn bảo :

- Thôi vậy cũng được con ạ ! Nhờ cậy người ta cũng phiền lắm. Hơn nữa, từ nhỏ cha cũng chẳng thích chi chốn ấy, bạc bẽo lắm. Mình còn chức, còn tước thì người ta tới tới lui lui, bẫm bẫm, dạ dạ. Đến khi về vườn chẳng ma nào đoái hoài.

À ! mấy lâu nay con có viết được bài thơ nào hay không ? Nếu có, thì đọc cho cha nghe với.

- Thưa cha, thời gian qua con tiếp tục việc đèn sách nên chưa viết lách gì được. Mấy bài cũ thì cha đã đọc rồi, hình như phần lớn mấy bài đó tệ lắm phải không cha ?

- Không ! có bài cũng đọc được- Thơ cốt ở cái tình, mà thơ con cái tình thì dành cho những người lao lực, những kẻ đọa đày. Loại thơ đó dù văn phong không hay thì cũng chia sẻõ một phần nào nỗi gian khổ của quần chúng lao động. Thế là tốt rồi.

Còn đây ! Vừa qua nhóm "Mạc Vân Thi Xã" có bỏ công in khắc cho cha tập "Thương sơn". Tùng Thiện Vương vừa nói vừa vói tay lên tủ sách cầm quyển thơ đưa cho Đoàn Trưng.

Đoàn Trưng đưa hai tay ra kính cẩn nhận sách rồi lật qua, lật lại khen sách in cẩn thận, đẹp quá.

- Con về đọc kỹ thử. Cha đã đặt hết tâm huyết vào đó, mặc dầu có nhiều bài cũng không được vừa ý lắm. Chú Tuy Lý Vương cũng đã nhận xét tập này rồi. Một số bạn hữu thì rất thích nhưng hôm ra mắt tập thơ ở phủ Tuy Lý thì có một số người cũng phê bình chỗ này chỗ nọ. Nhìn chung thế là được. Thơ cốt ở sự chân thật của tâm hồn.

***

Lấy chồng đã lâu mà ít khi Thể Cúc về ở phía nhà chồng vì dù sao nếp sống của một nàng công nữ cũng đã quen với môi trường dinh phủ, lầu son gác tía. .

Sau mỗi lần nói chuyện với cha vợ, vào một ngày gần giữa tháng bảy âm lịch, Đoàn Trưng xin phép cha đưa vợ về làng ở một thời gian để nàng quen dần với cuộc sống làng quê. Đoàn Trưng biết rằng nàng không thể tham gia công việc đồng áng chân lấm tay bùn, nhưng các việc trong nhà như đi chợ nấu ăn, quét dọn, giặt giủ thì nàng có thể giúp được.

Con đường từ kinh thành về làng Chuồn chỉ là con đường mòn nhỏ hẹp lại gồ ghề, thỉnh thoảng lại có những chiếc cầu tre lắc lẻo bắc qua các con hói đào dẫn nước vào ruộng.

Lúc đầu hai vợ chồng có ý định thuê xe kéo nhưng sợ mất cả quan tiền, hơn nữa sợ xe không

qua được mấy chiếc cầu tre nên rồi lại cùng nhau đi bộ.

Đối với Đoàn Trưng thì con đường này quá quen thuộc, nhưng với Thể Cúc thì nàng quá lạ lẫm vì đây là lần thứ hai nàng về làng.

Tháng bảy nước nhảy lên bờ. Cả cánh đồng lúa loáng nước. Con đường sau những cơn mưa nhiều đoạn lầy lội. Tre trúc hai bên đường rủ xuống,lá rụng đầy. Trên đường đi, thỉnh thoảng lại có mấy con rắn nước, rắn lồng, bò băng qua khiến nàng hoảng sợ phải dừng lại. Mỗi lần như thế chồng lại nắm tay kéo sát vào mình và động viên nàng.

Qua khỏi cánh đồng làng Ngọc Anh, đi thêm một quãng nữa gặp một xóm nhà nhỏ nằm sát bên đường. Hai vợ chồng dừng lại vào nghỉ chân ở cái quán của bà cụ bán cau trầu thuốc giấy và một ít quà cho khách đi làm đồng về. Bà mời hai người ngồi xuống tấm ván kê trên hai khúc cây, trước có đặt chiếc chõng tre để các thứ hàng hóa lộn xộn, rồi rót nước mời khách.

Thoáng nhìn,bà có chút ngạc nhiên, vì thấy hai người tuy bùn vẫy lấm lem nhưng vẫn lộ vẻ con nhà quyền quý. Khuôn mặt nàng tươi trẻ, tóc thả dài quá lưng, áo quần sang trọng, nụ cười lại có duyên. Bà không ngại liền bắt chuyện :

- Hai cháu định đi đâu mà bùn đất lấm lem cả áo quần thế ?

- Hai cháu về dưới làng Chuồn, quê của cháu.

Đoàn Trưng trả lời.

Bà nhìn Thể Cúc rồi hỏi :

- Cháu cũng về đó à ?

- Dạ, cháu ở bên phía sông An Cựu, làng Chuồn là quê chồng.

- Hai cháu đẹp đôi quá ! Các cháu về làng ở luôn à ? Đồ đạc mang theo nhiều quá !

- Dạ, chúng cháu về một thời gian.

Bà cụ mời hai người mua quà. Bà bưng ra một dĩa khoai mới luộc còn bốc khói và mấy cái bánh tráng nhúng nước cuốn với đường đen.

Biết vợ không quen ăn những thứ này nhưng nể bà chủ quán, Đoàn Trưng bốc một củ khoai đưa cho vợ. Hai vợ chồng vừa lột khoai vừa nói chuyện. Chồng giục hai bà lần nhưng Thể Cúc vẫn chưa ăn hết củ khoai trên tay.

Thấy vợ ăn uống khó khăn chậm chạp như vậy, chàng nghĩ không biết rồi đây về làng sống thế nào khi phải ăn cơm độn, đun lửa rơm, rau heo cám chó.

Bà chủ quán nhìn Thể Cúc nói :

- Cái gì rồi cũng quen đi. Bà trước đây cũng con quan phủ ở trên Dinh, lấy chồng, rồi hoàn cảnh đưa đẩy đi không biết bao nhiêu nơi. Bây giờ thì cuộc sống như thế này, cô quạnh lắm. Chồng đi phu đi lính rồi chết tận trong Nam từ lúc bà còn trẻ. Giờ chỉ biết vui với bà con xóm làng. Cuộc sống làng quê có khổ thật nhưng tình cảm thì chan chứa, lá lành đùm lá rách, tối lửa tắt đèn có nhau. Không như trên Dinh người ta sống ích kỷ lắm, ai chỉ biết nấy, ít qua lại với người xung quanh.

Ngồi nghỉ đã lâu, nói hết chuyện này qua chuyện khác, không ngờ mặt trời đã gần đứng bóng. Hai vợ chồng trả tiền quà xong, uống thêm mỗi người một bát nước chè rồi bước ra khỏi quán.

Bà chủ quán dặn với theo :

- Khi nào có dịp lên Dinh, hai vợ chồng ghé lại bà nghỉ chân !

***

Về nhà mới được mấy hôm mà Đoàn Trưng thấy vợ mình nhan sắc đã có phần đổi khác. Đầu tóc bối lên để lộ khuôn mắt rám nắng. Bộ áo quần nâu dính đầy mũ chuối. Khổ nhất là phải nấu cơm bằng lửa rơm.mỗi lần nấu nướng phải ngồi đun rơm cả buổi, lửa khói bốc vào mặt mũi cay

xè.

Mặc dầu như vậy, nàng vẫn cố gắng trong phận làm dâu. Buổi sáng nàng thức dậy rất sớm để phục vụ bữa cơm trước khi chồng ra đồng, pha một ấm trà để sẵn cho cha già, quét tước nhà cửa, cho lợn gà ăn. Mấy người quanh xóm rất ngạc nhiên trước một nàng công nữ, cháu nội nhà vua, mà chịu theo chồng về ở cái làng quê quanh năm tay lấm chân bùn này. Chồng thông cảm với hoàn cảnh, lại thương vợ hơn. Đôi lúc chàng cũng muốn xin một việc làm trong triều, mong có cơ hội đưa vợ trở lại cuộc sống cũ để đỡ vất vả. Nhưng chàng lại ghét cái cảnh vào luồn ra cúi, hơn nữa trong đầu chàng còn bao thứ ngổn ngang mà bấy lâu nay anh em bạn hữu đang ấp ủ.

Một buổi chiều ngồi quanh bếp lửa, vừa đun rơm cho vợ, chàng vừa nói :

- Chỉ còn hai hôm nữa là đến kỳ Thu tế của làng, chắc rồi hai vợ chồng mình có nhiều việc phải làm.

- Thu tế của làng mình chính thức khi nào hở anh ? Phải làm gì mà anh nói cả hai vợ chồng sẽ có nhiều việc ? Nàng hỏi.

- Lễ Thu tế sẽ diễn ra vào các ngày 15, 16, 17 âm lịch tháng này. Ngày mười lăm dân làng bắt tay vào việc trần thiết và cúng rằm, buổi sáng mười sáu tổ chức lễ rước và cung nghinh bài vị Thành hoàng vào Tổ Đình. Ngày mười bảy là ngày chính thức, lễ Chánh tế cử hành đúng vào lúc hai giờ sáng; đến năm giờ sáng mọi người làm lễ tiến cung nghinh cúng bia bạc. Tất cả đều diễn ra một cách trang trọng, cung kính. Bởi vậy ngay từ sáng mai mọi người đều phải bắt tay vào việc.

Nghe chồng giải thích, nàng vừa chăm chú đun lửa vừa hỏi tiếp :

- Sự tích của lễ hội như thế nào hở anh ?

- Đình của làng mình rất đẹp. Anh chưa đến thăm các đình làng ở Phú Bài, Hương Cần. Nghe nói đình của các làng ấy cũng đẹp lắm nhưng ai cũng nói không đẹp bằng làng mình, vừa rộng rải, lại vừa cổ kính. Kể từ khi quan Thượng thư bộ Lễ Hồ Đắc Trung chỉ dẫn cho dân làng cách tổ chức và nghi thức cúng tế`Thần khai canh trong kỳ Thu tế thì buổi lễ tế thần trang nghiêm và mang đậm bản sắc văn hóa hẳn lên.

- Thế thì các vị Thần thành hoàng gồm những ai ?. Các làng khác chỉ có một vị, sao làng mình đến hai ba vị ? Nàng hỏi.

- Làng mình có ba vị, vì lúc đầu có ba vị cùng đến khai khẩn và lập nên làng này, trong đó có Ngài Hồ Quảng Lãnh có nhiều công lao được sắc phong của nhà vua là Nhật Báo Trung Hưng Linh phò Đoàn Quốc Công tôn thần. Xung quanh việc thờ ba vị này cũng có nhiều truyền thuyết mang tính linh thiêng thần bí. Khi nào có dịp anh sẽ kể tiếp cho em nghe.

Theo cuộc họp vừa qua thì liõnh vật năm nay được chạm để rước trong buổi lễ là cá gáy hóa rồng chứ không như năm ngoái là đôi hạc hoặc năm trước nữa là bộ tam sư gồm có lư trầm và hai độc bình. Ban tổ chức đã giao cho các ông ở xóm hạ đan bện và thiết kế. Ở xóm hạ mấy lâu nay có nhiều người khéo tay, tính nết lại tỉ mỉ lắm. Bữa nào em sẽ thấy các linh vật họ làm rất đẹp.

Thấm thoát, ngày lễ hội đã đến, không những dân trong làng mà dân các làng khác ở quanh vùng cũng đến xem hội rất đông.

Đoàn Trưng và nhóm "Đông Sơn thi tửu" muốn nhân cơ hội này mở một cuộc tuyên truyền để vận động dân làng tham gia vào việc binh biến sau này. Họ dồn hết thời gian và công sức cho lễ hội. Vì được dân làng tín nhiệm từ nhiều năm nên lần này chủ tế là Bác Cả Đoàn, Đoàn Trưng, Đoàn Trực đứng đầu đám hát Thài. Đoàn Hữu Ái tham gia vào việc thiết trí cùng một số thanh niên nam nữ khác.

Nhóm bàn kế hoạch soạn thêm nội dung mới cho bài hát Thài cũng như sẽ có nội dung tuyên truyền khác dưới dạng thơ viết trên giấy điều dán ở đình làng, cổng làng và cổng các nhà thờ họ. Phạm Lương và Trương Trọng Hòa cũng bí mật tham gia soạn thảo các câu thơ, hò vè ngắn ... nói lên sự biết ơn với các vị Tiền hiền, khao khát ấm no hạnh phúc, khao khát có sự đổi mới trong cuộc sống, chống Pháp cướp đất trong Nam, oán trách quan lại triều đình

Tất cả mọi việc được chuẩn bị rất chu đáo và trước ngày lễ hội các tấm giấy đều viết chữ rất đẹp

được dán lên đỏ rực khắp làng. Có nhiều câu rất hay, đọc lên là nhớ liền, gây tác động tâm lý rất mạnh mẽ.

Từ Đồng Miếu đến Đình làng, quãng đường dài hơn cây số. Mọi người tham gia đám rước xếp hàng đi rất trật tự, chậm đều từng bước một. Hai bên đường có dựng các ngõ chào và bày hương án khói trầm nghi ngút. Những người mang linh vật đi đầu, sau đoàn mang đồ lễ bộ và kiệu rước và cuối cùng là đoàn hát Thài. Đoàn Trực được các bô lão cử ra đội khăn xếp, mặc áo rộng xanh trông rất trang nghiêm xướng một câu Thài bốn chữ để cả đoàn hát Thài đọc theo.

Đoàn rước cờ xí đủ cỡ, áo quần sắc màu rực rỡ, kiệu lọng, các hương án vàng đỏ thắm tươi phản chiếu xuống mặt nước lung linh huyền ảo trông rất đẹp mắt.

Trong lễ Chánh tế được tổ chức rất bài bản, mọi người dự lễ đều tỏ ra cung kính, giữa không khí trầm hương ngào ngạt, chiêng trống rộn ràng.

Do các câu thơ, câu vè được viết dán lên có nội dung kích động chính trị, nhất là đoạn cuối của bài hát Thài được cải biên thêm vào: *Muốn có ấm no / Phải lo đổi mới / Muốn có thắng lợi / Cùng nhau đứng lên /...* nên sau lễ hội, quan huyện cử lính lên bắt bớ truy lùng những người có liên quan. Thấy ông Cả Đoàn bị bắt ra xã, mấy anh em trong "Đông Sơn thi tửu" tìm cách lảãn tránh cùng với một số thanh niên khác.

Trong thời gian gần đây, hầu như không khí chính trị ở kinh đô Huế ngột ngạt. Dường như có một cuộc vận động ngấm ngầm trong giới nhà chùa với nội dung không được rõ rệt. Mọi người chỉ truyền miệng nhau là cần phải có sự thay đổi lớn ở triều đình thì dân mới bớt khổ, mới có sức mạnh để chống lại bọn Pháp Lang Sa đang cướp đất ở Nam bộ. Dân buôn bán ở các chợ Tuần, chợ An Cựu, chợ Đông Hoa hễ gặp nhau là nói chuyện thời sự, chuyện bắt phu bắt lính, chuyện chồng con họ đi xây Khiêm Lăng cực khổ. Đến lúc này ở Huế cũng thuộc câu :"Vạn niên là Vạn niên nào - Thành xây xương lính, hào đào máu dân". Câu dân ca càng lan truyền, dân khí càng căm hờn uất hận. Quân lính triều đình theo dõi truy lùng, bắt bớ.

Đoàn Trưng lại trở về phủ Tùng Thiện Vương. Lấy cớ mời bạn bè tụ hội uống rượu ngâm thơ, đã tổ chức nhiều cuộc họp liên tiếp, có cả các Sư Nguyễn Văn Quí, Nguyễn Văn Viên, Nguyễn Văn Lý ở chùa Long Quang và chùa Pháp Vân tham dự để vạch ra kế hoạch và định ngày khởi binh bắt Tự Đức, đưa Đinh Đạo lên làm vua. (Đinh Đạo vốn là con Hồng Bảo. Khi Hồng Bảo tranh chấp ngôi báu với Tự Đức bị xử tử thì Đinh Đạo bị đổi từ họ Nguyễn, con cháu Hoàng tộc, ra họ Đinh).

Tùng Thiện Vương đã quen với cảnh uống rượu ngâm thơ đàn đúm của Đoàn Trưng với bạn bè thâu đêm suốt sáng nên lần này cũng chẳng để ý gì đến sự bàn luận trong cuộc rượu, mặc dầu cái không khí của đất đế đô lúc này cũng khiến Tùng Thiện Vương và nhiều người khác cảm thấy có một điều gì đó trọng đại sẽ xảy ra.

Thiền sư Nguyễn Văn Quí cùng một số chư tăng ni tổ chức Trai đàn chẩn tế, cầu quốc thái dân an tại chùa Pháp Vân. Những con đường dẫn về chùa tấp nập người đi lại. Sân chùa đông kín Phật tử. Tiếng chuông, tiếng trống hòa tiếng mõ, tiếng kinh giữa không khí vô cùng trang nghiêm, quyện mùi trầm hương. Tên tuổi những người quá cố được xướng lên. Mọi người chú tâm niệm Phật cầu nguyện cho các linh hồn được siêu thoát về miền Cực Lạc.

Cùng với việc cử người dựng rạp, mua sắm lễ vật, thiết trí lễ đài chuẩn bị cho lễ Trai đàn, những người chủ trương đã huy động hàng trăm thanh niên trai tráng, là những người đã được tuyên truyền huấn luyện giữ vai trò xung kích khi có cuộc binh biến xảy ra.

Thiền sư Nguyễn Văn Quí cho lập riêng một danh sách những người chết do bệnh tất, do tai nạn lao động trong quá trình hai năm xây dựng Khiêm Lăng. Khi xướng tên những người này, ai nấy đều ngậm ngùi thương tiếc, oán hận nhà vua và căm ghét tên Nguyễn Văn Chất bạo tàn.

Cuộc lễ đã bước qua ngày thứ ba, nhằm ngày mồng 8 tháng 8, Phật tử và thân nhân của những người quá cố càng lúc càng đông. Giữa khuya, trong bầu không khí oán hận ấy, Đoàn Trưng đứng lên bên cạnh các vị Thiền sư đọc lời hiệu triệu :

Kính thưa đồng bào.

Gần hai ngàn năm qua Phật giáo gắn liền với vận mệnh của dân tộc. Nay đất nước lâm nguy. Giặc Pháp sau khi tấn công Đà Nẵng đã kéo nhau vào xâm chiếm Nam bộ.Triều đình hèn yếu đã ký hiệp ước Nhâm Tuất(1862) dâng ba tỉnh miền đông cho Pháp. Bọn Pháp như đỉa đói đang đánh lấn ba tỉnh miền Tây. Đến nay Triều đình không có sách lược gì mới trong việc đánh giặc giữ nước. Tệ hơn nữa là việc xa hoa phung phí, đem công sức và của cải làm những việc chưa cần làm trong lúc này. Việc xây Khiêm Lăng trải qua hai năm vẫn chưa xong. Bao nhiêu binh lính và dân phu dồn vào đó, ăn đói mặc rách lao nhọc, bệnh tật vô cùng cực khổ. Vì muốn lập công nên bọn quan lại chỉ huy ra tay đánh người không thương tiếc . Đến nay biết bao nhiêu người đã chết vì việc xây Khiêm Lăng…

Bởi vậy, muốn thay đỏi tình trạng của đất nước chúng ta cần phải đứng lên truất phế Tự Đức, lập lên một vị vua mới. Kế hoạch là chúng ta kéo về Khiêm Lăng huy động binh lính và dân phu ở đó cùng chúng ta tiến về hoàng thành.…

Nghe đến đó mọi người khí thế hừng hực như có lửa đốt trong lòng, các loại vũ khí như dao kiếm, gậy giấu sẵn từ lâu ở quanh chùa đem ra cấp phát. Đoàn người ầm ầm tiến về hướng Khiêm Lăng.

Theo kế hoạch quân chia làm ba đạo, Nguyễn Văn Vũ chỉ huy quân tiền đạo, Đoàn Trưng, Đoàn Hữu Ái cùng với Phạm Lương chỉ huy trung đạo, còn Thiền sư Nguyễn Văn Quý chỉ huy hậu đạo.

Khi quân nổi dậy đến Khiêm Lăng thì thấy Bùi Văn Liệu đang thuyết phục lính tráng và dân phu ở đó. Suất đội Nguyễn Tăng Hựu, đội trưởng Lê Văn Cơ hưởng ứng ngay. Hàng ngàn người đang có mặt ở công trường Vạn Niên tay cầm binh khí hoặc cầm chày vồ dùng để giã vôi đi theo với khí thế như nước vỡ bờ, cùng tiến về kinh thành.

Trời đã vào canh năm, tiền đạo và trung đạo đã vượt sông Hương để qua bờ bắc tiến vào cửa chính Nam rồi đồng loạt nổ súng. Quân nội ứng ra mở cửa thành, quân nổi dậy vào cửa Ngọ môn đến các trại quân Cẩm y, Kim ngô hô hào thu vũ khí!. Hữu quân TônThất Cúc đã chờ sẵn từ lúc nữa đêm, thấy quân nổi dậy vào ông ra gặp Đoàn Trưng dẫn qua cửa nách gặp Phó vệ úy Nguyễn Thịnh để thuyết phục hỗ trợ quân đội nổi dậy. Nhưng Nguyễn Thịnh cùng với chỉ huy sứ Phan Viết Trọng không nghe, ra lệnh đóng cửa thành chống giặc. Quân hai bên đánh nhau ác liệt. Đến khi Nguyễn Thịnh bị thương, phá được cửa vào, quân nổi dậy kéo đến nhà Duyệt Thị Đường thì gặp chưởng vệ Hồ Uy chống trả quyết liệt. Do biết được tính cách hung hăng của Hồ Uy từ trước nên cho quân áp sát vào. Đoàn Trực chém trọng thương Hồ Uy. Mặc dầu bị thương máu chảy đỏ cả mặt, Hồ Uy vẫn không chịu buông gươm tiếp tục ra lệnh đóng cửa Tả xương để bảo vệ Tử cấm thành.

Giữa đêm khuya tiếng binh khí va chạm nhau chan chát, tiếng chày vồ nện vào cửa gỗ ầm ầm, bỗng có tiếng thét lớn của Đoàn Trưng :

- Đoàn Thọ đâu " Hãy ra đầu hàng nhanh !

Ở phía bên trong có tiếng trả lời vọng ra :

- Đoàn Thọ ở điện Thái Hòa !

Đoàn Trưng tưởng thật liền ra lệnh cho quân trở lại điện Thái Hòa, trong lúc đó quân của Nguyễn Thịnh và Nguyễn Đức Lý vẫn án ngữ cửa nách không cho quân nổi dậy tiến vào bên trong.

Hồ Uy một mặt ngầm ra lệnh cho các đội Thị vệ, Cẩn tín, Trúc trực tiếp tục chống cự; một mặt ngầm thỏa hiệp với quân nổi dậy để kéo dài thời gian, tìm cách đối phó.

Khi thấy quân của Đoàn Trưng, Đoàn Trực xếp hàng ở giữa sân điện Thái Hòa chờ làm lễ, theo lệnh của Đoàn Trưng. Loan giả đem kiệu ra rước Đinh Đạo. Đi được nửa đường Hồ Uy quát lớn cho quân lùi lại. Khi xung quanh Đoàn Trưng, Đoàn Trực còn khoảng ba mươi quân, Hồ Uy và cai đội Cáp Văn Sâm nhảy vào đâm hai anh em họ Đoàn. Vì bất ngờ hai người bị thương ngã xuống, rồi đều bị bắt. Đoàn Hữu Ái thấy quân mình bị rối loạn chạy vào bếp sở Hộ vệ định tự tử nhưng rồi cũng bị bắt lôi ra, Nguyễn Văn Vũ chỉ huy tiền đạo không chống cự nổi cũng bị bắt.

Trương Trọng Hòa chưa nắm được tình hình về phía Đoàn Trưng vẫn cho quân tiến đến trại

quân doanh Thần Cơ thu khí giới, được hiệp quân vệ là Vũ Giác đem áo quan vũ và thẻ bài ra cấp phát. Nhưng khi quân của Trương Trọng Hòa đến cửa Chương Đức thì gặp quân của Nguyễn Hùng, Lê Đình, Lê Sị chận lại. Quân của hai bên đánh nhau quyết liệt, tiếng reo hò vang dậy. Quân của Triều đình mỗi lúc mỗi đông, quân nổi dậy địch không nổi bỏ chạy tán loạn. Trương Trọng Hòa bị bắt.

Trong khi đó, đoàn hậu quân do Thiền sư Nguyễn Văn Quí chỉ huy vẫn còn ở bên kia bờ sông Hương nghe tin mật báo quân nổi dậy đã bị thua, Đoàn Trưng, Đoàn Trực, Nguyễn Văn Vũ, Trương Trọng Hòa đã bị bắt bèn cho rằng cuộc binh biến đã bị thất bại, lòng buồn không thể tả bèn giải tán quân sĩ và trở lại chùa, rồi cũng bị bắt ở đó.

Sáng hôm sau tình hình tạm yên, dân chúng đổ ra đường tìm hiểu sự việc. Các cửa thành đều được đóng kín lại. Các xác chết nằm rải rác quanh các cửa thành. Một số binh lính, dân phu, phật tử … tham gia cuộc binh biến đêm qua bị bắt, dây trói chặt dẫn đi từng hàng về phía các trại giam. Binh khí, chày vồ, đèn đuốc vung vãi khắp các lối dẫn vào Tử Cấm Thành vẫn chưa được gom lại hết. Một vài doanh trại bị đốt, lửa vẫn còn âm ỉ cháy.

Quân Triều đình tiếp tục truy lùng những người tham gia cuộc binh biến. Hàng trăm người đã bị bắt. Lính và dân phu ở Khiêm Lăng kẻ thì bị bắt, người thì bị đổi đi nơi khác. Không khí ở kinh thành Huế thật là thảm hại, u buồn.

Hồ Uy, Đoàn Thọ vào trình tấu vua Tự Đức về tình hình đêm qua. nỗi vui mừng khôn tả trước những thắng lợi của quân Long tuyền đẩy lùi được quân binh biến vẫn không giấu được nỗi lo âu có thể đưa đến sự lâm nguy cho Long thể của mình và của cả Triều đình; cùng lúc này nhiều Hoàng thân quốc thích cũng có mặt để vấn an nhà vua. Mừng cho nhà vua đã tai quan nạn khỏi. Chúc nhà vua vạn vạn thọ.

Tùng Thiện Vương với dáng người tiều tụy, vẻ mặt âu lo, đôi lúc lại đăm chiêu tư lự. Ông đi đi, lại lại trên con đường nhỏ rải sỏi trắng dẫn qua những bồn hoa hồng đủ sắc màu nằm xen giữa những giàn hoa thiên lý, thiên hài, cát đằng …Cây cỏ đã quá thân thiết với nhà thơ, nên mấy ngày hôm nay dường như cỏ cây cũng muốn chia sẻ những nỗi niềm hệ lụy của chủ nhân. Ông đang suy nghĩ miên man thì bỗng có tiếng chó sủa ở phía cổng trước. Ông quay người ngước nhìn thấy Tuy Lý Vương chậm rải bước vào. Hai anh em tay bắt mặt mừng rồi cùng đi vào phòng khách.

Mấy lần trước, mỗi khi hai anh em gặp nhau đều đọc cho nhau nghe những bài thơ mới viết rồi cùng nhau bình luận, sửa chữa bên ám trà thơm, bên chén rượu quí. Nhưng lần gặp gỡ này bao trùm bởi một không khí bi thương, ngột ngạt vì chịu ảnh hưởng của đêm binh biến hôm trước. Tuy Lý Vương hỏi Tùng Thiện Vương :

- Anh đã nắm vững tình hình của đêm hôm trước chưa ?

- Chưa nắm hết sự việc, chỉ biết rằng cuộc binh biến do nhóm "Đông Sơn Thi Tửu" tổ chức. Đứng đầu có Đoàn Trưng, Đoàn Hữu Ái, Đoàn Trực cùng với hai ba người trong nhóm ấy. Người ta đồn rằng lính Ngự lâm cũng có nhiều người làm nội ứng.

- Thế thì mục đích của cuộc binh biến ?

- Nghe nói, họ đòi bắt nhà vua rồi tôn Đinh Đạo lên ngôi.

Đọc lời hiệu triệu, họ dán trên cổng thành, ta thấy họ buộc tội nhà vua bất lực trước nạn nước, để giặc Pháp hoành hành ở Phương Nam, chiếm hết chỗ này đến chỗ khác. Ngoài Bắc thì giặc Khách bên kia biên giới tràn sang cướp phá lung tung. Họ hô hào phải có sự đổi mới ở Triều đình mới có thể đủ sức mạnh đánh giặcï giữ nước.

- Tại sao Đoàn Trưng là rể của nhà ta, cũng được coi là con cháu của Hoàng tộc mà lại làm cái chuyện chọc trời khuấy nước ghê gớm ấy ! Bây giờ, thì dù sao cũng là chuyện đã rồi. Anh có suy nghĩ gì không ?

- Thế nào rồi Hoàng thượng cũng trừng phạt cả nhà ta. Tội phản loạn là tội phải tru di, chắc không thể nào tránh khỏi.

- Anh có biết Đoàn Trưng bây giờ ở đâu không ?

- Hắn bị giam vào ngục thất rồi. Sau khi cuộc binh biến thất bại, cả nhóm ấy đều bị bắt. Quân của Triều đình kéo lên tận chùa Pháp Vân để bắt Sư Nguyễn Văn Quí. Phật tử lo lắng về số phận của Sư khóc lóc thảm thiết. Riêng nhà ta, tất phải chịu vạ lây. Thể Cúc chắc phải chịu số phận cùng chồng.

Trong lúc hai anh em đang thầm thì nói chuyện thì Mai Am bước vào. Mai Am là em của Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương, với vẻ mặt mất ngủ , đôi mắt đỏ hoe, chưa kịp kéo ghế ngồi đã khóc òa. Bà cầm tay Tùng Thiện Vương và nói :

- Chắc là khổ lắm rồi anh ơi ! Tội tru di làm sao tránh khỏi ! Anh chị và mấy cháu có bề gì thì em chết mất.

Tuy Lý Vương ngồi bên cạnh an ủi Mai Am :

- Chuyện đã lỡ xảy ra, chúng ta cần phải bình tĩnh. Biết đâu Trời Phật gia hộ sẽ được tai qua nạn khỏi.

Gia nhân chế lại bình trà ướp sen hương bay thơm cả phòng, đồng thời bưng lên một đĩa trái cây đã gọt sẵn, nhưng chẳng ai muốn ăn uống gì cả !

Tùng Thiện Vương muốn giữ Tuy Lý Vương và Mai Am ở lại chơi vài ngày để đỡ quạnh vắng và đề phòng những bất trắc xảy ra nhưng cả hai người đều từ chối rồi đứng dậy vái chào ra về.

Mấy anh em cùng đi ra ngõ. Cảnh vật của phủ Tùng Thiện u trầm hẳn giữa ngày thu. Bầu Trời đầy mây như sắp đổ cơn mưa lớn. Trên các lối đi lá vàng rụng đầy Đã mấùy hôm, gia nhân cũng chẳng muốn quét tước, dọn dẹp. Đưa khách ra khỏi cổng, Tùng Thiện Vương quay vào nằm soãi dài trên chiếc sập gụ. Ông muốn ngủ một giấc để lấy lại sức khỏe nhưng không tài nào ngủ được. Ông cứ trở mình giữa tiếng thằn lằn chắc lưỡi, giữa tiếng côn trùng trong bóng đêm lạnh.

Trên lầu Vọng Nguyệt, những cây Bạch Lạp được thay nhau đốt lên. Giữa đêm khuya thanh vắng, Tùng Thiện Vương ngồi bất động nhìn bóng mình in trên vách. Từ khi xảy ra việc quốc sự đến nay, ông chẳng làm được bài thơ nào. Không những thế, những thi hữu thường lui tới thổi sáo, ngâm thơ với ông nay cũng lánh đi đâu hết. Chưa bao giờ ông cảm thấy cô đơn như lúc này. Dường như xung quanh ông bây giò chỉ có đêm trường tịch mịch với tiếng gà gáy eo óc vọng lại từ mấy xóm nhỏ ở bên kia sông. Ông với tay lên thư án lấy tập thơ "Thương Sơn" mở ra đọc lại mong khuây khỏa nhưng đâu có khuây khỏa được. Bao nhiêu hình ảnh ghê rợn sắp tới cứ hiện ra rối tinh trong đầu. Ông nhớ đến Cao Bá Quát, một người bạn thơ, một danh sĩ Bắc Hà đã có một thời gian dài đàm đạo văn chương với ông. Rồi cái chuyện khởi binh của Cao Bá Quát ở Sơn Tây dẫn đến không những Cao bị giết, bị bêu đầu ở chợ mà còn liên lụy đến cả vợ con, gia tộc. Ông lại nhớ đến lần ông đưa tập thơ này cho hai con rễ cùng xem, xem xong Hồ Đắc Thuấn viết một bài bình thơ gần mười trang ca ngợi hết lời đối với tập thơ của cha vợ, còn Đoàn Trưng thì im lặng không nói gì, trong thâm tâm rằng thơ của cha không có gì mới, chỉ là thơ của tầng lớp trên chẳng chia sẻ được gì với quần chúng lao động. Hơn nữa về thể thơ, đại bộ phận là thơ Đường luật, thiếu sự đổi mới bứt phá. Lúc bấy giờ ông rất giận nhưng dù sao cũng đã là con rễ trong nhà, hơn nữa ông vẫn nể Đoàn Trưng là người thông minh, lanh lẹ, tài văn thơ chẳng kém gì ai nên rồi ông bỏ qua, vui vẻ trở lại.

Bà Tùng Thiện Vương thấy chồng thức khuya quá cũng ngồi dậy chế trà, lấy thuốc giúp ông. Ông chậm rãi nói với vợ:

- Gia đình ta đang phải trãi qua những ngày đen tối, Hoàng Thượng chắc là không tha thứ đâu! Ta cứ nhìn vào cái vụ Hồng Bảo là đủ biết. Tôi đã nghĩ hết cách nhưng chẳng tìm ra lối thoát!

- Em cũng thấy như vậy! Hơn nữa, mấy bữa nay thấy anh mất ăn, mất ngủ, em sốt ruột quá.

- Anh cũng thấy em gầy hẳn đi. Dù sao đi nữa thì em cũng phải cố gắng giữ gìn sức khoẻ. Khi nào chết thì chết chứ đau ốm khổ lắm.

- À! Mà thằng Trưng nó làm thì nó chịu. Em thương con Thể Cúc quá! Từ nhỏ đến lớn nó được cưng chiều như trứng mà bây giờ phải chịu cảnh liên lụy, chưa biết sự thể ra thế nào? Hơn nữa đứa con của nó còn nhỏ quá! Ôi trời đất ơi! Sao mới sinh ra đã phải chịu khổ sở như thế? Chẳng thà em chết chứ không thể đứng nhìn con và cháu bị đọa đày trong vòng lao lý.

Nghe vợ than vãn, khóc lóc, Tùng Thiện Vương xúc động vô cùng. Ông vừa an ủi vợ vừa bảo vợ sắp xếp một vài công việc cần thiết của gia đình.

Ông im lặng giây lát, bỗng nhiên khuôn mặt đổi sắc, bình sinh nói với vợ:

- Ngày mai, gia đình ta tự trói để nộp mình cho Triều đình. Nếu không làm như thế, tội sẽ nặng hơn, lại còn nhục nữa.

Nghe đến đó, bà Tùng Thiện Vương run rẩy, nước mắt hai hàng, muốn té xỉu. Ông đưa tay đỡ bà dậy. Mấy đưa gia nhân cũng hốt hoảng, vây quanh rồi đưa bà lên giường nằm. Bà thoi thóp như người sắp chết.

Trời mới rạng sáng, từ ngôi nhà của hai vợ chồng Đoàn Trưng, khách đi đường thấy Thể Cúc bị trói chặt, hai cánh tay gập về phía sau, gia nhân bồng theo đứa con của Thể Cúc, cũng đi là Tùng Thiện Vương, áo quần xốc xếch, kéo lê đôi chân, xuống đò qua sông đi về hướng Hoàng thành để tự nộp mình.

Ai nhìn thấy cũng chảy nước mắt.

Mặt nước sông hương phẳng lặng như tờ nhưng lòng người hoạn nạn cuộn sóng.

Ba anh em nhà họ Đoàn và mấy người chủ chốt trong "Đông Sơn thi tửu" lúc đầu bị giam ở ngục Trấn phủ nằm ở phía Đông Nam kinh thành Huế, trong cửa Đông Hoa. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn lại chuyển sang giam ở Khám đường, chắc có lẽ vì các quan chức Triều đình cho rằng đây là những người trọng tội, trước sau gì cũng chịu án tử hình, sợ âm mưu bỏ trốn nếu không được giam giữ một cách cẩn thận.

Mặc dầu ở Trấn phủ cũng có một vòng thành cao, phía sau tiếp giáp với hồ nước rộng. Bên trong có một căn nhà ba gian, phần trước mỗi gian dùng để làm việc, phía sau dùng để giam phạm nhân nhưng dù sao cũng không quy mô bằng ở Khám đường, nơi giam giữ những người chịu án tử hình.

Khám đường nằm khoảng giữa hai cửa Chánh Tây và An Hòa, dựng lên từ thời Gia Long, gồm một khung thành cao hình chữ nhật, dọc theo chu vi thành là hào nước sâu lại được bao bọc bởi một luỹ tre trồng ken kín. Cả Khám đường chỉ có một cửa ra vào tiếp với một con đường đất nhỏ với chiếc cầu tre bắc qua hào nước. Bên trong cửa, có một căn nhà rộng rãi, thoáng mát, là nơi làm việc của các quan chức coi ngục. Phía sau có ba gian nhà là nơi giam giữ phạm nhân. Mỗi gian đều chia ra tầng dưới và tầng trên. Tầng dưới nền đất rất ẩm thấp, tầng trên tiếp giáp với mái nhà rất nóng nực. Mùa hè mà ở trên này chẳng khác gì ở trong lò lửa. Ban đêm, phần lớn phạm nhân bị đẩy lên tầng trên và xiềng xích lại rất kỹ. Ai yếu bóng vía, mới vào đến đây đã ngất xỉu.

Đoàn Trưng, ngày mới bị dẫn độ đến Khám đường đã bị gọi lên phòng tra khảo. Cổ mang gông, hai chân bị xiềng lại trông thật tội nghiệp. Mở đầu, quan cai ngục hỏi:

- Phạm nhân tên họ là gì, quê quán ở đâu, vì sao lại bị đưa đến đây trong lúc chưa có bản án?

- Ta là Đoàn Trưng, người làng Chuồn, vì muốn cứu nước nên làm binh biến. Còn việc chưa có án mà dẫn đến đây thì ta không rõ.

Nghe Đoàn Trưng trả lời một cách ngang tàng, tên coi ngục nổi giận đùng đùng, quát lớn:

- Mày có sợ chết không?

- Không! Khi ta đã dám tổ chức binh biến thì không có gì mà phải sợ!

- A! to gan thật. Chết thì chưa chết nhưng đòn roi thì phải nhận lấy trước hết.

Nói xong hắn đánh Đoàn Trưng túi bụi bằng chiếc roi mây để sẵn ở đầu bàn. Đánh xong hắn hất hàm hỏi:

- Mày có thân nhân đi theo không? Lệ ở đây, trước khi vào cổng là phải cống nộp phẩm vật, tiền bạc, ít ra cũng phải có cau trầu, rượu trà. Sao mày không nói thân nhân mang theo?

- Tôi bị bắt ở giữa trận tiền, bị giam ở Trấn phủ rồi chuyển sang đây. Thân nhân tôi làm gì biết mà đi theo. Ông có biết Tùng Thiện Vương Miên Thẩm không? Về đó mà đòi sẽ có mọi thứ!

Nghe nhắc đến Tùng Thiện Vương, tên coi ngục giật mình. Biết ông đó chính là chú của vua Tự Đức, cha vợ của Đoàn Trưng nên có phần thay đổi thái độ hành xử. Hắn nói:

- Thôi, vui vẻ mà sống thêm một thời gian nữa. Bên Trấn phủ, phạm nhân phải mang theo thức ăn, chăn chiếu, ai không có thì xin ăn hoặc nhịn đói. Bên này được cấp gạo, cơm, mắm muối nên cứ yên tâm. Có điều, muốn khỏi bị đòn thì phải khai cho hết số đồng đảng của mình và không được giấu một điều gì…

Đã trãi qua mấy ngày, Đoàn Trưng thấy ở đây đúng là địa ngục trần gian. Phạm nhân ăn toàn là cơm hẩm và mắm thối, ai cũng gầy gò, ốm yếu, mặt xanh như tàu lá, áo quần rách rưới, hôi hám, bẩn thỉu. Đêm đêm, phạm nhân bị tra tấn kêu gào thảm thiết. Có người chịu án tử hình chưa đến ngày ra pháp trường đã bị chết ở đây. Mỗi tháng nghe kể chết đến bốn năm chục người vì đau yếu, bệnh tật, vì không chịu nổi sự đọa đày mà phạm nhân phải gánh chịu.

Trong Khám đường không có khu vệ sinh, mỗi ngày bọn cai ngục thay nhau dẫn phạm nhân ra các khu vực ao đầm xung quanh để cho họ đi đại tiện, đồng thời xách nước về để dùng.

Một hôm, Đoàn Trưng vừa ngồi đại tiện vừa nói chuyện với tên lính canh đi theo:

- Anh công tác ở đây đã lâu chưa?

- Thưa ông, cũng được hơn một năm rồi. Trước đây cháu đi lính, tham gia xây lăng trên Vạn Niên nhưng vì khổ quá, đau yếu nhiều nên đã nhờ cậy người xin về đây. Nhưng khi về đây rồi cũng chán, vì hàng ngày phải đối diện với chốn lao tù khổ nhục, nhất là khi thấy bọn cai ngục ăn chận, ăn bớt khẩu phần của anh em phạm nhân vốn đã quá ít ỏi, quá tội nghiệp.

- Thế thì cháu có biết tôi là ai không?

- Tôi có biết nhưng chưa rõ lắm. Ông là Đoàn Trưng, người thắp lên ngọn lửa làng Chuồn, người anh hùng của cuộc binh biến kinh thiên động địa vừa rồi. Nếu tôi còn lao động ở Khiêm Lăng tôi cũng sẽ vác chày vồ đi nện cho bọn chúng một trận.

Nói xong, anh ta chẳng ngại gì mấy người tù cũng đang ngồi đại tiện xung quanh các lùm cây, cúi xuống lạy Đoàn Trưng ba lạy.

Đoàn Trưng vừa cảm động, vừa buồn cười. Không ngờ trong lúc bị tù tội, giữa lúc đang đi đại tiện mà cũng có người nhận ra mình, lại còn sụp lạy. Ôi! Mình thật là người hạnh phúc nhất trần gian.

Năm nay gió bấc thổi về sớm. Cả kinh thành chìm trong gió lạnh. Dân chúng được huy động đi xem xử án vụ binh biến vừa qua. Có người đi dự vì tình tò mò, có người vì thương xót kẻ lâm nạn đã tề tựu về từ sớm. Khu vực xử án được lính Long Tuyền canh giữ cẩn mật, gươm dáo sáng lòe. Ngồi trên cao là các quan bộ Hình mặc áo rộng xanh, đội mũ cánh chuồn, ngực đeo thẻ bài trông hồng hào, phương phi, nghiêm nghị. Đứng phía dưới là đoàn phạm nhân áo quần rách rưới, nhàu nát, bẩn thỉu, cổ đeo gông, chân có xích sắt dài. Mới mấy tuần mà ai nấy mặt mày hốc hác, dáng hình tiều tụy, đi đứng không vững. Riêng Đoàn Trưng đôi mắt vẫn sáng, bước chân vững chãi, vẫn biểu lộ sự ngang tàng của mình.

Mọi người đến xem vây quanh bãi đất trống đang nhốn nháo, chen lấn, bỗng ba hồi trống vang lên, cuộc xử án bắt đầu.

Trước hết quan Bộ hình đọc bản tường trình vụ việc từ khi xảy ra đến nay cho dân chúng rõ với những lời phê phán, buộc tội gay gắt, ai mới nghe cũng lạnh xương sống. Sau đó, lần lượt hạch tội từng người.

Quan bộ Hình hỏi Đoàn Trưng:

- Nhà ngươi quê quán ở đâu? Tại sao học hành đỗ đạt không ra làm quan lại làm chuyện nghịch tặc?

Đoàn Trưng hiên ngang trả lời:

- Anh em ta người làng Chuồn, kết giao với nhau lập ra "Đông Sơn thi tửu". Mặc dầu đỗ đạt nhưng ta không thể ngồi chung với bọn quan lại ngày nay. Trước nạn nước ta muốn cứu nguy đất

nước.

Nghe Đoàn Trưng trả lời, quan Bộ hình giận dữ đập tay xuống bàn, quát lớn: Im! Nhà ngươi không thể trả lời một cách xấc xược như thế! Rồi hỏi tiếp:

- Đồng đảng của nhà ngươi có bao nhiêu người? Ai còn lẩn trốn ở đâu?

Đoàn Trưng quắc mắt nói:

- Đồng đảng của ta là quần chúng nhân dân lao khổ, đông lắm không thể đếm hết. Hiện nay không còn ai lẩn trốn. Hàng ngàn người đang đứng trước mặt các ông, các ông hãy vì đất nước mà chung sức chung lòng với họ.

- Im! Đây không phải là chỗ tuyên truyền!

Quan bộ Hình hỏi tiếp :

- Tại sao nhà ngươi là rễ của Hoàng tộc lại rắp tâm chống lại Hoàng thượng ?

- Ta chống lại Hoàng thượng chứ không phải chống Hoàng tộc. Hoàng thượng hiện nay đã bất lực trước giặc Pháp xâm lược. Việc mất ba tỉnh miền Đông Nam bộ là một việc đau xót của cả dân tộc. Tại sao Hoàng Thượng không tập trung sức người, sức của để đánh giặc giữ nước lại lo xây lăng cho riêng mình quá lớn? Các ông có biết lính tráng và dân phu ở công trường Vạn Niên bị đoạ đày thế nào không?

- Im! Không được kể lể dài dòng!

Quan Bộ hình cho dẫn Đinh Đạo ra và hỏi?

- Vì sao nhà ngươi theo giặc, làm loạn?

Đinh Đạo gầy ốm, mặt mày hốc hác, nhiều vết bầm tím, run run trả lời:

- Đoàn Trưng không phải là giặc. Ta cùng với Đoàn Trưng trước hết muốn lập lại kỷ cương của Hoàng tộc, tức dòng trưởng phải được nối ngôi, sau nữa ta muốn có một Triều đình có tư tưởng đổi mới, đủ mạnh để thu lạiđất đai đã mất. Ta muốn trở lại họ Nguyễn chứ không phải họ Đinh.

Nghe Đinh Đạo nói, quan Bộ hình lại đập bàn rầm rầm và quát lớn:

- Nhà ngươi đáng lẽ phải chết theo cha là Hồng Bảo, Hoàng Thượng đã vì tình ruột thịt mà cho sống. Ơn ấy nhà ngươi không lo báo đền lại còn gây oán. Tội đáng chết.

Đến lượt nhà sư Nguyễn Văn Quý, quan Bộ hình hỏi:

- Ngươi là vị thiền sư được Phật tử kính trọng, sao không lo tu hành lại theo nghịch tử nổi loạn?

- Mấy ngàn năm Phật giáo gắn bó với dân tộc. Trước nạn nước, đã là người dân thì phải có bổn phận giúp nước. Ta không thể ngồi yên tu hành khi nước mất, nhà tan, nhân dân khốn khổ.

- Im! Nghe ta hỏi: Có bao nhiêu nhà sư tham gia với nhà ngươi? Bây giờ họ trốn ở đâu?

- Đông lắm. Họ không trốn đâu cả. Bây giờ họ vẫn ở giữa đất Đế đô này.

- Ai xuí giục các ngươi nổi loạn?

- Không ai xúi giục cả! Ta tự nguyện hy sinh cho đạo Pháp và dân tộc.

- Các ngươi dùng chùa Pháp Vân làm nơi tụ hội, ta sẽ cho triệt phá chùa này, nhà ngươi có sợ không?

- Không có gì phải sợ! Chùa hôm nay bị các ông triệt phá, ngày sau Phật tử sẽ xây lại to hơn, đẹp hơn. Sống và chết, còn và mất đều là lẽ vô thường.

Quan Bộ hình nghe Thiền sư Nguyễn Văn Quý trả lời dõng dạc như vậy, biết rằng vị Thiền sư này là một trong những người chủ trương làm cuộc binh biến. Bên ngoài vì nhiệm vụ được giao phải chất vấn buộc tội như vậy nhưng trong lòng vẫn thán phục sự can cường của vị Thiền sư.

Tất cả những phạm nhân lần lượt được chất vấn. Quan Biên tu ngồi nghe ghi chép thành văn bản.

Bản án được trình lên vua Tự Đức, nhà vua bàn với các quan đại thần. Bởi vì sự việc xảy ra quá hệ trọng, bản án có thể dẫn đến nhiều người bị chết một cách thê thảm. Nhà vua phân trần với hậu thế: 'Lòng ta nếu không thể giải tỏa với mọi người còn có thể giải tỏa với muôn đời vì sự yêu ghét đã thiên lệch, không thể bắt ép giống nhau được. Từ xưa có nhiều việc như thế, nhưng lòng tự hỏi lòng, không chút thẹn riêng, Trẫm từ trước đến nay, thương giấu, cho nên trái với lời nói của mọi người để đến có việc ngày nay thực là khổ tâm vô hạn, nay không thể không nghĩ đến xã tắc, không thể không nghe theo lời các thân công và quan đại thần, làm ơn không đầy đủ, vẫn tự thấy thiếu, nhưng trừ kẻ ác cốt phải kỳ hết nên quả quyết thì quả quyết. Trẫm chịu tiếng hung ác, tàn nhẫn mà trừ hết mầm ác, không để lo cho người đời sau, việc phải hay trái đã có công luận..."

Nghe nhà vua giải bày một hơi dài, các thân công quốc thích và các quan đại thần đều nhất trí theo cách hành xử của nhà vua. Nhà vua giáng dụ:

- Đinh Đạo, mẹ và vợ cùng con trai, con gái, cộng tất cả tám người, vì tình máu mủ ruột thịt cho hưởng ân sủng toàn thay, tha án lăng trì, án chém nhưng phải chịu án thắt cổ ngay.

- Bọn Đoàn Trưng, Đoàn Trực, Trương Trọng Hòa, Nguyễn Văn Quý, với mười ba tên đồng đảng chịu án lăng trì, đồng thời bắt hết thân thuộc, tịch biên gia sản sung công, còn tám tên khác chịu án chém. Tất cả đều chịu bêu đầu ở chợ.

- Tôn Thất Cúc tuy đã tự tử nhưng xét rằng người của hoàng tộc, tình thân đã như thế, chức phận là Hữu quân mà còn tiếp tay với giặc để làm nguy đến xã tắc nên phải chịu tội phanh thây, bêu đầu.

- Vợ của Đoàn Trưng là Thể Cúc, xét phận đàn bà, lại có tình máu mủ, tha tội chết, chỉ giam vào ngục thất nhưng đứa con gái nhỏ phải chịu tội chết. Riêng Tùng Thiện Vương Miêu Thẩm xét rằng gã con gái không kén rễ phải chịu liên lụy. Tuy nhiên, là người có học, được Trẫm quý mến tài thơ văn từ lâu, tội ngờ chỉ nhẹ, phạt bỗng tám năm.

- Nguyễn Văn Sa, Nguyễn Văn Chất được cất cử chỉ huy công trường xây Khiêm Lăng ở Vạn Niên, vì quá khắc nghiệt để binh lính và dân phu oán hận nghe theo Trưng làm binh biến. Hai người đều bị bãi chức chờ Triều đình luận tội.

- Phủ doãn Thừa Thiên là Nguyễn Văn Tường, phủ thừa là Vũ Khắc Bi, hộ thành Phó sứ là Nguyễn Tuần, tri huyện Hương Thủy là Nguyễn Thừa Huy đều bị cách chức nhưng cho tiếp tục làm việc để chuộc tội.

Trước tình hình sự việc tự xét thấy quá nghiêm trọng, một số đình thần đều dâng sớ chịu tội, chờ Hoàng Thượng truy xét.

Cuộc binh biến qua đi đã lâu mà bầu không khí ở Kinh đô Huế dường như vẫn còn chìm trong nỗi kinh hoàng nhất là chốn quan trường, kể cả Hoàng Thượng cũng như các vị trong hoàng thân quốc thích. Hằng đêm, lính tráng được điều động thêm, bố trí canh phòng cẩn mật. Một số quan lại bị giáng chức hoặc bị đổi đi xa, một số mới được tăng cường từ Bắc Thành hay từ Gia Định thành về. Khu vực Tử Cấm Thành thì đặt trong tình trạng báo động thường trực, nhất thiết những người không có nhiệm vụ không được qua lại.

Hình ảnh các đầu lâu của những người bị án chém treo lủng lẳng trên thượng thành hoặc cắm cọc bêu ở các chợ trãi qua mưa nắng trơ xương trắng tạo nên cảnh ma quái, rùng rợn nhất là về đêm chẳng ai dám qua lại các khu vực này.

Vì quá ngưỡng mộ ba anh em họ Đoàn và nhóm "Đông Sơn thi tửu" có người cho rằng trong số họ vẫn còn người sống sót, đang cải dạng lẫn vào trong dân chúng, được dân chúng đùm bọc, nuôi nấng. Họ tin rằng ngọn lửa mà ba anh em họ Đoàn thắp lên ở làng Chuồn chưa tắt hẳn, vẫn còn cháy âm ỉ ở đâu đó, vẫn còn sáng trong lòng người. Hy vọng rằng một ngày nào đó ngọn lửa ấy sẽ lại bùng lên, đẩy lùi bóng tối của quê hương đất nước, góp phần mang lại độc lập, tự do, ấm no hạnh phúc cho nhân dân./.

TIẾN THẢO



DƯỚI TÁN PHƯỢNG HỒNG

LÝ THỊ MINH CHÂU

Chẳng phải mưa mà cũng chẳng phải sương. Đó là những hạt nước nhỏ li ti từ những đám mây loãng rơi xuống. Mùa xuân đã ra đi từ lâu. Sự tinh khiết, trong veo của bầu trời vùng cao đã nhuốm màu vẩn đục. Tiếng chim hót du dương trong cánh rừng thông xanh vi vu cũng đã thưa dần bởi chúng phải tất bật lo cơm áo cho đàn chim non tí hon tập nhảy, tập bay. Đó cũng là lúc hoa phượng dần dà bói nụ. K'Rin nhớ mãi cái cảm xúc bồi hồi, xao xuyến của ngày ra trường, của thời sinh viên nhiều mộng lắm mơ.

Quen nhau trên đường đi bộ từ trường về nhà trọ, Trà là chỗ dựa để K'Rin không thấy choáng ngợp trước những màu áo xanh đỏ chi chít chữ nước ngoài, trước những tiếng nói cười hô hố của đám cậu ấm cô chiêu tóc vàng, tóc tím. Trà hơn K'Rin vài tuổi nhưng lại học cùng khối lớp bởi anh xin bảo lưu số điểm của học kỳ vì lý do gia cảnh mất hai năm. Trà chất phác, hiền hậu pha chút quê mùa nên dễ gần gũi. Đó là thứ mà K'Rin cần. Họ quấn quít nhau như đôi tình nhân, san sẻ cho nhau từng niềm vui, nỗi buồn. Không lâu sau đó, Trà dọn đến trọ gần phòng của K'Rin để tiện việc trao đổi bài vở, học hành và cũng để gần nhau.

Đó là khu nhà trọ có sân vườn thoáng mát, có giàn Hồng phúc bốn mùa rực rỡ hoa. Chủ nhân chúng là một trung niên tuổi ngoài bốn mươi, goá vợ. Ông ta vui tính, hay đùa. Ông cũng ở trọ trần gian như sinh viên, cũng cơm hàng cháo quán và căn phòng cũng bé tẹo nhưng đầy ắp chai lọ, nồi niêu xoong chảo. Khác chăng là bức ảnh ông treo trên tường với chiếc mũ tai bèo sạm nắng, sạm mưa.

K'Rin không trắng như hoa dành dành, cô có màu da ngăm đặc trưng của thiếu nữ vùng cao. K'Rin biết chọn mặc những bộ y phục màu tối làm bừng sáng lên những đường cong tuyệt đẹp, săn chắc của một đoá hoa rừng tinh khiết. Đi trong chiều ngược gió, tà áo lụa mỏng bay bay, nhìn cô dễ phải ngẩn ngơ những câu thơ tình bất chợt. Trà không biết mình đã thôi dại khờ từ khi nào. Hình ảnh người con gái trong tim anh chỉ có thể là K'Rin. Tóc dài loã xoã, eo thon, ngực tròn. Trà liên tưởng đến giấc ngủ trưa trên chiếc võng gai đong đưa, cúc lơi, yếm trễ...đẹp ngọt ngào như những câu thơ bất hủ của nữ sĩ họ Hồ.

- K'Rin ơi, hè này cho Trà về bản của K'Rin chơi nhé ?
- Chưa biết cái bụng của bà mẹ, K'Rin không dám đâu !
- Bạn bè tới thăm nhau là chuyện thường mà.
- Ừ, thì thường nhưng người làng không nghĩ vậy.
- Hay là K'Rin đã có người yêu ở bản rồi ?

K'Rin nguýt dài mà không nói gì. Cô cảm nhận được niềm hạnh phúc dâng trào đâu đó. Má cô ửng hồng, một chút xao xuyến đang lan toả. Tiếng chim chích choè hót ríu ran trên cây phượng già, xâu chuỗi những ước mơ không lời. Lòng cô là một tinh cầu đầy ắp những khái niệm yêu đang phản ứng nhau dữ dội. Cô làm sao quên được lời mẹ dặn dò trước lúc lên thành phố học :

- Phải biết giữ gìn, ráng học cho thật giỏi để đem cái chữ về buôn làng và tuyệt đối không lấy chồng ở đó.

Còn cha cô thì không thế :

- Lấy chồng người Kinh càng tốt chứ sao. Có dịp để tui với bà lên thành phố thăm sui gia, con

cháu không hay à.

- Liệu cái bụng người Kinh có tốt như cái bụng của người mình không ?

- Ở đâu mà chẳng có người tốt kẻ xấu, người giàu kẻ nghèo. Cứ đòi ai cũng tốt, cũng giàu thì con lợn, con hươu cũng đã bay như chim cả rồi.

K'Rin nghe cha nói thế cũng mừng, nhưng cô biết mẹ cô chẳng bao giờ bằng lòng. Tiếng nói của mẹ là tiếng chiêng to nhất, tiếng trống to nhất, tiếng của con hổ, con voi thừa sức làm chao đảo núi rừng.

- Anh là chàng trai tốt, tốt nhất trong những người mà em đã gặp. Nhưng tiếng hót của con chim trong lồng son thì chẳng bao giờ vui đâu.- K'Rin tự nói với mình như thế.

*

Ông chủ phòng trọ mở tiệc chia tay mời K'Rin, Trà cùng vài người bạn thân quen nữa. Nhìn ông lụi cụi với công việc bếp núc K'Rin thấy thương hại, cô giúp ông nhặt rau, thái củ, chạy đi mua cái này cái kia. Ông xúc động lắm nói với K'Rin bằng tất cả chân tình :

- Cảm ơn K'Rin, tôi không có quà gì xứng đáng để tặng cô. Tôi biếu lại cô tiền trọ tháng này nhé. Cô dùng nó mua quà về biếu cha mẹ và các em. Còn món măng lưỡi lợn nấu chân giò là món K'Rin ưa thích thì tôi cũng đã chuẩn bị xong xuôi rồi, tôi nấu nó từ khuya...

- Vất vả cho ông chủ quá.

- Đừng nói thế mà chóng xa nhau.

K'Rin cười cười :

- Không chóng thì cũng sắp xa nơi này rồi.

- Thật tình, cô không muốn quay lại đây ư ? Tôi hằng cầu mong cho cô có việc làm ổn định ở thành phố bé nhỏ này.

- Cháu cũng thích như thế, nhưng không được. Chạy ăn, chạy bộ thì được còn chạy việc thì cháu không có khả năng. Hơn nữa...- K'Rin nghĩ tới thân phận mình.

Ông chủ quay người lại, nhìn sâu vào mắt cô :

- Hăm mấy tuổi, với con gái như thế là không còn trẻ, K'Rin đã dự tính gì cho tình yêu tương lai của mình chưa ?

- Dạ chưa ông chủ.

- Đừng gọi ông chủ nghe phân biệt lắm, tôi thích K'Rin gọi tôi bằng anh hơn. Dẫu sao thì cô cũng đã ở nơi này hơn bốn năm rồi và tình cảm mà tôi dành cho cô lẽ nào cô không biết.

K'Rin im lặng đưa mắt nhìn qua hàng hiên, ông chủ đến bên vuốt tóc cô, thì thầm :

- K'Rin, tôi yêu em thật lòng.

K'Rin vụt thoát ra khỏi vòng tay ông, cô chạy như bay về phòng mình. Cô hiểu tình cảm mà ông đã dành cho cô bao năm qua là chân thật. Ông cũng dễ mến và đáng yêu, nhưng yêu ông thì khó quá. Tuổi tác chênh lệch càng nhiều thì thách thức càng lớn. So sánh với Trà về mặt trẻ khoẻ xinh đẹp thì ông không thể. Ngược lại, ông có thu nhập ổn định, cơ ngơi bề thế, chỗ dựa vững vàng cho cuộc sống tương lai. Vẫn biết, người đàn ông mà phụ nữ lấy làm chồng là người đàn ông thật lòng yêu họ, sẵn sàng cùng họ đi đến cuối đất cùng trời. Hạnh phúc cũng thế, hạnh phúc luôn đến với người yêu mình mà không thường đến với người mình yêu.

*

Tiệc tan, ông chủ bịn rịn tiễn từng người ra về, qua khỏi hàng hiên K'Rin đứng lại chờ ông, mắt cô ngân ngấn lệ :

- Cảm ơn...anh về bữa tiệc thân mật này, còn chuyện kia thì em không dám. Em là người của

núi rừng em phải về với núi rừng. Tiếng chim hót trong lồng son không hay đâu anh, ai oán lắm. Người đời khen hay bởi vì họ chưa hiểu đó thôi.

Ông ôm cô, đặt một nụ hôn lên trán lấm tấm mồ hôi của cô, ngọt ngào :

- Hy vọng là em sẽ nghĩ lại, anh chờ.

Họ chia tay nhau dưới tán hoa phượng đỏ, dưới tiếng ve lao xao buồn buồn. Mùa xuân đã đi xa nhưng hương xuân mãi còn, thoang thoảng thôi nhưng rất đằm thắm. Sẽ là vô vị biết bao khi trong lòng mình không có gì, không nghĩ gì. Với K'Rin đó là kỷ niệm. Kỷ niệm đẹp nhất thời sinh viên.

LÝ THỊ MINH CHÂU



thơ

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT

TRĂNG TRONG MƯA

Mưa giăng giăng
Phố buồn đi ngủ sớm
Trăng lên rồi
Sao trời vẫn còn mưa !
Có phải ...
trăng và mưa là rất tình cờ
Nên níu kéo
một chút tình gặp gỡ
Mưa rả rích trong đêm
Như gieo sầu nhân thế
Mưa âm thầm lặng lẽ
Biết ai nhớ, ai quên?
Mưa từng giọt buồn tênh
Rơi vào hồn tĩnh lặng
Mưa nghiêng qua phố vắng
Ướt đẫm ánh trăng mơ
Nếu trăng buồn dấu mặt
Lấy đâu người làm thơ !

8-7-2014

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT



truyện ngắn

THÁC GHỀNH

MANG VIÊN LONG

Người hành khách ở hàng ghế sau nói xỉa xói, ông tài xế im lặng thản nhiên. Khuôn mặt già hơi mập trông bình yên, thoáng chút vui tươi còn lại sau mỗi cái nhếch mép; thò tay kéo máy nổ, nghe tiếng còi ré. Làm nghề lái xe khách hơn ba mươi mấy năm rồi, nên lỗ tai ông đã quen nghe bà con hành khách khó chịu nóng vội - nhất là mỗi khi gặp sự cố, xe trục trặc, phài đừng xe lại đẻ sửa; nên ông vẫn bình thản trước mọi lời hằn học nọ kia. Ông coi như gió thoảng qua tai thôi.

Xe chạy vầy thấu chiều chắc gì tới. ba bữa rày đi nhằm chiếc xe mắc dịch nằm dọc đường dọc sá. Ba ông xe hơi nói *thiên gia thiên tướng* sức nào mà nghe, chờ từ bốn giờ sáng chưa ăn uống không kịp rửa cái mặt...Vậy đó, mà chờ miết thấu mặt trời mọc tám sào nóng nước đỏ gọng còn ì ạch ì ạch. Bà hành khách dừng nói, thở dài, chồm dậy ngó hờ ra đầu máy. Hai người phụ chạy lăng quăng theo lời quát của người tài xế. Máy vẫn nổ, còi xe vẫn ré dài. Coi có chạm ở dây điện hàn hôm trước không mầy? Không. Mở hết cái đầu còi ra đi. Rồi, Sao ? Không sao hết. Đm cái thằng con khỉ ...

Từng đoàn xe nhà binh vượt qua chạy lao vào giữa hai hàng rào kẽm gai có buột lủng lẳng những lon. Uy nghe đói nhột nhạt. Khói thuốc bốc mù áp khô da mặt. Hành khách trên xe đã có người xuống xe, đi long rong dọc đường. Người tài xế rời chỗ ngồi mở cửa lách mình nhảy xuống. Uy nhảy xuống theo. Hắn xốc lại áo quần đi ngược lại chiếc cầu một chiều định bụng ghé chợ mua cái gì ăn đỡ. Quán dọc đường đã có người. Uy không tìm ra chỗ nào ngồi ăn được. Chỗ ngồicũng ảnh hưởng đến cái dạ dày lắm, và Uy thường chọn những chỗ không hạp ý cũng đừng trái để ngồi ăn. Những tô phở, bún bò sắp sẵn trên một kệ gỗ trước cửa quán hứng bụi. Những người đàn ông dáng cằn cỗi, những người đàn bà trông lùi xùi chui vào tự tay mang đi một tô cho mình. Uy nhìn sâu vào trong, chui vào. Túp lều đóng bằng ván thùng rạn nứt nhiều chỗ còn đọng chút hơi mát. Người lính dựa lưng lên vách, úp cái mũ vải lên mặt ngủ. Chiếc bàn nơi người lính ngủ còn trống, Uy ngồi xuống bên nầy chiếc bàn chờ. Những người đàn bà ăn vội đi vội. Hai gã đàn ông còn lại phờ phạc trong đôi mắt yếu, thiếu ngủ. Họ ngồi chắc chắn như ở nhà, hai chân chụm lại để lên ghế. Họ vói tay dễ dãi bẻ tăm nhang trên cái trang thờ bằng giấy đóng cao ở vách trên đầu, xia kỹ từng kẽ răng, uống kỹ từng ngụm nước. Tui vậy là hết sạch rồi đó anh, có bao nhiêu dồn vào cái nhà miếng vườn. Chớ tui có hơn gì anh, có bao nhiêu dồn vào đôi bò lứa heo. *Tội nghiệp thằng Út, nó thiệt tốt tướng mà chết ...* Ai dè lựu đạn rớt trên mái nhà. Số anh cũng may, lọt vào trong một chút chắc anh cũng tan xác. May chó gì anh, bây giờ có nước chết thì sướng. Anh nghĩ tui có đáng chết không? Anh đừng nghĩ bậy, lúc nầy nói như anh ai cũng đáng chết hết, tui đây cũng nhờ trời, tụi nhỏ chạy được, đi với bộ đồ trong người, trời cũng nuôi sống anh à. Tui đâu có màng nhà cửa ruộng vườn heo bò gì anh, thằng Út nó chết lòi ruột ọc sữa ra bên cạnh tui đó, nhìn nó chết từ từ thật đứt ruột ... *Thằng nhỏ thiệt tốt tướng mà chết, già chừng nầy chưa chết, thằng nhỏ sắp biết nói đã chết.* Chớ anh buồn có gì nó cũng chết, *nẫu* chết biết mấy mà tính, thời nầy sống một bữa hay một bữa, anh biết *thằng rể ông Tám Rựa đó, nó sáng còn nói cười, chiều đụng*

mìn tan xác... mình nghĩ cũng buồn lắm chớ anh, tui biết lắm mà, tui đã trải gần mười năm kháng chiến chớ ít sao, thằng Út thiệt tốt tướng, nếu đi nhà thương được may ra nhưng giờ đó, đánh nhau riết quá ai mà dám ra khỏi cửa... Nó bị lòi ruột tui nhét vô lại, máu ra như mửa, nó chịu được mấy giờ rồi nằm im đi luôn... Gã cúi đầu nhìn xuống bàn chân mình bị bể băng vội một lần vải áo rách rỉ máu khô, ngẩng lên nhìn người bạn đối diện. Cũng tại ở nhà tui cứ kéo giữ tui trong nhà, tui tính ẫm nó chạy ra nhà thương xã... Người bạn đờ đẫn trong từng cử chỉ cứng, chập chạp - điếu thuốc lá quấn bằng tấm giấy lịch mỏng, khô dính trên môi hở. Uy im lặng hút từng con bún. Người lính cựa mình rồi dũi thẳng một chân dài trên ghế. Chiếc mũ áp lệch che khoảng mặt đen sần sùi mụn. Hơi thở đôi lúc dồn dập không đều trên lằn áo ỉ nước. Uy hỏi trả tiền cho bà già chủ quán đang ngồi khom lưng thái từng miếng thịt bò nhung nhúc ruồi đậu. Khi bà đứng dậy dừng tay thối tiền, bầy ruồi vụt bay vụt đậu đều đặn. Khi chiu ra khỏi quán Uy nhìn lại mặt gã đàn ông lần chót. Ông ta vẫn ngồi đó. Uy tự dưng mỉm cười với mình khi không nhận ra ở người đàn ông đó những dấu vết gì đặc biệt. Những người đàn bà đi chợ vượt qua mặt với cặp gà, thúng gạo, con heo, bó rau... là những người nào đây? Uy vứt mẫu thuốc leo lên xe vì lời quát của ông tài xế và tiếng cằn nhằn của hai người phụ.

Ngồi gần ông tài xế Uy mới nhận ra ông ta chỉ bực mình vì cái còi xe. Tui còn hai năm nữa là về hưu chớ mấy chú ... Làm nghề lái xe đò từ Saigòn đến Hà Nội, Nam Vang, Lào... ăn tiền không biết mấy chục đời chủ, ba ba năm tui chỉ học được một điều tốt là im lặng. *Silence est d'oir* mà... Ông ta cười ặc ặc trong cổ, đôi mắt liếc nhanh, ranh mãnh và tự tin. Ông chỉ vào đầu máy. Tui còn già hơn cái máy nầy mà, có ngày cũng bỏ luôn ở *gara*... Ngày đó tui cũng nằm yên dưới ba tấc đất, hà hà nghĩ cũng tức cười. Chiếc xe qua hết đoạn đường có giăng dây kẽm gai hai bên, khu trại thấp dưới chân đồi trên khỏang đất phẳng của lính Đại hàn trải ra thứ tự. Phía bên kia, những khẩu súng *ca-non* đặt trên một thửa ruộng ngập cỏ. Xe dừng lại trạm kiểm soát, người lính Đại Hàn gườm súng đi nhìn vào xe. Giấy tờ? Uy sẵn sàng chờ những câu hỏi đó dành cho hắn trên đoạn đường đến thăm Vi. Vi có ngờ vực anh như thế không? Anh đừng tạo ra quá nhiều câu hỏi cho em cho anh. Không có câu hỏi nào giữa hai chúng ta, nhất định không có câu nào cả phải không anh ? Uy tự dưng thèm điếu thuốc. Có bao thuốc dự trữ sẵn, điếu thuốc được đốt lên, khói thuốc được tỏa ra, những gì sẽ xảy đến? Vi ơi , em đã tự lừa dối em, có thật em thường khổ tâm trong sự lạc lõng của mình? Em đẹp lắm chắc anh đã nói ... Vi có vẻ không bằng lòng sị mặt. Một nỗi buồn như thật lớn che lấp Vi cả ngày. Xe rề rà chạy, chạy đều một vận tốc. Vi nhớ lại vài khuôn mặt kênh kiệu ở sở. Những Hoàng những Tuyết những Hương... Họ là những người nào? Tại sao họ có thể xúc động được với những điều quá dễ dãi như bôi một chút son phấn, đi một vòng phố ngày chủ nhật, vào một hiệu kem?

Ông tài xế mở hộp xe lấy chiếc gương *pilot* đeo. Nắng đã lên chói phía trên lưng chừng con đèo. Đoàn xe bị kẹt chận nối đuôi. Xe chạy rề rề lên dốc. Hà hà có bôn ba cũng không qua thời vận mà bà con. Chạy lắm cũng đứng đó nghỉ mát mà. Từng đoàn *convoy* Mỹ chạy vụt qua tung bụi mù. Người đàn ông ngồi cạnh Uy xin đổi chỗ. Lúc nhường chỗ xong Uy mới nhận ra ông ta rõ hơn. Đầu hơi hói cao, răng hô nên hai môi luôn hở trông cực nhọc; đôi mắt hóm sâu. Được ngồi gần nên nói chuyện dễ, bằng một giọng Bắc hơi đặc, ông nói chuyện áp phe đồ Mỹ ở Quy Nhơn. Hình như thuê xe chở trộm qua mặt lũ chủ sở, có ca xe của lính Mỹ dự vào, lời hàng trăm ngàn đến cả triệu một chuyến. Chuyện đấu thầu nhà cửa ở Đà nẵng, chuyện đĩ điếm ở Saigòn, chuyện thời sự với chính phủ liên hiệp... Chuyện cuối là tuổi tác. Con người lúc nào cũng quay về với từng năm sống của mình. Nghĩ mình sống còn đủ hơn lũ nhỏ bây giờ, tuy Pháp thuộc chứ sướng lắm phải không anh? Tôi cũng muốn về ngoài đó làm ăn năm bảy năm nữa rồi cũng chết ... năm mươi tuổi rồi chứ ít sao anh ? tụi mình già thực nhanh. Thằng Hiện đó, con ông Ba Tấm hồi tôi còn hùn vốn với ông già nó, nó còn mũi chảy lòng thòng ... Mới đây vào Saigòn, gặp nó đi phép ở Thủ Đức xuống, nó nói đã có vợ có con... mình nghĩ chắc mình sắp chết tới nơi. Người tài xế gõ gõ mấy ngón tay vào tay lái, gật gật đầu. Phải chết chớ, chết để nhường cho tụi nhỏ lớn lên chớ,

coi bộ tụi nó mà dữ à ... Vi ơi, nếu anh với em cùng già thì gặp nhau nói chuyện chắc vui lắm, tuổi già lúc nào cũng bình yên và có nhiều chuyện đáng kể cho nhau nghe ... Nhưng *thằng rể ông Tám Rựa đó, mới sáng còn nói cười, chiều đụng mìn tan xác. Thằng Út thiệt tốt tướng mà chết, già chừng nầy chưa chết ...*

Xe đậu bên nầy cầu Hà ra chờ đèn vàng. Khu chợ cá dẫn vào bến ghe máy ồn ào ở dưới ngã rẽ. Người con gái tóc để chởm đầy bụi khều bàn tay ra trước mặt từng người. Tiếng nói léo nhéo không quen giọng. Chiếc miệng lệch đi sau mỗi câu nói vì vết sẹo lớn chắn ngang miệng. *Đầu năm cho em vài đồng thương em tàn tật nhà cửa cháy tan, mẹ cha không có ... em chúc anh chúc chị, chúc cô bác... năm mới hạnh phúc làm ăn phát tài. Đầu năm cho em vài đồng thương em tàn tật nhà cửa cháy tan, mẹ cha không có ... em chúc anh chúc chị, chúc cô, chúc bác ... năm mới hạnh phúc làm ăn phát tài. Đầu năm ...* Người hành khách lúc sáng ở hàng ghế sau mở mắt, mở ví lấy tiền thảy vào tay đứa con gái. Con nhỏ hồi ở Vạn Giã, nó khùng tới giờ tội nghiệp... Còn đi học mà khùng... Sao thời nầy lắm người khùng quá không biết? Xe chạy chậm qua cầu bỏ lại những lời cầu xin của đứa con gái khùng ở Vạn Giã, gió thốc mát dày từ dưới biển lên. Nước trong xanh, thấy đá và những chiếc ghe úp. Gió vẫn thổi siết đem hơi lạnh dày. Bên nầy cầu là đứa con gái khùng quê ở Vạn Giã, bên kia cầu là đứa con gái mặc *Jean* nhún nhẩy trên *Honda*. Khách bộ hành dọc hai bên đường đông. Uy thoát ra khỏi xe nhập vào đám đông trôi chảy trước mắt. Uy có ý tìm thử có người đàn ông nào giống gã nhà quê ngồi trong quán lúc sáng ... Tất cả đều giống ông ta: Uy không biết được sự khác nhau, cuả từng người đã gặp. Anh không thể yêu Vi như những lời anh viết, anh khùng rồi đó ... Vi à đừng trách anh, có phải tại anh đâu, trong lúc anh yêu em... Uy đi cắm cúi, chợt biết, hắn liếc nhìn qua lại các hàng hoa bày giữa đường. Con đường bị phân ô làm chợ. Khu chợ vì thế lộ thiên. Uy cố giữ số tiền trong túi. Còn phải về đến nhà. Lo bao nhiêu việc. Ăn bao nhiêu ngày ... Ê, Uy... Ê Cậu... Thiết chìa tay ra bắt, giữ Uy lại bên đường. Đi Mỹ có gì vui không cậu ? Có nhiều quá đi chớ. Thử kể tớ nghe một vụ coi. Thì mình cũng *trả thù dân tộc* được rồi. Bao nhiêu ? Vài *đollars.* Trông Thiết vẫn trẻ vì những sôi nổi như thế. Bây giờ người ta phải có những sôi nổi thật vô tư để sống; Uy tự dưng như tính toán, thấy mình không còn sôi nổi nào, ngay đối với Vi, hình ảnh trước mắt hắn một vài giờ nữa đây, hắn cũng không yên tâm chờ đợi. Phương đi lướt qua mặt hai người, quay lại hất mái tóc bay ngược ra sau, như cái thói quen gặp người làm nàng chú ý; chợt nàng nhận ra Uy. Nàng dừng lại cười chào yểu điệu. Phương giống Vi. Đó là lúc Uy nghĩ đến điều này không giữ kịp. Vi thường bảo sợ chị Phương giựt anh Uy trên tay. Phương lúc đó cười phồng hai má, còn Uy, không biết nên trách ai. Cái lối xử sự nhanh chóng và ngay thẳng của Vi làm Uy khó chịu. Phương nói đến Vi để giữ Uy lại. Thiết bắt tay đi ngược lên phố, hẹn buổi tối ghé xuống cư xá. Uy gật gừ không muốn xa Thiết vội, nhưng hắn đã chìa tay ra, cười nheo mắt. Vi lúc nầy nó bất thường tợn lắm, trông không khác cụ già. Anh biết không nó dám đọc thơ Cao Bá Quát trước mặt ông cụ... Nó coi bộ còn sỏi hơn Phương à. Nó coi bộ còn sỏi hơn Phương. Vi đã tạo ra cho anh quá nhiều ảo ảnh. Có thật em đã già ? Uy hơi ngại tiếng nói to của Phương, nên lờ đi. Chị đi đâu "lèo phèo" (chữ của Phương thường dùng) thế nầy ? Phương cười trợn tròn đôi mắt. Ấy đâu có đi lèo phèo được, đi chọn ít nhành mai cho ông cụ. Uy giữ bước đi chậm bên Phương, nghĩ đến đứa con gái tóc để chởm quê Vạn Giã, vết sẹo chắn ngang miệng, giọng nói ngọng nghệu, bất chợ cao thấp. Thực nhanh, Uy nhìn đứng trên khoảng da thịt Phương để hở theo kiểu cổ áo khoét tròn. Bỗng Phương nhìn lại, bắt gặp tia nhìn sững sờ đó. Nàng mỉm cười thật lâu với Uy. Nó coi bộ còn sỏi hơn Phương à. *Đầu năm cho em vài đồng thương em tàn tật nhà cửa cháy tan, mẹ cha không có... em chúc anh, chúc chị...*Anh trông con bé mặc Jupe vàng kia có đẹp không? Đẹp. Đúng, đẹp nhất hành phố nầy đấy. Kìa anh xem cặp dò...Anh chưa nhìn được mặt nó, chứ thấy anh cũng xỉu. Phương gặp trong một buổi dạ vũ dưới tỉnh, tưởng cô bé là phu nhân của cấp tá trở lên ...Phương gọi anh bạn đang dạy ở Võ Tánh hỏi. Đố anh biết nó làm nghề gì? Uy ngần ngừ trả lời. Có trời mới biết được.

Fiance của một chú Mẽo đó. Phương nói kéo dài môi. Phương nghe được bỗng lạnh ngắt thân người. Uổng quá há anh ? Anh có thấy uổng không ?Tại sao các anh dở ẹt vậy? Uy trả lời lơ lửng. Trời khiến. Trời khiến. Phương cười dài. Phương cười rung hai vai. Tóc đổ nhiều về phía trước. Trời khiến hả anh?

Lúc hai người đi qua *căn nhà vĩnh biệt* thì cánh cửa mở toang, Vi chợt nắm tay Uy. Có người chết. Sao em biết ? Cánh cửa mở kìa. Uy nhìn suốt vào trong, khu nhà vắng như một biệt thự bỏ hoang. Những xác lá cây đổ lấp vàng nhiều bực thềm. Hoa giấy bò thưa trổ hoa không đều. Quan tài còn đặt ở bực thềm cao có phủ lá cờ, hai người lính bồng súng trên tay đứng sau hai trụ cột. Người cảnh binh già ở giữa đường trước cổng, điều khiển xe chạy. Xe vẫn nhiều và người vẫn đông. Uy đi sát trên lề. *Già chừng nầy chưa chết, thằng Út sắp biết nói đã chết. tội nghiệp thăng nhỏ thiệt ốt tướng.* Đám đông nhòe ra mờ dần. *Đầu năm cho em vài đồng thương em tàn tật nhà cửa cháy tan, mẹ cha không có, em chúc anh chúc chị cô chúc bác năm mới hạnh phúc làm ăn phát tài ...* Uy siết giữ tay Vi chặc kéo đi thẳng xuống biển đón gió. Cả hai ngồi dựa dưới một gốc cây dương cắt ngắn, tàng phủ bằng rợp bóng mát. Buổi chiều xuống vàng ngoài bãi cát trước mặt. Những người Mỹ cởi trần trùng trục nằm phơi trên bờ trông như cá mắc cạn. Đám trẻ đuổi những con còng, tiếng cười vang lại thanh. Dưới bực thềm nhà hàng, vài người đàn bà mặc đồ bộ, ngồi ngóng ra biển hút thuốc, dáng âm thầm. Sóng biển vỗ vào bờ từng dợt từng đợt mạnh dần. Tất cả trước mặt chỉ có thế. Buổi chiều cuối năm với người yêu chỉ có thế. Anh đừng tạo ra quá nhiều câu hỏi cho em cho anh. Không có câu hỏi nào cả, phải không anh ? Sự im lặng trở lên bất lợi khi ngồi với một người con gái nhất là Vi. Đã hơi quá.

- Chúng ta hãy coi như đã già, gần đến sự chết ...

- Vi muốn anh tự nhiên như những người già?

- Em nói chúng ta.

- Vậy em cứ nói ...

Uy không biết chọn nên nói đến dĩ vãng hay hiện tại. Dĩ vãng thì không thể có Vi, hiện tại thì bắt đầu bằng cách nào, trong một số thời giờ nào đó của ngày chứ? Còn tương lai thì Vi ghét nhất. Con gái mà ghét nói đến ngày mai à ? Vậy đó, anh có yêu được em không? Uy cười khô.

- Anh không thể dễ dãi như những người già cả được.

- Nhưng anh đóng kịch với người yêu ,...

- Đã đành nhưng anh không muốn thế. Thực tế đâu chìu lòng mình?

Gã con trai da đen, tóc xoắn sát đầu nói gì lí nhí lộ khoảng răng trắng phiếu. Gã chồm sát lại trước mặt Uy. Cho mồi điếu thuốc. Uy cười. Hắn trả điều thuốc lại, đi khập khễnh dọc hàng dương, hát lớn. *em hậu phương còn anh nơi tiền tuyến, chúng ta cách xa rồi nhưng tình ...* Như gã con trai lai *maroc* đó, hắn đâu có cần biết gì đến ngày mai hay dĩ vãng của hắn làm gì. Bây giờ em muốn gì? Tối rồi, em về nhà. Uy cũng có ý giữ Vi lại, chờ trăng lên nhưng rồi hắn đón xe đưa Vi về phòng người bạn ở dưới cư xá. Buổi tối ập xuống mỏng, gió biển thổi dạt dào đã nghe hơi lạnh trên da mặt, trong tay Vi. Từng cặp chở nhau trên các xe gắn máy chạy về hướng Cầu Đá. Từng cặp đi ngược và xuôi chiều ôm lưng nhau sát. Họ là những ngừoi nào đây? Tại sao ta không thể như họ? Uy muốn làm một người già. Chúng ta hãy coi như đã già, gần đến sự chết. Nhưng anh không thể "giả vờ" như người già cả được. Chiếc xe *vespa* dừng lại ở một ngã rẽ bỏ Uy và Vi lại, con đường dẫn lên cư xá tối lờ nhờ. Ánh điện đỏ vọng ra từ các trại yếu nhạt như ánh trăng đục bị mây che. Uy giữ tay Vi, con đường vì thế đỡ vắng.

Uy gặp Thiết đang ngồi ôm đàn với một người con gái mặc đồ ngủ. Uy mở cổng gỗ, chờ Vi vào. Đứa con gái gặp người lạ không e dè nhưng không nói năng gì. Ngồi chờ một lúc, cô ta đi

vào giường nằm. Uy giới thiệu Vi cho Thiết. Vi hiền thục ngồi bên Uy. Chúng ta hãy coi nhau như đã già gần đến sự chết... Nếu Vi mãi như thế ? Vi đã thay đổi gì từ đoạn đường ở biển lên đến đây? Thiết trở vào thay đồ trận. Vi nhìn bâng quơ lên nhóm người ở khu trại gia binh đang ngồi đánh lô tô, quanh một cây đèn sáp. Người đàn bà ngồi giữa cầm bao đựng những số, thò tay vào nhặt một con số, hô lớn. Có tiếng ồn ào chửi rủa vọng lên từng chặp. Vi đi từng bước ra cổng, có lẽ lên đó xem. Thiết chải lại tóc. Sao ? Cậu tính ở lại đây không ? Với ai? Tùy ý. Cậu đi trực à? Trọn đêm. Uy thoáng nhìn lên khuôn mặt đứa con gái nằm quay mặt vào vách. Ngủ à? Đâu có. Ngủ không? Không biết chừng. Uy trở ra ngồi ở ghế chờ. Vi đứng dựa ở cổng, Thiết chở cả hai bỏ ở bưu điện. Lúc Uy bước xuống. Thiết nhét chìa khóa vào túi quần Uy. Uy giữ lấy tay Vi nhìn bóng mình và Vi đổ dài ...

- Em đã ngủ lâu chưa ?
- Mới chợp mắt một tí thì anh về.
- Sao thức khuya vậy ?
- Thức quen mắt rồi
- Lạnh lắm à ?
- Cũng lạnh chớ, ngoài phố có đông người không anh ?
- Đông...
- Anh đưa em đi một vòng ...
- Giới nghiêm rồi.
- Uổng quá !
- Uổng gì ?
- Đi phố.
- Tưởng gì ...
- Đốt cho em điếu thuốc anh.
- *Captain* hút được không?
- Hút được hết.
- Bộ em ghiền à ?
- Cũng thèm.
- Anh cấm em hút đó ...
- Thiệt hả ?
- Chớ nói chơi hồi nào?
- Vậy thì em bắt anh đi ngủ ngay ... Cởi đồ ra đi anh, nhàu hết làm sao đi phố ?
- Thây kệ.

Ngủ đi chớ hết đêm đó.

- Để anh uống viên thuốc đã.
- Thuốc gì vậy anh ?
- *Oradexon.*
- Bổ hả ?
- Không.
- Cảm hả?
- Không .

- À, thuốc đó hả ?
- Không.
- Chớ thuốc gì?
- Tê thấp.
- Còn trẻ sao mắc bịnh nghiệt vậy?
- Trời khiến
- Ôm sát em vào.
- Rồi.
- Nữa…
- Lạnh quá!
- Cái gì đây?
- Đố em.
- Chịu thua.
- Dở quá.
- Cái gì đây ?
- Đố anh.
- Chịu thua.
- Dở quá.
- Lạnh em mà.
- Có mền.
- Còn thiếu.
- Có anh nữa
- Hà hà…
- Ấm không ?
- Ấm nhất.
- Sướng không?
- Sướng nhất…

Ở Rạp chiếu bóng ra Uy chọn ngay quán Bạch Tuyết để uống nước trước khi về nhà Anh ngủ. Uy ngồi một góc tránh gió và ánh sáng. Cái ngột ngạt ở chỗ đông người làm Uy không biết nhìn vào đâu. Chợt có tiếng gọi. Thầy, thầy … Uy! Uy nhìn kỹ phía dãy bàn kê sát vách, nhận ra nét mặt một đứa học trò cũ, đang ngồi uống café với một người bạn. Nó rời bàn đến gần đứng xoa tay vào nhau. Thầy bây giờ dạy đâu thầy? Tuy Hòa. Em nghe nói thầy bị động viên đi lính rồi mà. Cũng sắp. Năm nay học hành ra sao ? Thi hỏng rồi thầy. Còn mấy đứa kia. Ai thầy ? Thằng Nghĩa, thằng Thuấn, thằng Tín… Dạ, có đứa đi học Saigòn, có đứa đi lính, còn em xin làm sở Mỹ. Còn học lại chớ? Dạ, học. Uy chỉ chiếc ghế. Ngồi xuống đây chơi. Uống gì gọi đi. Dạ có *café* rồi. Uống bia nhé ? Dạ không, thầy uống đi. Ngại gì? Dạ, không ngại… Bây giờ em thấy thầy ốm quá. Ốm à? Dạ. Đâu có, ăn ngủ đều đều lắm mà. Châu mới gầy kìa. Dạ em thôi chớ nói gì nữa thầy, hôm đánh nhau ở quê em, may em đi trước một ngày không thì cũng nát theo cái nhà. Ở đó mà cũng lộn xộn vậy à? Ồn ào lắm thầy ơi … đánh nhau hoài em khổ mấy tháng, bỏ học hết trơn, lo cho bà già, lo cho tụi em, bây giờ em đi làm cũng đở đở. Mấy nghìn? Dạ trên mười lăm nghìn. Vậy là hơn tôi rồi, Uy rút một điếu thuốc châm tiếp. Châu cười cười cúi nhìn bàn chân, hai tay nắm chặt trông

hiền. Châu lại ngồi với anh bạn đi chớ, để họ chờ ... Dạ thôi, thưa thầy. Uy nhìn lướt một vòng thấy toàn những người như Châu ngồi uể oải bên ly *café* hay ly bia, khói thuốc bốc mù. *Thằng rể ông Tám Rựa đó, sáng còn nói cười chiều đụng mìn tan xác. Number nine number nine... Never never. Number nine number nine. Wait for me.* Gã con trai da dẻ trắng hồng ngồi thọc hai tay vào túi áo rộng, ngúc ngoắc cái đầu nhịp nhịp hai chân theo điệu nhạc ngoại quốc đang quay dở chờ đợi. Gã tiếp tục ngúc ngoắc cái đầu nhịp nhịp hai chân theo điệu nhạc ngoại quốc đang quay dở chờ đợi. Gã tiếp tục ngúc ngoắc đầu giống người bị sốt; khuôn mặt hơi ngước, cặp mắt đảo vòng láo liên, thân mình uốn éo theo điệu nhạc, gay gắt chói tai. *Number nine...* OK. Gã hỉnh mặt về phía đứa con gái thâu ngân đang gặm bom. Cho một miếng coi em. Đứa con gái thảy phần bom đã cắt để trước mặt lại. Gã đưa hai tay đón, gặm từng miếng lớn. Uy để tiền lại bàn đứng dậy. Đứa học trò quay lại chào. Uy lọt ra ngoài đường. Con đường hơi tối nên vắng. Những chiếc *cyclo* còn đậu sát quán chờ. Sinh hoạt của thành phố đọng lại trong ánh điện vắng, buồn bã. Uy đi một quãng con đường Phan Bội Châu cũ. Con đường không in một dấu vết gì của những năm trước khi Uy đến học sư phạm. Uy nghĩ đến sự thay đổi hoàn toàn của thành phố và cảm thấy lạc lõng. Hắn quay trở lại nhà Anh. Giờ nầy chắc vợ chồng hắn đã ngủ. Anh không yêu Vi như những lời anh viết, anh khùng rồi đó. Vi ơi đó là hạnh phúc có thực và gần gũi. Như giấc ngủ của vợ chồng Anh. Anh muốn là gã con trai lai *Maroc...* Uy đốt sáng que diêm khi bắt đầu xuống con dốc tối, rẽ vào nhà Anh. Mùi nước đọng bốc lên dày. Uy đi men theo vách tường đá. Con xóm nhỏ, nằm ven bãi cát, ngủ vùi trong tiếng sóng vỗ mạnh. Từng đợt từng đợt nghe xao động; từng đợt từng đợt nghe buồn. Uy đốt sáng que diêm thứ hai soi đường bước đi trên hai thanh gỗ bắt ngang con mương thoát nước đen sánh. Con đường bên kia mương nhỏ trông thấy cát trắng lờ nhờ, Uy vứt mẩu thuốc xuống nền, đứng trước cửa nhà Anh lấy giầy dí nát. Anh ơi, Uy gõ cửa từng tiếng. Tiếng chân Anh bước từng bực gỗ xuống gác. Uy đó hả? Tớ đây. Đi lạc sao về khuya vậy? Cũng đi loay hoay mấy con đường cũ. Có gì vui không cậu? Làm gì có được niềm vui khi ở ngoài phố đâu. Anh leo lên gác sau Uy, Uy nghe thấy Anh cười trong bóng tối dưới gác. Vợ Anh trùm chăn kỹ nhưng chưa ngủ nói vọng ra. Anh Uy về đó à ? Vâng tôi mới về. Coi phim có gì vui không anh ? Làm gì có được niềm vui nào khi xem phim đâu chị. Anh lo trải chiếu xuống sàn gác, đặt bao thuốc bao diêm, mấy số báo xuân. Uy muốn nói thêm. Chỉ có ở nhà thế nầy mới có được niềm vui thôi, nhưng Anh đã chỉ tay bảo Uy ngồi xuống. Gió từ chiếc cửa mở hờ thổi vào ngập căn gác nghe lạnh Anh giở rương lấy bộ *pyjama* mới đưa cho Uy thay. Uy nghe theo, vì với hắn không thể từ chối khi hắn nói ra. Tính khó chịu đó của Anh bây giờ làm Uy thấy dễ chịu. Chỗ bạn bè vẫn cần những cái ép buộc như thế. Cậu đã về trên đó chưa? Định sáng nầy. Coi chừng. Chưa yên à ? Hay cậu ở đây với mình đi. Sao được, còn vài việc cần lo trước tết mà. Chuyện gì gấp vậy? Dãy mã cho ông bà già, rồi đi thăm vài người thân, cả năm nay đâu có tin tức. Uy nằm chống tay lên gối, chờ nghe từng đợt sóng biển vỗ rạt rào. Hình như gió thổi siết lắm. Anh ngồi yên gật gù nhả từng ngụm khói vòng tròn lên không. Uy buồn ngủ chưa ? Xoay đầu lại mình ngủ sớm đi. Cậu ngủ trên giường chứ ? Đâu được. Sao kỳ vậy ? Giọng Anh nói nặng, có vẻ giận. *Thằng rể ông Tám Rựa đó, sáng còn nói cười chiều đụng mìn tan xác. Thằng Út thiệt tốt tướng mà chết, già chừng nầy chưa chết ...* Anh nằm dũi thẳng chân kéo mền đắp giữa ngực. Nằm xuống cậu. Vi ơi, giấc mơ mình sao cao xa quá, anh không tưởng tượng ra được căn nhà có em có anh ... nếu chúng ta như tên lai *Maroc*, như đứa con gái nằm ở phòng của Thiết mà anh đã ngủ trọn một đêm ...

Tuy hòa,tháng 8 năm 1967

MANG VIÊN LONG



thơ

LÊ VĂN TRUNG

ĐẤT VÀ THƠ HÒA LỆ MÁU DÂNG ĐỜI

Không chỉ làm thơ ta còn cày ruộng
Lòng khoan dung như cây cỏ ven bờ
Nghe con dế gấy xa hồn sương mỏng
Và tình em ngũ sắc nở vào thơ

Thương hoa khế tím chiều rơi nỗi nhớ
Thương hàng cau xanh tóc thuở yêu người
Thương con quốc gọi tình mùa mưa lũ
Thương bàn tay vói mộng cuối chân trời

Không chỉ yêu em ta còn yêu đá sỏi
Sớm lên đồi, chiều lội suối bình yên
Thương con cá bơi xuôi con còng lội ngược
Thương đời mình thương cát sỏi không tên

Ta từng buổi vai gầy phơi nắng gắt
Cúi hôn từng cọng cỏ lạnh hơi sương
Xin ôm cả đất trời cả hồn thu biếc
Lá xanh vì nhuộm máu buổi tai ương

Không chỉ yêu em ta còn yêu khe suối
Từ ngàn xa réo gọi những dòng sông
Em xỏa tóc gội đầu hong nắng mới
Và nỗi đau xưa thành sẹo trong hồn

Không chỉ yêu em ta còn cày ruộng
Đất và thơ hòa lệ máu dâng đời
Xin dâng cả trái tim còn nóng hổi
Thuở tình xanh men rượu môi người.

LÊ VĂN TRUNG



MẸ VÀ CON GÁI

PHẠM HỒNG THẮM

Hôm nay chị đưa con gái đi thi. Còn chị, không thi nhưng thắc thỏm, bồn chồn.

Trên những con đường chạy qua cổng trường học, người và xe đông ngẹt. Họ, những ông bố bà mẹ, giống chị, cùng bồn chồn, thắc thỏm. Đến rồi, nơi con chị dự thi. Hà Nội bây giờ rộng lắm, nhiều trường học lắm. nhưng như sự đùa của tạo hoá, con chị được xếp về thi tại trường này, ngôi trường thuở thiếu thời cách nay gần ba mươi năm chị đã ngồi học. Con chị chào mẹ rồi đi về phía cổng trường.

Chị lách tìm bóng râm của thân cây ven đường, dựng xe. Hiếm bóng râm quá. Chỉ có nắng, nóng và con người chen chúc nhau. Con người trốn cái nóng, cái nắng. Còn nắng nóng lại thi nhau len lách vào những khoảng trống giữa họ.

Chị kiễng chân nhìn theo hút dáng con. Con chị kia, cái lưng áo hồng hồng đang dần khuất sau cổng trường. Vẫn là nó, như vừa nãy, như hôm qua, hôm kia và những ngày trước đó thôi. Nhưng chị vẫn dướn lên, vẫn thèm thuồng dõi theo cái dáng vừa khuất hẳn. Thật lạ! Một cuộc đưa tiễn chỉ xa nhau trong khoảnh khắc, khoảnh khắc so với cả cuộc đời, vậy mà chị lại gửi gắm vào đó thật nhiều hy vọng, thật nhiều ước mong. Niềm hy vọng, ước mong đã có từ lâu, dai dẳng, ngay từ khi con chị mới chỉ là phôi thai, mới chỉ là chút mầm của sự sống.

Gần hai chục năm trước chị mang thai con. Khó khăn cực nhọc không át nổi niềm vui sắp được làm mẹ của chị. Con bé sinh ra chỉ nặng hai cân sáu, nhưng bụ bẫm lắm. Mái tóc dày, đen nhánh ôm trùm xuống má, rất ngộ nghĩnh. Chị ngắm con không chán. Với người mẹ, đứa con nào chẳng là thiên thần.

Cổng trường đã đóng lại. Tiếng trống vang lên gióng dả. Tim chị cũng đập rộn lên. Chị như sống lại không khí gần ba mươi năm trước. Thế là bắt đầu giờ thi rồi đấy. Chị thấy có ba giám thị. Giám thị hành lang đang đi lại, hai tay chắp sau đít. Có một người đứng cuối lớp, mắt lia ra xung quanh. Ông giám thị chính, tay giơ cao chiếc phong bì đựng đề thi, miệng tuyên bố dõng dạc về sự nguyên vẹn của nó. còn bọn trẻ, cả con chị đấy, nhấp nhổm chờ đợi.

Sau đêm sinh con phải cách ly một ngày, chị cũng nhấp nhổm chờ đợi. chị chờ người hộ lý bế con bé trao cho chị. Không như cách nuôi con bây giờ, người mẹ được cho con bú ngay sau khi sinh. chị bỗng bật cười lúc giơ tay đón con. Cái cười bất chợt làm chị đau quặn dạ con. chị nhíu mày, nhăn mặt trong khi vẫn nghĩ: Y hệt bố. Thật không lẫn vào đâu được. người ta bảo, đứa con đầu lòng, đứa con của tình yêu và hạnh phúc, bao giờ cũng giống cha. Chị ghi lại chính xác giờ sinh con. Mẹ chị thì lkhác. Cụ chẳng nhớ được giờ sinh các con. Có lần chị hỏi:

- Mẹ sinh con vào giờ nào trong cái ngày ấy?
- Đâu như chiều thì phải. Lúc hai hay ba giờ gì đấy.

Chị lấy lá số tử vi. "Ông thày" - một cậu bạn chị - soi đi soi lại mấy cung trong lá số rồi phán:

- Đây không phải lá số của cậu.

Rồi "thày" cặm cụi trên máy, lấy đủ mười một lá nữa trong ngày sinh của chị. Rút cục, "thày" phá lên cười:

- Xét trên phương diện cuộc sống thực tế của cậu, tớ thấy rằng, bà bô lộn ngày sinh cậu rồi.

Chẳng cái lá số nào có thể coi là của cậu hết.

Thật tội cho mẹ. Gần chục lần sinh. Vừa chạy giặc càn, vừa bồng bế các con buôn thúng bán mẹt lần hồi kiếm sống. Bố thì công tác biền biệt. Vài ba tháng đảo qua nhà một lần. có bận mẹ sinh bị băng huyết. May gặp một cụ lang vườn, thoát chết. Vậy mà khi về đến nhà, thấy sức khoẻ mẹ tạm ổn, bố lại mải mốt khoác ba lô lên đường cho kịp tối buổi biểu diễn phục vụ chiến dịch. Như thế, hỏi làm sao mẹ không lẫn ngày giờ sinh các con!

"Ông thày" còn bảo chị: "Nếu cố gán một trong mười hai lá số này cho cậu, thì cậu cũng là người chẳng bao giờ có tiền!"

Khi đó chị chỉ im lặng. Tiền ư? Thế nào là có tiền? Hai vợ chồng chị, kỹ sư ra trường được vài năm, gắng nhặt thêm việc làm ngoài giờ, thôi thì cố tằn tiện vậy. Nhưng con chị, dù thế nào cũng quyết phải nuôi dạy nó nên người. Quanh chị, mọi người có khác gì đâu. Họ còn bảo, muốn giàu có, nhiều tiền, nhẹ nhàng nhất chỉ có đi buôn lậu và có chức quyền. Nhưng coi chừng, của thiên cũng sẽ trả địa thôi. Ngồi nhà đá lúc nào chẳng hay. Mà xưa nay, con cái của những kẻ có tiền, có quyền, mấy đứa đã nên người? Nhiều đứa trong bọn chúng ham chơi, lêu lổng, trấn lột, trêu gái... Thế mà, hôm trước bắt giam, toà xử, tuyên phạt. Hôm sau đã thấy chúng nhởn nhơ, trâng tráo, phóng xe ngoài đường. Thời nào cũng vậy, nén bạc đâm toạc tờ giấy. Nhưng mà, đời công bằng lắm. Còn có thuyết nhân quả đấy!

Một chiếc xe moto công an đang lừ lừ đi đến. Người cảnh sát ngồi bên chiếc thuyền nhảy phốc ra, huýt còi inh ỏi, hai tay xua xua dẹp mọi người lên hè đường. Cạnh chị, người đàn ông dáng quê mùa đội chiếc mũ cối đã mất núm, đang ngó quanh tìm một chỗ râm để đặt đôi dép nhựa đã mòn vẹt lấy chỗ ngồi. Chiếc túi du lịch cũ sờn khoác trên vai. Đưa con lên Hà Nội thi, chắc toàn bộ tài sản ở trong túi. Không biết có bao nhiêu tấn thóc, những hạt thóc thấm đẫm mồ hôi nhọc nhằn, được quy ra tiền ở trong đó.

- Oi quá! Bọn trẻ ngồi thi nóng lắm đây - Một bà ngồi vắt vẻo yên xe máy nói. Trên rọ xe, có mấy chai nước ngọt và túi cam. Sáng sớm nay, chị cũng đã kịp đi chợ, mua một lô hoa quả cho vào tủ lạnh. Có hôm thấy con ngồi học miết bên bàn, chị đem cho nó cốc nước cam. Nó ngúng nguẩy: Chán lắm rồi. Mẹ cho con cốc nước lọc. Thời chị, nước cam là đồ uống xa xỉ. Có tiền chưa chắc mua được.

- Hôm qua, tôi cứ ngong ngóng nghe thời tiết. Chỉ mong nhiệt độ dịu đi một chút. Thế mà vẫn báo ba nhăm độ. Cả đêm lại mất ngủ vì lo - Người đàn ông có vẻ công chức, mái tóc đã ngả hoa râm, giữa xe gài chiếc ca táp, góp chuyện.

- Em là em cũng sốt ruột. Nhưng mà thôi, mình cũng đã cố lo cho nó hết lòng rồi, động viên con bằng mọi cách. Có sao cũng tại số - Câu nói tự nhiên, vô tư của người đàn ông khoảng trên bốn mươi tuổi, mặc áo phông, quần sóoc bò, như một cách giúp mọi người giải tỏa tâm lý. Chị mỉm cười. Trên nét mặt những người xung quanh thoáng chút dãn ra, thư thái.

Đúng vậy, cha mẹ nào chẳng hết lòng vì con. Nhưng mỗi nhà một "kiểu hết lòng". Chỉ giống nhau mỗi một điểm: phạm luật đầu tư! ở cơ quan chị mọi người hay đùa: Đầu tư cho con là đầu tư không có thu hồi vốn, chứ chưa nói đến có lãi. Nhưng ai cũng tìm mọi cách để đầu tư. đầu tư bằng tất cả những gì mình có. Chẳng phải hy vọng được nâng giấc lúc tuổi già. Chỉ mong con nên người. Nên người ư? Phải hiểu như thế nào cho chuẩn đây? Như chị đấy, có nên người không? Vậy mà đến giờ, chị đã phụng dưỡng cha mẹ được ngày giờ nào? Âu cũng là quy luật muôn đời: Nước mắt chỉ chảy xuôi!

Năm con chị đến tuổi đi học, như nhiều ông bố bà mẹ, chị cố xin cho nó vào học ở một trường trái tuyến có tiếng. Vài ba lần tìm gặp bà hiệu trưởng, chỉ nói được dăm câu ba điều, rồi bà ấy lại bận. chị đành dò tìm nhà riêng.

- Chị có việc gì nhỉ? - Giọng bà ta lạnh tanh mặc dù đã giáp mặt chị ở trường không dưới một lần.

- Dạ thưa, em xin cho cháu vào học trái tuyến - Chị rụt dè.

- Đông quá rồi, chắc không được đâu - Bà ta nói trống không.

- Xin chị giúp cho, thêm có một mình cháu - Chị cố nì nèo.

- Phụ huynh nào cũng nói vậy. Chúng tôi biết giải quyết sao đây? Lớp chật cứng, không đủ chỗ ngồi.

- Thưa, nếu có khó khăn về cơ sở vật chất, em xin đóng góp một chút gọi là trách nhiệm.

Chị dè dặt đặt lên bàn chiếc phong bì dán kín, rồi xin phép về. Bà ta lãnh đạm gật đầu chào lại.

Ngày hôm sau, con chị có tên trong danh sách niêm yết. Liệu tiền trong phong bì có được đưa

vào công quỹ hay không? Chỉ biết rằng, chị phải vay mượn của bạn bè, để sau đó kéo cày trả nợ số tiền bằng ba tháng lương kỹ sư hai của chị.

Chị phải gồng lên để lo bước chập chững đầu tiên của con như vậy đấy. Mất tiền, tiếc tiền là một chuyện. nhưng nhức nhối trong chị là thái độ bà hiệu trưởng giao tiếp với khách. Những câu đối thoại trống không. Giọng nói trơn truội, thớ lợ. ánh mắt nhìn nhạt nhẽo, kẻ cả. Thật khó hiểu đó lại là người làm công tác giáo dục thế hệ trẻ.

Nhưng vài tháng sau đó, chị gặp bà ta ở Uỷ ban nhân dân quận. Bà ta đang giải trình với cán bộ quận xin được đầu tư nâng cấp hạ tầng của trường. Khuôn mặt bà ta sinh động. ánh mắt đưa đẩy. Giọng nói thẽ thọt, thưa gửi rất êm tai. Quái lạ, cũng con người ấy sao lại có hai bộ mặt, hai trình độ văn hoá khác hẳn nhau thế nhỉ? Giọng bà ta khẩn khoản: "Thôi thì em biết các anh cũng còn nhiều chương trình phải đầu tư. nhưng đây là vì thế hệ tương lai của chúng ta. Mong các anh quan tâm". Liệu bao nhiêu phần trăm cái khoản vì tương lai ấy đươc sử dụng đúng mục đích!?

Chị thấy nóng rát sau gáy. ánh nắng đã chiếu xiên vào nơi chị đứng. Trong lòng như có lửa đốt. Giơ tay, chị liếc nhìn đồng hồ. Thấy vậy, ông dáng nhà quê hỏi:

- Mấy giờ rồi bác nhẩy?

- Tám rưỡi bác ạ - Chị đưa mắt trả lời.

- Sao lâu quá vậy? Tôi cứ nghĩ có đến chín giờ ấy chứ.

Ông mặc soóc bò lên tiếng:

- Nuôi dạy nó gần hai chục năm rồi. Thôi còn vài giờ , cố kiên nhẫn nốt bác ạ - Vẫn cách nói làm dịu nhẹ lòng người.

- Tôi vẫn cứ lo lo là. ở quê còn mấy sào ruộng lúa sắp chín. Mưa lũ mà về sớm nhỡ không kịp gặt. u cháu ở nhà lại đau yếu.

Giọng ông nhà quê buồn buồn, trĩu nặng ưu tư.

Mọi người đưa mắt nhìn nhau. hình như ai nấy đều cảm thấy mình còn quá sung sướng so với người đàn ông quê mùa mộc mạc này. Đứa con ông đang ngồi thi trong kia, liệu có thấu đức hy sinh mà ông dành cho nó? Cả tấm lòng người mẹ đau yếu đang phấp phỏng dồn hy vọng vào nó nữa?

Bà béo không còn ngồi trên yên xe máy. Kê đôi dép lê lên mép hè, bà ngồi thụp xuống, thở dài đánh sượt, phá tan bầu không khí nặng nề:

- Chẳng biết có nên cơm cháo gì không? Học ngày, học đêm, vẫn cứ lo trượt "tủ".

Ông công chức chống tay vào hông, vặn người nghe răng rắc, than phiền:

- Gớm, cái lần tôi chạy tìm cho thằng con cuốn bộ đề, ba bốn hiệu sách chẳng có. Lang thang mấy vỉa hè bán sách cũ, vớ được cuốn mất bìa trước. Giá ghi chỉ có hai bảy nghìn. Thế mà nó thét bốn lăm. Vẫn phải mua đấy.

- Ôi dào, cứ bộ đề có khi lệch "tủ" ráo. Cũng tội cho lũ trẻ bây giờ. Sách vở cứ chặt cứng ba lô, è cổ khoác đến lớp. Trong vài tiếng đồng hồ, làm sao mà động được đến ngần ấy sách cơ chứ - Ông mặc soóc bò cũng kể lể.

Chị lắng nghe. Vẫn những suy nghĩ ấy. Vẫn những ý kiến ấy. Chị đã nghe đài, đã xem tivi, đã đọc báo hàng trăm lần rồi. Và, cả những kiến nghị về cải cách việc dạy và học. Chủ trương giảm tải giáo dục cũng được xây dựng thành chương trình, đưa vào nghị quyết. Nhưng thực tế hầu như không có sự chuyển biến. Sách của Bộ. Sách của Sở. Sách giáo khoa chính khoá. Sách tham khảo. Sách hướng dẫn... Có những cuốn chị phải mua theo yêu cầu của giáo viên, nhưng rồi cả năm, không thấy con chị giở ra một lần!

Cái thời của chị, sao mọi thứ đơn giản thế. Nơi sơ tán, trường xa nhà lắm. Lớp học cheo leo sườn đồi. Mái tranh, vách đất. Gió mùa về lồng lộn múa may trong lớp. Mấy đứa bạn người địa phương chỉ có đúng một manh áo. Co ro. Cúm rúm. Không cầm nổi bút. Năm cấp ba, đã về Hà Nội học còn thiếu thốn đủ đường. Hôm đi thi tốt nghiệp, lớ ngớ thế nào chị lại ngủ dậy muộn. Bố đã đi làm. Mẹ chắc đi chợ. Thế là vớ vội giấy bút, chị đi như chạy đến trường. Vô phúc quá, qua được hai ngã tư, đôi dép cao su đứt phựt quai. Còn một đoạn đường khá dài. Chị bèn lồng hai chiếc vào nhau, tay xách dép, tay mang giấy bút, chạy chân đất đến trường. Khi ngồi vào bàn thi rồi, trống ngực còn đập thình thịch. Thế mà chị đã đỗ vào trường Đại học Bách khoa với số điểm khá cao.

Còn bây giờ ...

Qua cái lần phải nhún mình xin học trái tuyến cho con, chị uất ức, dù biết rằng đó là thực tế xã hội, là mặt trái cuộc đời. Tấm huân chương bao giờ chẳng có hai mặt. mặt trước hào nhoáng, chói

lọi thì cái mặt sau còn xù xì, thô thiển. Nhưng chị vẫn kỳ vọng ở những người làm ra nó. chỉ thêm chút công sức thôi cái mặt sau ấy sẽ nhẫn nhụi dễ nhìn. Nhưng hình như rất khó...

Lương hai kỹ sư ra trường không nuôi nổi một con cho đàng hàng. Cái chất xám của năm năm đại học chẳng giúp gì được cho chị trong cơ chế bao cấp, chằng chịt các quan hệ ràng buộc thời đó. Nhặt việc làm thuê chẳng đơn giản, nhẹ nhàng gì. Những việc được coi là lương thiện chị trải qua hầu hết. Giống như mọi công chức buộc phải sống trong sạch thời ấy. Nhưng vì con, vì tương lai của nó, chị xoay xở tìm đủ mọi cách để tăng thêm thu nhập gia đình. Khổ mấy cũng không bằng cái khổ của mẹ chị ngày xưa. Chị luôn tự động viên mình bằng ý nghĩ này.

Trên cái xe mini cũ, chị kẽo kẹt chở con đi học. Hết giờ làm, phía sau con ngồi, phía trước ghi đông treo lặc lè những túi hàng may thuê. Tiếng máy khâu lạch xạch thâu đêm. Mải mốt cho đúng hẹn, xong việc đã ba giờ sáng. Đến lớp ngoại ngữ, cố nén ngáp dài dến nỗi nước mắt chảy dàn dụa, hai vai rũ xuống. Cái mỏi, cái mệt đè chị dúi dụi. Nhưng chị phải học. Học để chuẩn bị cho mình cái "vốn" khi có thời cơ. Không chỉ học ngoại ngữ, chị còn đọc nhiều loại sách khác. Cả xem lại chương trình phổ thông của con. để còn kèm dạy nó. Để không mất tiền, lại phải cúi luồn trước những kẻ hãnh tiến. Cũng còn để làm gương cho con.

Một chị bạn khi biết chị là con một người nổi tiếng, thốt lên:

- Mày là con ông ấy mà cũng vất vả thế à?

Chị bật cười về cách suy nghĩ quá ngây thơ, lại ở trong đầu một người rất được chị coi trọng về trí thông minh:

- Con ông trời cũng vậy thôi, chị à, nếu sống lương thiện ở cái đất này!

Đấy là chị ấy không biết nhiều việc làm thêm khác của chị, những việc còn cực nhọc, bấp bênh hơn cái việc may thuê này nhiều.

Đứa bạn thân cùng học đại học, khi biết chị đi làm không ăn bữa sáng, nó chu chéo:

- Mày muốn sống hay muốn chết đấy hả. Thật không tưởng tượng nổi.

Chị cười. Cái cười giống như mếu. Mày ơi, tao muốn sống chứ. Tao có một đứa con gái. Hồi xưa, chưa lấy chồng, tao cũng là con gái. Tao không muốn nó lặp lại cái sự khó khăn thiếu thốn như mẹ nó. Cũng như, tao không muốn sau này, nó lại có cuộc đời như người đàn bà là tao - mẹ nó hiện nay. Nói vậy, không phải tao trách bố mẹ tao đâu. Thời nào thế ấy mà. Ngược lại, tao luôn cảm thấy mình là đứa con có tội. Nào tao đã phụng dưỡng các cụ được ngày nào. Trong khi tao quần quật suốt ngày vì đứa con gái của mình. Bố mẹ tao là người nhân hậu, sẽ luôn tha thứ cho tao thôi. Rồi bọn mình cũng thế mày à. Sau này cũng sẽ tha thứ cho những đứa con, khi chúng nó vì gia đình riêng mà sao nhãng đạo làm con. Đó là cuộc đời mày ạ! Nước mắt âm thầm làm nghẹn đắng cổ họng chị.

Trời gần về trưa càng như đổ lửa xuống mặt đường nhựa. Kim đồng hồ chỉ mười giờ. Còn nửa tiếng nữa. Mọi người bắt đầu xê dịch chỗ đứng, chỗ ngồi, nhấp nha nhấp nhổm. Họ cũng như chị. Cái nắng, cái nóng gắt gao giữa hè không hề là nguyên nhân thiêu đốt lòng họ!

Cuộc đua của bọn trẻ trong kia đang bước vào giai đoạn nước rút. Dù rất tin ở học lực của con, chị vẫn cồn cào lo lắng. Biết rằng, đời là chuỗi liên tiếp những cuộc đua. Đi học. Xin việc. Đi làm. Lên lương. Lên bậc. Lên chức... Tất cả đều là những cuộc đua. Mỗi cuộc đua đều có kẻ thắng, người thua. Sự được thua chỉ cách nhau trong gang tấc. Chị lo cho con là như vậy.

Sự được thua ở cuộc đời trong giai đoạn kinh tế thị trường hiện nay đã phơi bày hết tính khốc liệt. Tính khốc liệt của sự được thua có ở khắp mọi nơi, trong mọi lĩnh vực. Trong giáo dục cũng vậy. Việc học thêm, dạy thêm. Các lò luyện thi tốt nghiệp, thi đại học luôn là đề tai thời sự nóng bỏng trong các công sở, ở mọi cơ quan. Rồi để cạnh tranh, các lò tìm mọi thủ đoạn gièm pha, khích bác, nói xấu lẫn nhau. Sách giáo khoa, sách hướng dẫn, sách tham khảo,... thi nhau xuất bản, thi nhau tăng giá. Việc học hành của con trẻ trở nên quá tải. Gánh nặng ấy bị dồn sang vai phụ huynh. Chị cũng phải nháo nhác tìm mua đủ loại sách cho con. Cũng tham khảo , thăm dò "lò" nào luyện thi có chất lượng, thày nào dạy có tiếng tăm, có tỷ lệ học sinh đỗ cao, cho dù giá thù lao cho thày có "chát". Lại một lần tặc lưỡi: Thôi thì qua mười một năm rồi, cố nốt năm cuối. lĩnh lương hôm trước, nộp mấy khoản cho con, hôm sau thấy tiền trôi vèo đâu hết. Lại còn sự bồi dưỡng cho con học thi. Bữa trước thịt lợn rồi. Hôm nay ăn gà nhé. Có lẽ mai phải mua cá nấu canh chua thôi. Nào, thích gì, mẹ làm ăn cho đỡ mệt. Ngồi ngắm con gặm chiếc đùi gà, chị nhấn nha cái cánh, cái chân. Trong lòng thầm nghĩ: Ăn đi con. Ăn để thi cho tốt. Con người ta mười, con mẹ cũng phải bảy tám chứ. Chị cố gân guốc lên vậy. Chứ chị thừa biết rằng, cái mười của con người ta là tiền tỉ trong tay, còn bảy tám của con chị chỉ dựa vào khoản lương ba cọc ba đồng kỹ

sư của chị thôi.

Nhưng chị vẫn cố. Cố như khi chị lên gân vắt kiệt quả cam cho con cốc nước. Phần chị, trệu trạo nhai cái bã còn lại.

Tiếng trống đổ hồi. Tim chị cũng đập dồn. Mọi người nhớn nhác. Bọn trẻ đang túa ra. Người xe chen chúc. Còi xe máy, ô tô inh ỏi. Tiếng gọi nhau í ới. Của các bậc phụ huynh khi nhìn thấy con mình từ xa. Của bọn trẻ kháo nhau. Cả tiếng rú lên của mấy đứa học sinh gái khi biết mình có đáp số trùng với của bạn. Những gương mặt rạng rỡ. Những ánh mắt tối sầm. Những tiếng cười vui vẻ. Cả sự lầm lì lặng ngắt... Ôi, con chị kia rồi. Còn cách chị mươi bước, chị thấy nó toét miệng cười. Lòng chị bỗng nhẹ bẫng. Đêm nay, chị sẽ có một giấc ngủ ngon!

PHẠM HỒNG THẮM



thơ

GHÉT

PHẠM PHÙ SA

Hôm qua em doạ ghét tôi
Ghét cay cái mặt, ghét thôi lạ lùng
Ừ thôi, tôi chỉ xin em
Ghét đâu thì ghét, chừa giùm mũi ra
Để hôn bờ trăng nõn nà
Mơn man suối tóc thướt tha dịu mềm
Xin thêm đôi mắt tôi nhìn
Đôi tai nghe vọng tiếng em thì thầm
Đôi môi nói tiếng yêu em
Còn đây cái mặt, ghét giùm -chẳng sao !

PHẠM PHÙ SA



MÁI NHÀ ẤM ÊM

GIANG TRUNG HỌC

Con nhỏ ngủ truồng, nghiêng nghiêng dưới ánh đèn nê ông sáng trắng. Cặp vú tròn, cương cứng. Mông nở. Nước da nâu săn. Càng ngắm càng thấy ngon. Khiến Giám đốc Tâm dùng dằng đi ở; mặc dù ông đã rời giường, rửa mặt chải tóc xong xuôi. Bay sáng hay chiều? Cuối cùng ông quyết định lui sang chiều. Về sớm hay muộn thì bà ấy cũng "đi" rồi". Muộn nửa ngày chẳng sao. Giờ đây ông đang thèm tận hưởng con nhỏ này. Chẳng biết chủ đã mua tới giá nào để thết đãi ta. Trả nghĩa ta thì đúng hơn. Dịp hắn ra Bắc, chẳng phải đã được ta chiều hết ý đấy thôi. Đêm đầu, hắn thích con bé thổ dân miền núi khỏe mập. Đêm sau, thích nữ sinh thành thị mảnh mai. Nay hắn dâng ta con nhỏ gốc Ấn. Nói rằng, để anh thấy đồ ngoại khác đồ ta thế nào?

Dứt khoát lui chuyến bay rồi, Giám đốc Tâm cởi phăng quần áo. Trần trụi cho hết vướng. Trước sau, đằng nào chẳng phải vậy. Rồi ông tắt đèn, vén gọn rèm che cửa sổ. Hưởng khoái lạc dưới ánh sáng trời có cái thú hơn hẳn. Được ngắm nghía tường tận người mà ta ôm ấp. Nó kích thích hưng phấn trong ta đến tột cùng. Hại nhất là làm tình trong cảnh tối om ở xó nhà quê.

Vợ ông là người nhà quê. Ở quê. Không hiểu sao ông lại lấy vợ quê, để rắc rối quá nửa đời người. Thật ra, câu hỏi ấy chỉ làm khổ ông những lúc bị người đời chi phối thôi. Và chỉ xảy ra từ khi ông có chức có quyền. Quyền sắp đặt mấy trăm con người trong Sở ông. Chứ chân trắng như độ ông còn là tay cắp cặp theo đuôi, thì chả đứa mẹ nào để ý tới. Nay chẳng có ngày nào ông thoát cảnh bị bủa vây. Để người ta xin được biếu xén, xu nịnh, tâng bốc ông. Có bà có cô sẵn sàng dâng hiến tấm thân, mong ông xếp cho một việc thơm tho hơn người. Cũng giống khi hứng cái ghế Phó giám đốc, rồi Giám đốc, ông luôn phải khọm người xuống hầu hạ người ta. Dám làm nhiều điều phi lý. Cả gan vượt rào chính sách Nhà nước. Cốt sao vừa lòng các đấng bề trên liên quan đến việc sắp đặt chức tước của ông. Đời là vậy. Ta phải có cái để trao, thì người mới ban phát cho cái mình cần. Nắm trong tay chức quyền rồi, vẫn chỉ là thằng ta xưa cũ, nhưng trở thành xuất chúng, đứng trên người người. Nói gì cũng đúng, cũng hay. Nếu ta chưa vợ, tất có cả đống con gái xinh xắn, giỏi giang "xin chết".

Vợ ông là người nhà quê. Ở quê. Bởi thế bạn bè đôi khi đùa rằng, ông có vợ như không. Quanh năm để mốc. Mốc chồng. Mốc vợ. Thiệt hại to! Đúng là ông có thiệt. Song chỉ tí ti thôi. Quả thật bà ấy già so với ông. Kém xinh xắn, giỏi giang. Và vụng về chiều chuộng. Ấy là đứng ở thời điểm bây giờ, và nhìn bằng cặp mắt dân thành phố thì vậy. Chứ thời trẻ, vợ ông thuộc hạng hoa khôi trong làng. Để cưới được cô Thảo, không chỉ anh Tâm - là ông bây giờ, mà cả thày u anh phải cậy cục rã bọt mép mới xong.

Còn phần được của ông to hơn nhiều. Bầu bạn thân sơ làm sao tính nổi. Trước tiên, nếu thiếu người vợ hầu hạ bố mẹ già ở quê, ông không thể lên Hà Nội học hành. Thì làm sao có được vinh hoa phú quý như ngày nay. Trước sau ông chỉ là tay thợ cày. Ăn chưa hẳn đã no. Mặc chưa hẳn ấm. Đâu dám mơ ước nhà lầu xe hơi. Thế mà nay ông có tất. Một toà biệt thự kiểu Pháp, toạ lạc trong khuôn viên năm trăm mét vuông đất thuộc quận mới thành lập. Đường nhựa chạy ngang trước cổng. Toàn bộ thiết bị nội thất của toà nhà đều xịn - hàng Italia, Nhật, Mỹ. Trị giá của nó, như lời cô con gái lên thăm bố về khoe với mẹ rằng: "Chỉ đồ đạc trong chỗ đi ỉa của thày đã hàng trăm triệu đồng, gấp mười nhà của u". Rồi vẫn giọng vô tư, cô kể về cái chạn bếp. Chạn mà không phải chạn. Gọi là tủ lạnh. Trong tủ lúc nào cũng đầy bơ sữa, giò chả, hoa qủa. Ăn chưa vơi đã có người mang đến. Thày và em con chẳng phải làm gì. Đến quét dọn nhà, giặt giũ quần áo cũng có người hầu hạ. "Mà sao u không ra thành phố ở với thày con cho đỡ khổ?". "U khổ quen rồi, nên không thấy khổ. Chẳng tội gì u đi đâu!".

Nói vậy thôi, chứ đã nhiều bận bà muốn vợ chồng chung sống liền kề bên nhau. Lần đầu, khi láng máng nghe đồn ông bồ bịch, dù chưa hẳn tin, bà đã toan tính đến việc này. Thì đàn ông đàn ang ấy mà. Trong túi sẵn tiền, lại xa nhà, tránh trai trên gái dưới làm sao được. Cách tốt nhất là,

vợ chồng phải ở cùng chỗ thì mới quản nổi. Không nổi hẳn thì cũng bơn bớt phần nào. Tuy nhiên, khi đề cập với ông, bà chỉ nêu lý do rằng, vợ chồng cùng mái ấm là để đỡ đần chăm sóc nhau, và dạy bảo con cái. Thoạt tiên ông đưa hết khó khăn này khó khăn nọ nhằm ngăn cản. Lại nói, cần giữ ý với cấp trên, với anh em trong cơ quan. Vì số đông họ cũng phải chịu đựng thiệt thòi cảnh xa vợ con. Ông còn dẫn đủ mọi lý do khác nữa... Thấy chồng kiên quyết phản đối, trong lòng bà quặn đau. Người thực bụng hết lòng vì vợ con thì không ai muốn sống xa cách nhau. Nếu hiện tại ông ấy vẫn hoàn cảnh như ngày xưa, ăn tập thể, ở tập thể, ngủ tập thể, thì mười mươi chịu rồi. Đằng này đã được phân cả căn hộ riêng biệt. Vướng bận gì đến ai cơ chứ. Hẳn chỉ là vướng bồ vướng bịch mà thôi. Nghe nói, đang mê mết cái cô trẻ đẹp ngồi cùng ô tô ông ấy, một lần đi công tác đã ghé qua đây.

Rồi đến lần anh con trai đỗ vào đại học bách khoa, bà lại muốn ra Hà Nội ở. Để hằng ngày trông nom kèm cặp nó. Sao nhãng dạy dỗ con cái, lỡ nó hư hỏng thì toi công. Đời bà sẽ chỉ là con số không tròn trĩnh. Đã mất chồng lại mất con. Mất chồng thì chắc rồi. Bao nhiêu năm qua ông có gần gặn bà đâu. Đàn ông ở tuổi năm mươi, sức vóc cường tráng, không thể thôi ham hố đàn bà. Chẳng qua ông đã có nơi chốn khác. Một bận bà nói mát: "Sao ông không đưa cô gái lần trước về chơi?". Ông sẵng giọng: "Bà nghĩ thế nào về cô ta?". "Là bồ bịch, chứ còn là gì!". "Ai nói với bà?". "Chẳng ai nói. Nhìn thái độ hai người, tôi biết". Sự thật thì, chính anh lái xe cho ông đã kể. Chẳng hiểu sao anh ta dễ dàng mách bà chuyện này. Còn nói: "Em không sợ trả thù đâu. Chỉ mong chị biết sự thật để tìm cách giữ anh ấy.". Lần sau, đưa ông về thăm nhà không phải người lái xe trước. Anh ta đã bị đuổi việc. Bởi ông khẳng định anh ta bép xép chuyện riêng tư của mình.

Lại một lần bà hỏi: "Ông có muốn ly dị nhau không?". Câu hỏi chẳng hề đột ngột đối với ông. Ông từng nghĩ chán rồi. Quyết bỏ nhau thì được. Nhưng mang tiếng. Duy nhất chỉ có ông mang tiếng, với họ hàng, với làng xóm. Mọi người sẽ nguyền rủa ông bội bạc, đã vỗ công vợ săn sóc bố mẹ chồng ròng rã hàng chục năm trời. Nhờ vợ, ông mới được cuộc sống hơn người, cả làng không ai bì kịp. Cũng nhờ vợ, hai đứa con mới lớn khôn. Mà ông chưa một lần phải giặt cái tã cứt cho con. Thậm chí, cả giai đoạn dài trước kia, ông không gửi nổi một đồng về nuôi chúng nó. Vợ ông vẫn không mảy may kêu ca nửa lời. Rất thông cảm với cảnh sống bằng tiền lương ba cọc ba đồng của ông. Thế nhưng bà vẫn nói: "Thầy cháu không cho thêm thì em nuôi con làm sao nổi". Nay đặt vấn đề ly dị, liệu ông có chịu nổi làn sóng nguyền rủa mình không. Trong làn sóng ấy, ắt gồm cả hai đứa con ông. Đương nhiên phận làm con, chúng không thể phũ phàng. Ngay với họ hàng làng nước có thể cũng không ai chan tương đổ mẻ lên mặt ông. Nhưng làn sóng nguyền rủa là có thật. Nó âm thầm mà dữ dội, dai dẳng, chứ chẳng phải chuyện dễ mau qua. Khổ nỗi là, tuy sống xa làng xóm, song ông không thể bỏ hẳn quê hương bản quán. Hằng năm ông vẫn phải đi về. Vì nơi ấy còn mồ mả bố mẹ ông, và cụ tổ họ Nguyễn ông. Với cả một cơ ngơi, cùng đất đai gần nghìn mét vuông nữa. Quê ông, xưa đất rẻ như bèo, nay giá trị không phải là nhỏ.

Còn cơ quan ông thì sao? Đây là cơ hội tốt cho không ít kẻ tìm cách quật ngã ông. Dậu đổ thì bìm leo. Không thiếu đứa từng nịnh hót tâng bốc ông, cũng sẽ ào lên góp sức lôi cổ ông xuống ghế. Ông ngã, chỉ một kẻ chiếm cái ghế đặc quyền đặc lợi ấy. Còn số đông, chúng biết chẳng thể nhằm nhò gì. Song tính ghen ăn tức ở, không muốn ai hơn mình, vốn là lối sống trong họ. Nên khi có cơ đánh đá lẫn nhau là họ sẵn sàng xung cuộc. Họ sẽ tố cáo ông ruồng rẫy người vợ gần cả đời thủy chung nhất mực, cùng tội trai gái lăng nhăng. Biết đâu sẽ có cả bản thống kê dài, về ngày giờ, địa điểm ông ôm gái bấy lâu nay. Thậm chí, họ còn biết cả cô vợ chui và đứa con trai bốn tuổi của ông ở thành phố cảng Hải Phòng. Đó là loạt tội thuộc phần đạo đức. Về mặt kinh tế, sẽ không tránh khỏi một cuộc thanh tra xét hỏi. Mỗi năm thất thoát dăm ba tỷ đồng trong tổng số hàng trăm tỷ qua tay ông ký duyệt chi tiêu và phân bổ, sẽ được bới ra. Với sai phạm như vậy, trước nay thường được bỏ qua. Nhưng đưa nó ra quy tội cũng ngon ơ. Sự đời phải trái trắng đen thật khó lường. Quân chó má! Mỗi khi bực bội ông hay thầm rủa thế. Rủa ai? Là lũ cộng sự xung quanh ông. Cả cấp trên ông. Chúng vừa đểu vừa ngu. Đừng tưởng ta sống xa vợ con chỉ chịu thiệt thòi. Ngược lại, ta tự do tung hoành hưởng thụ...

Lúc này, ông đang mân mê hưởng thụ cặp vú con nhỏ, chợt thấy cần "phôn" cho thuộc hạ trong cơ quan. Gọi Miên - Phó giám đốc, hay Hoàng - Chánh văn phòng? Cả hai đều do ông nặn ra. Cái ghế họ ngồi, bất ngờ với chính họ. Vì chúng đều thuộc lớp tuổi con cháu ông. Có thế chúng mới đội ơn bề trên. Chứ trao chức quyền cho lũ ngang tuổi ông, chúng dễ coi là sự đương nhiên, cần gì ơn huệ ai. Ông vừa bấm số, đã nghe ngay tiếng thưa: "Dạ, Sếp Tâm ạ!". "Hoàng à?... Cậu biết chuyện gì rồi chứ?". "Dạ thưa anh, chúng em được tin chị nhà mất lúc bốn giờ sáng nay. Anh

Miên phân công em về ngay quê bây giờ, để cùng gia đình lo tang. Đồng thời cũng sáng nay, anh Miên chỉ đạo thông báo tin buồn đến các cơ quan hữu quan trong thành phố. Xin anh yên tâm. Bọn em sẽ lo chu đáo tất cả. Trước mắt, em cầm về quê hai chục triệu đồng. À, còn ô tô đón anh giờ nào tại sân bay ạ?". Dặn dò thêm mấy việc, ông tắt điện thoại, mỉm cười. Đây là dịp để lũ thuộc hạ thể hiện lòng thuỷ chung với ông. Là dịp để ông gặt hái công gieo trồng. Tốt. Rất tốt! Ông gật đầu nhè nhẹ. Hài lòng. Yên tâm. Bây giờ ông chỉ còn mỗi việc: cùng con nhỏ vào cuộc chơi đến tận cùng. Mỡ đang trước miệng mèo, nhả sao được. Khúc giò lụa thơm ngon, phải xơi cho đã. Ăn chơi, thằng chó nào chẳng thích đã đời. Con người chiến đấu, phấn đấu đều nhằm giành giật lấy cái sung sướng tức thời; dù rằng nó được núp dưới chiêu bài phục vụ nhân dân... Khổ trước thiên hạ. Không! Ta phải chơi cho đã. Để rồi ta vĩnh biệt em. Và về quê vĩnh biệt bà vợ già của ta.

Thế là, từ đây ông không bao giờ phải vương vấn chuyện có ly dị vợ hay không? Mặc dù ông đã khẳng định: Không... Không... Không! Cần quái gì phải ly dị người vợ già ấy. Không ly dị cũng chẳng hề cản trở việc ăn chơi xả láng của ông. Mà không ai có cớ hại ông. Vậy ly dị để làm gì? Có chăng chỉ phù hợp nguyện vọng của hai người đàn bà. Một đã là vợ chui của ông, có con với ông. Người thứ hai là cô gái trẻ làm việc dưới quyền trực tiếp của ông. Nàng từng ăn nằm với ông, sẵn sàng làm vợ ông. Nhưng với điều kiện: "Anh phải ly dị bà vợ nhà quê cơ" - giọng nàng nũng nịu. "Nếu không thì sao?". "Thì sớm muộn em đi lấy chồng". "Nhưng vẫn bồ bịch với anh chứ?". "Tất nhiên rồi". "Đến khi nào?". "Bao giờ anh chán em". Với nội dung đối thoại ấy (hoặc tương tự), nó luôn được lặp lại trong mỗi lần họ gặp gỡ nhau. Khiến ông sung sướng gấp bội. Để rồi, ông ghì chặt nàng trong vòng tay. Để rồi, thêm một lần nữa, ông đè ngửa nàng xuống giường, ngay tại ngôi biệt thự sang trọng của ông.

Sự việc diễn ra đã mấy năm, song con ông chẳng hay biết gì. Có thể anh ta vô tâm. Hay là?... Như thế ông càng được nhờ. Nhờ vợ. Lại nhờ được con. Quả là may. Công minh mà xét, ông không thể chê trách vợ con điều gì.

Trong thâm tâm, ông thừa nhận tâm tính người vợ ở quê quá tốt và độ lượng. Như nhiều người đàn bà khác thì ông gặp lôi thôi to. Bà ấy cứ nhất quyết đến ở với chồng, có trời cản nổi. Lại đốc cái tính cả ghen nữa thì, nhà cửa trở thành chợ búa ồn ào quanh năm. Rồi mọi sự trong nhà vỡ lở ra, góp thêm chứng cứ cho người ngoài quật ngã ông. Người ngoài là đồng chí ông. Là cấp dưới ông. Là lũ tay sai tình nguyện của ông. Có cả cấp trên ông nữa. Với một tổng hợp đối tượng này, khi họ quyết ra tay, ông có vững như kiềng ba chân cũng sụp đổ. Thế nên, ông luôn thầm cảm ơn bà ấy nhiều nhiều. Nhờ bà ấy giấu kín mọi chuyện nhà, nên cả cơ quan chẳng ai biết có sự khủng hoảng trong gia đình ông. Ngay đến họ hàng gần gặn, rồi cả con cái ông cũng không hay biết tí gì. Trước nay mọi người đều coi ông là tấm gương mẫu mực, một lòng kính trọng và yêu mến ông. Cả họ Nguyễn tự hào hãnh diện vì có ông.

Thậm chí cả làng Văn cũng mang niềm tự hào hãnh diện như người họ Nguyễn. Vì từ thời Pháp cai trị đến giờ, làng họ mới có một người làm to là ông. Làm to mà cho làng được nhờ là sự quá hiếm trong thiên hạ xưa nay. Đó là việc vợ chồng ông ủng hộ làng năm mươi triệu đồng, thay cho kế hoạch thu mỗi hộ năm chục nghìn đồng đang gặp khó khăn. Nghe tin, các cụ cao tuổi hể hả lắm. Sao lại được người đức độ hảo tâm đến vậy. Người đời bảo: được vợ hỏng chồng. Đằng này được cả hai ông bà. Quả là hiếm. Hiếm lắm lắm! Được lời khen, song trong thâm tâm ông chẳng sung sướng gì. Bà ấy mà ngãng ra, làm sao ông có thể tự quyết số tiền lớn đến vậy!

Kỳ thực, chuyện ủng hộ làng không phải do ông đề xuất. Mà bắt nguồn từ bà vợ ông. Bà nói: "Bỏ năm mươi triệu đồng ra xây nhà chẳng để làm gì. Ông không về ở. Con cái thì có phận có phần cả rồi. Mình tôi ngôi nhà ba gian xây gạch lợp ngói, thế cũng quá đủ". Ông: "Xây hay không, tuỳ bà. Không xây thì, khoản tiền ấy để dự phòng việc lớn khác xảy ra". Bà: "Chẳng còn việc gì đáng phải phòng. Hay phòng chết?". Giọng ông tỏ vẻ khó chịu: "Bà nói không sai". "Thế thì ông phòng cho ông thì phòng. Còn tôi không cần". "Tôi không chết ở đây!". "Vậy khoản tiền ấy ông để quyền cho tôi sử dụng được không?". "Tuỳ bà!". "Vậy tôi tuyên bố, năm mươi triệu đồng ấy tôi sẽ cung tiến vào việc sửa chữa đình làng". Ngôi đình có tuổi thọ gần trăm năm, đang trong nguy cơ xuống cấp nhanh. Bà giải thích thêm: "Làm việc này là tôi muốn ông góp phần thiết thực giữ cái công trình mà ông nội nhà này gánh vai thợ cả xây dựng nên. Cả thày cũng tay cưa tay đục trong đó. Giữ đình cũng là giữ cái vẻ vang cho ông thôi!". "Tôi không cần. Cũng không khiến bà!". Bà ghìm nỗi bực bởi câu ông thốt ra. "Có thật ông không cần? Vậy thì, tôi sẽ nói rõ thực chất con người ông cho làng xóm biết. Cho cả cơ quan ông biết. Rằng, đã từ lâu ông thay lòng đổi dạ đối

với tôi. Chỉ thế cũng khiến ông mất mặt. Phải không? Nhưng mà, tôi nói thế thôi. Tôi thề giữ kín chuyện ông đến trọn đời. Mà chẳng cần ông phải bận tâm lo lắng gì cho tôi".

Đúng thế! Ông từng thú nhận với riêng mình rằng: Cả cuộc đời bà ấy, ta không phải lo lắng gì. Bà ấy tuy bất bình với ta, nhưng đã trọn đời vì ta. Nhất là từ sau khi sửa đình làng, ông thấy mình càng được trọng vọng hơn. Mỗi khi thăm quê, gặp hội hè hay tuần rằm hằng tháng, các cụ mời bằng được ông ra đình ngồi chiếu trên. Tại đình, tên ông (tất có cả bà) được ghi trang đầu trong Bảng vàng danh dự. Hơn thế, ông nội ông, bố ông cùng được tôn vinh đậm nét trong sách lịch sử đình làng. Thế nên ông không dám như trước kia, thờ ơ xem nhẹ tình cảm quê hương. Còn thầm tự hào về sự vẻ vang của mấy thế hệ trong gia đình ông. Song - ông nghĩ - xét cho cùng, chút vẻ vang của riêng ta là do bà ấy dàn dựng lên thôi.

Chiều nay ông lại về làng. Về để vĩnh biệt bà. Ra sân bay đón ông là cô gái trẻ đẹp - trợ lý giám đốc, trợ lý của ông. Nghe danh thật oai. Tuy nhiên, cái danh ấy không hề có trong chức danh pháp quy Nhà nước. Vị giám đốc nào thích thì tự nặn ra. Giám đốc Tâm vì mê nàng nên đã nặn ra chức danh này, để họ gần gặn nhau hằng ngày cho hợp thức.

Từ sân bay, chiếc xe Ford loại thượng hạng chở ông ghé về ngôi biệt thự riêng. Để mua chót lọt chiếc xe này, ông phải sai thuộc hạ "chạy" thông mấy cửa. Chạy thế chứ chạy nữa cũng ô-kê. Chi tiền Nhà nước cả mà. Không xòe tiền, nó đánh tắc thì bỏ mẹ. Bởi đối chiếu chính sách, ông cóc đủ tiêu chuẩn ngồi thứ xe sang ấy. Nhưng phải ngồi! Của công vốn là của chùa của trời, ai với tới cứ với. Dám bát nháo là được. Trung thực thì khốn nạn suốt đời. Người ta rất cần trung thực với nhau. Song trung thực quá hóa ngu. Thời nay, ai là người trung thực? Ai? Ai?... Chẳng có ai!

Ngay như cậu lái xe được ông tin cẩn số một, song cũng là tay đại bát nháo. Biết ông đang lượng lự, hắn gợi ý: "Theo em thì sớm ngày mai thủ trưởng hãy về quê. Thủ trưởng vừa từ Nam ra, lại đi đêm, rồi cả đêm mất ngủ dễ nguy lắm". Ông chưa kịp đáp, cô trợ lý đưa cặp mắt tình tứ nháy ông: "Nên thế anh ạ. Vì có về đêm nay anh cũng chẳng phải giải quyết việc gì. Công việc chị ở quê đâu vào đấy hết rồi". Đúng vậy. Sáng nay Chánh văn phòng Hoàng đã về phối hợp cùng gia đình lo tổ chức lễ tang. Chiều, Phó giám đốc Miên vớig hai người khác mang chè thuốc và những đồ cần thiết, cũng đã về. Sáng mai thì, cơ quan bố trí hai ô tô to, chở anh chị em trong Sở về viếng. Như thế, chẳng còn gì đáng phải bận tâm. Có điều, ông đã hẹn sớm muộn đêm nay có mặt tại nhà. Cậu lái xe lại lên tiếng: "Em sẽ trực tiếp điện về, nói xe gặp sự cố. Ai chẳng tin!". Ông gật gù, hài lòng kế sách của cậu ta. Cậu ta biết kín mồm kín miệng, biết ăn cây nào rào cây nấy. Nay mai nhớ giúi cho cậu ta tí tiền.

Thế là đêm nay, tại ngôi biệt thự sang trọng này, ông lại cùng cô trợ lý trẻ đẹp thả cửa ôm ấp nhau, trước khi về đưa tang người quá cố. Thế là từ nay, nàng không còn phải mè nheo xúi giục ông ly dị người đàn bà nhà quê nữa.

Hôm sau, họ có mặt tại làng thật sớm.

Thấy ông chớm bước vào sân, phường bát âm kịp thời nổi nhạc tang nỉ non, bi khốc. Và nhất loạt những tiếng khóc gào lên, thật đậm đà tục lệ cổ dân tộc. Có điều, đã là tục lệ thường đặc sệt vẻ hình thức. Cho nên, bao nhiêu tiếng gọi gào - hờ... chị ơi, em ơi, bác ơi, mợ ơi... - cùng những lời kể lể than vãn xót thương chồng chéo, mà vẫn cứ nhạt nhẽo, hững hờ. Những cặp mắt khóc thì khô khốc, ráo hoảnh. Duy nhất có cô con gái nước mắt đầm đìa, nhưng lại không biết kể lể điều gì, chỉ khóc hu hu như đứa trẻ. Rồi thỉnh thoảng, hết ới mẹ lại gọi cha. Như thể thày cô cũng chết rồi. Có người bấm bảo: "Đừng dại khóc thày mày. Thày mày kia kìa!".

Đứng bên linh cữu, ông chồng người quá cố mặc bộ đồ đen - quần đen, sơmi đen. Và, băng đen đeo một bên cánh tay. Đầu cúi. Hai bàn tay bắt chéo, để trước bụng. Nét mặt tỏ ra buồn rầu thương tiếc lắm. Thỉnh thoảng cũng có ngẩng nhìn chậm chạp đó đây. Cặp kính trắng dày cộp che đi đôi mắt lồi thô lố, khiến hình thức ông không đến nỗi nào. Người ta thấy ông chỉ rời linh cữu khi phải tiếp khách cỡ to to. Là các vị lãnh đạo cấp thành phố, như Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân... Hoặc các vị đứng đầu sở ban ngành.

Khách viếng chưa hết mà hoa tang đã kín trong nhà, kín cả bốn bề sân. Phong bì tiền thì chặt mấy túi xách. Trên đường làng thì ô tô đậu nối đít nhau rõ dài. Chà chà... Các cụ các ông các bà cảm động nhận xét rằng: "Xưa nay làng ta chưa đám tang nào to đến thế. Có cả vị Phó chủ tịch thành phố, vị Phó đảng Thành phố về dự. Quý hóa quá!". Rồi thì là, nơi ông nhà làm việc có hàng trăm người về. Chuyện, chồng làm to nên bà ấy sống được cậy nhờ, mà chết vẫn được cậy nhờ. Thật là sung sướng mát lòng, từ kiếp làm người đến cõi thiên thu. Đáng lưu tâm hơn là, tại điếu văn truy điệu do đại diện Mặt trận Tổ quốc xã đọc, có nhiều câu mới thống thiết làm sao: "... Gia

đình bà là một mái nhà ấm êm thuận hoà, đoàn kết nhất trí, thật sự hạnh phúc. Đó là tấm gương trong mẫu mực, rất đáng để mọi nhà mọi người hướng tới, noi theo... Bà qua đời, để lại nỗi tiếc thương cho toàn thể dân làng. Đặc biệt đối với ông nhà và các con thì, nỗi tiếc thương thật vô hạn vô cùng, không gì đo nổi. Bà qua đời, ông nhà và các con mất đi thứ quý giá mà không vật báu nào dám sánh, không một ai thay thế được... Thưa bà, ở cõi bên kia bà có hiểu, rằng từ nay ông nhà và các con như đàn chim cô đơn gãy cánh, và khôn nguôi nỗi buồn, bởi sự trống vắng người vợ, người mẹ trong nhà?...". Lời điếu vừa dứt, tiếng trống kèn sáo nhị lại rung lên. Nhưng không át nổi tiếng gào rõ to của một người thân: "Chị ơi, khổ quá nửa đời vẫn chịu vẫn qua... Đến khi phú quý vinh hoa, sao chị lại thui thủi ra đi một mình?...".

Hơn ai hết, ông chồng người quá cố nhận rõ từng ý từng lời trong điếu văn, và từ những tiếng gào gọi kể lể vãn than. Chỉ lo có sự đả kích nhằm hạ gục ông giữa lúc này. Nhưng thật là mừng. Ông vẹn nguyên hoàn toàn. Đúng là bà ấy đã trọn đời gìn giữ thanh danh cho ta - ông chợt nhớ ý câu nói của bà ngày nào.

GIANG TRUNG HỌC



thơ

BÙI ĐỨC LONG

KHÔNG ĐỀ

Phía đông
vườn địa đàng ấy
có mùa xuân non tơ
tôi và em
tóc bồng
môi đỏ
lộng lẫy nắng vàng
đời đẹp như mơ.

Phía đông
vườn địa đàng ấy
đất trời vẫn xanh lơ
tôi và em
dẫu không còn trẻ nữa
gặp lại nhau rồi
đời ướp hoa mơ.

BÙI ĐỨC LONG



truyện ngắn

CHUYỆN CŨ VẪN MỚI...

TRẦN MINH NGUYỆT

1-

Cô Lan vật mình xuống giường la khóc ầm ỉ và lớn tiếng gào to: " Mầy là đồ vô ơn, bội nghĩa, tao nuôi mầy từ lúc mới 5 tuổi đến nay. Mầy nên vóc, nên hình mầy phản công ơn của tao chứ gì ?"

Ông Khanh vốn ít là người ít nói- nay càng lặng lẽ hơn..Ông cảm thấy như mình đang bị kẹt vào hai vách tường- ông thường lơ đễnh bỏ đi hay chậm chạp tìm một việc gì đó để làm. - Ông chỉ muốn gia đình yên ổn, không có tiếng ồn- vì vậy lúc nào ông cũng nhường nhịn cô Lan- mặc cho vợ muốn làm gì thì làm! Thằng Tân đang run rẩy, tay nắm chặt thành ghế, mặt xanh như tàu lá- mếu máo : " con xin lỗi mẹ, con đã sai rồi, con không dám thế nữa...."

Nghe vậy , cô Lan càng khóc to hơn và càng chì chiết thằng Tân nặng lời hơn. Ông Khanh quay vào nhà- hết lời năn nỉ vợ, bước lại bên chỗ thằng Tân- ông nói : " Từ nay con đừng đặt điều nói xấu mẹ Lan nữa nghe không? Dù mẹ không sinh ra con, nhưng đã vất vả nuôi con lớn khôn, con biết không?"

- Dạ! Con xin lỗi ba, mẹ. Ba mẹ tha cho con lần này, con không dám nữa.

Mẹ của Tân chết từ khi nó mới 2 tuổi. Lúc mẹ mất, nó còn quá nhỏ để buồn, nhưng bỗng dưng nó lại khóc ngoằn ngoặt đòi mẹ mỗi khi đêm về. Còn ba nó chỉ âm thầm chăm sóc nó như một cái bóng lầm lũi vô hồn - và vết thương lòng, nỗi bất hạnh quá lớn đã đè nặng lên tâm hồn ông-càng khiến ông ngày càng lặng lẽ hơn. Cảnh gà trống nuôi con của ông không dễ dàng chút nào! Sau khi đoạn tang vợ, nghe theo lời khuyên của bè bạn- ông đi bước nữa với cô Lan-mẹ kế của Tân...

2-

- Lại đây con! Con tên gì? Con mấy tuổi rồi?

- Dạ thưa cô, con là Tân, tên ở nhà là Cún Con. Con 5 tuổi ạ.

-Cô sẽ là mẹ của con, từ giờ con gọi cô là mẹ nhé?

Tân nhìn cô Lan, và ngước nhìn lên bàn thờ- ngạc nhiên nói : "Mẹ con chết rồi mà, mẹ con ở trên Trời rồi ,mẹ con không về nữa ..."

Ông Khanh ôm Tân vào lòng –giọng âu yếm: " Ba đã tìm mẹ mới cho con rồi, con chào mẹ Lan đi."

Tân nhìn cô Lan lí nhí : "Con chào mẹ Lan"

Lan ôm Tân vào lòng- và khen nó ngoan- hôn phớt lên tóc, lên má nó. Tân thấy vui lắm-một nỗi vui nhẹ nhàng, đằm thắm -mà bấy lâu dường như nó.không hề cảm thấy?

Năm Tân 7 tuổi, mẹ Lan của nó sinh thêm em Nam. Em Nam xinh xắn, đáng yêu lắm. Nhưng từ khi có thêm em Nam thì dường như mẹ Lan không còn thương yêu nó như ngày trước nữa.. Tình thương yêu của Lan như đã ngày đêm dồn hết cho Nam-không còn chỗ để cho Tân chen vào? Nó bị hất ra, ngày mỗi xa khỏi tầm nhìn của Lan-và ngay cả cũng dần xa tầm tay của ba nó! Tân trở nên lặng lẽ-như một chiếc bóng thấp thoáng trong nhà.

Lan réo lên:

-Tân đâu? Lấy cho tao cái tả.

Lại giọng trách móc:

- Tân, mầy giữ em kiểu gì mà nó khóc dữ vậy? Đúng là mầy không làm được việc gì cho ra trò cả.!

Tân chạy vào đứng khép nép bên chân giương-chờ đợi sự sai bảo của Lan-và cũng chờ lắng nghe những lời bà hằn học, quở trách như một thói quen không thể thiếu.

Tiếng Lan lại vang lên:

-Tân! Sáng nay tao bận việc, mầy ở nhà trông em nhé.? Để nó khóc, té ngã là mày chết đó-nghe không?

Giọng Tân yếu ớt:

- Dạ! Nhưng con phải đi học mà

- Ôi dào-Lan thở dài- học với chả hành ? Mầy ở nhà một buổi không được sao?-Dừng một lát, Lan nói như thét- Mà tao sao nói một câu mầy cải lại một câu vậy à? Quân vô lễ...

3-

-Tân đâu?-Tiếng Lan gầm gừ- Tao chưa thấy ai hư hỏng và lười biếng như mầy?. Mầy đã 12 tuổi rồi mà chỉ biết ăn và phá thôi, chứ có biết làm gì cho cái nhà này đâu?-Lan quay lại nhìn lườm Tân- Mầy biết bây giờ là mấy giờ không? Cháo heo mầy nấu, chưa nhuyễn, tao cho heo ăn bằng gì đây hả?

Tân đứng lặng cam chịu như mọi khi-giọng nó như lạt hẳn:

- Dạ! Con dọn nhà cửa, nấu cơm, và trông em Nam mà....

Lan nhìn trừng vào gương mặt xanh xao, tái nhợt vì thiếu ăn, và vì nỗi sợ hãi của Tân giây phút-tưởng như nàng muốn ăn tươi nuốt sống nó. Giọng Lan vẫn chưa nguôi cơn giận dữ:

- Mầy còn cải hả thằng mất dạy kia.? -Sẵn cây chổi đang dựng ở góc phòng-Lan sấn tới quơ lấy- quất cho Tân mấy cái- vừa đánh vừa hét lên:- "Cho mầy chừa cái thói lười biếng và cải lại của mầy đi con ạ!".. Quá đau, Tân ù chạy đổng rạ sau vườn và ôm mặt khóc. Khóc.Nó chỉ biết khóc. Đã bao lần, nó đã chạy ra góc vườn vắng vẻ này mà khóc vì sự đau đớn-vì sự cô độc, tủi thân? Nước mắt dường như cũng đã xoa dịu được nỗi đau thể xác và tâm hồn nó vì khi đã cạn-nó không còn có cảm giác gì nữa-ngoài sự trống trải ngơ ngác ? Nó cắn răng chịu đựng không dám kể cùng ai, kể cả ông Khanh- vì nó biết có kể ra cũng chẳng ích gì. Ba nó luôn im lặng và lãng tránh như lòng ông cũng không muốn nhìn lại cái quá khứ bất hạnh của đời ông. Và khi đêm đến-nó vẫn thường nằm quấn chăn mà khóc , khóc thầm- khóc ngon lành- tưởng như những giòng nước mắt ràn rụa miên man kia là một niềm an ủi sau cùng và duy nhất cho đời nó vậy? Khóc- nó thầm van vái linh hồn mẹ cho nó được đi theo- cho dù nơi chốn ấy có khổ cực đến đâu nó cũng vẫn cam lòng!

4-

- Anh Khanh này! Nhà mình thiếu trước hụt sau, tôi phải đi làm khó nhọc- thằng Tân năm nay lên lớp 10. Nhưng nó học dốt quá. Thi không đậu hệ A, mà học hệ B học phí 125 ngàn đồng 1 tháng, còn tiền sách, tiền vở, tiền quần áo nữa, tiền đâu mà học. đây? Anh lo cho nó được không? –Lan liếc nhìn chồng- Hay là mình cho nó ở nhà, lớn lên chút nữa cho nó theo anh đi học làm thợ xây cũng kiếm sống được mà.? Lan thở dài thườn thượt.

Ông Khanh im lặng một lát - khẻ nói: " Em tính vậy cũng được, nhưng chỉ sợ con nó buồn ?"

- Anh yên tâm đi, nó không buồn đâu-Lan cười nhạt- Anh lại sợ nó buồn hơn tôi buồn à?-Lan lại cười gằn- Nó muốn nghĩ học từ lâu rồ thật tình anh khong biết sao?
- Thôi thì tùy em vậy...

Tân nằm nghe ba và mẹ Lan quyết định số phận của nó – cảm tháy run sợ.. Nó cố dằn tiếng khóc uất nghẹn, lén chạy ra đống rơm sau vườn -bưng mặt khóc nức nở..Tân tự nghĩ thầm: "Mình có muốn nghỉ học đâu, không đậu hệ A là vì mình không được học thêm, ngay cả học phụ đạo ở trường. Và ở nhà phải làm bao nhiêu là việc, không có thời gian để học, chứ có lười biếng không muốn học đâu mà mẹ nói vậy?" Như mọi lần bị oan ức, khổ đau-. Tân rất muốn tìm ba để nói-nhưng, ông đâu có khi nào ngồi gần nó để chuyện trò được vài câu? Đã hơn một lần nó bị mẹ Lan căn ra đánh đòn vì ba nó đã "tâm sự" với mẹ Lan rồi!

Đêm về khuya- sương xuống dày- thấm ướt nhưng nó vẫn ngồi bất động nhìn vầng sáng lờ mờ của mặt trăng bị mây che trên bầu trời tối mịt. Dựa lưng vào đống rơm cao-. mãi trông nhìn lên vầng sáng mờ nhạt của mặt trăng bị mây che- và nó có ý chờ đợi cho đám mây u ám kia tan đi-để mặt trăng lại tròn đầy ? Mây chưa tan, mà nó đã thiếp ngủ từ lúc nào không hay !. Giấc mơ ngắn ngủi bất chợt lại đến với nó-. mẹ Mai yêu thương của nó lại trở về -bà âu yếm ôm nó vào lòng- thì thầm bên tai những lời dịu dàng ...

.5-

Vừa bước chân vào đến cửa- Lan chỉ ngón tay vào giữa trán Tân-gay gắt:

- Mầy đúng là đồ vô dụng, mầy chỉ chờ ai làm sẳn là ăn thôi! Cái ngữ mầy nếu không có tao nuôi, chỉ có đi theo quân ăn cướp –Lan nhìn Tân với cái nhìn một cây gai -. Tao không muốn gặp cái bản mặt khó ưa của mầy nữa…Ngay từ hôm nay-mầy hãy tìm đường mà cút đi!.

Tân bị một cái cốc như búa dán lên đầu-nó đau điếng, bỏ chạy ra ngõ- đua tay sờ nắn-.một cục u đang nhú dần trên đỉnh đầu- Tân quay trở lại-lắp bắp nói:

- Con…con chỉ em Nam làm toán ! Con nấu cơm … hơi muộn- nhưng… sắp xong rồi … - Mầy đừng đầu độc con trai tao-Lan phắt quay nhìn Tân- nó mà giống mấy thì tao bóp mũi cho chết còn hơn….

Tân thấy muốn khóc nhưng cố ghìm lại, vì nó biết nếu cứ để mặc cho những giòng nước mắt chảy lúc này- nó sẽ bị đòn thêm.. Một thoáng, Tân ùa vào buồng quơ vội bộ áo quần tương đối mới thường măc đi học- ôm chạy một mạch ra ngõ-không ngó lại……

6-

- Bé! Bán cho chú vài tờ vé số đi?- ông cười- Đi bán vé số mà nằm ngủ sao, mày?

Tân giật mình- thấy mình đang nằm trên chiếc ghế đá ở công viên vắng vẻ- cảnh tượng mấy ngày qua vừa ẩn hiện vẫn còn làm nó ngơ ngác! Hình ảnh cuối cùng khi nó rời xa ngôi nhà tuổi thơ cứ quay về trong đầu nó- như một khúc phim quay chậm, ám ảnh Lời của mẹ Lan luôn văng vẳng như những ngọn lửa nung đốt nó đến tê dại : " Nếu không có tao nuôi, mày chỉ đi theo quan ăn cướp thôi!"- " Mầy đừng đầu độc con trai tao-nó mà giống mày thì tao bop mũi cho chết !" . Tân dụi mắt-gắng cười, giọng tỉnh táo .." Dạ! Cháu còn 5 vé đuôi 30 này dễ trúng lắm chú! Mời chú mua hết giúp cho cháu!."-Tân vui vẻ - chìa mấy tờ vé số còn lại cho người đàn ông cỡ tuổi ba nó nhưng trông lùi xùi-đang loay hoay đếm lại túi tiền. Sự nghèo khó cùng đường đã khiến mọi người tìm đến với vé số để mong được phép mầu đổi đời ! Nhưng kẻ nghèo hèn như Tân đi bán vé số thì ngày mỗi nhiều-mà cuộc đổi đời thì dường như không bao giờ đến?

- Nếu trúng độc đắc tao sẽ cho mầy một vé-Gã đàn ông nói với giọng thương cảm.

- Cảm ơn chú! Tân mỉm cười –Cháu cũng cầu mong cho Chú trúng mà….

Từ mờ sáng tới giờ Tân đã bán được hơn 50 tờ vé số rồi. Cọng với 100 vé số bóc nũa-nó cũng được hơn 30 ngàn đồng. Nó cảm thấy thật vui với những đồng tiền tự nó kiếm được- và càng cảm thấy tự tin- nó đã tự kiếm được miếng ăn mỗi ngày- không còn cảnh " ăn chực" như bấy lâu mà miếng ăn-nhiều lúc phải trộn lẫn với nước mắt!. Ngày ngày trừ tiền ăn xong, Tân cũng để dành được một ít tiền. Nó định cuối năm nay sẽ đi học bổ túc ban đêm- nó tự hứa sẽ cố gắng học để tốt nghiệp 12- và vào xin thi vào trường trung cấp cơ điện để có một cái nghề.mà tiếp tục sống …

Mới đó mà đã 4h chiều rồi. Tân vội vã đến đại lý trả vé số còn thừa và chiều nay -cuối tuần ,nó tự thưởng cho mình một dĩa cơm 15 ngàn ở một quán ăn hẳn hoi, thay vì về nhà tình thương ở chùa Ngọc Linh để ăn dĩa cơm bố thí như mọi ngày.

Tân mỉm cười mãn nguyện…

TRẦN MINH NGUYỆT



truyện ngắn

VỀ ĐẤT

KHẢI NGUYÊN

Áo bào thay chiếu anh về đất

(Quang Dũng)

- Từ cầu Hiền Lương, cứ theo bờ nam sông Bến Hải đi về phía tây khoảng hai cây số như hồn đã báo! / Tới nơi chưa? / Có thấy một cây mít đứng mé chân cái gò cao thưa cây không? Cách gốc mít chếch về tây nam chừng bốn bước chân có một nấm đất phủ đầy cây mua ...

"Nhà ngoại cảm" ngồi cách dăm trăm ki-lô-mét hướng dẫn qua điện thoại di động giọng tự tin và rắn rỏi y như một vị chỉ huy đánh trận từ xa. Mà bà ta rành "chiến địa" như có ra-đa theo rõi, không! nói "như có mắt thần" mới đúng. Tôi nhìn cây mít, hơi hoài nghi; nó chẳng có vẻ đã đứng đấy dư ba chục năm rồi, mà nom "trẻ" hơn nhiều. Tuy vậy, tôi vẫn hi vọng dưới nấm đất kia có xương cốt của Chiến, cho dù chỉ còn mấy mẩu xương tàn. Thân thể của người con trai đồng bằng Bắc bộ vùi quạnh quẽ bên bờ một con sông miền Trung, miền đất nắng nồng gió Lào về mùa hè và buốt lạnh mưa dầm về mùa đông. Liệu linh hồn anh, giả sử là có linh hồn, còn quẩn quanh nơi đây? Tôi không có liên hệ máu mủ gì với Chiến, song ...

* * *

Ven đường cái một vùng quê miền Bắc. Một căn nhà nhỏ tường đất mái rạ. Đầu này sân, hướng vuông góc với căn nhà, một gian bếp có tấm liếp rộng che hờ cửa ra vào. Đêm. Ánh trăng muộn soi lờ mờ một hố sâu do đạn rốc-két khoét cách sau nhà một khoảng ngắn, kề một một nền đất bị ngoạm gần một nửa. Đây là "cơ ngơi" còn lại của bà Mị bị "đạn lạc" của máy bay Mĩ trong cuộc bắn phá một trận địa phòng không ven thành phố. Bà Mị từ chỗ nấp ngoài đồng chạy về thì ngôi nhà tranh của bà đã văng đâu mất. Ít lâu sau, hợp tác xã và bà con lối xóm đã giúp dựng lại nếp nhà này. Bà chỉ còn một mình; đứa con trai đang đi chiến đấu xa.

Đã khuya lắm. Một chàng trai đầu đội mũ tai bèo, lưng đeo ba lô, chân đi dép lốp, đi đến đứng tần ngần giờ lâu. Anh ta đến trước nhà toan gọi cửa, nhưng rồi chẳng biết nghĩ sao bước đến gian bếp kéo tấm liếp qua một bên rồi đi vào mắc võng nằm, giở tấm đắp trùm kín đầu.

Trời mờ sáng. Cửa nhà trên mở, một người đàn bà còn trẻ bước ra sân làm mấy động tác tập thể dục. Chợt nhìn vào bếp, chị không ngạc nhiên vì ở đây thường có người đi công tác, nhất là bộ đội, nhỡ độ đường đêm hôm ghé nghỉ nhờ. Chị tới gần, dịu dàng hỏi:

-Ai nằm đây nhỉ?

Chị phải hỏi đến lần thứ hai, nói to hơn, người nằm võng mới cựa quậy, cái đầu ló ra cất giọng yếu ớt:

-Tôi là bộ đội. Tối qua khuya quá, không tiện gọi cửa.

-Chú lên nhà nằm cho kín gió. Ở đây sương xuống lạnh lắm.

-Em nằm nán chút nữa rồi phải đi đây.

-Chú còn phải đi xa không?

- Em về phép. Nhà em trước ở đây ...

Người hỏi ngớ ra một chút:

-Chú là Chiến phải không? Đây là nhà chú rồi. Tôi là Mai, giáo viên, sơ tán từ thành phố về, mới chuyển đến đây ở với mẹ chú. Bà cụ nhắc đến chú luôn. Chú lên nhà đi, cứ để võng đấy tôi thu dọn cho.

- Mẹ em thế nào?

-Bà vẫn khỏe, thỉnh thoảng se mình tí chút. Chỉ những nhớ và lo cho chú. Sao chú chẳng có thư từ gì cả?

-Em gửi, không thấy hồi âm, tưởng đơn vị di chuyển luôn nên thư khó đến. Vậy ra thư em lại bị lạc.

Cô giáo Mai nhìn kĩ anh lính. Một vết sẹo dọc má làm khuôn mặt hơi lệch đi. Miệng khuyết một chiếc răng cửa trên; mỗi khi nói chàng trai như có ý kéo vành môi xuống để che bớt.

-Chú gầy và xanh quá. Có khi phải nấu cháo tẩm bổ cho chú.

-Em ăn cơm được. À, chị này! Chị đừng bảo trước với mẹ em nhé. Để xem bà có nhận ra không?

Cô giáo đưa Chiến lên nhà đến chiếc phản ở góc phía đông rồi đến đánh thức bà mẹ đang ngủ trên giường phía tây.

-Bà ạ, có một anh bộ đội về phép ghé qua nghỉ nhờ, trông ốm yếu lắm. Tội quá, hay ta giết gà bồi dưỡng chú ấy, kẻo rồi ra mẹ chú ấy cũng không nhận ra con.

-Ờ, cô bắt con nào choai choai, ngọt thịt.

-Không. Phải bắt con mái ghẹ béo nhất chuồng cơ. Để bồi dưỡng bà nữa chứ. Đã lâu bà ăn uống kham khổ mãi rồi.

Bà mẹ dậy, bước đến bên chiếc phản nhưng người nằm đó đang trùm kín đầu hình như ngủ say. Bà đi xuống bếp. Chiến hé chăn nhìn theo. Anh đã toan nhỏm dậy.

Dưới bếp, bà Mị nhóm bếp đun nước, chờ cô Mai đi bắt gà. Ngồi nhìn ánh lửa, bà nhớ đến con trai.

Ngày ấy, Chiến nằng nặc đòi đi bộ đội tuy vào diện được miễn. Bạn bè cùng lứa đều đi cả, cu cậu cảm thấy chán học. Khuyên nhủ con không được, bà cũng không nài ép. Tiễn con lên xe nhà binh rồi, bà về nhà ngồi khóc lặng lẽ.

Mai giúp bà Mị làm cơm xong, bàn với bà mời cả ông Vạn, chú ruột của Chiến. "Chẳng mấy khi ăn tươi bà ạ".

Chiến được gọi dậy, rửa mặt xong thì mâm cơm đã sẵn sàng. Ông Vạn hỏi chuyện anh bộ đội, không để ý bà mẹ đang chú mắt nhìn "người khách bỗng dưng". Anh chàng hơi thẻn mẻn nhưng ánh mắt có tia tinh nghịch. Chợt bà mẹ bật khóc.

-Sao vậy bà? –Mai hơi hoảng- Đang vui mà.

-Chẳng biết thằng Chiến bây giờ đang ở đâu. –Bà nghẹn ngào- Hai năm rồi chẳng có tin tức gì cả.

Mai cười dòn, trỏ Chiến:

-Bà nhìn kĩ xem ai đây.

Bà mẹ va tay vào mâm làm đổ bát canh. Bà vươn tay run run sờ vết sẹo trên má con.

Ông Vạn hỏi:

-Anh bị thương trong trận nào?

Chiến gặp thám báo địch trên đường rừng Trường Sơn. Anh vật lộn với một tên, bị nó đâm, anh né tránh, mũi dao sượt qua má. Địch bỏ chạy lẩn vào rừng khi đồng đội của anh hô nghi binh.

Xong bữa, Mai tranh bà mẹ mang các thứ đi rửa. Ba người ngồi lại, bà Mị hỏi con:

-Con về phép hay là …

-Ra viện, con được nghỉ phép năm ngày.

Chú Vạn bàn:

-Ta tranh thủ cưới vợ cho nó, chị ạ.

-Cháu của chú đấy, chú lo liệu được sao thì tùy chú.

-Chỉ sợ chị trách tôi bao biện thôi. Hà, hà, … Còn đám nào hơn nữa? –Ông chỉ tay ra sân.

Chiến giẫy nẫy:

-Úi! Chị ấy đáng bậc chị của cháu.

Bà mẹ chép miệng:

-Được người như thế thì còn gì bằng. Chẳng với được. Vả, cô ấy cũng có nơi có chốn rồi.

Ông chú đập tay vào đùi:

-À, cái Thìn xóm bên, giờ đang ở đội bèo hoa dâu của hợp tác xã. Anh Chiến có lẽ chẳng biết đâu; khi anh đi nó hãy còn bé tí.

Chiến cười nụ:

-Thìn con ông Đề hở chú? Bây giờ chẳng biết còn nhận ra nhau không, chứ hồi trước chi

đoàn giao cháu phụ trách đội thiếu nhi do cô ấy làm đội trưởng. Hay dỗi mà lại bướng ra phết.

Ông Vạn cười khà:

-Vậy là chỗ quen biết cả. Trưa nay anh đi với tôi.

Chiến đưa tay sờ mặt:

-Cháu bây giờ thì ma nào dám nhận làm chồng.

-Hề, hề, hề, … Anh coi thường tinh thần các cô gái làng ta quá.

Thiện ý của ông chú không thành. Khi biết anh bộ đội đến nhà là anh phụ trách ngày trước, cô cựu đội trưởng thiếu nhi tỏ ra niềm nở. Nhưng Chiến chẳng thể quên ánh mắt cô hơi sững ra lúc vừa chạm mặt mình. "Khi nhận lời yêu là anh bộ đội; khi sống cùng là người thương binh", hình như đã có ai nói vậy. Viện cớ ít ngày quá chưa kịp hiểu nhau, Chiến hẹn với mẹ cũng như với "đối tượng" sẽ trao đổi qua thư từ và nếu "có gì" thì sẽ "bàn dứt điểm" vào kì nghỉ phép sau. Biết là thêm nỗi buồn cho mẹ, anh tha thiết cậy nhờ cô giáo Mai năng gần gũi mẹ mình.

Trên đường vào lại chiến trường B, Chiến tranh thủ viết cho mẹ. Lá thư viết vội ấy đến tay người nhận sau gần một tháng.

* * *

Mai đang dò sóng trên chiếc đài bán dẫn. Một tiếng đọc giọng nam vừa cất lên "Mời các gia đình …" bị lướt qua. Chị vặn trở lại nút xoay. Tiếp "… xâm nhập Việt Nam cộng hòa nghe nhắn tin". Chị tò mò lắng tai. Hai cái tên trước với địa chỉ ở đẩu đâu qua đi. Rồi tiếng con gái giọng Nam pha Bắc: "Nhắn gia đình anh Lê Quyết Chiến. Con, Trần Mai Hương, xin chào má Bùi thị Mị ở đội 2, hợp tác xã …, xã …, huyện …, tỉnh … Con là vợ anh Chiến. Trong một trận đụng độ gần Khe Sanh, anh bị thương nặng và bị đồng đội bỏ lại. Anh đã lết suốt đêm lạc vào vườn nhà chúng tôi. Gia đình đã tận tình cứu chữa và nuôi dưỡng. Sau khi bình phục, anh đã gá nghĩa cùng con. Anh tỏ ý ngán chuyện cầm súng tham gia cảnh nồi da nấu thịt. Anh mong muốn được sống hòa bình yên vui. Chỉ cần cộng sản đình mộng xâm lăng thì hết cảnh thịt rơi, máu đổ. Anh bảo con nhắn má là hãy an lòng. Nếu càng nhiều người tỉnh ngộ thì mẹ con ta càng chóng đoàn tụ. Ai nghe được lời nhắn này xin hãy báo lại cho bà …". Mai đứng vụt dậy, định đánh thức bà Mị, nhưng chưa cất bước, chị đã kịp nghĩ lại. Chị tắt đài, ngồi trầm ngâm nghĩ ngợi. Tại sao … ?

* * *

Cô giáo Mai đến gặp phòng thương binh-xã hội tại nơi sơ tán. Cô thay mặt bà Mị hỏi sao đã mấy tháng nay bà không nhận được tiền trợ cấp gia đình bộ đội đi B. Người tiếp chị, sau khi đã biết mối liên hệ giữa chị và bà Mị, đã nói lí do và thêm:

-Chúng tôi chưa tiện công bố vì sợ ảnh hưởng xấu về chính trị. Chị hẳn cũng hiểu là không thể đem của mồ hôi, nước mắt, cả máu nữa, của nhân dân đi trợ cấp cho gia đình một kẻ phản bội.

-Đích xác như vậy sao?

-Chị là giáo viên, lại ở trong nhà bà Mị, chúng tôi xin nói thật để chị tiện xử trí và giúp chúng tôi liệu việc cho êm thấm trước mắt. Người ta đã nghe chính vợ thằng Chiến nhắn tin qua đài ngụy.

Thì ra họ cũng nghe đài địch, và tin ngay, Mai nghĩ thầm. Chị rất hồ nghi chuyện nhắn nhủ này, nhưng nói thế nào để khỏi lộ ra là mình đã "lén nghe đài cấm" đây? Từng câu nhắn của đài Sài Gòn trở lại trong đầu chị. Có điều gì … Chị lựa lời:

-Tại sao không tự mình Chiến nhắn mà phải qua vợ nó? Có thể là một sự bịa đặt chăng!

-Chắc là thằng này không dám quá muối mặt. Còn thì đích xác rồi. Bịa đặt sao lại có thể chính xác đến tên đội sản xuất.

-Tôi e đó là trò chiến tranh tâm lí. Nắm tên, địa chỉ, hẳn là chẳng khó đối với chúng.

Viên trưởng phòng làm mặt lạnh, trở giọng nghiêm nghị:

-Cấp trên đã cho ý kiến rồi. Không phải việc của chị. Tôi nói với chị để chị liệu cách giải thích cho bà Mị tạm yên tâm. Tuyệt đối, chị không được hở chuyện kia với bất cứ ai!

Mai đạp xe trở về, trong đầu vấn vương bao câu hỏi.

Từ đấy, bà Mị vẫn âm thầm sống mà lo việc đồng áng, liệu việc nhà. Vắng dần sự "ưu tiên", sự "chiếu cố" của hợp tác xã, của xã một cách khó nhận thấy, hoặc có nhận thấy thì người ta chỉ cho là nhiều việc quá nên sao nhãng.

Mai được khuyến cáo nên chuyển nơi trọ, nhưng chị viện cớ để lần lữa.

Sau ngày đất nước tái thống nhất, xã chính thức tỏ thái độ với gia đình người "có vấn đề". Đến hồi thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến từng hộ, bà Mị được giao phần ruộng vừa cằn, vừa xa nhà, dẫu bà già yếu.

Cô giáo đã chuyển về thành phố, thỉnh thoảng đến thăm bà, song cũng chỉ có thể an ủi và chia sẻ nỗi niềm khốn khó. Một lần, chị đến với bà và ngủ lại. Khuya, chị chợt thức giấc nghe mơ hồ có tiếng sụt sịt; không thấy bà nằm cạnh, chị soi đèn pin thấy bà đang đứng gục đầu vào bức vách trên đó có đính mấy tấm bằng khen của Chiến thời đi học. Bà chỉ có nơi đó để khóc và vào lúc như thế này thôi, chị xót xa nghĩ.

* * *

Năm 199..., Mai đọc được tin phía Mĩ có giao cho ta một số hồ sơ, tài liệu về quân giải phóng họ nhặt được sau các trận đánh. Chị thay bà Mị đề nghị xem có gì liên quan đến Chiến không. Sau bảy tháng, được trả lời. Có di vật của Lê Quyết Chiến, song chỉ là một phong thư gửi mẹ với đầy đủ tên họ, địa chỉ, đề ngày ... 196...; và lời phỏng đoán của phía Mĩ "người này đã chết" trong một trận đánh gần sông Bến Hải. Chị tức tốc về địa phương đề nghị xét công nhận "liệt sĩ" cho Lê Quyết Chiến. Người ta bảo: đó chưa phải là chứng cứ!

Bà Mị đã yếu lắm. Mong ước duy nhất của bà là đưa được nắm xương của con về quê. Mai tự đứng ra nhận sự ủy thác của bà. Theo cách người ta, chị tìm đến một nhà "ngoại cảm" trứ danh. Bà này sau khi hỏi han mọi nhẽ hẹn ngày đến điện thờ của bà ta để cầu vong. Và "vong Chiến" đã báo cho biết nơi mình tạm gửi thân xác mà hôm nay, Mai thay mặt bà Mị dẫn toán người giúp và người mướn đến đây. Nhà ngoại cảm ngồi ngoài Bắc vẫn theo sát hướng dẫn, nhắc nhở. Lần đầu, Mai đến bên bờ con sông mà một thời người dân Việt ở cả hai miền cảm thấy như một bức tường ngăn vô hình rất khó vượt qua. Từ sau ngày đất nước hòa bình trở lại, nhiều người đã được trông thấy con sông lịch sử, con sông "nhức nhối", con sông "hẩm hiu", con sông "ao ước", nhưng thường chỉ được nhìn vút qua khi xe băng cầu Hiền Lương. Mấy ai được thả hồn dõi theo dòng chảy lặng lờ, nhìn ngắm đôi bờ mà hình dung quang cảnh những ngày chia cắt, những ngày bom đạn. Mai chẳng được thong dong để suy tưởng, song chị cũng xốn xang khi đến bên con sông, mặc dù mối bận tâm của chị hướng về lòng đất bên bờ sông.

* * *

Tôi hơi lưỡng lự một chút, nhưng chẳng có cớ gì để "xem lại". Mọi thủ tục đã xong xuôi. Nhà chức trách sở tại có nhã ý cử người đi cùng giúp lo liệu, nhưng thấy họ đang bận rộn chuẩn bị cho lễ hội gì đó, chúng tôi cảm ơn và hứa sẽ báo cáo kĩ sau khi xong việc.

Chúng tôi nhanh chóng bắt tay đào nấm mả, theo lời nhà ngoại cảm. Đất pha sỏi hơi khó đào. Sâu xuống chừng hơn một mét gặp một lớp ván gỗ mục gần hết. Nhẹ tay cời lớp gỗ mủn, lộ dần ra một bộ hài cốt hầu như còn nguyên vẹn. Chúng tôi cẩn trọng và tỉ mỉ bốc lên đặt vào tấm vải nhựa trải trên mặt đất gần kề. Sau khi rửa lần cuối bằng nước thơm và lau khô, chúng tôi chuẩn bị xếp vào cái tiểu sành sắm sẵn mang theo. Thốt nhiên, tôi giật mình, tim muốn đứng luôn. Tôi vừa nhận ra một chi tiết nhỏ nhưng chẳng hề "nhẹ": Cái sọ nhe trọn bộ răng đầy đủ, mà Chiến thì ... Tôi sờ xem rồi bào mấy người cũng thử xem kĩ hàm răng trên của chiếc đầu lâu có chiếc răng cửa nào là răng giả không (dẫu biết rằng người lính chiến khó mà có điều kiện đi trồng răng giả). Tuyệt đối không! Làm sao đây? Có người hỏi: "Chị tin chắc là không nhớ nhầm chứ?". Nhớ nhầm sao được! Có lời bàn: hay là cứ mang về; ít ra thì cũng để cho bà mẹ già yên tâm mà nhắm mắt. "Không được! –Tôi kiên quyết- Không thể làm chuyện đánh tráo. Không đánh lừa lòng mong mỏi của một người mẹ". Có người gợi ý rằng cứ cho thử ADN, biết đâu ... Rứt khoát chẳng thể có chuyện "biết đâu" ấy! Chợt một ông lão đi tới:

-Các người đến bốc mộ người thân à? Sao biết mà tìm đến đây? À, phải rồi! Tháng trước có người đến hỏi lai lịch cái mả này. Dân làng chẳng mấy ai thật tường ngọn nguồn.

-Cụ bảo sao cơ?

-Trận lụt "lịch sử" ở tỉnh ta năm Thân ấy mà. Sau khi nước rút, xác anh thanh niên này mắc vào đám tre đằng kia kìa. Chúng tôi đợi người tới nhận về. Hồi ấy, chưa dùng đài truyền hình để thông báo rộng rãi. Chúng tôi cứ trông mãi ... Đến khi cái xác bốc mùi phải xin với trên cho chôn cất.

Thỉ ra đây là mộ vô chủ. Có người đến "hỏi lai lịch" ... Tôi nghĩ là mình đã vỡ lẽ. Quả là nhà ngoại cảm "cao tay" thật!

* * *

Bà Mị không chờ được để đón hài cốt đứa con trở về. Mai coi đây là niềm ân hận lớn nhất đời mình.

Hơn một năm sau ngày bà mẹ đi tìm con trai ở thế giới bên kia, một người con gái nói giọng miền Nam tìm về xã ... hỏi nhà bà Mị, nói là người thân của Chiến. Cô tên là Lê Hoài Bắc. Người của địa phương chỉ cho cô đến nhà ông Vạn.

Hoài Bắc không biết thật rõ nguồn gốc của mình. Những gì cô còn có thể nhớ được, khi đã đến tuổi hay hỏi "lục vấn", là câu trả lời của má "cha con ở xa lắm" với lời dặn "chớ hỏi mà cũng chớ nói với ai những câu như rứa". Chắp nối những gì cô gái tự biết và nghe mẹ kể, cô giáo Mai hình dung ra bước "luân lạc" của một câu chuyện đậm mùi tiểu thuyết.

Bệnh xá của "cứ" trong rừng. Cô y tá Vi được phân công chăm nom mấy thương-bệnh-binh đang hồi phục sức khỏe trong đó có Chiến. Ngày chàng lính trinh sát xuất viện cũng là ngày cưới của hai người. Một lễ cưới giản tiện nhất thế giới, vì chỉ như là một sự công nhận được ngủ với nhau "hợp lệ". Quà cưới sang nhất là mấy kiểu ảnh được một "phó nháy"-bệnh binh chụp giúp. Họ chỉ chung sống với nhau vỏn vẹn ba ngày. Chiến tìm về với đồng đội rồi bặt tin luôn, song đã kịp gửi lại một giọt máu nơi người vợ trẻ. Khi cô y tá đã có dáng "ậm ạch", trạm xá bị kẻ địch "săn sóc" quá phải di chuyển luôn, người ta tìm cách gửi cô cho một gia đình cơ sở cách mạng, đâu như ở vùng Vĩnh Linh. Chẳng hiểu sao, gia đình này phải phiêu bạt và rồi di tản về phía nam mang theo mẹ con bé Bắc, lúc bé mới chừng ba tuổi.

Hai miền hợp nhất, chị Vi muốn đưa con tìm về quê nội theo địa chỉ cha nó để lại. Chị đến ban quân quản nhờ giúp đỡ; chị nghĩ chồng chị, cả chị nữa, đều cùng từng là "bộ đội cụ Hồ" như họ, chắc dễ được cảm thông. Nhưng người ta nhìn chị ngờ vực. Chị chỉ còn giữ được tấm ảnh cưới. Chị kể tên đơn vị cũ và tên một số đồng đội cũ của chị, tên đơn vị cũ của chồng. "Mù mờ quá! Để chúng tôi còn thẩm tra". Chị nhờ mục nhắn tìm đồng đội trên đài, báo, nhưng không thấy kết quả. Chị "lưu lạc" đã quá lâu! Chị gửi cho bà Mị hai lá thư. Lá đầu bặt tăm; lá thứ hai bị trả lại với dòng ghi nguệch ngoạc ngoài bì "không có người nhận". Chật vật cuộc mưu sinh, chị phải tạm gác chuyện "chắp lại dòng đời" cho con, song không nguôi hi vọng. Nhưng rồi chị đã phải nằm xuống. Trước khi ra đi vĩnh viễn, người mẹ dặn lời cuối cùng "con cố tìm về quê cha để họ hàng biết đến sự có mặt của con trên cõi đời này".

Chẳng dễ mà Hoài Bắc được nhận họ ngay. Người trong tấm "ảnh cưới" mà cô mang theo đúng là Chiến với cái sẹo bên má chẳng thể lẫn với ai khác, nhưng vẫn có ý kiến nghi ngại "nhận vơ chăng!". Nhưng mà để làm gì? Phải đâu để đòi gia tài như chuyện từng xẩy ra trong phim, cả trong đời thường! Dẫu vậy, phân vân thì cứ phân vân; "hay là cho thử ADN", một người gợi ý. Cô giáo Mai được ông Vạn gọi điện báo cho biết. Cô sực nhớ đến lá thư cuối cùng Chiến viết cho mẹ mà không kịp gửi, trong đó có nói về lễ cưới của mình với cô y tá Vi tại một bệnh xá trong rừng. Khớp với những gì mà đứa con "rơi" của anh đã kể lại.

Một cuộc họp họ long trọng chào đón một thành viên phiêu bạt trở về. Cuộc đoàn viên bất thường có mặt cả bà con chòm xóm đến chia vui. Ai đó bỗng nói to: "Bây giờ có nên truy xét chính sách đối với bà Mị và anh Chiến không nhỉ?" Câu hỏi không có câu trả lời.

* * *

Ngồi bên Hoài Bắc trong cuộc họp mặt "chung vui", tôi càng thấm thía nỗi ân hận của mình.

Bây giờ nắm xương tàn của Chiến lạc nơi đâu trong lòng đất Quảng Trị? Tôi nghĩ đến cái tên mà vợ anh đã đặt cho đứa con không may của anh chị. Phải chăng di cốt của anh cũng đang "hoài bắc"! Thôi thì anh đã "về đất", đâu cũng là Đất Mẹ, đâu cũng là quê mình. Nghĩ vậy mà lòng tôi se lại.

6 - 2014

KHẢI NGUYÊN



truyện ngắn

KHUYỂN ĐẾ

TRẦN TÂM

Bên bếp đốt bằng củi gộc, lửa đã vạc. Ông chủ nhà cao gày, dáng ốm yếu, với tay đặt lên lưng con chó đang ngồi, giọng trầm xuống:

- Đen! Tao già rồi. Không còn theo mày vào rừng được. Phí tài mày đi. Tao giao mày cho ông chủ mới. Ông ấy ngồi kia. Về với chủ mới, mày được rộng cẳng cùng đồng loại, không bị đói, bị bỏ vạ vật, bị cùm trói tù túng đâu. Nhớ chưa? Đen!

Rồi quay về phía người người khách ngồi đối diện qua đống than gộc lửa còn leo lét, ông nói giọng buồn hẳn:

- Thôi! Ông dẫn nó đi!

Người khách chậm chạp đứng dậy. Con chó chăm chăm nhìn ông già giờ đã im như pho tượng. Rên lên một tiếng khe khẽ, nó vọt ra cửa, chờ người khách, lặng lẽ đi theo.

Người và chó luồn rừng lội suối, đói ăn khát uống, mấy ngày sau mới về đến nhà. Nhà ông ở một vai núi. Thấy ông về, hai con chó thau tháu xô ra, mừng quấn quýt. Con Đen đi sau, lạnh lùng tách ra. Ông chủ gọi:

- Đen! Lại đây!...Lao, Luốc...đây là anh mày. Còn Đen! Từ giờ mày dạy dỗ, chỉ huy chúng nó.

Ông tên là Tần. Ở bản Bắp La này từ nhỏ. Sau ngày vợ chết, ông lên núi, để lại cho bốn đứa con mỗi người một dinh cơ ba gian lợp vỏ ràng ràng đàng hoàng trong thị trấn. Ai cũng biết tiếng Tần săn. Ông săn bắn giỏi, có bày chó nghe và hiểu ý người.

Chó nhà ông ba con. Ông chọn kỹ càng lắm. Nếu đúng chó quý, đắt mấy ông cũng tìm cách hỏi mua. Mấy năm trước, trong một trận quyết đấu với hổ mang hoa, con chó đầu đàn sơ suất bị rắn cắn. Nó chết, ông như người mất cánh tay. Hai con còn lại không kẻ hướng dẫn, sút kém hẳn. Ông vẫn đi săn nhưng bọn chó chỉ chạy nhảy lung tung, tha về rặt những kỳ nhông, rắn ráo, sóc nhãi, chồn hôi...Theo hỏi tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến chỉ gặp chó xoàng, ông chán ngán, chả lẽ thôi nghề.

Nhà ông ở nơi hẻo lánh nhưng người ra vào không ít. Sinh viên lâm nghiệp thực tập, thợ đường dây, dân địa chất...đủ cả. Có người chỉ tạt qua một lần trong đời. Người lâu nhất tới nửa năm. Bù lại, lại có lớp mới. Nhiều hôm hàng chục người rải vải nhựa, mắc tăng võng, ngủ nhờ nhà ông. Nhà chật nhưng lòng ông không chật.

Họ kể ông nghe. Ông kể họ nghe. Đêm dài ngắn cũng tùy nhưng chuyện về ông đi theo họ rất lâu, năm này sang năm khác.

Nghe ông ao ước tìm được chó quý, một anh thợ địa chất vỗ đùi đánh bốp:

- Bác Tần! Cháu biết! Con chó khôn cực kỳ, không tìm nổi con thứ hai. Nó nhanh như gió, khỏe như báo. Đâu như ở vùng Nha Trạo...

- Từ đây lên, đi đường nào? Xa không?

- Tắt rừng! Năm sáu ngày bác ạ!

Anh công nhân nọ nói một lúc lâu về khả năng của con chó kỳ lạ rồi ngậm ngùi:

- Kể để biết. Bác có đến cũng không mua nổi. Xin bác nhớ, đến vùng Nha Trạo, bác hỏi nhà có con chó khôn, tên Đen thì biết chứ chủ nhà cháu quên béng ngay từ khi chưa ra khỏi cửa. Không phải cháu vô tình mà vì con chó quá khôn.

Hỏi thật kỹ càng, nửa tháng sau, ông Tần xách túi khoác bao ra đi. Hơn tuần nữa, ông về, tụ tập con cháu lại:

- Phải nói là vua chó. Lông phía ngoài đen mượt, bụng trắng. bốn phía trong chân cũng trắng. Mõm khá dài. Hai bên má là hai vạch trắng kéo dài đều nhau từ hàm tới tai. Đầu mũi và chót đuôi màu lửa. Loài khuyển đế đấy. Ông chủ quá già ở với đứa cháu lên tám. Nguồn sống chính do chó kiếm từ rừng về. Ông đòi đổi trâu mộng với ngôi nhà gỗ năm gian lợp lá gồi. Còn chó có sang chủ

mới cũng không được đổi tên.

Ông ngừng lại chờ xem ý bốn thằng con và mấy đứa cháu lớn. Không gian lặng thinh. Họ đang chờ ý kiến ông. Ông thủng thẳng:

- Không đắt đâu! Phải trông thấy mới biết. Ta quý chó, cần chó, lại biết thương chúng nên ông mới đổi ý, dành của cho cháu. Một mình á! Không bao giờ ông ấy chịu rời vật báu ra đâu!

Sau gần hai năm, nhờ sự góp công của bốn cặp vợ chồng và sáu đứa cháu, ông được toại nguyện. Con chó sang tay ông. Nó đã không làm xấu hổ nòi giống, không phụ công ông. Ngay sáng hôm sau, Đen tỏ rõ phẩm chất khác thường. Con Lao, con Luốc phục tùng nó hoàn toàn. Nhìn Đen, ông hài lòng lắm. Nó nằm sấp, mắt lim dim, đầu đặt lên hai chân trước nhìn con Lao, con Luốc tập bò. Phải lấy bụng và đùi mà trườn. Con nào nhổm nhổm tý chút, Đen lại gự một tiếng như người dọn giọng. Lúc ông đổ cơm cho chúng, Lao, Luốc chen nhau ăn. Đen đứng yên. Ông giằng bát ra, đưa sát mặt, nó cũng lặng thinh. Sau ông phải trộn cơm khác, chặt từng lóng xương cả chín cả tái ném cho. Nó xốc xốc. Khúc xương sau hai lần buông bắt bằng hàm chui tuột vào bụng nó. Từ bữa ấy, khi Đen ăn, Lao Luốc y một phép dù đói cũng không dám bén mảng.

Cứ thế, Đen ở cùng ông Tần được gần chục năm. Nó thành chỗ dựa tin cậy, vững chắc cho ông và mấy con chó cùng nhà. Ông Tần cũng đỡ vất vả, không phải hao tâm tổn sức nhiều như trước. Mấy con chó tự đi săn. Ông chỉ làm kẻ hỗ trợ, khuân vác về, giải quyết hậu quả khi con mồi đã hết khả năng tự vệ. Nhiều hôm, chó săn được thú về gọi, sủa ầm ĩ, ông mới vác dao theo chúng vào rừng. Trước còn quanh bản Bắp La sau rồi khắp vùng núi cao bản xa đồn thổi ầm ầm. Nhà ông Tần có chó khôn. Tay Phàn chột từ Lục Thanh Hòa Bình nghe tiếng, cơm đùm cơm nắm lặn lội hơn năm trăm cây số đến xem, tấm tắc mãi. Nài mua không được, gã ở nhà ông, nửa đùa nửa thật giăng bẫy, đặt bả, thả rắn độc suốt tháng trời. Cuối cùng, gã xin phép ông ra về tay không trong tiếc nuối.

Gần chục năm ở với ông Tần, Đen đã làm cho ông sung túc, phát đạt. Chiến công của Đen nhiều lắm, kể không hết.

Hôm đó, trời bật nắng sau những trận mưa thối đất thối cát. Những con chó cuồng cẳng cũng rít lên mừng rỡ. Đen dẫn Lao, Luốc vào rừng. Ông Tần lúc đầu không để ý nhưng rồi đêm xuống không thấy chó. Ông ra đầu núi, ngóng vào khoảng vắng, cuối cùng phải ngủ trong thấp thỏm. Sáng hôm sau, ông vào rừng vừa đi vừa gọi. Qua ba ngọn núi, ông chợt thấy con Luốc quấn vào chân. Ông theo nó hơn nửa giờ gặp trên bãi trống, con Đen, con Lao xơ xác ngồi gườm gườm nhìn khỉ độc. Con khỉ độc máu me choe choét, lê lết nhưng sức vẫn chưa hết đang cố thủ, chống trả tuyệt vọng với mấy con chó dữ đã mệt lả. Ông Tần mừng lắm, không phải mừng vì có được thú đâu. Chuyện ấy thường rồi. Ông mừng vì con Đen khôn khéo, mưu mẹo lừa được khỉ độc - một loài khôn ngoan ranh mãnh, đầy kinh nghiệm kiếm ăn, chống đỡ, chiến đấu với kẻ thù – ra vùng bãi trống mới tấn công chứ trong rừng, cây cối nhằng nhịt đan xen đến cái lông khỉ, Đen cũng đừng hòng động tới được. Con khỉ ấy da nhăn nhúm lùng nhùng. Ông gánh xuống thị trấn, cân được năm mươi bảy cân, bán cho người ta nấu cao.

Một dạo đầu xuân. Sương ùa từ thung núi ra dày đặc. đất trời nhớp nháp nước. ông đang ở nhà. Con Luốc chạy bổ từ rừng về, giật kéo đi. Bên gốc cây to, đất bị quần nhừ. Con kỳ đà đã kiệt sức nhưng chưa chết. Phần đầu con Đen cắn lôi, phần đuôi con Lao giữ chặt. Hai con chó kéo kỳ đà về hai phía quanh gốc cây to. Kỳ đà nằm ngửa, phơi bụng sáng màu đất, nham nhở vết cắn cứa. Ông phải về phố, gọi mấy đứa con đi theo chó, khiêng kỳ đà về. Nhờ con kỳ đà ấy, mấy ông cháu bố con ăm cái tết linh đình kéo dài ngót tháng trời.

Một lần ông từ rừng về. Con Đen đang đi trước, "hức" nhẹ một tiếng. Lao luốc cũng im, cúi thấp lết đến gần Đen. Thoáng chốc, Đen vụt đi. Hai con còn lại rẽ sang hai ngả. Ông Tần biết có thú, không gọi, chỉ lần theo. Lũ chó mất hút trong rừng cây rậm rạp. Ông tựa gốc cây, giở thuốc ra hút rồi lơ mơ ngủ quên. Lâu lắm, ông tỉnh dậy. Nghe miên man tiếng gió chảy trên mặt lá, linh tính người thợ săn mách bảo phía ấy mơ hồ có tiếng động lạ. Ông dò dẫm cầm dao lần theo. Sườn núi bên kia, ba con chó đang giao tranh với con lợn độc. Con lợn xoay xở, hộc lên giận giữ nhưng không thoát khỏi vòng vây như kín như hở của ba con chó nòi. Ông thấy Đen thường đối mặt với lợn lòi, tung dứ cho lợn hồng hộc, dữ dằn hất lên. Mặt đất bị hai răng nanh cong như vành trăng khuyết và chân lợn, chân chó cào nát. Mỗi khi lợn hung hãn hất đầu lên, Đen đã chờ dịp cắm hai hàm răng cứng như vành đai thép vào yết hầu kẻ định mà nhay nhay, xé hất ra trước khi lợn kịp chống đỡ.

Phân lợn, phân chó vãi lung tung. Mùi chiến trận nồng nặc. Biết gặp địch thủ dữ tợn, lơn quay

sang nhằm vào con Lao, con Luốc tấn công, tìm hướng thoát thân. Đen xông lên, cắn dái, bắt lợn quay lại chiến đấu với mình. Hai con chó còn lại cũng không dám đánh mạnh, chủ yếu lừa cắn hai chân sau. Con lợn khỏe khủng khiếp nhưng không chống lại được, không tìm nổi đường chạy. Các con ông phải vất vả gần hai đêm ba ngày mới mang được về chợ thị trấn. Con lợn lòi, cân vội vã đã có một tạ hai.

Nghĩ về Đen, ông Tần vẫn âm thầm tiếc rừng này hết hổ báo. Con Đen không có đất dụng võ, hao phí tài năng, không khác nhà lực sĩ nổi danh đi làm nghề gõ trống. Chẳng gặp kỳ phùng địch thủ, danh tiếng không truyền được xa như ông vua giỏi võ công trị vì đất nước thanh bình, không ai màng tới chiến tranh. Con công đẹp lẫn trong đám gà trống xanh đỏ. Ông buồn một nỗi buồn dai dẳng âm ỉ, không phương cách chữa.

Mấy hôm nay, ông Tần ngủ không ngon giấc, hễ thấy động mạnh là bật dậy. Đã bốn đêm, Đen không về. Hai con Lao Luốc uể oải ngoài sân. Từ khi Đen đến nhà ông, bọn chó theo nhau không sủa. Như người kém cỏi hay khuyếch khoác, to mồm, chó giỏi sủa là chó hỏng. Con nào bền lắm, sủa dai lắm cũng chỉ mươi, mười lăm phút là mỏi miệng, không dám há mõm. Lúc ấy, thấy người lạ, thấy động mạnh cũng tìm đường lủi. Người có mỗi miếng võ, xổ ra không thấy hiệu quả thì cao chạy xa bay là thượng sách. Con Đen về nhà gặp sự bất bình chỉ "hực" một tiếng gọn ghẽ. Lao Luốc học theo, không sủa nữa. Lần Đen bỏ nhà hai đêm. Con Lao, con Luốc cùng đi nhưng gặp mưa, tìm về nhà trước. Ông đã chuẩn bị theo dấu thì sáng hôm thứ ba, Đen về. Người nó nhàu nát, xây xước, ướt lướt thướt. Ăn vội vàng cho xong, nó ngoạm hờ ống chân ông ra hiệu. Ông biết có thú to rồi, giục con Lao xuống phố gọi người. Vài hôm sau, dân bản thấy bố con ông khiêng con nai to, hai chân bị dập. Ông Tần hiểu con Đen lùa nai vào sâu trong thung lũng, cắn gẫy chân. Thú rừng có sức sống mãnh liệt, dù gẫy, thậm chí cả hai chân, chúng cũng chạy thoát dù có mang di tật suốt đời. Có con dũng cảm, dùng răng cắn đứt phần xương thịt mình bị cắm giữ trong cạm bẫy, chạy thoát. Đen khôn hơn. Nó cắn vỡ hai gối chân nai cùng một phía. Nai không đi được nằm thở ở lòng thung. Đen mới trở về gọi ông.

Lần này, linh tính nhắc ông, Đen không về nữa. Ông phải theo tìm. Biết tìm đâu giữa rừng núi mênh mông?

Thế rồi sau mấy đêm trằn trọc, ông quyết định rời Bắp La về Nha Trạo tìm Đen. Chuẩn bị đầy đủ thức ăn tiền bạc, mang theo hai con Lao Luốc, ông đi.

Tới bản ông già, nhìn quang cảnh, ông biết chủ cũ của Đen vừa qua đời. Quay lại chợ, sắm sửa một ít đồ cũng lễ, ông tìm vào nhà.

Đứa bé trước kia đã thành tay thanh niên vạm vỡ, tiếp đón ông tử tế dù chả nhớ gì chuyện xưa. Nghe ông kể về con chó, người thanh niên reo lên:

- Trước hôm ông cháu đi, có con chó Đen già cào cửa, tìm đến chỗ ông cháu. Lúc ấy không nói được nhưng thấy nó, ông cháu rướn người, nhướng mắt lên. Ông cháu khóc. Con chó nằm phủ phục quanh đấy đến lúc ông cháu qua đời. Nó rền rĩ nhưng người ta sợ là chó dại, đuổi nó đi mấy hôm rồi.

Người thanh niên dẫn ông ra chỗ mộ ông già. Theo phong tục địa phương người chết chưa đủ trăm ngày, người nhà không được đến mộ. Anh chỉ đứng từ xa chờ ông. Ông Tần đến, chợt nhận thấy con Đen nằm úp cái mõm dài trên ngôi mộ ấy. Nó ngước nhìn ông bằng cặp mắt nhòa nước. Hình như nó không nhận ra ông. Hai con Lao Luốc xô lại gần Đen nhưng rồi cùng nằm toài, lùi dần ra. Phía trước Đen, nắm cơm quả trứng còn nguyên. Ông thận trọng đặt miếng thịt luộc lên đĩa, thắp hương vái ba vái. Con chó không nhúc nhích. Bất thần ông nhìn nó, vái một vái dài. Ngước lên, ông thấy Đen khẽ khàng chớp mắt. Giọt nước từ trong tràn ra, đọng giọt lớn ở bờ mi.

Đêm ấy, ngủ lại nhà người thanh niên, những kỷ niệm xa xưa hiện về rõ nét trong mắt ông Tần. Những buổi luyện chó, những con chó khôn, cách đặt tên...Muốn gọi cho vang cho xa, tên chó phải không dấu hoặc dấu sắc. Thức ăn không được cho hành ớt tỏi gừng và các loại rau thơm làm hỏng khứu giác chúng. Thưởng phạt phải công minh, không coi thường, không thiên vị mới mong chúng gắng sức. Phải đầy lòng thương yêu, tận tụy tận tâm săn sóc mới mong chúng giúp đỡ, làm việc cho mình. Luẩn quẩn thế nào rồi hình ảnh con Đen vẫn hiện lên rõ ràng, to lớn, choán đầy trong mắt ông.

Trước lúc ra về, ông Tần nắm lấy tay người thanh niên dặn dò:

- Tôi nhờ anh, Đen sẽ đi thôi. Nhìn mũi nó khô, tôi biết. Nó tìm được chủ cũ sau mười năm trời ở cách hơn ba trăm cây số đường núi. Trên đời này không tìm được con chó khác đâu. Nó là loài khuyển đế mà nhà tôi mấy đời ao ước. Chỉ sớm mai, anh chỉ người ra đó mang xác nó về. Anh

cầm số tiền này nhờ người đào hố chôn nó giúp tôi thật cẩn thận cho nó được mát mẻ. Đây là chút nghĩa tình của tôi với nó. Nó đã tìm về để ông cụ đi thanh thản. Giờ tôi phải đi để nó khỏi day dứt khi thấy tôi trong lúc nó lìa đời.

Rồi ông cắm cúi bước. Con Lao con Luốc lặng lẽ theo sau.

TRẦN TÂM



thơ

HỮU TÌNH

CHU VƯƠNG MIỆN

dươi cầu nước chẩy trong veo
bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha
[đoạn trường tân thanh]

dùng dằng ngươì đã đi xa
ngựa xanh mặt cỏ non nhoà dáng xuân
ngó theo đã khuất xa dần
Vương Quan Kim Trọng Thuý Vân vô tình
nhà hương cái vạ tầy đình
khi không đem cột vào chân Thuý Kiều ?
sè sè mặt cỏ buồn hiu
Đạm Tiên nằm đó 4 chiều làng xa ?
hưũ tình ta đến bên ta
hồng nhan sống thác ? vốn là tinh anh
ngày xuân bừng đỏ 3 ngàn
thiều quang 90 còn quàng nơi đây ?
thâu đêm lớp cỏ sương dầy
tuyết in mặt nuí chiều ngây ngất chiều
đoạn trường đâu chỉ bấy nhiêu ?
15 năm ấy tương tiêu chuyển dòng ?
Chênh chênh 7 nổi 3 chìm
ngại bay gió lạnh vương lòng oan khiên
ngó ngang gặp chốn tiền đường
đạo cô vơí vãi Giác Duyên 1 nhà ?
hưũ tình ta cột lại ta ?

CHU VƯƠNG MIỆN



truyện ngắn

MÍT CHÍN CÂY

TRỊNH TUYÊN

Chiều buông xuống dần, mùi mít chín phả theo gió vào nhà thơm lựng. Thằng Cu Bin, cháu nội bà Bình cứ chun chun cánh mũi, reo lên: Có mít chín cây, bà nội ơi! Bà Bình thong thả cầm cái rổ xảo đi ra vườn, tay sờ vào từng quả mít xù sì những gai. Bà tìm thấy trái mít chín to tướng ngay dưới gốc cây. Đây rồi! Bà nói to cho thằng cu Bin nghe, hai tay trẩy quả mít bỏ vào rổ bưng vào nhà. Bà bổ quả mít làm đôi, tay gỡ từng múi bầy lên hai cái đĩa to. Một đĩa đặt bàn thờ tổ tiên, một, bàn thờ thần thổ địa. Từ ngày Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép vào sâu vùng thềm lục địa Việt Nam, có quả mít chín cây nào, bà đều bầy lên cúng tổ tiên cùng các chư vị thánh thần. Những múi mít mỡ màng vàng óng như mật ong rừng, toả mùi thơm ngào ngạt. Cây mít trồng trước thời ông cố nội thằng Bin. Giống mít quý, quả nào cũng to tròn như cái cái cối đá lăn. Năm nào cũng thế, từng chùm quả chen nhau trồi ra đeo bám kín cả cái gốc to như cót thóc. Nhưng có một năm, cây mít tịnh không ra quả. Đó là năm đau đớn nhất của đời bà, năm chồng bà hy sinh tại mặt trân phía Nam. Chồng bà, tức là ông nội thằng cu Bin bây giờ.

Cây mít đã to gốc vươn cành từ hồi bà Bình mới về làm dâu. Mùa tháng sáu tháng bảy, dẫu nắng trời như thiêu, ngồi dưới gốc cây, vẫn mát rười rượi. Những chiếc lá mít to dầy xanh mầu lục chen nhau kín mít, ánh nắng mặt trời xuyên qua, cường độ đã giảm đi sáu bảy phần. Đã thế, nơi cây mít ngự tọa lại thoáng về hướng Nam, gió từ bờ sông thổi lên phây phẩy, mát như quạt hầu. Bà nhớ ngày trước, mỗi khi ra vườn ngửi thấy mùi mít chín là thằng Tòng, bố thằng cu Bin lại chạy vào nhà líu tíu gọi ông nội. Cả mấy trăm quả mít mầu nâu sẫm giống nhau, biết quả nào chín mà hái? Nhưng ông nội nó tinh lắm. Giống nhà mít chín, vỗ vào là nghe tiếng bịch bịch như khi người ta vỗ vào cái bụng no cơm. Những hôm như thế, không phải mình nhà bà, mà cả những nhà hàng xóm cùng được ăn. Qủa mít to như cái thùng đựng nước, nhà ít người, ăn sao hết? Cha chồng bà, một cựu binh thời chống Pháp, như lời ông nói, thì cây mít này có từ thời cụ cố. Đến đời thằng cu Bin bây giờ là đã qua bốn năm thế hệ. Cây mít to như cây đa, năm cái cành to lực lưỡng như võ sỹ rừng chĩa ra năm hướng. Cây cổ thụ nào "ngũ cành" là số dương may mắn. Nhà nào có cây như thế, gia chủ sẽ có nhiều phúc lộc. Phía dưới những cành cây khỏe như cánh tay cần cẩu, lủng lẳng toàn quả, quả nào cũng tròn chằn chặn như chiếc vò lớn. Có lẽ do vườn nhà gần nơi bờ bãi, đất ngọt phù sa của các vùng miền từ ngàn đời bồi đắp nên cây mới vững gốc bền cành như thế. Ngày trước, có rất nhiều người đến trả giá tới vài trăm triệu xin chặt hạ lấy gỗ nhưng cha chồng bà đều nhất nhất từ chối. Cây mít là biểu tượng cho gia tộc, chứng giám gia cảnh qua bao thăng trầm từ thời cố kỵ, sao dám bán? Khi bố chồng bà tham gia vào chiến dịch Điện Biên Phủ, cụ cố ông nói với cụ cố bà: Thằng Hòa đi đánh trận này là trận cuối, lớn lắm, nhưng vinh quang lắm. Đánh nhau chuyện sống chết thường tình. Nếu ở nhà, cây mít cành lá vẫn xanh tươi, quả sai lúc lỉu là nó vẫn đang còn sống. Nhược bằng, chẳng may dính mũi tên hòn đạn, nó chết, cây mít sẽ chẳng cho một quả đâu. Bà cứ ngẫm xem tôi nói có linh ứng không. Cụ cố nội nói thế mà linh nghiệm thật. Năm ấy cây mít quả vẫn chen nhau bám xung quanh cây, trong khi cả xã có đến bảy người hy sinh, vậy mà đợt ấy ông từ chiến trường Điên Biên Phủ trở về bình yên. Nhưng ông cố nội nó bị sốt rét, người gầy đen như que củi. Ông về mang theo mảnh đạn pháo găm trên vỏ sọ. May mà mảnh đạn không xuyên qua. Các bác sỹ xem xét, thấy không cần phải mổ, sợ nhỡ không

may đụng vào não bộ, lại ảnh hưởng đến tính mạng. Cuối cùng, người ta để mảnh đạn pháo "cùng về phục viên" với ông luôn. Sau này, có lần ông đi cắt tóc, lão thợ cắt tóc không biết, cứ dúi cái tông đơ vào chỗ ông bị thương. Lão hoảng hốt khi thấy đột nhiên ông khách hàng đứng phắt dậy, hai tay ôm đầu, hai chân nhảy nhót như người lên đồng. Tưởng ông lên cơn điên, lão thợ định xách đồ nghề bỏ chạy, nhưng may mà ông đã hết đau, lại ngồi vào ghế, nói là chỗ đó bị thương trong trận Điện Biên Phủ, quên không nói, cho ông xin lỗi. Lão thợ cạo nghe thủng tai, tỏ ra kính phục lắm, tuyên bố cắt tóc miễn phí cho ông. Dòng tộc nhà chồng bà có " nòi" trường thọ. Ông cố nội bị thương như thế mà thọ đến chín mươi sáu tuổi. Bà cố đúng một trăm. Bà mới " theo ông" đầu năm ngoái. Những năm cuối đời, hàng ngày cố bà vẫn quẩn quanh bên cây mít, quét từng cái lá rụng. Gốc cây sạch bong. Mùa hè, gió nồm Nam thổi lên, bà cố thường mang chiếu ra trãi dưới gốc cây cho con nằm chơi. Con cụ cố, tức là ông nội thằng Tòng và là cố nội thằng Bin bây giờ.

Bước sang thời đánh Mỹ, trong dòng tộc bị nhiều tổn thất. Nhà ông chú, bà gì của thằng Tòng đều có người hy sinh. Bà thành người góa bụa. Ông ngã xuống ngay cửa ngõ Sài Gòn trong trận tổng tiến công cuối cùng, trước giờ chiến thắng chỉ gang tấc. Bà nhớ đêm ấy là 29 tháng tư, bà nằm bên cạnh anh em nhà thằng Tòng, ruột nóng như lửa đốt. Suốt đêm bà thao thức không sao chợp mắt. Gần sáng thì thiếp đi. Bà mơ thấy ông về, khắp người bê bết máu. Bà hoảng hốt vùng dậy hét lên: Máu! Máu! Mẹ ơi, nhà con bị thương nặng lắm, khéo chết mất! Ai cứu chồng tôi! Cả nhà trở dậy, nghe bà thuật lại giấc mơ, mặt ai cũng tỏ vẻ hoảng hốt, ngồi quanh cái phản trước bàn thờ gia tiên cùng lầm rầm khấn khứa, cầu cho ông nội nó tai qua nạn khỏi. Đúng như trong giấc mơ, vĩnh viễn ông không trở về. Rất lạ kỳ, năm ấy, cây mít không ra một quả.

Khi ông hy sinh, bà còn trẻ lắm. sau này cũng có người thương đến, nhưng bà quyết ở vậy nuôi con. Bà muốn trả cái nghĩa lớn với chồng. Anh em nhà Tòng, Quân lớn lên trong vòng tay âu yếm của bà.

Nhờ trời, chúng lớn lên không thua chị kém em. Cả hai đứa đều đỗ vào đại học bách khoa. Thời đại khoa học công nghệ, thằng Tòng vào lính sau khi tốt nghiệp khoa kỹ thuật tầu biển. Thằng Quân khoa khoa kỹ thuật sinh học, cũng ra đảo nhưng là dân sự, phụ trách mảng xây dựng kiến thiết. Giờ thì bà đã ở cái tuổi "cổ lai hy", ở với con dâu, vợ thằng Tòng, trông thằng Bin, con nó. Vợ nó cũng là giáo viên cấp tiểu học như bà ngày trước. Từ hôm xẩy ra vụ Trung quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng thềm lục địa của nước ta, rồi tàu của chúng hung hăng đâm húc tầu ta, mấy mẹ con bà cháu bụng dạ cứ như có lửa, tối đến là nhăm nhăm ngóng chờ buổi thời sự. Thằng Bin mới lên bốn, chưa biết phân biệt tầu ta tầu địch nên cứ thấy tầu biển là la lên: Bà ơi, tầu Trung quốc, tầu Trung Quốc húc tầu ta bà ạ! Lạy giời phật, thằng bé, mới có vài ba tuổi, miệng còn hơi sữa, biết gì mà đã thốt ra câu ấy? Chẳng lẽ sự đối đầu giữa hai dân tộc qua mấy chục năm tưởng đã nguôi ngoai, giờ lại bắt đầu hình thành và nuôi dưỡng từ những cái đầu non nớt này sao? Bà định nói dối nó, bảo rằng không phải đâu cháu, đó chỉ là húc giả vờ thôi. Trung quốc với Việt nam là bạn láng giềng, hữu nghị giống như nhà ông chú Ủy với nhà ta ấy. Nhưng khi trên màn hình ti vi hiện rõ hình ảnh tầu Trung Quốc to như con voi húc tầu cá của ta ngửa ra rồi chìm nghỉm giữa đại dương như thể con voi đè con kiến thì thằng Bin la lến: Bắn đi ba! Bắn đi ba! Pằng pằng! Bà Bình cố nuốt cục nghẹn đánh ực. Không! bà không có quyền nói dối. Sự thật vẫn là sự thật. Nếu trung Quốc xây mộng bá quyền, chiếm đoạt lãnh thổ tổ quốc ta, thì phải để cho các thế hệ con cháu đang lớn lên nhìn rõ tận mặt. Đất nước, từ đời cố kỵ, ông cha nó đã đổ máu để giữ gìn, không phải là thứ để bà nói dối con trẻ. Nhưng bà lo, cha nó là lính hải quân, lại đánh nhau, tránh sao mũi tên hòn đạn, lẽ nào lặp lại như ông nội nó? Điều lo sợ thầm kín ấy, hai mẹ con đàn bà, không nói ra, nhưng đêm nào cũng lắng nghe từng cái cựa mình...

Ngày trước, bà nghĩ, giải phóng đất nước xong rồi thì cuộc sống sẽ mãi bình yên. Ngay trong gia tộc nhà bà, hai thế hệ cầm súng. Vậy mà có yên đâu? Sau giải phóng sài Gòn, chiến tranh biên giới lại bùng nổ. Hàng vạn người chưa được hưởng một ngày thái bình lại bị bọn Pôn Pốt và bọn Tầu tàn ác giết chết khổ chết nhục. Đến bây giờ, gần tháng nay, cái điều bà không tin được lại có thật.

Nói tới đất nước Trung Quốc, cuộc đời bà đã hai lần chạm trán. Lần tốt, lần rất xấu. Lần rất xấu ấy, bà xuýt bỏ mạng. Lần tốt là cái lần cách đây đã gần nửa thế kỷ, đó là vào những năm sáu ba sáu tư của thế kỷ trước, khi đó bà còn nhỏ xíu. Hồi ấy cha bà công tác xa, ở nhà chỉ có ba mẹ con. Bà nhớ mãi buổi chiều thu năm ấy, có ông công an xóm dẫn đến nhà bà một người xin ở trọ. Anh ta là người Trung Quốc, lái xe cho mô tô cho trưởng ty lâm sản. Ông trưởng ty lâm sản đi thị sát

kho hàng ở khúc sông ngay cạnh nhà bà. Anh lái xe "bình bịch" vào tận cái sân đất nhà bà. Xe bình bịch là xe ba bánh, tiếng nổ bình bịch, dân hồi đó cứ thế đặt tên. Anh chỉ trọ một đêm với không đầy một ngày mà để lại ấn tượng khó quên cho mấy mẹ con. Cho đến tận bây giờ, bà vẫn nhớ. Anh tên là Tống Tiểu Xuân, vốn là quân tình nguyện Trung Quốc sang giúp Việt Nam đánh Pháp từ chiến dich biên giới. Sau chiến thắng Điện Biên phủ, anh tình nguyện ở lại Việt Nam. Anh nói, tỉnh Quảng Đông quê anh nghèo lắm. Anh mồ côi mẹ từ khi lên năm. Cha anh lấy vợ kế và ông cũng đã chết trong trong một tai nạn lao động trên núi cao. Anh sống với mẹ kế, nhưng rồi bà ta cũng đi theo một người đàn ông khác. Anh thành đứa trẻ lang thang cơ nhỡ. Sau này, may mắn anh lại gặp được một người tốt bụng nuôi dưỡng, trưởng thành. Anh đã có vợ, con. Vợ anh là công nhân bốc vác ở một bến xe khách liên tỉnh, công việc rất cực nhọc. Anh cho ba mẹ con bà xem ảnh cha mẹ, nước mắt anh cứ giọt ngắn, giọt dài, trông thật thương cảm. Chỉ có một ngày mà anh giúp đỡ cho ba mẹ con bao nhiêu là việc. Có việc nếu để cho ba mẹ con đàn bà có khi làm cả tuần, vậy mà anh làm, nhoáng một cái đã xong. Nhìn thân hình anh thật đáng nể. Hai cánh tay to tướng, bộ ngực vồng lên như một quả núi nhỏ. Hôm chia tay, anh kỷ niệm cho hai chị em một con búp bê vải nhỏ xíu và chiếc đèn pin cũ, nhưng bật lên, điện vẫn sáng quắc. Anh đi được hai tuần thì gửi thư về cho chị gái bà, nói là rất nhớ mẹ và hai em. Anh cám ơn ba mẹ con đã dành tình cảm cho anh để anh có những phút giây trong hạnh phúc gia đình. Đó là một người Trung Quốc hiền lành, chung tình, sống rất gần gủi và tốt bụng. Những năm tháng sau này, hình ảnh anh Tống Tiểu Xuân luôn gợi cho bà về một đất nước Trung Hoa với những con người sống hiền lành nhân hậu...

Còn cái đận không tốt thì đó là vào tháng hai năm 1979, khi đó bà đang là cô giáo cắm bản vùng cao sát biên giới. Nửa đêm nghe tiếng súng nổ đùng đùng rồi cả khu lán trại công nhân lâm trường bên cạnh ngôi trường của bà bị súng phun lửa đốt cháy sáng rực. Hoảng hốt, bà và một cô bạn giáo viên vội trốn vào hang đá. Bên ngoài tiếng la hét kêu cứu của công nhân bị chúng thọc lưỡi lê vào bụng, bị hãm hiếp vang động cả khu rừng. Sáng hôm sau mới biết, Trung Quốc đã đưa ba mươi vạn quân tràn qua biên giới "dạy cho Việt Nam một bài học"... Mấy chục năm trời, hình ảnh ghê rợn ấy vẫn ám ảnh trong tâm trí của bà. Những năm sau này, khi Trung Quốc, Việt Nam bình thường hóa quan hệ, xây dựng tình nghĩa hàng xóm láng giềng hữu hảo với phương châm "bốn tốt", "16 chữ vàng", bà không tin. Nhưng nghĩ đến hình ảnh người anh Tống Tiểu Xuân năm xưa, bà cứ ngậm ngùi, thắc mắc, sao bên ấy lại có những người tốt đến thế? Cũng có thể, bà lại nghĩ, đất nước Trung Hoa rộng lớn, tầng lớp dân nghèo cũng như dân mình, có chuyện nọ kia, chắc do giới lãnh đạo của họ mà thôi...

Tình hình biển đảo vẫn không hạ nhiệt. Ngày nào tầu hải giám, tầu quân sự và cả máy bay chiến đấu Trung Quốc vẫn hung hăng đe dọa trên bầu trời và vùng biển của ta. Bà vừa thương, vừa thán phục các chiến sỹ cảnh sát biển làm nhiệm vụ chấp pháp và bà con ngư dân đang kiên cường bám biển. Thời nào cũng thế, khi tổ quốc lâm nguy, mới rõ mặt ai anh hùng cái thế, ai là kẻ sống nhục cầu vinh. Hai đứa con trai bà đều đang làm nhiệm vụ thiêng liêng, đứa dưới tầu, đứa trên đảo. Lạ thật, nhà mình, cuộc chiến lần nào xẩy ra, ông cháu cha con nhà chúng nó đều có mặt ở tuyến đầu. Không! Bà nghĩ, phải coi đó là niềm tự hào của gia tộc bà, của dân tộc Việt. Chẳng lẽ lại để cho chúng đè đầu cưỡi cổ mình giống như ngày trước sao? Biển đảo của mình mà chúng ngang nhiên kéo vào xâm chiếm rồi còn dở giọng côn đồ, vu cáo. Không thể chịu được! Nhất định bà sẽ bảo con dâu, nhắn tin cho chồng nó là bà nội ra lệnh, hai anh em phải cùng đồng đội chiến đấu đến cùng để bảo vệ bờ cõi thiêng liêng của tổ quốc.

Có tiếng rơi bịch ngoài vườn. Mùi mít chín thoảng theo gió thơm lựng. Cô con dâu hai tay bê cái rổ thưa đựng mít, mặt tươi hơn hớn: - Mít chín cây mẹ ạ! Thì ra một quả mít chín bị "tụt nõ" rơi xuống gốc. Đúng là giống mít "dai", những múi mít vẫn còn nguyên vẹn lồ lộ trong mớ xơ mít vàng óng như da trạch. Ba mẹ con vừa xem ti vi, vừa ăn mít. Đột nhiên bà bảo con dâu: - Sắp có tầu ra đảo, đang dịp hè, con bố trí theo tầu ra thăm bố thằng Bin một chuyến, tiện thể, mang biếu anh em ngoài đảo vài quả mít nhà, lấy hạt nhân giống trên đảo...

Cô con dâu bà nghe mẹ nói thế, mặt bỗng hiên ửng đỏ: - Con cũng muốn ra đảo thăm anh ấy nhưng chỉ lo bà nội ở nhà một mình... Thằng Bin nghe nói đến chuyện đi thăm bố, nó reo lên: Cho con đi thăm bố, con mang nhiều mít cho bố ăn, để bố lái tầu húc đổ tầu trung quốc...

Mới thế mà mẹ con nhà thằng cu Bin ra đảo đã hơn hai tuần rồi. Thằng Bin điện về cho bà khoe bố nó khỏe lắm, mặc áo lính thủy đẹp lắm, tầu của ta to lắm, đảo đẹp lắm, các chú hải quân nhiều

lắm... Cha tổ nhà nó, cái gì cũng lắm! Chả nhẽ bà lại nói theo nó là bà nhớ bố con nhà nó nhiều lắm nữa sao! Từ hôm mẹ con nhà nó vắng nhà, đêm nào ngoài vườn cũng có tiếng mít chín rụng. Sáng ra, bà cũng chả buồn nhặt, vắng con, vắng cháu, ăn gì cũng chẳng thấy ngon. Nhưng trong lòng bà lúc nào cũng thầm cầu mong tổ tiên phù hộ độ trì cho gia tộc nhà bà, để cây mít năm nào cũng xanh cây tốt lá, quả trổ kín gốc, trĩu cành. Ban đêm thì bà cầu khấn, sáng sớm bà lại lọ mọ ra vườn, ngước nhìn lên cây mít cổ thụ, đăm đăm ngắm nhìn những cái ụ cây trồi ra to như tổ ong vò vẽ. Từ những cái ụ ấy, các vết nứt tạo ra những đường nét như bóng dáng xa mờ khuôn mặt của các cụ xưa hiện về. Bà rưng rưng ôm mặt khóc: Ông ơi! Bố thằng Tòng ơi, ông có linh thiêng thì hãy phù hộ độ trì cho cháu con trong dòng tộc, cho các thế hệ tiếp theo của dân tộc mình chân cứng đá mềm, cùng đoàn kết đứng lên bảo vệ non sông bờ cõi, cho dân tộc Việt Nam vượt qua sóng gió, hiểm nguy, chiến thắng mọi kẻ thù gian ác.

7 -2011

TRỊNH TUYÊN



thơ

TRẦN HẬU

TRĂN TRỞ

Dòng sông nào khi tìm về với biển
Cũng phải qua những khúc khuỷu nông sâu
Phải vặn mình chịu đựng những cơn đau
Chứa con nước lớn ròng trăn trở
Như hạnh phúc vốn đến từ đau khổ
Trong cuộc hóa thân nào cũng có nỗi đau riêng.

TRẦN HẬU



truyện ngắn

BÀ NGOẠI

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Bữa cơm có đĩa cá kho, đĩa tôm rang thịt, đĩa rau muống luộc xanh ngắt và bát tộ nước rau vắt trái quất thơm nức. Bà Quí lần lượt đơm cơm cho ông Thảo và ba đứa cháu ngoại. Cu Mỹ gắp một miếng rau chấm vào bát mắm cáy:

-Bà ơi! Cháu chỉ thích ăn thế này!

-Phải ăn nhiều thứ cho đủ chất mới thông minh. Ngữ này theo ông sư Tuân chùa Giữa Đồng thôi cháu ạ! Thịt cá không màng, làm sao lớn được mà học? Yếu ớt, bệnh tật lại phải nhờ bệnh viện, tiền mất tật mang.

-Cháu vẫn lớn đây bà. Đến vai mẹ cháu rồi nhá!...

-Bà ơi! Đi bệnh viện chúng cháu đã có Bảo hiểm y tế!

-Bảo hiểm mới là một chuyện. Còn nhiều thứ phiền hà khác! Còn cái Hồng với cái Hoè nữa, chưa chi đã đứa sợ béo, đứa giữ eo. Các cháu xem mấy đứa hàng xóm, cu Tuấn, cu Tòng, cái tí Nhung đấy, chúng ăn cứ như "hùm đổ đó"...

-Bà trông thấy hùm nó đổ đó bao giờ chưa? Cháu chẳng mất nết thế đâu... Con Hồng cười nhe hàm răng sún trêu bà: Thịt lợn bây giờ, cháu thấy bà bảo người ta nuôi toàn bằng các chất kích thích, ăn vào dễ mắc bệnh...

-Bà ơi, chỉ có thằng trộm hôm nọ nó đổ đó tôm nhà cháu thôi! Cu Mỹ tiếp lời cái Hồng. Bà Quí chả biết giải thích thế nào nữa đành mắng yêu chúng:

-Cha tổ bay, chuyện nọ xọ chuyện kia. Thịt đây là thịt ngon của hàng cô Đầm cân từ con lợn nhà bà Thanh nuôi bằng rau cám thật. Chịu khó mà ăn đi. Kẻo gầy ra, mẹ chúng mày về lại trách bà!

Bỗng điện thoại reo reng reng. Đã con mẹ mày. Lại hỏi han ăn uống, học hành thế nào đây. Đến khổ với chị em chúng bay! Bà lập cập lên nhà trên. Quả đúng như bà đoán. Chị Hiền, mẹ của con Hồng, con Hoè từ TP Hồ Chí Minh gọi về. Bà ấn nút loa để nghe to và rõ hơn. Bọn trẻ xúm lại quanh cái điện thoại: -Con chào mẹ! -Cháu chào bá Hiền! Chúng con nhớ mẹ lắm! Tiếng Hiền vẳng lên nhẹ nhàng, trong vắt: "Bố mẹ và các cháu khoẻ không? Tình hình các cháu thế nào, mẹ ơi!"

-Ngoan và học được. Chỉ tội chúng chẳng chịu ăn. Cứ phải ép như ép dầu ép mỡ. Theo dõi như bác sĩ theo dõi bệnh nhân ấy... "Một tuần nữa, giáp Tết con mới được nghỉ. Tiện thể có người bạn về quê sớm, con gửi biếu bố mẹ hai hộp sữa chống loãng xương và các cháu mấy bịch sữa dinh dưỡng. Bố mẹ đã nhận được chưa?" -Nhận được rồi! Từ hôm kia! "Bố mẹ và các cháu siêng uống vào cho khoẻ nhé!" -Thôi! Tiết kiệm, chắt bóp thành khoản để nuôi chúng nó ăn học lâu dài. Phần bố mẹ, các con không phải lo. Chúng tao còn cứng cốt cứng gân...

Đứng phơi cái giẻ lau ngoài hiên, ông Thảo nói vọng vào:

-Đến lạ cái bà này! Bao giờ cũng đăm đăm cháu ngoại. Không biết mai mốt có cháu nội thì thế nào?... Cuộc gọi kết thúc. Bà Quí hạ điện thoại:

-Cháu nào chả phải lo hở ông? Nước mắt chảy xuống. Nội ngoại đứa nào cũng là máu mủ nhà mình! Chợt có tiếng cu Mỹ khóc sấm sướt dưới nhà bếp. Qua hàng hiên bà thấy hai chị em cái Hồng luống cuống, tụm vào một góc. -Thoáng cái vừa quây túm ở đây, sao đã khóc thế hở cu Mỹ?

-Các chị ấy cho cháu mỗi một bịch sữa! Chị Hồng bảo của mẹ chị ấy chứ không phải của bố mẹ cháu...

-Lại phải Bao Công xử án đây! Bà liền xuống bếp: -Nín đi cháu! Con giai không nên khóc nhè. Hồng, Hoè như vậy là sai. Bà đã dặn rồi. Mẹ các cháu gửi về ít sữa làm quà, chia đều cho

các em, không được phân biệt đối xử. Con dì con bá như lá một cành. Hai chị em cháu là khúc ruột trên, cu Mỹ là khúc ruột dưới. Chia cho em thêm một bịch đi. Kẻo bà buồn lắm!... Bà giảng giải, giọng ôn tồn, xúc động: -Trước đây trong mái nhà này, chị em mẹ các cháu rất thương yêu nhau. Từ nhỏ chí lớn không bao giờ các dì các cậu biết đến câu chửi hay chí choé nhau. Lớn lên mỗi người một phận, vẫn yêu quí nhau. Bây giờ các cháu cũng phải noi gương, sống với nhau như thế chứ! Ngay cả anh em ruột bên nội bên ngoại của ông bà đây, thuở bé cũng chẳng hề xích mích chi nhau. Nhà ông bà ngoại cũng là nhà của các cháu. Sống đâu tu đấy. Phải để tình thương cho nhau mới là cháu của ông bà... Con Hoè kéo tay con Hồng:

-Tại chị ý... xin lỗi bà đi! Con Hồng khoanh tay lí nhí xin lỗi.

-Như thế mới xứng là liền chị. Bà cười vỗ vai từng đứa: -Thôi, bây giờ tranh thủ ngủ trưa để dậy đi học chiều. Mai nghỉ thứ Bẩy, mỗi đứa một việc. Con Hồng đánh vi tính bản thảo cho ông, con Hoè cọ nhà tắm, cu Mỹ quét nhà, rửa ấm chén. Kể ra, ông bà làm một nhoáng xong ngay. Nhưng bà phân công các cháu để các cháu biết việc, biết quí mồ hôi, công sức lao động. Không nhỡ mai ngày lớn lên, con trai dài lưng, con gái õng ẹo, người ta cắm cờ đầu ngõ! Ông bà xấu hổ lắm!...

Cu Mỹ là đứa cháu ngoại đầu tiên ở với ông bà. Bố mẹ nó làm đầm nuôi tôm bên Hà An, vẫn còn nhiều khó khăn. Chúng gửi con cho ông bà từ lúc thằng bé còn ẵm ngửa. Cu Mỹ chỉ dở ốm đau, sài đẹn. Trở mùa khô hanh hoặc giêng hai ẩm ướt là thằng bé ho trợn cả mắt mũi, rồi sốt liên miên. Bà Quí thường phải trắng đêm ôm cháu. Nó như cái máy đo thời tiết, đang chơi hễ sắc mặt thay đổi, thúng thắng ho là y rằng trời có chuyện. Mà lại cảnh ăn nữa chứ. Con giai gì ăn uống như mèo. Qua được đoạn sài đẹn, "bảy ngày ba bão" đến lúc cắp sách tới trường lại lo ra đường xe pháo láo nháo, tai nạn bất ngờ. Cu Mỹ lên bẩy thì ông bà lại nuôi tiếp cái Hồng, cái Hoè, con chị Hiền. Vì vợ chồng chia tay, Hiền dắt con về ngoại. Chúng đang tuổi chơi tuổi học, đứa lớp bốn, đứa lớp ba. Hiền phải xin thủ tục chuyển trường cho chị em nó sang bên này. Để bên ấy ai nuôi? Trước kia cực nhọc nuôi con. Chỗ ướt chưa ráo. Bây giờ bà Quí lại nuôi cháu. Tự đáy lòng, bà cốt ăn ở để đức để nhân. Vất vả bà không ngại. Chỉ lo chúng yếu ăn, thất học, lại mang tiếng ông bà ngoại không biết chăm nom.

Xinh đẹp, hiền lành, chịu khó, Hiền sớm đoan trang, yểu điệu thục nữ trong đám con gái xóm Bờ ốc. Bà Quí mừng đấy vì con có sắc, có nết. Nhưng lại lo đấy vì phận gái đâu chỉ mười hai bến nước! Nhà có con gái lớn, khách lui tới, chó sủa mỏi răng. Nhiều chàng trai đến nhòm ngó. Người có thuyền vận tải, kẻ có tàu chạy hàng đi Trung Quốc. Người nghề thợ mộc, kẻ kéo lưới ngoài sông. Họ đều là con cái nhà tử tế, biết làm ăn. Vậy mà không chàng trai nào hái được bông hoa đẹp nơi xóm nhỏ này. Hiền lại rơi vào tay thằng Điểu dưới xóm Đìa làng Giữa. Đầu tiên trông hắn bảnh trai trong bộ quần áo sơ mi là nuột nà đi gặt lúa cho chị gái hắn. Ruộng chị gái hắn gần ruộng nhà Hiền. Nhác thấy Hiền, hắn đã chết mê chết mệt và rắp tâm làm quen.

Điểu chiếm đoạt được Hiền bằng một cú đe doạ: -Nếu không lấy tôi, ngõ nhà cô sẽ bị phong toả, đố thằng nào bén mảng tới! Điểu rút ra một con dao nhỏ sáng loáng: "Đứa nào yêu Hiền phải bước qua xác thằng này!" Hiền về mếu máo. Con gái đầu lòng, ông bà Quí không khỏi bàng hoàng lo lắng. Y rằng chàng trai nào đến nhà Hiền, Điểu cũng gây gổ, đánh ghen ầm ĩ cả xóm láng. Non dại và yếu bóng vía, Hiền đành dấn thân vào bến đục cho yên. Ông bà chỉ còn cách dặn con: -Thôi! Số sao chịu vậy! Lấy đức mà trị. Hãy học các cụ xưa "Giết chó dạy chồng" con ạ! May ra...

Hôm đám cưới, Điểu vẫn còn tham gia một vụ đánh nhau. Đến giờ đón dâu cũng không thấy chú rể đâu. Hiền rất buồn chán và ân hận. Khi bước chân về nhà chồng, Hiền mới vỡ lẽ mình bị rơi vào một gia đình "cứt lộn lên đầu", anh em trong nhà đánh chửi nhau như mổ bò. Trước đây, họ một thời lang bạt đầu gành cuối bãi. Một cái nhà không mái quanh năm nổi trôi trên mặt nước. Ông bố tục tợn với bà mẹ đanh đá cầm đầu bảy, tám đứa con từng làm mưa làm gió trên các ngả đường sông vịnh Hạ Long. Hết kéo lưới, chặt củi, vét than xà lan, lại buôn bán cá tôm, "đánh quả" hàng trên "tàu tây". Giăng lưới chặn lối tàu thuyền cho lưới rách để ăn vạ. Nửa đêm kêu cướp cho mọi người đổ đến, rồi mấy thằng con lẻn đi cắt "vịt" cá của bọn dấm cá bống... Là những ngón nghề lừa đảo của họ. Hễ có sự là đám trẻ tau nhau bu lại đứa giành giật, đứa hôi tát khiến nhiều đoàn tàu thuyền, đoàn xà lan chở hàng qua đây phải khiếp vía. Thoáng cái có thể bị chúng móc hàng và bị hành hung, gây sự... Mãi đến khi công an đường sông truy quét, ráo riết làm sạch môi

trường an ninh trên biển để vịnh Hạ Long thành Di sản thế giới, cha mẹ Điểu mới đưa lũ con cái nhảy lên bờ, chấm dứt thời mưa gió du thủ du thực.

Không đọc hết mặt chữ, nhưng Điểu lại học mót cực giỏi như một con vẹt. Chỉ nghe người ta nói, người ta hát, hoặc nghe đài là hắn có thể nhớ lời, nhớ bài hát như in. Hắn có khoa thao thao bất tuyệt. Đám bạn trong xóm phục lăn Điểu "nói cứ như đài, còn hay hơn cả đài!". Điểu lười biếng, dày ăn mỏng làm, suốt ngày đầu tóc óng mượt "quân tử nhất bộ" la cà cờ bạc, rượu chè, chán ra lại vào mấy quán karaoke hát ra rả, rồi thuê băng chưởng, băng mát về xem tối ngày. Hiền có nói thì Điểu lại ném ghế, quăng mâm. Mùa gặt, độc một mình Hiền bụng mang dạ chửa đập hết sân lúa đến nửa đêm. Gà mới gáy đã bò dậy nấu cơm sắp liềm hái, cày cuốc, cho lợn gà ăn sớm để ra đồng. Con bé Hồng lọt lòng chưa đoạn cữ, Hiền đã phải lội bùn để theo kịp thời vụ. Vẫn biết gái đẻ làm non sẽ hậu quả sau này. Nhưng không làm thì ai làm cho? Chả lẽ lúa chín để gục ngoài đồng? Chả lẽ bỏ mạ ra lá xanh om cả giành? Có lần, cơn mưa bất ngờ ập đến, Hiền bỏ việc chạy về. Sân thóc chềnh ềnh, sũng nước. Điểu vẫn điềm nhiên ngồi xem băng chưởng. Uất nghẹn tận cổ, Hiền vừa kéo chang xúc thóc vừa khóc không ra tiếng. Một chốc sau, đám ốc bươu do Hiền mò về định sớm mai đem ra chợ bán cũng bị Điểu đem luộc tiếp mấy thằng bợm rượu... Say rượu, Điểu nôn mửa đầy nhà. Hiền lấy muối xát hai gan bàn chân rồi nghe chị Ngà bảo, thả viên C sủi vào cốc nước cho chồng uống. Bỗng Điểu tỉnh queo, cầm cốc nước quẳng ra sân, chửi té tát: "Tiên sư mày dám pha thuốc ngủ cho ông chết à? Cho mày đi lấy thằng khác à? Bố mày không chết đâu nhá! Còn sống để hưởng mùi đời, để trị mày tới số!" Hiền không dám kêu với mẹ. Nhưng chuyện con gái đẻ làm non vẫn đến tai bà Quí. Thương con đứt ruột, bà bỏ cả việc nhà đang lút mắt chạy đến đỡ đần. Giận thằng rể lắm. Nhưng sợ nó sẽ hành hạ con gái, bà đành ngậm bồ hòn. Rồi biết bao tin dữ: Thằng Điểu đánh cô Hiền khi cô Hiền ra can nó gây sự với ông trưởng thôn... Thằng Điểu dìm vợ xuống sông thừa sống thiếu chết khi bữa cơm không có rượu uống... Thằng Điểu thua bạc, về vòi tiền, vợ không có, đang gầm cả ông bà ngoại lên chửi... Nó chửi thì gió bay lên trời. Xóm láng nghe hộ. Nhưng nó đánh con gái bà thì bà đau quá, như nó cắt vào gan ruột bà. Ngần ấy đứa con, dạy bảo, có bao giờ bà nỡ cầm đến cái roi? Bông hoa nhài cắm bãi cứt trâu rồi con ơi! Hai mặt cháu gái ra đời, không khỏi tay bà nâng giấc. Bà chăm con, chăm cháu trong dòng nước mắt chảy ngầm. Hiền chịu đựng. Bà chịu đựng. Sợi dây tình cảm giữa ông bà với chàng rể ngày một căng ra. Điểu là thằng đổ đốn, không có đầu óc nghĩ suy. Nó thường bắt vợ lên nhà ngoại vay tiền, vay thóc. Nhiều lần Hiền phải nói dối ông bà: "Con vay để sắm lưới cho nó đi làm!" Nhưng lưới chài nào? Tiền bà đưa, lại như gió vào sòng bạc, vào hàng thuê băng hình. Nói là cho vay, chứ biết đến bao giờ một cắc trả lại? Có mà đơm gió ngọn tre! Giá nó quịt để nuôi vợ con nó, lọt sàng xuống nia cho cam. Khốn nạn, nó lại đem biếu các bố giời ơi đất hỡi...

Một hôm đang xem ti vi đến đoạn kết của một bộ phim Hàn Quốc, con bé Hồng vô tình hỏi Hiền: "Người bố bét rượu về sau thế nào hở mẹ?" Hiền cũng vô tình đáp: "Mẹ vừa ngoài đồng về, mới kịp nhìn một đoạn, chưa biết đầu cua tai nheo gì. Hỏi bố ý". "Hỏi hỏi cái gì? Say say cái gì? Tiên sư con mẹ mày!" Con Hồng bị ăn liền mấy cái tát nổ đom đóm mắt. Hiền đứng dậy can ngăn, che chở cho con. Điểu liền đạp vợ xuống đất, đá túi bụi vào mạn sườn, vào ngực. Con hư tại mẹ này! Cháu hư tại bà này!... Trận mưa đòn không biết kinh tay trút lên đầu Hiền. Lũ con khóc toá loả. Quá mù ra mưa, bố mẹ, vợ chồng anh em nhà Điểu ở ngay quanh đấy đã nhàm sự, cũng chẳng thèm ngó tới. Hàng xóm đổ sang thì Hiền đã bất tỉnh. Trán sưng vù, vỡ toác cả đầu gối. Bận đó, Hiền bị chảy máu dạ dày, phải nằm viện mất một tháng.

Xem băng hình lắm, Điểu đâm như kẻ hoang tưởng. Điểu coi thân xác vợ là một cái bao cát để thực hành đấm đá như các nhân vật võ lâm trong "phim chưởng" Hồng Kông. Không thể chịu được nữa, Hiền quyết định làm đơn ly dị. Bố mẹ chồng can ngăn: "Trời còn phải chịu đất. Trót đa mang thì cố chịu con ạ!" Nhưng, thằng Điểu nổi máu sĩ diện: "Ông bà mặc nó, cho nó lắm chữ!" Điểu hăng máu ký roẹt vào đơn. Bệnh sĩ chết trước bệnh tim. Không trách có lần mượn xe máy đèo Hiền đi cho oai, bị ngã trước mặt mọi người, nó hoắm mắt quát vợ: "Đang đi lại đẩy bố mày xuống ruộng!"... Toà gọi sang cắt đứt. Trước toà, Điểu cao giọng: "Không cần dài dòng! Cô nhận đám trẻ! Hàng tháng tôi sẽ gửi dăm trăm, một triệu về cho cô nuôi con. Đây quân tử nhá! Cô sẽ tiêu tiền phát cáu!" Hiền bấm bụng cố nén nỗi cay đắng, khỏi bật cười xấu hổ thay cho loại người "trăm voi..."! Hiền cần thoát khỏi cái cùm man rợ của hắn chứ cần gì đồng tiền của kẻ phét lác không biết ngượng mồm! Hiền chỉ cần những đứa con. Gà mái ấp lấy con mình. Khi ông bà Quí biết chuyện thì sự đã rồi. Đành lòng vậy. Bà chẳng bao giờ muốn nhìn cảnh chia loan rẽ thuý, chỉ khổ con trẻ đang cơ ăn cơ ngủ, chỉ tổ dở dang đời con gái bà. Bà tiếc cho cái công Hiền và ông bà

đã cố đắp điếm, vun tròn mà không sao tròn được. Coi như đốt rể đầu chẳng còn ý nghĩa gì nữa trong gia tộc ông bà! Bà sửa soạn giường chiếu đón các cháu về:

-Ông ơi! Cây măng phải trú nơi yên lành gió bão!

-Bà nghĩ thế là phải! Thời nào nhà ta cũng cần người. Làm gì cũng phải có người! Trai hay gái, đã là con người thì đều là báu vật của Tạo Hoá, là lộc của Trời Đất. Mà đã là lộc, là báu vật, thì mình phải yêu quí, nâng niu...

Bà Quí ngồi thần người bên thúng gạo nếp mới xát. Mùi gạo thơm nồng nàn khắp căn nhà. Hương vị Tết đến nơi. Thấm thoắt đã mười năm Hiền tuột khỏi tay bà. Mười năm bị cướp mất tuổi xuân, Hiền như con nhái bén. Nay về với bà, Hiền đã nở nang trở lại. Nhưng rồi, lo cho tương lai đám trẻ, Hiền phải gạt nước mắt gửi con cho ông bà, để đi làm xa. Mấy năm nay bão lũ liên miên. Năm ngoái, cả làng cả tổng di tản chạy cơn bão số 7, ông bà phải dắt díu ba đứa cháu cùng đám trẻ xóm sang nhờ người nhà bên thị trấn. Năm nay bão lại hoành hành miền Trung. Ngoài biển ngư dân bị cuốn, trong bờ nhà cửa đổ tan hoang. Vùng mình thì tôm cá thất thu, mùa màng phát sinh lắm chuột bọ, sâu bệnh. Ba sào giống mới vừa loe cổ đòng, chuột phá tan tành. Năm sào Khang Dân trổ lên mướt mượt đã khấp khởi mừng, ai dè bị nhiễm sâu đục thân, bay trắng cờ lau. Bên đầm tôm, bố mẹ cu Mỹ cũng bẵng tay. Trời đất bây giờ lạ thật, hết sự nọ đến sự kia. Tháng mười mà sấm chớp đùng đùng. Mưa đá từ đâu ném xuống. Ti vi lại đưa tin: lốc cuốn bất ngờ đổ bộ thành phố Hạ Long, bẻ gãy cả cần cẩu cảng Cái Lân... Bè gỗ chưa xong, bè dong đã tới. Lại khó khăn lắm đây! Bà không dám điện cho con gái biết ở nhà mất mùa, kẻo nó lại buồn và đâm lo. Nó cũng y bà cái tính cả nghĩ, có sự là trằn trọc thâu đêm. Cũng đời con gái, mà mỗi người như một hạt mưa. Hồi trẻ bà cũng xinh đẹp có tiếng nhưng gặp được ông Thảo đã hiền lành, đức độ, lại tài hoa thơ phú văn chương... Còn Hiền, mặt hoa da phấn lại lọt vào tay thằng quỉ sa tăng. Cũng là đời rể, ông Thảo khiến bên ngoại mát lòng mát dạ, danh giá bao nhiêu thì thằng Điểu lại làm ông bà thất vọng và tủi hổ bấy nhiêu! Nó còn rêu rao khắp nơi nhờ mưu mẹo mượn nhẫn, mượn dây chuyền vàng về đeo đầy tay đầy cổ mà nó cưa đổ được con Hiền! Nghĩ hận thằng rể, bà càng thầm cảm phục ông Thảo. Nâng chén nước, bà mời ông:

-Dù mất mùa, mình cũng phải cố lo cái Tết thật đàng hoàng cho mẹ con chúng nó có nồi bánh chưng đêm Ba mươi! Ông tính, con Hiền từng than với tôi ngần ấy năm trời về nhà chồng không hề biết nồi bánh chưng đợi giao thừa là gì. Chồng đi đằng chồng. Cha mẹ, anh em mỗi người một mặt. Có khổ đời nó không? Bà quệt giọt lệ ứa ra: -Ông ạ! Vụ này chắc là không sợ thằng H5N1? Tôi mới đặt mua được mấy con gà Tiên Yên để dự trữ đón khách ngày xuân. Bà cô chú bác nội ngoại, khách khứa mình, rồi bạn bè các con các cháu...

-Bao giờ bà cũng là người chu đáo! Ông Thảo hạ quyển sách đang đọc xuống bàn, quay ra: -Sợ bà buồn, tôi chưa kịp nói với bà. Lúc nãy thằng Điểu nó điện về...

-Sao? Nó bảo sao? Còn biết tiếc cái tép đồng ta cơ à?-Nó xin Tết được đến thăm các con nó...

-Đạo đức nhỉ? Đúng là kỳ đà chết giả!

Từ dạo ly hôn, thằng con rể lặn bặt tăm luôn cùng mấy lời hứa suông trong toà án. Bà cũng chẳng cần gì. Chỉ cần nó đừng làm bà thức dậy nỗi đau đớn, ê chề. Đừng để lần nữa thấy nó, bà thêm xấu hổ với xóm giềng. Bà đã vùi sâu nó vào dĩ vãng. Trước mắt bà chỉ còn các con, các cháu, những bông hoa bà nguyện chăm sóc cho nở sắc khoe hương trong ngày mới. Bê thúng gạo nếp vào buồng, bà dõng dạc: -Tốt nhất nó đừng vác mặt đến đây! Ông chuẩn bị cho tôi cái xẻng!...

Là chị của tám đứa em, mới chín, mười tuổi, Quí đã theo mẹ ra rừng sú vẹt chặt củi, bắt cáy còng, rồi leo núi lên tận Quảng La, Vị Loại mua sắn nương gánh bộ hàng chục cây số về ăn độn. Quí nổi tiếng bắt cáy giỏi trong làng. Sang tháng tám khi gió heo may rải khắp đồng là mùa soi cáy bắt đầu. Mới xế chiều mẹ con Quí đã cùng bầy soi cáy chèo thuyền ra bãi Hoàng Tân cắm sào đợi nước giọt. Đêm xuống, mải mê nhặt cáy đến tận hừng đông. Hết năm ngày con nước, lại cặm cụi giã, ủ được hàng chục thảm mắm cáy. Mẹ con chở mắm bằng thuyền nan ngược sông Rừng, sông Đá Bạc, qua sông Kinh Thầy lên các tỉnh miền trên đổi lấy thóc gạo, đậu ngô... Ban ngày máy bay Mỹ rèn rẹt trên đầu, phải vừa nép vào những rặng cây vừa kéo thuyền đến sã vai. Ban đêm lại thức trắng chèo thuyền tưởng bửa ngực mới đến nơi.

Đêm ấy. Mảnh trăng non như hạt thóc mắc trên nền trời. Mặt bãi láng phù sa như tấm gương mới tráng còn ướt nháng. Gió hiu hiu lướt qua cánh rừng. Sóng vỗ nhẹ thầm thì, xa ngái.

Cáy lên hóng gió đùn bọt la liệt như ai đổ xuống đầy một bãi sỏi kêu rào rào, tanh tách. Âm thanh rộ lên. Bãi triều lấp lánh muôn giọt li ti như một nồi cơm khổng lồ đang sủi khi giòn lửa. Cáy dâng mỗi lúc một nhiều. Giá có cái chổi cũng có thể quét được! Quí vừa lội vừa nhặt nhanh tăm tắp. Chiếc đèn bão treo trên ngọn sào làm tín hiệu nơi thuyền đậu đã khuất mấy cánh rừng. Chiếc giọng tre to đùng đeo bên hông và chiếc giành kéo theo sau lưng đã đầy ắp cáy.

Đang hí húi, Quí giật mình vì tiếng gió và sóng ồn ào ngay trước mặt. Thuỷ triều lên! Cô vội vã tìm đường xuống thì nước đã bò lênh láng bãi, ngập bắp chân. Ngọn sú vẹt chìm dần. Chết đuối đến nơi mất rồi! Quí hốt hoảng khóc oà gọi mẹ vang rừng:

-Mẹ ơi... cứu con với... Mẹ ơi!... cứu con với... Buộc thòng sợi dây giữ cho chiếc giỏ và chiếc giành đựng cáy trôi nổi đằng sau, cô trèo lên một cành cây đước hú gọi đến khản cổ: -Có ai không? Cứu tôi với... Tôi ở đây! Mẹ ơi... Con ở đây...

Nước lên nhanh quá. Cả bãi triều cùng cánh rừng biến mất. Đêm cũng vọng lại tiếng người gọi tìm, nhưng bênh bông mãi đẩu đâu. Bỗng có tiếng mái chèo ràn rạt cùng tiếng hỏi: -Ai đó? Đâu... ở đâu...? Quí reo cuống quít:

-Đây, đây! Tôi đây! Chỗ cây đước này! Chiếc thuyền nan lao tới. Một chàng trai! Quí nhảy ào xuống lòng thuyền. Chàng trai buông chèo, đỡ lấy cô. Con thuyền tròng trành suýt lật:

-ấy, nhẹ thôi! Nhảy mạnh thế?

-Hú vía! Mải quá, nước lên mà em không biết! Vô tình, hai người ôm chặt lấy nhau. Hơi thở hai người toát ra nóng hổi vào mặt, vào tóc nhau. Hai quả tim như hai cái trống làng đập cạnh nhau. Một thoáng ngượng ngùng. Họ thấy vai nhau ướt sũng sương đêm. Chàng trai xoay mũi thuyền. Con thuyền thoăn thoắt lướt trên ngọn rừng về phía tiếng bầy thuyền đang gọi vẳng lại.

-Mải mê gì mà đến nỗi...? Thấy tiếng gọi, biết là có sự, tôi liền chèo mò theo. Đêm nhiều sương nên trời mờ quá...

-Tẹo nữa, không có anh có khi em thành mồi cho Hà bá.

-Biết đâu lại hoá nàng tiên cá nhảy lên...! Chàng trai cười hì hì.

-Đằng ấy chỉ khéo lãng mạn! Anh ở đâu? Cũng biết soi cáy cơ à?

-Cô tưởng vùng này chỉ có làng Me của cô biết soi cáy?

-Là em hỏi thế! Nhưng sao lại biết em làng Me?...

-Chim nghe tiếng hót, người nghe tiếng nói. Làng Me tiếng nói như chuông. Lại hát chèo hay. Chỉ mỗi tội nói *cái rỗ thão với cái rổ thề. Con tâu tắng nằm bụi te thanh*... (cái rổ sảo với cái rổ sề, con trâu trắng nằm bụi tre xanh).

-Tài bắt chước! Nhưng anh xem, em có nói đặc sệt thế đâu?

-Không một thóc cũng một gạo. Nhưng đấy là tiếng đặc trưng của làng cô. Quê mình mỗi làng một thổ âm. Ví dụ, làng Lụa tôi nói ngọng, *líu lô* thành *níu nô*. Có người gọi *con dao con rựa* cứ dính bệt cả lưỡi vào răng.

-Còn hơn bọn ngoài phố. *Hà Nội* thành *Hà Lội. Quảng Ninh* thành *Quảng Linh*, nghe điệu chảy nước! Nom anh công tử thế sao phải ra rừng?

-Tranh thủ chủ nhật nghỉ học đi soi kiếm con ruốc, con cua...

-Anh còn đang học?

-Lớp mười!

-Thích nhỉ? Em chẳng được học nhiều như bọn anh... Nhà chắc ít người nên mới có điều kiện?

-Cám ơn cô! Chín anh chị em! Nhưng tôi cố học!

-Ôi! Bằng nhà em!... Trùng hợp thế nhỉ?

Chàng trai ấy chính là ông Thảo. Thảo là con trai lớn một gia đình nho giáo vốn nền nếp gia phong. Từ bé, Thảo đã hiếu học và học giỏi, sớm nổi bật trong đám học trò trường Kim Bị. Tướng học trò, nhưng buông sách là anh cuốc ruộng, tát nước, nhổ mạ, gánh lúa không thua kém trai làng. Lại thêm nhiều tài vặt: vẽ tranh, viết báo, làm thơ... Sau đêm ngoài rừng bãi triều ấy, hai người tỏ ý yêu nhau. Tình yêu thật tha thiết. Thảo còn là trưởng tộc một chi ngãnh trong dòng họ. Quí về gánh vác sự nghiệp nhà chồng với biết bao lo toan nặng nhọc, công kia việc nọ. Nhưng tính Quí "xởi lởi giời cho". Bao giờ người ta cũng thấy Quí tươi cười, coi mọi thứ nhẹ như không. Tổ ấm mỗi ngày thêm ríu rít tiếng trẻ. No đói, rau cháo có nhau, gia đình thật đầm ấm, hạnh phúc...

Con chó Lu sủa mấy tiếng rồi ngoáy tít cái đuôi. Bọn trẻ nhóm "Sân khấu học đường" lớp

con Hồng kéo vào sân rối rít:

-Chúng cháu chào ông bà! Chúng cháu đến sinh hoạt câu lạc bộ đây ạ! Bà dạy tiếp bài "Lới lơ" cho chúng cháu hát đi... Bà Quí chợt tỉnh dòng ký ức. Chiều thứ sáu rồi a? Chỉ còn một tuần nữa là hết năm! Vất vả thì vất, bà vẫn là cây hát chèo chủ công của chiếu chèo làng Lụa. Tiếng hát chèo được bà mang về từ bên kia cánh đồng. Ngày ấy, đoàn Chèo của tỉnh về tận nhà tuyển Quí đi làm diễn viên. Nhưng nghĩ thương mẹ vừa lâm cảnh goá bụa, một mình nuôi chín đứa con, Quí đành từ chối và từ đó chỉ hát trong đội văn nghệ của làng. Giờ đây, bà truyền sang cho lớp con cháu để chúng nó giữ lại tiếng hát xưa...

Sáng nay bà Quí đi họp phụ huynh học sinh. Mấy đứa cùng lớp với cái Hồng reo to: -Bà ơi! Bà xem bài văn của bạn Hồng chưa? Bạn ấy viết về bà ngoại hay lắm! Hôm qua cô giáo đọc mẫu trước lớp. Hay ơi là hay! Về nhà, bà vội vàng hỏi cháu. Cái Hồng lục trong ngăn kéo rút ra một tờ giấy, ngượng nghịu đưa cho bà.

–Cha tổ con Lọ Lem. Mỗi thế cũng đỏ rựng cả mặt lên! Ông ơi! Bài làm văn của con Hồng được điểm 9 đây này! Cháu bà giỏi quá! Mời ban giám khảo chấm giùm! Bà chuyền tờ giấy cho ông Thảo. Ông thong thả đọc: "*...Bà ngoại em vất vả lắm. Bà đã một thời nuôi mẹ em, nuôi các dì các cậu em khôn lớn. Nay bà lại nuôi chị em em trong ngôi nhà ấm áp. Từ quyển vở, cái bút, từ mái tóc, tấm áo, từ bữa ăn, ngụm nước... Thứ gì bà cũng dành dụm, chăm bẵm cho chúng em. Bà ngoại là hình ảnh gần gụi, quá đỗi thân thương. Bà ngoại là diễn viên chèo, là Nguyên phi ỷ Lan bên cạnh ông em là Đức Vua. Bà ngoại là bà tiên từ cổ tích hiển hiện trong ngôi nhà và mảnh vườn trĩu đầy hoa quả. Trên đời chỉ chị em em có bà ngoại như thế này mà thôi...*" Ông Thảo bỏ kính, lau khoé mắt: -Được đấy. Cháu ông tế nhị quá! Bài văn mộc mạc mang cảm xúc thật, hay hơn những bài văn trước. Ông mừng cháu có năng khiếu!... Con Hoè cũng giở sách ra khoe điểm chín, điểm mười. Cu Mẽ khoe chữ đẹp, sẽ được đi thi viết bên huyện. Bà Quí cười khen mà giọng rưng rưng:

-Các cháu cố gắng học giỏi. Cháu ngoại giống ông ngoại càng hay! Nghe bà nói vậy, ông Thảo bèn kể:

-Các cháu biết không? Nhà ta đây từ xa xưa, các cụ cũng đã mang ơn bên ngoại. Như cụ Bá Trân để lại bức đại tự "Thế Hữu Hưng" treo trên bàn thờ gian giữa kia kìa. Vợ cụ Bá là cháu ngoại được cụ huyện Nguyễn Huy Bích từng làm quan ở Hà Đông nuôi đến lúc trưởng thành. Cụ Bá được ăn học nên người, đậu cử nhân và từng làm chánh tổng tổng Hà Nam mình, là một phần nhờ ảnh hưởng của bên ngoại... Ba đứa trố mắt lắng nghe, liền tranh nhau:

-Học xong, cháu đi làm nhà thơ, nhà báo, nhà văn...

-Cháu làm ca sĩ, mang xe về đón ông bà lên Hà Nội xem "Tiếng hát Sao Mai"!

-Cháu làm bác sĩ, làm cô giáo cơ... Ông Thảo ôm cả ba đứa:

-Cả nhà ta cùng làm "sĩ"! Bà Quí nguýt nhẹ ông cháu:

-Không nhất thiết phải thế! Cháu nào cũng làm bác sĩ, ca sĩ, cô giáo thì ai làm nông dân, công nhân để có gạo, có than, có xi măng, sắt thép? Sao các cháu không ước làm người nông dân nhiều hiểu biết, chế tạo ra máy móc cho đồng ruộng như các ông gì trên ti vi đưa tin làm ra máy trĩa ngô, máy cấy, máy gặt đấy, cho bà con được nhờ, trong đó có bà? Ông Thảo cười dí dỏm:

-Ư, phải rồi! Nghề nông là gốc của nhà ta. Phải có cháu làm nông dân đời mới vừa sản xuất, kinh doanh giỏi, lại vừa hát hay như bà ngoại chứ nhỉ? Bọn trẻ reo to:

-Dạ! Đúng rồi ạ!

Ông bà thư thái ngồi bên nhau trên bộ tràng kỷ uống trà. Bọn trẻ vui lắm. Chúng ngồi vây quanh gợi ông bà đủ chuyện. Cái Hồng còn cuốn hai bàn tay làm chiếc máy ảnh, nheo mắt ngắm ông bà, rồi chép miệng đánh "tách" một tiếng: -Thế là cháu có một bức ảnh đẹp!

-Vậy thì... bao giờ các cháu cũng phải yêu thương nhau như ông bà!

Như có một dòng sông rào rạt chảy trong lòng, bà Quí lặng nhìn ra sân. Không gian hoe ánh nắng non. Nền mây xám như một tấm chăn bông đang cuốn lại. Trời rõ vẻ ấm. Cây đào trước cửa đơm đầy nụ hoa đã nở mấy đoá phớt hồng rung rinh trong gió nhẹ. Bà ngỡ đấy là những mảnh giấy tinh khôi do bọn trẻ đính vào. Dăm bảy ngày nữa, ngôi nhà lại đầy tiếng con tiếng cháu nói cười.

Bỗng con chó Lu vột dậy sủa ran. Ngoài ngõ có bóng người thấp thoáng qua lùm cây táo lai.

-Ai đấy? Cứ vào đi!... Con chó càng sủa dữ dội. Vừa sủa nó vừa lùi lại, doãng chân lấy thế sẵn sàng tấn công. Cu Mỹ cầm cây thước gỗ chạy ra đe. Bà giật mình. Thằng Điểu! Đầu trần. Kính đen. Chân tay không. Bộ quần áo mới sơ vin hẳn hoi. Nhưng nét mặt hốc hác và dáng chừng dè dặt: -Con chào ông bà!

-Vâng! Không dám! Chúng tôi chào anh! Ông Thảo gấp cuốn sách. Bà Quí đứng lên. Con Lu vẫn ấm ức, mãi mới chịu nằm một góc trên hiên, nhưng đôi mắt vẫn lóng lánh liếc kẻ mới vào. Con Hồng, con Hoè bám chặt vạt áo bà, so lại, không dám ho he. Chúng nhìn bố chúng như nhìn một người xa lạ. ánh mắt bà Quí cháy rực. Nỗi đau đớn, căm giận và khinh miệt trào dâng. Ông Thảo bấm tay bà tỏ ý can ngăn bà bình tĩnh. Ông cứ để mặc tôi! Vì đâu nên nông nỗi này? Nó còn đeo được cái mặt mo đến đây ư? Các con nó đây. Thấy bố, chúng lại như con nai gặp cọp. Chả lẽ hình ảnh kẻ đẻ ra chúng lại có thể nhạt nhoà và bỗng chốc xoá nhanh đến vậy ư? Nuốt hận, bà cúi xuống bảo cháu:

-Thôi! Chào bố các cháu một tiếng đi. Dù sao các cháu cũng phải nghĩ có người này... Bà chỉ thẳng vào Điểu: -Có người này... thì mới có các cháu trên cõi đời!

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI



thơ

DUY PHI

TỨ KHÚC

Cây mấy vụ gieo trồng
Vẫn hẹn ngày bói quả
Mái tóc bạc chiều đông
Người tình thành xa lạ.

Nước âm thầm lòng đá
Suối vẫn chưa hiện dòng
Lạc rừng theo lối quạ
Còn mơ màng bóng công.

Đợi giao thừa. Ngút ngát
Ngọn lửa tự nuôi mình
Nghề đẽo cày giữa chợ
Trông hoài người mắt xanh…

DUY PHI



NGƯỜI CANH GIỮ ĐỀN THIÊNG

NGUYỄN THỊ MÂY

Trúc dẫn chúng tôi đến thăm má Sáu, người canh giữ đền thiêng. "Đền thiêng!". Hai tiếng gợi cho tôi hình ảnh một toà nhà đồ sộ và cổ kính. Ở đó, những ô cửa sổ to lớn quanh năm đóng chặt. Nắng chui vào đền bằng khe hở từ mái vòm cao chót vót. Ánh sáng yếu ớt tựa như tấm voan mỏng mảnh căng rộng trên bệ thờ. Mấy chiếc bình hương nghi ngút khói đặt trước tượng thần uy nghi, trầm mặc. Giữa cảnh tĩnh lặng và huyền bí, người giữ đền thiêng như một vị thần sống đứng yên. Mái tóc bạc phơ búi gọn, tà áo dài trắng khẽ lay động. Thỉnh thoảng, bà đến trước bệ thờ cầm lấy nhang trầm thắp lên những đốm lửa nhỏ. Ánh sáng lập loè chẳng làm cho không gian bừng sáng mà chỉ gợi cảnh ảm đạm và nỗi buồn da diết lan tràn.

Tất cả những điều tôi tưởng tượng không có ở đây. "Đền thiêng" nầy chỉ là một mái lá xiêu vẹo, một căn nhà bình thường như bao nhiêu nhà khác trong vùng. Nhưng, trong gian trước, nổi bật nhất là cái bàn thờ. Nó được làm bằng gỗ quí. Trên nền gỗ màu nâu bóng, có cẩn những cánh sen nhỏ bằng xà cừ óng ánh sắc trắng hồng. Mấy đoá hoa gợi sự tinh khiết vô cùng và dáng vẻ giàu có trong mái lá đơn sơ. Năm tấm ảnh của bốn người con trai còn trẻ và một cô gái xinh đẹp được đặt trên bàn thờ ấy. Năm chiếc bình hương và mấy cặp nến hồng như đã xác minh rằng đó chính là những người đã hy sinh, đã trở thành liệt sĩ. Chính họ đã biến nơi tầm thường nầy thành đền thiêng, nơi thờ phụng những người đã dệt nên những trang lịch sử đấu tranh anh hùng, bất khuất.

Và, má Sáu, mẹ của những người con dũng cảm kia đang sống một mình trong mái lá ấy. Bà làm công việc có vẻ ngược đời là "Tre già phải khóc măng tàn". Má Sáu đang ngồi trên chiếc chõng tre. Bà chăm chú luồn những cọng nan vào nhau, tạo nên những khoảng cách đều đặn của một mặt rỗ. Thỉnh thoảng, má dừng lại, mắt liếc nhìn mấy bức ảnh, bà thở hắt ra rồi thẫn thờ trông về phía chân trời. Nơi đồng ruộng và bóng mây sát liền nhau như lưu luyến. Không có sợi khói nào bay trên những chiếc bình hương nhưng lúc bấy giờ, tôi biết, có những ngọn lửa cháy rực trong tim má và phản chiếu rõ rệt qua ánh mắt.

Năm đứa con lần lượt ra đi. Mỗi người tạo một cung cách hy sinh khác biệt. Dù vậy, với má, họ đều có giá trị như nhau, đều đem niềm tự hào về cho má. Bà chỉ tiếc một điều, bốn thằng con trai, một cô con gái chưa lập gia đình. Không ai để lại cho má mụn con nào. Nếu vậy, phải chi trong một trận đánh ác liệt má cũng hy sinh thì bây giờ má nghĩ mình đã nằm yên trên bàn thờ ấy cùng với các con. Biết đâu, cả gia đình sẽ sum họp ở một thế giới nào xa khuất.

Vừa trông thấy chúng tôi, má Sáu tươi cười:

- Trúc đó hả? Vào đây cháu! Đi đâu mà đông vui quá vầy nè?

Trúc chạy đến bên má, cô bé nũng nịu:

- Tụi con đến thăm má Sáu.

Má đi ra sau bếp. Một chốc, bà trở lại với dĩa khoai lang:

- Mấy con ăn đi! Khoai ngọt lắm!

Trúc liếng thoắng:

- Khoai má trồng phải không?

- Ờ! Ở không làm gì. Má trồng chút đỉnh để dành ăn vậy mà.

Đực chen vào:

- Má có một mình, trồng chi cho cực. Mua vài ký, ăn cả tuần không hết.

Trúc trừng mắt với Đực, cô bé lý sự:

- Nói bậy không hà! Khoai nè, ăn đi! Đừng nói nữa. Cái gì tự tay mình trồng vẫn quí hơn, ăn ngon hơn chứ!

- Trúc nói phải. Tôi thay lời Đực:

- Tụi con xin lỗi má Sáu.

Mỉm cười hiền hậu, má Sáu vuốt tóc tôi:

- Đâu có gì mà lỗi phải. Con là con của ai mà má không biết?

Trúc nhanh nhẩu giới thiệu:

- Bạn ấy là cháu nội của bà Hai Sang ở đầu xóm đó má. Ba má bạn làm việc trên tỉnh. Bạn ấy về đây nghỉ hè.

Má Sáu chợt thở dài buồn bã:

- Mấy con thật là sung sướng. Các con được đến trường, được học hành rồi lại được nghỉ hè. Ơ đây, mấy đứa nhỏ con nhà nghèo có đứa chưa biết chữ. Đối với chúng, quanh năm chỉ có một mùa. Mùa hè, mùa vất vả! Suốt ngày, chúng cặm cụi ngoài đồng ruộng. Nắng chẻ đôi ngọn tóc, nhuộm đen màu da non của chúng. Con gái út của má hồi còn sống cũng khổ sở như vậy. Nhưng, được cái may là có "Anh Hai nằm vùng" về đây. Anh mở trường dạy học. Nói cho oai chứ trường chỉ là một cái chòi nằm sâu trong vườn bưởi. Lúc dạy, thầy phải nguỵ trang bằng cuốc xẽng để hờ một bên. Trò ngồi học đặt chổi ky gần đó. Vừa có động, mạnh ai nấy tản đi. Thầy cuốc đất vun gốc bưởi, trò quét lá như trẻ làm thuê cho chủ vườn. Con Út nhà má theo học cho đến ngày anh hai bị giặc bắt. Nó thường nói với má, khi hoà bình trở lại, nó sẽ học Đại học rồi làm cô giáo. Nhưng...

Má thút thít khóc, Trúc cũng sụt sùi theo. Đực ngữa mặt trông lên mái lá để giấu đôi mắt ướt. Còn tôi, lòng oằn nặng chua xót. Tôi nhìn ra cánh đồng lấp loáng nắng chiều. Lẫn trong màu lá thắm tươi thấp thoáng những chiếc bóng bé bỏng lom khom hái rau, bắt ốc. Có phải đó là những đứa trẻ má Sáu vừa nhắc tới ? Chúng vẫn hồn nhiên sống trong quảng đời cơ cực tối tăm.

Chợt nghĩ ra một điều, tôi bảo Trúc:

- Trúc, hay tụi mình dạy cho mấy đứa nhỏ con nhà nghèo vùng này!

Trúc tròn mắt nhìn tôi:

- Ờ, nhưng Trúc đâu biết cách dạy. Từ nhỏ tới giờ, Trúc chỉ biết làm học trò thôi.

Tôi hăm hở bàn bạc:

- Để Nghị dạy cho, chỉ cần Trúc đi theo, cầm tay khi học trò của tụi mình tập viết.

Đực reo lên:

- Cho mình học với! Trúc cầm tay mình nghen!

Tôi và Trúc nhìn nhau. Chúng tôi nhận ra bạn bè mình có nhiều đứa chưa biết chữ. Trúc vui vẻ bảo:

- Ừ, nhưng nếu Đực không thuộc bài thì Trúc sẽ gõ đầu đó. À này, rồi ai sẽ đi chài cá cho má Đực. Ai cắm câu?

Đực ngẩn người khi nghe Trúc nhắc nhở .

Công việc xem ra không đơn giản chút nào. Muốn dạy ít nhất cũng phải chọn lựa giờ giấc thích hợp để việc học không ảnh hưởng đến đời sống hằng ngày của " Học trò ". Chưa kể phải có một chỗ nào đó để làm lớp học, phải có bàn ghế, phấn bảng, tập vở, sách v.v...

Tôi than thở:

- Nói thì dễ nhưng làm lại rất khó!

Có lẽ đoán được ý nghĩ của tôi, má Sáu nói, giọng quả quyết:

- Điều quan trọng là các con có chịu làm hay không cái đã? Có khó khăn nào mà không giải quyết được đâu. Các con cứ chuẩn bị tư thế dạy, còn mọi thứ để má lo.

***

Trước khi ra về, ông Bí thư xã trao chiếc chìa khoá cho má Sáu. Ông nói một câu tưởng như khách sáo nhưng chính xác vô cùng:

- Chị vẫn như xưa! Lúc nào cũng nghĩ tới người khác, săn sàng vì mọi người. Tôi phục chị lắm, chị Sáu!

Má Sáu nheo mắt . mỉm cười hiền hậu:

- Anh cũng vậy. Anh thấy được tất cả việc làm của người khác , trừ công lao của chính anh. Thật ra, tôi chỉ làm vui lòng tôi thôi. Khi nào không cần nữa, tôi sẽ trả nhà nầy lại cho xã.

Ông Bí thư cười xoà:

- Chị vẫn bướng bỉnh như ngày còn trẻ, chị Sáu à!

Ngôi nhà tình nghĩa mà nhân dân xã mới xây cho má Sáu không lớn lắm. Nhưng mái tôn, vách tường hẳn hoi. So với ngôi nhà má Sáu đang ở thì nó khang trang , đẹp đẽ và kiên cố hơn rất nhiều.

Thấy má sống cô quạnh trong mái lá lụp xụp bên một cánh đồng cuối xã, bà con xót dạ lắm. Họ đã cùng nhau đóng góp, xây dựng chỗ ở mới cho má. Mọi người mong sự quan tâm, chăm sóc sẽ an ủi và đáp lại phần nào sự hy sinh của má. Họ tin má sẽ vui biết bao khi thấy ngôi nhà mới.

Nào ngờ, má Sáu đi từ trước ra sau rồi từ sau ra trước. Bà đánh một vòng quanh sân, ngắm nghía, ngợi khen rồi bày tỏ quan điểm:

- Ngôi nhà này đẹp lắm! Chắc phải tốn nhiều tiền và công sức của bà con. Tôi cám ơn bà con và chính quyền đã hết lòng lo lắng cho tôi. Nhưng, tôi không thích rời xa mái lá của mình. Nơi mà từng chỗ trong đó hằn lại bao kỷ niệm về các con tôi. Ở nhà trước, trên cái chõng tre, đêm đêm, hai thằng con lớn nằm gát chân lên nhau ca vọng cổ. Hai thằng nhỏ lật đáy thau rồi dùng đũa đánh nhịp om sòm. Còn con Út, cứ đeo theo tôi, đòi nghe kể chuyện. Trong nhà bếp, mỗi ngày hai lần, cả nhà quây quần ăn cơm. Tiếng cười rộ từng hồi. Đến bây giờ, vẫn còn vang vọng trong lòng tôi. Rồi còn biết bao thứ khác, tầm thường mà quí giá, như cái giỏ đựng cá thằng Hai làm mới nữa chừng, chưa kịp đựng vật gì thì nó đã hy sinh. Mấy cái cần câu của thằng Ba, thằng Tư, quyển sách chánh trị của anh Hai "nằm vùng" tặng cho thằng Năm và ... cái áo lót của con Út, tôi vẫn còn treo trên vách buồng của nó. Ôi, thương làm sao gương mặt thẹn thùng ửng đỏ của con Út khi ướm thử chiếc nịt vú đầu tiên. Lúc đó, tôi mới nhận ra nét dậy thì trên ngực, trên thịt da con gái. Niềm sung sướng được nhìn con khôn lớn, xinh đẹp kéo dài chẳng bao lâu thì nó đã ra đi. Tựa cửa sau, tôi có thể nhìn thấy vùng đất thấm đẫm máu và thịt xương con gái. Nó đã vĩnh viễn nằm lại ở đó... Cám ơn, cám ơn bà con nhiều lắm! Nhưng nếu thương yêu tôi, xin hãy để cho tôi ở lại ngôi nhà cũ, canh giữ kỷ niệm. Người già chỉ cần sống với quá khứ. Được như vậy là hạnh phúc rồi.

Ngày đó, ai có mặt cũng rơi nước mắt. Họ làm sao quên được sự hy sinh của người con gái còn rất trẻ ấy.

Hay tin giặc sắp mở trận càn quét bất ngờ, bà con trong xã vội tìm đường lánh nạn. Nhưng, một số người đang cấy lúa ngoài đồng không hay kịp. Họ chạy chưa được xa thì giặc đã kéo tới, tiếng súng dồn phía sau. Con gái Út của má Sáu có trong số người chậm chân ấy. Sau khi dặn dò mọi người chạy tới trước, theo con đường cũ, cô gái bỗng dưng băng ngang ruộng, vừa chạy vừa kêu to:

- Bà con ơi, chờ tôi với! Chờ tôi với, chờ ...tôi...!

Ai cũng kinh ngạc trước hành động kỳ quặc ấy nhưng khi thấy bọn lính đổi hướng, đuổi theo cô gái, mọi người mới hiểu ra. Một tiếng nổ long trời. Cô gái và một số lính đi đầu tan thành từng mãnh vụn. Cô đã dẫn bọn chúng vào chỗ đặt mìn của du kích.

Người con cuối cùng của má Sáu đã hy sinh như thế. Đứng ở bậc thềm đất sau nhà má Sáu, người ta có thể trông thấy con đường ấy tựa như một tấm vải ngoằn ngoèo.

Và, ở đó có một cây dừa ngã nghiêng vì sức ép của trái mìn nổ chậm. Ai cũng tưởng nó sẽ đổ xuống rồi chết dần. Nhưng lạ làm sao, những tàu lá cũ héo tàn và chồi non lại trổ. Cây dừa hồi sinh trong tư thế ngộ nghĩnh. Hai phần ba thân nằm dài, nghiêng nghiêng như ngóc đầu, gượng dậy, xoè ngọn lên trời. Nếu ngày nào nó chợt đứng thẳng lên, có lẽ không cây dừa nào cao bằng nó. Cây dừa trở thành chứng nhân của chiến cuộc và làm dấu nơi người con gái đã bay lên rồi hoà tan vào đất.

Vậy là ngôi nhà tình nghĩa vẫn còn mới nguyên, không chủ. Ở vùng này, những người mẹ anh hùng khác đều đã lần lượt từ trần. Chỉ còn lại má Sáu. Dân trong xã không ai dám nhận món quà lớn dù má Sáu đã từ chối. Ngôi nhà buồn tủi đứng yên giữa lúc nơi nơi vui vẻ, nó kiên nhẫn chờ đợi.

Bây giờ, bỗng dưng má Sáu tìm đến gặp ông bí thư xã xin nhận căn nhà. Không phải để ở mà biến nó thành lớp học dành riêng cho trẻ em nhà nghèo, không có điều kiện đến trường. Sáng kiến tuyệt vời của má Sáu được nhân dân xã nhiệt tình ủng hộ. Không ai bảo ai, người biếu lớp học cái bàn, người cho vài chiếc ghế. Trường học trên huyện biết chuyện, Ban giám hiệu chở xuống tặng trường xã tấm bảng to. Chưa đầy một tuần lễ, ngôi nhà tình nghĩa đã mang dáng dấp của một lớp học tình thương. Và, không phải chỉ có tôi và Trúc xung phong làm giáo viên mà nhiều bạn trẻ khác cũng đến xin tham gia xoá dốt.

Ngày mai, giữa lúc ve còn kêu vang trên vòm lá, phượng nở đỏ trời, một lớp học lại khai giảng. Một ngôi trường có nội qui lạ lùng: Cổng mở rộng từ tờ mờ sáng đến tận khuya. Học trò giờ nào rảnh cứ đến. Thầy, cô giáo chỉ là bọn trẻ chúng tôi- những giáo viên nhỏ tuổi, không có lấy

một tờ giấy chứng nhận khả năng sư phạm nào mà chỉ mang theo những trái tim yêu thương và rực lửa nhiệt tình khi bước lên bục giảng.

NGUYỄN THỊ MÂY



thơ

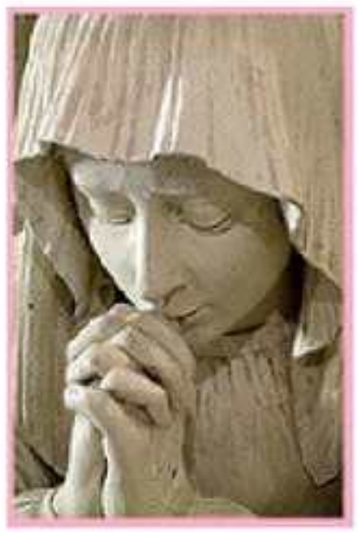
SÀIGÒN MƯA

HOÀNG YÊN LINH

1-
Về Sài Gòn giữa phố đông
Cà phê nhỏ giọt chạnh lòng người ơi
Mấy mươi năm đời nỗi trôi
Còn đây gốc phố biết người xưa đâu
Ở rừng canh cánh đêm thâu
Trở về phố thị nỗi đau xé lòng
Một đời buồn lắm vui không
Tri âm đâu chỉ mênh mông núi rừng
Thôi thì gác lại kiếm cung
Biết quên là nhớ riêng mình , mình thôi
Chiều Sài Gòn với mưa rơi
Hình như có cả dáng người năm xưa
Mưa qua phố ... Sài Gòn mưa
Chút gì còn lại ngày xưa - ngậm ngùi .

2-
Mưa tháng Năm - Mưa Sài Gòn
Tìm đâu má thắm môi hồng người xưa
Hàng cây rũ bóng chiều mưa
Nhòa trong kỷ niệm , dấu xưa mất rồi
Mấy mươi năm chuyện đổi ngôi
Ngỡ ngàng đếm bước mình tôi phố chiều
Tìm trong hương gió thương yêu
Đôi mắt ấy , dáng ai nghiêng ... Sài Gòn
Về đây lạc giữa phố đông
" Lối xưa xe ngựa ... " chạnh lòng bể dâu
Sài Gòn mưa ... tôi về đâu ... ?

HOÀNG YÊN LINH



truyện ngắn

TIẾNG SÚNG

QÚY THỂ

Không hiểu sao đêm nay tôi thao thức mãi không ngủ được. Tôi lồm cồm bò dậy mở đèn tìm viên thuốc an thần. Tôi tính uống thuốc xong, xem sách nửa tiếng rồi trở vào ngủ lại, may ra.

Mẹ tôi nằm phòng bên cạnh. Hình như bà cũng không ngủ. Tôi thấy phòng bà không có ánh sáng, nhưng có tiếng nhai trầu. Cây đèn trên bàn thờ Phật, thờ ông bà toả ánh sáng mù mù.

Có tiếng súng nổ rất to, vang vọng trong đêm khuya. Tôi dể ý thấy hình như đêm nào trời lạnh, đứng gió, nhất là sau cơn mưa, không khí hình như đậm đặc hơn . Tiếng nổ nghe lớn hơn, rõ hơn , tràn ngập một vùng không gian rộng lớn. Ban đầu có một tiếng nổ ngừng một lúc tiếng nổ giống như tiếng trước nhưng kề nhau. Mẹ tôi nằm trong giường hỏi vọng ra :

- Súng đâu đó con ?

- Da, tụi gác cầu bắn.

- Bắn chi đó con ?

- Chúng bắn vào vật khả nghi trôi trên sông. Chúng bắn vào những khúc củi mục trôi trên nguồn xuống mà ban đêm từ trên cầu nhìn xuống thấy như người lội . Chúng bắn vào Việt Cộng " làm bè thả chất nổ phá cầu . Cũng có khi chúng bắn cho đỡ buồn ngủ, đỡ sợ, đỡ cô đơn một mình trong đêm. Đôi khi tụi lính bắn vu vơ, chẳng có mục đích nào .

Mẹ tôi không hỏi nữa. Tôi không nghe tiếng nhai trầu, tiếng cựa mình. Tôi biết mẹ đã ngủ. Tôi ngồi đọc sách .

Tôi uống thuốc đọc sách hơn một tiếng đồng hồ rồi mà vẫn chưa thấy buồn ngủ. Đêm đã khuya lắm. Chiếc đồng hồ treo tường hiệu ODO cũ hàng trăm năm reo lên khúc nhạc thời gian quen thuộc buồn buồn rồi chậm rãi đỗ một tiếng. Tôi tự nhủ : Khó ngủ cũng phải đi nằm. Chẳng lẽ không có việc gì lại thức trắng đêm nay hay sao ? Tôi đứng lên toan tắt đèn thì nghe tiếng súng nổ. Chỉ có một tiếng, về phía cầu sắt.

Tôi nghe tiếng mẹ tôi than :

- Nam mô A di đà phật. Nam mô Quán thế âm bồ tát cứu khổ cứu nạn chúng sinh.

Giọng bà não nùng đau thương .

Tôi lên tiếng :

- Má chưa ngủ sao ?

- Chưa.

Rồi má tôi nói :

- Con thắp đèn bàn thờ cho má tụng kinh

Tôi ngạc nhiên vì biết má tôi xưa nay không có thói quen tụng kinh vào cái giờ khuya khoắc này.
Tôi nói :

- Má ngủ đi, khi khác tụng , khuya rồi .

Má tôi nói:

- Tụng kinh cầu siêu cho kịp...

Tôi lại ngạc nhiên hơn. Đêm hôm má tụng kinh cho ai? Má tôi nói :

- Có người vừa về với Phật. Tụng kinh cho người đó siêu thăng tịnh độ.

Không hiểu gì cả, tôi hỏi :

- Tại sao má biết có người vừa chết ?

- Con không nghe có tiếng súng vừa nổ đó hay sao ?

- Tụi lính gác cầu bắn vu vơ. Ấy là chuyện thường .

Má tôi ôn tồn nói :

- Lần này viên đạn trúng vào da thịt người nào đó rồi ...

**

Ngày hôm sau dân chúng trong làng truyền miệng nhau cái tin :" Hồi một giờ khuya một chiến sĩ đặc công lội dọc sông dẫn theo cái bè chuối chất đầy chất nổ. Bè trôi tới gần chân cầu sắt gặp đêm nước ròng vướng cồn cát không trôi nữa. Anh ấy lội ra bị tụi lính trên cầu phát hiện. Nó chỉ bắn một phát. Người chiến sĩ đó hy sinh. Sáng hôm nay nó kéo xác vào để ở chân cầu".

Tôi rùng mình khiếp đảm về sự huyền bí đêm qua. Tại sao mẹ tôi chỉ nghe tiếng súng lại biết được viên đạn trúng người ?

Tôi hỏi, mẹ tôi nói :

- Mẹ nghe bằng cả trái tim .

QÚY THỂ



ĐÁM MA CON CHUỒN CHUỒN

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Tuổi thơ của tôi gắn liền với khu vườn rợp bóng cây xanh trong khu nội thành Huế.

Vào những năm 1960, do đất rộng, dân cư còn thưa thớt nên hầu hết các hộ gia đình ở Thành nội Huế đều có những mảnh vườn rộng bao quanh, với đủ loại cây trái theo mùa.

Ngày ấy, lũ chúng tôi chỉ vừa tuổi học vỡ lòng. Ngày ngày đi học, đến cuối tuần lũ trẻ cả xóm họp lại rong chơi thỏa thích. Việc phải đi học thêm vào ngày nghỉ không hề thấy trong thời ấy mà mọi kiến thức phổ thông thầy cô truyền dạy ở trường vẫn còn in đậm trong ký ức đến hôm nay. Nơi những khu vườn yên ắng ấy đã diễn ra đủ trò chơi của trẻ con. Chơi *bán hàng, ù mọi, ô làng, trốn tìm, tập trận giả* ...mỗi trò chơi có mỗi thú vị và sức lôi cuốn riêng.

Có hôm, sau khi chơi chán chê trò ù mọi với lũ cu Tũn, cu Tèo, Bê chị, Bê em...tôi bỏ chúng, chạy theo một con chuồn chuồn đang bay lượn trên vườn Hồng ở sân trước. Vào lúc chú chuồn vừa đậu xuống cành hoa, tôi rón rén đến, giơ hai ngón tay túm được. Đây là chú chuồn chuồn ngô, có đôi cánh trong suốt, không cuống. Cặp cánh trước hẹp hơn cặp cánh sau. Đôi mắt kép lớn sát nhau, thân bụng dài, bay nhanh.

Do bị túm bất ngờ, Chuồn chuồn phản kháng vung vẫy nhưng tôi đã cố giữ, miệng reo lên như vừa tìm được kho báu. Thế là lũ trẻ ào lại quanh tôi. Mỗi đứa xin tôi cầm chuồn chuồn một tí. Chúng tôi khép đôi cánh chuồn chuồn lại rồi dùng hai ngón cái và trỏ túm chặt.Bị giữ chặt cánh, chuồn chuồn cố vung vẫy các chân và cong người lại, có khi do sơ ý chúng tôi bị nó cắn vào tay đau như bị kim châm. Nhưng quả thật thích. Hôm ấy tôi được lũ nhóc sùng bái như vị anh hùng. Cu Tũn tin vào câu hát dân gian:

Chuồn chuồn cắn rốn
Bốn ngày biết bơi

nên vén áo cho chú chuồn cắn vào rốn để những mong biết bơi vì nghe đâu bố cu cậu dẫn ra sông Hương tập bơi mấy bận mà chưa nên trò trống gì. Chúng tôi giương mắt đứng nhìn phút giây kỳ bí ấy. Chắc là đau lắm dù nó đang cố kìm không khóc.

Mãi chơi với chú chuồn quên cả thời gian. Trời đã nhá nhem tối. Chẳng lẽ cứ cầm mãi chú chuồn chuồn trên tay nên chúng tôi đã bàn nhau tìm cách nuôi chú chuồn. Nó sẽ là của chung cả nhóm nhưng do tôi có công trạng bắt được chú chuồn nên đêm đầu tiên được sở hữu nó. Tôi kéo lũ nhóc về giường ngủ của mình, buông màn xuống, thả con chuồn chuồn vào trong. Cả lũ leo lên giường tiếp tục trò chơi vờn chú chuồn trong màn. Bê em đề nghị cho chuồn uống nước. Một cốc nước lọc được bê vào giường. Tôi túm cánh, chao đầu chuồn vào ly nước. Bê chị lại chạy vào nhà bếp bốc nhúm cơm, nhét một hạt cơm vào miệng. Chú chuồn chỉ vung vẩy chứ chẳng buồn ăn. Đêm ấy chuồn ngủ cùng tôi. Do chạy nhảy suốt ngày mệt nhừ nên tôi ngủ thiếp nhanh. Nửa đêm tôi mơ màng nghe tiếng chuồn chao cánh bay trong màn.

Sáng ngày thức giấc, tôi nhớ ngay đến chú chuồn. Nhìn quanh trong màn không thấy chú đâu. Mãi một lúc tôi mới tìm thấy xác chú cứng đờ rớt ở góc giường. Tôi òa khóc, lao nhanh qua hàng xóm báo hung tin cho lũ bạn.

Cả bầy nhóc đứa nào cũng buồn ủ rủ. Bê em đặt xác chuồn trong lòng bàn tay, mắt rớm rớm, miệng mếu máo: "*Chắc vì tụi tao để chuồn đói bụng và khát nước nên chuồn chết phải không?*"

Tôi tự trách mình đã vô tình làm chết oan chú chuồn nên ra gốc Mít ngồi khóc hu hu sám hối.

Cu Tũn lớn nhất bầy đưa ra ý kiến:

Thôi không khóc chi nữa. Lo làm đám ma cho chuồn thôi."

Ý kiến qủa thật hay. Chúng tôi nhanh tay thực hiện. Cu Tèo chạy về nhà kiếm hộp diêm bằng gỗ thông làm quan tài đặt xác con chuồn chuồn vào, lót thêm lớp giấy pơ luya cắt cọng rơm cho chuồn nằm êm ái. Cu Tũn được phân làm trưởng nam, lấy nhành hoa Ti gôn quấn ngang đầu thay mũ rơm, lấy cán chổi tre làm gậy chống đi thụt lùi phía trước. Tôi làm mụ mấn, lấy chiếc mù xoa xếp chéo buộc trên đầu đi phía sau quan tài. Bê chị nấu cơm trong lon gạo bê theo. Bê em chạy về bếp xin quả trứng luộc. Chỉ một lúc, đám ma con chuồn chuồn trịnh trọng diễn ra trong vườn nhà tôi. Bên gốc cây Vú sữa ở cuối vườn chúng tôi đào một lỗ nhỏ đủ đặt hộp diêm vào rồi vun đất thành nấm mộ nhỏ. Bên trên cắm cây hương thơm, thêm mấy đóa hoa dại trong vườn đặt trên mộ. Cỗ bàn cúng đám có lon cơm, quả trứng, trái ổi chín thơm vừa hái trên cành. Có cả mụ mấn là tôi thỉnh thoảng ré khóc hu hu vì tội làm chết chuồn chuồn...Đang lúc đám ma diễn ra thì mẹ xuất hiện. Tôi sợ mẹ đánh đòn nên lí nhí xin lỗi nhưng mẹ đã dịu dàng bảo:

" *Không sao. Các con thương chú chuồn làm đám ma là tốt. Ngày xưa còn bé mẹ cũng đã từng làm đám ma con dế, con giun... vì đã vô tình làm nó chết*"

***

Lũ chúng tôi đã có trái tim như thế trong thời con trẻ. Biết khóc thương những sinh vật bé bỏng quanh mình.

Còn giờ đây?

Những khu vườn năm xưa dậy vang tiếng con trẻ chơi đùa bị xóa sổ bởi những cao ốc mọc lên như nấm. Nhà nhà giờ chỉ còn khối bê tông với bốn bức tường lạnh lùng. Trong ấy, lũ con trẻ lắm đứa suốt ngày vùi đầu chơi những trò game đầy bạo lực...Và đêm đêm lên mạng lại đọc thấy đầy rẫy chuyện thương tâm: *Những đứa con đành tâm giết cha mẹ; những đứa cháu máu lạnh giết ông bà chỉ vì không vòi được tiền ăn nhậu, cờ bạc; có thanh niên phóng tay đâm chết người tình rồi chặt ra nhiều khúc phi tang; hoặc nhiều thanh niên sát thủ hàng loạt người vô tội để cướp vàng...*Tôi chạnh lòng nhớ đám ma con chuồn chuồn năm xưa.

Nguyện cầu tất cả con trẻ trong cuộc sống này đều có trái tim biết khóc!

HOÀNG THỊ NHƯ HUY



KỶ NIỆM THỜI CON GÁI ...

PHAN

Tôi có người bạn trẻ, anh ta làm nghề chụp hình đám cưới, đám ma, tiệc đầy năm, đầy tháng, tiệc sinh nhật... bên Việt nam. Trước khi được đi xuất cảnh sang định cư tại Hoa Kỳ, anh ta có học một lớp về *Photoshop* ở Câu lạc bộ thanh niên thành phố, anh ta kể cho tôi nghe như vậy. Và tôi có khuyên anh ta còn trẻ thì nên theo học một nghề khác để kiếm sống ở Mỹ sẽ dễ hơn cái nghề chụp ảnh và photoshop...

Nhưng cứ thấy anh ta chắt chiu những đồng lương nhỏ bé để mua những dụng cụ, máy móc của nghề ảnh thì lại quá đắt tiền. Tôi thông cảm được lòng đam mê của anh ta vì khi còn trẻ ở Việt nam, tôi cũng nhịn ăn để mua phim, dụng cụ và hoá chất để rửa ảnh trắng đen thời trước.

Nói gì thì thời nào, ở đâu, nghệ thuật và đời sống cũng cứ kình chống nhau hơn là hợp thuận. Đời sống phải làm lụng cực khổ để có được đồng tiền nhỏ nhoi, trong khi dính tới nghệ thuật thì đồng tiền càng nhỏ nhoi hơn vì cái gì liên quan tới nghệ thuật cũng bán giá trên trời.

Rồi chúng tôi không làm việc chung với nhau được nữa vì công việc làm *business cards, poster, plyer...* không đủ sống. Tôi từ giã công việc ưa thích cũng buồn lắm! Nhưng anh bạn trẻ vẫn hy vọng cơ may như những họa sĩ, nhạc sĩ, ảnh sĩ, từ không tên tuổi bỗng trở nên nổi tiếng và giàu có nhờ một tác phẩm may mắn, làm nên tên tuổi, rồi từ đó lên luôn.

Chúng tôi chỉ còn giữ liên lạc qua điện thư, điện thoại, để khoe nhau bức ảnh ưng ý mà mình vừa chụp được. Có cơ hội gặp nhau thì đi uống cà phê...,

Hôm tôi đi dự buổi tiệc thường niên của Hội Cựu quân nhân ở một nhà hàng. Tình cờ nhìn sang gian khác của nhà hàng rộng lớn, thấy anh bạn trẻ đang hành nghề với một đám cưới của người Việt. Tôi cảm kích lòng tận tụy với nghệ thuật của anh bạn trẻ vì chụp hình đám cưới đâu phải mỗi ngày, thỉnh thoảng mới đi chụp một đám thì làm sao sống, kiếm được bao nhiêu với khách hàng là

Việt nam, trong khi muốn bước chân vô thị trường Mỹ thì phải có đủ thứ ngoài khả năng của một người mới định cư vài năm như bạn tôi.

Tối hôm đó, tôi bấm xong vài tấm ảnh để minh họa cho bài phóng sự địa phương; anh bạn trẻ cũng xong việc bên đám cưới. Chúng tôi đi ăn khuya, trò chuyện, tâm sự... Tôi với anh bạn trẻ gặp nhau, vài câu thăm hỏi bình thường sẽ chóng bay biến để nhường hết thời gian của buổi gặp mặt cho việc trao đổi về nhiếp ảnh, máy móc tân kỳ; những vui-buồn của nghề đầu tư lớn mà thu hoạch nhỏ. Nhưng cả buổi ăn tối hôm đó, anh bạn trẻ của tôi như muốn nói điều gì hơi khó nên ấp úng rồi thôi. Tôi thì không hỏi người khác những câu khó trả lời, nhất là những người mình thân thích. Không ngờ lúc tạm biệt nhau ở bãi đậu xe, anh ta nói:

"Ngày mai, anh xách cái máy ảnh đi với em được không?"

"Độ gì?" Tôi hỏi,

Anh ta ấp úng trả lời,"... có con nhỏ Việt nam, nó mới chỉ nói chuyện với em qua điện thoại chứ chưa gặp mặt. Nó muốn chụp ảnh khoả thân, để kỷ niệm thời con gái trước khi lấy chồng. Nó sắp đám cưới rồi."

"Trời mẹ ơi! Apartment mày ở bị hư máy lạnh rồi sao? Muốn vô nhà đá ở cho mát hả...?"

"Không có đâu! Em tin con nhỏ này là người đàng hoàng. Nó chưa đám cưới mà đã mua nhà. Nó hẹn em đến nhà nó mà..."

"Thôi. Mày cứ đi một mình vậy! Để có gì còn có tao đi thăm nuôi mày..."

"..."

Chúng tôi cười chia tay ngoài bãi đậu xe, chỉ có gió đêm biết chuyện gì. Đường về nhà tôi có cả tiếng lái nên tha hồ suy nghĩ... Tôi nghĩ về cô gái sắp lấy chồng, nghĩa là cỡ tuổi con mình, suy ra mẹ cô ta cũng cỡ tuổi vợ mình. Nhưng thế hệ của vợ tôi và mẹ cô bé thì đánh chết cũng không cởi áo cho ai xem thân thể loã lồ, nói gì tới chuyện còn chụp ảnh làm kỷ niệm.

Thế mà chỉ một thế hệ , tư duy người phụ nữ Việt nam đã xoay 180 độ, hay xoay nửa vòng trái đất thì đúng hơn. Có lẽ cô bé do tiếp thu giáo dục Mỹ, sống với văn hoá và đời sống Mỹ nên không e dè như thế hệ của mẹ cô. Từ suy nghĩ đó, tôi thắc mắc từ đâu cô bé có tư tưởng giữ lại hình ảnh thời con gái trước khi lấy chồng. Điều đó có thể lý giải được phần nào tâm tư của một cô gái Mỹ gốc Việt chăng?

Càng nghĩ về cô bé tôi càng có hứng muốn gặp mặt, hỏi chuyện, để hiểu được phần nào về thế hệ sau mình; và đặc biệt là sự tác động của văn hoá tây phương lên văn hoá đông phương của người Việt tha phương...

Những suy tư khiến tôi nghĩ đến những tấm ảnh đẹp. Chụp ảnh khoả thân bằng cách nào mà người xem ảnh chỉ nghĩ đến giá trị nghệ thuật của tác phẩm; có lẽ cả tôi và anh bạn trẻ đều chưa đủ kinh nghiệm để làm nên nghệ thuật. (Bộ hình kỷ niệm thời con gái của người ta mà làm ăn không ra trò trống gì thì chết chắc. Cái xấu hổ với mình chụp ảnh dở ẹt mới đáng sợ nhất.

Lấn cấn trong đầu chi bằng gởi cho anh bạn trẻ cái tin nhắn, rồi mai tính sau, "Mai gap. O dau, may gio... cho anh biet!"

Bạn tôi cũng chưa ngủ dù trời đã khuya lơ, chắc còn nghĩ chưa ra cách thực hiện bộ ảnh làm nên tên tuổi một tay chụp hình dạo từ trong nước ra hải ngoại. Hắn trả lời nhanh chóng, "He, He... Vay moi la anh em chu! Co phuoc cung huong co hoa cung chiu... Em nay chac dep lam. Noi chuyen cung de thuong..."

Làm tôi đi ngủ cũng dễ thương với tai họa thoáng qua thì trời đã sáng. Chúng tôi gặp nhau ở tiệm phở gần nhà cô bé. Hai anh em ngồi nhâm nhi cà phê để đợi cô bé sẵn sàng thì gọi.

Tôi thấy lòng mình nguội lạnh với đợi chờ. Có lẽ đã lâu không đợi ai trong đời sống một ngày như mọi ngày ở Mỹ - mở mắt ra sáng thứ hai thì nhắm mắt lại đã chiều thứ sáu, từng tuổi đời là

những tờ *paycheck* tiền lương mất hút vào cơm áo gạo tiền ở Mỹ, đến mất khái niệm thời gian và cảm giác đợi chờ, - một cảm giác làm nên hưng phấn, sáng tạo, của nghệ thuật.

Nghĩ đến cô bé, không có gì trong đầu tôi vì chưa gặp bao giờ thì lấy gì để hình dung, suy nghĩ ra những góc ảnh lạ từ tác phẩm bất tử của tạo hoá đã làm nên tên tuổi bao kẻ sĩ đã khai thác được phần nào bí mật của tạo hoá về tác phẩm bất hủ nhất trong vũ trụ.

Trong khi anh bạn tôi cứ than thở, "Mẹ nó! Cực còn hơn đi rước dâu. Hồi em lấy vợ..."

Thế là tôi không đánh mà tự nó khai ra hết cái đám cưới không đụng hàng của nó, vì nó lấy vợ người Miên, qua tới bên Miên rước dâu, làm cho mấy cô gái trong xóm nhỏ của nó nuối tiếc, ngậm ngùi, đã coi thường nó nghèo. Chỉ còn cách chê vợ nó xấu để trả thù thì lại tức vì gái Miên với gái Việt là hai hệ khác nhau, làm sao so sánh để đi đến kết luận là vợ nó xấu (hay đẹp) hơn các cô trong xóm... nghèo còn bày đặt chảnh.

Không khí quán sớm có gì đâu mà nóng, nhưng anh bạn tôi cứ như ngồi trên than hồng. "Trời ơi! Con nhỏ này hôm qua còn nói chắc với em lắm mà. Không lẽ nó cho mình leo cây..."

Tôi nói, "Leo cây thì chắc là không, vì chẳng ai đi nói chơi chuyện này, nhưng đu dây thì có. Gái sắp lấy chồng có quyền xài đồng hồ dây thun. Thôi, chịu khó đu dây chút đi em, cho người ta có thời giờ sửa soạn, trang điểm..."

Điện thoại của nó để trên bàn, cái điện thoại rung lên là mắt nó sáng rực... chộp liền, "Alô. Cindy hả cưng. Trời ơi! Hẹn anh mấy giờ mà giờ này mới dậy..."

Nó làm một hơi như nói chuyện với bạn bè thân quen! Nhưng cơ mặt nó giãn ra - biểu lộ vui vẻ, "Được. Được... Em cũng có hiếu quá ha! Vậy là tốt. Em đối xử với bà nội em làm sao thì sau này cháu nội của em đối xử với em y (chang)...

...Ô-kê. Nửa tiếng nữa anh tới nhà,..."

Nó cúp điện thoại vui vẻ, mặt tươi rói. "Mẹ nó. Em mà chưa có vợ, chắc em cua con nhỏ này quá! Nó nói chuyện hết sức dễ thương. Con gái thời nay mà có hiếu quá chừng luôn! Nó nói em, bà nội nó không khoẻ đêm qua, nên sáng nay nó chở bà nội đi bác sĩ trước, rồi sang nhà nó sau. Chừng nửa tiếng nữa..."

Chúng tôi đến khu nhà khang trang thuộc thành phố Grand Prairie. Còn đang tìm nhà thì có cô gái trẻ tươi cười ngoắc chúng tôi. Cô đón chúng tôi vô căn nhà tươm tất nói lên gia chủ không phải người cẩu thả, càng làm tôi khó hiểu việc cô gọi thợ tới nhà để chụp ảnh khoả thân.

Thấy cô hơi thắc mắc là sao chúng tôi đến tới hai người. Anh bạn trẻ của tôi hiểu ý gia chủ nên mau miệng, "Anh đây là sư phụ của anh. Sáng nay sư phụ rảnh nên mời sư phụ đi uống cà phê và sẵn đi chung để cố vấn thêm cho anh em mình...

Tôi chào gia chủ. Cảm ơn cô đã cho phép tôi có mặt trong buổi chụp hình này.

Cô bé tươi như mấy chậu hoa sớm ngoài sân sau nhà cô. Hai chúng tôi phải lượn một vòng theo cô để xem nhà mới vì lỡ dại miệng khen nhà đẹp nên cô bé khoe hết phòng này sang phòng khác, khoe ra đến sân, vườn, hồ bơi...

Trở vào nhà để vào việc. Cô bé đi pha cà phê, có cả bình trà để mời chú-sư phụ. Tôi cảm ơn cà phê ngon, bình trà chưa uống đã nghe thơm... "Thôi, hai bạn trẻ đi làm việc đi. Có gì cần thì cho hay..."

Tôi ngồi ngoài phòng khách lộng lẫy của căn nhà - cái gì cũng mới. Nhưng nghe lồng lộng tiếng hai đứa cãi nhau trong phòng master,

"Trời ơi. Anh đã dặn là đừng mặc đồ lót từ tối đi ngủ tới sáng cho da không bị giập mấy đường dây thun của đồ lót. Cindy còn đi mặc đồ lót chật ních. Bây giờ mình mảy còn thâm, bầm những lằn dây nịt ngực, mông như bị má đánh còn dấu roi... chụp lên hình ai coi!"

"Chứ sáng nay em phải chở bà nội em đi bác sĩ, không mặc đồ lót mà ra đường cho người ta

cười thúi đầu em hả?"

"Trời ơi! Biết làm sao bây giờ đây trời...! Thôi, em... lấy cái mền quấn người em lại đi. Đi coi tivi một lát cho giãn da mấy đường xấu xí đó rồi tính. Anh đi set-up đèn đuốc của anh. Tại anh tính chụp bằng máy không thôi. Nhưng có sư phụ anh đi chung thì set-up đèn phông cho nó đẹp ảnh..."

"..."

Thiệt tình! Hết nói nổi hai người bạn trẻ này. Họ gặp nhau lần đầu theo hợp đồng, mà cứ như hai người bạn đã quen biết từ lâu. Có nhiều người Việt chọn phương châm sống ở Mỹ là không làm ăn, giao thiệp, (giao du) với người Việt. Phải như họ thấy bạn tôi đang làm ăn với đồng hương trong cái tình cùng ngôn ngữ thì biết đâu những người kỳ thị tổ tiên ấy sẽ đổi ý!

Tôi nhớ lại đôi lần cùng đi với thằng quỷ này, những bạn ảnh khác để chụp ảnh khoả thân cho mấy cô gái Mỹ. Họ có vẻ chuyên nghiệp lắm - là: Thợ tới thì họ đưa *SD card* cho thợ bỏ vô máy liền. Mấy thợ thì họ đưa mỗi người một cái. Nói theo anh bạn trẻ của tôi là mấy cô Mỹ mình mảy láng o, họ chỉ mặc áo ngủ rộng thùng thình, không đồ lót, cho da không bị giập lằn nào hết, có cô chỉ quấn hờ cái khăn lông ngang lưng, để ngực trần vì họ đã đánh phấn lên hai gò ngực. Họ trang điểm sẵn. Chụp kiểu gì, ở đâu trong nhà..., họ đã tính trước. Nên một, hoặc hai, ba máy thợ cứ di chuyển theo người mẫu mà bấm máy. Họ tạo dáng thế nào không cần thợ cố vấn vì họ có kinh nghiệm khai thác và thể hiện những ưu điểm trên thân thể họ...

Có khi hai, ba cô chụp chung, khi chụp riêng từng người... hoàn toàn họ chủ động. Có khi có cả một, hai người thanh niên vạm vỡ - cũng được trang điểm sẵn để làm *background* cho họ.

Chúng tôi bấm máy vừa theo yêu cầu của người mẫu, vừa theo con mắt nghệ thuật riêng của từng thợ. Hoàn toàn tự do bấm máy những góc cạnh, góc độ không được người mẫu yêu cầu. Hứng thú nhất trong những buổi chụp hình khoả thân là "bắn lén" vì thường được những tấm ảnh lạ về góc độ, ánh sáng, đặc biệt là vẻ tự nhiên của người mẫu; những tấm ảnh mà cả thợ và người mẫu đều tự hào về mình...

Làm việc với Mỹ rất sướng là tự do thi triển tài năng của mình. Khi xong việc là tính giờ, trả SD card cho khách hàng là lấy tiền, cuốn gói càng nhanh càng tốt. Nhất là những chuyến ngao du sơn thủy để chụp ảnh khoả thân với thiên nhiên càng hứng thú (dù sợ cảnh sát bắt thấy mồ). Những chuyến chơi dại hơn cần tiền ấy trở thành kỷ niệm lạ lùng trong đời những tay thợ không chuyên (*amatour*). Cứ nhớ lại cái xe lăn bánh trên đường như bao cái xe khác. Nhưng trong xe có cô gái Mỹ hoàn hảo về thể hình, người không mảnh vải che thân, cô ấy quấn cái khăn qua vai hờ hững để che mắt những xe khác. (Nhưng đủ bằng chứng để cảnh sát còng đầu, tống vô tù tên lái xe với mấy tên thợ chụp hình về tội bắt cóc.)

Rồi bất chợt ngang cây cầu xe lửa cũ kỹ, cô đơn-riêng một góc trời. Người lái dừng đột ngột, cô gái nhanh chân bước lên cầu xe lửa, trút cái khăn quàng, gởi hương cho gió, làm loài cỏ cây hoang dại bừng mắt ngây ngô, loài ma quái ngu si hiện hồn vào mấy tay thợ chụp hình như ma nhập, thành những gã thợ săn - bắn. bắn... và bắn... bặc bặc bặc chừng ba bốn tấm ảnh là dông lẹ.

Lên xe bình an đã mừng, nhưng chuyến đi phập phồng còn chưa lắng nhịp hồi hộp trong tim. Nhưng kìa, thanh đường ray gỉ đã trăm năm còn đang ngạt thở với mỹ nữ đột ngột xuất hiện như tiên giáng trần; đám đá xanh dưới chân kiều nữ đã ngước mặt nhìn đời (trời) mấy triệu năm, để hôm nay gặp được cánh đồng chết vì cô gái tóc vàng nên cỏ hạ cũng vàng hoe như cháy nắng-đá nói lời vô ngôn. Cánh hoa vàng mọc lên từ gỗ mục để làm nữ hoàng của sắt gỉ, đá thô, và gió trời phiêu lãng trên cây cầu xe lửa hoang vu, như cũng ghen tỵ với nhũ hoa nở nụ mặt trời... Đó là những gì thấy được trong những tấm ảnh đột kích cầu xe lửa.

Có khi là căn nhà hoang xiêu vẹo, đổ nát trên đường về những vùng đồng quê, khi là cái máy cày cũ mục trên cánh đồng bắp gặp hên được lên ảnh với mỹ nữ, trước khi thành sắt phế liệu; có cả ông cao bồi Texas từ thời còn cỡi ngựa, không biết ông chết vì đấu súng hay chiến tranh Mỹ-Mễ xa xưa. Mỹ nữ khoả thân trườn mình trên mộ ông làm cho tay cao bồi dưới mộ huýt gió ngu ngơ, ôi lãng du quay về điêu tàn... chứ đâu phải gió xoáy đặc trưng ở những vùng đồng cỏ ở Texas.

Những chuyến ham vui hơn cần tiền khi ngồi nghĩ lại mới thấy cái dại có thần che chở, bịt mắt cảnh sát để không gặp rắc rối. Ông thần Phó (Phó nhòm sư tổ) che chở đàn con đi bắn tỉa, bắn sẻ, bắn lén, bắn mướn..., nhưng nhờ vậy mới có được những tấm ảnh được xem một lần là nhớ trăm năm trong cõi người ta...

Và thường là các cô gái Mỹ rất biết tạo dáng nên tay chụp hình đỡ cực. Các cô lại trả tiền công thợ rất xộp. Có lần tôi hỏi một thanh niên làm background cho các cô, "họ chụp làm chi quá nhiều hình...?" Anh ta trố mắt nhìn tôi, "Anh không biết hả! Chỉ một tấm lọt vô lịch hay tạp chí khoả thân là đủ xài cả năm. Thậm chí vừa mắt ông triệu phú, tỷ phú nào thì còn hơn trúng số độc đắc..."

Thì ra!

Tôi còn đang nhớ về những cô gái Mỹ, suy nghĩ sang đến cái độ chụp hình khoả thân cho cô gái Việt hôm nay thật lạ lùng. Một cô bé thật dễ thương, tôi tin cô ấy rất ngoan, hiền trong gia đình và mọi người; một cô bé chắc chắn có giáo dục gia đình vì lời ăn tiếng nói rất lễ phép. Một người còn rất trẻ đã ngăn nắp trong nhà, sạch sẽ ra tới ngõ, cho thấy trình độ cũng không thấp... Sao lại mướn thợ về nhà để chụp ảnh khoả thân - làm gì? Không lẽ cô này cũng gởi ảnh cho những tạp chí khoả thân để mong chờ phép lạ; sự may mắn gõ cửa - trao cho cô ông thần tài!

Không ngờ Cindy quấn chăn như con sâu làm tổ, gieo mình xuống sofa để trò chuyện với tôi,

"Chú là sư phụ anh Ty thật hả?"

"Ty nói chơi thôi. Chú với Ty là bạn làm chung cho một người chuyên nhận làm danh thiếp thương mại, poster, plyer, ticket ca nhạc, vé đại nhạc hội... làm về *graphic design*. Còn nghề ảnh thì cùng ham thích nên ưa trò chuyện với nhau về chụp hình...."

"Vậy chú có nhận chụp hình đám cưới, đám tiệc không?"

"Không. Chú đi làm hãng. Chụp hình chỉ là chơi thôi..."

"... nhưng anh Ty gọi chú là sư phụ. Chắc chú chụp hình đẹp lắm..."

"Đã nói, là nói chơi thôi mà..."

"Vậy, hôm nay chú có chụp hình cho cháu không?"

"Không. Chú chỉ đi chơi với Ty. Hình như nó thấy lạ, về việc cháu là người Việt đầu tiên thuê thợ chụp ảnh khoả thân nên nó rủ chú theo cho biết. Còn trước đây thì chú với Ty và những bạn ảnh khác nữa, đi chụp ảnh khoả thân cho mấy cô gái Mỹ là chuyện thường..."

"Vậy hả chú! Sao chú không làm nghề chụp hình mà đi làm hãng chi cho cực. Chụp hình nhẹ nhàng hơn, vui nữa..."

"Cháu là người thấy mình trong ảnh: trẻ, đẹp, cười tươi... thì cháu vui thích. Còn người bấm máy cho cháu bức ảnh đẹp đó thì nhức đầu lắm! Vì phải nghĩ nát óc cho ra cách khác lạ, không khác lạ độc đáo được thì cũng đừng xoàng xĩnh. Cái nhức đầu nhất của người cầm máy là không hiểu người mẫu muốn thế nào? Nhưng người mẫu cho quyền quyết định thì lại không diễn tả được ý mình - làm sao cho người mẫu hiểu ý mà tạo dáng...

Dĩ nhiên là sướng rơn khi cầm máy mà người mẫu hiểu ý mình. Bấm không biết mỏi tay..."

"Thích quá chú ha! Cháu chưa từng nghĩ đến việc chụp ảnh lại khó đến như vậy! Cháu chỉ nghĩ là máy thợ mắc tiền nên hình ảnh có phẩm chất tốt hơn. Thợ có kinh nghiệm thì chỉ cho người chụp ảnh những tư thế đẹp, hay dễ đẹp hơn người không kinh nghiệm..."

"Chuyện nghệ thuật thì bao la, mỗi người lại có khiếu thẩm mỹ khác nhau, nói tới đâu cho cùng được. Nhiều khi, cháu thích nhất tấm ảnh mà người thợ chụp hình cho cháu muốn xoá bỏ vì anh ta không ưng, chụp rồi anh ta mới nhìn ra những yếu kém về chuyên môn trong bức ảnh... Nghệ thuật là vậy, chỉ có điều chú muốn hỏi, cháu không tiện trả lời thì thôi, không sao, chú không miễn cưỡng cháu trả lời..."

"Chú nói ghe,"

"Cháu chụp bộ ảnh này, thuê thợ về nhà chụp cho đàng hoàng. Cháu... dự thi cái gì vậy? Không lẽ để chơi thôi?"

"...Đúng là để chơi thôi chú! Chuyện dài dòng của cháu không phải không kể được, tại nó dài dòng quá thôi! Nhưng sao chú hỏi vậy? Đâu nhất thiết chụp ảnh là đi dự thi, mà lại là ảnh khoả thân..."

"Cháu thật thông minh. Có điều, chú nghĩ cháu cỡ tuổi con của chú. Suy ra mẹ cháu cũng cỡ tuổi với vợ chú. Thế hệ mới chỉ trước thế hệ cháu một thế hệ, nhưng chuyện chụp một tấm ảnh khoả thân đối với họ là điều không thể - vì nhiều lý do. Nhưng đến đời con của họ thì chỉ còn một lý do - là có thể.

Chú hiểu tại sao vợ chú và mẹ cháu không thể. Nhưng chú lại nghĩ không ra tại sao đối với đời con của họ (như cháu đây) thì có thể."

Cháu có nghe mẹ cháu nói về quan hệ với bạn trai, người yêu, thời mẹ cháu. Cháu cũng thấy nhiều điều hay lắm! Nhưng xã hội đó khác với xã hội cháu sống bây giờ. Ví dụ như người bạn trai nào đã đến nhà - xin phép ông bà ngoại để đưa mẹ cháu đi chơi một buổi - thì người ấy đã gần như, (có đến 90%) sẽ trở thành con rể của ông bà ngoại. Trong khi cháu qua đây từ hồi lớp ba, lớn lên với bạn bè Mỹ, nên thằng bạn Mỹ, hay Việt tới nhà xin phép ba mẹ cháu để chở cháu đi chơi một bữa. Có thể là đi với đông bạn bè, hay hai đứa đi với nhau thôi... Sự khác là cháu với thằng bạn chỉ là bạn, nó là bạn cháu. Nó đến xin phép để chở cháu đi chơi là hành động cho thấy nó là người đàng hoàng, không có gì nói lên nó là người yêu của cháu hết. Cháu cũng đàng hoàng đi chơi với bạn cháu, cháu đâu có nói với ai nó là người yêu của cháu, người sẽ làm đám cưới với cháu trong tương lai đâu..."

"... nghĩa là ngoài người bạn trai đặc biệt (hay còn gọi là người yêu) thì cháu có nhiều bạn trai bình thường, có thể rủ nhau đi ăn, đi chơi..."

"Dạ đúng."

"Nói chuyện với cháu có lý! Chú hỏi thêm câu nữa được không?"

"Dạ được?"

"Có nhiều trò để chơi cho cả con trai hay con gái. Sao cháu là con gái, lại chọn việc chụp ảnh khoả thân để chơi?"

"Chú giống ba cháu quá! Giống y chang luôn. Hễ coi băng ca nhạc Thúy Nga là ba cháu bỏ vô phòng... Không cấm ai coi, nhưng ba không coi. Chắc chú cũng thích cỡ... cô Khánh Ly, cô Thanh Thúy... muôn đời áo dài tới đất, phải không?"

"Chú đã xác nhận, và cảm phục sự thông minh của cháu. Chú nói thêm là cháu rất khéo dẫn người đối thoại sang chủ đề khác. Nhưng chú... là ba cháu - vì giống y chang mà!..."

Cười.

Chú muốn biết để hiểu con cái hơn thôi, sao cháu lại có ý định (là tư tưởng) dẫn tới quyết định (là hiện thực tư tưởng của mình) và cuối cùng là hành động (là thực hiện) một ý tưởng khá đặc biệt đối với một người con gái Việt. Có phải cháu đã nói là cháu qua Mỹ năm học lớp ba, tức cháu mới chín, hay mười tuổi. Cháu không sợ điều bất lợi cho cháu như tai tiếng chẳng hạn..."

"...Ừm... chú hỏi khó quá! Cháu nghĩ cha mẹ sinh ra mình. Nhưng thân thể là của riêng mình. Một thân thể cháu thương yêu, tự chăm sóc từ khi có ý thức. Vì sự riêng tư của thân thể cháu với

tất cả nên nó có sự… cháu không biết nói làm sao!"

"Ý cháu muốn nói tới cái linh hồn riêng của thân thể cháu?"

"Dạ đúng. Cháu còn có một ý nghĩ nữa. Nhưng cháu không biết nói ra bằng tiếng Việt…"

"Vậy, cháu kể một dẫn chứng. Chú tìm từ tiếng Việt cho…"

"Chuyện dài dòng…, Đến chú là người khéo khơi chuyện hơn cả cháu biết tránh né…"

"Ty nó còn ra xe lấy vài cái đèn nữa. Set-up đèn background cũng không nhanh đâu. Cháu cứ từ từ nói. Chú lập lại là không miễn cưỡng…"

"…chuyện của cháu là chừng mười năm trước. Chị cháu lấy chồng. Năm đó cháu mới đi đại học năm thứ nhất thôi. Cháu bận học, bận rộn đi làm thêm… Cháu về nhà để dự đám cưới chị. Nhà đông bà con ở xa về, nên nhường phòng của cháu cho khách. Cháu sang ngủ phòng chị cái đêm cuối cùng chị còn ở nhà; có thêm người chị họ nữa. Ba chị em gái ở chung phòng, cháu ngồi ở góc giường, mày mò đọc cách sử dụng cái máy chụp hình cháu mới mua. Hai chị thay quần áo hết bộ này sang bộ khác, soi gương, bình phẩm với nhau…

Đến một trong những cái áo mà cô dâu ngày mai sẽ mặc, người chị họ cháu nói với cháu, "mày xem có phải chị mày mặc cái áo này không phải là không hợp. Nhưng nó cứ sao sao ấy…?"

Cháu thật sự thấy nó chả có sao hết! Nhưng chị họ của cháu là người sành về ăn mặc. Cuối cùng chị ấy nói với chị gái của cháu là do cái áo ngực không phù hợp, làm cho cái áo dạ tiệc không đứng, cứ như mặc áo khính. Nhưng khi chị gái cháu thay cái áo ngực, không biết mệt quá, hay chị nghĩ gì… chị vắt cái áo ngực qua vai, gục mặt xuống cái bàn viết nhỏ trong phòng. Và khóc. Cháu ngồi bên giường, đưa máy ảnh lên bấm cái rụp. -Cháu cũng không biết mình nghĩ gì mà đi chụp bức ảnh đó.

Chị gái cháu thì bảo "*delete* ngay cho tao." Nhưng chị họ xem qua thì lại bảo giữ lại, tấm ảnh đẹp.

Cháu là người không biết gì về ảnh, lại lần đầu tiên trong đời đi mua cái máy ảnh với hơn một trăm đồng là lớn lắm với cháu lúc đó. Cháu tháo cái sim ra, vì cái đó chỉ chứa được hai mươi ảnh, họ bán theo máy mà. Thay cái chứa được nhiều ảnh vào để mai chụp đám cưới.

Cháu cất giữ bức ảnh khoả thân của chị gái cháu tới quên luôn. Nhưng một hôm (cả năm sau) chị chợt nhớ ra và hỏi cháu. May sao cháu tìm được trong học tủ. Chị không nói lý do tìm lại hình ảnh xưa, nhưng đưa về cho anh rể cháu xem.

Rồi một hôm khác, anh rể cháu mời cháu sang nhà anh chị, đãi cháu một bữa thịnh soạn để trả công cho dì chụp được bức ảnh đẹp nhất trên đời. Anh dẫn cháu vô phòng ngủ của anh chị cháu, chỉ cho cháu xem tấm ảnh mình chụp đã được rọi lớn lên… đến quá lớn. Nhưng đẹp thật. Anh rể cháu rọi ảnh trắng-đen chứ không rọi ảnh màu. Hình ảnh thiếu nữ vắt cái áo ngực qua vai thì cái áo ngực mờ thôi, nhìn thì biết ngực trần nhưng mờ ảo, gương mặt cũng không rõ, chỉ lọn tóc ngẫu nhiên vắt qua hốc mắt đen (do ánh sáng) lại rõ, đặc biệt là giọt nước mắt rơi (trong khoảng không ngắn ngủi từ mắt chị cháu xuống mặt bàn viết đâu có bao nhiêu). Sao cháu lại chụp đúng lúc giọt nước mắt bơ vơ trong khoảng không ngắn ngủi, nó phản chiếu ánh đèn của máy chụp hình, nên nhìn như cánh sao rơi trên nền ảnh không rõ, không mờ… màu đen làm chủ nền ảnh. Cháu không biết tả hết, chỉ biết thích tấm ảnh đó từ lần đầu tiên cháu đứng xem…"

"Đó là khoảnh khắc nghệ thuật của nhiếp ảnh. Sự ngẫu nhiên trong nghệ thuật rất lạ lùng. Lạ lùng đến mức người nghệ sĩ chỉ giải thích được một câu ngắn ngủi là: tôi may mắn. Cháu làm chú nhớ đến bức ảnh 'tấm thẻ bài' của một nhiếp ảnh gia quân đội. Hiện chú treo bức đó trong phòng làm việc của chú ở nhà. Bức ảnh đoạt giải ảnh nghệ thuật quốc tế đã có khoảng 50 năm trước. Người thầy của chú có tâm sự về bức ảnh đó cho chú nghe. Nhưng là chuyện bí mật nhà nghề…

Và cháu cũng đã ru được chú cỡi ngựa xem hoa đủ rồi! Trở lại câu hỏi của chú đi Cindy. Please!"

"Thì ra chú là người dứt khoát không từ bỏ ý định của mình."

"Nếu miễn cưỡng thì thôi. Chú xin lỗi!"

"...chú nói tới cái linh hồn riêng của thân thể mình. Cháu rất thích câu đó. Nhưng điều cháu vẫn nghĩ tới lại khác hơn. Bởi tấm ảnh đó in vào đầu óc, vào trí nhớ cháu đến cháu nhắm mắt lại là thấy được tấm ảnh của chị cháu. Nhưng 5 năm, rồi lâu hơn... chị cháu vẫn gầy người như xưa; vẫn có đôi lần thay áo trong phòng cháu. Cháu nghĩ chị cháu là người khác chứ không phải người chị mà cháu đã chụp hình khi xưa, có cái gì đó thật gần gũi với cháu thì cháu hiểu là tình chị em, ăn chung, ngủ chung. Nhưng chị cháu là người khác... so với tấm ảnh."

"À! Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều... cháu biết câu thơ đó của Nguyễn Bính không? '*Hôm qua em đi tỉnh về/ hương đồng gió nội bay đi ít nhiều'.* Cô gái quê ra tỉnh một lần thôi mà hương đồng gió nội đã bay đi ít nhiều, huống chi là đi lấy chồng. Nếu chú may mắn thì chú đoán đúng điều cháu muốn nói tới, điều cháu nghĩ là cái hương trinh của thiếu nữ. Từ một sự trinh nguyên của đất trời tạo hoá, sau sự chung đụng với một thân thể khác lạ đến âm-dương là đàn ông với đàn bà. Người con gái vẫn còn hình hài cha sanh mẹ đẻ. Nhưng ngọc ngà trinh nữ đã tan theo hạnh phúc lứa đôi... Ở đời không bao giờ được cả đâu cháu ạ! Được cái này phải mất cái khác..." Cháu hiểu rồi! Cảm ơn chú. Nhưng. Vậy chú cũng hiểu tại sao cháu muốn chụp ảnh khoả thân trước khi lấy chồng!"

"... chưa bao giờ chú trò chuyện lâu với một người bạn trẻ như cháu. Cảm ơn cháu nhiều."

Tiếng hai người bạn trẻ vọng ra từ phòng master những câu trao đổi của họ. Những câu ngắn mà bật lên tiếng cười dài của họ thật vui, "em đừng nhìn vô máy, sượng ảnh lắm!" ; "ờ, ờ... như vậy nha... relax, relax..."; "Trời ơi! Cái mặt em đừng có ngầu hình sự như công an..."; "đúng rồi đó. Đúng rồi đó... làm lại một lần. Cúi xuống nhặt cây lược lên, nhưng tóc phải bỏ qua vai bên kia trước, chứ không nó che hết hai cái mả mẹ anh rồi, còn gì nữa để chụp..."

Tiếng cười của Cindy như vỡ bình hoa trong master bathroom...

Chừng nửa tiếng sau họ trở ra phòng khách. Bạn tôi nhễ nhãi mồ hôi, cô gái bơ phờ nhưng hí hửng bỏ sim vào laptop. Người con gái quê tôi sau hai mươi năm sống trên nước Mỹ, ngồi ngang vai với hai người đàn ông để bình phẩm về thân thể mình. Là điều không có cuộc bỏ phiếu bằng chân .... thì văn hoá Việt nam vẫn bưng bít trong lũy tre làng với những giáo điều.

Nhưng văn minh tây phương và sự hội nhập này đi về đâu. Hôm nay tôi ngồi giải thích với Cindy về hương trinh - là điều cô gái Mỹ gốc Việt còn cảm nhận. Nhưng sự cảm nhận yếu ớt theo nắng chiều nhạt phai ngoài khung cửa. Rồi cô bé có cái tên Mỹ nhưng còn họ Việt này suốt thời con gái sẽ mất luôn cái họ sau khi lấy chồng. Nếu là chồng Mỹ thì cô gái Việt đã mất luôn cội nguồn...

Nước Mỹ bao la nhiều năm nữa, có cô gái mắt đen sao tóc vàng. Cô truy tìm nguồn gốc của mình trong thinh lặng mà tưởng tượng ra bà ngoại của cô là cô gái di dân từ Việt nam. Nhưng đâu có sự tưởng tượng nào chính xác. Nên Cindy để lại cho con cháu mảnh vai trần nuột nà của bà ngoại là người Việt nam với lọn tóc đen nhung, bờ ngực ngọt ngào mỹ thuật hơn hai bầu bơ sữa xứ này... Những tấm ảnh đã ố màu thời gian cũng chưa chắc bước qua được định kiến cổ hủ của dân tộc tôi. Nhưng ủng hộ hay chống đối Cindy hôm nay là điều còn làm tôi khắc khoải vì cái vòng kim cô trên đầu tôi do người đời trước tròng vào nhưng không ai tháo ra cho - như tôi tháo cho Cindy những trăn trở chỉ vì thiếu tiếng mẹ đẻ trong vốn từ vựng nghèo nàn của trẻ nhỏ di dân. Không chừng chính Cindy mới là người tháo gỡ cho tôi vòng kim cô định kiến, những băn khoăn về sự hội nhập...

PHAN



CUỘC PHỎNG VẤN

ĐÀM LAN

Đây là cuộc phỏng vấn của một phóng viên với một nhà văn. Nhưng đãng trí thế nào, phóng viên quên béng bút danh của nhà văn. Bản thảo lại mơ màng đánh đu bên lưng chừng bàn giấy, một bàn tay tò mò lật ra, vậy nhà văn nào thấy mình trong cuộc phỏng vấn này thì tự điền tên vào nhé.

PV: Xin chào nhà văn. Rất vui khi được tiếp chuyện cùng nhà văn hôm nay. Và lời đầu tiên xin chúc nhà văn sức khoẻ, niềm vui và sự may mắn.

NV: Vâng, xin cảm ơn những lời chúc của bạn, và cũng thật may vì có lẽ hôm nay tôi được trao đổi với bạn những điều thú vị.

PV: Dạ vâng. Không phải là có lẽ mà hy vọng là thế ạ. Câu đầu tiên xin được hỏi nhà văn rằng nguyên cớ nào để nhà văn chọn con đường chinh phục độc giả?

NV: Nguyên cớ ư? Theo tôi thì để đi vào một công việc gì đó thường là do khả năng tự nhiên chủ động dẫn dắt, việc viết văn là một minh chứng rõ nhất cho điều này. Bởi ý muốn, sự ham thích, khả năng tư duy và chuyển tải, không phải từ bên ngoài cấy cắm được vào, mà phải bắt nguồn từ chính khả năng nội tại, có đầu tư đào tạo hay bồi dưỡng thì cũng chỉ là sự phù trợ. Nói tóm lại phải có cái gọi là thiên tư hay tố chất tự nhiên từ chính mình.

PV: Có câu " Nhà văn đi tìm danh tiếng", vậy xin nhà văn cho biết cảm nghĩ về sự nổi tiếng?

NV: Trước hết tôi muốn nói theo quan điểm của cá nhân tôi, rằng nhà văn thực sự thì không phải đi tìm danh tiếng, mà sự nổi tiếng, nếu có, là được nhiều người biết đến qua những tác phẩm của mình. Tuy nhiên, sự nổi tiếng là con dao hai lưỡi. Nếu nổi tiếng bằng tài năng thật sự thì cũng không tránh khỏi những lời xảo nghị bởi lòng đố kỵ, ganh tị, vì dư luận luôn hoài nghi sự thành công của một người, để thuyết phục được lòng tin của họ là điều không tưởng. Còn nếu nổi tiếng bởi sự vay mượn hay lên gân chốc lát, lại càng là điều tệ hại hơn. Mặt trái của vấn đề thường đem lại cho đương sự những phiền toái, rầy rà và mệt mỏi. Tôi rất sợ khi tuổi còn trẻ nhỡ viết cái gì đó tạm gọi là được được, và nhận những ngôn ngữ hào phóng của công luận, thì đó rất dễ trở thành một cái hố sâu.

PV: Nói vậy thì nhà văn không mong muốn mình là người nổi tiếng?

NV: Nói một cách chân thực thì không phải là không mong. Bất kỳ ai trên đời cũng đều muốn được nhiều người biết đến mình qua thành quả của sự lao động, những người làm nghệ thuật lại càng mong muốn nhiều hơn. Không chỉ bởi sự thoả mãn tính hư vinh, mà còn có cảm giác vui sướng vì mình đã đóng góp được một phần hữu ích vào cuộc sống. Và sự hữu ích ấy sẽ cấp số nhân nếu số lượng thụ hưởng không chỉ bó hẹp trong một phạm vi. Vì vậy, nếu ai đó bảo rằng "tôi không cần sự nổi tiếng" thì hoàn toàn không thật lòng. Chỉ có điều nên biết xử sự thế nào với sự nổi tiếng ấy.

PV: Nếu nói rằng sự nổi tiếng là được nhiều người biết đến, vậy nhà văn có nghĩ mình nhanh chân không so với một số khác?

NV: Phải nói ngay là tôi chưa từng nghĩ mình được nhiều người biết đến, có chăng là đâu đó trong những cuộc bạn bè, may ra chợt ai nhắc đến một cái tên. Hơn nữa, tôi không phải là người thích chạy nhanh, mà có thích chắc cũng không chạy được, vì văn chương không phải là một cuộc

điền kinh việt dã, nên đúng hơn là cho đến giờ phút này, tôi vẫn chưa là người nổi tiếng. Việc tác phẩm của mình được một số ít bạn bè và độc giả yêu mến, cũng chỉ có thể gọi là một niềm vui và là động lực cho tôi đi tiếp con đường phía trước. Thế đã là tốt lắm rồi. Vả lại, nên hiểu thế nào là sự nhanh chân?

PV: Ồ, hình như vừa có sự đổi vai. Vậy nhà văn nghĩ gì về một số cây viết trẻ đã sớm được công luận chú ý?

NV: Bạn rất thông minh khi biến một câu trả lời thành một câu hỏi. Vậy tôi có thể nói về vấn đề bạn vừa nêu thế này nhé. Đã có câu "tài không đợi tuổi". Người trẻ nhưng có những tư duy vượt trội, những biểu hiện xuất sắc, những thành quả cụ thể có sức thuyết phục, được sự chú ý và đề cao của công luận là điều đáng mừng. Nhưng chính sự hào phóng của công luận, với những từ ngữ tán thưởng quá mức lại trở thành một cơn gió to. Cơn gió to này ban đầu thì có vẻ cất người trẻ lên cao, làm người trẻ thấy mình bay bổng, lâng lâng hạnh phúc, nhưng cũng chính là lúc người trẻ rơi vào trạng thái mất trọng lượng, lơ lơ lửng lửng, và rồi khi đôi chân không đứng vững trên mặt đất, thí chính cơn gió to ấy sẽ làm người trẻ nghiêng ngả ngã dúi dụi, sưng trán vều môi, và đầy thương tích khi va vập phải những chướng ngại. Đó là sự thật của một số người trẻ chìm mất tăm, hoặc trở thành một loại kênh kiệu ngạo mạn dở hơi lố bịch, sau một thời làm tâm điểm của công luận. Đó là nói về một số trường hợp có tí tài, một số khác thì trở thành nạn nhân gần như ngay lập tức từ những chiêu thức lăng xê vì nhiều mục đích, mà phần lớn là sự vay mượn hay gán đặt. Số này thì hiểm họa cao hơn rất nhiều lần, cay đắng hơn là chỉ vì muốn nổi tiếng bằng mọi giá trong nhất thời mà đánh rơi cả một cuộc đời đẹp đẽ. Những sự nổi tiếng đó, với tôi thật là vô giá trị.

PV: Có vẻ như nhà văn không quá nhiều tham vọng với sự nghiệp của mình?

NV: Không hẳn. Chỉ là tham vọng theo ý nghĩa nào thôi. Bởi tham vọng trong lĩnh vực này một cách quá lố có thể đồng nghĩa với sự ảo tưởng. Mà ảo tưởng là điều hết sức tối kỵ với người làm nghệ thuật. Nếu tôi viết mà không có tham vọng đến với độc giả thì tôi viết để làm gì. Nên tham vọng của tôi chỉ là được đưa những điều tâm niệm của mình đến với nhiều người, và trong chừng mực nào đó, góp thêm chút phần tham kiến đã là tốt lắm rồi.

PV: Xin phép nhà văn, chúng ta chuyển sang một đề tài khác nhé. Nhà văn nghĩ gì về cái gọi là cũ-mới trong văn học hiện nay?

NV: Sự đổi mới luôn là sự cần thiết trong tất cả mọi lĩnh vực. Có đổi mới, có sáng tạo, có đột phá thì mới có phát triển. Thế nhưng có điều nên lưu ý một chút rằng: mọi sự đổi mới đều mang tính thử nghiệm, và khi sự thử nghiệm được trải qua một thời gian thẩm sát tính hiệu quả tích cực của nó vào đời sống, thì sự đổi mới đó mới nên được công nhận. Không ít những cuộc thử nghiệm thất bại, để lại những hệ luỵ đáng kể, khi người ta ào ào chạy theo phong trào chỉ với một ý nghĩ vội vã rằng mình là người tiên phong, là người hiện đại, là người dũng cảm, lôi kéo không ít những thanh thiếu niên chưa đủ trí lực để phân định dở hay. Không những bản thân người đó tự chuốc lấy những hậu quả, mà còn gieo hiểm họa cho nhiều người. Trong lĩnh vực văn chương thì tính hệ luỵ của nó sẽ lâu dài, bởi trong một chừng mực nào đó thì người viết sách được xã hội xem như một thành phần trí thức, là người dẫn đường, nên vô hình chung một số độc giả ngộ nhận thang giá trị trong văn phẩm ấy, dẫn đến những góc nhìn và hành xử lệch lạc. Chưa hết, khi những người trẻ đang độ cao trào ấy, thì sự tự thị của họ là vô cùng, họ bác bỏ hết những giá trị được xây dựng từ hàng trăm có khi là hàng nghìn năm, chỉ thừa nhận giá trị mà bản thân họ đề ra. Đó là một sự ngông cuồng đến ngu xuẩn.

PV: Có vẻ như nhà văn đang rất bức xúc trước một hiện trạng?

NV: Không bức xúc làm sao được, khi bên cạnh những người trẻ ngông cuồng ấy cũng lại có một số tên tuổi đàn anh hô hào ủng hộ, phong cho cặp từ "dám nói", là vì trong thời của họ, hoặc trong vốn liếng của họ, họ không tìm được những từ vựng thích hợp cho sự diễn trải những vấn đề, hoặc họ bị đóng khung trong một phạm vi chuẩn mực nào đó, nên khi họ thấy có những người nói ra những điều mà họ bức ách bấy lâu, thì họ lấy làm thỏa mãn. Chính những người này lại càng làm hỏng thêm, méo mó thêm những giá trị văn hóa, tạo thành một xu hướng văn chương của một thời đoạn, và họ gọi đó là đổi mới, là hiện đại. Thực sự ra, những cái mà họ cho là đổi mới ấy nó đã xuất hiện đây đó trước nhiều năm rồi, và nó cũng đã bị đào thải khi quá trình song hành cùng cuộc sống dần không còn chỗ đứng. Hoặc đâu đó trên thế giới đã đào nhẫn đến tận cùng sâu thẳm vấn đề rồi, giờ họ mới xới lại, mà xới lại một cách thô thiển, rồi tự cho là mình tài giỏi. Bởi dù có thế thời nào, thì các vấn đề chính của đời sống con người cũng bấy nhiêu thôi, có

khác chăng là cái cách nó diễn ra và một số nảy sinh theo từng hình thức của mỗi thời đoạn. Vì vậy, với quan điểm của tôi, không có mới, không có cũ, chỉ là có nói lên được điều gì tốt đẹp không thôi.

PV: Có phải vì thế mà nhà văn chọn cho mình một văn phong khá khác biệt?

NV: Thực ra không thể nói có sự chọn lựa ở đây. Tôi nghĩ "tư tưởng nào thì phong cách ấy". Trong tư duy của bạn đã có sẵn một định hướng con đường bạn sẽ tiếp bước. Trong mọi lĩnh vực đều như thế, trong việc viết lách này lại càng phải là như thế. Bạn sẽ không viết ra nếu bạn không suy tư trăn trở chiêm ngẫm về đề tài bằng chính góc nhìn của bạn, và cách diễn trải lại càng không thể vay mượn, bạn phải nói ra bằng một cách tự nhiên nhất mà bạn có thể. Và đó là cái người ta gọi là văn phong, thể cách, là cái mà người ta có thể nhận diện người viết mà chưa cần nhìn đến bút danh.

PV: Xin hỏi nhà văn một câu hỏi khá nhạy cảm.

NV: Sẽ không là nhạy cảm nếu người ta không cố tình tránh né.

PV: Vâng, đúng là như vậy. Có nghĩa nhà văn sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi cho dù ở góc độ nào? lĩnh vực nào?

NV: Tất nhiên. Chỉ cần trong phạm vi của khả năng tôi.

PV: Vâng. Vậy hình như nhà văn không mấy quan tâm đến giải thưởng? Vì sao ạ?

NV: Đây đúng là một câu hỏi hơi nhạy cảm một chút rồi. Nhưng không sao. Thật ra, nói không quan tâm thì cũng không đúng, bởi bất kỳ công việc nào đều được sự đánh giá năng lực và giá trị hữu ích thông qua các giải thưởng. Ở những lĩnh vực khác, sản phẩm có hình khối sắc màu cụ thể, có tính công dụng rõ rệt thì sự đánh giá dễ chính xác hơn. Còn trong lĩnh vực nghệ thuật, thì phần lớn người ta thẩm định theo cảm quan cá nhân là chính, thang bậc thì tùy vào phạm vi rộng hẹp của cảm quan ấy. Và như thế thì độ tin cậy và chuẩn xác của giá trị một tác phẩm gần như hoàn toàn không có cơ sở định lượng.

PV: Nhưng khi thẩm xét giải thưởng thì luôn có một hội đồng, không chỉ một vài cá nhân, nếu nói vậy thì những giải thưởng đều có vấn đề cả sao?

NV: Tôi không có ý nói như thế, điều tôi muốn dẫn giải chính là vì không có cơ sở định lượng căn cốt, mà sự thẩm định nhiều khi không thể công bằng một cách đầy thuyết phục. Nếu không phải vậy thì hãy nhìn vào các giải thưởng mà xem, nếu nó đủ độ thuyết phục thì làm gì còn có dư luận đa chiều như thế. Mà nói thật, chê vẫn nhiều hơn khen. Nên với tôi, giải thưởng thật sự có giá trị là ở công chúng. Một tác phẩm bao giờ đối tượng phục vụ của nó cũng là cộng đồng, nên nếu nó được tiếp nhận một cách rộng rãi thì đó đã có thể xem như một giải thưởng. Mặt khác, yêu cầu chuyên sâu của tác phẩm thì hẳn cần phải có sự thẩm định bậc cao, song với quan niệm riêng của mình, tôi không cho đó là điều quan trọng. Bởi không ít những tác phẩm được lưu truyền qua nhiều thế hệ nhưng đương thời của nó thì gần như không được nói đến nhiều, có khi còn bị công kích, đánh đập lên bờ xuống ruộng nữa. Vậy nên giải thưởng có hay không cũng không nói lên được điều gì cả.

PV: Vâng, vậy ta bỏ qua chuyện giải thưởng, xin hỏi nhà văn một câu nữa cũng không kém phần nhạy cảm.

NV: Ồ, hình như bạn cố tình dồn tôi vào chỗ khó thì phải.

PV: Không, không đâu ạ. Cũng như nhà văn đã nói: sẽ không là nhạy cảm nếu người ta không tránh né. Vậy xin nhà văn cho biết: có thông tin là nhà văn với một trình độ văn hoá khá khiêm tốn, vậy có trở ngại gì cho công việc của nhà văn không ạ?

NV: "Trình độ văn hoá". Ý bạn muốn nói...

PV: Dạ, là nói về học lực.

NV: Thế thì trước khi trả lời câu hỏi chính, tôi xin đưa ra quan điểm của mình về cụm từ này đã nhé. Theo tôi, nếu nói về học lực, thì phải dùng cụm từ "trình độ học vấn" mới chính xác. Vì cái gọi là "văn hoá" đó là cách sống xử của con người với đời sống chung quanh mình. Và tôi nghĩ "**Trình độ không đồng nghĩa với bằng cấp, và bằng cấp lại càng không đồng nghĩa với văn hóa**".

PV: Ồ nhà văn nói rất chính xác. Xin cảm ơn nhà văn, tôi sẽ rút kinh nghiệm cho những trường hợp sau ạ.

NV: Hơi ngoài lề một chút, nhưng tôi muốn nói thêm rằng: trong sự phong phú của kho tàng ngôn ngữ Việt, người ta luôn sử dụng nó một cách tùy tiện có khi là thái quá và bất cập, có thể nói một cách cụ thể là người Việt nhưng chưa chắc ai cũng hiểu và dùng cho chính xác ngữ nghĩa tiếng Việt, vì vậy mà rất nhiều khi những ý nghĩa, tính chất của các khái niệm thường chung chung

và mập mờ, dẫn đến cách hiểu đa chiều, và nói thật, rất nhiều người khá khôn ngoan trong việc chơi chữ này. Bây giờ tôi sẽ trả lời vào câu hỏi chính của bạn. "Trình độ học vấn khiêm tốn". Chính xác. So với phạm vi của "bằng cấp" thì tôi chỉ là kẻ đứng ngoài bờ rào mà ngó vào. Nhưng không phải cứ đến trường thì mới gọi là học. Bằng cấp chưa chắc đã biểu thị đúng cái gọi là sự hiểu biết tương ứng với bằng cấp ấy. Nhiều khi bằng cấp còn phản chủ đến tội nghiệp. Có rất nhiều cách cho con người ta thu nạp kiến thức. Với tính đặc thù công việc của mình, thì sự tích lũy của tôi trên rất nhiều phương diện, rất trực quan qua đời sống hàng ngày. Rồi bằng vào khả năng tư duy tự nhiên của mình mà tôi có được một chút hiểu biết tàm tạm để sống và làm việc. Vì vậy mà cái sự học của tôi sẽ không có điểm dừng, cho dù không đạt được yêu cầu của xã hội về mặt bằng cấp, thì trong một phạm vi nào đó tôi cũng đã có được chút vốn liếng rất thiết thực.

PV: Hình như nhà văn rất tự tin vào chính mình?

NV: Không phải là hình như mà chính xác là tôi rất tự tin. Nhưng không tự tin đến mức chủ quan và ảo tưởng. Có câu "Phải biết mình là ai chứ". Đúng. Trong đời quan trọng nhất là "phải biết mình là ai"? những ưu khuyết của bản thân, khả năng và tham vọng cũng phải tương đồng, không ai có thể vững vàng bước chân mình nếu chưa đi đã chạy.

PV: Vâng. Một câu hỏi nữa: nhà văn quan niệm thế nào là Hạnh Phúc ạ?

NV: Hạnh phúc là một cảm giác vui sướng khi người ta đạt được một mong cầu nào đó. Hình như đã từ rất lâu, người ta quen gói ghém ý nghĩa của hai từ Hạnh Phúc chỉ trong phạm vi hôn nhân, tình cảm gia đình, và người ta chỉ mải miết theo đuổi những định hình hạnh phúc to tát hoặc chưa dễ có được ngay, mà không hề biết rằng vẫn luôn có những niềm vui nho nhỏ mà hiện hữu bên ta hàng ngày. Thêm nữa là mỗi người có một hoặc nhiều ước nguyện khác nhau, trên nhiều lĩnh vực khác nhau, và khi đạt được một mong mỏi nào đó người ta gọi đó là hạnh phúc. Vì vậy mà giá trị của cặp từ Hạnh Phúc không có một định chuẩn, nên có rất nhiều người xét trong một phạm vi tương đối họ thực sự đang nắm giữ hạnh phúc trong tay, nhưng nếu được hỏi, họ vẫn cho rằng họ đang đau khổ chứ không sung sướng như người ta tưởng, để rồi một ngày nào đó, một nguyên do nào đó, họ vấp phải sự mất mát thì họ mới chợt hiểu ra. Bởi vậy mà thông thường ta vẫn phải nghe những tiếng thở than phiền muộn, càng nhiều tham vọng lại càng ít thấy mình hạnh phúc.

PV: Nói vậy là những người sống đơn giản là những người hạnh phúc.

NV: Không tuyệt đối nhưng có thể tạm cho là như vậy, khi biết hài lòng, biết sự giới hạn của cuộc sống, biết những gì có thể và không có thể với mình, thì người ta có một tâm thế an nhiên tự tại, dễ chịu, và đó thật sự là một niềm hạnh phúc lâu dài.

PV: Thật là nhẹ nhõm, mong sao mỗi người đều có thể tìm thấy hạnh phúc theo cách mà nhà văn đã nói. Cuộc trò chuyện của chúng ta đã khá dài. Vậy xin nhà văn trả lời cho một câu hỏi cuối cùng. Nhà văn có ý định thay đổi hoàn cảnh sống của mình không ạ? nếu có thì khi nào ạ?

NV: (cười một cách thoải mái) Hình như đây là một câu hỏi không thể thiếu trong các cuộc phỏng vấn. Có vẻ câu hỏi trước đóng vai trò môi giới cho câu hỏi này thì phải. Tôi chắc câu trả lời của mình sẽ không được xuôi tai nhiều người cho lắm. Nhưng tôi không thể nói khác với quan điểm của mình. Theo tôi, mỗi người có một sự thích nghi với mỗi hoàn cảnh sống khác nhau. Không có một mô hình chuẩn cho cuộc sống. Chỉ là đa số hay thiểu số. Và cũng như mọi vấn đề, luôn luôn có tính hai mặt. Quan trọng là người ta thấy thoải mái, vui vẻ, bằng an với chính mình mà không gây thiệt hại gì cho những người chung quanh là được. Độc thân không có nghĩa là cô đơn hay bất hạnh, và hôn nhân cũng không có nghĩa đã thật sự hạnh phúc. Bởi nếu hôn nhân là hạnh phúc thì tại sao người ta lại ly hôn nhiều đến thế? Tôi muốn là một kẻ rong chơi chứ không muốn trói mình đằng sau một cánh cửa, để rồi thấy cuộc đời mình cứ lẳng lặng chìm đi mỗi ngày. Có một số người bảo đó là cách sống ích kỷ, tôi không nghĩ thế. Cuộc sống, suy cho cùng chỉ là để con người ta đáp ứng nhu cầu của bản thân. Vì vậy, tôi cho rằng hãy sống với những gì mình mong ước chứ đừng nên sống trên môi người, để rồi cuối cùng chỉ thấy mình là một thứ robot không hơn. Như thế thì phí quá.

PV: Rất cảm ơn nhà văn về buổi trò chuyện này. Xin chúc nhà văn sức khỏe và sự bình an, và xin hẹn gặp lại nhà văn trong một dịp khác.

ĐÀM LAN



AI XUÔI THIÊN LÝ CÙNG TÔI

VŨ KIÊM NINH

Từ Hà Nội, đi xuôi về phía Nam trên con đường 1A cổ kính, xưa gọi là đường thiên lý, con đường của Quang Trung tiến quân ra Bắc, cũng là con đường sĩ tử Bắc Hà vào kinh dự thi Tam trường.

Xưa đi trên con đường đó là đi bộ, đi xe ngựa kéo, hoặc ngồi xe tay do người kéo. Nay trên con đường đó, đủ loại xe cơ giới cùng đi

Ngày 28 Tết Giáp Ngọ tôi đi về phía Nam, con đường thiên lý đông đặc người và xe cơ giới. Đủ lọa xe và người các tỉnh đều có mặt tại đây, ta có thể biết họ thuộc tỉnh nào khi nhìn các biển số xa. Đó là xe máy mang biển số xe 18(Nam Định), 34(Hưng yên), 35(Ninh Bình), 36(Thanh Hóa), 37(Nghệ An)... hối hả đưa chủ nhân xuôi thiên lý về quê. Hiếm có xe nào đi đơn, mà các xe đều đi kép: đôi bạn, đôi nhân tình, cùng nhau về thăm quê nên hành trang đầy đủ lắm. Xe nào cũng chở theo các ba lô, túi khóa căng phồng. Thi thoảng gặp xe chở đôi vợ chồng trẻ cùng đứa con ủ ấm trong chăn được cô vợ ôm chặt trong tay. Hạnh phúc của cả gia đình trông vào tay lái và sự tinh tế của anh chồng. Tất cả đang hăm hở về quê ăn Tết với biết bao tâm sự của kẻ xa nhà.

Cùng đi về phía Nam với họ, tôi lại mang một tâm trạng khác. Từ khi tình cờ trông thấy chiếc cổng làng cố nép bên đường cao tốc, tôi mang trong lòng một mối tương tư. Đã không biết thì thôi, còn đã biết mặt thì tìm mọi cách đến với nhau, hiểu được nỗi niềm riêng của nhau, cho nên hôm nay dù đã 28 Tết rồi, tôi vẫn cất công tìm kiếm cái bong thoáng qua.

Đây rồi. Đi qua cái chợ "đầu mối" Liên Phương nơi người ta duy ý dựng nên nhưng không có người vào buôn bán, dãy ki ốt trống huơ trống hoác cỏ dại mọc lên qua vết nứt trên tường. Tôi đi tới đầu làng và gặp cổng làng Bạch Liên. Đúng là cánh cổng đã gập, giờ đã hiển hiện trước mắt, chắc nịch là rộng rãi đang để tôi chụp ảnh từng góc độ.

Khác với các cổng làng cổ xưa thường có lân chầu phượng múa trên nóc cổng và hàng hàng câu đối chữ hán để lại lời răn dạy của tiền nhân cho con cháu, cổng làng Bạch Liên chỉ có hai cụm từ Hán Việt: Bạch Liên Thôn(phía trên) và làng Bạch Liên(phía dưới). Phải chăng đó là chiếc cổng được xây quãng thời gian đầu thế kỷ XX khi Hán tự không được sử dụng nữa?

Làng Bạch Liên có con đường làng tráng xi măng cát vàng, rộng và phẳng chạy suốt chiều dài. Không biết có phải vì giáp Tết hay các gia đình đang lo công việc sinh nhai mà đường vắng bong người đi lại. Qua mỗi nhà, chỉ thấy cây đào nở hoa rực rỡ trong vườn mà chẳng thấy bong ai. Tìm hỏi mãi cho đến lúc tôi may mắn được một ông chủ nhà niềm nở tiếp khách, chỉ cho biết tại giữa làng có Nhà Tổ thờ ông Tổ nghề làm bút lông mèo(bút viết chữ Nho ngày xưa). Thật là quá đỗi may mắn, tôi lập tức đi vào giữa làng, quả nhiên ở đó có một ngôi nhà thờ Tổ mang kiến trúc đời Nguyễn với ba cửa vòm và mái dật cấp, có dòng chữ Bạch Bút Từ đắp trước mai. Tìm đến nhà cụ thủ từ Lê Đăng Ngạn 79 tuổi vừa lúc hai vợ chồng già đang bày mâm trưa. Thấy có khách từ xa đến, bà vợ chủ động dừng bữa, để ông cụ dễ dàng tiếp khách. Thật là quý hóa, quê ta ở đâu cũng vậy, trọng khách đường xa lắm.

Dẫn tôi ra nhờ thờ Tổ, ông cụ vừa đi vừa kể chuyện: Làng tôi xưa có tên là Bạch Hoa, năm vua Thiệu Trị lên ngôi kiêng tên húy hoàng tộc nên đổi tên là Bạch Liên. Xưa dân làng có nghề làm bút lông mèo- loại bút nho để nho sinh học tập văn thư hàng ngày. Nhà thờ Tổ nghề của làng tôi xây nên đã lâu. Không ai nhớ năm xây dựng ông ạ. Trước kia, chúng tôi có đủ bằng sắc thần tích sự tích của Ngài để trong một cái ống quyển sơn son thếp vàng, đến những năm kháng chiến, lấy miếu của Ngài làm trụ sở, làng tôi phải chuyển hương án, bài vị ra để ngoài chùa... Đến năm hòa bình thắng lợi, khi rước Ngài về Miếu cũ thì hồ sơ thần tích đã bị mất hết. Chúng tôi là lớp hậu sinh không ai biết tên Ngài để mà làm lễ, chỉ nhớ ngày giỗ hàng năm là 25 tháng 11 thôi.

Miếu Tổ, là một ngôi nhà có kiến trúc kiểu nhà thờ họ đời Nguyễn thường gặp ở nông thôn, có mái nhà dật cấp thành hai mái. Ba cửa vòm để rộng Chính giữa nhà có khám thờ sơn son thếp vàng, trong khám thờ có tượng một lão nhân ngồi xếp bằng, Ngài đội mũ kim quan, mặt to, tai dài, ba chòm râu bạc phơ phất, tay phải vuốt râu, tay trái đặt trên gối trái, bàn chân trái đặt trên bàn chân phải trong tư thế ngồi thiền. Trên nóc khám thờ treo bức hoành đề là "Hàn Mặc Hương".

Gian bên trái cũng bày một khám thờ nhờ. Ông cụ cho biết: trước đây thờ khám này ở gian giữa, bởi trong lòng khám có bức tranh thờ của Ngài. Sau đó làng tôi căn cứ bức tranh mà

tạc nên pho tượng lớn để dân làng và khách thập phương chiêm ngưỡng, trên đỉnh khám cũng treo tấm hoành phi đề ba chữ "Huệ Vu Dân".

Như vậy là sau phong ba bão táp, nay Ngài đã về chốn cũ, tuy nhà còn đó, nhưng đồ thờ tan tác khắp nơi. Một số câu đối được dân cung tiến treo trong Nhà thờ, đọc nội dung không nói về nghề nghiệp cũ, chỉ là ca ngợi:

Thảo cố đỉnh tân thủy nhiêu hoa hoàn thiên cổ tích
(?) hưng phong thịnh nhân khang vật phụ vạn niên xuân
Vân hạ đình tiền phong cảnh sơn hà đô xuất sắc
Tinh thần lâu hạc y quan lễ nhạc cộng hoan hân

Cụ Ngạn chỉ cho tôi biết bài thơ của người dân trong thôn ca ngợi nghề xưa:

Tương truyền đất Bạch quê tôi
Bút lông nổi tiếng một thời xa xưa
Nho gia, tiến sĩ, cung vua
Văn thơ, thư pháp đều mua bút về
Bạch Hoa một vùng chợ quê
Khắp nơi ca ngợi đất nghề bút lông
Bút lông sản xuất thủ công
Lụa cau, ống trúc, quấn lông phết hồ
Chải đi, chải lại hong khô
Lông mèo thu góp xếp bồ chất bao
Nhà nhà tấp nập khách vào
Kẻ buôn người bán xôn xao một vùng

Nhớ về nghiệp Tổ bút lông
Bạch Liên xây miếu ghi công tổ nghề
Trầm hương ngát tỏa vùng quê
Ghi sâu ơn đức Tổ nghề Bút Lông

Tạm biệt Bạch Liên với bao nỗi niềm tôi trở về Hà Nội hỏi các cụ cao tuổi, ai cũng cho biết năm xưa bút lông mèo có bán trên phố Hàng Điếu và phố Hàng Bút, rồi sau đó vắng dần

Tôi lang thang trên phố "Các ông đồ" ngắm nhìn quang cảnh "xin chữ và cho chữ" ở đây. Đó là hè phố Văn Miếu dựa lưng vào bờ tường Quốc Tử Giám, nơi đây các ông đồ góp tiền thuê người chế tác một kiểu lều di động để sáng trưng lên. Mỗi ông có một khoảng không gian, trong khoảng không đó, ông đồ trải chiếu hoa, bày văn phòng tứ bảo, dán treo các tờ giấy đỏ có viết sẵn

mấy chữ đại tự Phúc, Lộc, Thọ để chiều khách.

Dù là một bên hè nhưng do khéo thu xếp, các ông dành chỗ cho khách tham quan và để xe máy, xe đạp. Người khách đến đây dắt xe lên hè, khóa xe cẩn thận rồi tha hồ tản bộ ngắm các ông đồ gò lưng trên chiếu tác nghiệp. Bây giờ các ông không đơn lẻ như năm xưa có mặt trong thơ của Vũ Đình Liên "Mỗi năm hoa đào nở- Lại thấy ông đồ già- Bày mực tàu giấy bản- Bên phố đông người qua", đông khách lắm. Có người đến thuê viết, cũng có nhiều tay máy lăm le chộp lấy cái thần thái của người viết. Lại có đám khách du lịch người nước ngoài cũng lượn qua chỉ trỏ nói với nhau. Hình như họ chưa đọc bài thơ Ông Đồ của Vũ Đình Liên nên chưa thấy cái không khí văn hóa nơi đây.

Trước kia, ông Đồ lẻ loi "Bên phố đông người qua", nay ở "Phố ông Đồ" có hàng trăm ông và đủ lứa tuổi. Ai cũng muốn thử sức, nhưng chỉ có khan giả là người công bằng chấm điểm nên có hàng đông khách, có hàng vắng khách Đoạn đường vắn hiến này kéo dài từ Nhà Thái học tới giáp đường Quốc Tử Giám với một dãy lều sát nhau, trong đó các ông Đồ áo dài khăn xếp đang thi thố tài năng trước sự chứng kiến của khán giả. Cũng như năm xưa, nữ sĩ Hồ Xuân Hương xuất hiện để "dạy đời làm thơ" thì ở đây tôi đã gặp một cô đồ tóc uốn, mắt xanh, áo dài thêu hoa đang viết những đại tự Hiếu, Ân, Trung Nghĩa, Nhân Duyên ban phát cho đời.

Bên bờ Hồ Văn cũng có một dãy lều do ai đó dựng bên trong hàng rào, làm cho khách vãng lai có cảm giác đó là một cái trại. Tôi đã đến đó quan sát thấy ở đây mọi người ra vào đều có sự kiểm soát. Dắt xe vào đã có hai chàng bảo vệ mặt lạnh ngồi trước cửa thu tiền gửi xe, trong khi đó hàng dãy lều không có khách, không có chữ và không có ông Đồ ngồi đợi. Năng chiêu chang chang như để cho mọi người biết được cái quang cảnh "Vườn các ông Đồ" nơi mà người ta muốn ép cả dãy phố ông Đồ với mọi sự tự do vào trại.

Trở lại dãy phố "Các ông Đồ" bây giờ viết thư pháp có nhiều kiểu lắm có người viết đại tự chữ Hán, cũng có "anh Đồ" viết thư pháp Việt ngữ tha hồ múa bút. Ai cũng ra vẻ uyên bác và sẵn sang biện luận sự đời.

Tôi hỏi một ông Đồ:

- Ông cho biết đang dùng loại bút nào?

- Tôi dùng bút Trung Quốc. Bút ấy viết tốt.

- Không có bút Trung Quốc thì ta có sản xuất được bút không?

- Cái đó thì khó, xưa nay chưa nghe ai nói đến bút Nho của ta làm ra!

Có ai cùng tôi đi xuôi thiên lý tìm đến Bạch Liên thắp nén tâm hương tưởng nhớ cụ Tổ nghề đã giúp cho biết bao nho sinh từ thuở tóc còn để chỏm đi học chữ Thánh Hiền cho đến lúc thành ông Tiến sĩ vinh quy bái tổ?

VŨ KIÊM NINH



THANH GƯƠM BÁU

XUÂN THÔNG

Cách đây hàng vạn năm, loài người đã sinh ra nhiều thói hư tật xấu. Vua quan hiếp dân, kẻ mạnh hiếp yếu. Những người có của chèn ép đe nẹt kẻ nghèo. Trộm cắp nổi lên như rươi. Các đảng hoành hành khắp mọi nơi. Dân tình điêu đứng cơ cực... Ngọc hoàng muốn cứu người trần thế, nên ban xuống một thanh gươm, tháng ngày chờ đợi một nghĩa sĩ cứu nạn phò nguy.

Lưỡi gươm ấy được cắm trên đỉnh núi cao chín tầng. Ánh thép chói ngời hào quang. Hễ ánh thép chiếu về phía nào, thì người ở hướng đó bị rơi đầu, sứt trán. Không muốn để thanh gươm báu rơi vào tay cường bạo sát nhân, lừa thầy phản bạn, Ngọc hoàng tạo ra xung quanh chân núi hai dòng nước chảy ngược, và những con sóng đá gà. Sóng cuộn ngầu quanh chân núi chao lắc dữ dội. Những cái gì rơi xuống đó, đều bị hai dòng nước xoay tròn, cuốn hút xuống đáy. Trên bờ dòng nước là một cánh rừng già âm u, tán cây che kín đất. Dưới gốc cây, lá rung ủ dày. Dưới lớp lá đó, lúc nhúc những loài rắn, rết rất to, có thể cắn chết voi, nuốt cả trâu, ngựa. Phía ngoài cùng còn là một ổ hùm beo, gấu, báo... ngày đêm gầm hú rợn người. Ngọc hoàng còn thả bay trên mặt nước ngầu đục một loài chim cực kỳ to lớn, có cái mỏ rất khoẻ và mười móng chân nhọn như móc câu. Thế mà vẫn có nhiều vua chúa muốn chiếm thanh gươm để tăng thêm quyền thế. Càng có lắm kẻ bạo ngược, những tên tướng cướp muốn đoạt thanh gươm để chế ngự bè đảng, trấn áp người lành. Tất nhiên bọn chúng đều bỏ xác trước trảng rừng âm u. Bao nhiêu xương trắng phơi ngoài cửa rừng, sau khi làm mồi cho hổ, báo.

Bấy giờ có một chàng trai ở đợ chăn dê cho tên quan đầu triều. Bầy dê đông ngót nghìn con, không thể chăn chung với ai, nên anh phải thả riêng trong trảng rừng thưa và ngày đêm ở đó một mình để canh giữ. Một hôm có một lũ cướp đến cướp nữa đàn dê, đuổi vào rừng để dành ăn thịt.

Anh chăn dê hết sức van nài, xin lũ chúng bắt ít dê thôi, để mình đỡ phải bồi thường. Tên đầu đảng cướp rút gươm ra doạ :

-Dê của chủ nhà mày, chớ của mày đâu mà sợ thiệt ?

-Ông nói đúng. Dê của chủ chớ không phải của tôi. Nhưng tôi để mất, thì chủ bắt thường !

-Mày nói thêm một câu, tao chém. Về bảo chủ mày : có muốn đòi lại dê thì ra đây !

Anh chăn dê chạy miết về báo tin cho chủ. Tên quan đầu triều chẳng những không thương người đầy tớ chết hụt mà còn trói anh lại, căng ra đánh đòn :

-Ai bảo mày để dê tao cho lũ cướp bắt ?

-Thưa ông, không ai bảo cả. Giá lúc đó có ông ở đó thì ông cũng chẳng làm gì được họ. Và... nếu bây giờ ông cần đến đó, thì tôi dẫn đi.

Tên quan đầu triều sợ rụt cổ, nhưng vẫn trâng tráo :

-Tao dại gì đến đó cho chết uổng mạng. Nhưng mày để mất dê của tao thì mày phải thường

Hắn sai gia nhân bưng ghế, đem nước ra uống, để tính số dê người đầy tớ phải thường. Trước khi làm việc đó, tên quan thâm độc còn tìm cách buộc người đầy tớ phải nhân thường dê cho nó là việc đúng. Hắn hỏi, giọng tĩnh khô :

-Mày ở chăn dê cho nhà tao đã ba năm rồi phải không ?

-Dạ phải ! Hơn ba năm...

-Ờ... những tháng lẻ đó, tao chưa kể. Lúc mày mới đến ở, đàn dê của tao chỉ có một trăm con, phải không ?

Dạ, cũng đúng. Dê mỗi năm đẻ hai lần, mỗi lần hai con. Một dê cái nhà ông mỗi năm đẻ bốn trăm dê con. Đẻ ngót bốn năm là một ngàn hai trăm. Ông đã bán hết dê đực, còn hơn một ngàn. Ấy là chưa kể dê con đẻ dê... cháu !

Đúng đúng. Mày nói thật đúng ! Vậy bây giờ tao bắt mày thường số dê mày công nhận đúng thôi. Năm trăm dê cái để mất, mỗi năm đẻ hai ngàn dê con, hai năm : bốn ngàn, ba năm : sáu ngàn... Mày thường số đó cho tao. Còn cái khoản... dê con đẻ dê... cháu thì tao cho mày. Kể ra thì mày ở cho nhà tao cũng lâu rồi !

Người đầy tớ chết ngất vì số dê ngồn ngộn mà tên quan đã tính. Những lời nài nỉ của anh đều vô ích.

Anh đầy tớ này vốn là một người chí thủ làm ăn, đã có vợ, có một đứa con trai, trong nhà cũng có mươi nái dê. Trước hết, tên quan bắt nợ mười con dê của anh, bắt vợ anh vào quét chuồng ngựa. Thế là trong chốc lát, gia đình nhỏ bé của anh chàng trai kia tan nát vì bọn cướp đường và tên quan khốn khiếp. Người đầy tớ tội nghiệp kia phải đem đứa con trai ba tuổi trở lại chăn dê cho tên quan đầu triều đình. Ngày ngày, hai cha con theo đàn dê vào rừng vắng. Đêm cùng ngủ trong lềugiữ dê quạnh hiu. Bưa cơm chia hai. Biết mình bị ức hiếp mà chẳng thể làm gì được. Một ngày kia, vào mùa nắng, vũng khô, suối cũng khô, cha con anh đuổi dê ra sông cho uống nước. Khúc sông chỗ này có một xoáy nước. Nước xoáy vào bờ tạo thành một vực thẳm. Bên cạnh đó là một cây to, có bóng râm. Trong khi đàn dê uống nước, anh dắt con trai đến bóng cây, ngồi ăn cơm trưa. Bông chỗ bờ sông lõm đỗ sụp xuống nước. Một tảng đá ở đó rơi theo. Anh chăn dê ngồi uể oải nhai cơm nguội, thấy dưới sông chỗ đất lở sủi lân mấy bọt tăm. Anh đã ăn gần hết bưa cơm, mà bọt tăm chỗ đó còn sủi mãi. Thấy lạ anh lội xuống mò thử. Tay anh đụng phải một con qui (rùa), bị tảng đá trên bờ sông lăn xuống, đè bẹp. Anh moi bùn kéo con qui lên. Con qui chỉ bằng bàn tay mà những năm sắc: yếm trắng, mai xanh, chân vàng, cổ đỏ, trên đầu có một viền đen như người đội khăn xếp. Toan thân con qui mềm nhũn như trứng gà đẻ non, mà trong suốt, nhìn thấy cả tim, gan, ruột, phổi. Thậy là một con vật ít thấy trong đời. nó đang thoi thóp vì bị ngợp nước và bị đá đè bẹp một chân. Trông thấy chân con qui bị què, anh nhai trầu thuốc quấn lại cho nó. Nhân có một con dê cái đẻ dọc đường, anh vắt luôn một ít sữa dê đổ vào mồm con qui đang thoi thóp. Bấy giờ đứa con trai anh nhớ mẹ và có ý đồi con qui làm đồ chơi. Anh thủ thỉ bảo con:

-Con nhớ mẹ, chắc nó cũng nhớ mẹ. Thôi... con nhịn chơi để nó về với mẹ nó.

Một ngày nữa trôi qua. Đàn dê vẫn đến uống nước bên khúc sông. Cha con anh lại vào bóng cây ngồi mát. Một lũ cướp khác bỗng hiện ra. Lần này chúng không bắt dê của anh, mà đuổi không biết từ đâu đến một bầy rất đông vừa trâu bò, vừa dê ngựa. Chẳng hiểu sao đến đây lũ cướp thay đổi ý định. Chúng chỉ cưỡi ngựa đi, rồi gọi anh chăn dê lại cho tấc cả trâu bò dê. Anh chăn dê cám ơn chúng và từ chối không nhận. Tên đầu đảng ngạc nhiên, hỏi:

-Tại sao chẳng mất tí công nào mà mày không lấy?

Anh chăn dê bình thản trả lời:

-Nếu tôi nhận của ong thì nhiều gia đình khác phải tan nát. Ông có lòng tốt, hãy đem những con vật này trả lại cho chủ của nó

Lũ cướp cười nhạt rồi bỏ đi. Liền theo đó, trên bờ sông, chỗ xoáy nước, hiện ra một người, đầu đội khăn đen, cổ quàng khăn đỏ, áo xanh, quần trắng, đi hia vàng... dáng thanh thoát như thần tiên. Người ấy chào cha con anh chăn dê rồi hỏi:

-Anh không nhớ ta chăng?

-Tôi chưa gặp ông lần nào!

-Hôm qua... cha con anh bắt được con qui?

-Việc đó thì có, con ông thì tôi chưa được gặp!

-Ta là con trai Ngọc Hoàng, ta đang trên đường đi thiên sứ...

Anh chăn dê sợ hãi nằm úp xuống bãi cát, mồm lẩm nhẩm khấn vái. Vị thiên sứ đỡ anh dậy:

-Chính ta phải sợ anh, chứ việc gì anh phải sợ ta? Ta là người mang ơn. Anh là người cứu mạng. Ta đến để đền ơn anh cứu sống đây.

Thì ra con qui hôm qua chính là con trai Ngọc Hoàng được thiên đình cử làm thiên sứ xuống thăm lại thanh gươm. Gặp lúc trời nóng , thiên sứ hoá thành con qui, xuống sông tắm, Chẳng may bờ sông lở, nên bị đá đè và được chàng chăn dê cứu sông. Vì bị đau chân, nên thiên sứ về trời tìm thuốc tiên để chữa, hôm nay mới xuống đón người cứu mình để trả ơn. Trước khi làm việc đó, thiên sứ ngẫu nhiên trông thấy chàng chăn dê không nhận trâu dê... của toán cướp cho, thà để mình chịu tan nát nhà cửa, chứ không để người khác tan nả nhà cửa như mình. Thiên sứ nói với chàng chăn dê:

-Trước khi trở lại đây, ta chỉ có ý định đền ơn anh cứu sông. Nhưng khi gặp lại, thấy anh nhân đức hơn người, nên ta mách anh điều bí ẩn của thiên đình. Hàng nghìn năm nay, thân phụ ta ban xuống trần gian một thanh gươm báu. Ai được thanh gươm ấy sẽ đủ sức diệt trừ kẻ hung bạo, dẹp loạn phò nguy: Người nhân nghĩa đức độ như anh, đáng được thiên đình giao cho việc ấy.

Chàng chăn dê có lòng tử tâm, nhưng cũng chỉ là người lam lũ làm ăn. Nay nghe nói chuyện " dẹp loạn phò nguy ", " diệt trừ hung bạo ", lòng vừa thích nhưng cũng rất sợ. Con trai Ngọc hoàng an ủi chàng, giúp chàng có thêm can đảm và lòng tin. Nhưng nếu chỉ để riêng chàng đi làm việc đó thì cũng lẻ loi đơn độc, nên bằng lòng cho đứa con trai chàng cùng theo giúp sức. Con trai Ngọc hoàng cho hai cha con chàng hai viên thuốc. Uống xong, tự nhiên hai cha con thấy mình có dư ý muốn ngăn sông lấp biển. Người cha đến gốc cây thử sức. Chàng cặp gốc cây to vào nách, từ từ nhổ bậc rễ. Đứa con lại đến thử. Nó cầm cây gỗ kê vào đầu gối, bẻ gãy đôi ! Ngồi nhìn cha con chàng chăn dê thử sức, vị thiên sứ trầm ngâm một lúc rồi nói :

-Việc lớn anh sắp làm sẽ nhiều gian nan và vô cùng nguy hiểm. Ta cho cha con anh thêm hai viên thuốc sống, mới giữ được tính mạng trong lúc rủi ro. Có hai viên thuốc này, chẳng thần tiên ma quái nào làm cha con anh chết được.

Cha con chàng chăn dê nhận hai viên thuốc " sống ", kính cẩn gói vào vạt áo, rồi cùng quỳ lạy tạ ơn người nhà trời. Trước khi trở về thiên đình, con trai Ngọc hoàng còn dặn dò cặn kẽ :

-Cha con anh phải giữ kín ý định của thiên đình. Việc sẽ đến khi nào nó cần phải đến. Ta không

thể trao thanh gươm cho anh, vì chính thân phụ ta muốn trông thấy tự tay người nào đó đến lấy. Từ bây giờ trở đi, cha con anh muốn làm gì tuỳ thích, nhưng không được giết con rác (một con chim khổng lồ) dù nó có giết cha con anh. Vì không có nó, cha con anh chẳng thể nào đi đến chỗ để thanh gươm. Nhưng cha con anh cũng đừng sợ. Ta biết trước việc đó nên đã trao sẵn hai viên thuốc sống. Chờ có làm sai những điều ta căn dặn...

Nói đến đó, con trai Ngọc hoàng giũ áo, bay về trời. Cha con chàng chăn dê trở về lều cỏ. Cả hai cùng âm thầm chờ đợi. Mùa mưa đã đến. Cánh đồng ngập nước. Cha con chàng phải đuổi dê vào rừng. Có một con cọp cái dẫn con đi ăn. Cả ba mẹ con con cọp cùng sông vào đàn dê. Hai cha con chàng ra đánh. Bị đòn đau lũ cọp hoảng sợ bỏ chạy. Hai cha con đuổi theo, chụp được chân sau của ba mẹ con chúng, vật chết tươi. Một đêm mưa gió dầm dề, một lũ voi xuống đồng phá lúa, rồi kéo ngược lên chuồng dê. Cha con chàng chăn dê lại ra đánh. Lũ voi cậy đông, xúm vào dùng vòi quất, dùng chân chà. Hai cha con chàng xông xáo giữa đàn voi dữ. Lũ voi khủng khiếp trước sức mạnh của hai người, nên dìu nhau chạy. Cha con chàng càng tin sức mình, càng kiên tâm chờ đợi.

Một buổi trưa, mưa như trút nước, hai cha con đang đốt lửa hơ khô quần áo. Bỗng có một trận gió rất lớn, cuốn tốc mái tranh đang ướt đầm đìa. Cánh cửa lều bật tung. Cha con ngơ ngác nhìn ra, thấy một con rác vô cùng lớn. Chân nó to như hai khúc gỗ, cánh rộng bằng bốn mái nhà, đầu to hơn chiếc nong. Nó bay, nước dưới đồng chao thành sóng. Con rác thấy hai người trong lều, liền bay vòng trở lại. Nó dùng đuôi móng quắp cha con chàng chăn dê, bay đến đổ trên gò đất nổi, rồi nói rõ như tiếng người :

-Tao thích ăn lươn. Chúng mày đi đào lươn cho tao ăn...

Con rác đã khoẻ, lại có cách phòng ngừa. Sợ cha con chàng chăn dê chạy trốn, nó để con trai chàng ở đó để đi bắt lươn, hẹn mỗi buổi chiều sẽ trở lại ăn, rồi quắp chàng chăn dê bay miết lên vùng núi cao xa tít. Chàng chăn dê chẳng còn nhận ra phương hướng nào, chỉ thấy lờ mờ đó là một vùng núi điệp trùng, cao chín tầng, đỉnh lẫn trong mây. Ở đó, con rác thả lỏng cho chàng đi kiếm rau dại trái cây. Chiều xuống, khi mặt trời đã ẩn sau rặng núi cao, nó lại quắp chàng bay xuống gò nổi, để ăn lươn của con trai chàng đã bắt, rồi lại thả chàng ở đó, quắp con trai chàng bay đi. Đến chiều mai, lúc mặt trời tà tà, nó lại quắp chàng bay xuống để đổi lại.

Con rác ăn rất dữ. Sức khoẻ của nó có thể đuổi kịp cọp, bẻ gãy gỗ, bứt đứt vói voi, cha con chàng chăn dê mỗi ngày bắt một giỏ lươn to, nhưng không lần nào con rác ăn đủ. Hết mùa mưa, sang mùa hè. Nắng nung khô đồng, cạn mương, lươn mỗi ngày càng ít, càng phải đi xa mới có. Cha con chàng chăn dê cực khổ vô cùng. Biết sức mình, lại có sẵn trong vạt áo viên thuốc sống, cha con chàng có thể định nổi con rác. Nhưng vì lời dặn của con trai Ngọc hoàng nên hai cha con đành nén lòng chờ đợi. Ấy vậy mà ngoài việc đi bắt lươn cho con rác ăn, chẳng hề thấy có chuyện gì lạ xảy ra.

Trong khi đó ở nhà, vợ chàng đang bị tên quan đầu triều hành hạ khổ sở. Thấy cha con chàng đi mất, đàn dê đi lang thang mỗi nơi vài con. Tên quan đầu triều tưởng cha con chàng sợ không trả nổi đàn dê bị mất, nên đưa nhau đi trốn. Lấy cớ đó, hắn bắt vợ chàng cắt cỏ ngựa, quét chuồng ngựa, nhưng không ăn cơm, mà bắt chị phải ăn cỏ của ngựa ăn thừa. Người đàn bà tội nghiệp khóc than. Tên quan nhẫn tâm trả lời :

-Tao phải làm cho mày khổ hơn. Có như thế, chồng con mày mới thương mày mà trở lại, trả nợ đàn dê cho tao.

Thật là trớ trêu ! Trong khi vợ chàng chăn dê bị tên quan bắt ăn cỏ thừa của ngựa, thì chàng và đứa con trai ngày ngày phải đi bắt lươn cung phụng cho con rác. Nhưng bắt mãi rồi, dù sức chưa kiệt, mà lươn chẳng còn. Cha con chàng đã đào đi bới lại không biết bao nhiêu lần bùn đất trong mương trong đầm. Con rác không no bụng, càng làm hung. Một hôm, nó giận dữ nuốt vào bụng cả hai cho con chàng chăn dê. Nhờ cái cổ nó rộng nhưcái lu chứa nước, lại có viên thuốc " sống " đeo bên mình nên cha con chàng chăn dê lọt vô bụng con rác, mà chẳng hề xây xước. Phải chăng đến đây thiên đình đã cho biết ý định ? Cha con chàng chăn dê để mặt xem con rác làm thế nào. Nó vỗ cánh bay cùng trời cuối đất. Dưới đôi cánh khổng lồ của nó, lá rừng tuốt rụng, cành cây gãy nhừ, cỏ rạp sát đất, lăn tuốt cả những tảng đá chênh vênh. Khi bay đã mỏi, nó hạ xuống một bờ

sông há mồm ra uống nước. Chàng chăn dê bò ra cổ nó, thét to :

-Mày muốn sống, phải chở tao đến chỗ thiên đình để thanh gươm ?

Con rác giật mình. Nó cố khạc nhổ cha con chàng chăn dê ra khỏi cổ. Nhưng chàng đã chui sâu vào bụng nó. Nó lại lồng lộn bay vút lên, rồi cắm cổ xuống, lại lượn ngửa, bổ nghiên... Cha con chàng chăn dê lăn tròn trong bụng con chim. Nhớ lời thiên sứ căn dặn, cha con chàng không hại con rác chết, nhưng phải làm cho nó nghe theo ý mình. Hai người liền đạp ruột, bóp gan... buộc nó phải đưa đến chỗ thanh gươm. Con rác sợ chết, phải bay qua cánh rừng xanh âm u đầy rắn rết hùm beo, rồi vượt qua luôn nơi có hai dòng nước chảy ngược chiều. Nó đáp xuống đỉnh núi chín tầng, há rộng mồm, bảo hai cha con chàng cùng chui ra. Chàng chăn dê ngại con chim phản trắc. Muốn cầm chắc phần được, chàng bảo đứa con nằm lại trong bụng con rác, chỉ chui ra một mình. Trước mắt chàng là hai dòng nước chảy ngược chiều, bao bọc chân núi, tạo ra lớp sóng đá gà, lớp dội trở vào, lớp lại ngã ra. Dù chưa trông thấy hổ bào, thú dữ ẩn náu bên kia trảng rừng âm u, cũng chưa biết dưới lớp là khô rụng đầy bao nhiêu rắn độc, rết to đang cựa mình thè lưỡi, chàng chăn dê cũng nghiệm ra lời căn dặn của con trai Ngọc hoàng : con người dù có cánh cũng khó qua được hai dòng nước chảy ngược !

Chàng tĩnh tâm, đi bằng hai đầu gối, kính cẩn lên dần đỉnh núi chín tầng. Thanh gươm báu, lưỡi cắm sâu trong phiến đá tròn nhẵn mặt. Ánh thép phát hào quang sáng loà. Nhìn vào đó chói mắt như nhìn vào mặt trời. Nhưng khi chàng đến nơi thanh gươm tự nhiên trồi lên khỏi phiến đá. Đốc kiếm ngả vào hai bàn tay chàng. Lúc đó con rác mới quỳ mọp xuống. Nó tự nguyện làm tôi cho cha con chàng chăn dê. Hoá ra con chim khổng lồ này được Ngọc hoàng sai xuống canh giữ mặt nước, không cho ai liều lĩnh vượt hai dòng nước ngược chiều. Nó được sai trấn giữ, nhưng lại bỏ đi tìm lươn để ăn.

Chàng chăn dê bài tạ trời đất, rồi ướm thử thanh gươm. Trên sóng lưỡi gươm bỗng hiện lên hai hàng chữ chàm cổ. Và cũng tự nhiên, từ lúc bé chưa hề được học hành, chàng cũng đọc được hai hàng chữ hiện trên sóng gươm :

-Xách cơ lâu băng sách, cao cơlâu băng cao/ Pơnăm tađao clẻ cơi clé tran !

(Cứ để cho giặc đến cách ba bước / Đặt nghiêng thanh gươm, giặc sẽ rụng cổ, sút trán).

Con rác nằm phủ phục, chớp đôi cánh, chờ chàng chăn dê bước lên lưng. Bấy giờ chàng mới bảo nó há mồm cho đứa con trai bước ra. Hai cha con bước lên lưng chim. Lập tức nó chớp cánh bay về đồng bằng, mồm kêu : Diệt trừ hung bạo... diệt trừ hung bạo. Trong cảnh trời chiều, tiếng chim kêu kinh thiên động địa. Ccá toán cướp hoảng vía tháo chạy ra rừng. Cậu con trai rút thanh gươm trong tay cha, nghiêng qua, nghiêng lại. Ánh thép chiếu ngời hào quan. Những tên cướp nằm trong vòng hào quang của thanh gươm đều co rúm, thân thể chúng thu nhỏ lại, rồi thiêu cháy ra tro.

Từ đó, con chim tự bay vút đến dinh cơ tên quan đầu triều. Cả nhà tên này đang quay quần bên mâm cơm dọn trước sân, đầy ụ những cao lươn mĩ vị. Riêng hắn ngồi một mâm, có hai người hầu đứng quạt. Cậu con trai toan lật nghiêng thanh gươm. Nhưng chàng chăn dê kịp giữ lại. Chàng chưa biết vợ mình bị tên chủ nhà hành hạ đến mức phải ăn cỏ thừa của ngựa. Hơn nữa trên đường đi, khi diệt xong các toán cướp, chàng thấy ghê tay. Vì trong các toán cướp ấy đều có tướng, có quân, có kẻ ác nhiều tội, cũng có người chưa đáng phải chết. Giết tất cả bọn, chàng không yên lòng. Bây giờ cũng vậy, nếu để con lật nghiêng thanh gươm, cả nhà tên quan sẽ bị thiêu chết, nhưng cũng chết theo hắn cả người ở, chết luôn cả người vợ của chàng. Trong lúc chàng đang do dự, con rác đảo lại một vòng. Nó dùng năm móng nhọn của một bên chân, quắp trọn cả gia đình tên quan đang ngồi xung quanh mâm cơm. Còn năm móng của chân kia, nó quắp lấy cái đầu của tên quan bắt đầy tớ ăn cỏ ngựa. Tất cả gia nhân tên này đều thác loạn kinh hồn. Vợ chàng chăn dê bị cánh chim quạt ngã sấp bên chuồng ngựa. Chàng chăn dê bảo con rác đỗ xuống, dìu vợ lên lưng.

Trời đã nhá nhem tối. Không biết nên đi đâu. Chàng chăn dê bảo con rác đưa về lại nơi dãy núi chín tầng. Kì lạ thay ! Dãy núi đã biến mất. Ở đó bây giờ là một toà lâu đài rực rỡ, lộng lẫy và trang nghiêm giữa một vùng nước xoáy hai chiều. Con rác đỗ xuống. Cha con chàng chăn dê một lần nữa, ngửa mặt lên trời cám ơn Ngọc hoàng ! Vợ chàng đã tỉnh. Vợ chồng cùng đứa con trai

dắt nhau đi tham toà lâu đài tường vàng, mái bạc. Nền nhà, khung cửa đều được dác những loại ngọc quý, ánh lên những màu sắc rực rỡ chói ngời. Trong bầu trời đêm ánh sáng các loại ngọc trong toà lâu đài chói lên một màu rực rỡ ly kỳ, cao tận trăng sao, đứng bất cứ đâu cũng trông thấy.

Chàng chăn dê cùng vợ và con sống đầm ấm trong cảnh thần tiên rồi nghĩ cách đi diệt trừ hung bạo. Bản tính vốn trọng nhân nghĩa, không muốn khi diệt trừ một tên gian ác mà để cho người khác chết oan, nên chàng chăn dê chưa muốn dúng thanh gươm. Nhưng con rác đã hiểu ý định của chủ. Hàng ngày, khi cha con chàng cầm gươm bước lên lưng con rác là lập tức nó bay khắp mọi nơi. Hễ trông thấy tên nào đội mũ, đi hia, có lọng che, có quân hầu... là nó xà xuống dùng đôi móng quắp lấy, treo lòng thòng dưới chân, bao giờ tên đó chết cóng, nó mới thả xuống. Nhờ vậy, cha con chàng chăn dê chưa phải dùng đến sức, đến thanh gươm, mà kẻ hung bạo trong đời cũng phải vơi đi dần. Những tên còn sống sót đều trốn chui trốn nhủi, suốt ngày ru rú dưới gầm giường, trong xó tối.

Con rác bay dần về kinh thành. Lũ vua quan trong triều đã nghe tiếng con rác và cha con chàng chăn dê, nên càng trốn kĩ. Đôi cánh con rác quạt không đủ xiêu nhà tốc nóc vua chúa trong triều, nên lũ này còn tạm sống yên. Một hôm con rác bay qua chợ, trông thấy những rổ lươn của người ta bán. Thèm ăn đã lâu ngày, nó đáp xuống, ăn hết lươn trong dãy chợ. Hôm sau, rồi hôm sau nữa cũng thế. Con vật háu ăn không nhịn được. Biết được chuyện đó, tên vua sai lính đi bắt và đi mua thật nhiều lươn và trộn thuốc độc vào, rồi đem đặt ở những nơi con rác thường bay qua, nó hạ cánh xuống, nuốt gần hết số lươn tên vua đánh bẫy. Cũng may, nó cố đưa cha con chàng chăn dê về đến toà lâu đài rồi mới nằm rũ ra vì ngộ độc. Cũng từ đấy, cha con chàng chăn dê không thể đi diệt tiếp những tên hung bạo, vì không làm sao vượt qua hai xoáy nước chảy ngược chiều.

Vắng lâu không thấy con rác trở lại, bọn vua quan trong triều tưởng con rác đã chết. Chúng sung sướng vì đã trừ được một mối nguy, nên cùng nhau mở tiệc ăn mừng. Có một tên quan liều lĩnh và thâm độc, lạm dụng lòng nhân đức của cha con chàng chăn dê. Hắn tâu với vua:

-...Tâu bệ hạ... Ta phải giết cha con thằng chăn dê trước. nếu không sớm muộn nó cũng hại được ta...

Cả triều thần đều há hốc mồm ra nghe tên kia nói tiếp:

-Cha con thằng chăn dê không dùng gươm báu giết dân lành, chắc nó cũng không giết cả quân lính. Nhưng nếu nó có giết thì dân lành và quân lính chết chứ ta không chết ...

Cả bọn vỗ đùi khen phải. Tên vua càng thích, vì đánh thắng cha con chàng chăn dê, hắn mới dẹp dược mối lo, lại chiếm được thanh gươm báu, và chắc chắn hắn sẽ dời đô về sống trong toà lâu đài bằng vàng. Hắn thưởng rượu cho tên quan liều lĩnh ấy và hỏi kế vượt qua khu rừng âm u, đầy hùm beo rắn rít và hai dòng nước chảy ngược chiều. Tên kia cao hứng:

-...Lửa...! Lửa đốt thì cọp cũng cháy, rắn cũng tiêu! Ta cứ bắt thật nhiều dân lành và quân lính chở rơm chở củi đến đốt khu rừng âm u. Đốt thật nhiều vào thì cọp beo rắn rết làm sao sống nổi? Sau đó... ta sẽ chặt tre, ngã gỗ, ném bổi, quẳng đá, đổ đất xuống lấp hố,... Hai dòng nước chảy ngược thì chỉ có thể nhận chìm cái gì nổi bên trên. Khi ta đã quẳng mọi thứ xuống nước đặc rồi thì làm sao mà có xoáy nữa.

Tên vua dắt tay tên kia đến gần chổ mình ngồi, rồi nói thêm:

-Lúc "nước đã đặc", dẫu nó vẫn cứ chảy ngược chiều ta vẫn có thể làm bè đặt trên rơm bổi mà qua được. Khanh nói rất hợp ý trẫm.Trẫm giao việc đó cho khanh. Khanh hãy ráng lên, đừng để trẫm phải chờ đợi lâu...

Tên quan lịnh cho mỗi người lính và tất cả dân trong vùng phải chặt thật nhiều củi và gánh hết rơm khô. Hai thứ đó được đem để sẵn trong cửa rừng. Hắn chọn ngày khô ráo trong mùa gió mạnh, rồi nổi lửa lên đốt. Củi khô, rơm khô lại thuận gió, lửa bốc cháy ngút trời, khói bay mù mịt. Cánh rừng âm u bốc cháy dữ dội, hổ báo chạy toán loạn về phía sau. Rắn độc, rết to chết thiêu trong lớp lá mục củi khô.

Lửa chưa tàn. Mặt đất bị cháy còn nóng bỏng chân. Tên quan liều lĩnh đã thúc giục quân lính và

dân lành đốn củi, chặt tre, cậy đá, chở đất đổ xuống hai dòng nước chảy ngược.

Tên vua chưa dám đến đây, nhưng đã rời khỏi ngai vàng, lên lập dinh đóng ở một khu vực gần đó. Đêm đến, hắn ra sàn trong đôi mắt thèm muốn nhìn những luồng ánh sáng kì ảo từ toà lâu đài toả lên. Từng khắc một, hắn hỏi việc làm cho "đặc nước" để lấy đường sang đó. Tên quan liều lĩnh cũng nóng ruột, hò hét dân, lính đổ nhiều tre gỗ xuống hai dòng nước chảy ngược. Chẳng hiểu những thứ chúng nó trút xuống trôi đi đường nào, mà hai dong nước chảy ngược vẫn toà ra vô số sóng đá gà, ngầu đục bun đất. Vợ chồng chàng chăn dê và đứa con trai vẫn ung dung ở trong toà lâu đài vàng ngọc. Con rác không chết, nhờ hai liều thuốc sống của cha con chàng chăn dê nhưng nó nằm rũ rượi, bọt mép sùi mãi, lông xù lên và rụng dần. Vợ chồng chàng chăn dê ngày ngày mài ngọc mài vàng cho nó uống.

Công việc tiến triển không làm cho tên vua hài lòng. Ruột hắn nóng như lửa đốt. Và đêm đêm hắn vẫn trong đôi mắt them muôn nhìn những luông ánh sáng hắt lên từ toà lâu đài. Hăn hò hét, quát tháo như điên, mắng chửi luôn mồm:

-Ta còn phải chờ đến bao giờ? Dong nước chưa biết sâu bao nhiêu, nhưng rõ ràng là không rộng. Chừng ấy người lấp không xuể thì lấy thêm quân thêm dân... lấy thêm voi, ngựa, trâu, bò,... Biển có thể lấp không cạn, chớ cái hồ bằng ấy mà lấp không nổi thì... lưỡi gươm của ta sẽ không chừa ai đâu?

Tên quan liều lĩnh đã biết mình mắc vạ. Vua xỉ vả hắn thậm tệ. Những tên quan khác cũng chửi bới hắn, vì phải chịu cảnh trên dao dưới thớt, nên hắn càng phải theo cuộc. Hắn xin vua cho đem hết quân lên đây, lại bắt hết dân chúng quanh vùng đem theo xe, trâu, rùi rựa... Dưới chân dãy núi chín tầng trước đây vắng vẻ tĩnh mịch, bây giờ ngày đêm ồn ào tiếng hò hét thúc giục, vang rền tiếng đốn gỗ, bẫy đá... Tên vua hầu như tin sức chừng ấy người, có thể lấp cạn dòng nước, nên đem cả triều thần lên đấy đôn đốc trợ lực.

Bấy giờ con rác đã được giải độc tuy lông nó vẫn còn xù và rụng hết quá nữa. Một hôm vợ chồng chàng chăn dê đang cạy mỏ nó để đổ nước ngọc nước vàng vào. Bỗng nhiên con rác nằm phục xuống, chớp lia hai đầu cánh. Chàng chăn dê biết đó là dấu hiệu nó muốn chở mình đi, nên cầm thanh gươm báu bước lên lưng nó. Vợ và con trai chàng cũng đòi theo. Chàng bảo :

-Con rác đang bệnh không đủ sức chở cả ba người. Để một mình ta đi. Hai mẹ con ở lại.

Con rác bay vù đến chỗ tên vua đang lập dinh ở giữa rừng. Tên vua đang lâm triều. Cả triều thần văn võ của chúng không thiếu mặt nào. Con rác nghiêng cánh. Chàng chăn dê biết cơ hội tốt đã đến rồi. Bây giờ diệt lũ này, cầm chắc sẽ không lầm một ai. Chàng nghiên thanh gươm. Thép gươm toả ra muôn ngàn ánh hào quang, nóng hơn sắt nung lửa đỏ. Tên vua và cả triều thần đều co rúm. Thân thể chúng thu nhỏ lại, vàng sém rồi cháy thành than !

Đám dân lành và những người lính đang chặt tre, đốn gỗ... chỉ chờ có thế. Khi thấy ánh hào quang của lưỡi kiếm báu, rồi lửa cháy bùng lên chỗ dinh vua, họ lập tức kéo nhau ra về; lòng hể hả sướng vui, vô cùng cảm ơn chàng chăn dê.

Từ đó vợ chồng chàng chăn dê sống hạnh phúc trong toà lâu đài vàng ngọc. Sau lần đi cuối cùng, con rác đã đuối sức. Tuy được vợ chồng chàng chăn dê ngày đêm săn sóc, sem nó như ân nhân, nhưng con rác chỉ còn đủ sức làm chiếc cầu cho cha con chàng qua lại hai dòng nước ngược chứ không đủ sức chở cha con chàng bay khắp vòm trời diệt trừ hung bạo như trước được nữa..../.

XUÂN THÔNG





truyện ngắn

CHỊ VÀ EM

TRƯƠNG THỊ KIM CHI

Hai chị em khoác tay nhau, đi chân trần, dạo chơi trên bãi cát ướt mềm mát lạnh, êm như lụa. Trăng mười sáu rực rỡ tỏa sáng, tròn trịa thắm tươi, lơ lửng giữa bầu trời mênh mông xanh thẫm. Ánh trăng tràn trề lai láng. Trăng soi mình xuống biển khơi, chiếu luồng sáng chạy dài thẳng vào tận mép nước, làm thành chiếc cầu trăng vàng ròng óng ánh lấp lóa, nối liền biển và bờ. Khoảng cách vốn xa tít nghìn trùng giờ đây như ngắn lại. Cảnh tượng kì vĩ xiết bao! Chị cứ xuýt xoa chưa từng được thấy trong đời. Em cũng ngắm nhưng lặng yên, một chút cảm xúc chao nhẹ rồi thôi, không nồng nàn, bổi hổi bồi hồi như chị.

Chị em tay trong tay. Những bàn tay này ngày xưa, xưa lắm rồi, đã từng cùng nhau múa hát, đánh nẻ, đánh tóp, búng thun...Chị nói, giọng bùi ngùi, chúng ta sẽ khó lòng được gặp lại khoảnh khắc huyền nhiệm nầy. Chị cố ghi nhận những gì đang diễn ra, thầm nghĩ rồi sẽ đi vào một cuốn tiểu thuyết nào đó của chị.

Chị chợt nhận ra mấy mươi năm rồi hai chị em ruột thịt mới được cùng nhau dạo biển quê nhà, chính xác là hăm lăm năm. Công việc, con cái, nhà cửa luôn là những sợi tơ nhện êm ái giăng kín trói chặt người vợ trong mái gia đình. Đâu có dễ xách túi bước ra khỏi nhà làm một chuyến về quê, nếu như không có việc bắt buộc nào đó. Ví dụ cách đây bốn năm, bà nội mất, hai chị em cùng về, nhưng rồi đau buồn bối rối việc tang, rồi vội vội vàng vàng, đâu được thong dong nhàn hạ như vầy.

Lần nầy, chị và em cùng rủ nhau về thăm quê. Tối, hai chị em đi biển, biển gần nhà. Lũ nhóc quấn chân hai chị em nài nỉ: " Mua dùm cháu chengum đi cô Việt Kiều! Mua dùm cháu bắp nướng đi cô Việt Kiều!"

Biển như tấm gương khổng lồ, vàng rực, sáng lòa để trăng soi mình làm duyên làm dáng. Dường như ánh trăng trên chốn trần gian nầy đang dồn cả về đây, một góc biển nhỏ, không đông

lắm như những vùng biển nổi tiếng. Người ta tắm biển. Tắm trăng. Người ta cười đùa, ca hát trên bãi cát trăng. Vài người chậm rãi bước dọc chân nước như hai chị em.

Chừng một chặp, chị em mỏi chân, lót dép ngồi xuống cát. Trăng càng lúc càng sáng rỡ hơn. Biển ngợp trăng. Sóng nhẹ nhàng vỗ vào bờ, hào phóng vung vải tung tóe hằng hà sa số vàng bạc châu báu óng ánh, huyền ảo. Chị vẫn chưa thôi kinh ngạc với chiếc cầu trăng kì vĩ lấp lánh đang nối kéo biển khơi và bờ bãi gần kề lại với nhau. Rưng rưng nước mắt, chị say sưa ngây ngất uống từng giây hạnh phúc đang có. Đêm hôm nay rồi sẽ lùi vào quá khứ, sẽ không bao giờ, vĩnh viễn không bao giờ gặp lại nữa. Còn bức tranh nầy, cho dù mỗi tháng có lặp lại, cũng không bao giờ giống nguyên vẹn như hôm nay. Chị thầm cười mình, khi không lại băn khoăn với những việc muôn đời vẫn là lẽ đương nhiên.

Em cũng nhìn trăng, nhìn biển, nhìn người. Em đang nghĩ, nếu em ở đây, em sẽ mở nhà hàng ăn uống. Với lượng khách vầy cũng tha hồ ngồi đếm tiền. Không gì lời bằng bán thức ăn đồ uống, bạn của em có người mở quán ăn, từ hai bàn tay trắng, vốn ban đầu chỉ toàn vay mượn, vậy mà bây giờ giàu sụ!

"Khuya rồi, về đi chị!" Em kéo tay chị đứng lên. Chị tiếc rẻ, vừa đi vừa ngoái đầu nhìn lại ...

Xe chạy bon bon, êm ru trên con đường quê đã trải nhựa. Chị nhìn sâu vào đêm, luyến nhớ con đường làng đất mịn năm xưa với bờ tre ken dày hai bên mát rượi. Nhớ quá những trưa hè chị em cùng bạn bè tíu tít đi hái củi tre. Nhớ quá bờ tre sau hè đong đưa cánh võng kẽo cà kẽo kịt, ầu ơi tiếng ru dịu ngọt mênh mang buồn.

Ngôi nhà cổ của ông bà sáng trưng ánh điện. Cô Trâm đang ngồi trên bậc tam cấp hóng mát, ra dáng chờ đợi. Mới chín giờ nhưng ở quê có vẻ như khuya lắm. Gió quê mát lành vương hương cỏ cây. Chị tham lam hít thở thật sâu, căng phồng lồng ngực. Ba cô cháu bưng don ra bộ bàn ghế đá trước nhà ngồi ăn cho mát. Những miếng bánh tráng giòn rụm thả vào tô don nóng hổi thơm ngọt cay điếc tai, phải ăn ngay để thưởng thức được cảm giác bánh vừa mềm nhưng vẫn còn độ giòn. Chị em cùng hít hà xuýt xoa khen ngon dễ sợ. Cô Trâm ăn chầm chậm, đợi hai chị em ăn xong, cô mới ăn hết phần còn lại.

Chị chìm trong hoài niệm, chiếc sân nầy giờ đây được đổ xi măng, sạch bóng. Còn đâu vuông sân cổ tích của tuổi thơ chị và em, của cả một đại gia đình cùng sống bên nhau. Những chiều tắt nắng, chị ưng lấy ngón tay miết xuống lớp đất mịn trên sân, vẽ hình công chúa hoàng tử. Những lúc tạnh mưa, cô Trâm đi dạy về, đôi guốc cao gót của cô để lại hai hàng lỗ nhỏ xíu. Đứa cháu nhỏ thường thọc ngón tay út xuống, khoét cái lỗ ấy sâu và rộng hơn. Rồi vạch một đường dài trên đất cách cái lỗ chừng vài mét để chơi. Em cao hơn chị, một chân đứng ngay vạch, một chân xỏai ra trước, chồm người tới, tay vươn dài khéo léo ném đồng xu vào lỗ chính xác. Còn chị, đã lùn còn vụng về, cứ ném trật ra ngoài.

Cũng vuông sân nầy, mùa lúa chật ních những nong lúa vàng óng. Ngay từ sáng sớm, cả nhà đã lăn những chiếc nong trải ra sân, rồi đem lúa đổ vào phơi. Nắng lên cao, chốc chốc người lớn thay phiên nhau ra quây lúa để chúng nhận đều nắng trời. Hình ảnh bà nội rõ mồn một. Trong nắng trưa chói chang, nội khom lưng cúi xuống, đôi bàn tay xòe ra, thoăn thoắt quây, hết nong nầy tới nong khác. Khi những sóng lúa đã nhấp nhô đều trong tất cả các nong, nội đứng thẳng người lên, mồ hôi ướt đẫm. Chị nhớ như in dáng nội đưa tay áo lên quệt mồ hôi trên mặt. Giờ nội đã thảnh thơi ngồi trên bàn thờ, tay cầm quạt, miệng nở nụ cười đôn hậu.

Có lần chị làm lanh trổ tài xiếc, lấy xe đạp chở em lách giữa những nong lúa. Bỗng bánh xe trèo lên vành nong. Chị em ngã nhào. Sợ bị ăn đòn, chị bỏ chạy vào trốn dưới gầm giường, kệ em dính đầy lúa, khóc um sùm! Nhớ tới đây chị bật cười. Cô Trâm đang vét vài ruột don còn dính lại dưới đáy soong, tưởng cháu cười mình, mắc cỡ: "Con Ngân cười tao đó hả, tại don ngon quá...". " Không phải đâu cô, tại con nhớ chuyện ngày xưa." Em co chân đập muỗi cái bốp, dài giọng: "Cô

ơi, suốt ngày bả mơ mộng nhớ nhung, bả sống trên mây trên gió, bả làm thơ viết văn, hở một chút là văn thơ trào lai láng, xém lụt, hơi đâu cô để ý cho mệt."

Chị hỏi: " Chừng nào tới mùa mía vậy cô?" "Giờ ai trồng mía làm chi, lỗ chết!" Chị bỗng thèm có cây mía để xước. Hồi đó chị xước mía giỏi hơn em. Chị biết xước từ phía răng trái bắt qua bên phải. Không như em xước từ răng phía phải rồi quặp luôn cây mía vào má phải, phấn mía dính đầy má. Ôi, chị nhớ rõ ruột mía trắng giòn ngọt lịm, cắn miếng nghe kêu cái tách, rồi nhai nhai, hít hít đến khi chỉ còn trơ cái bả xôm xốp, nhả ra rồi mà vị ngọt vẫn còn đọng tận mỗi chân răng. Đó là mùa đường. Hai chị em thường được sai coi chừng những nong đường kẻo chó tha. Em thích gặm cục đường nóng hổi còn ươm nồng mùi mật, thơm lừng hương nắng. Còn chị, chạy múc gáo nước giếng, thả cục đường vào, nặn thêm trái chanh giấy, uống một hơi, mát rượi.

*

Trăng lên cao, lấp ló sau tàu dừa bên giếng. Chị như thấy rõ hình ảnh chị, em và các bạn cùng chơi đùa dưới trăng trên mảnh sân nầy: U mọi, năm mười, nhảy dây... Giờ họ đâu rồi? Kẻ mất đã ngủ yên trong lòng đất. Người còn thì tha phương cầu thực, như chị như em.

Cô Trâm trải chiếc chiếu ra giữa sân, càu nhàu: "Cái nố nhỏ ăn mận xả từa lưa! Đồ yêu mấy trái mận non dờn chát ngắt, ngon lành gì!" Chị ngồi bật dậy ngạc nhiên, thú vị: "*Nố* là gì hả cô?" Cô Trâm cười độ lượng: " Tụi bay xa quê lâu quá, ở trỏng miết rồi quên hết trơn hết trọi tiếng ngoài mình, *nố* là chúng nó. *Nố* chỉ người nhỏ hơn mình, vừa có thể mắng thiệt hoặc mắng yêu. *Nố* còn dùng cho ngôi thứ hai, ví dụ: *nố* bay. Kêu *nố* mà chỉ người lớn hơn thì có ý khinh thường." Chị hào hứng:" *Nẩu* là họ, phải không cô? " Ừ! Đôi khi trong trường hợp đặc biệt, *nẩu* còn chỉ ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai số ít. Thật ra, cách dùng những từ nầy còn linh động trong từng vùng, từng tình huống. Nề, mà cô chỉ giải thích theo cách hiểu của cô thôi nghe!". Em cười hi hi: "Ôi dào! Mệt cho bà chị tui ghê! Hơi đâu mà đi thắc mắc ba cái chuyện vớ vẩn!"

Chị hình như không nghe em nói. Chị chợt thở dài lo lắng, chắc chẳng bao lâu nữa, những từ địa phương độc đáo nầy sẽ đi vào quên lãng. Hồi sáng, cô Trâm biểu vô bếp lấy cho cô cái *quạu*, chị hơi ngơ ngác một chút rồi bật cười khoái chí đi lấy cái rổ. Cô biểu bắc *trã* cá lên bếp, chị tủm tỉm với cái nồi đất rộng miệng cạn đáy. Cô sai đổ đồ ăn thừa vô *uôi* để nấu cho heo. Chị lon ton chạy ra sau tìm cái vò nhỏ... *Tộ* là cái tô, *thụi* là túi áo, cái *trôn* chén, *chụm* lửa... Nghe sướng cái lỗ tai gì đâu là sướng!

Cô Trâm nói: "Nằm một chặp cho mát rồi vô ngủ, đã lắm." Chị ơi ới hỏi em đâu. Em từ trong nhà nói vọng ra, phim hay quá, vô coi đi! Chị tiếc hùi hụi, sao em nỡ lòng nào coi phim trong một đêm trăng đẹp, trong hoàn cảnh hiếm hoi như vầy. Chị nằm xuống bên cô. Lòng tràn trề hoài cảm, ngất ngây hạnh phúc, bổi hổi bồi hồi.

Ba cô cháu ngủ trên bộ phản. Chị cố ý chui tọt vào giữa nhưng giả bộ như vô tình. Hồi nãy, khi đốt nhang trên bàn thờ ông bà nội, chị khấn, ông bà nội thương con, đừng để con sợ, phù hộ cho con ngủ ngon giấc. Em dạn lắm, ban đêm tỉnh queo đi khắp nơi trong nhà ngoài ngõ, sân trước sân sau. Chị cứ lẽo đẽo bám sát em hoặc cô, không dám ở một mình bất kì chỗ nào, ráng giả đò như có việc gì đó để giấu tật nhát gan của mình. Chị phục cô Trâm sát đất. Mùa nắng còn đỡ. Tưởng tượng mùa mưa bão sấm sét, đêm tối lửa tắt đèn ... Ôi, chỉ mới hình dung chị đã thấy sợ. Có phải bản năng sinh tồn của con người mãnh liệt lắm nên ai rồi cũng thích nghi được với hoàn cảnh của mình?

Sáng, chị em ngủ dậy thì cô Trâm vừa đi chợ về. Chị mừng khi thấy cô tròn sáu mươi tuổi mà vẫn nhanh nhẹn khỏe mạnh. Cô ra quán trước ngõ kêu bánh xèo cho hai chị em rồi đi làm cá. Cô nói trưa nay đãi hai đứa bay ăn canh cá tràu nấu với thơm bỏ lá sưng. Ngon ác luôn.

Hai chị em ních một hơi chục bánh xèo quê nho nhỏ. Chị xuýt xoa, ngon miệng dễ sợ luôn, sao về đây ăn gì cũng thấy ngon. Có lẽ nhờ hương vị quê nhà, hương thơm kỉ niệm. Em cười, tại đói bụng đó chứ. Chị đi pha cà phê. Thưởng thức từng giọt cà phê đen đặc quánh, chị thấy cuộc đời thật hào phóng với chị, ban tặng cho chị quá nhiều niềm vui. Em khoái cà phê đá nhưng làm biếng đi mua đá, đành nằm chịu thèm. Chị giải thích, vậy là chưa ghiền, chứ đã ghiền thì đừng hòng làm biếng.

Xế trưa, ba cô cháu nằm xoài lên phản, tầm phào đủ thứ chuyện. Cô Trâm hỏi: "Hai *thèng* (thằng) con của Ngân có bồ chưa?" Chị trả lời: " Dạ *thèng*(thằng) lớn có rồi. *Thèng*(thằng) nhỏ chưa". Hôm qua giờ chị được nói cái giọng Quảng đặc sệt, thấy sướng cái miệng quá chừng quá đỗi. Em tưng tửng: " Cô ơi, tối nay mình en (ăn) bánh xèo, khỏi nấu cơm nghen cô!". " Xì! Đồ yêu cái thứ bánh xèo người ta bán toàn bột với mỡ. Để đó mai cô đi chợ mua tôm đúc cho bay ăn ngon ác luôn".

Lại bắt sang chuyện hồi xửa hồi xưa. Chị thích thú gợi tìm kỉ niệm, em hững hờ ừ hử cho xong. Chị cùng em chợt ngoảnh lại nhìn mình. Mới đó mà đứa nào cũng tuổi đời chồng chất, ớn thiệt! Chị thở dài, giọng chùng xuống ngậm ngùi, đời người ngắn ngủi phù du, như bóng câu cửa sổ, như mây bay ngang trời... Sinh đẻ, nuôi con, quay tới quay lui, con vừa mới lớn, rảnh tay một chút đã về già. Em cao giọng, tại chị rảnh rỗi, nghĩ ngợi lung tung, chứ như tui đây, điên đầu với chuyện làm ăn, có thời gian đâu mà nhớ. Chị cãi, rảnh hử, cũng bù đầu bù cổ với việc công ty, việc nội trợ, lo cho con cái, việc đọc, việc viết. Em phì cười rộng lượng, mèng ơi, nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ đó! Chị không biết lao vào làm kinh tế điên đầu cỡ nào đâu! Ngập ngừng, chị hỏi: "Theo Hà hạnh phúc là gì?" . Em ngẫn ngơ một lát: "Ơ...là buôn bán phát tài, tiền vô như nước. Có tiền sẽ có tất cả. Muốn gì được nấy." Chị dè dặt: "Đồng ý! Nhưng có những cái tiền bạc không thể mua được. Lại có những cái không cần tiền bạc cũng có được". Em bĩu môi: "Đâu, cái gì không cần tiền bạc mà có được chị chỉ tui coi!" " Đây nầy, như tối qua trên biển, như bây giờ được nằm đây, bên Hà, bên cô Trâm. Vui quá chừng vui. Hãy thưởng thức đi, có tốn tiền đâu."

Em nhìn chị với ánh mắt lạ lùng. Bắt gặp ánh mắt đó, chị đoán nó cho mình bị chập mạch, bị khùng khùng. Cô Trâm cười hề hề: "Nề, con Hà giàu, đi mua vài cái bánh tráng ăn chơi hè! Còn con Ngân nghèo, đọc thơ nghe coi hè! Bánh tráng no bụng. Thơ no tim. Chịu chưa? Thứ nào cũng cần hết." Ba cô cháu ôm nhau cười bò. Tiếng cười ngân vang len vào từng ngõ ngách của ngôi nhà cổ xưa thênh thang, quanh năm suốt tháng âm u quạnh quẽ. Thương cô Trâm ghê, hai chị em về thăm cô, cô mừng quýnh quíu. Chị thầm ước, cứ vài năm được một dịp như vầy thì còn gì bằng.

***

Chị sẽ về nơi của chị. Em sẽ về nơi của em. Khoảng cách không gần không xa. Bởi muốn gần sẽ gần, muốn xa sẽ xa.

Ngồi trên xe, em phác thảo kế hoạch rót tiền đầu tư cho nhà hàng ăn uống, lim dim mắt hình dung cảm giác sung sướng ngất ngây khi tiền vô như nước. Còn chị, trái tim run rẩy xao xuyến khi xe lướt nhanh qua dòng sông Trà Khúc cạn nước, đáy sông bày ra vài khoảnh cát trắng phau, mấy mảng cỏ xanh mượt. Mắt chị nhòa mờ nhìn núi đồi hai bên đường vun vút chạy lùi. Chị ngoái lại. Cứ ngoái lại cho đến lúc quê nhà thân thương khuất xa tầm mắt. Mà nghe lòng mềm mại yêu thương. Mà nghe bâng khuâng hạnh phúc. Mà chắt chiu hít thở từng phút từng giây của cuộc đời.

TRƯƠNG THỊ KIM CHI



truyện ngắn

TIẾNG GỌI TỪ TRÁI TIM

LÝ THU THẢO

Nàng ngồi đấy, đôi mắt dõi nhìn vào khoảng không vô định trong buổi chiều thẫm tím, ánh nhìn của nàng đang hướng về đàn chim đang bay thật nhanh để tránh cơn gió lớn đã tràn về và lẩm nhẩm câu hát: "*Chiều đi qua làm gì chiều ơi? Mùa đi qua làm gì mùa ơi? Cho tôi nghe lạnh giá từng chiều, từng mùa...*"[1]

Gió. Gió tốc vào đôi cánh của những chú chim mỗi mải đối chọi với gió, lấy hết sức lực còn sót lại để vượt qua cơn bão. Yếu dần, yếu dần. Nàng nhìn thấy rõ vài ba con trong đàn tụt lại phía sau, chới với. Cố lên, cố lên. Nàng buột vội câu động viên như đã từng động viên anh trong những ngày cuối cùng trong cuộc kháng chiến.

Những ánh chớp bắt đầu lóe lên ở phía cuối trời. Ráng chiều trong cơn gió vội đen thẫm. Đám mây ùn ùn kéo đến, những hình thù kỳ quái hiện dần ở trên đầu nàng. Nàng thây mặc. Ánh mắt nàng vẫn găm vào đàn chim đang di chú. Nàng nhìn thấy rất rõ những đôi cánh trễ dần xuống, xơ xác. Chao đảo. Nghiêng ngả. Sấm động vang trời. Mưa ào ào. Mưa nhỏ vào mắt nàng. Nàng chớp mắt. Ngước nhìn, đàn chim đã mất hút. Đâu? Đâu rồi? Tiếng nàng nghe rin rít phát ra từ trong cổ họng, đùng đục, khàn khàn. Không phải tiếng của nàng. Đó là tiếng rung của những dây thanh quản va đập vào nhau tạo nên những chuỗi âm thanh của loài vịt đực kêu quang quác khàn khàn.

Bỗng nhiên, nàng ngơ ngác, hoang hoải khi biết tiếng vừa phát ra
không phải là tiếng mình. Nàng chới với. Mưa mỗi lúc to hơn. Gió mạnh hơn. Mưa, gió quất vào mặt nàng bỏng rát. Như đá. Nàng ngây người.

- Mẹ ơi! Mưa rồi kìa. Ướt hết rồi. Vào nhà đi mẹ!

Tiếng con gái nàng từ phía chân dốc vọng lên. Nàng vẫn dõi nhìn về phía ấy. Phía sau những vạt rừng đang rỉ máu, loang lổ đen trắng chồi lên rồi lại tụt xuống sau những quả núi nhấp nhô là quê hương của nàng, nơi chồng nàng đang ở đó.

* * *

Nàng mười tám. Chiến tranh. Nàng tình nguyện. Những vạt rừng Quảng Trị xơ xác, chập chờn ẩn hiện những hình hài trắng bay lơ lửng.

Chiều muộn. Nàng gặp chàng. Nàng trân trân đứng nhìn con người mà đã biết bao ngày nàng và cả toán con gái trong khu rừng thăm thẳm này chưa được nhìn thấy.

Nàng đã mười chín, đã tròn đầy, vòm ngực săn chắc nõn nà. Chàng như từ bùn đất ngoi lên giống trong câu chuyện Tiên Dung - Chử Đồng Tử. Vạt áo đẫm mùi thuốc súng. Cái nhìn nẩy lửa trong khi nàng trần truồng bên khe suối. Khao khát. Thèm muốn. Như điên dại. Không ngượng nghịu. Không vơ vội quần áo. Không la hét. Chỉ có ánh trăng sáng vàng trùm kín hai cơ thể trơn nhẵn. Gió mơn man da thịt mát lạnh. Hai cơ thể vàng rực trong trăng mười sáu quằn quại. - Cô làm cái quái gì thế? Không nghe thấy tiếng máy bay à? Tiếng quát của chàng khiến nàng tỉnh cơn mộng. Vơ vội quần áo che lấy thân thể ngọc ngà mà tạo hóa đã tạo ra nàng khác chàng ở nhiều chỗ. - Em xin lỗi, vì nóng quá nên em...em. - Nhanh lên..em..em cái gì. Nàng lầm lũi theo sau chàng như một tín đồ.

Tiếng máy bay phản lực. Tiếng pháo cao xạ. Tiếng súng liên thanh. Tiếng sói tru. Tiếng hổ gầm. Tiếng chim nháo nhác. Bom xối xả dội xuống khu rừng như mưa. Chàng vội kéo nàng xuống căm hầm mà toán trinh sát của chàng phát hiện ra khi đi qua. Chật chội. Mùi khét lẹt bốc ra từ chiếc áo đã rách do phải lăn lê, bò trườn và bị gai đâm xé. Hơi thở phía sau. Nhột nhột sau tai. Nàng dường như gần tan thành nước. Khẩu súng trên người chàng trượt khỏi vai. Tiếng may bay trên đầu nàng vẫn ầm ầm ù ù. Không có ánh trăng giát vàng như nàng mơ. Chỉ có bóng tối bao bọc lấy chàng và nàng trong căn hầm chật chội trong buổi chiều muộn giữa khu rừng già lạnh tanh bóng người chỉ còn tiếng gầm rú của những chiếc máy bay. Cơ thể nàng bịn rịn, run rẩy, nóng rẫy. Tiếng máy bay xa dần xa dần. Những ngón tay lùa vào mái tóc nàng hít hà cái mùi trinh nguyên.

Hai mái tóc ngắn dài trộn lẫn vào nhau. Những lớp áo được tách khỏi cơ thể một cách cuống quýt. Chàng chạm khẽ vào khuôn ngực tròn căng mẩy. Bàn tay run run, dường như cả cơ thể chàng cũng run lên vì lần đầu chạm vào một cơ thể có những đường cong mềm mại khác chàng ở nhiều chỗ - Chiến tranh kết thúc em tìm theo địa chỉ này nhé. Chút nữa bọn anh phải lên đường vào chiến trường Tây Nguyên, quân ta đã bắt đầu đánh chiếm Tây Nguyên rồi. Nàng áp đôi môi của mình lên khắp thân thể chàng mà ngấu nghiến. - Em sẽ chờ và em sẽ tìm. Nàng và chàng ra khỏi căn hầm. Chàng đi về hướng Nam trở lại với toán trinh sát. Nàng ngược lên hướng Bắc trở về với đơn vị của mình.

* * *

Buổi chiều mưa giữa vùng biên cương, con gái nàng mở nàng nghe một đoạn nhạc: "*Người đến đời tôi một chiều rồi người đi. Tình đến đời tôi một mùa rồi tình xa. Để rồi một chiều tôi nghe hoang vắng. Để rồi một mùa quanh tôi quạnh hiu. Người đi qua làm gì người ơi? Chiều đi qua làm gì chiều ơi? Mùa đi qua làm gì mùa ơi? Cho tôi nghe lạnh giá từng chiều, từng mùa...*" Nàng lẩm nhẩm hát theo.

- Buồn quá mẹ nhỉ. Tiếng con gái thì thào. Anh Thắng biết con mê nhạc Phú Quang nên thu âm lại vừa gửi cho con theo đường bưu điện lên đấy. Anh Thắng bảo hôm nào anh ấy sẽ đưa bố anh ấy lên trên này thăm mẹ. Ngày xưa bố anh Thắng cùng trong đội trinh sát với bố con đấy. Mẹ ngồi dịch vào trong này kẻo mưa hắt, ướt, ốm rồi lại đau. Mà dạo này lâm tặc nhiều lắm, cứ như rươi ấy mẹ ạ. Mấy anh kiểm lâm hôm qua vừa bắt được một toán, có một thằng bắn anh Nam vào chân phải xuống bệnh viện tận dưới trung tâm nằm. Con nghe đâu hình như anh ấy phải cắt bên chân bị dính đạn hay sao ấy. Tội cho anh ấy quá mẹ nhỉ. Anh ấy mới lấy vợ hồi đầu năm. Chẳng biết ở nhà vợ anh ấy có biết tin này khôn. Mẹ ngồi đây nghe nhạc nhé. Con đi nấu cơm. Hôm nay anh Bình mới từ dưới xuôi lên thay anh Nam có mang một ít rau cải xoong con luộc ăn cho mát mẹ ạ. Với lại nó lành cho vết mổ ở cổ của mẹ.

Người mẹ vẫn ngồi sát mé cửa sổ, vẫn nhâm nhẩm hát nhưng chỉ hát đi hát lại mỗi một câu: "*Chiều đi qua làm gì chiều ơi? Mùa đi qua làm gì mùa ơi? Cho tôi nghe lạnh giá từng chiều, từng mùa...*" Trời tối mau hơn. Cơn mưa rừng xối xả hơn át cả tiếng những bài hát được phát ra từ chiếc đài mà Đông Hà vừa được Thắng gửi từ dưới xuôi lên.

Nàng mở mắt. Thấy toàn thân đau ê ẩm. Nàng muốn nhấc cơ thể dậy nhưng không thể. Toàn bộ cơ thể nàng một màu trắng toát. Đầu đau như búa bổ. Tây Nguyên chiến thắng rồi. Nhóm trinh sát của chàng chắc đang tiến vào Sài Gòn. Cố lên. Cố lên. Nàng khẽ mấp máy đôi môi khô khốc, tái đi vì mất quá nhiều máu. Lúc này nàng mới vội đưa tay xuống bụng. Rắn chắc bởi những lớp băng bó.

- Nhài tỉnh rồi à? Cố lên em nhé! Chiến tranh hết đến nơi rồi. Hà Nội đang chào đón chúng ta trở về.

- Con em? Nhài buột vội. Chị y tá khẽ đặt bàn tay của mình vào bàn tay băng gần kín của Nhài chỉ còn để lộ ra năm đầu ngón tay.

- Chiến tranh mà em. Còn sống sẽ còn có những đứa con. Chị quay đi tránh những giọt nước mắt nóng rẫy đang lăn xuống chạm vào những lớp băng đang băng kín khuôn mặt chỉ còn hở hai con mắt và miệng. Nhài nằm đấy bất động. Mi mắt nàng chỉ trực cụp xuống. Thân thể nàng như những rừng cây bị bom xé toác làm đôi.

Nàng ra khỏi bệnh xá thì cũng là ngày đất nước thống nhất. Nàng nghe nói đội trinh sát của chàng bị trúng bom. Không ai còn sống sót. Vết thương khiến nàng đau đớn. Viên đạn trong đầu nàng thi thoảng lại âm âm u u như tiếng máy bay phản lực. Nàng được điều về trại thương binh ở phía Bắc. Gần nửa năm gia đình đón nàng về. Một năm sau mẹ nàng qua đời. Hai nỗi đau vật thân thể nàng xuống chỉ còn như xác ve. Hai chị dâu tranh què tranh quéo. Còn phải kiếm tiền để mà hốc thời gian đâu chăm sóc người chẳng ra người, điên điên khùng khùng ấy. Nàng lại quay trở lại trại thương binh. Nàng bắt đầu có da có thịt. Nước da bắt đầu hồng trở lại. Nhưng có một vật gì đó cứ đọng lại trong cổ nàng khiến nàng khó chịu.

Một hôm Thanh – người y tá của chị năm nào tìm được đến khu điều dưỡng thương binh. Mừng mừng tủi tủi. Nàng mở lại cái ba lô con cóc mà lâu lắm rồi nàng đã lãng quên nó. Tấm ảnh và dòng địa chỉ rơi ra. Nàng nhìn nó trân trân rồi đưa tay xuống bụng. Mắt ngân ngấn lệ. Thanh ngó sang:

- Ơ... anh Quang, anh Quang trinh sát đây mà.

- Chị... chị biết anh... anh... ấy à?

- Anh ấy một thời là bệnh nhân đặc biệt của chị đấy! Hoà bình vô tình hai chị em lại gặp nhau trên một chuyến tàu. Giờ chú ấy được điều lên phía Bắc đảm bảo an ninh vùng biên giới.
Nàng ngước nhìn chị Thanh: Anh ấy còn sống à? Anh ấy chưa chết. Anh ấy còn sống. Anh ấy chưa chết. Nàng cứ bám vào tay chị Thanh mà lắc mà giật. Nàng cười như man dại. Tiếng cười va đập vào không trung theo gió lan xa xa mãi.

Tháng sáu, trời nóng như đổ lửa. Chàng tìm đến nàng sau quãng đường dài hàng trăm cây số. Nàng ngỡ ngàng như không phải. Nàng nhìn thấy phía trước mình là cánh rừng già trong buổi chiều thẫm tím, tiếng máy bay quần quại trên đầu. Lại vẫn là tiếng sói tru. Tiếng hổ gầm. Tiếng quạ kêu quang quác. Một vật gì đó ứ nghẹ trong cổ nàng. Nàng đau. Nàng quằn quại. Chàng ghì chặt nàng. Hơi ấm dần dần lan tỏa. Nàng dịu đi trong vòng tay chàng.

Chiến tranh. Bệnh xá. Xẩy thai. Trại điều dưỡng thương binh Hà Bắc. Tình yêu của anh dành cho nàng dường như đã khiến bệnh tật trong người nàng tan biến.

Con nàng đã hai mươi sáu. Tốt nghiệp đại học Lâm nghiệp ngành Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng con bé xin về vùng biên cương phía Bắc theo dự án trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc, lại được gần bố và mẹ. Viên đại trong đầu nàng thi thoảng vẫn âm âm u u. Cái bướu ở cổ nàng cứ to dần to dần theo từng mùa trăng. Kiểm lâm vẫn truy sát lâm tặc. Đồn biên phòng vẫn dượt đuổi hàng buôn lậu vượt biên.

Mưa rừng xối xả. Mọi người cùng chồng nàng về. Bất động trong vài giây. Đầu nàng lại âm âm u u tiếng máy bay phản lực. Nàng khuỵu xuống bên chồng nàng. Con gái nàng về hớt hải lay chồng nàng và nàng. Mí mắt nàng động đậy. Khuôn mặt nàng nhoèo nhoẹt thứ nước nhờ nhợ như máu cá thấm ướt từ thân thể của chồng nàng. Chồng nàng vẫn bất động. Đội trinh sát vùng biên lặng đi trong tiếng gào thét của nàng. Con nàng lay lay một trinh sát gần nhất: Bố cháu làm sao thế? Hồi sáng bố cháu hứa cuối tuần này đưa cháu và mẹ về dưới xuôi kia mà? Bố cháu...Bọn chúng đông quá, mà bố cháu thì...Người trinh sát mái tóc đã bắt đầu có những sợi bạc ngắt quãng giọng run run.

Cơn mưa rừng vẫn chưa tạnh. Con gái nàng gọi: Mẹ ơi lại ăn cơm nào. Ngon lắm. Hồi sáng bác cả gọi điện lên bảo: Sắp đến Tết rồi con lên đưa mẹ về, không đâu bằng nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Hồi con với bố về quê đúng vào cái ngày 19 học sinh tử nạn. Vậy mà, thấm thoát 6 năm cũng trôi qua rồi mẹ nhỉ? Cầu Chôm Lôm đã được xây dựng nhưng mỗi khi nghĩ lại cái ngày định mệnh ấy trong con lại hiện hữu tiếng gào thét đến xé lòng của những người cha người mẹ; rồi nhiều người dân ngồi cúm rúm bên bờ sông nhìn xa như không thể chấp nhận nổi cái ngày đại tang mà bản mình phải gánh chịu. Tiếc rằng... bố con không được nhìn thấy cây cầu ấy.

Mà mới đó mà quê mình thay đổi nhiều thế mẹ nhỉ. Bác cả không bảo thì con tính đầu tháng 12 này con sẽ đưa mẹ về dưới xuôi và cũng vì anh Thắng muốn xin cưới đầu năm sau mẹ a! Với lại đường sá thì xa mà sức khỏe của mẹ thì không còn như trước nữa. Bố thì cũng được mang về quê rồi. Dự án trồng rừng của con cũng sắp hết hạn rồi. Và anh Thắng bảo con: Cứ định mãi xa nhau như vậy à? Nàng quay lại ngước nhìn con gái, rồi lại về bên cửa sổ dõi nhìn về phương trời xa lắc. Nàng nhẩm nhẩm: "*Chiều đi qua làm gì chiều ơi? Mùa đi qua làm gì mùa ơi? Cho tôi nghe lạnh giá từng chiều, từng mùa...*"

* * *

Con nàng cũng đã hết kỳ hạn đi theo dự án trồng rừng. Nàng cũng đã khỏi cái bệnh ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Chồng của con gái nàng cũng đã xin cho vợ về làm bên kiểm lâm của thị trấn Hòa Bình. Còn nàng, ngày ngày chơi đùa cùng cháu và chăm sóc những gốc đào phai để chúng nở đúng dịp Tết. Những gốc đào phai không cần chăm bón, cắt tỉa cầu kỳ nhưng cứ xuân về, trên những cây đào lại căng tràn nhựa sống với dáng vẻ tự nhiên, hoang sơ, cành chen lá, lá chen hoa sum xuê. Một thứ hoa mộc mạc, giản dị, chỉ có vài cánh đơn, hoa cũng không dày nhưng với nàng đó là một niềm vui giữa âm vang núi rừng như một bản hùng ca luôn nhắc nàng nhớ đến những gì đã đi qua đời nàng.

Buổi sáng mùa xuân, những cành đào phai qua một đêm đã nở bung một màu hồng phấn. Trên khắp các triền đồi, nơi đâu cũng được tô điểm bởi những nụ hoa e ấp làm cho lòng người thêm rạo rực. Nàng nhẹ bước và thấy tâm hồn mình thật thanh thản biết bao.

LÝ THU THẢO



THU HÀ NỘI

NGUYỄN KHÔI

(Tặng : LXQ)

"Nhớ chăng em mùa thu Hà Nội
Nghe hồn xao xuyến gió thu tươi ?
-Mùa thu Hà Nội thơm mùi nắng
Lấp lánh hồn yêu hương sắc phai..."

*

Sớm tối Hà Thành trời se lạnh
Một thoáng mù sương trắng mặt hồ,
Trưa nắng vàng ươm trời rạng rỡ
hanh hao hương Cốm tới chợ Mơ...
Thiếu nữ chân thon , quần soóc trắng
Má đỏ phây phây phóng xe bay...
Trên cầu Thê Húc già hóng nắng
Gió lùa tóc trắng gợn làn mây...
Sáng láng Hồ Tây tung cánh Nhạn
Chở hồn thu chín tới xa xôi
-Đôi bờ ngô lúa thơm mùi nắng
Lướt sóng sông Hồng ngọn gió tươi...

Hà Nội 26-9-2014

NGUYỄN KHÔI



truyện ngắn

HẮN VÀ TÔI

TRẦN TRƯƠNG

Tôi vừa đưa hắn ra nghĩa địa. Giờ hắn chết tôi mới kể về hắn. Tôi tránh, không bêu ra tên hắn, sợ vợ con hắn biết thì phiền. Hắn cùng tuổi, lại cùng xóm với tôi. Hắn sinh tháng Trâu, tôi tháng Chuột, là láng giềng nhau trọn một đời nên biết về nhau từ chân tơ kẽ tóc. Nhiều người kính phục, tôn vinh hắn như một bậc anh hùng. Tôi thấy hắn tầm thường và ngu dại. Đến lúc chết, hắn vẫn ngu vẫn dại!

Thuở nhỏ, hắn với tôi cùng lớp. Người hắn còi, chỉ được cái học giỏi. Tôi thường quay cóp bài của hắn. Hắn bảo phải tự học mới giỏi. Tôi muốn học giỏi mà không được nên tôi chẳng cần giỏi làm gì. Bố tôi thường bảo cái cần cho cuộc sống là tiền. Ông là cán bộ huyện. Mẹ tôi ngồi chợ quầy hàng vải. Nhà hắn nghèo xơ. Để được coi bài, tôi gạ cho tiền hắn. Hắn chê tiền tôi là hắn dại.

Một lần ra chợ, hắn đứng ngây trước bà cụ bán me thân hình khô quắt, lưng còng rạp, da nhăn nheo như vỏ quả bưởi khô. Tôi lôi hắn đi, hắn kéo tôi đứng lại. Hắn lục túi lôi ra được mấy hào [1] . Ngồi bên mẹt me, hắn chọn rặt những quả khô, hỏi mua, trả tiền cụ. Hắn điên thật. Nhà hắn có cây me to tướng sai trĩu quả, ngày nào tôi, hắn chẳng trèo me để chọn quả chín ăn. Tôi hỏi hắn mua để làm gì. Hắn cầm túm me, giục tôi về. Khi qua đồng lúa, hắn vứt mớ me khô xuống ruộng. Hắn bảo hắn rất thương bà cụ ngồi bán me cả ngày mà chẳng có ai mua. Hắn muốn giúp cụ bằng cách đó. Khoản tiền mua me do hắn đi dậm [2] hôm chủ nhật vừa rồi. Hắn để một phần tôm cua làm thức ăn cho nhà, một phần đem bán lấy tiền mua bút viết. Mua me hết tiền, hắn lấy vỏ

hộp sữa sắt tây cắt cắt, mài mài, tự làm bút. Ngòi bút tự tạo khi viết cào rách giấy. Hắn dại thương người, hắn ngu chưa! Chỉ có tôi hôm ấy là thắng đậm. Trong lúc vờ nhặt me khô cho hắn, tôi thó được mấy quả me chín ăn ngọt lịm. Bà già không biết, hắn không biết. Hôm sau lỡ mồm kể với hắn, hắn đã giận tôi mấy hôm liền.

Đang học lớp mười[3], hắn xin vào bộ đội. Dạo đó chiến tranh đang ác liệt. Tôi tìm cách trốn, hắn xin vào chỗ chết. Hắn bảo đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao... như gương Pa-ven trong sách Thép đã tôi thế đấy[4].

Ngày khám sức khỏe vào bộ đội, hắn nhờ tôi thay hắn vào khám phòng cân đo. Tôi năm tư cân, hắn uống nước no mới được ba chín cân hai lạng. Thiếu cân chắc hắn sẽ bị loại. Dại gì tôi giúp hắn việc này. Chẳng biết nhờ ai, hắn cũng qua được kỳ khám tuyển. Cầm giấy gọi nhập ngũ trên tay, hắn tươi rói như vớ được sổ gạo. Ngày hắn nhập ngũ, cả lớp đi tiễn hắn. Ba tháng sau... hắn lại quay về trường. Người hắn gầy, đen như con châu chuộc. Té ra trước khi vào chiến trường miền Nam, hắn cùng đồng đội phải khám lại sức khỏe. Sức hắn B2 nên bị loại. Hắn theo đơn vị, trích máu viết đơn tình nguyện vào tuyến lửa. Chỉ huy biểu dương tinh thần hắn, khuyên hắn về tiếp tục học hành, chiến tranh còn dài, đủ sức khỏe, sau lại vào bộ đội. Trở lại lớp, hắn theo không nổi nên bỏ học. Hắn dại thì cứ cho hắn chết! Khi tôi đàng hoàng giã từ hàng hoa phượng, hắn ở lại lớp mười học với lũ đàn em.

Tôi băn khoăn thi vào trường đại học nào thì hắn bảo sau này hắn sẽ vào ngành sư phạm hoặc ngành y. Bố tôi định hướng tôi thi vào ngành kinh tế. Ông bảo thời nào thì thời, ở ngành kinh tế xưa nay có ai đói bao giờ. Chắc gì đại học đã là giàu. Bố tôi chỉ có cái bằng sơ cấp kế toán thế mà giàu ú ụ. Tôi thấy bố tôi nói cái gì cũng đúng. Tôi thi trượt đại học, bố tôi chạy xin cho tôi vào học trường trung cấp kinh tế của tỉnh. Hắn thi đại học đạt điểm cao. Hắn học sư phạm, cái nghề mà nhiều người bỏ qua. Người yêu của hắn học trường trung cấp y ngay ở cạnh trường tôi. Trường ấy phần nhiều là con gái. Lắm cô xinh nhưng cũng rất bạo dạn. Tôi bảnh trai, con nhà giàu, giỏi tán nên gái trường y khối đứa phải lòng tôi. Yêu mười lấy một, tội gì mà không yêu. Một lúc tôi yêu liền mấy cô. Thấy hắn theo đuổi cô bạn cũ, tôi hỏi: Ở trường sư phạm thiếu quái gì con gái, mày như con chim chích lạc vườn hoa, sao không chọn mấy bông mà hái? Hắn bảo hắn không muốn phụ tình. Trong tình yêu quý hai chữ thủy chung. Tôi bảo: Mày thật cổ hủ. Làm trai phải chơi bời tá lả! Hắn quắc mắt, nhiếc tôi: " Đồ đĩ thõa!". Hắn chỉ yêu một người là vợ hắn bây giờ.

Ngày hắn ra trường, tôi đã vào nghề được hai năm. Tôi được đề bạt làm trưởng một cửa hàng công nghệ phẩm. Nghe đâu trên trường đại học ở Hà Nội giữ hắn ở lại làm cán bộ giảng dạy, hắn xin về quê dạy cấp ba. Hắn ngu quá! Người ta ao ước suất đó mãi chẳng được. Hắn lại thờ ơ của trời cho! Giá tôi cũng được như hắn nhỉ. Tôi sẽ kéo cả họ nhà tôi về sống ở Thủ đô cho sướng!

Tôi mua căn hộ đầu phố huyện. Hắn lại ở trong khu nhà tập thể giáo viên cạnh nhà tôi. Nhà hắn, nhà tôi cùng lối ngõ, có đường tầu hỏa vắt ngang qua. Muốn vào nhà hắn phải qua cổng nhà tôi. Khi tôi lấy vợ thì con của hắn đã lên mười. Vợ tôi cưới sau bốn tháng đã đẻ. Cô tuy hơi khó nhìn nhưng được cái bố cô khi ấy đang làm chủ tịch huyện. Khi tôi lên làm giám đốc công ty công nghệ phẩm của huyện, hắn vẫn còn là một giáo viên quèn.

Trước ngày hội diễn văn nghệ toàn ngành công nghệ phẩm, tôi thuê hẳn một nhạc sỹ có cỡ ở trung ương về "thực tế" tại công ty để sáng tác ca khúc. Bài hát mang tên "Em yêu công ty công nghệ phẩm huyện em" của nhạc sỹ kia được lấy tên tôi làm tác giả. Hắn biết chuyện, gọi tôi là "*nhục sỹ*". Tôi bực hắn. Ở cái huyện này đâu chỉ có hắn biết viết văn, soạn nhạc. Tôi cũng có thừa khả năng ấy. Có điều... tôi không làm mà thôi. Mà suy cho cùng, hắn là cái thá gì kia chứ? Tôi đi xe máy, hắn xe đạp cà tàng. Tôi nhà ba tầng, nhà hắn ở khu tập thể lúp xúp như ổ chuột. Tinh tướng!

Tôi, hắn khác nhau cách dạy con. Con hắn, hắn cho gì mới được, người lớn không cho chẳng dám đòi. Con tôi đòi gì là được nấy. Tôi để nó phát triển tự nhiên. Một lần tôi, hắn ngồi ăn cơm. Mâm vừa bưng ra, mọi người chưa cầm đũa, thằng nhỏ nhà tôi đã từ đâu lao đến, xòe hai tay bốc thịt nhai ngốn ngấu. Tôi khoái chí. Vợ tôi có vẻ ngượng. Có gì mà ngượng! Con trẻ tục ăn sau này mới lên người! Hắn bảo tôi "dạy trẻ cũng như chăm cây non. Lá sâu: tỉa, cành cong phải uốn. Để trẻ "tự nhiên", khó lên người"! Chà, chà, hắn lên mặt dạy tôi mới oách chứ. Cứ để xem

sau này con ai hơn con ai!

Hắn vừa dạy học, vừa làm bí thư Đoàn thanh niên nhà trường. Mấy năm liền phong trào Đoàn hắn nhất. Hắn được trên điều về công tác ở cơ quan Huyện Đoàn. Hắn không muốn rời nghề dạy học, nhưng trên điều động thì phải chịu. Tôi bày cho hắn đến gặp bố vợ tôi, nhờ ông nói giúp một tiếng sẽ như ý. Hắn chỉ ậm ừ cho xong chuyện. Hắn muốn tự đi bằng đôi chân của mình. Lại ngu rồi! Không người nâng đỡ đố mà ngoi lên được! Khom lưng một tí có sao đâu? "Đã làm cán bộ, lưng phải thẳng", hắn nói với tôi như thế đấy. Tôi thây kệ cái lưng thẳng dại dột của hắn. Tôi cứ đi bằng cái lưng khôn của tôi!

Hắn về Huyện Đoàn một thời gian thì sang làm phó trưởng phòng giáo dục. Tôi lo được cái bằng đại học tại chức liền làm trưởng phòng kinh tế huyện. Muốn mình có lộc, phải để người khác cầu cạnh mình. Bất cứ việc gì nhỏ to do tôi quyết, dù có dễ tôi vẫn cho là khó. Khó mà xong, đối tác mới ơn mình. Bề ngoài, tôi hô to khẩu hiệu "quyết tâm bảo vệ rừng phòng hộ". Bên trong, tôi lờ đi cho lâm tặc rút ruột rừng, miễn là chúng đến thăm tôi là được. Chúng nó có ăn, mình cũng mới có ăn. Trông vào đồng lương sao xây nổi nhà tầng? Chẳng ngu như hắn. Ai nhờ gì hắn cũng giúp vô tư. Quà mang đến biếu, hắn không nhận. Vợ hắn cũng hâm hâm như hắn. Nghe đâu có cháu đem quà đến nhà đền ơn hắn, trong túi trái cây có để lẫn phong bì tiền. Hắn bảo: "Nhà chú nghèo, tiền với chú rất quý. Cháu biếu quà chú, chú nhận rồi. Bây giờ chú sẽ tặng lại cháu. Đối với cô chú, món quà quý nhất là cháu công tác tốt, giữ gìn đạo đức tư cách trong nghề nhiệp. Sự tiến bộ của cháu trong công tác mới chính là phần quà quý nhất với cô chú. Cháu mới ra trường, chưa có lương, còn gặp nhiều khó khăn. Chú không muốn thêm nỗi khó khăn cho cháu". Hắn hâm quá! Có ai biết hắn nhận quà đâu! Mỡ kề vào miệng, mèo lại chê, lạ thật! Hắn nói với tôi: "Khi người ta cần, người ta có thể tìm mọi cách để đạt được mục đích, kể cả dùng quà để biếu mình. Khi được việc rồi, người ta có thể sẽ lại tìm mọi cách kiếm tiền để bù vào số tiền mình đã biếu, kể cả vi phạm pháp luật và đạo đức. Nguyên nhân cán bộ dưới quyền vi phạm khuyết điểm ở nhiều trường hợp là bởi thế ". Lời hắn, tôi để cả ngoài tai. Ai biếu, tôi không hề khách sáo.

Vợ chồng tôi tích cóp để dành cho con trai tôi thật nhiều tiền nhiều của. Mới lớp mười hai, nó to con hơn tôi, suốt ngày ở lì trong phòng trên tầng ba chơi vi tính, trừ lúc đi chơi, đi học và ăn cơm. Không chơi *game*, nó lại xem băng hình. Nó thuê cả đống đĩa hình chất bên dàn ti-vi. Nhân nó vắng nhà, tôi thử xem nó thuê xem phim gì. Lục trong đống đĩa, tôi giật mình thấy có cả mấy đĩa hình nam nữ làm tình. Tôi mừng vì con tôi đã lớn, đã biết tìm hiểu về "chuyện ấy". Bằng tuổi nó, tôi đâu được như vậy. Tôi biết phó phòng giáo dục huyện không thích loại phim này. Hắn mà biết, hắn cho là đồi trụy. Nghe đâu con hắn mới mua về cho hắn một bộ dàn máy hát *karaoke*. Hàng xóm láng giềng tối thứ bảy, chủ nhật í ới rủ nhau sang nhà hắn tập hát. Tầng dưới nhà tôi cũng có một dàn máy *karaoke* loại xịn, nhưng tôi không muốn hàng xóm sang nhà tôi. Mấy tay thợ mỏ, mấy bà chạy chợ..., ngữ ấy rặt một phường nhếch nhác, vừa tốn nước chè, vừa phải lau nền nhà. Con Rich nhà tôi biết phân biệt. Gặp người sang trọng, nó tíu tít quẫy đuôi. Hàng xóm thập thò ngoài cổng, nó đã sủa váng trời.

Hắn cố lắm mới mua được xe máy. Xe máy của hắn có cho con tôi, nó chẳng thèm. Vợ chồng hắn dồn tiền cho hai con hắn học. Các con hắn giống hắn học giỏi. Thằng lớn học xong đại học y, đi làm mấy năm, vừa nộp hồ sơ thi cao học. Thằng thứ đang học năm cuối trường đại học xây dựng đã có một công ty lớn nhận tuyển dụng.

Cặm cụi làm phó cho bốn đời trưởng phòng mà mãi hắn không lên được chức trưởng, nhưng xem ra hắn chẳng hám chức quyền. Hắn bảo chức quyền tựa như áo khoác ngoài. Nay mình mặc, mai cởi trao người khác. Đâu phải của mình mà phải ham.

Ai chẳng thích khen, riêng hắn lại thích chê. Tôi thường được hắn mời sang dự hội nghị tổng kết cuối năm. Trong văn báo cáo, phần thành tích hắn chỉ nêu chừng mực. Hắn yêu cầu hội nghị chỉ tập trung nêu những thiếu xót, khuyết điểm, hiến những kế hay để năm tới công việc tốt hơn. Tôi hỏi: Tập trung nêu khuyết điểm có sợ ảnh hưởng đến uy tín của ngành, của bản thân không? "Muốn có uy tín phải làm vậy !". Câu hắn trả lời, tôi không hiểu. Hắn dại, tự vạch áo cho người khác xem lưng.

Khi hắn lên trưởng phòng giáo dục huyện thì tôi ngồi ghế trưởng phòng kinh tế đã mười năm. Tôi mơ cái ghế phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện. Tiếc bố vợ tôi vội xuống suối vàng khi cụ đương ngồi ghế chủ tịch. Nếu không, tôi chẳng đẹt thế này! Tôi hơn đứt hắn về hiểu lòng cấp trên. Nửa câu nói xa cấp trên vừa hé ra là tôi đã biết tôi sẽ phải làm gì. Tôi nắm sở thích từng

người một. Lạc thú ở đời ăn chơi hưởng lạc, tôi biết theo gu của từng người. Chẳng hiểu tại sao một số cán bộ cấp trên lại không thích tôi mà lại đem lòng yêu quý hắn kia chứ? Hắn thẳng tính, dám phê bình, góp ý, không biết lựa lời ướm ý như tôi. Đành rằng hắn nói được, làm được, việc người khác bó tay, hắn giải quyết ngon lành. Nghe nói mấy lần lên làm việc trên tỉnh và trên Bộ, lãnh đạo huyện đã cho hắn đi cùng, mọi việc đều được tròn vẹn cả. Hắn không hại tôi, nhưng sự tồn tại của hắn ở dưới gầm trời này mặc nhiên phủ nhận sự tồn tại của tôi, phủ nhận những người giống như tôi. Tôi không ưa hắn. Tôi thù hắn. Gặp bí thư, chủ tịch huyện hay gặp bất kỳ cán bộ chủ chốt nào, tôi thường sáng tác câu chuyện kể về hắn. Ai bảo hắn "kiêu", tôi cũng ừ rằng "kiêu". "Dùng hắn như dùng con dao sắc. Nếu không cẩn thận đứt tay liền!". Tôi đặt ra khá nhiều điều về hắn. Người người xung quanh nghe tôi, cười. Lại cũng có kẻ nhăn mặt lại. Với tôi, điểm yếu của hắn là chỉ biết chúi đầu chúi mũi tập trung vào công việc, không dành thời gian lê la ngoài quán sá săn tin vịt nên tôi chắc hắn không thể nào biết được tác giả chuyện cười bôi vẽ hắn là tôi. Khi biết hắn có tên trong danh sách đề cử phó chủ tịch huyện khóa tới, tôi bàn với đồng minh không ưa hắn triển khai kế hoạch hạ bệ. Hắn liên tiếp bị đơn thư tố cáo. Khi xác minh hắn vô tội thì kỳ bầu cử cũng đã qua. Chiêu này thật tuyệt! Tôi đã dùng chiêu này hạ bệ một tay trưởng phòng trong kỳ bầu cử trước đã cùng tôi chạy đua vào ghế phó chủ tịch. Tôi không lên được, đố hắn ngoi lên được! Rốt cuộc, cả hắn và tôi đều không ngoi lên được, cuối đời lẹt đẹt chức trưởng phòng.

Tôi, hắn nghỉ hưu cùng một đợt. Tôi buồn, vì ngày ngày không còn lên cơ quan, không "giúp" được ai, không ai "giúp" lại mình, cái thú tiệc tùng... giờ còn đâu! Về hưu, ra sân chơi ten-nít, đến đứa trẻ ranh nhanh chân đến trước chẳng nhường sân, đâu còn trọng vọng như ngày trước. Tôi cố xin thêm một năm ở lại cơ quan mà chẳng được. Tôi nhờ trên "tác động" cũng không xong. Tôi nằm liệt giường, không muốn đi đâu, chẳng buồn nói với ai. Hắn thì khác tôi. Chuyện về hưu hắn cứ vui như tết. Hắn bảo tôi quẳng gánh lo đi mà vui sống. Cùng tuổi tôi, hắn đã lên chức ông, suốt ngày vui chơi cùng cháu nội. Hắn rủ tôi vào hội người cao tuổi, lo việc ma chay, hiếu hỷ của dân. Hắn bảo tôi viết văn, làm thơ. Thơ văn giúp thanh tâm dưỡng trí, như liều thuốc bổ của tuổi già. Lần đầu tiên trong đời, tôi miễn cưỡng làm theo lời hắn nói. Tôi thấy vui nhưng nhiều lúc cũng buồn. Buồn nhất cái hôm họp tổ dân, cuộc họp bầu lại chức tổ trưởng dân phố. Tôi tự thấy mình xứng đáng làm tổ trưởng, những mong mọi người bầu cho tôi. Hắn giới thiệu tôi cho dân ở tổ bầu. Tôi là cán bộ có năng lực, kinh nghiệm... Hắn trổ tài thuyết phục mọi người. Lời hắn nói cũng làm tôi xúc động. Hắn vừa dứt lời, tôi xung phong ứng cử. Chẳng có ma nào bầu cho tôi. Họ lại quay sang bầu hắn mới chết chứ! Khi còn đương chức, tôi muốn gì được nấy, muốn chức trưởng phòng chẳng khó gì. Giờ về làm dân, muốn chức tổ trưởng tổ dân mà chẳng được. Tôi đứng phắt dậy, bỏ họp, về.

Cách đây một tháng, hắn đã sang nhà tôi. Hắn cầm sổ đi thu tiền thuế đất, quỹ an ninh, quỹ ủng hộ đồng bào bị bão lũ... Tôi định không nộp vì tức hắn. Tôi bằng mặt, không bằng lòng với hắn. Đến lúc về hưu, hắn vẫn là đối trọng của tôi. Trời sinh ra tôi, sao lại còn sinh ra hắn chứ?

Hắn bảo con tôi đàn đúm với đám thanh niên nghiện hút, có lần hắn gặp vào sới nghiện. Tôi không tin, cho là hắn đặt điều. Đợi lúc hắn về, tôi bí mật lên phòng riêng của con tôi lục soát. Ở túi quần nó treo trên mắc, tôi móc ra hai cái bao cao su và một gói bột trắng. Tôi chết điếng. Quý tử nhà tôi mắc nghiện thật. Thảo nào mặt nó tái như gà cắt tiết. Tôi tưởng vì nó thức học khuya. Tôi báo cho mẹ nó biết chuyện này. Mẹ nó tru lên nghe nẫu ruột, bấy giờ mới phô ra cho tôi biết cái tội của nó đã nhiều lần mở tủ bốc trộm tiền... Nó thò mặt về, tôi điên tiết choang cho nó một trận. Nó hứa từ nay không thế nữa.

Tôi sang nhà hắn, vờ cảm ơn hắn quan tâm đến con mình và giấu nhẹm chuyện thằng con mắc nghiện. Vợ chồng tôi lên kế hoạch quản thúc thằng con quý tử tại nhà. Dịp này nó ở nhà ôn thi cuối cấp học phổ thông. Tôi với vợ tôi thay nhau canh gác nó. Con Rich nhà tôi cũng dự vào việc ấy. Hễ thấy đứa nào bạn nó thập thò ngoài ngõ, Rích nhảy chồm ra, sủa váng lên. Quý tử nhà tôi suốt ngày ở trong phòng tầng ba. Tôi lần nào lên cũng thấy nó ngồi học bài rất chăm chú. Mấy tuần trên gác, nó chẳng đi đâu cả. Tôi chắc nó chừa hút hít rồi!

Tôi tuyên bố con tôi không mắc nghiện. Hắn cười, bảo tôi bí mật rình. Khoảng mười giờ đêm, tôi núp sẵn trên ban công tầng ba. Nhìn xuống ngõ: một bóng đen lảng vảng. Cửa sổ phòng con tôi kề ban công, cách nơi tôi đứng chừng hơn mét. Ánh sáng phát ra từ bóng đèn cao áp trên đường phố gần bên đủ giúp tôi nhìn mọi vật khá rõ ràng. Chẳng phải chờ lâu, cửa sổ phòng nó mở. Từ đó, một vật gì ném ra, rơi xuống đất. Vật đó bỗng nhiên dừng lại lơ lửng trên không trung,

từ từ hạ xuống từng nấc một. Thì ra vật đó được nối bằng sợi chỉ từ bên trong cửa sổ thả buông ra. Một lát, sợi chỉ được kéo lên. Đầu chỉ buộc ống tiêm, gói thuốc. Tôi đẩy cửa, vào. Mặt thằng quỷ tử ngay đuỗn, trắng bệch. Vật chứng trên tay nó rành rành.

Tôi giận con tôi, tôi cũng giận cả hắn. Con tôi nghiện, nó khổ, tôi khổ, can gì đến hắn mà hắn theo dõi chứ? Hắn xía vào tôi để làm gì? Hắn biết, cả tổ dân sẽ biết. Danh giá nhà tôi sẽ xuống bùn. Hay hắn tính bài trả thù tôi? Người như tôi, đâu dễ trả thù được! Động đến tôi là lao vào chỗ chết!

Chẳng phải vì tôi, sáng nay hắn chết. Hắn chết sau khi cứu được thằng bé con hàng xóm thoát khỏi đoàn tầu hỏa. Tôi là người đầu tiên trông thấy thằng nhỏ đứng lơ ngơ trên thanh tà-vẹt đường tầu. Nó huơ tay, mồm há hốc kinh hoàng khi thấy đoàn tầu hét còi phanh gấp xịt khói phì phì xình xịch lao tới nó. Tôi hét lên theo phản xạ bản năng khiến cho cả đám đông đứng gần đó biết nhưng đám người kia và cả tôi chôn chân chết khiếp nhìn thằng nhỏ, chờ đợi cái điều không ai mong muốn sắp xảy ra với nó như sự sắp đặt tất yếu của định mệnh. Chợt lúc đó, hắn từ đâu xuất hiện, nhào tới bế thốc thằng nhỏ lao ra ngoài đường tầu. Chân hắn lỡ mắc vào đường ray. Tầu va hắn văng xa mấy mét. Sự việc xảy ra trong tích tắc. Tôi lỉnh vội vào nhà khép cổng lại, không dám đoái nhìn về phía ấy, mặc láng giềng khiêng xác hắn về nhà.

Tôi lập chiến công cứu thằng nhỏ. Không có tôi kêu, hắn biết đâu mà cứu. Gia đình thằng bé chỉ biết ơn hắn là đã phụ công lao to lớn của tôi. Khi nhìn hắn chết, tôi dửng dưng không cảm được điều gì ngoài niềm tự hào về chiến công của mình vừa lập được. Hắn chết là dại. Hắn đổi đời hắn cho thằng nhỏ làm gì? Ở hoàn cảnh đó, đằng nào chẳng có một người phải chết. Hắn chết cũng như thằng nhỏ chết. Việc hắn chết thay phỏng có nghĩa lý gì?

Cuối buổi chiều nay, tôi đưa hắn ra đồng. Đoàn đưa tang dài tới hơn cây số. Tôi ngầm so số người đưa tang hắn nhiều gấp mấy lần đưa tang bố vợ tôi. Đi trước xe tang, hai thằng con hắn mặc áo xô, trông lừng lững như hai hộ pháp. Con tôi đang ở trại cai nghiện. Học sinh giúp vận chuyển vòng hoa. Mỗi đứa một vòng, số vòng hoa hai lớp khuân mới hết.

Tôi lạc giữa dòng người câm điếc. Tôi kể với mọi người xung quanh về chiến công tôi phát hiện, kêu lên cho hắn cứu đứa bé thoát chết nhưng chẳng có ma nào nói chuyện với tôi. Khi mọi người quây quanh nơi chôn hắn, tôi tách ra bên, đứng một mình.

Chẳng hiểu tôi vui hay tôi buồn. Tôi như thể... không còn là tôi nữa.

Hắn chết, đối trọng đời tôi nay không còn, chỉ còn tôi trụ lại thế giới tôi. Hắn và tôi, ai đúng, ai sai? Hắn dại, tôi khôn hay ngược lại?

Mải suy tư, tôi giật mình sực tỉnh. Chỉ mình tôi đứng giữa bãi tha ma. Có lẽ mọi người đưa tang đã về từ lâu, không ai rủ tôi đi về cùng. Mặt trời tắt. Bóng đêm nhập nhoạng. Có tiếng kêu rúc loài chim lợn.

Mồ hắn quây quần toàn là hoa.

Uông Bí, 8/ 2014

1 Một loại mệnh giá tiền của nước ta trước năm 1978: 10 hào = 01 đồng
2 Dụng cụ đánh bắt tôm tép ở đồng bằng miền Bắc.
3 Lớp học phổ thông cuối cấp ba trước đây theo hệ 10 năm. Nay học theo hệ 12 năm.
4 Pa-ven Ca-rơ-sa-ghin là nhân vật chính trong tiểu thuyết Thép đã tôi thế đấy của nhà văn Xô- viết Nhi-cô-lai Ô-xtơ-rốp-xki.

TRẦN TRƯƠNG





bút ký

BÚT KÝ SPEYER

DIỆP PHƯƠNG CHI

Hôm nay là một trong những ngày cuối cùng tôi học ở thành phố Mannheim, thuộc bang Baden Wueternberg Tây Đức. Cảm giác sắp chia tay một cái gì đó bao giờ cũng làm cho chúng ta cảm thấy ngậm ngùi. Trong tiếng Đức, để nói tạm biệt, người ta không nói "goodbye" mà chỉ nói là "Aufwiedersehen" có nghĩa là "hẹn gặp lại". Điều đó với tôi thật là ý nghĩa, vì "hẹn gặp lại" có nghĩa là không xa mãi mãi, có nghĩa là vẫn hẹn nhau tái ngộ một ngày nào đó trong tương lai (không kiếp này thì có lẽ cũng kiếp sau?). Phải có duyên lắm thì mới gặp nhau, thế mà tôi đã "gặp" được các thành phố ở bang Baden Wuerternberg này những hai lần. Lần trước thì cách đây cũng đã 8 năm, và lần này là lần thứ hai. Mà lại rất tình cờ. Suýt nữa DAAD (Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức) đã gửi tôi sang học ở thành phố Hamburg, họ đã gửi giấy mời đàng hoàng, tôi cũng đã mang giấy mời này đi phỏng vấn ở lãnh sự quán, đùng một phát vào giây phút cuối, họ thay đổi quyết định, gửi lại giấy mời khác cho tôi sang thành phố Mannheim. Từ Mannheim này, vào những buổi cuối tuần rảnh rỗi, tôi và bạn bè lại có dịp thăm thú, khám phá những thành phố khác xung quanh. Và những ngày cuối cùng này, DAAD đã đưa chúng tôi đi thăm thành phố Speyer – một thành phố thuộc bang khác, bang Rheinland-Pfalz của nước Đức.

Thành phố Speyer nằm về phía nam của Mannheim cách khoảng 20 km và về phía bắc của Karlsruhe cách khoảng 34 km. Vào năm thứ 10 trước công nguyên, người La Mã đã lập một doanh trại quân sự cho khoảng 500 người tại đây, đặt nền móng thúc đẩy cho việc thành lập thành phố sau này. Thành phố Speyer có lịch sử khoảng 2000 năm và nổi tiếng với nhà thờ lớn Speyer (Kaiser-und Mariendom) – một di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận từ năm 1981, là công trình kiến trúc Rôman (*Romanesque*) lớn nhất thế giới. Tôi đã đi thăm khá nhiều nhà thờ có kiến trúc Gothic điển hình nổi tiếng, như nhà thờ Đức Bà Strassburg ở Đông Bắc nước Pháp (được coi là một trong những kì quan thứ 8 của thế giới), hay nhà thờ lớn ở Cologne (Koeln), Tây Đức...- những nhà thờ tuyệt đẹp được xây dựng từ thời trung cổ, hoàn toàn bằng sức người khi chưa có chưa có cần cẩu, máy móc, thế mà lại cao vút và được miêu tả như những "kỳ công khổng lồ và tinh tế" (Victo-Hugo), nhưng lần này, tôi vẫn rất ngạc nhiên và lấy làm thú vị trước nhà thờ chính ở Speyer, vì nó theo kiến trúc Roman – một kiểu kiến trúc chịu ảnh hưởng của kiến trúc La mã cổ đại chứ không phải theo kiến trúc Gothic hoặc Baroc như nhiều nhà thờ khác, mà lại là công trình kiến trúc Roman lớn nhất thế giới. Một điều đặc biệt nữa là trong nhà thờ này, có hầm mộ chon các vua, hoàng hậu và công chúa của vùng Bayern thời trung cổ.

Nhà thờ chính của thành phố Speyer được xây dựng năm 1030 bởi vua Konrad II – người đầu tiên của dòng họ Seiler bước lên ngai vàng của Thánh Chế La Mã. Nhìn mặt trước phía bên ngoài,

nó rất khác biệt so với các nhà thờ khác vì đường nét khối vuông vắn cứng cáp với bề mặt cảm giác như "đúc liền một khối kiên cố", hoa văn chìm kẻ ngang trên bề mặt phẳng lì tưởng như đúc liền đó, và có rất ít cửa sổ, không hề có kiểu nhiều mái vòm hẹp cao nhọn tầng tầng lớp lớp như nhà thờ kiểu Gothic. Phía trước cửa nhà thờ, có một quảng trường rộng với những tòa nhà cổ kính rất đẹp với nổi bật là tòa nhà Sophie-La-Roche-Haus. Cũng ngay trước nhà thờ, có một cái ang lớn hay nói chính xác hơn là một cái bát đá lớn ngày xưa dùng để chứa rượu vào những dịp lễ lớn, có thể chứa đến 1500 lít rượu. Thời điểm đó, có sự phân tranh lớn giữa các hoàng đế cát cứ và các giáo hoàng, bát đá này còn được coi là ranh giới giữa thành phố Speyer và địa phận của giám mục, nếu phạm nhân nào trốn qua được cái bát đá này để vào địa phận của giám mục thì sẽ không thể xử tội được nữa. Giám mục nào mới về nhậm chức cũng đổ đầy rượu vang vào bát đá này để chiêu đãi nhân dân trong thành phố. Bước vào bên trong nhà thờ, ở khu vực trung gian trước khi bước qua cánh cửa sắt để vào khu vực làm lễ, tôi thấy có 3 sảnh (một sảnh giữa cũng là lối đi vào ngay trước tấm cổng sắt và 2 sảnh 2 bên trái, phải của sảnh giữa này) với các cột kèo, nóc vòm rất đặc trưng phong cách kiến trúc Roman. Đặc biệt là 2 sảnh hai bên có hai bức tượng to rất đẹp và sinh động. Tượng bên sảnh phải là tượng vua Rudolf Von Habsburg, còn gọi là vua Luwig I – vua cát cứ vùng Bayern, tôi biết được nhờ đọc các dòng chữ tiếng Đức dưới tượng, kết hợp hỏi một bà già người Đức tốt bụng. Tượng sảnh là tượng giống như tượng một chiến binh La Mã, lại toàn ghi chữ La-tinh nên tôi không biết là ai, tôi hỏi rất nhiều người Đức xung quanh nhưng họ đều không biết, lát sau có một cặp vợ chồng già người Đức bảo rằng đó là tượng của hoàng tử, còn các tượng được điêu khắc trên vách tường là tượng của các vị vua thời trung cổ của xứ này. Tôi thấy có điểm khác biệt, là các nhà thờ Gothic thì thường điêu khắc tượng các vị thánh trên vách, còn nhà thờ kiểu Roman này lại điêu khắc tượng các vị vua. Các chữ ở đây phần lớn là chữ La-tinh. Bước qua tấm cổng sắt chính, bên trong khu vực làm lễ, kiến trúc cũng gồm 3 sảnh như mọi nhà thờ khác với sảnh chính giữa lớn nhất và 2 sảnh 2 bên trái, phải. Chỉ có điều các cửa sổ không hẹp cao vút lên như ở những nhà thờ Gothic mà đường nét rộng rãi tròn trĩnh hơn, và không có tranh kính màu. Chỉ có những bức tranh tôn giáo nằm dọc trên cao hai vách tường. Đi sâu vào trong, bước lên bậc thang để quan sát khu vực nghi lễ, bạn sẽ thấy vòm mái chợt cao vút lên với 8 cạnh bát giác rất đẹp, phóng khoáng. Kiến trúc bên trong nhìn chung là khoáng đạt, đơn giản nhưng khỏe khoắn, hài hòa, màu sắc sáng nhã và đường nét thì chuộng những mảng miếng to bản vững chãi. Điều đặc biệt là các nhà thờ Roman và các tín đồ tôn giáo thời kì đầu hay có xu hướng sùng bái các xương, cốt của các vị thánh, vị vua. Tôi thấy ở nhà thờ này có gian trưng bày một khúc xương của vua Paul Joseph Nardini (1821 – 1862) được trang trí công phu với cườm, hoa…và đặt trong hộp vàng lồng khung kính rất đẹp.

Tuy nhiên, khu vực đặc biệt nhất của đại nhà thờ này lại phải nói đến khu vực hầm mộ, nằm sâu dưới tầng hầm của nhà thờ. Khu vực hầm mộ được gọi là Krypta (tiếng Anh là crypt) xuất phát từ chữ Hi Lạp "kryptein" có nghĩa là "cái gì đó được ẩn giấu". Bạn có thể mua vé (giá 3 Euro) để được đi xuống bậc thang vào khu vực hầm mộ và được nhận tờ giới thiệu in bằng tiếng Anh hoặc tiếng Đức... Như đã nói, những người thiên chúa giáo thời kì đầu rất sùng bái xương cốt của các vị thánh/ các vị vua, họ có xu hướng xây nhà thờ trên nền đất có mộ của các vị này vì tin rằng như vậy nó sẽ gần với sự thiêng liêng hơn, ví dụ nhà thờ St. Peter ở Roma được xây dựng bên trên ngôi mộ của thánh Apostle Peter. Khu vực hầm mộ này rất lớn. Nếu nhìn mặt cắt chu vi của khu hầm mộ này trên bản đồ hướng dẫn, ta có thể thấy nó trông giống như hình một cây thánh giá với đầu thánh giá được bo tròn. Phần gốc thánh giá thì nhỏ, trần thấp, kì bí, thiêng liêng, chính là phần trung tâm chứa mộ các vị vua, hoàng hậu, công chúa. Các phần còn lại đều rộng rãi, trần cao (nhưng đều nằm ngầm dưới mặt đất) là nơi đặt các bàn thờ. Khu vực hầm mộ này đã không bị phát hiện trong hàng nhiều thập kỉ, mãi cho đến tận đầu thế kỉ 20, người ta mới tìm ra và khai quật trở lại. Đi lướt qua các khu vực đặt bàn thờ, bạn sẽ đến cửa đi vào phần hầm mộ với tượng của vua Rudolf Von Habsburg cầm quyền trượng, đứng nghiêm nghị trên lưng con sư tử, tượng trưng cho quyền lực của ngài. Hai bên vách tường là tượng của tất cả 8 vị vua. Sau đó, bạn có thể đi lên một trong hai lối bậc thang nhỏ hẹp 2 bên để lên phần chính của hầm mộ. Ở phần chính này, bạn sẽ thấy trung tâm hầm mộ (mà ở thời trung cổ, nó đã được xây dựng ở phần cuối cùng của gian giữa). Hai bên phải, trái của vách tường có thể nhìn



thấy được một phần của 2 cái cột rất lớn, chống đỡ cho khu vực trung tâm này.Trong một khuôn viên nhỏ gồm 10 ngôi mộ, chia làm hai hàng mỗi hàng 5 mộ, nằm liền kề gần nhau vuông vắn, được làm hàng rào thép bảo vệ để giữ khoảng cách với khách du lịch, ở hàng phía sau, nằm chính giữa, đó chính là mộ của vua Konrad II (mất năm 1039), có 3 thanh thép lớn đè lên mộ ông nhằm bảo vệ chống lại sự xâm phạm, bên tay trái của ông lần lượt là mộ vua Heinrichs II (mất năm 1056), vua Heinrichs IV (mất năm 1106). Cũng ở hàng phía sau này, nằm bên phải mộ vua Konrad II là vợ ông – hoàng hậu Gisela (mất năm 1043), cạnh bà ấy, hơi thấp hơn một chút là mộ của vợ đầu vua Heinrichs IV – hoàng hậu Bertha (mất năm 1087). Ở hàng mộ phía trước, từ phải qua trái lần lượt là mộ của bốn vị vua, một vị hoàng hậu, và một công chúa. Đó là vua Philipp Von Schwaben (mất năm 1208), hoàng hậu Beatriz (mất năm 1184) - là vợ vua Frederick Barbarossa, bà được chôn chung cùng một mộ với con gái là công chúa Agnes (cũng mất 1184), tôi trộm đoán có lẽ hoàng hậu này đã mất khi sinh công chúa? Cạnh mộ hoàng hậu Beatrix cùng công chúa là ngôi mộ được xây dựng trước dành cho chồng bà là vua Frederick Barbarossa, tuy nhiên, vị vua này lại bị chết đuối ở vùng Asia Minor (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay) nên đã được an táng tại đó. Do đó, mộ này lại được sử dụng để chon vua Rudolf Von Habsburg (mất năm 1291), và nằm cạnh ngài là người con trai bị ám sát của ngài – hoàng tử Albert Von Oesterreich. Cuối cùng là mộ vua Adolph Von Nassau – người được chọn làm vua thay cho hoàng tử Albert, bị giết tại trận chiến ở Hasenbuhl năm 1298. Đó là 10 ngôi mộ nằm trang trọng cùng nhau vuông vắn trong một khuôn viên nhỏ tầm 20 mét vuông (mỗi mộ thực chất chỉ thấy một phiến đá hình chữ nhật nổi lên, bên trên có ghi chữ la-tinh có lẽ là tên tuổi của vị nằm bên dưới). Ngoài khuôn viên này, còn có 5 ngôi mộ bằng đá nữa được táng sâu vào trong vách tường đối diện khuôn viên, chỉ lộ phần đầu mộ ra ngoài, 3 mộ nằm bên trái, 2 mộ nằm bên phải, đó là mộ của 5 vị Giám mục nhà thờ. Điều đặc biệt nữa là trên hai lối bậc thang bên phải và bên trái để đi vào khu hầm mộ chính giữa này, cũng có 2 ngôi mộ nữa được táng trên vách tường. Mộ bên vách tường phía trái đó là của vua Heinrichs (mất năm 1125), như vậy riêng vua Heinrichs V thì lại nằm hẳn ở bên ngoài, trên vách tường cách khuôn viên 10 mộ kể trên tầm mét rưỡi về phía trái. Nằm trên vách tường phía bên phải của khu hầm mộ, ở bậc thang phía phải, lại là một ngôi mộ tới nay vẫn chưa rõ của ai. Người ta đã tìm thấy ở đây xương của nhiều người khác nhau, lại dưới sự tàn phá của thời gian nên không thể nhận diện được những ai đã nằm chung trong ngôi mộ này. Một điều đặc biệt nữa, trong tờ giới thiệu về khu hầm mộ của nhà thờ Speyer này, các ngôi mộ được đánh số thứ tự, mà thứ tự của ngôi mộ chưa rõ của ai này được đánh số 13. Tôi trộm nghĩ, có lẽ số 13 – vị trí của phản đồ Giuda hại Chúa, được xem là số xui xẻo của phương tây, đã được cố tình gán cho ngôi mộ chưa rõ của ai này? Nó xui xẻo vì là mộ duy nhất không biết được danh tính những người nằm dưới? Hay những người nằm dưới là những người xui xẻo vì là những nạn nhân nào đó trong thời kì cát cứ phân tranh giữa các vua chúa châu Âu thời trung cổ?

Ra khỏi nhà thờ chính Speyer, chúng tôi cảm thấy nao nao và nhiều xúc động cứ như được chứng kiến một phần lịch sử châu Âu thời phong kiến trung cổ ngày xưa...

Phía sau, xung quanh nhà thờ này là vườn của nhà thờ với một số tượng các vị vua, những bãi cỏ xanh ngát, đài phun nước và những hàng ghế đá nơi có các cụ già lẫn du khách thập phương dừng chân nghỉ mát. Ra phía sau nhà thờ, nhìn từ bên ngoài, nhà thờ này đẹp rực rỡ và hoành tráng trong nắng chiều với những chóp nóc màu xanh, những đường nét khỏe khoắn, chắc nịch của kiến trúc Roman mạnh mẽ. Phía sau nhà thờ, nếu đi xa hơn nữa, bạn sẽ thấy bờ sông Rhein với tượng của người lái đò và câu chuyện truyền thuyết được lưu truyền từ thế kỉ 19. Chuyện kể rằng bên bờ sông Rhein có ông lão lái đò một ngày nọ đã chở một vị khách lạ mặc áo choàng qua sông, đi cùng với vị khách lạ này là 7 vị khách khác đều mặc áo choàng trông rất uy nghi đường bệ. Khi những vị khách này vén áo choàng để lấy tiền thưởng cho người lái đò, người lái đò nhìn thấy thấp thoáng trong những áo choàng kia là gươm quý cùng bao nhiêu châu báu, tiền vàng, đá quý. ..Mỗi người trong 8 vị khách lạ nọ đều đưa cho ông lão lái đò một đồng tiền xu, và các đồng xu này sau này đều được đưa vào nhà thờ chính. Ông lão lái đò nhìn thấy trên mỗi đồng tiền này hình ảnh của một vị hoàng đế, và ông chợt nhận ra mình vừa chở 8 vị vua vượt sông Rhrein, họ đã quay trở lại để thống nhất vương quốc. Truyền thuyết thật thú vị, đến giờ vẫn còn tượng ông lão lái đò ở thành phố Speyer.

Trên con đường chính nối liền nhà thờ lớn kiểu Roman này với tháp quan sát cổ của thành phố Speyer (gọi là tháp *Altpörte*) còn có một bức tượng đồng đen mô tả nhân vật Jakobspiger – hình

ảnh một người đi chân trần, trông khổ hạnh, đội nón vành, áo tơi, chống gậy bước đi trên đường. Tôi hỏi thầy giáo dẫn đường người Đức – chính xác là cha Đức, mẹ Nhật, sinh ra và lớn lên tại Đức nhưng lại có khuôn mặt hoàn toàn thuần Nhật Bản về nhân vật này, thì thầy giải thích rằng nhân vật Jakobspiger đó là một người hành hương về hướng Tây Ban Nha, đi ngang qua Speyer, vừa đi vừa cầu nguyện và truyền đạo, rằng ngày xưa, có rất nhiều tu sĩ và người mộ đạo đã chọn một đích đến nhất định nào đó ở châu Âu để đi hành hương bằng đi bộ chân trần, vừa đi vừa truyền đạo và tu khổ hạnh. Thầy còn so sánh với những Phật tử hoặc tu sĩ bên đạo Phật hành hương về Tây Tạng. Tôi thấy câu chuyện rất thú vị, và tôi cũng thấy những người tích hợp đa văn hóa vừa Đông, vừa Tây như thầy giáo cha Tây, mẹ Nhật này thật là thú vị vì họ có được sự hiểu biết và nền tảng văn hóa tích hợp cả đông lẫn tây.

Bức tượng này nằm ngay ở bùng binh, đối diện chênh chếch với một nhà thờ nữa gọi là nhà thờ Chúa Ba Ngôi (Dreifaltigkeitskirche) và nằm trên con đường chính nối Dom (nhà thờ chính) với tháp quan sát cổ. Tháp quan sát cổ hay gọi là cổng thành cổ này (*Altpörte*) được xây dựng từ thế kỉ 13, sau đó đến thế kỉ 18 thì được gắn thêm một cái đồng hồ rất to. Nếu quan sát kĩ, bạn sẽ thấy chữ số la mã trên bề mặt đồng hồ bị viết sai một số, đó là ở vị trí 4 giờ. Thay vì viết IV thì người ta lại viết thành IIII. Tòa tháp này cũng cổ kính với kiến trúc Roman rất đặc trưng, độc đáo. Ngày xưa, thời trung cổ, các vị vua chúa châu Âu cát cứ và đánh chiếm lẫn nhau liên tục nên lãnh địa của vị nào, vị nấy phải lo xây dựng thành quách vững chắc, và tôi đoán rằng tháp quan sát này ngày xưa có lẽ cũng chủ yếu được xây dùng nhằm mục đích bảo vệ lãnh thổ. Cổng thành rất cổ này được coi là một trong những cổng thành đẹp nhất và cũng là cao nhất của nước Đức. Giờ đây, nó trở thành một vị trí tuyệt vời cho du khách nào muốn thưởng thức vẻ đẹp tổng thể của Speyer từ trên cao. Chỉ cần trả 1,5 Euro, bạn có thể leo lên Tháp quan sát để ngắm Speyer từ trên cao ở tất cả mọi hướng. Đây quả thực là một trải nghiệm tuyệt vời cho tôi cùng nhóm bạn. Đứng trên tháp quan sát này, bạn có thể ngắm thành phố Speyer tuyệt đẹp với những mái nhà đều tăm tắp, những mái ngói phong cách rất cổ kính, rất rất châu Âu với những bậu cửa sổ được trổ trên nóc mái ngói, những góc phố duyên dáng một cách không thể tin được, những nóc nhà thờ với đủ phong cách. Ngoài nhà thờ chính phong cách Roman ra, Speyer còn vài nhà thờ nữa cũng tuyệt đẹp như nhà thờ Chúa Ba Ngôi đã có kể đến ở trên, và nhà thờ Die Gedächtniskirche der Protestation, qua cổng thành đi thẳng sẽ đến nơi. Đó lại là một nhà thờ theo phong cách Gothic, nhưng đặc biệt là từ đài quan sát, bạn có thể trông thấy những phần nóc được trang trí rằn ri đa sắc màu tươi vui xanh đỏ với họa tiết cực kì tinh tế, nhìn xa xa cứ như họa tiết thổ cẩm Việt Nam được dệt trên những mái nóc nhà thờ vậy. Tôi cùng các bạn Hường, Hòa, Mạnh đã chụp một số bức ảnh cùng nhau trên nóc nhà thờ này. Đó là kỉ niệm thật đẹp, vì sắp tới chúng tôi sẽ xa nhau, mỗi người tỏa đi một thành phố khác trong nước Đức để tiếp tục công việc học tập của mình. Những kỉ niệm chung thời đi học đẹp như thế này là vô giá đối với chúng tôi.



Và dẫu sao đi nữa, chúng tôi cũng sẽ nói cùng nhau không phải là "goodbye" mà là "Aufwiedersehen" – Hẹn Gặp Lại.

(Mannheim, CHLB Đức cuối tháng 9/2014 -
Viết tặng các bạn để kỉ niệm những ngày tháng cùng học ở Mannheim năm 2014)

DIỆP PHƯƠNG CHI



truyện ngắn

NAM MÔ TA BÀ HA ...

NGUYỄN LỆ UYÊN

Cổng mở toang. Đứng bên ngoài hắn nghe có tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng hát lên đồng ê a. Có lúc những âm thanh ấy như tiếng kêu của đám ve sầu trên những hàng cây sao chạy dọc từ sân ga ra biển. Đèn sáng trưng mang theo mùi nhang khói cô hồn, các đẳng, mùi của các thánh thần, của tổ tông anh minh và phạm tội. Đèn sáng còn mang theo mùi xác thịt và mùi các thứ kinh tụng cứu vớt sinh linh đang ngoi ngóp như lũ giòi trong ao tù và rớt vào thinh không. Hắn đứng bên ngoài và dỏng tai lắng nghe. Hắn thở và nhớ những cái xác ve sầu rụng dưới đất. Ve sầu kêu ve ve, suốt mùa hè, đến kỳ gió bấc thổi. Hắn bối rối thiệt chớ không phải con ve sầu hay lão La Fontaine chết tiệc làm hắn bị điểm không vì không thuộc lời dịch của cụ Vĩnh Văn Nguyễn.

Hắn rón rén qua cổng, bước vào sân và núp dưới cội tùng đã rụng lá, xác xơ. Con sói xám chạy tới, thay vì nó dằng xé hắn để ăn thịt thì lại chồm lên liếm vào mặt, vào tay ủng ẳng lượn cọ quanh người như thể hắn là tình nhân của nó. Một trong hai tên tình nhân già xa nhau quá lâu ngày. Nếu như không có ánh sáng của những ngọn đèn, không có cội tùng xơ xác và bụi ngải cứu lúc lắc, tìm cách tạo dáng trong chậu, dám cái con tình nhân kia đè ngửa hắn ra, lột áo quần để làm chuyện bậy bạ.

Con sói xám không thôi dừng lại. Nó vẫn chạy quanh, cọ vào người và ủng ẳng to hơn, át cả tiếng chuông mõ ve sầu.

Bóng một chiếc áo nâu lướt qua khung cửa. Chiếc áo ngập ngừng rồi bước hẳn ra sân, dáo dác như thể truy tìm ai đó vừa ăn cắp vật quý và phóng vọt ra khỏi nhà.

-Trời đất, con đi đâu những hai ngày nay!

-Trẫm lên núi Tú Vi tu tiên, đọc kinh Coran và kinh thánh vật.

-Ôi trời! – Chiếc áo nâu rên rẩm – Con vào nhà tắm rửa thay áo quần rồi hầu kinh.

-Xin lỗi, các ngươi phải hầu trẫm chớ sao bảo trẫm phải hầu các kinh các ngươi? Phạm thượng. Tối phạm thượng. Ngươi có biết tội khi quân bị xử lăng trì, bị tru di cửu tộc không, hả? Bay đâu, bắt người này giam vào đại lao chờ ngày hành quyết.

-Con ơi là con. Sao lại ra nông nỗi này hả trời!

-Tội của ngươi phải bị voi dày hổ xé, phải trói gô ngươi ra mà bắn tám mươi phát đại bác vào mồm, như phụ vương ta từng trói gô hai trăm măn mươi tên phản cách mạng bắn bỏ sau cách mẹ nó cái mạng thời mùa hè đỏ, tháng tư đen, có nhớ không? Các ngươi toàn là thứ phản quốc, động chút tí là phản, chạy theo đế giày đế quốc Chằng Tinh, liếm bơ sữa Chằng Tinh. Thúi rình mà không thấy nhục, thấy có tội với nhân dân bị đè đầu cởi cổ, bị bóc lột tận cùng chiếc quần xà lõn xì-líp xú-cheng...

-Con ơi...

-Nhà ngươi còn muốn gì nữa? Muốn ra nằm phơi thây ngoài núi Bà Lù cho kên kên quà quạ mổ xác? Hai trăm năm mươi tên phản cách mạng bị trói thúc cùi chỏ, quỳ xuống sám hối ăn năn tội lỗi trước khi tám mươi họng đại bác xả hết bảy trăm chín mươi quả đạn các thứ thân chuối. Thịt xương lũ phản động nát nhão còn hơn cả cho vào cối xay thịt, ngươi không thấy rùng mình ớn lạnh xương sống xương sườn sao?

-Con à, nghe mẹ...

-Ta không nghe. Mụ là tên diễn biến hòa bình, âm mưu lật đổ. Ta, chính ta bắn ngươi. Này bằng bằng bằng... Chết rồi. Ngươi chết thật rồi, hết nòi lũ phản động âm mưu diễn biến lật đổ bạo động bạo gan...

Bắn xong, chân hắn đứng không vững, mặt mũi xây xẩm vì chỗ nào cũng thấy máu. Máu chảy thành suối, máu nhuộm đỏ đường đỏ phố, nhà cửa ruộng vườn chỗ nào nơi nào cũng máu là máu. Hắn thỏa mãn cơn giết chóc và cười khằng khặc. Hắn vừa hoàn thành xong sứ mạng lịch sử do tụi anh hùng Lương Sơn Bạc treo ngọn phướn đen gieo xuống.

Hắn hết hơi thiệt. Thấm mệt.

Áo nâu dìu hắn khuất vào trong. Lâu sau hắn xuất hiện trước bàn Phật với quần áo tinh tơm. Mấy cha áo nâu áo vàng đầu trọc, giống như tụi đầu trọc phát xít, đang dùng búa gõ lên đầu tụi phản động lốc cốc, thỉnh thoảng điểm một tiếng chuông như đánh dấu một trăm mạng người vừa bị hành quyết. Hắn bị ấn quỳ xuống và tham gia cổ vũ cho bọn đầu trọc phát xít. Đầu hắn không trọc nên bị bắt đội một chiếc khay cẩn xa cừ trên đó có đặt mấy tờ giấy màu đỏ trắng ghi thần chú Các-Tông-Lê-Xít... Chỉ có mấy tờ giấy thần chú mà sao hắn cảm thấy như đang đội quả tạ ngàn cân trên đầu, khiến hắn không thể quỳ được nữa. Không quỳ được, hắn xoãi chân ngồi bẹt xuống, hai tay đỡ lấy cái khay có những câu thần chú nhuộm đỏ tựa máu và tanh và ruồi và những xác người. Rồi hai tay hắn cũng bắt đầu mỏi nhừ.

Hắn muốn ném cái khay giống như bộ xương khô, nhưng không thể, vì đó là những câu thần chú cứu khổ cứu nạn đưa giai cấp tiên tiến tiên phong đi lên thiên đường vời vợi trăm triệu năm ánh sáng. Ném xuống đồng nghĩa với phản bội, mà phản bội thần chú là bị chôn sống, bị bắn bỏ trước hàng ngàn cái miệng gào chửi, xỉa xói cải cách. Không thể chết lảng nhách với kiểu đấu tố giai cấp hèn mạt như vậy. Có chết thì chết trên lưng cọp trước khi bóp được họng nó!

Cũng may, khi cánh tay sắp rụng, cái cổ sắp gãy thì có tiếng bon bon hiệu lệnh xử trảm ném ra như vãi trấu.

Chấm dứt. Không, chỉ tạm hết hiệp một. Dẫu sao cũng không phải đội thứ phù chú xương xóc. Hắn thở phào rất nhẹ nhõm.

Hình như cái thở khởi phát từ chánh niệm, cộng với chất lỏng trong người vừa được thải ra ở góc sân nên đầu óc hắn quay ngược lại.

Hắn nhận ra đám đầu trọc phát xít chính thị là những sư thầy đền chùa âm miếu. Họ ngồi quanh bàn uống nước, phì phèo điếu thuốc xả hơi. Hắn bước ngang và nhoẻn miệng cười chào rất ư là thân thiện thân ái: -Nam mô …

Các thầy cũng chấp tay "mô Phật" trả lễ. Hắn ngồi xuống chiếc ghế trống, rót nước, bóc bánh ân cần mời các thầy. Khách đưa tay đỡ ly nước, cầm bánh. Hắn xá xá mấy cái và chỉ lên lầu.

Hắn nhớ ra mình cũng có một thế giới riêng. Đó là căn phòng rộng trên tầng một, nơi được coi như gia sản để lại cho hắn, bày biện đủ mọi thứ để phục vụ cho loài người khốn khổ: Từ lon bia, chai rượu, thịt hầm đến ảnh khỏa thân, dĩa xét, tranh mộc bản và Kiều nương làm tình với Nguyễn Du do hắn vẽ bằng sơn sắt và cả các lãnh tụ thế giới nắn vú sờ mông các em ca ve trong phòng họp bàn về khủng hoảng toàn cầu. Những thứ để phục vụ cho sự thỏa mãn cái miệng và bao tử. Đó chính thị là của vơ vào cha hắn để lại sau khi trào máu họng như lũ quét và chết. Còn các thứ thuộc văn minh văn nghệ các thứ là từ bộ óc siêu đẳng của hắn sáng tạo sáng tác sưu tập lung tung.

Hắn lại nháy mắt và giơ ngón tay Ca Diếp chỉ lên lầu. Hai ba thầy đứng lên, bước mạnh mẽ như đi diễu binh ngày quốc tế công nhân bị áp bóc.

Hắn đẩy cánh cửa nặng chừng ba tấn. Xích sắt khua loảng xoảng dưới nền. Đèn bật sáng. Hắn chợt nhớ chiếc bàn méo một góc và lệch mấy chân. Chúng chạy xẹt qua mắt rồi mất hút sau cánh cửa gỗ hồng tâm, âm u ảo mị. Các thầy bước vào. Hắn cúi khom mời ngồi, trịnh trọng như nhà quý tộc Nga La Tư thời dẫy chết, chỉ thiếu chiếc áo đuôi tôm và cầm trên tay chiếc mũ ống là đủ lệ bộ.

Dù chủ nhân không có sẵn những thứ lệ bộ, nhưng các thầy cũng vén tà áo dài tha thướt, và lịch sự ngồi xuống. Họ nhìn các vật trên tường và miệng luôn "mô Phật, mô Phật" rung rinh xâu tràng hạt đen bóng, há hốc ngước nhìn kinh hãi.

Chủ nhân lượn một vòng quanh bàn như chiếc trực thăng tìm chiều gió trên bãi đáp, nhoẻn nụ cười rất mất vệ sinh trước khi bước lại tủ kính lôi ra một nường Chivas Regal 18. Nường Chivas thơm tho như hoa hậu Venezuela mười tám tròn trăng, với mái tóc đen mượt, làn da màu mật ong, bộ ngực căng mọng. Hắn ôm chiếc mông tròn nàng Chivas trong tay phải, ấp lên ngực; tay trái nhón những chiếc cốc pha lê chính hiệu Tiệp mà thời trước cha hắn công cán ở xứ sở thủy tinh mang về đầy vali. Hắn trịnh trọng đặt những chiếc cốc pha lê trước mặt các thầy, tay kia vén mái tóc đen tuyền mượt óng và để nàng tự há miệng khạc nhổ đờm dãi ra cốc. Hắn đẩy cốc tới trước mặt các thầy bằng cái búng tay điệu nghệ của những tên pha rượu, đứng quán bar miền Viễn Tây. Những chiếc cốc nhảy tưng tưng vui sướng vì được làm sứ mệnh phục vụ nhân dân. Chúng nhún gót làm một đường lả lướt trên sàn nhảy, điệu nghệ như các em vũ công Bale rồi dừng lại chính xác từng li mét trước tầm với tay các thầy, rất đều nhau, nhoẻn nụ hàm tiếu mà

không hề sóng sánh đờm dãi ra ngoài.

Hắn quay lại phía tủ, lôi hộp ba tê ngỗng sản xuất từ tay con cháu thằng Tây thực dân hơn trăm năm trước tới gõ đầu dám dân ngu khu đen kêu "khai phá", mở nắp và mời.

Mùi ba tê gan ngỗng thơm lừng lựng.

Hắn nâng cốc. Mọi người nâng cốc. Tiếng thủy tinh chạm lanh canh. Nàng Chivas nghiêng má đỏ au mỉm cười duyên dáng. Ôi, cô nường 18 xuân xanh sao mà đáng yêu đáng quý đến vậy?

Loáng một cái hộp ba tê gan ngỗng, có xuất xứ từ đỉnh Pyrénées, tận trên ngọn méo mó Bugarach là nơi an toàn tránh ngày tận thế, hết sạch. Hắn thầm thì vừa đủ cho các thầy nghe: Ăn được miếng gan ngỗng Bugarach coi như thầy trò Đường Tăng ăn quả đào tiên, trường sinh bất tử!

Khốn nỗi, chỉ còn duy nhất một hộp, là phần thưởng của lãnh tụ ban tặng cha hắn khi sử dụng tám mươi họng súng đại bác bắn gục hai trăm năm mươi người một cách anh dũng. Hắn ôm nường Chivas áo não. Môi hắn đặt môi lên chiếc mông tròn đỏ au của nàng, đưa tay vuốt đầu tóc thơm tho của nàng. Hắn chợt nhớ ra, trong góc tủ còn một thỏi pho mát của đế quốc Chằng Tinh, có ghi thành phần sữa bò đực và nước thải bò cái. Dưới đáy ngày sản xuất không đọc được nhưng hạn sử dụng thì vô thiên vô lủng thời gian.

Hắn khom người, chổng mông lôi ra, trong khi tay không rời cô nàng mười tám. Hắn đặt lên bàn, dùng tăm xỉa răng cắt thành bốn lăm khoanh đều nhau, cung kính:

-Mời quý thầy.

Các quý thầy lại chắp tay mô Phật và những khoanh pho mát chạy gọn vào miệng, nhanh một sát na. Một thầy hỏi:

-Mô Phật. Thật quý hóa, làm sao đệ tử có những thứ của quý này?

-Thưa thầy, không giấu gì. Đây là chiến lợi phẩm mà cha đệ tử thu được trong ba lô một thằng lính xứ Chằng Tinh. Nó mang toàn pho mát. Khi gục chết, trong ba lô toàn pho mát, không thấy súng đạn, cho nên máu của nó có nhuộm đỏ hết cả pho mát thì mùi vị của nó vẫn là pho mát chính hiệu Chằng Tinh. Bởi sợ bị cấp trên phê bình kiểm điểm là mất lập trường quan điểm nên cha đệ tử giấu biệt trong thùng lương khô của Khựa anh em vĩ đại.

Một thầy khác: -Thú thiệt, cái này không ngon bằng gan ngỗng!

-Dạ, gan ngỗng thiệt là hết rồi, nhưng còn một thứ khác, nếu các thầy thích?

-Thì cứ mang ra – Một thầy đầu trắng hếu nói như ra lệnh.

-Dạ.

Hắn lại chui đầu vào tủ lục lọi, lâu sau lôi ra một hộp khác, to bằng tô đựng canh. Chiếc hộp giống trái đạn súng cối, dưới đáy gắn ba chân vững như kiềng. Hắn đặt lên bàn, khoe với các thầy.

-Các thầy có bao giờ xem phim cao bồi các loại của xứ Chằng Tinh chưa? Mấy thằng cởi ngựa, mặc quần jean, đội mũ rộng vành phi như bay rồi bất ngờ rút súng từ thắt lưng, quay mấy vòng trên ngón trỏ và bằng bằng... Một con sống sót và ba thằng gãy chân. Cuộc chiến một chiều giữa kẻ có súng và đám bần cùng nô lệ tay không. Kết quả chiếc xe xúc xúc tất cả chở tới lò sát sinh, trộn xà bần, ra thịt và đóng hộp này đây. Mời các thầy.

-Mô Phật – Các thầy nhón tay véo một chút cho vào miệng. Nhón thêm, nhón thêm. Nàng hoa hậu Chivas nằm lăn trên bàn bợt nhạt. Da dẻ như kẻ chết trôi. Miệng hết khạc nhổ.

Nhưng các thầy thì da mặt căng phồng, bừng lên hồng hào. Hắn cũng hồng hào, nhưng vì da dẻ đen đúa từ thời cha sinh mẹ đẻ, nên cái lớp hồng hào ẩn sâu tận dưới đáy chân lông.

Các thầy bắt đầu hoa chân múa tay. Các thầy tự đứng lên. Có thầy dáng mũi sát háng nàng Marilyn Monroe, có thầy gần như kề mũi bên em ca sĩ Jennifer Lopez... chỉ dính chiếc xú-cheng và sì-líp trên người. Nhưng các thầy là những kẻ vô cảm, không thấu thị được vẻ đẹp mê hồn của cặp môi đỏ chót, cặp đùi thon dài và bộ ngực như đỉnh núi Evrest, chỉ thuần có hơi thở phì phì bay ra như những ngọn gió đứt đầu, như trâu kéo cày quá trưa, mắt dờ dẫn như đang lên cơn sốt phát ban.

Hắn định lôi thêm một bác Gold Symphony Vodka thời Stalin và anh Moutái jiŭ thời Mao chủ tịch, đều là phần thưởng của cha hắn từ chiến công vang dội lùa đám dân đen chạy vào cửa âm phủ, xuống thang thiên đường trong những ngày tết nào đó xa lơ xa lắc, hắn không còn nhớ.

Nhưng các thầy đều đứng bật dậy, khoát tay...

Các thầy vội vã bước xuống cầu thang kịp giờ tạ kinh.

Hắn lại bị bắt quỳ và đội bộ cốt khô Thân mậu lủng thành quách cũ lên đầu cùng những

khải thị khải huyền thần chú các thứ đỏ lòm nhang khói âm u.

Lúc sư thầy chánh lễ vặn vẹo giơ tay bắt ấn đàn thí, có chuông điện thoại reo từ trong túi áo một thầy khác. Thầy vội vã móc cục gạch áp vào tai, tay kia vẫn gõ đều đều lên chiếc đầu trẻ con trọc lóc kêu lốc cốc. Thầy nói nho nhỏ nhưng hắn cũng đủ nghe:

-Sắp xong, sắp xong. Qua giờ Mùi năm ba phút thì vẫn còn giờ Mùi. Ờ, khoảng mươi phút nữa, chạy xe mươi phút thì vẫn còn đầu giờ Mùi. Thí chủ an tâm. Vậy nghe. Mô Phật. À, mà tụng bốn tiếng là hai ngàn đó nghe. Chỗ nào cũng vậy thôi. Các thầy làm phước mà!

Thầy sư chánh lễ vừa vặn vẹo tay, thỉnh thoảng lại bỏ hột muối vào miệng đọc mật chú. Thầy đọc nhanh hơn gió cuốn mây bay. Các âm sắc dính lẫn vào nhau kéo lòng thòng như trẻ con kéo bã kẹo cao su dài ngoằng.

Chuông gõ bon bon chấm hết. Gạo muối, cháo lú vung vãi tung tóe ngoài sân.

Hắn thở phào, gỡ bộ cốt khô trên đầu.

Mẹ hắn gom hết giấy đỏ giấy vàng thần chú ma ha chú mang ra sân đốt rụi.

Tro bay lả tả, luồn lộn ngược vào chỗ cúng tụng. Khói bay mù mịt giống cảnh lũ quỷ phun khói chặn đốt thầy trò Tam Tạng trong phim Ký du tây.

Các thầy vội vã dọn dẹp các thứ mõ chuông kinh kệ bỏ vào túi vải nâu.

Mẹ hắn khệ nệ bưng chiếc mâm đồng, tịch thu trong viện bảo tàng địch, trên đó đặt bốn phong bao dày cộp, quỳ xuống và đặt lên bàn. Các thầy nhận phần công quả và đưa ngón tay vào miệng liếm nước bọt và đếm. Các thầy đếm và các thầy ngó vào mặt mẹ. Một thầy nói:

-Mô Phật, bữa trước có nói một ngày một đêm công cho mỗi thầy là hai ngàn đô cộng xăng xe là hai ngàn mốt. Riêng sư thầy chánh lễ phải hai ngàn rưỡi đô. Tụng cúng cầu an chỗ nào cũng vậy, thí chủ…

Mẹ hắn đứng dậy. Hắn ấn mẹ xuống, nói:

-Con có, con có – và chạy vù lên lầu. Hắn chổng mông lôi những thùng gỗ trước đây chứa đạn cối 82 ly. Hắn kéo được ra một thùng thì mồ hôi cũng chảy như mưa xối. Những quyển Toàn tập kinh thiên động địa kinh diễn áp bên trên. Hắn ném tất qua bên, ném tất mấy chữ xã hội văng xàn xạt ra góc nhà và ôm một cọc tiền vào bụng. Đây là số tiền từ trời rơi vào tay cha hắn mà không rõ nguồn gốc. Trước khi theo các cụ vĩ đại, cha hắn thì thào vào tai hắn. Hắn nghe, có nghe nhưng không quan tâm và không đụng tới. Bây giờ trong một sát na chắt lép, đầu óc hắn bật sáng nhờ một phép màu khải huyền từ hàng ngàn bộ hài cốt cha hắn đã dẫm lên, đã chặt bỏ như người ta chặt một nhánh gai trên lối đi, chiếu dọi vào bộ não sần sùi lởm chởm gai của hắn.

Hắn kệ nệ ôm cả gói lộn xuống, đặt phịch một cái trước mặt các thầy, bóc và đẩy về phía các thầy lia lịa cho tới khi cái bọc chỉ còn lại tấm nylon màu cứt ngựa sản xuất từ xứ sở anh em liền giường liền chiếu.

Những con chuột cống, những con cóc tía lẫn cẫn nhảy tưng từng vào các túi vải màu nâu.

Những chiếc túi vải màu nâu thành cá mập xám, há rộng miệng táp mồi lia lịa. Máu của những con mồi xấu số loang ra nhuốm đỏ cả thinh không.

Những âm thanh loạt xoạt cuốn âm thanh nam mô, mô Phật dồn dập ném ra. Hắn nhăn hàm răng vàng xỉn cười lậc khật mà nghe như tiếng táp mồi của đìa cá da trơn rộng trăm héc ta của mẹ hắn. Hắn thỏa mãn cơn khát cười khật khật. Mẹ hắn chết điếng. Các thầy trân trối ngó vào túi vải.

Khi các thầy cáo lui, hồi sự, tự dưng miệng hắn thốt ra *Na ra cẩn trì bàn dà ra gia, Ta bà ha. Ma bà lợi thắng yết ra dạ, Ta bà ha. Nam mô hắt ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị đa, Bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, Ta bà ha. Án, tất điện đô, Mạn đa ra, Bạt đà ra, Ta bà ha. Nam mô bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!*

Các thầy khựng lại. Những chiếc túi vải màu đà lộn ngược lên đầu, đứng sựng. Những tà áo cũng dựng ngược như cái vỗ cánh của bầy chim đêm.

Nhang khói bay tỏa mùi huyền bí.

Những tàn tro lả tả bay vật vờ quanh mọi người.

Giờ Mùi đã qua chưa?

Đêm bay rách rưới bên hiên núi. Rụng xuống trần gian một vệt dài… Hắn rên ư ử trong miệng như mấy anh hát xẩm ngoài bến xe, não nuột.

NGUYỄN LỆ UYÊN



truyện ngắn

TRẬN CHIẾN CUỐI CÙNG

TRỌNG NGHĨA

Chị Tâm hâm lại bát canh rau cải nấu cá rô đồng, đến lần thứ hai vẫn chưa thấy An về, mọi ngày vào giờ này anh đã ngồi sì sụp vài bát cơm trộn canh, xong rồi ôm thằng cháu đích tôn đi ngủ từ lâu. Đúng cái số anh vất vả ngay cả trong lúc ăn, mặt mũi tay chân mồ hôi như tắm. Từ khi cưới nhau, đã mấy chục năm, chưa lần nào thấy anh rỗi việc được lấy một ngày...Tối nay, chốc chốc chị lại ngóng ra cái ngõ tối đen, con chó mực phục dưới chân chị vẫn chưa vẫy đuôi báo hiệu chủ về. Mưa càng nặng hạt chị càng sốt ruột thêm, bèn mở di động điện cho anh nhưng chỉ nghe giọng nói của người phụ nữ đã cài đặt sẵn trong trường hợp máy không liên lạc được.

Mấy ngày qua mưa to lắm, nước sông bò lên rần rật từng giờ. Cánh đồng lúa hàng ngàn héc ta đang kỳ ngậm mầu nằm trong tình trạng dễ mất trắng như chơi. Chị không thể bỏ nhà đi tìm anh vì mắc thằng cháu hai tuổi, mưa gió cứ mỗi lúc mạnh thêm, càng sốt ruột. Gần sáng chị đánh liều đi ngủ, nhưng không chợp mắt nổi, ruột gan cồn cào như xé. Bỗng từ cuối làng vang tiếng chó sủa ran, lát sau nghe tiếng bước chân rầm rập và nhiều lời nói lao xao. Họ đã tới cổng, chị nghe tiếng kẹt một cái bỗng rùng mình: linh tính mách bảo nhanh có chuyện không bình thường. Chẳng mấy chốc đoàn người ùa vào, người đi trước to cao lực lưỡng cõng trên vai một thân hình nhỏ thó, đầu tóc rũ rượi gục xuống vai người cõng. Đúng, chồng chị rồi! Tim chị đập loạn, mặt tái xanh...Người ta đặt anh nằm trên cái giường gỗ kê ở gian ngoài. Nhìn hai mắt anh còn hé mở, mặt mũi sạm đen, quần áo bê bết bùn dính chặt vào cơ thể vốn đã gầy guộc của anh...chị hét lên một tiếng rồi ngã vật như cây chuối bị nhát dao phạt tận gốc...

Tám giờ sáng chị tỉnh lại, người ta đã khâm liệm anh xong và đặt trong cỗ quan tài được phủ lá quốc kỳ. Chị lảo đảo tiến vào ôm chặt đầu quan tài khóc nức nở. Trời ơi! Từ nay anh vĩnh viễn đi xa, chẳng được làm những việc mà người khác không làm nổi, bà con trong xã vắng anh, họ sẽ đớn đau biết nhường nào! Khổ nhất vợ con và thằng cháu của anh, mãi mãi không được thấy một chủ nhân gầy gầy nhưng miệt mài chịu khó, chẳng quản ngày đêm hay mưa dầm nắng gắt... Trước linh cửu của anh, chủ tịch cựu chiến binh xã, đại tá Bùi Văn Thọ đọc lời điếu trong nước mắt: "...Thời nào cũng thế, phẩm chất người lính quyết định sự tồn vinh của dân tộc! Trong giờ phút đau thương này, chúng tôi, những cựu chiến binh thay mặt các binh đoàn năm xưa xin được cám ơn đồng chí! Việc làm vừa qua của đồng chí có thể nói là hành động anh hùng, đã cứu được hơn nghìn héc ta lúa!...Đồng chí thật xứng danh người lính trong mọi hoàn cảnh của đất nước, là niềm tự hào của quân đội chúng ta!..."

Cả làng đưa tang anh, tiếng khóc, tiếng mưa hòa lẫn, sụt sùi dai dẳng...trong khi nước trên các cánh đồng đang rút theo con mương chảy xuống sông gần hết. Trong đoàn, nhiều người đều nghĩ: Tuy vụ này sẽ bội thu, nhưng đau đớn nhất đã mất đi một người con ưu tú...trên đời chỉ có một không hai!...

Chị Tỵ là người tỉnh ngoài, quen An từ ngày anh trong quân ngũ. Năm ấy anh hăm mốt tuổi, chị mười tám...Tiểu đoàn anh hành quân qua làng chị như một cơn gió. Cứ như trong tiểu thuyết, vừa gặp anh, chị đã hút hồn bởi đôi mắt nâu đen, vui tươi nhưng quả cảm. Hai đêm ngồi trên bờ sông Bàn Thạch, tuy chưa dám hôn nhau nhưng họ đã hứa hẹn đôi điều, chính thế nên chị đã sắt son đợi chờ...Sáu năm sau giải phóng miền Nam, anh trở về tìm chị rồi thành vợ chồng. Chị yêu anh

đến mức mê muội, chỉ biết hiến thân như một đồ đệ trung thành với chủ. Bây giờ vẫn thế, nếu có kiếp sau...cũng thế. Giải phóng miền Nam xong anh tham gia tiễu trừ Pôn Pốt, rồi chiến tranh biên giới phía Bắc. Sau này nhắc lại, có những chuyện làm người nghe mãi không quên. Anh là lính đặc công mà hiền khô, đã từng ngậm ống thở nhiều lần đột nhập vào quân cảng địch, phá vỡ hàng chục tầu chiến...Ngày anh về trên mình đầy vết thương, nhất những lần anh tắm, chị kỳ cọ những vết sẹo chi chít trên người anh mà rưng rưng nước mắt... Thương anh quá, mồ côi mẹ từ thuở lên sáu, ở với mẹ kế, vừa học vừa chăn trâu cắt cỏ cho mãi tới khi lên đường nhập ngũ!

Cảnh nhà túng bấn, làng xóm cũng xơ xác tiêu điều do hàng ngàn tấn bom Mỹ dội xuống từ giữa những năm sáu mươi của thế kỷ trước, bây giờ hầu như chỉ còn hai bàn tay trắng...Nhờ ý chí người lính, mấy năm sau vợ chồng anh cũng sửa sang đẹp mắt căn nhà, gây dựng vườn cây ăn quả và đào cái ao thả cá, đồng thời nuôi mấy chục con gà cho chúng dọn sạch côn trùng chuyên phá vườn...Từng bước các bữa ăn cũng được cải thiện, tình cảm gia đình vui thêm, nhất từ khi chị sinh được đứa con trai đầu lòng, giông bô như đúc...

Anh chị nhận thầu thêm vài mẫu đất hoang Bãi Bồi, thu nhập chưa cao lắm nhưng cuộc sống cũng được nâng lên. Rồi con trai lấy vợ, vài năm sau chúng kéo nhau đi lập nghiệp mãi Bình Phước. Bây giờ nhờ có đứa cháu ở lại với ông bà, gia đình trở nên vui cửa ấm nhà từng ngày...

Cứ tưởng vợ chồng anh đã đến tuổi an nhàn, nhưng tình trạng nông thôn ngày càng phức tạp: trưởng thôn lên anh nào cũng đua nhau làm giàu nhờ cậy thế, các tệ nạn xã hội ngày càng tăng... nên làng đã nghèo lại càng nghèo thêm. Nhà có điều kiện cho con đi đại học, nghèo thì đẩy chúng đi làm ăn thật xa, độ chênh lệch giữa người giàu với người nghèo quá lớn, nghĩ tới đây mặt anh cứ nhăn nhăn nhó nhó... Điểm lại trong thôn trơ lại toàn những người già, chi bộ đảng có tới bảy mươi phần trăm là hưu trí và mất sức, vậy còn được mấy ai tâm huyết với công việc xã hội? Buồn nhất thời anh làm bí thư hai khóa, chưa cuộc họp nào đủ con số, nguyên nhân này tại đâu, nghĩ mãi anh vẫn chưa tìm ra câu trả lời. Đang tính chuyện phát triển đảng viên mới, bỗng chị bàn nên nghỉ công tác, lý do mình là thương binh, tuổi cũng đã cao...Anh trầm ngâm một lúc mới giải thích: "Cũng muốn thế để cùng em chăm chút vườn, nhà...Thời tại ngũ, trước lúc vào trận đánh ai cũng mong bom đạn nó tránh mình để ngày chiến thắng trở về gặp mặt những người thân. Nhưng về đến nhà anh lại nghĩ khác... Nhiều đồng đội đã ngã xuống trước giờ chiến thắng, họ có được nhìn thấy cảnh đất nước thanh bình này đâu! Nông thôn là nền móng của nhà nước, được no ấm tươi vui, nhà nhà hạnh phúc, người người yêu quý và tôn trọng nhau...anh nghĩ đó là cái đích của dân tộc cần vươn tới. Nay, may mắn anh còn sống trở về, lẽ nào đứng ngây mà nhìn những việc mình có thể làm được mà ngoảnh mặt làm ngơ?..."

Thế rồi khóa ấy, dù tuổi đã ngoại ngũ tuần anh vẫn đứng ra ứng cử chức trưởng thôn, được bà con tín nhiệm với trăm phần trăm phiếu bầu. Người lính năm xưa, nay lại một lần xung vào trận chiến xây dựng nông thôn mới...

Trong làng có thằng Xoạc, người ta gọi Xoạc bởi hắn hay mượn rượu chửi cán bộ từ thôn đến xã, cứ xoạc mồm chửi nên ai cũng sợ hắn. Vài người cũng muốn ra tay trị hắn nhưng đành chịu: đến vua cũng phải thua thằng liều, đã thế hắn còn có thẻ tâm thần nữa chứ...Nhiều người bực quá chửi hắn: "Đồ Chí Phèo mất dạy!", nhưng chỉ chửi sau lưng. Thực ra hắn khác hẳn Chí Phèo: Phèo chuyên chửi đời và trời, còn hắn cứ lấy sự việc ra mà chửi. Vô phúc cán bộ nào tham ô hoặc lợi dụng...để hắn biết được thì không có thảm họa nào bằng! Gặp trường hợp này họ đành phải im re: nếu đôi co với hắn hóa ra "lạy ông tôi ở bụi này", mặt khác, nếu đánh chửi nhau với thằng khùng mình sẽ thiệt, lại còn mang tiếng cán bộ gân cổ cải nhau với dân đen, giảm giá lắm chứ! Nhưng mà tức, tức sẽ làm gì được hắn?

Người ta còn nhớ cái lần hắn chửi ông Vấn (trưởng thôn cũ): "Mày tưởng nuốt trôi mấy ngàn mét dây điện của làng được à! Giá bán có tám ngàn một mét mày bảo người ta nâng hóa đơn lên mười lăm ngàn...Thằng Khóa chủ hàng nói với tao rồi đấy, hắn bảo mày đút cho hắn hai trăm ngàn nhưng hắn không thèm lấy... Mày hỏi làm sao tao biết hắn á... ngu lắm con ơi: thằng Khóa là con thứ tám mươi đời của nhà tao đấy nhá! Giờ mày có chạy đằng trời!"

Hắn chỉ dọa thế thôi, đêm ấy ông Vấn lật đật chạy đến đặt lên bàn một chai rượu nút lá chuối khô và nhét vào tay hắn, đến lần thứ tư cái phong bì đựng năm trăm ngàn đồng mới lọt thỏm vào

túi ngực hắn. Nhưng ông ta vẫn còn sợ bởi hắn dọa: "Nhớ rằng cậu ép tớ phải nhận chai rượu với cái phong bì đấy nhá, không lại mai kia vu khống tớ ăn hối lộ, nghe chưa! Còn chuyện việc công... ông cứ thẳng tay mà làm, nghe chưa!" rồi hắn cười hì hì.

Sau đận ấy ông Vấn sợ hắn như quỷ thần, cứ tưởng có ma thị ám vào thân xác hắn, nên hễ kiếm chác được gì đều mang đến "cúng tế"...Người hắn đen bóng, sống mũi to như ống bễ lò rèn, tay chân như hộ pháp. Ở con người hắn cái gì cũng to. Hắn đã có một đời vợ, nghe nói sau đêm tân hôn cô nàng lặn mất tăm. Sau này, một người gần gủi hắn tiết lộ: cái "khoản ấy" của Xoạc ngoại cỡ, khiến các cô gái bình thường không chịu nổi, khiếp quá nên phải bỏ của mà chạy...Về sau, người mẹ tìm cho hắn một mụ góa. Mụ này còn to hơn hắn: cặp mông ục ịch như bồ thóc giống, hai cái răng nanh lộ ra trắng ởn như cặp ngà voi. Đến mụ này thì đậu...Khi anh An lên làm trưởng thôn, buổi chiều đầu tiên anh mời hắn đến uống rượu. Ban đầu cứ tưởng anh sợ, mặt hắn căng căng, đi đứng oai phong lâm lâm, hắn nghĩ: "Hay! Lão này đã sớm biết điều..." Nốc xong ba chén hắn định về, sực nhớ đến hơi ấm nồng nàn tỏa ra từ cô Bích hiệu trưởng trường mầm non... bởi cô trót dính chuyện ăn chia trong dự án xây dựng trường đã bị hắn nạt tay chủ thầu, buộc tay này phải khai hết... Bỗng anh An vỗ vai khá mạnh làm hắn giật thót:

- Nghe nói anh uống khá lắm, mới vài chén mà đã say?

- Không, tôi còn phải...

- Được, chơi với tớ chút nữa, chả mấy khi...Biết anh là người rất ghét thói tham lam nhiễu loạn dân lành nên người đầu tiên tôi phải nhờ cậy...chính là anh!

Hắn sướng quá, tưởng chuyến này sẽ vớ bẩm, tợp luôn hai chén. Nhưng anh An lại hạ giọng:

- Đó là nhờ anh giám sát cái thằng tôi. Nếu tôi tơ hào một xu một cắc...cứ nhè mặt thằng tôi mà chửi, tôi sẽ vô cùng cảm tạ! Còn nếu bịa đặt vu khống làm rối lòng người thì anh phải biết thế nào là cái mặt thằng tôi!

Hắn nhìn anh với vẻ thách thức, giọng vang như sấm:

- Nhớ nhá, trưởng thôn nói lời phải giữ lấy lời đấy nhá! Đừng như cái lão Hách cứ bô bô "nay công bằng dân chủ", mai "không được tham ô móc ngoạc" nghe mà chán cả tai. Ghét nhất cái lão này, nói một đằng làm một nẻo. Năm ngoái tôi bắt quả tang lão đang "vật lộn" với con Xanh kế toán trên dốc Đồng Khanh giữa ban ngày, mới hù một cái lão sợ vãi đái. Nhưng lão cũng khôn, nhanh chóng nháy mắt buộc con Xanh phải rút vội trong cặp rồi nói khéo mãi...tôi mới nhận một nắm tiền. Về nhà giở ra xem: tám trăm rưỡi...Tôi định mang đến "lại mặt" cho chúng một nửa, nhưng thôi...chúng thiếu chi tiền! À, lúc nãy tôi nói...không rõ móc ngoặc hay móc ngoạc anh An nhỉ, vì tôi không biết chữ mà nghe cũng chưa được rõ lắm?

- Móc ngoặc...Nói rõ cho Xoạc biết nhé: ta đây đến mạng sống của mình chẳng tiếc...còn tham cái gì!...

Nói thế, nhưng bước vào việc anh mới thấy phức tạp. Nếu không vững lập trường, bị Xoạc chửi là chắc! Cái lần cả huyện bị lụt lớn cướp gần hết lúa mùa, làng được nhà nước cấp hỗ trợ năm tấn gạo, vậy vận chuyển bằng cách nào? Nhiều người bàn nên bán vài tạ để thuê công vận chuyển, anh An lắc đầu. Gạo cứu đói cho dân, dù một hạt cũng không được phép bán đi, nói rồi anh rút tiền trong túi mình ra thuê người vận chuyển. Hôm ấy có cả Xoạc chứng kiến, hắn lắc đầu mấy lần rồi trầm ngâm, từ đó trở đi không chọc gẹo ai nữa, chỉ soi mói mấy cán bộ bên trên. Với anh An, dạo này hắn thích đi lại với anh, cứ hỏi xem có việc thổ mộc nào nặng nhọc để hắn giúp.

Ba khóa anh làm trưởng thôn, được chỉ đạo và giám sát mấy công trình: Đường- Điện- Trường- Trạm không tơ hào một xu. Có chủ thầu mang đến biếu chị Tỵ hẳn một triệu đồng, người khác mạnh tay hơn gửi phong bì năm triệu...nhưng chị chỉ cảm ơn và không lấy đồng nào. Những chuyện như thế gần như Xoạc biết hết, hắn thừa nhận: trưởng thôn như anh không dễ kiếm tìm! rồi từ nể phục lần trước, nay càng kính trọng anh hơn.

Anh để ý thấy chị Tỵ có vẻ buồn buồn, một hôm chị dùng lời bóng gió khen mấy cán bộ xã và những trưởng thôn khác có nhà đẹp, nhất ông Tảo chủ tịch, nhà ba tầng kèm cái ao thả cá với mảnh vườn gần nửa héc ta, số lượng cây cảnh đứng nhất vùng, lại có cả xe con chất lượng cao... anh động viên chị như nói với chính mình: "Tiền của, nhà cao cửa rộng ai cũng muốn...Nếu mình làm ra được thì quý lắm, nhưng tiền của do cố tìm cách vơ vét của người ta về cho mình chẳng tốt đâu, nó sẽ phá hủy giá trị của chính mình! Khi nền tảng đạo đức trong gia đình bị phá hoại...tai

họa sẽ giáng xuống cả một dòng tộc! Biết nói ra điều này, nhiều kẻ luôn cho rằng lạc hậu, bảo thủ, nhưng hãy đợi đấy, đợi đấy!...Em ơi, chịu khó nghe anh nhé: mình nghèo nhưng không bị ai khinh thường là hạnh phúc lắm rồi! "

Tất nhiên chị tin anh, tin cả những khi người khác chưa tin anh. Năm tháng cứ trôi qua, anh chị vẫn một lòng vun đắp cho tình yêu của mình, bỏ ngoài tai những lời đàm tiếu chê bai. Rốt cuộc đời làm trưởng thôn, anh đã gắn bó thật sự với làng quê yêu dấu, được người vợ hiền tảo tần sớm hôm cùng chia sẻ, gánh vác mọi công việc nội trợ để anh rảnh tay xông tới "cuộc chiến" đầy khốc liệt.

Không ngờ, anh "đứt gánh giữa đường", bỗng tai họa giáng xuống gia đình anh và bà con quê hương, bắt nguồn từ con mương tiêu nước úng. Mương này có chiều sâu so với mặt ruộng gần một mét, mọi năm, nước mưa đổ xuống đồng bao nhiêu đều được con mương dẫn ra sông. Nhưng khốn nỗi nó lại chạy dọc theo con đường vào chợ. Chẳng hiểu sao chính quyền xã nảy "sáng kiến" bán phần không gian trên mặt mương tiêu cho những hộ kinh doanh. Vì bán phần không gian, chẳng phải động chạm tới luật đất đai là "vô tư", tuy hơi rẻ một chút nhưng được lợi thật lớn, càng nhiều người lao vào mua càng lợi!... Sẵn đà, mấy chục hộ lát bê tông lên mặt mương rồi đua nhau xây đủ các mẫu nhà cửa. Cuối cùng đất, đá, rác thải sinh hoạt cứ lấp cạn dần lòng mương. Mọi năm mưa như đợt này không sao, nay, mưa chưa đến một tuần đã báo hiệu hơn ngàn héc ta lúa đang ngậm mầu sẽ mất trắng: bởi lòng mương bế tắc, nước chảy ra sông chỉ nhỏ giọt như nước suối mùa cạn... Phải cứu cánh đồng lúa! Chi bộ họp suốt buổi chỉ đưa ra những phương án không thể thực hiện được, như dùng máy ủi gạt phăng những ky ốt trên mương, vậy lấy đâu ra tiền để đền bù? Huy động nhân công móc rác, đá dọc lòng mương, cũng không được nốt, vì làm sao móc nổi đoạn chạy dài dưới gầm mấy chục ky ốt ở trên. Cuối cùng họ cũng tìm được phương án tối ưu: dùng dây cáp dài, một đầu nối vào khung thép hình trụ, thòng theo lòng mương, đầu kia móc vào máy ủi, dùng hai máy hoạt động công suất tăng gấp đôi. Khung thép này như một mủi khoan, thẳng dọc con mương, nước sẽ ùa theo tạo thành dòng chảy lớn. Chỉ cần kéo vài lần, mương sẽ thông.

Nhưng ai là người tình nguyện kéo dây cáp trong tình trạng nước đầy ăm ắp? Chính anh An, với cương vị trưởng thôn lại là lính đặc công nước dày kinh nghiệm. Mặc dù mấy ngày qua anh bị căn bệnh tái phát: ho, nhức đầu, sổ mũi nhưng anh vẫn xông vào, bởi nhìn tướng hàng trăm người có mặt hôm nay chẳng ai có khả năng gánh vác.... Anh nhanh chóng buộc sợi dây nối với đầu dây cáp, nhẹ nhàng trườn xuống mương tiêu giữa cảnh trời tối om và nước tù thối hoắc, chẳng khác những năm xưa đã từng di chuyển trong hệ thống cống ngầm thoát nước giữa thành phố Sài Gòn...Một lần, hai lần, nước cứ ào ào chảy to dần. Nhưng đến lần thứ ba, dòng chảy quá lớn, sức nước đẩy anh băng băng như khúc chuối trong lòng mương. Đối với anh, xử lý việc này quá đơn giản, không ngờ bị chuột rút, kèm cái lạnh thấu xương gây cảm đột ngột...Lên bờ, anh gắng lắm mới mở được miệng cầu cứu: "Cao...cao...Dầu...dầu phật linh!" Nhưng lấy đâu ra dầu phật linh giữa đêm khuya mưa gió ầm ầm? Người ta hô hấp nhân tạo rõ lâu vẫn không cứu được anh!...Đúng bốn giờ sáng, anh đã phải xa thế giới này, mãi mãi không được gần vợ con và làng xóm thân yêu!

Nhiều người còn nhớ những ngày sau đó: thằng Xoạc cứ đi lang thang hết làng này sang làng khác, tay cầm chai rượu uống giải sầu. Những lúc hết rượu hắn khóc, cứ nhè tên cúng cơm của anh mà gọi: "Ới anh An ơi là anh An! Mần răng anh bỏ bây tôi...đi mô...đi mô...hu hu...", hắn khóc mãi đến khản đặc cả tiếng.

Nói đến làng xóm, đi đâu cũng nghe họ kể về anh, ca ngợi anh dũng cảm... Nhớ cái hôm đưa tang anh: hơn ba trăm người từ khắp mọi miền tổ quốc đổ về cùng bà con làng xóm tiễn đưa anh đến chặng đường cuối cùng, trong đó có những người chống nạng, người chột mắt được con cháu dẫn đường... tiếng khóc, tiếng thở dài suốt cuộc tiễn đưa...

Tháng 7 năm 2014

TRỌNG NGHĨA

Tranh Đầu Người / Head of a Man'
của Võ Công Liêm.



truyện ngắn

ĐẤT LẠ NGƯỜI QUEN

VÕ CÔNG LIÊM

tưởng niệm: anh chị Tư Bang.

Đứng đợi taxi ở phi cảng Nội Bài thì trời chuyển mưa. Khí trời dịu. Tâm hồn nhẹ nhõm. Ngồi trong lòng xe nhìn qua cửa kiến, mưa ào tới, rơi đều, gió thổi mạnh đập vào thân xe. Giữa tháng ba trời mù, mưa bạc, không rét nhưng có cảm giác như mưa phùn, gió bấc trở về trên đất Bắc. Đến nơi thì thành phố chuẩn bị đi ngủ, hàng quán khép lại, ngoài lộ đèn mờ. Tôi đói và khát. Phố chợ mang nét buồn cô phụ cố hữu.

Có hẹn với Yoko Shutaku ở khách san X. sáng nay để cùng nhau đi tham quan vịnh Hạ Long. Điểm tâm, cuốc bộ đến bến tàu. Đường còn ướt, quanh co lẫn khuất, gió nhẹ len vào người, Yoko quấn lại khăn quàng; cả vùng trời là màu xám hương, mù không nhận rõ những hòn hang động nhô lên biển. Cả hai chúng tôi là kẻ lạ trên mảnh đất đầu múi này. Đứng đây là đứng trên đất nước tôi thế mà hóa ra khách nước ngoài. Tôi xa quê hơn ba thập niên cho nên xa lạ hẳn. Yoko ly dị chồng được ba tháng, muốn thoát ra những bực bội trong đời sống hằng ngày, muốn du hành một chuyến để cân bằng và lấy lại một tinh thần bình thản hơn. Cùng chuyến đi có Toro đứa con trai lên bảy. Mắt sáng và tươi vui. Cúi đầu chào tôi thân mật. -Thấy thế nào? -Lạ và vui. Hắn trả lời giọng Anh ngữ thực hành. Cả ba chúng tôi xuống tàu máy ra đảo vịnh. -Kỳ quan thắng cảnh. Yoko nói. Nhìn trời mây nước tợ như lạc chốn bồng lai tiên cảnh. Tôi và Yoko nhìn nhau không nói nhưng không giấu được nỗi niềm riêng. Từ hoàn cảnh đó chúng tôi thân quen như đã thân quen.

Sau bữa cơm tối Yoko mời tôi. Hai chúng tôi xuống phố để tìm thú vui nơi đây. Đất hiền sanh người hiền. Nhấp cà phê bản xứ nhưng vẫn thấy đậm đà tha thiết. Yoko không hỏi về đời sống của tôi từ suốt mấy giờ bay và ngay cả bây giờ. Không lạ về điều này; vì tôi hơn nàng cả nửa dặm trường. Yoko hiểu được điều đó. Nàng cần người hướng dẫn, cần một sự có mặt để được an tâm và cần có một sự đồng điệu. Giới hạn đó không còn nữa và hoàn toàn không thấy hiện ra trên tế bào da mặt nàng. Tôi bình tâm và khai thác triệt để. Yoko ở tuổi bốn mươi. Một phụ nữ khác lạ

hơn những phụ nữ khác. Tôi trở thành người thám hiểm, khám phá vùng đất lạ trên địa cầu này. Chuyến đi thích thú, hào hứng làm cho mình tươi trẻ yêu đời.

Trời đổ mưa, gió réo ngoài cửa sổ. Ánh sáng trong khách sạn rực rỡ khuất lấp tiếng mưa gió. Hai chúng tôi uống rượu ở phòng khách. Nhạc nhẹ ru ngủ. Yoko và tôi uống tới gần nửa đêm. Đèn mờ dần. - Giá được nghe anh kể chuyện đêm nay. Yoko nói. Giọng buông thả làm tôi buông thả theo. Những đọt cây ngoài đường trèo lên ngọn đêm. Khách sạn X, chìm vào vực thẳm không còn thấy một dấu vết nào hơn cả...

Tôi sợ say. Yoko bảo đừng sợ: -Thử đi cho biết mùi đời về sau không lạ với sa-kê. Hiểu ý!và; đắm chìm vào hương vị nồng cay đó cho tới gần sáng.Ý nghĩ đến trong tôi; những gì của Nhật thường ngon và thơm tho .

Dậy muộn. Trời bực sáng. Yoko và tôi sửa soạn hành trang cho một chuyến đi khác mới lạ và hứng thú.

2.

Thanh nhất định bỏ xứ để vào Sàigòn cho bằng được. Hoài vọng đó nuôi từ khi còn ở ghế nhà trường. Từ những cha ông kể lại. Một đô thị hiện đại văn minh vật chất giữa người và vật. Sàigòn hoa lệ không còn là huyền thoại trong Thanh. Mà thiên đường có thực. Làm công nhân cho một hảng xưởng lớn, tính ra hơn cả năm kể từ buổi rời Vinh nơi chàng sanh ra và lớn lên. Nhìn lại đã ba mươi năm tuổi đời. Chung quanh cuộc sống hằng ngày không thiếu chi hoa bướm; đứng trước hoàn cảnh đó Thanh không vồ vập mà đắn đo để tìm cho mình một ý trung nhân xứng với tầm cở. Rút từ kinh nghiệm gia đình và bản thân.Thanh quyết định.

Sau giờ tan tầm. Thanh ghé lại quán phở bên đường. Quán đông khách. Người và phở xông lên một tinh chất lôi cuốn, quyện vào nhau. Thanh cúi đầu ăn say sưa. Linh cảm cho biết hình như có ai nhìn trộm mình. Suy tư đó còn đọng lại trong đầu. Bỗng nhận ra thiếu nữ tóc sậm màu lướt qua với đôi mắt có đuôi. Thanh vói mắt nhìn theo, dáng đi õng ẹo như người mẫu, hình hài thon thon bó trong váy ngắn, đu đưa tay xách như mời gọi. Trong mắt Thanh có sự thèm khát. Thoáng qua nhưng rồi vụt bay. Bởi; cái đất Sài thành là muôn mặt là ổ chuột khó lường đâu giả đâu thiệt; những thứ đó Thanh đã một đôi lần tiếp cận, đâm ra hoài nghi, hoài nghi ngay cả chính mình vì đầy rẫy là cạm bẫy chông gai. Và; từ đó Thanh đâm ra đề phòng.

Trên một tuyến đường; đến trục giao thông đèn đỏ bậc ra. Đợi. Mặt nhìn mặt, mắt nhìn mắt vô tư. Thanh nhận ra thiếu nữ trong quán phở mới đây, người đó, mặt mày đó. Đầu đội nón an toàn, màu đỏ nổi bực trông duyên thêm. Mỉm môi cười. Đèn xanh mở ra. Chạy. Tợ như rượt đuổi kẻ gian. Thanh nằm trong làn sóng đó. Hụt hẫng! Đèn đỏ. Ngừng. Lại gặp nhau. Phố đã nương về chiều, gió từ sông dội lên mát dịu. Họ cùng một hướng đi về. Cùng một chung cư cao tầng; nơi cả hai cư ngụ. Thanh chưa bao giờ gặp người thiếu nữ này ở hành lang hay lầu máy. Đó là câu hỏi phụ đề, giờ đây Thanh là người thợ săn.

Không bao lâu họ là tình nhân. Phượng ngày ngủ, đêm đi làm –không ai biết nàng làm cho cơ quan nào. Thanh chỉ biết nàng có việc làm. Thì đi làm là đi làm; có tiền để sống thế là đủ. Phượng nói mỗi khi chất vấn. Ngày Thanh đi làm, tối ngủ hay hẹn hò gặp Phượng khi bến cảng, khi phòng trà. Tình yêu trở nên lý tưởng và đầy hứa hẹn. Cả hai cần có điểm dừng cho lúc này là một dứt điểm để tiếng vọng đó không còn khao khát, không còn núp bóng. Họ đi tới hôn nhân sau một năm thử thách. Đêm tân hôn; Phượng từ tốn để chồng cởi quần áo trên người. Thanh nhìn trân tráo vào thân thể vợ sổ trên giường mà muốn hành lạc ngay. Thanh ôm vợ và hôn lên môi, hôn khắp thân thể nàng, hương da bốc khói muốn ngửi, muốn nếm cho thỏa dạ mà bấy lâu nay ấp ủ nơi người ba mươi. Phượng ba mươi lăm ngoài mà tợ như hăm lăm đã làm cho nhiều người say đắm. Thanh nhận những lời ngợi ca đó từ bạn bè, thân thuộc. Thanh mãn nguyện gặp phải đối tượng thích đáng. Nghĩ tới; Thanh đòi hỏi xác thịt ngay tức khắc. Trí óc xoáy vào đam mê cuồng si.

- Em bỏ việc làm rồi anh ạ! Phượng nói.
- Sao thế? Mình đang cần có nhau. Thanh nói.

Thanh nằm lên bụng vợ hôn ráo riết; mặc cho Phượng muốn phân trần hay nói thêm điều gì. Căn nhà mới thuê đồng lõa với Thanh hưởng lạc thú yêu đương. Phượng chìu chồng, tạo cho chồng nhiều cảm giác thích thú của phận làm vợ.Chốc lát; Thanh đã lịm trên mình vợ. Nghe ấm ớ.

Phượng đẩy người Thanh ra. Mồ hôi.

Nàng suy đi nghĩ lại có nên cho Thanh biết lý do bỏ việc không. Thương chồng nàng nén lòng chờ đợi. Trai thanh tân, hiền và chân thật. Phượng hiểu ý tứ chồng. Nàng mê trong miên man.Thanh trở mình ôm vợ trong tay, ngủ dịu dàng. Không gian bốn bề tỉnh lặng chỉ còn nghe tiếng rì rào bên ngoài trên đôi gánh. Phượng ôm riết chồng và hôn âu yếm. Miệng lẩm bẩm, nói khẽ vào tai chồng: - em là gái hư hỏng, một thứ gái đứng đường, em dối lòng; không biết anh có thừa nhận em không? nước mắt ứa ra, âm thầm lăn nhẹ lên má…

Đêm tân hôn ở quận lỵ quạnh vắng nhưng thanh cao; cho mối tình đầu ở một nơi chốn phồn vinh giả tạo.

3.

Hơn mười năm biệt xứ. Biệt xứ ra đi là cái vận thất thê chớ ruột gan Chuyên ngày đêm đau nhói con tim. Biệt xứ chính đáng, chính nghĩa thì không nói chi, biệt xứ ở đây chỉ là kẻ bị đày. Mười năm là một phần sáu cuộc đời vất bỏ, một phần đời huấn nhục còn hơn ở quân trường. Chuyên cho đây là cái nhục phải hạ mình thưa bẩm, quỵ lụy để mà sống. Nhuệ khí của thuở xưa không còn nữa. Nay trở về nhìn vợ mà quặng đau. Lệ già trước tuổi, lý do lo lắng, đổi đời, mang tiếng, tan gia bại sản, cái còn cái mất. Cuốn gói vào vùng sâu, vùng xa xây dựng cuộc sống mới như lệnh buộc. Chuyên không nhận ra vợ mình của thuở xưa đài các, xe hoa, lẫm liệt. Chuyên nhìn sự thế mà thề với lòng là sống chết bên vợ như một chuộc tội, đã không làm nên sự nghiệp thì làm nên sự việc. Giã từ tất cả, xa lánh trần tục là thái độ xử thế của kẻ sĩ. Ngậm miệng là thái độ phản kháng, mở miệng là bản ngã. Mà ngã thời không bao giờ thắng cả. Chuyên ý thức điều đó và âm thầm chịu đựng cho tới chết. Tấm lòng vị tha lớn lao của Lệ đã phục sinh Chuyên; họ chấp nhận mọi điều dù ở một nơi đèo heo hút gió. Chuyên trở nên người tốt. Phụng sự cho những người cùng khổ như chính mình. Ở đây không ai biết đến quá khứ của Chuyên. Mà tự xem mình như một chiến sĩ vô danh. Không có gì đáng nói. Không có gì vinh hoa. Bởi; tất cả là trống không như cuộc đời Chuyên đang sống.

Hạnh phúc bên nhau đâu chừng năm trăm ngày thì Lệ qua đời. Chuyên tuyệt vọng và hóa thân lưu đày. Đi xa hơn nữa. Đất phương Nam chứa chấp kẻ thất chí đó. Sống với nương rẫy, hòa mình vào thiên nhiên bên cạnh những thật thà chất phát. Cười với con cá trên tay, hạnh phúc trên luống lúa ngô, cây trái. Một lão thất chí? Hay một lão mất trí? Mặc đời; Chuyên độc thân từ đó và chẳng mong đợi gì hơn. Sáu Thiệt người bản xứ nhìn thấu suốt con người Chuyên. Thị có một con trai lớn làm ruộng. Chồng Sáu Thiệt chết lúc giao tranh vào những ngày cuối tháng tư năm nào. Sáu Thiệt và lưu đày Chuyên hợp ý, tương đắc, tương phùng như đôi vợ chồng già. Họ là những người xế bóng là chứng nhân của đau thương và cũng là nạn nhân bi thảm. Cả hai ngậm đắng trước cuộc đời. Cuộc đời trải dài qua bao lần vận nước đổi thay. Cát bụi, dã tràng!

- Uống miếng nước chè cho đở khát. Ông Phật nói đúng: 'lấy ân báo oán, oán ấy tiêu tan. Lấy oán báo oán, oán ấy chập chùng'. Thôi! đời thế đấy. Sáu Thiệt nói. Chuyên nhìn vợ âu yếm, mỉm cười. Họ có một căn hộ ở Xuân Lộc, Đồng Nai cho tới bây giờ: Một quê nhà mới hơn. Xum xuê hoa lá cành. Đúng nghĩa nhân sinh.

(ca.ab.yyc. 3/8/2014)

VÕ CÔNG LIÊM



truyện ngắn

GIÓ NÚI

NGÔ XUÂN TIẾU

Vòm trời cao xanh vời vợi, gió thổi mênh mang phơ phất bờ lau, bao quanh rừng cây keo cao vút. Tiếng chim họa mi, chim cu, chào mào...gọi bạn tình thao thiết, như bản hợp xướng giữa vùng trời trung du. Tôi nhận li cà phê từ tay ông chủ quán Gio núi, mặt mũi dị dạng, nhưng ứng xử lịch lãm,và pha cà phê rất ngon.Thật khó đoán tuổi người chủ quán. Chỉ kịp nhận ra mái tóc ông đã lấm tấm muối tiêu...Có thêm hai khách vào quán gọi "- Vinh cháy, cho hai cà phê đá!"qua cách gọi của khách quen tôi nghĩ, cái tên ghép của chủ quán hẳn là có uẩn khúc gì đây...

Gió luồn lách qua các sườn núi lướt nhẹ vào thung, xoay tròn những chiếc lá vàng bay xào xạc. Tôi ngồi nhâm nhi li cà phê thơm phức, phóng tầm mắt ra triền đồi thoai thoải đổ nghiêng xuống bờ sông, thấp thoáng những ngôi nhà được xây cất đẹp trong miệt vườn cây thế, cây cảnh, và hoa đủ sắc mầu...

Dưới chân núi, dàn trâu, bò hàng trăm con đang gặm cỏ, tiếng mõ trâu lốc...cốc... thật thanh bình trong nắng gió mùa thu.

Ông Vinh cháy, đem quần áo ra hong gió ngoài thềm, vuốt phẳng các nếp nhăn trên chiếc áo quân phục nữ, thỉnh thoảng lại ghé môi hôn như muốn uống hết mùi đặc trưng của chiếc áo này. Hai người khách quen vừa uống cà phê, vừa trỏ vào Vinh cháy nháy mắt... bấm nhau bảo: "- cứ mỗi lần phơi lại áo quần, ông ấy thường hôn chiếc áo như vậy suốt mấy chục năm qua. Chủ chiếc áo kia là ai? Không hiểu vì sao lão không lấy vợ. Hay là cháy mất "chim"rồi cũng nên. Nhiều cô gái tình nguyện đến với lão, hắn đều khôn khéo khước từ. Có cô khóc vì thương anh thương binh, vì tủi phận mình... Từ khi Vinh cháy về đến nay, người làng chỉ biết anh là thương binh loại hai, được nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba trong kháng chiến chông Mỹ.

Cái tên Vinh cháy gắn liền với chiến công của người lính lái xe trên đường Trường Sơn. Anh bị bom na pan làm bỏng nặng, mặt mũi biến dạng, may còn giữ được hai con mắt. Do sự nhạy cảm nghề nghiệp tôi nghĩ, huân chương chiến công hạng ba chẳng dễ có đâu.Thương tích thế kia, chắc phải là những chiến binh quả cảm mới có được.

Qua câu chuyện từ hai ông khách quen cùng uống cà phê mà tôi nghe được thì Vinh cháy nguyên là đại đội trưởng lái xe của một đôn vị anh hùng thuộc đoàn 559 bộ đội Trường Sơn. Tôi nghĩ, phải tiếp cận ông Vinh, có thể mình viết được cái gì đó về ông cũng nên...

Hai ông khách nọ gọi chủ quán ra thanh toán, rồi lên xe đi thẳng. Lúc này mình gợi hỏi chuyện là tốt nhất, tôi nghĩ vậy.và lựa lời trò chuyện với ông:

-Thưa bác Vinh, cháu có thể gọi cả tên đệm của bác không ạ?

-Ồ,cứ tự nhiên. Cái tên Vinh cháy do anh em trong trại điều dưỡng đặt cho dễ phân biệt với những người cùng tên, gọi mãi thành quen không bận tâm làm gì.

- Cháu là nhà báo, muốn làm một phóng sự cho ngày thành lập quân đội 22-12, thật may được gặp bác.Tôi đưa tấm thẻ nhà báo, và chứng minh thư cho ông.

-Ồ, anh cũng họ Lê, à?

-Vâng.Tên đầy đủ của cháu là Lê anh Tuấn, thưa bác.

-Còn tôi là Lê nguyên Vinh. Mọi người quên gọi là Vinh cháy, cháy mặt ấy mà. Da mặt tôi bây giờ có một phần thịt da của đồng đội nữa đấy, vì phải vá víu lại mới được thế này. Rồi ông cười khà...khà...,tiếng cười vừa ấm, vừa vang. Nếu chỉ nhìn vào gương mặt dị dạng kia thì thật khó gần, nhưng hóa ra ông cũng là người dễ gần, dễ mến lắm. Cũng phải thôi, ông là đại đội trưởng kia mà.

-Bác Vinh cháy có thể kể cho cháu về chiến công bác được thưởng HCCC hạng ba, và những kỷ niệm sâu sắc một thời bom đạn không ạ?

-Ôi, chuyện thì có nhưng buồn và dài lắm. Mà trời sắp tối rồi, thôi để lúc khác.

*

Nắng chiều đang nhạt dần, ánh hoàng hôn nhuộm tím mặt sông, mặt trời sắp lặn.Tiêng chuông chùa binh...boong thả vào khoảng trời yên ả. Đàn trâu, bò no tròn nối đuôi nhau xuống núi, tiếng bê, nghé gọi mẹ nghé ọ..o.,.,bi be...e, như tiêng vĩ cầm, bản nhạc đồng quê khi chiều về thật đẹp.

Đã cuối thu, vùng trung du trời tối rất nhanh.Hôm nay, ông Vinh cháy đi nằm sớm hơn mọi hôm, nhưng thao thức mãi không sao ngủ được. Ông lại đem tấm ảnh chụp chung ba người ra ngắm nghía, rồi soi gương nhìn mặt mũi kỳ quái của mình, cố nên tiếng thở dài ngao ngán... Những ký ức vui buồn, và mối tình đầu đã lặn sâu, lại hiện lên trong tâm trí ông...

Vinh cháy nhớ đến hình ảnh cô y tá, người đã chăm sóc mình suốt mấy tháng trời ở trạm xá tiền phương. Bón cơm, tiếp máu, cô ấy hiến cả da thịt để bác sĩ cấy vá mặt mình.Thành ra mình bị thương, cô ấy cũng phải mang thương, bởi vì lấy da thịt người này cấy ghép sang người kia, đâu phải cứ cắt ra là ghép ngay được. Người cho phải mang viết thương trong thời gian nuôi mô. Nghĩ đến đây ông khóc nấc như đứa trẻ. Nghĩ thương nhớ người yêu, và thân phận mình mà không thể chia sẻ với ai.Trằn trọc mãi rồi ông thiếp đi lúc nào không rõ.

*

Sáng ra, trời lại đổ mưa.Vinh cháy chẳng vội dậy làm gì, mưa gió thế này ai vào quán. Định bụng nằm thêm chút nữa, nhưng hình như có tiếng ai gọi ngoài kia, ông vội ra mở cửa.

-Ôi, chào nhà báo. Mưa gió thế này,...ông bỏ dở câu,... mời anh vào trong nhà. Thế đêm qua anh nghỉ ở đâu mà đến đây sớm thế.

-Cháu nghỉ tại nhà khách ủy ban huyện ta bác ạ.

-Thế thì ngay đây thôi. Mời anh dùng trà, ta uống cà phê lai rai sau nhé.

-Vâng cảm ơn bác.

Tôi nhấp ngụm trà hương sen thơm ngát, vào lúc sáng thanh tâm mới cảm nhận hết cái hương vị thơm ngon tinh khiết của nỏ lan tỏa trong vị giác,khiếu giác thật là thú vị. Đúng là "danh bất hư truyền."Về trà sen, và cà phê ở quán Gió núi.

Có dịp, tôi quan sát căn nhà mái bằng khoảng hơn bẩy chục mét vuông,một phòng khách, một phòng ngủ bài trí gọn gàng sạch đẹp.Tôi chú ý đến tấm ảnh ba người lính, hai nam, một nữ đứng giữa, phóng to treo trang trọng giữa phòng khách. Cũng vừa lúc Vinh cháy đem cà phê ra.

-Nào, mời anh Tuấn thưởng thức cà phê Trung Nguyên nhé.Trưa nay anh ở lại đây dùng cơm với tôi. chả mấy khi nhà văn, nhà báo đến nhà. Dẫu thất nội trợ, tôi sẽ tự làm vài món nhắm ta lai rai cũng chẳng đến nỗi tồi đâu.

-Vâng.cháu cảm ơn bác.

-Tấm ảnh ba người treo trên tường kia có bác ở trong đó không a?

- À, để tôi giới thiệu: đứng bên tay trái là bác sĩ Việt, trưởng khoa ngoại, người phẫu thuật chỉnh hình cho tôi đấy.Ông này giỏi lắm,được mệnh danh người có đôi bàn tay vàng. Người đứng giữa là cô Hạnh-y tá trưởng,đã tiếp máu, và hiến cả da thịt cho tôi vá lên cái mặt này đây. Người cuối cùng đứng bên tay phải là tôi-Lê nguyên Vinh khi hai mươi tuổi đấy. Anh nhìn Vinh hôm nay, với Vinh ngày xưa thấy hai thằng này có gì khác nhau không?... Rồi ông cười chua chát... Thú thật, tôi không dám nhìn vào gương mặt dị dạng người không ra người, ma chẳng ra ma của ông lúc này. Vì hình ảnh ông trên kia là một người tầm thước, đẹp như người mẫu. Nhìn hai gương mặt đối lập nhau tôi không thể cầm nước mắt. Một sự hy sinh trong muôn vàn hy sinh của người lính bước ra khỏi cuộc chiến đã mấy chục năm qua chẳng làm ta suy ngẫm đó sao?

-Thế, chiến tích của bác về chiếc HCCC hang ba, thì sao ạ.

-Cũng đơn giản thôi: mùa xuân năm 1975, đơn vị tôi nhận lệnh thượng khẩn : "- Sau ba giờ nữa phải có năm xe đạn ĐKB đến điểm X.!" Xe tôi đi trước.Mới đi chừng nửa đường thì máy bay địch phát hiện, chúng chặn đầu khóa đuôi, bắn đạn 40li xối xả, ném bom phá, bom na pan.Tôi bật đèn pha thu hút hỏa lực địch về mình, lệnh cho 4 xe sau rẽ vào đường tránh tiếp tục đi! Khi xe tôi giao hàng xong quay ra thì đồng chí lái xe số 2 hy sinh. Chiếc xe vẫn nổ máy, tôi vừa bước vào buồng laí thấy đau nhói ở cẳng chân, không kịp băng bó, tôi đạp tẹt ga lái chiếc xe chạy hết tốc độ, giao xe hàng thứ hai xong. Tôi băng vết thương rồi quay ra tìm xe số 5, đi được một đoạn, tôi chỉ kịp nghe một tiếng nổ"bụp"... một quầng lửa như máu...Khi tỉnh dậy biết mình đang nằm trong trạm quân y tiền phương, nhờ các đồng chí công binh trục chiến trên đoạn đường này đưa đi cấp cứu. Tôi gặp cô Hạnh ở đó, quen nhau, thương nhau, rồi yêu nhau.một mối tình thật đau, và rất đẹp!

- Khi nào thì hai bác tổ chức cưới, tôi hỏi.

- Trước khi tôi ra Bắc an dưỡng, và chuẩn bị cưới, hai đứa gặp nhau ở trạm xá tiền phương một đêm, vì chuyện tình cảm của chúng tôi đã báo cáo với trạm, lãnh đạo đã biết, tạo điều kiện cho chúng tôi gặp nhau trước lúc cưới.

Đêm ấy, chúng tôi đã sống với nhau như vợ chồng với bao khát khao và hy vọng... Nhiều lúc tôi ôm cô ấy mà khóc. Khóc vì tình đồng đội yêu thương nhau như ruột thịt, khóc vì tình yêu lứa đôi gắn bó keo sơn, khóc vì tinh thần xả thân cứu bạn, khóc vì máu, và thịt da cô ấy đang hiện hữu trong người tôi, khóc vi cô ấy rất đẹp!..Tôi có đáng được hưởng cái hạnh phúc này không, khi mặt mũi tôi như quỷ thế này? Tôi cứ nghĩ như vậy mà bao đêm không ngủ.

-Chia tay nhau được một tháng ba ngày, thì B52 trút bom vào tram xá tiền phương, cô Hạnh hy sinh khi cứu đồng đội. Ông Vinh cháy kể đến đây rồi khóc nấc. Nghe tiếng khóc của người già, nhất là hoàn cảnh của ông, tôi không dám hỏi gì thêm nữa.TRời ơi, tôi đã chạm vào nỗi đau của ông. Chúng tôi, thế hệ con cháu ông Vinh cháy phải làm gì cho xứng đáng với những hy sinh mất mát của cha ông mình? Câu hỏi ấy cứ day dứt trong tôi mãi. Mỗi khi gặp khó khăn tôi lại nhớ đến gương mặt cháy của ông Vinh mà gắng vượt lên chính mình.

-Xin lỗi bác Vinh cháu lỡ chạm vào nỗi đau của bác.

-Không sao đâu anh Tuấn. Có người chia sẻ tôi thấy như mình vơi bớt nỗi buồn. Cảm ơn anh đã đến quán Gió Núi. Chuyện có thế anh viết được gì thì viết.

Hai bác cháu tôi cùng vào bếp chuẩn bị bữa cơm trưa, làm vài món:gà ri đảo mẻ, cá hấp, nem chua, hoa chuối nộm. Rượu nút lá chuối rất thơm ngon.

Khi đã ngà ngà rượu, tôi buột miệng hỏi: "-thế sao bác không kiếm cô ... ô..." biết mình lỡ lời tôi không nói hết câu...

Ông Vinh giải thích: trước khi về địa phương, khám lại sức khỏe, mình bị dính thêm chất đọc mầu da cam. Được tăng hạng từ thương binh loại hai lên loại một. Nhưng bác sĩ khuyên không nên có con. Nên không muốn làm khổ vợ con nữa! Tôi đã nuôi cháu Nguyễn Cường, con liệt sĩ Nguyễn văn Thanh, người lái chiếc xe só 2 đấy. Mẹ cháu Cường mất vì bệnh ung thư lâu rồi. Cháu Cường đang học đại học năm thứ hai.Thấm thoát đã hơn chục năm hai cha con tôi sống ở cái quán Gió Núi này. Nhà vắng bóng người đàn bà, nhất là khi ốm đau, giỗ, tết, lúc có khách cũng tủi lắm anh ạ. Người xưa nói "giầu vì bạn, sang vì vợ." May mà có sự đùm bọc của nhân dân. Nhất là bà con ở xóm núi này. Mong sao đất nước mình luôn sống trong hòa bình, ngày càng giầu mạnh thì ta chả tiếc máu xương!

Tháng 11-2012.

NGÔ XUÂN TIẾU





truyện ngắn

ĐÊM RÌNH MA

HOÀNG THỊ VIỄN DU

Khuya

Gió rít từng chặp, cây cối quanh vườn lao xao.Bên hiên nhà tiếng những tàu lá chuối phần phật đập vào nhau. Sấm chớp ầm ì rồi mưa ập xuống. Căn nhà, không biết gọi là nhà cấp gì, nửa tường nửa gỗ ,đằng trước lợp ngói nửa sau lợp tôn ,tiếng mưa cứ rầm rập,tất cả tạo nên một thứ âm thanh hỗn độn.Con cái đi học xa,Ngân ở một mình căn nhà càng thêm vắng

Ngân nằm co mình nhìn lên góc nhà có mấy viên gạch vỡ ,mưa lọt xuống thành một đám dột rộng. Úp mặt xuống gối ngao ngán, chỗ dột có từ ngày Tùng còn sống,cũng một vài lần thay những viên ngói nhưng chẳng biết bị kênh hay thế nào mà dột vẫn hoàn dột ,có lẽ nhìn hoài quen mắt nên Tùng mặc kệ .Ngân khó chịu nói mãi nhưng Tùng vẫn dưng dưng đành thôi

Từ ngày Tùng chết , sống một mình ,Ngân đâm ra sợ ,sợ tất cả. Sợ cái nhìn soi mói của hàng xóm (dù thật ra họ không hề xấu tính) Từ bộ quần áo màu tươi sáng,hay vẻ vui mừng rạng rở của Ngân lúc những đứa con gọi điện về,Ngân bỗng thấy mình sống dè dặt ,lo lắng nhiều hơn ,sợ tiếng gõ cửa của những gã say rượu. Ngay cả những việc phụ nữ không làm được,muốn nhờ những cậu trai trẻ thì lại sợ xì xào “Phi công”. Nhờ những ông sồn sồn thì sợ mấy bà vợ háy nguýt, nên dù chỉ mấy viên ngói vỡ Ngân cũng không dám nhờ, đành làm liều .Ngân leo lên thay ,lúc xuống hụt chân,té dập hông,lăn ra nền nhà .Ngân nằm vạ với mình và âm thầm khóc

Mưa ngớt dần rồi tạnh hẳn,Ngân dậy thắp hương cho Tùng rồi đi lau nền nhà sũng nước,xong xuôi mọi việc vẫn không buồn ngủ .Ngân ngồi trầm ngâm nhìn hình Tùng trên bàn thờ ,băn khoăn tự hỏi “ không biết trước lúc chết Tùng có linh cảm được điều gì không?”,mà có lẽ là không vì nghe mấy đứa cháu kể lại,trước lúc chết ,mấy cậu cháu ngồi nhậu.Tùng còn cười khà khà nói “ tao bị xe tông miết mà không sao cả ,mạng tao lớn lắm”

Vậy mà Tùng lại chết, cái chết bất ngờ cho đến giờ Ngân vẫn bị ám ảnh bởi cái chết đau đớn của Tùng. Nghe mọi người bên đường kể lại Tùng bị xe bảy chỗ ngồi vượt xe trước nên tông vào ,hất lên cao rồi văng ra xa ,sẵn trớn chiếc xe lao tới cáng luôn lên chân,rách bàng quang ,rách dạ dày ,sườn gãy chọc thủng phổi ,Tùng chỉ tỉnh lại một lần ,kêu đau lưng rồi chìm vào hư vô

Dù không phải là người chồng, người cha tốt ,.Nhưng. cái chết bất ngờ và đau đớn của Tùng làm Ngân xót xa thương cảm.Mất một thời gian ,cứ nhắm mắt lại cái hình ảnh Tùng bị hất tung lên cao rồi lăn mấy vòng cứ ám ảnh Ngân.Có nỗi đau mơ hồ se thắt trong Ngân,cô biết mình chỉ

thương xót chứ không hề thương tiếc nhưng vẫn có cái cảm giác đau,đau lắm

Lúc đám tang Ngân như bồng bềnh trên mây ,không một giọt nước mắt,dửng dưng lạnh lẽo nhìn người ta hạ huyệt.Đứa con nhét nắm đất vào tay bảo " mẹ tiễn ba đi" Ngân vung như cái máy, như muốn vất đi những yêu thương thù hận, rồi ngồi phịch xuống nhìn người ta lấp đất.Ngôi mộ đất tươi cao dần,. nằm rưng rưng trong nắng

Cái cảm giác trống trải trong đêm mưa này càng rõ nét ,trong căn nhà vắng lạnh mùi nhang khói .Tiếng những con mèo hoang gào rú rượt đuổi rầm rập trên mái tole,rồi những bước nhảy nhẹ nhàng của những con mèo nhà trên sàn gác gỗ, như bước chân người đi lại khẽ khàng .Tiếng loạt soạt của bầy chuột trốn mèo trong căn phòng ngày xưa của hai vợ chồng(Từ ngày Tùng chết ,căn phòng thành kho chứa đồ cũ). Ngân đẩy cửa bước vào bỗng thoắt rùng mình ,cả căn phòng tràn ngập mùi dầu gió xanh(mùi dầu lúc còn sống Tùng hay sài) mải móng bước ra Ngân ngồi phịch xuống ghế sợ hãi .Định thần một lúc, nghĩ mình bị ảo giác cô lại bước tiếp vào ,vẫn mùi dầu gió đó.Ngân vội tới thắp nhang cho chồng,rờn rợn với cảm giác ánh mắt Tùng chăm chú nhìn mình

Ngân vào giường nằm ,cố nhớ lại những tháng ngày sống với Tùng đã qua , lúc hẹn hò khi còn yêu nhau.Trời mùa Đông lạnh hai đứa lang thang,co ro, vào quán caffe nhưng vẫn thích uống café đá, hút chung điếu thuốc và bao kỷ niệm xa xưa nữa....Rồi thành vợ chồng ,cũng bàn tay viết những lời yêu thương đó giáng cho Ngân những cái tát, cũng giọng nói đó nhưng không còn dịu dàng,chia sẻ. Ngân âm thầm nhìn tình yêu, hạnh phúc đi qua mờ nhạt, cuối cùng là trống rỗng.Căn nhà rộng quá, cái bàn thờ trong góc nhà với hai cây nến điện màu đỏ, khói nhang cũng không đủ làm ấm không gian.

Không ngủ được cùng với cảm giác ánh mắt Tùng đi theo mình mọi ngõ ngách, Ngân lại dậy ngồi trước bàn thờ Tùng, lắng nghe nỗi đau âm ỹ. Không phải vì thương tiếc, không phải vì hụt hẫng mà vì mất đi người cho Ngân thể hiện và khẳng định mình (không có Tùng ,không có tiền "Đô "

"Ngân vẫn sống và nuôi dạy con cái thật tốt) .Tùng chết Ngân bỗng thấy mình rơi vào tuyệt vọng, tuyệt vọng vì cái "tôi" của mình không còn cơ hội để chứng tỏ nữa rồi. Mệt mỏi với những suy nghĩ quẩn quanh,Ngân tắt điện đi nằm .

Đang dần thiếp vào giấc ngủ ,chợt Ngân giật mình ,có tiếng dép loẹt xoẹt từ phòng ngủ cũ của hai vợ chồng vọng ra , rồi tiếng loẹt xoẹt quanh nhà Ngân cứng cả người, cố xoay mình ra nhưng đầu óc như tê liệt . không điều khiển nổi chân tay. Muốn cất tiếng la nhưng hàm như cứng lại (thật ra thì la cũng chẳng có ai nghe), thoảng như có tiếng thở dài lướt thướt

Trước khi chìm vào hư ảo Ngân vẫn còn tự hỏi :

- Phải chăng **con ma** của" "một thời yêu thiết tha" đang quay về uống nốt chén rượu trần ai còn dang dở?

(bài hát "Tưởng niệm" của Trầm tử Thiêng)

HOÀNG THI VIỄN DU



Tháp Pôshanư



bút ký

ĐẤT BÌNH THUẬN THƯỞ BAN ĐẦU

PHAN CHÍNH

Địa danh Bình Thuận đã qua nhiều thời kỳ thay đổi về cấp hành chánh. Năm Đinh Sửu (1697), Chúa Nguyễn đổi Thuận Thành trấn ra Bình Thuận phủ, sau là dinh có 4 đạo Phan Rang, Phan Thiết, Maly, Phố Hài. Bình Thuận dưới thời Tây Sơn (1773) từ dinh thành phủ, rồi chuyển thành trấn. Đến thời Minh Mạng thứ 4 (1823) đặt phủ.

Dưới triều Minh Mạng tiến hành cuộc cải cách lớn, nhất thể hóa các đơn vị hành chánh trong cả nước, đó là thành lập 30 đơn vị hành chánh tỉnh và các đơn vị dưới tỉnh là phủ, huyện, tổng, xã. Trong đó, năm Minh Mạng thứ 13 (1832), Bình Thuận mới chính thức là cấp tỉnh. Theo sách *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Bình Thuận của Nguyễn Đình Đầu* (xb.1996), năm 1836 tổ chức hành chánh của tỉnh có 2 phủ: Phủ Hàm Thuận gồm 2 huyện Hòa Đa, Tuy Định và Phủ Ninh Thuận gồm 2 huyện An Phước và Tuy Phong (có tổng Phú Quý). Địa giới rộng lớn, bao gồm các phần đất Ninh Thuận, Lâm Đồng và nam Đắk Lắk ngày nay. Thủ phủ của trấn, dinh, phủ Bình Thuận trước đây đều đặt ở phía bắc của tỉnh thuộc sự quản lý của Nhà nước Bảo hộ dưới quyền một quan Đại lý. Đến năm Thành Thái thứ 10 (1898), tỉnh lỵ Bình Thuận đặt tại làng Phú Tài (thuộc phường Phú Trinh hiện giờ) và thành lập thị xã Phan Thiết tách từ phủ Hàm Thuận. Năm 1905 sau khi tách và nhập một phần đất với Đồng Nai Thượng, tỉnh Bình Thuận có 2 phủ Hàm Thuận và phủ Di Dinh (Di Linh). Phủ Hàm Thuận gồm 5 huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Hòa Đa thổ (sau là Phan Lý Chàm), Tánh Linh, Tuy Lý (có làng Hàm Tân) là phần đất thuộc tỉnh Bình Thuận ngày nay. Riêng phủ Di Dinh thuộc về tỉnh Lâm Đồng.

Đến năm 1910, Bình Thuận có 2 phủ Hàm Thuận và Phan Lý Chàm và 4 huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Tuy Lý và Tánh Linh với số dân 71.575 người (lúc này tổ chức hành chánh Phủ ngang với Huyện). Năm 1943 có 145.900 dân, năm 1955 khoảng 210.000 dân. Tính đến năm 2010, tức 100 năm sau có số dân tăng lên gần 1.180.000 người, gấp 16,5 lần. .

Yếu tố vùng miền và sự biến động dân cư có một phần tác động mạnh mẽ lên mảnh đất này suốt chặng đường trên 310 năm lịch sử hình thành và phát triển. Về địa lý, Bình Thuận là phần đất cực nam Trung Bộ nhưng có chiều dài bờ biển 192 km và lưng tựa vào cuối dãy Trường Sơn, Cao Nguyên. Bình Thuận từ xưa được coi là một vùng đất có tiềm năng phong phú, là "rừng vàng, biển bạc". Đặc điểm dân cư trong nhiều thời kỳ được coi là vùng đất tụ nghĩa, còn gọi "Ngũ Quảng lưu dân" pha trộn hài hòa được những bản sắc văn hóa, truyền thống đấu tranh, ý chí sáng tạo, tính cần cù để tạo nên giá trị, phẩm chất nhân văn của địa phương.

Với người Việt là những nhóm cư dân ban đầu gốc gác miền Trung lưu tán đi tìm vùng đất mới để lập nghiệp mưu sinh. Gặp được môi trường thiên nhiên phong phú rất thuận lợi cho cuộc sống nghề nông, nghề biển nên cư dân tập trung nhiều ở các cửa sông, đồng bằng ven biển. Thời kỳ nội chiến nhà Nguyên, hai cuộc chiến tranh chống ngoại xâm và trong hòa bình đã có nhiều đợt nhập cư đáng kể. Dân số tăng nhanh là có từ những biến động thời cuộc đó. Một cộng đồng cư dân người Chăm, người miền thượng du (Raglai, K'ho...) chiếm gần 10 % dân số lúc bấy giờ (khoảng 1930-1935) có thể coi là dân bản địa. Kế đó, đảo Phú Quý (tên xưa là Thuận Tĩnh) cách Phan Thiết hơn 100 km là nơi tiếp nhận nhiều nhóm cư dân lánh nạn thời Trịnh- Nguyễn phân tranh và cuối thế kỷ 17, do cuộc kháng Thanh phục Minh, một số người Hoa bỏ xứ, vượt biển lạc vào đây lập nghiệp. Người Việt từ các nơi mang đến những tập tục từ đất quê bản xứ hòa nhập với tín ngưỡng dân gian của vùng đất mới, khiến cho sự cảm tính thiên nhiên trở thành thiêng

liêng, thần bí đối với cả người Việt và Chăm. Ở Bình Thuận nhiều đình, miếu cũng là chùa thờ Phật. Không những đối với các đền thờ Pô Klong, Pô Nit, Bàn Tranh, Pô Sah Inư...là biểu tượng thần linh riêng với người Chăm, mà còn có người Việt vẫn nặng lòng tin dù rất mơ hồ. Mối quan hệ giao thoa các nền văn hóa Việt, Chăm và dân tộc thiểu số đã phát triển theo đời sống kinh tế, tôn giáo làm nên nét riêng trong cộng đồng xã hội. Cho nên trên mảnh đất Bình Thuận có nhiều di sản văn hóa lâu đời gắn liền với những thắng tích, huyền thoại. Đền thờ vua Chăm Pô Klông Mơh (Bắc Bình) mang dáng dấp kiến trúc Việt. Đền thờ công chúa Bàn Tranh (Phú Quý) được người Việt tôn vinh là bà Chúa Đảo cùng việc thờ tự Thành hoàng bổn cảnh và cúng tế theo tập tục thờ Mẫu của người dân vùng biển. Ở hòn đảo này, ngày xưa các vua triều Nguyễn cũng nhận ra sự hòa đồng mà ban tặng nhiều sắc phong, chỉ dụ thờ phụng công chúa Bàn Tranh (Chăm) và chung cho thầy Sài Nại (người Hoa) được người dân tổ chức lễ hội luân phiên tại các đền thờ, dinh vạn. Một số miếu thờ Quan Công, bà Đức Sanh (Phan Thiết), bà Thiên Hậu (Bắc Bình) nguồn gốc của người Hoa nhưng trong tín ngưỡng người Việt theo đạo Phật ở địa phương cũng coi đây là chùa...Tương tự như đền thờ nữ thần Pô Ina Naga ở Hòn Bà (La Gi) được ngư dân Việt hóa thành Bà Chúa Ngọc- Thiên Y Ana, kể cả sự tích cũng được tương truyền như một sử thi mang bản sắc riêng của người Việt. Đối với dân tộc miền núi Raglai, K'ho không có tôn giáo riêng mà chỉ tin vào thần linh trong thiên nhiên thường thấy qua các lễ hội đâm trâu, múa mừng mùa rẫy mới, âm thanh đàn đá, điệu nhạc mả la. Mãi sau này trong dân gian vẫn còn truyền nhau câu: "Cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận". Không phải chỉ có ở đất Khánh Hòa mà thật ra với rừng núi Bình Thuận ngày xưa lấn sát tận bờ biển cho nên nạn "hổ hoạn" là mối đe dọa kinh hoàng với cuộc sống của con người. Còn bóng ma của thần linh, quỷ dữ siêu lạc đâu đây trên mảnh đất bao đời chôn chặt nhiều bí ẩn, oan nghiệt luôn là nỗi ám ảnh.

Đặc điểm văn hóa tín ngưỡng của người Việt ở Bình Thuận ngoài các tôn giáo lớn Phật giáo, Thiên Chúa giáo, thì những thần thoại, sự tích dân gian còn ít ỏi hoặc bị chắp vá, lẫn lộn, không hợp lý với thực tế xã hội, đôi khi rơi vào mê tín dị đoan. Bởi một lẽ, đất xưa Bình Thuận là của vương quốc Chămpa. Bước chân người Việt khai phá vùng đất mới này đều xuất hiện lên nhau để rồi trở thành một cộng đồng dân cư mang nhiều bản sắc văn hóa và tính sống động trong quá trình phát triển. Người Việt vùng biển, rõ nét nhất là thành phố Phan Thiết nằm trên khúc cuối sông Cà Ty, nơi tập trung ghe thuyền cặp vào bãi cát nổi Cồn Chà, Cồn Cỏ...Trước sự hung hãn hiểm nguy thường trực của đời biển nên ngư dân càng tin vào sự mầu nhiệm ở ông Cái Voi thần thoại được vua Gia Long sắc phong tước hiệu "Nam Hải cự tộc Ngọc Lân thượng đẳng thần" (Ông Nam Hải). Các dinh vạn cổ Thủy Tú, Nam Nghĩa, Hưng Long là những nơi lưu giữ và thờ phụng hàng trăm bộ "ngọc cốt" Ông Nam Hải còn đó. Còn có các điểm quần cư vùng biển dọc dài từ Tuy Phong, Phan Rí, Mũi Né vào tận La Gi, Cù Mi và đảo Phú Quý đều gặp những dinh vạn, đình làng lớn nhỏ thờ Ông Nam Hải coi đó là thần linh trong tín ngưỡng ngư dân. Trong lễ hội cầu ngư không thể thiếu múa hò bả trạo, tuồng tích bài chòi đậm chất miền Trung.

Người dân sống trong suốt một chặng đường lịch sử làm nên diện mạo vùng đất Bình Thuận thuở đầu đã phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Nghề làm ruộng thì dựa vào kinh nghiệm "lão nông tri điền", làm biển thì phó mặc cho rủi ro, cho nên cuộc sống thiếu ổn định, thường phải chịu cảnh "giàu đầu hôm, khó sớm mai". Diện mạo văn hóa và đời sống xã hội của Bình Thuận buổi đầu đã trải qua những thăng trầm, dày dạn và đau thương. Nhưng cũng từ đó đã tạo nên sự phong phú, niềm tự hào, tính hài hòa xây dựng nền tảng cho những gì có được của hôm nay.

Tính cách con người Bình Thuận là sự dung hòa từ những bản sắc văn hóa của các dân tộc, vùng miền đã làm nên một cốt cách đặc trưng đáng quý. Nhiều người thường nhắc lại lời nhận xét của nhà thơ Xuân Diệu:

"Giọng Thanh Hóa là giọng miền Bắc phai đi

Giọng Phan Thiết là giọng miền Nam sắp sửa".

Không riêng gì nói về giọng nói mà còn khái quát được một bản lĩnh thích nghi, biết dung nạp và tình cảm phóng khoáng của con người trong quá trình khám phá, mở đất lập làng.

PHAN CHÍNH



thơ

TRỜI VÀO THU

TRẦN VẤN LỆ

Trời vào Thu có khác, buổi sáng thấy buồn buồn, những con chim trong vườn im lìm không tiếng hót, chỉ nghe sương nhỏ giọt lạnh lùng và lạnh lùng. Tiếng chuông Chùa boong boong nghe như trăng rớt rụng…Nước êm không tiếng sóng, dòng sóng lặng lẽ trôi…

Tôi gọi khẽ, em ơi, anh nhớ em rồi đó. Bây giờ em còn ngủ hay thức dậy nhìn sương? Trong cuộc sống tha hương, đã mấy mùa Thu nhỉ? Người đầu non cuối bể, nhớ nhau, còn chút thơ...

Anh làm đã xong chưa bài thơ cho em đọc? Trang giấy đầy hàng dọc, trang giấy đầy hàng ngang, lát nữa con bướm vàng có về trong thơ, đậu? Những bài thơ em giấu, tuổi hồn nhiên, còn đâu! Ngang sông Hương mấy cầu mà anh nhớ chỉ một, buổi sáng em đi học, buổi trưa em tan trường, mỗi nhịp cầu – nhịp thương; sáu vài cầu - vạn nhớ. Ôi vườn cau Nam Phổ ôi Huế của ngày xưa…

Sáng nay sương mờ mờ, em là mặt trời sáng, bóng trăng đêm qua, tản, tan kìa, sương tan tan…

TRẦN VẤN LỆ



tản mạn

UỐNG TRÀ VÀ THÚ VUI UỐNG TRÀ

LƯƠNG VĂN HỒNG

Uống trà

Việt Nam nằm trong vùng gió mùa Đông nam á, cái nôi của cây chè. Khí hậu đất đai rất thích hợp với sinh trưởng cây chè Giống chè bản địa gồm 2 giống Trung Du và Shan, đặc biệt giống chè Shan miền núi có búp nhiều lông tuyết trắng, được thị trường quốc tế rất ưa chuộng. Lê Quý Đôn trong sách " Vân Đài loại ngữ " (1773) có ghi:" ... Cây chè đã có ở mấy ngọn núi Am Thiên, Am Giới và Am Các, huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hoá, mọc xanh um đầy rừng, thổ nhân hái lá chè đem về giã nát ra, phơi trong râm, khi khô đem nấu nước uống, tính hơi hàn, uống vào mát tim phổi, giải khát, ngủ ngon. Hoa và nhị chè càng tốt, có hương thơm tự nhiên...", ở vùng Suối Giàng (Văn Chấn-Nghĩa Lộ-Yên Bái), trên độ cao 1.000 mét so với mặt biển, có một vùng chè hoang khoảng 40.000 cây chè dại, trong đó có một cây chè cổ thụ lớn nhất, ba người ôm không xuể."Năm 1923, các nhà khoa học Pháp và Hà Lan khảo sát rừng chè cổ ở tỉnh Hà Giang Việt Nam. Suối Giàng, Nghĩa Lộ, Lạng Sơn, Nghệ An là các vùng chè cổ Việt Nam. Các học giả Tây phương vẫn cho rằng Trung Hoa là nơi phát xuất cây trà. Thế nhưng không phải cây trà chỉ mọc hoang trong vùng nam nước Trung Hoa mà có khắp vùng Đông Nam Á. Thành thử Việt Nam ta cũng là quê hương của cây trà, và cũng có những cây trà cổ thụ. cách uống trà kiểu Việt Nam vẫn giữ nguyên hình thái mộc mạc chứ không cầu kỳ như người Trung Hoa.

Việt Nam đã có tập quán uống trà từ lâu đời và nó chiếm một vai trò nhất định trong đời sống xã hội. Đến thế kỷ thứ 18 , trà là hàng hóa thông dụng khắp Việt Nam khắp hang cùng ngỏ hẻm ngay trong vùng đất mới như miền Nam. Văn hóa trà Việt Nam chịu ảnh hưởng của sự "thanh thoát và hướng tự nhiên" ở dân tộc Bách Việt của vùng Hoa Nam nhiều hơn là phong cách "luân thường Khổng gia" của trà pháp Hoa Bắc. Tục uống trà ở Việt Nam rất phong phú. Từ cách uống cầu kỳ cổ xưa đến cách uống bình dân. Người Việt xưa còn có tổ chức các hội trà. Khắp nơi trên đất

Việt, người ta tôn vinh trà. Thưởng trà đầu xuân là thói quen của các bậc tao nhân chốn kinh thành xưa kia. Sáng mồng một, con cháu dành riêng cho cụ những giây phút đầu tiên để tịnh tâm và ngắm hoa thưởng trà. Ở nông thôn, người bình dân hay uống trà xanh. Đó là những lá chè tươi, rửa sạch, hãm trong nước sôi sủi tăm cá, nước trà thơm dịu, xanh ngắt. Uống trà bằng bát sành.

Người Việt Nam hiện nay uống chủ yếu là trà xanh sơ chế mà người đời thường gọi là "trà mộc","trà sao suốt" hay "trà móc câu". Gọi là "trà móc câu" vì cánh trà sao quăn giống hình chiếc móc câu.

Ca dao có câu:

"Làm trai biết đánh tổ tôm
Uống trà mạn hảo (danh trà Việt Nam) , *ngâm nôm Thúy Kiều"*

Hà Nội, Huế, Sài Gòn là ba thành phố của Bắc Trung Nam, nhưng mỗi nơi một khác. Uống trà phải nói tới Hà Nội, nơi đây có tới 10.000 nơi bán chè chén (trà mộc) vỉa hè nhưng Sài Gòn Huế là nơi người bình dân uống cà phê ở quán cóc. Người ở Hà Nội uống trà rất đậm. (Ai yếu tim thì không nên uống, vì uống xong tim đập, loạn nhịp tim.)

Trà Thái Nguyên là loại trà được người Hà Nội ưa chuộng nhất. Số lượng người uống trà ở Hà Nội rất đông, gấp nhiều lần so với ở TP. Hồ Chí Minh Năm 1970 ở Hà Nội có 7.000 nơi bán chè chén thì nay tới 10.000 nơi bán chè chén, gọi là nơi vì không có đăng ký kinh doanh, chỉ là tự phát, tiện đâu bán đó, kiếm chút tiền trang trải kinh tế gia đình. Người Hà Nội bán chè chén rất thân thiện, tiện dừng chân ven đường ai uống cứ tự nhiên như người Hà Nội, không mời chào, thản nhiên nhận trà nóng uống, rồi thản nhiên trả tiền, thản nhiên lặng lẽ đi, nếu có thời gian thì trò chuyện trời đất mây gió tứ phương. Chất lượng chè chén đâu cũng thế: trà ngon, đậm đặc Chưa có thống kê cà phê quán cóc ở Huế, Sài Gòn, nhiều, nhiều lắm, cứ đợi thống kê sẽ biết là bao nhiêu, nhưng muốn uống, muốn trả tiền thì gọi vì nó là dịch vụ, có chỗ ta có thể điện thoại tới để gọi cà phê mang tới. Chất lượng cà phê quán cóc là chất lượng cà phê bắp rang, đâu cũng vậy.

Thú vui uống trà

Đã gọi là thú vui thì muôn mầu muôn vẻ, người thích trà này, người thích trà khác, nhưng trà ngon thì chỉ có một số loại. còn đặt tên cho trà thì mỗi nơi mỗi khác. Trước tiên noi về sách: Trà kinh của Lục Vũ người Trung quốc (Nhã Nam – Nhà xuất bản Văn học, 2014). " Lục Vũ, tự Hồng Tiệm, Đường triều kỳ nhân, đem mắt Phật Nho mà nghiền ngẫm sự đời, được hậu thế suy tôn là tông sư trà học. Tao nhân mặc khách có thú vui uống trà mà "ngẫm kim luận cổ".

Trà đạo, tiểu luận của Okakura Kakuzo người Nhật (NXB Văn hóa-Văn nghệ, 2013) Những thú vui, người Nhật thường nâng lên thành ĐẠO, như Hoa đạo của George Ohsawa, , Trà đạo của Okakura Kakuzo. "Trà đạo là nghệ thuật che giấu cái đẹp mà người ta có thể khám phá ra được và gợi ra những điều mà tự mình không dám tiết lộ. Nó là cái pháp ảo diệu cao quí tự cười mình, tuy bình tĩnh, nhưng rất đáo để. Nó chính là cái "u mặc"- cái cười của triết học": Thưởng trà là thú vui trần gian của bạn tâm giao. Người đã gia nhập Trà đạo rồi có thể thưởng thức đức trầm mặc hiền từ của Khổng Tử, tính chua chát của Lão Tử, và hương thơm cao quí của chính Thích Ca Mầu Ni."

Trà Kinh của Vũ Thế Ngọc nói về Nghệ thuật thưởng trà trong lịch sử & Văn hóa Đông phương.

Văn minh Trà Việt của Trịnh Quang Dũng xuất bản năm 2012 là chuyên khảo công phu về Trà Việt Nam.

Phần trên ta nói về Uống trà theo nghĩa đại chúng thưởng thức trà. Nay xin nói về Thú vui uống trà nên ta nhắc tới các loại danh trà của Việt Nam. Long trà là trà tiến vua, ngày nay ta gọi là Trà

nõn. Trà ướp sen gọi là Trà sen. Trà sơ chế gọi là Trà mộc. Ba loại trà ngon này gọi là danh trà Việt Nam. Khi pha trà này ta thấy phảng phất sương đồi gió núi, mùi vị hương sen, tinh túy của trời đất.

Trong ấm trà ngon, người ta thấy phảng phất một mùi thơ và một vị triết lý. Dùng thìa gỗ múc trà cho vào ấm đất nung nhỏ, được gọi là "Ngọc diệp hồi cung". Khi châm nước lần một gọi là "cao sơn trường thuỷ" rồi chắt ngay ra. Đây là thao tác "tráng trà" nhằm loại hết bụi bẩn và cho trà khô. Lần thứ hai đổ nước vào ấm gọi là "hạ sơn nhập thuỷ" Nước hai chính là nước ngon nhất được tạo ra trong vòng 1 - 2 phút , có hương vị đượm đà, thơm tho níu quyến . Khi rót trà phải chuyên đều các chén sao cho nồng độ trà như nhau. Dâng chén trà theo đúng cách là ngón giữa phải đỡ lấy đáy chén, ngón chỏ và cái đỡ miệng chén gọi là "Tam long giá ngọc". Người dâng trà và người nhận trà đều phải cung kính cúi đầu. Trước khi uống, đưa chén trà sang tay trái, mắt nhìn theo, sau đó đưa sang phải "du sơn lâm thuỷ". Khi uống, cầm chén trà quay lòng bàn tay vào trong, dâng chén trà lên sát mũi để thưởng thức hương trà ngọt thanh đắng đầu lưỡi, sau đó tay che miệng nháp nháp từng ngụm nhỏ nhẹ. Che miệng khi uống trong đời sống người Việt xưa chính là một hành vi văn hoá. Người uống cũng phải chậm rãi mím miệng nuốt khẽ cho hương trà thoát ra đằng mũi và đồng thời đọng trong cổ họng, nuốt tý nước bọt lần một, lần hai, lần ba để cảm nhận vị ngọt của trà nơi cổ họng.. Hương trà ngọt thanh đắng đầu lưỡi, vị ngọt của trà nơi cổ họng chỉ có khi ta uống danh trà.

Uống trà được xem là nghệ thuật tinh tế Thưởng trà đầu xuân là thói quen của riêng các bậc tao nhân chốn kinh thành xưa. Trước Tết, đích thân các cụ đi chọn mua hoa đào, cúc, mai trắng, thuỷ tiên ở tận vườn, chuẩn bị loại trà ngon nhất. Uống trà sen vì :

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bong trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bong trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn,

thưởng hoa thủy tiên cũng là cái thú của nhiều người Tràng An. Sáng mồng một, con cháu dành riêng cho cụ những giây phút đầu tiên để tịnh tâm và ngắm hoa thưởng trà, sau đó mới là cả đại gia đình cùng ngồi quanh bàn trà chúc thọ cụ và nghe lời dặn dò.

Nhà văn Nguyễn Tuân sinh thời có nói: "Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà". Thường là trí thức, văn nghệ sĩ, tầng lớp trung lưu có thú vui uống trà. Nhà thơ Đinh Xuân Thu có cả tập thơ Trà đời (NXB Thời đại, 2011) nói về thú vui uống trà ông có bài :

Ngõ trúc
"Ngày ngày về ngõ trúc xanh
Trà ngon cập nhật để dành người xa
Bạn hiền ta lại gặp ta
Cơn mưa trà cõi bao la trở về."

Có duyên phận lắm mới được cùng nhau hạnh ngộ với người tri kỷ bên chén trà.

LƯƠNG VĂN HỒNG



truyện ngắn

ÂM DƯƠNG

TỪ SÂM

Ba thằng chơi thân với nhau là tôi, thằng Thó và thằng Rải. Cùng xóm, cùng tuổi và cùng chăn trâu cắt cỏ.

Thằng Thó học với tôi từ lớp một đến lớp bảy. Tôi học lên cấp ba, hắn theo nghề đơm tép, nơm cá rồi nghỉ luôn. Ai cũng khen hắn tài, mà trên đời mỗi người có cái tài riêng, hắn xách nơm, vác rớ đi thế nào cũng được vài cân.

Mụ Rồi mạ thằng Rải chộ con học là tức anh ách "mi học có ra tiền mô mà học ngày học đêm rứa, mi ngó thằng Thó mà nỏ chảy nác méng hầy". "Mần cá ra tiền trước, tui học ra tiền sau, cực chừ sướng sau mạ nờ", thằng Rải đấm lưng mạ hắn nịnh một hồi cho mạ hắn xuống nư rồi cắp vở đi.

Trời không cho cực chừ sướng sau, thằng Rải học lên Đại học, rồi đi làm thuê, rồi công ty giải tán, rồi mất việc, rồi cực và cực đeo bám không rứt ra được. Ai dè hắn không lo nỗi cái nhà như túp lều cho mạ hắn. Thiệt tình nhà hắn trong nớ cũng nhà thuê rộng hơn cái nia phơi lúa, không trả tiền đầu tháng là chủ nhà vứt mấy câu chửi vào bữa ăn, nhục lắm. Làng ni có ai vô trong nớ mô mà biết, mạ hắn cũng chưa vô. Tết nhất nó về quê không dám gặp ai, đặc biệt là con nít tới nhà. Rầu thối rọt, mang tiếng đi ra mà không có 5 ngàn mừng tuổi thì khó coi quá, mà mừng thì hết tiền xe vô tít Bình Dương.

Thằng Thó thì khác, trời cho hắn vận may, ở nhà tôm cá vô vịt, đi ra tiền bạc vô túi. Hắn đi bộ đội, học ít nên làm hậu cần, giữ quân trang, thịt thà. Mấy đứa học cao thì pháo binh, thiết giáp lúc đi thì đầy đủ tay chân lúc về còn một nhúm.

Giải phóng mấy tháng, ra quân, hắn mua nhà quận ba Sài Gòn, biệt thự mấy trăm mét vuông mà giá chỉ mấy chục ký đường và trăm lon thịt hộp. Hắn ở quê nên biết giá trị của đất, hắn lao vào đất như ở nhà hắn khai hoang. Từ đất hắn biến thành vàng, hắn kiếm cây vàng như đi mót khoai bỏ vô giỏ tre. Hắn về làng như cán bộ trung ương về. Người đón, kẻ mời, con nít xếp hàng nhận mừng tuổi một đứa năm chục, ông bà già một trăm. Làng Nguyệt Ánh có nhiều người làm to trên tỉnh, có giáo sư tiến sĩ, có nhà văn, nhà báo nhưng họ về làng cũng như người thường vì không ai giàu, không ai "rộng rãi" như nó.

Họ Lê tự hào vì hắn, làng Nguyệt cũng tự hào vì hắn.

Hắn là người con hiếu thảo, năm nào cũng về báo hiếu mạ. Mạ hắn tuổi già một mình thui thủi. Lần này hắn đưa mạ vô Sài Gòn, " mạ tui cực cả đời, có bán nhà bán cửa cho mạ tui sướng tui cũng mần". Đó nghe, cả làng ni có đứa mô dám nói rứa, bán nhà bán cửa cho mạ sướng. Ai cũng lấy tấm gương thằng Thó ra soi cho con cháu.

Mạ hắn không chịu đi. "Ở một chắc nhưng quanh quẩn có bà con làng xóm, chén nác chè xeng

cũng mời, có chén ceng bù rọt nấu trép cũng bơng, tra rồi ăn mấy mô, răng cỏ rụng hết ăn được chi nữa mà phải vô trong nớ dọi con", bà nghĩ vậy, từ chối. "Mạ không đi cả làng cười tui chết, họ nói tui sướng một chắc, mạ đi tui thuê mấy đứa cháu một tháng năm trăm nhang khói, trông coi vườn tược".

"Ừ thì mạ đi, vô đó mạ chết là phải về", bà đưa yêu sách. Bà con làng xóm ai cũng lác mắt ghen thầm với bà. "Cũng lỗ đẻ răng họ đẻ ra vàng ra bạc, sướng rứa hè, tui ưng xuống Đồng Hới ăn một bựa cháo ceng cá tràu coi ra răng mà chịu, con cái đứa mô cũng cực, mềng không mơ tưởng".Bà hàng xóm nói khịa.
Bà lên xe.

Hắn dành một buồng máy lạnh tầng hai cho bà.

Nhà có hai người giúp việc, người chợ búa, người dọn dẹp. Hai vợ chồng hắn ngủ đến bảy giờ sáng rồi đi liền một mạch hơn mười giờ đêm mới về. Thằng con trai hai mươi tuổi hai lần thi trong nước thiếu ba điểm mới đủ điểm đại học nên hắn cho qua Mỹ học, một tháng hai ngàn đô.
Bà không phải làm gì, đến bữa có người mời, áo quần có người giục thay. Bà muốn xuống bếp phụ giúp nhưng bị từ chối "bà làm vậy ông chủ biết la tụi con". Bà nói giọng Quảng Bình trọ trẹ hai cô giúp việc không hiểu, họ người miền Tây nghe đâu ở cà Mau thì phải. Họ nói lại thì bà không hiểu nên im lặng để khỏi mỏi tay làm dấu.

Tường cao cửa kín, mà ra ngoài mần chi, xe cộ đặc kín, lạc lối biết mô mà về. Chỉ có cách là dòm từ ban công xuống đường. Khuya rồi vợ chồng hắn vẫn chưa về. Vô từ rằm, nay mười ba, gần trọn tháng bà chỉ ăn với vợ chồng hắn vài bữa cơm. Phòng có Tivi màn hình mỏng, mắt mờ tay run, không mở được. Ở nhà bà nghe đài, còn biết chỗ mô lụt, chỗ mô bạo, vô đây đài đóm không, bà như người trong hang đá. Đêm lạnh, không ngủ được. Ngoài quê lạnh thấu xương mà ngủ ngon lành, cái lạnh của máy móc khô khan, xâm xấp, ngột ngạt và khó thở. Cái chân hay đi, cái tay hay mần bắt đầu cứng, xương khớp sưng nhức, lưng râm rỉ đau , răng không nhai được đồ dai, miếng ăn không nuốt xuống, ngày mô cũng như ngày mô, ước chi có méng ceng bù rọt mà húp, bà mơ ước thế.

Bà teo dần như con mắm lẹp, mặt đờ đẫn héo hon như cái xác không hồn. Bà không đi được nữa, bệnh tật cào xé tuổi tác, khi người nhà phát hiện đưa cấp cứu, bà qua khỏi nhưng bác sĩ cũng không tìm ra bệnh.

Thằng Thó đưa bà về quê trên chiếc xe cấp cứu.

Bà lên xe bằng chân trước cổng nhà, nay bà xuống xe bằng cáng cũng chỗ đó cách ba năm.
"Thằng Rả tui cực, hắn mà giàu đưa tui vô Sài Gòn, e tui cũng chết rứa hầy". Mụ Rồi lau hai hàng nước mắt.

Mọi người tưởng bà không qua khỏi trước ba mươi vì hôm đó là hai chín, ngày giao thoa âm dương, thầy bói nói vậy thì biết vậy. Bà con lối xóm đưa cam, trứng gà, có người mang cả sâm đến, họ chăm chút như chăm đứa trẻ mới chào đời. Như cá trên bờ được xuống nước, một ngày, hai ngày, ngày thứ ba bà húp được nửa chén cháo lươn của ả Khó, ngày thứ tư ăn hết quả trứng gà so của mụ Rồi mang cho.

Gần tháng sau, nhà thằng Thó nhiều người đi lại, ai cũng biết nhà có đám, nhưng không phải đám ma mà đám mừng thượng thọ.

Nha Trang tháng 10 năm 2011

TỪ SÂM



truyện ngắn

MẶT TRÁI CỦA LÀNG

NGUYỄN THĂNG

Buổi trưa nắng gắt. Bầu trời trong vắt đổ xuống hầm hập. Vợ chồng anh Tý đi xới cỏ lạc về áo quần đẫm mồ hôi. Anh cao ngỏng, béo ục ịch đi trước, chị vác cuốc theo sau. Một lúc họ đã đến đến con đường huyện lộ có đường nhỏ chạy vào làng Bến.

Hai người dáng mệt mỏi rẽ vào ngõ xóm. Thình lình có một thằng bé con cởi trần đen nhẻm từ trong ngõ chạy ra đâm sầm vào anh Tý làm anh ngã nhào. Thằng bé cũng ngã lăn ra.

Tý vội nhỏm dậy. Anh vừa nhấc nó lên vừa nựng:

-Tại cháu nhé. Cháu chạy đi đâu mà vội vàng thế húc phải chú đau quá?

Thằng bé chừng 7 tuổi lỳ lợm. Mồ hôi mồ kê bụi đất mũi dãi nhếch nhác, nó gườm gườm nhìn Tý không nói gì. Nó đứng lên phủi quần làm bụi đất tung mù rồi co cẳng chạy.

Chạy được một đoạn thằng bé ngoảnh lại nhoẻn cười phô hàm răng sứt. Hỗn láo chưa, con nhà mất dạy thật? Nó còn dừng lại giơ nắm đấm lên dứ dứ vào Tý khiêu khích.

Anh lắc đầu nói với vợ:

-Con nhà ai mà hỗn láo quá thể. Chạy vội thế mà đâm phải xe máy thì hết đời rồi.

Chị nhận xét:

-Những đứa trẻ như thằng này lớn lên thì đầu trộm đuôi cướp là cái chắc.

Tý buồn bã lắc đầu.

Vừa đói vừa mệt lại bị thằng bé kia hỗn láo làm vợ chồng anh bực bội.

Hai người chầm chậm uể oải bước đi trong đầu nghĩ lộn xộn. Trẻ con làng này ít có đứa nào ngoan. Nếu có góp ý thì bố mẹ nó lại bênh con lôi thôi lắm. Chuyện trẻ con mất lòng người lớn Thằng bé kia là con nhà mình thì nó đã bị mấy roi rồi?.

Hai vợ chồng về tới nhà mỗi người một việc. Anh lấy sào phơi rơm. Chị vội đi lấy gạo bắc nồi mang vào bếp. Ở làng quê này công việc đồng áng là chính, còn việc bếp núc chỉ tranh thủ về nấu nướng qua quýt cho xong bữa.

Từ ngày bố mẹ cho ra ở riêng lại son rỗi anh chị lo làm ăn chứ không dám chơi bời lêu lổng như nhiều tay cùng tuổi ở làng này. Vợ chồng Tý lành hiền thủ thỉ như đôi chim cu nhưng lại mềm mỏng nhút nhát. Anh không muốn to tiếng với ai. Cho nên bà con trong làng xóm nhiều người vẫn mến vợ chồng anh.

Hai người đang mải mê với công việc thì chợt có người đến. Anh nhìn ra ngõ đã nhận ra tay Hoãn. Cái đầu trọc tếu cái mặt to phèn phẹt, mắt lồi ghớm ghiếc, cởi trần ngực nở múi xăm loang lổ. Gã đang đi vào. Ai cũng xa lánh tay này. Hoãn là con lão Gấm chuyên trộm gà, trộm chó môt lần lão ấy đi ăn trộm chó ở làng Dừa bị dân làng ấy đêm tối xông ra cứ đòn chợ mà nện lão chết vô tang. Vợ con lão mang xác về dơ duốc. Lão Gấm chết mục xương rồi nhưng tiếng còn để đời. Hoãn cũng nối nghiệp bố. Thằng này ban ngày nó ngủ, đêm đi ăn trộm. Nó quấy phá làng xóm ghê gớm trộm cắp không thiếu một nhà nào. Nó trắng trợn đến nỗi lấy cả xe Honda của nhà hàng xóm. Thằng Hoãn không từ cả thằng em ruột. Nó dám lấy cả chiếc nồi đồng nấu bánh chưng của em nó đem bán. Nó đểu đến nỗi tranh cả đất của em ruột. Mẹ thằng Hoãn cũng phải từ thì còn ai dám quan hệ với nó nữa. Cái mặt nó phèn phẹt, cái môi bều bều thâm xì, ác độc nham hiểm lắm.

Hôm nay nó tự dưng lại đi vào nhà mình? Tý đang suy nghĩ mông lung thì thằng Hoãn đã bước vào sân. Tý bình tĩnh lên tiếng trước:

-Anh Hoãn đến chơi. Mời anh vào nhà xơi nước?

Tay Hoãn vẻ ngang tàng trừng mắt nhìn Tý rồi hạ một câu vừa như ra lệnh vừa như mời mọc:

-Mời cô chú đến nhà tôi có chút việc mà không đi thì không được đâu đấy.

Nhìn cái mắt trắng dã trừng trạo của nó đến ghét. Nhưng Tý chịu nhịn. Ai hơi đâu mà tranh cãi với thằng côn đồ.

-Việc gì cơ chứ? Vợ Tý từ trong bếp đi ra hỏi. Thằng Hoãn lừ mắt thủng thẳng nói:

-Đến nơi sẽ rõ chứ đừng có mà hỏi, không ai vu khống cho nhà mày.

Hoãn nhấn vào hai tiếng "nhà mày" nghe gớm ghiếc. Vẻ yêng hùng câng câng. Thằng chó đã nổi cáu vô cớ. Tý hạ giọng đấu dịu:

-Mời anh vào nhà xơi nước đã rồi nói xem sao nào?

Hoãn lướt nhìn hai vợ chồng nhát như thỏ đế bỗng trở mặt:

-Vợ chồng mày phải đến ngay nhà tao xem thằng cu con tao bị chúng mày đánh sưng vù cả người kia – Gã nhấn giọng tiếng "sưng vù" cái quai hàm cứ bạnh ra thật gian ác.

-Cháu là con anh đấy à? Tý hỏi rồi trấn tĩnh ngay. Anh điềm đạm nói:

-Vừa rồi cháu nó chạy từ trong ngõ ra va vào tôi. Nó lao vào tôi làm tôi ngã nhào. Hai chú cháu đều ngã chứ có phải tại tôi đâu. Vả lại nó có làm sao đâu. Nó vụt chạy đi lại giơ cả nắm đấm trêu tức chúng tôi nữa, hỗn láo quá.

Anh Tý giải thích. Hoãn chưa nghe xong đã trợn mắt quát:

-Chúng mày đến nhà tao mà xem. Tao không hơi đâu mà lôi thôi.

Rõ ràng thằng bé không việc gì mà sao nó lại vu vạ? Biết Hoãn là tay côn đồ hung hãn, không đi không được với nó nên vợ chồng Tý buộc phải đi ngay không kịp cả ăn cơm. Nó đi đằng sau như áp giải, tức quá mà không làm gì được. Nó quen bắt nạt bao người làng Bến này. Người ta vẫn bảo Hoãn là đầu gấu. Hãy tưởng nó chừa nhà mình. Ai ngờ nay nó chẳng từ, chẳng nể gì mình cả? Ở đời mình cứ lành hiền mãi nó cứ bóp cho lòi tù và ra...Tý suy nghĩ lộn xộn trong đầu.

Đường vào nhà thằng Hoãn ngõ sâu hun hút. Hai bên um tùm tre pheo trùm xuống cả mái ngói mái giạ. Đây đó hai bên đường là những ao bèo tây kín đặc, bung hoa tím biếc. Con đường đất lởm chởm gạch vỡ ẩm ướt. Cuối ngõ là nhà thằng Hoãn thông thống ra đồng. Thằng Hoãn thường đi ăn sương theo lối này. Đến cổng nhà nó áp tải vợ chồng Tý:

-Vào nhà đã, rồi ta nói chuyện – Nó lừ mắt như ra lệnh.

Hai vợ chồng Tý miễn cưỡng theo Hoãn bước vào. Nhà thằng Hoãn không khác gì cái chuồng vịt. Chỉ có độc một cái giường tre và một cái chõng tre ọp ẹp. Vợ chồng Tý ngồi xuống làm cái chõng oằn đi.

-Tao đi lấy cái điếu đã.

Hoãn nhanh nhẩu bước ra ngoài. Vừa ra đến hiên gã liền quay lại đóng sập cửa. .

Anh làm cái gì đấy. Anh nhốt chúng tôi đấy à?

Tý hỏi dồn. Thằng Hoãn chõ mồm vào:

-Tao phạt vợ chồng chúng mày đấy. Chúng mày đánh ngã con tao bị thương nộp 500 ngàn ra đây tao sẽ thả. Nếu không chịu nôn ra thì cứ mà ngồi đấy.

Mồm nó phồng lên như rắn hổ mang ngang ngược ra lệnh gian giảo trắng trợn quá chừng.

Thằng Hoãn đã trở mặt kiểu Chí Phèo khốn nạn vu khống. Nhưng mình làm gì nổi nó. Đánh nhau với nó thì mình thua, phải dùng mưu mẹo xem sao. Tý nén giận nói:

-Anh hãy mở cửa cho chúng tôi đi đái đã tôi sẽ đưa tiền cho.

Thằng Hoãn trợn mắt:

-Tao mở cửa để chúng mày trốn à? Mày buồn đái thì cứ việc tương ra quần ấy. Mày phải nộp tiền để tao đi mua thuốc chữa vết thương cho con tao.

-Thằng bé có làm sao đâu nào? Anh đưa nó ra đây? Vợ Tý nói với Hoãn chị thấy tủi thân vì chồng mình quá hèn nhát. Anh ấy không dám phá cửa lao ra mà tống cho nó mấy quả. Chỉ có liều mạng mới triệt được thằng này chứ để nó quen hà hiếp mãi sao?

Thằng Hoãn vẫn cứ nói ra rả:

-Tao đưa con tao lên trạm xá rồi – Nó trừng mắt (sau này Tý biết nó nói dối, lúc đó thằng cu đang chơi khăng ở sân đình).

Vợ Tý hạ giọng:

-Tôi không mang tiền. Anh mở cửa chúng tôi sẽ về nhà lấy tiền (thôi thì chịu lún miễn là ra được). Hoãn gạt đi:

-Nói hay nhỉ? Tao biết chúng mày nói dối – Nó lừ mắt gớm ghiếc:

-Tao bảo chúng mày thế này nhé, mày viết vào đây tao sẽ đưa cho bố mày xem rồi trả hộ. Ông ấy vừa đi bán lợn về. Cả đàn lợn con được khối tiền. Lúc hoạn nạn bố con phải giúp đỡ nhau chứ?

Thằng Hoãn lấy tờ giấy và cái bút bi đưa qua cửa sổ cho Tý. Anh chàng lưỡng lự rồi buộc lòng phải viết theo lời nó đọc:

"Bố cho con vay năm trăm nghìn đồng để con trả nợ anh Hoãn. Con vay anh ấy lâu rồi.Con đang ở nhà anh Hoãn. Nếu không có tiền thì anh ấy không cho vợ chồng con về" (nhìn chồng hí hoáy viết, tóc bết mồ hôi vợ Tý thấy nhục nhã quá. Đàn ông gì mà hèn nhát quá chừng).

Tý hí hoáy viết xong đưa cho Hoãn. Nó đón tờ giấy đọc lại rồi giải thích:

-Phải viết thế thì hơn. Nếu nói vợ chồng mày đánh ngã con tao bị thương bị tao phạt thì không hay phải không nào ?

Nói rồi nó oai vệ bảo:

-Vợ chồng mày chịu khó ngồi đây tao đi lấy tiền đã.

Nó dẩu mỏ lên gọi:

-Mẹ thằng cu đâu, mày cầm cái giấy này đến nhà ông Thẩm đòi nợ nghe chưa? Nó dài giọng "đòi nợ" vẻ kiêu ngạo trắng trợn y như thật. Vợ nó con cón cầm cái giấy đi ngay ra ngõ.

Tý uất quá nhưng vốn dát như cáy nhưng anh chàng kìm nén được.

Vợ Tý thì tức quá tím cả mặt. Chị vừa căm ghét thằng Hoãn vừa ức chồng hèn kém. Sơn ăn tùy mặt, ma bắt tùy người đây, mình hèn nhát nó cứ bắt nạt. Tý thì nghĩ khác: Nó là thằng Chí Phèo đến lão Bá Kiến còn phải chịu cơ. Mình đành lún nó vậy. Vả lại nó ức hiếp mình thì không ai nhìn thấy. Nhịn nó thì hơn cũng như mình bị hạn ấy. Mình đánh được nó thì lôi thôi lắm. Còn nó đánh mình thì nó nhởn nhơ vì công an cũng kiềng nó. Vợ chồng Tý cam chịu ngồi chờ. Hai người bụng đói meo, vừa cảm thấy nhục nhã tủi hổ vừa rủa thầm thằng mặt người dạ chó.

Ngoài kia thằng Hoãn vẫn đi đi lại lại chốc chốc lại nhìn ra cổng lảm nhảm chửi bâng quơ:

-Mẹ cha con đĩ, chỉ đi từ đây đến nhà ông Thẩm có mấy chục mét mà đi chậm như rùa hay là ông ấy lại chắc lép không chịu đưa tiền? Nó lẩm bẩm:

-Lại già đòn non nhẽ đây. Nói ngọt không ưa lại quen ưa nặng.

Nó đang làu bàu nghe lộn cả tiết thì con vợ nó về. Thị đưa tiền cho chồng:

-Ông ấy cứ hỏi tại sao con ông lại đến đấy vay tiền, vay bao giờ. Nhưng rồi ông xem đúng chữ

của con trai nên ông ấy đã trả đây rồi.

-Ừ thì con thương của xót có thế chứ - Hoãn cầm năm trăm ngìn vợ nó vừa đưa cho đút tọt vào túi.

Vẻ ngang tàng Hoãn lấy chìa khóa mở cửa nói lè nhè:

-Có thế chứ. Vì cô chú là người của làng. Tôi nể đấy còn nếu là người thiên hạ thì tôi phải phạt gấp mười lần. Thôi về ăn cơm đi. Coi như anh đã thông cảm cho đấy. Lần sau đi đứng phải cẩn thận đừng có đánh ngã trẻ con. Nhà nước ta vừa ban hành luật bảo vệ trẻ em nghiêm lắm đấy. Bố mẹ có đánh con cũng bị tù như chơi.- Hoãn cứ nhoen nhoẻn đểu giả quá chừng.

Vợ chồng Tý bước ra khỏi nhà Hoãn vừa tức vừa tủi hổ. Rõ ràng nó ăn vạ mình mà mình phải chịu. Không hiểu còn làng nào có thằng ăn vạ đểu cáng khốn nạn như thằng Hoãn này không?

Tin đầu gấu Hoãn bắt nạt vợ chồng anh Tý lan ra khắp làng. Họ đều chê vợ chồng anh Tý hèn quá hóa ngu. Ai cũng khinh bỉ thằng Hoãn côn đồ. Họ chỉ mong cho trời đánh thánh vật cho nó chết đi để trừ hậu họa cho dân làng. Nhưng thực tế những thằng như thế nó lại sống lâu cơ chứ?

Từ hôm ăn vạ được vợ chồng Tý, Hoãn tự đắc cái mặt cứ vênh vênh. Nó rung đùi quát vợ nó đi mua cút rượu ngồi nhắm ề à mãi:

-Mẹ nó chứ - Cả hai vợ chồng mà tao bóp mũi lại bắt cả bố nó phải nôn ra năm trăm đồng bạc. Mày đi chợ mấy buổi cho được. Tao có giỏi không nào? Vợ Hoãn biết nó đã bắt nạt vợ chồng Tý chứ giỏi gì nhưng thị không dám can ngăn sợ nó đánh. Thị lấy phải thằng côn đồ vũ phu nên cam chịu. Nó bảo sao chẳng phải nghe. Nếu thị trái lệnh nó tát cho biêng mặt. Hoãn cứ lè nhè nói lắm thì nó lại nghe. Thị cứ giả câm, giả điếc. Thị nhớ lại dạo tháng trước nó lên làng Hạ ăn trộm cải bắp. Hoãn đang lúi húi tống cải bắp vào tải thì bị dân quân tóm sống. Nó dơ chân đá vào dái tay bảo vệ ngã sõng xoài định chạy thì hai người khác xông đến đè nghiến nó xuống trói gô lại giải lên ủy ban xã. Thị xấu hổ tím cả mặt. Nhưng rồi Hoãn được thả ra vì không có luật ăn trộm cải bắp phải đi tù. Nó chỉ xấu hổ vài ngày thôi sau lại nhơn nhơn. Chồng đi kiếm cho vợ ăn. Nhà không nuôi gà nhưng thị thường xuyên được ăn chán thịt gà. Muốn gì chỉ một loáng là có ngay. Dân làng xa lánh vợ chồng Hoãn như tránh bệnh dịch AIDS. Nhưng Hoãn cứ cho là cả làng sợ ta nên cứ nhơn nhơn. Thị thì ngường ngượng nhưng rồi cũng quen dần.

Nghe tin thằng Hoãn bắt nạt vợ chồng Tý ông Thẩm ức không chịu được. Ông bặm môi chửi con:

-Mày hèn quá để nó ức hiếp mà không biết nhục. Phải đánh bỏ mẹ nó đi chứ?

Mặt ông đỏ tăng găng. Ông dơ tay nắm thành quả đấm. Nhưng bà Thẩm khôn ngoan hơn.

-Người nóng nảy mà dây vào nó thì mệt lắm. Đánh được người mặt đỏ như vang không đánh được người mặt vàng như nghệ. Nhịn đi chỉ tức vài hôm thôi. Nhịn nó thì hơn. Tức khí mà đánh nhau thì án mạng như chơi...

Ông Thẩm nghe bà khuyên can cũng nguôi nguôi:

- Mẹ cha nó chứ đúng là nòi nào giống nấy. Thế nào rồi cũng có lúc gặp phải thằng côn đồ hơn nó trị cho chết tan xác.

Lại nói về thằng Hoãn, sau khi ăn vạ được tiền tiêu vài hôm hết bay.

Một hôm nó gật gù bảo vợ:

-Tao lao động bằng "chất xám" ra tiền mới giỏi. Chứ đâu cứ phải cày cuốc mới có cái đút mồm. Rồi nó gọi:

-Cu Tộ đâu đi với bố?

Thằng bé hôm nọ đi ngay. Có cả thằng cu Tần hàng xóm chạy theo sau. Gã hăm hở dắt hai đứa trẻ đi ra phía ngòi Gốm. Ở đấy có một con đường cái nhựa chạy qua. Bên cạnh là hồ nước. Con đường liên huyện mới đổ nhựa phẳng phiu có hàng cây bạch đàn soi bóng trên mặt hồ gợn sóng lăn tăn.

Đến nơi gã phân công hai thằng cu Tộ, cu Tần chơi khăng ở đường. Còn gã thì ngồi dưới gốc cây xà cừ hút thuốc lá phì phèo nheo nheo mắt trông thật đểu. Con đường về chiều người đi lại thưa thớt. Công nhân khu công nghiệp Bình Xuyên đã vào giờ tan tầm.

Kìa! Gã sung sướng ra mặt. Từ xa có một chiếc xe máy đang phóng tới. Chiếc xe vù vù rồi nhào vào hai đứa trẻ. Thằng Tộ bị ngã lăn ra đường kêu oai oái:

-Đau quá, đau quá ối giời ơi!

Chỉ chờ có thế. Hắn như con thú nhào ngay vào định tóm cổ tên đi xe máy để bắt đền. Nhưng không kịp. Tên đi xe máy đã co chân đạp thật mạnh vào bụng gã rồi vù đi. Cú đá quá mạnh trúng vào dịch hoàn làm thằng Hoãn nhăn mặt há mồm. Khi nó lồm cồm bò dậy được thì chiếc xe đã chạy mất hút.

Thằng đi xe máy phải là tay võ có hạng chứ không phải thường đâu?

Thằng cu Tộ rên rỉ. Máu chảy ướt cả ống quần. Thằng Tần chỉ bị xây xát ở tay. Thằng Hoãn ôm lấy cu Tộ bế xốc đưa lên trạm y tế.

Vừa tức, vừa thẹn nhưng Hoãn vẫn lẩm bẩm:

-Ông mà tóm được mày thì ông băm cho tan xác.

Mấy người làm đồng hôm ấy chứng kiến ai nấy đều hả hê. Họ chỉ thương thằng bé. Còn thằng bố nó thật đáng đời.

NGUYỄN THĂNG



tản bút

TUỔI GIÀ MONG MANH

HOÀNG BÍCH NGA

Khi người ta trẻ, biết bao mơ ước, thậm chí mơ bay vào vũ trụ cũng có khả năng được đáp ứng nếu có tiền và sức khỏe.

Nhưng khi cao tuổi, nhất là lúc phải nhờ người khác chăm sóc, thì ước mơ giản dị nhất cũng khó thực hiện, ví như được con cháu kế bên chăm sóc chẳng hạn, hoặc được chúng hỏi han, quan tâm khi mình cần...Những mong ước ấy nhiều khi là những giấc mơ có tính xa xỉ. Không phải vì con cháu bất hiếu, mà vì rất nhiều lý do chúng không thể chăm sóc thường xuyên được. Hãy thông cảm cho chúng, nhưng xót xa lắm thay khi mọi sự trở nên thái quá.

Ở Việt Nam ta, những tấm gương con cháu chăm sóc cha mẹ già vẫn cứ ngời sáng ở nhiều gia đình có truyền thống yêu thương. Cho dù báo chí có đưa tin nhiều đứa con bất hiếu đánh giết cả cha, mẹ để giành của cải, tiền...thì phần lớn người già Việt Nam vẫn có con cháu là người hiếu nghĩa.

Người già ở đâu cũng có nỗi buồn riêng , ngay những nước giàu có như nước Mỹ, nước Úc, nước Nhật...nỗi đau tinh thần của người già cũng vẫn đong đầy. Vấn đề vật chất không phải là vấn nạn ở những nước phát triển, vì quỹ phúc lợi xã hội của họ khá tốt để lo cho cuộc sống của người già, tất nhiên phải là người già mang quốc tịch nước họ, còn kiều dân thì, phải tự lo lấy. Điều mà một số người già ở những nước này buồn đau, đắng lòng là sự thiếu quan tâm của con cháu. Những nước nghèo nỗi buồn được nhân lên bởi thiếu thốn cả về về vật chất lẫn tinh thần.

Nhà báo Nguyên Thảo có một bài viết " Một ngày ở nursing home"kể về ấn tượng bà đi thăm mẹ chồng ở nursing home (viện dưỡng lão) ở Mỹ. Theo nhà báo, luật pháp Mỹ không cho người già

yếu và trẻ em ở nhà một mình. Ở Mỹ thuê người giúp việc rất khó hoặc rất đắt đỏ. Con người ở đây chịu rất nhiều áp lực về công việc làm ăn, tiền bạc. Vì thế người già thường ở nhà dưỡng lão để con cháu rảnh rang làm việc. Nhà dưỡng lão ở Mỹ chăm sóc người già chu đáo, chỉ cần một cái nhấn chuông là có bác sĩ, y tá, điều dưỡng sẵn sàng đáp ứng, giải quyết điều mình yêu cầu. Nhà dưỡng lão giúp người già cải thiện, bù đắp những thiếu sót về vật chất mà con cái không thể hoàn thiện được. Bác sĩ, y tá, thức ăn, thuốc men giúp họ hết đau đớn về thể xác...Tất cả những thứ đó không giải quyết, chữa trị được những đau đớn về tinh thần, những khắc khoải, khát khao yêu thương của người đang gần đất, xa trời. Tình yêu thương, đó là thứ thuốc linh nghiệm, hiệu quả nhất mà người già tìm kiếm.

Tác giả kể, một bà mẹ Mỹ nhìn thấy bà mẹ Việt Nam (mẹ chồng của tác giả bài viết) được con cái chăm sóc tận tình như, xúc cơm cho mẹ ăn trong nhiều ngày, bà đã khóc, lần nào nhìn thấy cảnh ấy là bà khóc, đến nỗi các con của bà mẹ Việt Nam tránh tiếp xúc trực tiếp bà mẹ Mỹ khi chăm mẹ ăn. Hỏi y tá chăm sóc mới biết hoàn cảnh của bà mẹ Mỹ, con cái bà hầu như lãng quên mẹ, không đến thăm, không chăm sóc, mọi việc đều do y tá, điều dưỡng...đảm nhận.

Trong một bài viết khác của tác giả Huy Phương đăng ở báo Úc có nói về tình cảnh một số người già Việt ở Mỹ như sau:

-"Tôi đã khóc, khóc cho chính mình và khóc cho ai trong tuổi già ở xứ này. Ở Froridda có một bà Việt Nam ở riêng, mỗi tuần có cậu con trai mang đồ ăn tới. Hôm đó cậu ta kêu cửa, nhưng không thấy mẹ ra mở. Cậu ta tưởng bà mẹ đi vắng bèn treo gói đồ ăn vào hàng rào cổng. Mấy ngày sau trở lại, thấy gói đồ ăn vẫn còn mới phá cửa ra, bà mẹ đã chết".

Khi mẹ cha già yếu, lú lẫn con cái thường đưa họ đến Nursing home và ít khi lui tới thăm viếng, có người mẹ ở đó 6 năm con cái không lui tới lần thứ 2, các cô y tá kể lại. Con cháu bận quá, hoặc họ nghĩ, mẹ lú lẫn rồi nên chẳng còn cảm xúc nên có đến thăm cũng như không .

Tác giả xót xa số phận của người già ở ngay nước Mỹ, và có so sánh như sau:

-"Trong xã hội văn minh này, một đứa trẻ bỏ học, đi lang thang ngoài đường hay bị đối xử tàn tệ, cha mẹ có thể ra tòa và mất quyền nuôi dưỡng, còn những cụ già vô gia cư, đói khát bị bỏ bên lề đường, không ai có trách nhiệm và chẳng có ai phải ra tòa.

Điều đáng nói là các cụ già cũng như những đứa trẻ, đều yếu đuối , không có khả năng tự bảo vệ và rất dễ xúc động, buồn vui. Trong một xã hội đáng gọi là văn minh, các trẻ em và người cao niên đều được che chở, bảo vệ và săn sóc chu đáo. Các cụ có các cơ quan xã hội lo thuốc men, thực phẩm nhưng với nỗi cô đơn, phiền muộn ai là người lo cho các cụ, trong khi những đứa trẻ có người an ủi, vỗ về và nói với nó những lời dịu ngọt.

Ngân khoản của Liên bang cấp có đến 90% dành cho việc ngăn ngừa lạm dụng trẻ con, 7% để ngăn ngừa bạo hành trong gia đình nhưng chỉ có 2% sử dụng trong việc ngăn ngừa ngược đãi người già. Không biết có bao nhiêu đạo luật và ngân khoản dành cho việc ngược đãi súc vật?

Cứ vào " Pet- Abuse.com" chúng ta sẽ tìm thấy hàng nghìn trường hợp công dân Mỹ, già và trẻ đàn ông lẫn đàn bà bị tù tội, phạt tiền vì bạc đãi, bỏ đói, đánh đập hoặc giết chết những con vật thân yêu trong nhà. Bỏ quên một bà mẹ già trong nhà dưỡng lão nhiều năm có phải là một trường hợp ngược đãi không? Chẳng lẽ là không? Vì nếu có, luật pháp đã bắt những đứa con phải phạt vạ hay vào nhà tù".

Ở các nước văn minh, luật pháp qui định rất cụ thể nhưng vẫn có những bất cập như tác giả Huy Phương đã nêu.

Úc là một trong mười quốc gia có quỹ phúc lợi xã hội rất cao, đời sống của người về hưu và người già khá tốt. Sức khỏe người cao tuổi được chăm sóc chu đáo nên người già ở Úc rất vui vẻ, khỏe mạnh. Úc khuyến khích con cháu chăm sóc ông bà, cha mẹ. Con cháu(hoặc người ở với người già để chăm sóc), không đi làm để chăm bố, mẹ sẽ được hưởng lương bằng số lương của người già được hưởng. Khi bố mẹ bệnh nặng thì đưa vào bệnh viện, con không được hưởng lương nữa nhưng tất cả chi phí, thuốc men, ăn uống, chăm sóc đều do bệnh viện đảm nhận, nhiều khi chi phí gấp 2, 3 lần trợ cấp các cụ được hưởng.

Người trên 60 tuổi ở Úc đi xe bus, đi khám bệnh, tham quan, giải trí, thể thao, thể dục...đều có

chi phí rất thấp, chẳng hạn đi bơi nước nóng 1 tháng chỉ mua vé giá 31AUD (khoảng 20 000VND một ngày).

Người già ở đây thường chọn nhà dưỡng lão tư nhân từ lúc còn khỏe, có thể mua căn hộ riêng để hai ông bà, hoặc một người sống tại đây. Họ sẽ được chăm sóc 24/24 giờ. Khi mất đi, nhà dưỡng lão sẽ hưởng 20% giá trị ngôi nhà, còn lại con cháu được hưởng.

Ở Úc, mỗi bang đều có một tổ chức chống ngược đãi, hành hạ và bóc lột người già, quảng bá quyền của tất cả những người già để họ được sống thoải mái, không bị hành hạ. Nhân quyền của người già là "*người già có quyền sống độc lập, có quyền tham gia, được chăm sóc, được sống một mình, được thỏa mãn và có nhân phẩm*" , đường dây giúp đỡ họ là 1300 651 192 và trang Web ww.eapu.com.au (ở bang Queensland)...Như vậy là, ở đây, hiện tượng người già bị ngược đãi vẫn có, nhưng người già ít đề cập tới bởi nhiều lý do nên tổ chức chống ngược đãi người già lập đường dây nóng để giúp đỡ người già.

Ở Việt Nam, theo Tổng cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình, tuổi của nhóm dân số trên 60 rất cao, ngày càng tăng, chủ yếu là nông dân và những người làm **nông** nghiệp, trên 70% người cao tuổi phải tự lao động kiếm sống cùng với sự hỗ trợ của con cháu, 72,3% sống cùng con cháu trong gia đình đang chuyển từ truyền thống sang hạt nhân (hai thế hệ). Theo GS, TS Phạm Thắng, bệnh viện Lão khoa Trung ương, chi phí y tế cho người già cao gấp 7- 10 lần người trẻ, người cao tuổi sử dụng đến 50% tổng lượng thuốc. Chăm sóc người già chủ yếu ở gia đình hoặc thuê người chăm sóc, những người chăm sóc chưa được đào tạo nên rất phiền toái cho các cụ. Gánh nặng cha mẹ già nhiều khi tác động mạnh đến lớp trẻ khiến họ rất khó khăn, lúng túng thu xếp cả về kinh tế lẫn thời gian. Các nhà dưỡng lão ở Việt Nam chưa có đủ hoặc chưa chuyên nghiệp hóa chăm sóc người già nên các cụ chưa tin tưởng, thậm chí còn lo lắng vào đó sẽ bị con cháu bỏ rơi. Những cụ không có con cái hoặc không có con trai để sống cùng khi tuổi già , ốm đau, bệnh tật cũng rất băn khoăn, trăn trở. Tâm lý " một mẹ nuôi được mười con, mười con không nuôi nổi mẹ"đang đè nặng lên người già, nhất là các bà mẹ già, thường là chồng chết trước nên phải lụy đến con. Trên 50% người già ở Việt Nam ốm đau thường xuyên. Thu nhập của người dân chưa cao, đồng lương hưu không đủ chi phí, nhiều người già sống thiếu thốn, đạm bạc. Nhưng nỗi buồn nhất của người già vẫn là sự cô đơn, thiếu tình của con cháu.

Ngày nay Khoa học kỹ thuật tiến bộ không ngừng. Người ta đã chế tạo ra nhiều thứ, kể cả người máy, nhưng có một thứ họ không chế tạo được là trái tim nhân hậu của con người và sự yêu thương. Con người vẫn ăn, ngủ, làm việc, theo đà tiến hóa, và hình như vô cảm hơn trước đồng loại, kể cả người thân của mình. Những người già bị đối xử và ngược đãi vẫn xảy ra ở nhiều nước, nhất là những nước đói nghèo .

Trong cuộc mưu sinh để tồn tại và làm giàu của con người, ngay ở những nước phát triển, nếu không biết dừng lại đúng lúc, cứ lao vào sinh tử vì tiền, con người sẽ nô lệ suốt cho đời sống vật chất, không hề biết hạnh phúc đích thực là gì. Quên bản thân, quên cha mẹ, quên quyến thuộc, quên luôn cả tử thần đang rình rập, chờ đợi, bất cứ lúc nào cũng có thể cướp đi sinh mạng của chính mình- Con người- trong cuộc sống gấp gáp, với những nỗi bất an của xã hội hiện đại. Và rồi, ai cũng sẽ tiến đến tuổi già. Khi không còn sự yêu thương và sự chia sẻ giữa những con người thì cuộc sống của con người, cuộc sống của người già đâu còn có ý nghĩa. Bởi thế, con người, hãy cố duy trì lòng nhân ái và sự yêu thương để thực sự là CON NGƯỜI, để tuổi già đỡ cay đắng, mong manh./.

HOÀNG BÍCH NGA





thơ

ĐÔI MẮT

HỒ CHÍ BỬU

‘Mắt rất đẹp nên mùa thu khép nắng
Cho yêu em thăm thẳm lối hoàng hôn’(*)
Ta yêu em quên hết những giận hờn
Đôi mắt ấy – đến ta bằng ma quái..

Sao rất lạ - với nàng ta si dại ?
Sao bập bùng như lửa thuở liêu trai
Nỗi đam mê qua cơn lốc trợt dài
Ta phó mặc – đưa tay nàng trói chặt !

‘Mắt rất đẹp nên mùa thu khép nắng’
Mùa thu buồn chết lặng giữa hoàng hôn
Thơ như ru – như nhắc nhở trong hồn
Như định mệnh ta trao nàng nắm giữ

Yêu hoang dại- yêu bão bùng chưa đủ
Nâng niu hoài áo lụa mỗng em trao
Một chút bâng khuâng- một chút ngọt ngào
Như đọng lại hơi ai còn đâu đó..

Hương quyến rũ em hoà theo hơi gió
Bay về ta ấm lại mộng ban đầu
Một năm rồi- một năm nữa sao đâu ?
Ta chờ đợi, tình yêu là bất tận..

‘Mắt rất đẹp nên mùa thu khép nắng’
Ta yêu nàng – Yêu mãi đến trăm năm..

(*) thơ Hoàng Anh Tuấn

HỒ CHÍ BỬU



truyện ngắn

CHUYỆN BI THƯƠNG CỦA ÔNG THẦY PHÁP VĂN

KIỀU VĂN

Năm 1969, mặc dù sống trong cảnh khốn khó nhưng nỗi thèm khát tiếng Pháp đã thôi thúc tôi tìm đến nhà thầy Lê Luân thuộc trang lứa đàn anh tôi, lúc ấy đang treo biển dạy tiếng Pháp ở phố Tô Hiệu. Trông anh đúng là dân Tây học, dáng thư sinh, khá cao tuy hơi khòng, mái tóc được chải chuốt cẩn thận, tính tình nhã nhặn. Bước vào trong khuôn viên, tôi ngạc nhiên về cái cơ ngơi anh đang ở. Nó là một biệt thự xinh đẹp kiểu Pháp, và lại có cả một vườn cau. Vào trong nhà, tôi chú ý ngắm bức chân dung của thân phụ anh treo trên tường: một người đàn ông chừng năm mươi tuổi vẻ lịch lãm, đầu đội mũ phớt, mình mặc áo pardessus. Phải là một người đàn ông thành đạt mới để lại cho con trai một cơ ngơi khang trang như thế.

Nhưng thời thế lúc bấy giờ đã gây ra những sự đảo ngược kì lạ: Lê Luân, chủ nhân của cơ ngơi ấy lại sống như một kẻ nghèo khổ cùng cực. Bởi vì anh thuộc dạng trí thức "độc canh": ngoài nghề "tiếng Pháp" ra, anh không biết làm bất kì việc gì khác. Người xưa dạy "*Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*", nhưng lúc ấy có tình trạng hoàn toàn khác: "*Chỉ biết một nghề thì một thân rất dễ bị chết đói*".

Trong buổi gặp đầu tiên, tôi cứ tưởng ít ra anh cũng tạo được một lớp học dăm bẩy học viên, ai ngờ tôi là học viên đầu tiên và... duy nhất, bởi vì bấy giờ bói cũng không ra một gã dở hơi mắc bệnh "nghiện tiếng Pháp" như tôi! Cho nên có thể nói anh gặp tôi như thể một người sắp chết đuối vớ phải bọt!

Để giúp anh có thêm học viên, tôi đã đến gặp mấy người bạn thân, hùng hồn thuyết phục họ về sự "oách tờ lờ" của tiếng Pháp. Nể lời tôi họ đã đến yết kiến anh, nhưng sau chỉ một buổi làm quen, họ bèn lặn mất tăm.

Tuy nhiên, anh vẫn rất vui vì có được một người bạn tâm tình trong cảnh sống cô đơn tuyệt đối của anh. Một hôm anh cho tôi xem một tờ hoạ báo Nga có hình một phụ nữ đẹp với cặp chân dài tuyệt diệu đang ngồi trên chiếc ghế đẩu. Anh ngắm nghía si mê bức ảnh rồi xuýt xoa:

– Chao ôi, anh hãy xem này: đàn bà mới đẹp và ngon lành làm sao! Tôi thèm khát họ đến chết, vậy mà anh biết không, suốt mấy chục năm qua tôi đã bị cách li hoàn toàn với họ, không hề được gần gũi một người đàn bà nào, dù chỉ là một giây, một phút.

Lời than thở của anh khiến tôi cảm thấy lòng đau nhức nhối: tại sao một người đàn ông lành mạnh và có học vấn lại bị rơi vào tình cảnh khốn khổ hơn cả loài muông thú như thế? Ôi, bao lâu nay anh phải sống như một gã độc thân già khọm, bởi vì những con người xung quanh anh, cả đàn ông lẫn đàn bà, dường như đã trở nên vô cảm, không còn biết thương yêu đồng loại như muông thú biết họp bầy và thương yêu nhau. Sự khốn khổ và những tai ương đã tàn phá tâm hồn và lòng nhân ái của họ. Lê Luân bị đẩy vào nguy cơ đói khổ là do lúc thời thế đột ngột đổi thay, anh bỗng mất cả chiếc ghế ngồi làm việc lẫn miếng ăn hàng ngày. Cảnh sa cơ lỡ vận đã khiến một người trí thức bị rớt giá thảm hại trước mắt tất cả người đời, có chăng chỉ trừ một mình tôi.

Thế nhưng dù phải sống trong cảnh bần cùng, Lê Luân vẫn không rời bỏ được cái thú đọc sách và lòng ham hiểu biết. Một hôm xem chỉ tay cho tôi, bỗng anh hào hứng kêu lên:

– Nếu tôi nhớ không nhầm thì dạng bàn tay của anh tôi đã thấy trong cuốn sách Quiromancie mà suốt mấy năm nay tôi đang say mê nghiên cứu.

Nói xong anh đứng lên lấy cuốn sách mang lại bàn lật tìm một lát rồi reo lên:

– Nó đây rồi! Chúng ta hãy cùng nhau khảo sát nhé!

Tôi chăm chú so sánh bàn tay trái vẽ trong sách với bàn tay trái của tôi, thấy chúng giống nhau như hệt. Anh bèn dịch cho tôi nghe những dòng viết về trường hợp bàn tay này như sau:

"*Deux lignes de tête dont une branche tombait absolument au bas du mont de la Lune et terminait par une étoile surtout dans la main gauche [car de prophète et des chefs de sectes] tandisque l'autre branche allait droite au point qu'elle coupait absolument le mon de Mars (positivisme).*

Tendances de poésie et de mysticisme reformées par une manière de voir très positive; profession où la poésie ou le mysticisme jouait le principal rôle, mais dirigée du côté de la raison et utilisée par le positivisme".

Dịch:

"Hai nhánh của đường Trí tuệ thì một nhánh rơi trọn vào vùng núi Trăng [vùng của văn chương nghệ thuật] và kết thúc bởi một ngôi sao, thường là ở bàn tay trái [trường hợp của nhà tiên tri và những người đứng đầu trường phái], trong khi nhánh khác chạy thẳng và cắt ngang núi Hoả Tinh [chủ nghĩa hiện thực].

Các khuynh hướng về thi ca và về chủ nghĩa thần bí[1] được tổ chức bằng một phương pháp khiến ta thấy chúng rất thực tế; Nghề nghiệp chuyên môn mà ở đó thi ca và chủ nghĩa thần bí đóng vai trò chủ yếu, nhờ có chủ nghĩa hiện thực nên được kéo về với sự hợp lí và sự thực dụng".

Đã hơn 40 năm trôi qua kể từ hôm tôi được anh giải thích cặn kẽ về trường hợp "tướng tay" nói trên. Nay kiểm nghiệm lại, tôi phải công nhận rằng những phán đoán trong cuốn Quiromancie ấy đã phản ánh chính xác bản chất con người và sự nghiệp của tôi. Điều đó góp phần củng cố trong tôi tín niệm về những chân lí tuyệt đối mà Thượng Đế phổ vào toàn thể vũ trụ. Con người của mỗi chúng ta là gì? Là một vi thể mang tính cá biệt về bản chất, hành động và số phận, nhưng vẫn tuyệt đối thuộc về hệ thống nghiêm ngặt của *càn khôn vĩ đại (Nature)- tổng thể của vũ trụ*.

Một tối khác, anh giảng cho tôi bài thơ của thi sĩ Pháp Alfred de Mussée mà anh đặc biệt yêu thích:

À LÉTOILE DU SOIR

Pâle étoile du soir, messagère lointaine
Dont le front sort brillant des voiles du couchant,
De ton palais d'azur au sein du firmament
Que regarde-tu dans la plaine?

La tempête s'éloigne et les vents sont calmés,
La forêt qui bruit, pleure sur la bruyère,
Le phalène doré dans sa course légère
Traverse les prés embaumés.

Que cherches-tu sur la terre endormie?
Mais déjà sur les monts je te vois t'abaisser
Tu fuis en souriant, mélancolique amie,
Et ton tremblant regard est près de s'effacer.

Étoile qui descend sur la verte colline,
Triste larme d'argent du manteau de la nuit!
Toi que regarde au loin le pâtre qui chemine
Tandis que pas-à-pas son long troupeau le suit.

Étoile, où t'en-va-tu dans cette nuit immense?
Cherches-tu sur la rive un lit dans les roseaux?
Ou t'en-va-tu si belle à l'heure du silence
Tomber comme une perle au sein profond des eaux?

Oh! Étoile, si tu dois mourir et si ta tête
Dans la vaste mer, plonge tes cheveux blonds,
Avant de nous quitter, un instant, arrête!
Oh! Étoile de l'amour, ne descends pas des cieux!

Nghe anh dịch nghĩa của từng câu thơ, tôi đã bàng hoàng vì những hình ảnh đẹp mê hồn và những tưởng tượng lãng mạn trong bài thơ. Ngay đêm hôm ấy bài thơ kì diệu đã làm bừng cháy trong tôi một quyết tâm: hãy mang hết khả năng thơ phú của mình thử dịch kiệt tác thơ này của nhân loại xem sao!

GỬI NGÔI SAO BAN CHIỀU[2]

Hỡi sao xanh, sứ giả miền xa vợi
Ló trán chói chang sau dải lụa phương đoài!
Từ đài trang xanh thẳm giữa lòng trời
Em nhìn chi trên cánh đồng vắng vẻ?

Bão tố đã lui xa và gió chiều lắng nhẹ,
Rừng xạc xào lệ tưới khóm thanh hao.[3]
Một chiếc bướm vàng tung cánh nhẹ bay mau
Qua đồng nội đượm hương mùa thơm ngát.

Em tìm chi trên đất này yên giấc
Mà ta thấy em đáp xuống giữa ngàn non?
Giấu nụ cười, em lẩn trốn ai, ơi bạn gái dịu buồn
Và nét nhìn run rẩy của em đã hầu như mờ xoá?
Ơi vì sao đậu xuống đồi xanh lá,
Giọt lệ bạc u buồn trên áo thụng của Đêm!
Kìa gã mục đồng xa xa ngước nhìn em

Khi từng bước bầy chiên dài theo gót.

Sao hỡi, em về đâu trong đêm nay bát ngát?
Có phải em tìm trên bờ sông vắng ngắt
Chiếc giường êm trong những khóm lau ngàn?
Hay như viên ngọc trai, giữa im lắng vô ngần
Kiều diễm rớt vào lòng sâu đáy nước?

Sao hỡi! nếu rồi đây em phải chết,
Dìm mái tóc óng vàng giữa muôn trùng biển biếc,
Trước lúc bỏ ta, xin hãy dừng giây lát, em ơi!
Hỡi sao của Tình Yêu, đừng rời vội bầu trời!

Đến buổi học sau, tôi hồi hộp đưa bài dịch cho ông thầy Pháp văn của tôi thẩm định. Anh chăm chú đọc suốt một lượt và tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên nói:

– Quả thật anh có năng khiếu đặc biệt về thơ, đúng như câu phán về đường chỉ tay của anh: *profession où la poésie jouait le principal rôle*[4]. Bài dịch của anh đạt cả về ba phương diện: vừa sát ý, không bỏ sót một chi tiết nào, vừa có hồn, vừa diễn đạt bằng thứ ngôn ngữ thơ Việt rất modern[5] và hoàn hảo.

Người thầy của tôi trọn đời không hề biết rằng "*À l'étoile du soir*" là bài thơ đầu tiên tôi tập dịch, và anh là người đầu tiên giới thiệu nó với tôi. Bài dịch ấy đã khai mào cho công việc dịch thơ mà tôi sẽ hứng thú thực hiện trong những năm sau này [6].

Tuy nhiên có một điều bí ẩn mà mãi sau này tôi mới được biết: *À l'étoile du soir* là bài thơ mà thi sĩ lãng mạn Pháp Alfred de Mussée đã mang hết tâm can và tài nghệ sáng tác để tưởng niệm, để nuối tiếc và để tạc vào vĩnh cửu hình ảnh tuyệt vời của người yêu ông là nữ sĩ George Sand, sau khi mối tình của hai người tan vỡ. Phải chăng chính vì căn nguyên sâu xa đó mà văn học Pháp mới có được một thi phẩm lãng mạn đỉnh cao như thế?

*

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang, bởi vì không ai lường được những bước đi ngoắt ngoéo của số phận. Học được hai tháng thì chính tôi cũng rơi vào cảnh thất nghiệp nên đành phải ngậm ngùi giã biệt anh. Tôi buồn vô hạn vì biết rằng tôi bỏ học có nghĩa là anh bị mất một học trò và là người bạn tâm tình độc nhất. Nhưng tệ hại hơn, anh lại rơi vào cảnh cùng túng.

Cuộc sống quá căng chật, lại nay đây mai đó khiến tôi rất ít có dịp nào gặp lại anh. Cho đến một buổi tối, tôi bất chợt thấy anh đang thất thểu bước trên hè phố Tô Hiệu. Lòng đầy xúc động, tôi bước đến chào anh rồi mời anh vào một quán nhỏ bên đường:

– Anh Lê Luân, hôm nay em xin được chiêu đãi anh. Anh thích gì thì cứ tự nhiên dùng nhé! HiệuHiệu Nhưng tôi ngạc nhiên thấy anh chỉ thích… một cốc rượu quê. Tôi mua rượu và lấy thêm vài món ăn nhẹ để nhậu vui với anh. Hình như những giờ phút như thế đã rất lâu rồi anh không hề có nữa, cho nên trong buổi gặp gỡ ấy anh đã tỏ ra vui sướng vô cùng. Tuy cười nói với anh nhưng thực ra tôi hết sức rầu lòng thấy anh đã già sọm đi, răng đã rụng mất mấy chiếc làm gương mặt anh trở nên móm mém.

Cách một thời gian nữa, khi đi qua phố Quang Trung, tôi bỗng choáng người khi nhìn thấy anh với bộ dạng của một kẻ hành khất đang đi từng bàn của một tiệm ăn để húp nốt những chút nước phở thừa mà khách hàng còn bỏ lại. Tôi vội vã đạp xe đi để tránh cho anh nỗi nhục nếu nhìn thấy tôi. Than ôi, Lê Luân đã thật sự thành ra như thế từ bao giờ rồi nhưng tôi – một kẻ cũng đang lóp ngóp ở dưới đáy cuộc đời – nào có biết đâu!

Đêm ấy tôi không sao ngủ được. Biết chắc anh đã trở thành kẻ bần cùng sau khi đã phá tán hết gia sản của cha để lại, bởi vì cảnh sống cô đơn, khổ đau, tuyệt vọng và con ma men đã biến anh thành người mất trí. Tôi chợt nghĩ đến người em gái của anh mà tôi đã thoáng thấy một lần và không hiểu nổi tại sao đứa em ấy lại có thể bỏ mặc anh mình như vậy? Có lẽ dưới đáy sâu cuộc đời của cặp anh em con nhà gia thế này còn chất chứa biết bao chuyện thê thảm mà một kẻ ngoài cuộc như tôi không sao hiểu được. Tôi chỉ cảm thấy có một nỗi tuyệt vọng lớn lao phủ kín lên tâm hồn tôi và làm tê liệt ý chí hành động của tôi đúng như câu cổ ngôn "lực bất tòng tâm".

Hình ảnh cuối cùng của Lê Luân mà tôi nhìn thấy: giữa lòng đường phố Quang Trung, anh đã hoàn toàn tàn tạ, mình khoác chiếc áo rách toạc để hở một nửa lưng, dáng cao lòng khòng lê từng bước chân run rẩy, chắc hẳn không còn biết gì nữa về cuộc sống nhốn nháo đang diễn ra xung quanh mình.

Trước toà án của lương tâm, tôi có liên can gì không trong tấn thảm kịch của người thầy dạy tiếng Pháp của tôi? Mặc dù tôi học anh chỉ một thời gian ngắn ngủi chừng hai tháng, nhưng người xưa đã nói "nhất tự vi sư, bán tự vi sư", huống hồ anh đã dạy tôi và đóng góp cho cuộc đời tôi nhiều hơn thế. Cho nên nếu bảo tôi là người ngoài cuộc thì không đúng. Vậy lí do nào khiến tôi phải đành lòng bỏ rơi anh hệt như người em gái của anh? Tôi đã nghiêm khắc xét xử mình, và vị "luật sư bào chữa" của toà án lương tâm trong tôi đã phán rằng: thực ra khi ấy tôi đang là kẻ "ốc không mang nổi mình ốc", ngay cả cha mẹ và vợ con tôi, tôi cũng không chăm sóc nổi, và môn tiếng Pháp tôi say mê biết nhường nào mà cũng đành phải bỏ, vậy thì tôi còn chăm sóc được ai? Xét đến cùng, cả Lê Luân và tôi đều chỉ là những nhân vật đau thương của một vở bi kịch. Anh đau khổ vì không tồn tại nổi, còn tôi đau khổ vì biết anh nguy ngập mà không thể cứu được anh.

Hôm nay, sau hơn 40 năm, khi mà thời gian đã biến tôi thành một con người khác xưa, khi mà người thầy tiếng Pháp của tôi chết đã lâu rồi, lương tâm tôi đã thôi thúc tôi phải nhìn nhận lại về cuộc đời bi thảm của anh. Một niềm ân hận tưởng chừng đã chìm sâu trong bóng đêm của quá khứ bỗng trỗi dậy khảo đả tôi. Vâng, làm sao có thể chối cãi được: ngày ấy tôi đã ăn ở không phải với người thầy bất hạnh của tôi? Thậm chí anh chết lúc nào tôi cũng không hề được biết, không có mặt để vĩnh biệt anh, để ít nhất cũng nhỏ vài giọt nước mắt xót thương và ném xuống nắp quan tài một nắm đất và cầu nguyện cho anh được yên giấc ngàn thu. Tôi vẫn biết lúc sống cũng như lúc chết, anh thấy tôi rất nghèo nên chẳng hề đòi hỏi ở tôi một điều gì, trái lại chính anh đã thương tôi, một gã thanh niên rõ ràng không phải là đồ bỏ nhưng đã phải long đong lận đận đi tìm cuộc sống ở dưới đáy cuộc đời suốt mấy chục năm trời giữa một thời đá nát vàng phai. Vâng, thời ấy là như vậy: không ai nỡ trách ai cả, bởi vì tất cả đều khốn đốn như nhau.

Hẳn ông cha ta đã thấu hiểu những tình cảnh đau lòng của con người sống trong những thời buổi như thế cho nên đã khắc hoạ nó bằng một câu tục ngữ thật là chua chát: ***Con bỏ cha, đầy tớ bỏ thầy***.

1 Chủ nghĩa thần bí: mang nghĩa tương tự "thế giới tâm linh".
2 Tức sao Hôm (sao Mai, sao Kim, sao Vénus).
3 Thanh hao: loài cây dại, như thạch thảo.
4 Nghề nghiệp trong đó thi ca đóng vai trò chủ yếu.
5 Hiện đại, mới mẻ.
6 Hiệu quả của mấy thập kỉ dịch thơ thể hiện ở tác phẩm "Thơ trữ tình Hán văn và Pháp văn"- Kiều Văn tuyển dịch- NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2007.

KIỀU VĂN





bút đàm

TÀU BAY MỸ VÀ TÀU THUỶ TA

VŨ THẾ LONG

Tàu Bay Mỹ

Ngày ấy, đang vào thời điểm chiến tranh phá hoại Miền Bắc bước vào giai đoạn ác liệt nhất. Trận Điện Biên Phủ trên không nóng bỏng từng phút từng giây. Chiều hôm ấy, sau cả ngày trời vất vả đẩy xe đạp thồ đầy những công cụ đá cuội, Mẫu trầm tích hóa thạch động vật mới phát hiện dược ở Nậm Tun (Phong Thổ), Thẩm Khương (Lai Châu) tôi và Võ Qúy đã lên tới đỉnh Pha Đin.

Trưa hôm ấy đang trên đèo thì thấy tiếng tên lửa nổ, đạn bắn rào rào. Một chiếc xe téc chở xăng đang leo đèo bị trúng rốc két cháy bùng bùng khét lẹt lăn xuống vực . Tôi và Qúy chưa kịp dựng xe vào bệ đá của trạm khí tượng đỉnh đèo thì bỗng có tiếng dộng cơ ầm ầm. Ngẩng lên đầu chẳng thấy cái tàu bay nào, đảo mắt xuống khe núi thì nhung nhúc cả bầy Con ma F4 đang lao vun vút như những con cá chuối, Lạ thay, chúng lẫn vào lẫn với vách núi không tinh mắt rất khó nhận ra. Thì ra bọn Mỹ rất khôn. Để trốn Mig 21 của ta ở độ cao lớn bổ xuống nhằm bắn, chúng đã sơn màu loang lổ trên lưng tàu bay để trà trộn vào màu sắc núi rừng ruộng lúa bên dưới.

Nhớ lại những trận trực chiến ở Hà Nội năm ấy, chúng tôi được huấn luyện bắn máy bay địch bằng súng bộ binh. Bắn tầm cao, tầm thấp, bắn bổ nhào và ngắm bắn đón đầu với khoảng cách 2 thân, 3 thân của chiều dài máy bay. Chỉ huy huấn luyện cho làm những máy bay dài ba gang tay gỗ sơn đen cắm trên cọc rồi cho người di chuyển để cả đại đội bắn theo.

Máy bay bay ngang , bổ nhào sơn đen trên nền trời mà ngắm bắn cũng chẳng dễ dàng gì. Khi vào trận thật, tôi giương súng dõi theo tàu bay Mỹ bay trên bàu trời Viện Khảo Cổ khi chúng bổ nhào bắn phá ném bom Đại Sứ Quan Pháp và nhà ga Hàng Cỏ. Tôi giương súng lên lướt cố tìm máy bay để bắn mà trời trắng xóa chẳng nhìn thấy gì. Anh Cao Xuân Phổ, đại đội trưởng qùy bắn bên tôi đã nổ kịp mấy phát đoàng đoàng đoàng. Máy bay đi qua, tôi hỏi anh Phổ sao mắt anh tinh thế? Anh Phổ cận thị nặng , người chiến sỹ chống Pháp năm xưa về phục viên và lúc ấy làm biên tập cho tạp chí Khảo Cổ Học cùng trong nhóm trực chiến với tôi hôm ấy chỉ cười . Anh bảo: "Nào có nhìn thấy rõ đâu, nó trắng phau như con cá ấy. Tao cứ bắn. May ra thì trúng, chí ít thì cũng làm cho nó sợ. Mọi người thêm hăng cái tinh thần.

Sau này vào Bảo tàng Không Quân tôi mới vỡ ra là Bọn Mỹ nó để bụng máy bay giữ màu trắng để khi dưới đất bắn lên khó nhận thấy tàu bay lẫn với mây trắng trên trời. Còn sơn loang lổ trên

mặt lưng là để Tàu bay ta từ trên trên bắn xuống bị lẫn với cỏ cây bên dưới khó ngắm trúng.

Tàu Thủy Ta.

Những năm trước, ngay từ cái thời mà thủy lôi vẫn chưa được vớt hết ngoài cửa biển, tôi đã có nhiều dịp được ra Cát Bà Quảng Ninh khảo sát. Lúc ấy làm gì có tàu du lịch, chúng tôi đi thuyền gỗ, ca nô nhỏ. Trên biển xanh, núi non nhấp nhô xen lẫn cánh buồm nâu thật là một cảnh tiên. Mỗi lần tàu bè, thuyền cá đi lại gặp nhau mọi người lại hú vang , vẫy chào nhau. Có khi còn quảng cho con tôm con cá. Ôi cảnh thanh bình và hài hòa làm sao. Cánh buồm nâu và con tàu gỗ đã hằn vào óc tôi như những kỉ niệm không phai mờ. Con thuyền với buồm cánh dơi đã như một vật thể không thể thiếu được trong tổng thể du lịch Hạ Long. Đố bạn tìm thấy vật kỉ niệm vẽ về Vịnh Hạ long, Ảnh chụp về Vịnh Hạ long thời ấy mà thiếu cảnh cánh buồm nâu. Cảnh biển mà thiếu cánh buồm thì còn ra cái gì nữa?

Hai tuần trước, tôi có việc phải vội ra Hạ Long đẻ tổ chức cứu Cụ Tùng ngót 700 tuổi bị bão đổ gục trên đỉnh non thiêng Yên Tử. Dừng lại Hạ Long một đêm. Sáng dậy, tôi vội chạy ra bãi tàu định chụp mấy hình ảnh rạng đông với những cánh buồm nâu thân thương mà chỉ thấy trời mây mù mịt. Những con tàu gỗ và cánh buồm nâu thân yêu của tôi biến đâu mất cả.

Hỏi bác thường trực cửa nhà khách xem nó lẩn đâu mất rồi. Với nét mặt buồn rầu bác bảo "sao mất ông kém thế? Nó lù lù cả dống kia kìa". Thì ra cả bãi neo tàu ngoài ấy giờ tàu bè họ đem sơn trắng toát một màu trông chẳng còn ra cái hình thù gì nữa. Trời mây mù mịt, tàu trắng hòa vào sương khói mù mịt nên khó khắn lắm mới nhận ra. Ông thường trực bảo tôi. Đã có mấy vụ tàu cháy, tàu chìm rồi đây ông ạ. Cánh lái tàu thì cứ lo ngay ngáy vì tàu sơn trắng vào những hôm mặt biển mù sương chỉ sợ đâm nhau thôi.

Tôi cãi. Bố chỉ nói lẩn thẩn. Người ta bảo sơn trắng thì nó mới thể hiện là qúy phái, mới tỏ ra đẳng cấp chứ? Cũng như cái anh bồi bàn , gác cổng trong khách sạn ấy. Cứ phải trắng từ đầu đến đít thì nom nó mới ra đẳng cấp du lịch chứ? Muốn Hạ Long nó đẳng cấp như bên Tây ấy thì tàu cũng phải sơn trắng tuốt tuồn tuột, Tàu gỗ tàu sắt, buồm nâu buồm tím gì cũng phải trắng tất nó mới sang!

Một tay thủy thủ tàu viễn dương đưng bên thấy tôi tranh luận cũng chõ vào một câu.

- Bố gàn bỏ mẹ! Bố chẳng hiểu cái gì cả. Tàu bè du lịch bên Địa Trung Hải nó chạy trong biển lặng nước trời xanh ngắt quanh năm nên họ sơn trắng chỉ làm nổi con tàu trong biển xanh thôi. Xứ Hạ Long này thì mưa nắng thất thường lắm ngày mù mịt tàu chạy san sát suýt đụng nhau thì mới nhận ra. Sơn trắng chỉ tổ va chạm đâm quyệt thôi bố ạ.

Tôi sực nhớ đến câu chuyện về màu sơn của cái tàu bay Mỹ năm nào và lo thay cho thân phận những con tàu du lịch bị cưỡng bức phủ trắng toàn thân trong vịnh biển Hạ Long đệ nhất danh thắng này.

Nhà thơ Nguyễn Bính, người vô cùng chân chất mộc mạc yêu cái hồn quê hương đồng gió nội và chúa ghét son phấn lòe loẹt giả tạo phải đã thốt lên khi nhớ đén cánh buồm nâu thân thương

"Anh đi đấy, anh về đâu ?
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm..."
(Thơ Nguyễn Bính)

Nhớ Cánh buồm nâu thân thương chở đầy hồn Việt , tôi bỗng bật lên một câu than dài

"Anh đi đó anh về đây
Hỡi ôi còn thấy buồm nâu, cánh buồm ?"

Hà nội 17-8-2014

VŨ THẾ LONG



truyện dịch

MỘT PHÚT TỰ DO

ELENA PUCILLO TRUONG

(Nguyên tác : Un istante di liberta')

Bản dịch của Trương Văn Dân

Kính chào bà tiến sĩ De Rossi"

Tôi vừa bước ra thang máy thì một trong các cô thư ký đã mang đến tách cà phê đầu tiên trong ngày. Tôi nói đầu tiên vì sau đó hãy còn nhiều tách nữa, không biết là bao.
Một cô thư ký khác vội chạy đến giúp tôi cởi chiếc áo choàng, còn tôi, bó mình trong chiếc tailleur cực kỳ sang trọng, đi vòng qua phía sau vị trí điều hành, đặt chiếc cặp da có đựng notebook lên bàn làm việc.

Biết bao kẻ muốn được mó tay vào chiếc máy tính cá nhân này! Chỉ cần nhấn vài nút bấm là tất cả những áp phe quan trọng của các công ty lớn, những chuyển dịch hằng triệu đô la trên sàn chứng khoán sẽ tuần tự hiện lên bằng các mã số, để đảm bảo an toàn.

Một cú nhắp chuột... thế là tất cả những kế hoạch chi tiết và toàn bộ hồ sơ tuyệt mật của công ty Intracodex sẽ nằm gọn trong tay tôi. Định bật máy và liếc mắt vào công việc ...nhưng mùi cà phê thơm phức đang kích động khứu giác làm tôi dừng lại.

Cầm tách cà phê nóng, tôi bước đến cạnh bức tường và nhìn xuống dòng đời từ tầng thứ 23! Ở trên đây không bao giờ nghe thấy tiếng ồn đô thị và dường như trong không gian luôn có một lớp sương mù nên quang cảnh trông có vẻ lãng đãng, giống như nhìn từ một giấc mơ.

Rồi trong lúc áp môi lên tách cà phê lên tôi bất chợt nhìn thấy bóng mình phản chiếu lên tấm kính.

Tôi đang đứng đối diện với tòa nhà bằng kính. Mái tóc đen và dài, chiếc tailleur trang nhã bó sát người, như thể người thợ may khéo léo ướm xấp vải vào thân mình trước khi đo cắt. Đôi chân khỏe và dài, còn được kéo dài thêm với đôi giày son cao gót. Chuyên nghiệp, quyền hành và nữ tính. Tất cả những vũ khí tối cần cho thế giới này. Thế giới của tôi.

Nhưng nét xanh xao tái nhợt trên khuôn mặt dường như tương phản với đường viền bằng son đỏ trên môi. Hai bờ môi thẳng nếp, mỏng manh mà sắc bén như một lưỡi lam, lạnh lùng như cái nhìn khinh mạn khi tôi quắc mắt. Bỗng dưng tôi không thể nhấm tiếp mùi vị cà phê. Hình như lúc này nó có vị chát của acit.

Phản chiếu trên tấm kính tôi nhìn thấy sau lưng mình cô ba cô thư ký tay cầm xấp hồ sơ đang chờ tôi ký. Cả ba căng thẳng đi qua đi lại sau lưng, hồi hộp chờ tôi quay mặt để trình bày công việc, báo cáo những cú điện thoại, nhắc nhở các cuộc hẹn và chờ tôi ra lệnh...nhưng tôi không thể tách đôi mắt đang nhìn bóng mình trên kính. Tôi không còn nhận ra mình nữa... sao mà tôi có thể biến thành một con người khô cứng và lạnh lùng đến thế?

Mười năm trôi qua như một ánh chớp... và bất thình lình tôi cảm thấy chúng đè nặng lên vai, một con mụ già cáu gắt. A! đúng rồi, đây chính là cái tôi đang nhìn thấy trên kính, một mụ đàn bà khô khốc, khó tính và cáu kỉnh.

Tất cả bắt đầu như một phản ứng.

" Con sẽ không bao giờ giống mẹ! " tôi nghe vọng lại tiếng mình hét vào mặt mẹ. Bà yếu đuối, vâng lời, cam chịu, thụ động và chấp nhận mọi thứ... không bao giờ dám phản ứng, ngay cả những lúc ba tôi đối xử với bà bằng bạo lực, trước khi ruồng bỏ. Thế mà bà vẫn nhẫn nhục và chịu đựng. Rồi, không thèm nói một lời, ông lặng lẽ bỏ đi. Bỏ lại bà một thân một mình với nhiều món nợ. Gồm cả giấy cầm cố căn nhà.

Và chỉ vài ngày sau đó mẹ con tôi phải dọn đi.

Và thế là tôi không thể sống giống mẹ mình. Tôi không cần trái tim. Tôi không còn tình cảm. Chỉ lao đầu vào việc học, làm mọi thứ để tích lũy kinh nghiệm, dẫm đạp lên mọi thứ và mọi người. Tôi là mẫu người đàn bà của sự nghiệp, hay đúng hơn là một gã đàn ông trong thân xác một con đàn bà. Bởi vì tôi không còn giới tính, không có tình yêu; dĩ nhiên tôi vẫn có đàn ông, nhưng họ chỉ là những công cụ để tôi sử dụng rồi quên ngay, vì họ không cho tôi được gì mà tôi cũng chẳng để lại cho họ chút gì.

Cho đến lúc ấy tôi chưa bao giờ dừng lại để nhìn thấy mình đã trở thành người như thế nào. Chắc rồi...tôi đang đứng trên đỉnh cao của danh vọng, vị trí cao ngất mà mọi người thèm muốn... nhưng đó thực ra là thứ danh vọng gì? Bao nhiêu người đang cho rằng tôi đang thành đạt.

Đúng rồi, mà "đạt" được gì? Đã bốn mươi tuổi mà tôi không có một mái gia đình, không có một đứa con, chẳng có một ai đó thỉnh thoảng hỏi tôi có khỏe không và quan tâm đến việc tôi có vui vì những công việc của mình không. Không ai cả. Gia đình, thậm chí một người bạn.

Chậm rãi, tôi xoay lưng lại, thật khó nhọc rời hình ảnh của mình trên kiếng. Bàn tay tôi run rẩy khi đặt tách cà phê lên bàn. Bỗng dưng tôi cảm thấy như có một cơn nôn mửa đang trồi lên từ phía dưới.

Tôi đã không muốn sống như mẹ mình, nhẫn nhục, cam chịu...nhưng vì thế mà tôi đã trở thành một bản sao của ba tôi. Tôi hận ông! Thế nhưng bây giờ tôi thấy mình giống ổng, tôi đã cư xử với mọi người giống ổng, có khi còn tệ hơn.

Đối với tôi không còn ai cả, không một người nào, chẳng chút tình cảm...và tiền bạc thực ra chỉ là một phương tiện để tiếp tục dẫm đạp lên người khác.

Lạnh lùng và minh mẫn, tôi mạnh mẽ bước đến chiếc ghế bành bọc da và chễm chệ thả người lên đó trong lúc ba đôi mắt đang hồi hộp nhìn tôi từ phía bên kia bàn giấy.

"Mấy cô nhìn cái gì? Đặt mọi thứ lên bàn đi. Một lát nữa tôi sẽ gọi!"

Tôi nói to, làm cả bọn giật mình.

Ngay lúc đó tôi cũng chẳng nhớ tên của bọn họ là gì. Tôi chỉ muốn ngồi lại, một mình. Tôi mệt mỏi lắm rồi! Trong lúc ấp đầu vào giữa hai tay, bàn tay áp chặt vào mắt để khỏi phải nhìn thấy sự thật đang phản chiếu từ khung kính. Hằng ngàn khuôn mặt, tất cả đều là những góc cạnh của chính mình. Tất cả để cuối cùng chỉ còn lại một mình. Cô độc. Cô độc trong công việc. Cô độc giữa đám đông. Hoàn toàn cô độc. Cố tình cô độc. Rồi, như bất thình lình, cơn nôn mửa vụt biến thành cơn giận dữ, và bằng tất cả sức mạnh, tôi cầm lấy chiếc tách cà phê, ném thẳng vào mặt kính.

Vô ích!

Mặt kính chỉ hơi rạn một chút chứ chẳng hề hấn gì. Đó chỉ là hành động vô ích nhằm giải thoát cơn giận. Thôi, đủ rồi! Tôi thấy mình ngạt thở. Tôi không thể nào tiếp tục ngồi đây.

Phủ vội chiếc áo khoác lên người, tôi cầm chiếc túi xách rồi chạy ào ra thang máy.

Bàn tay run rẩy, tôi nhấn nút đi xuống, im lặng chờ xuống mặt đất, luồn lách giữa dòng người vô danh mà chưa bao giờ tôi muốn thân quen. Ra ngoài thôi, hít chút không khí giữa đất trời mở rộng.

Ánh nắng ngoài đường làm tôi lóa mắt. Một tay che mắt, còn tay kia nắm chặt bâu áo khoác để che cơn gió lạnh vừa ập đến lúc bước ra khỏi cửa. Cho đến lúc đó, đối với tôi chưa bao giờ có nắng, có mưa, có ánh đỏ hoàng hôn hay tiếng cười, giọng khóc.

Máy bay, điện thoại di động, bàn giấy, máy tính...tất cả khô khan, vô cảm...tôi luôn luôn chạy đua với thời gian mà chẳng biết mình đi đâu, ngược lại, hình như chỉ để rời xa thêm cái cuộc đời mà tôi muốn có mà chỉ lúc này tôi mới biết là mình đã đánh mất. Tôi đã sinh ra mà chưa từng sống và lúc này mới đau đớn nhận ra là cả cuộc đời mình trống rỗng và vô ích.

Thiếu chút nữa là tôi bị một chiếc xe hơi đụng phải. Tôi ngơ ngác không biết mình đang làm gì và cứ băng qua đường mà không nhận biết. Nhưng không phải phản xạ đã giúp tôi tránh được tai nạn... mà có một bàn tay vừa nắm cánh tay tôi, giật mạnh. Tôi xoay người theo bản năng để nhìn xem đó là ai.

Một đôi mắt màu hạt dẻ là cái đầu tiên mà tôi nhìn thấy. Nhưng nó không xa lạ với tôi. Đó là đôi mắt của một trong ba cô thư ký...

Sao lại có thể như vậy được?

" Tôi đây, Lidia đây mà, thưa bà tiến sĩ. Bà theo tôi... chúng ta đến chỗ kia ngồi một lát nhé!"

Như đứa bé, tôi để cô gái kéo mình đến một chiếc băng dài, tâm trạng gần như vui thích vì có một ai đó để ý và quan tâm đến mình.

" Đây rồi, bà đã đỡ chưa? Có chút nắng nữa. Sau mấy ngày mưa mặt trời sẽ sưởi ấm chúng ta." Có lẽ tôi chẳng nghe cô ấy nói gì nhưng tôi bắt đầu thấy mình bình tĩnh lại, giọng nói của cô gái làm tôi an tâm.

Cô ta tiếp tục mà dường như tôi không hiểu hết những gì cô ta nói. Điều bất ngờ là những giọt nước mắt bỗng dưng lăn dài xuống má, chảy xuống cằm và tôi phải dùng bàn tay để lau. Lidia vội lấy khăn giấy và nhẹ nhàng chặm mắt cho tôi. " Bà cứ để tôi lau cho, còn mấy vết đen nằm dưới mắt nữa kìa!". Lâu lắm rồi chẳng còn ai để ý và chăm sóc tôi. " Bây giờ đỡ rồi đấy. Đi! Chúng ta phải về lại văn phòng ..."

Tôi vùng vẫy, cố gỡ bàn tay của cô gái đang nắm chặt lấy cánh tay mình.

Cô ta giữ lại trong khi tôi cố vùng ra để trốn chạy, thật xa cái tòa tháp mạ vàng lâu nay cứ làm mình ngộp thở.

" Mình đi lên nhé... còn bao nhiêu việc phải làm. Bao nhiêu hồ sơ đang chờ bà ký....Bà chưa thể bỏ đi được đâu..."

Bàn tay thép của cô gái như đang siết chặt hơn. Lidia kéo tôi, và từng bước chúng tôi bước vào cửa tháp, bên trong những bức tường bằng kính và tôi như không còn sinh lực, cứ để mặc cho cô ta kéo mình vào bên trong nhà ngục.

Saigon, 10/2013

ELENA PUCILLO TRUONG

Tranh của Dương Việt Nam



tùy bút

ĐÂY THĂNG LONG, ĐÂY ĐÔNG ĐÔ, ĐÂY HÀ NỘI ...

HOÀNG GIA CƯƠNG

Tôi đang ngồi trước trang giấy trắng tinh và cây bút chì bi mở nắp, phân vân chưa biết viết gì. Bỗng từ nhà bên vang lên bài ca *"Hà Nội niềm tin và hy vọng"* của nhạc sĩ Phan Nhân, một bài ca mà suốt mấy chục năm qua tôi luôn yêu thích: "*Hà Nội đó niềm tin yêu hy vọng, của núi sông hôm nay và mai sau ..."* Vâng, Hà Nội luôn luôn là niềm tin yêu, là niềm hy vọng của mỗi người dân Việt, của chúng ta và của chính bản thân tôi. Tôi bỗng muốn viết một cái gì đó về *"Hà Nội mến yêu của ta, thủ đô mến yêu của ta"*...

Hà Nội sắp bước vào tuổi có ba con số 0 nối dài sau con số 1. Thật háo hức, thật tưng bừng chào đón cái ngày mà bấy lâu ta hằng chờ mong ngóng đợi. Mỗi con người sống trên đất Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, ai không khỏi tự hào về mảnh đất nghìn tuổi, về nghìn năm văn hiến mà không dễ gì có được với bất cứ nơi nào! Và mỗi người Việt nói chung, ai mà không tự hào về Thủ đô, về trái tim của Tổ quốc, nơi quy tụ của khí thiêng sông núi, nơi xây đắp nên bao sự tích lẫy lừng, hiển hách mà ông cha đã gây dựng suốt nghìn năm không nghỉ? Một nghìn năm, so với nhiều đô thị và thủ đô trên thế giới, con số đó chưa phải là quá lớn, nhưng với một dân tộc đất không rộng, người không đông, kề bên nước lớn, béo ngon như miếng bít-tết trước bao cặp mắt cú vọ khắp phía đông tây, thường xuyên bị rình rập xâm lấn từ mọi phương, mọi hướng, đã gồng mình chống chọi mà tồn tại, mà phát triển... thì con số đó thật là vĩ đại.

Một nghìn năm! Ba trăm sáu mươi lăm nghìn ngày tồn tại. Ba trăm sáu mươi lăm nghìn ngày chống chọi với thù trong giặc ngoài để gìn giữ và phát triển mảnh đất *rồng bay* ! Dài lắm chứ, khổ công nhiều lắm chứ! Mảnh đất này được xây đắp nên từ cả mồ hôi và xương máu của bao lớp cha ông. Và biết bao lớp cha ông đã vắt kiệt trái tim và khối óc của mình để làm nên một huyền tích, một truyền thống nghìn năm lịch sử, nghìn năm văn hiến cho con cháu bây giờ và con cháu mai sau!

Nếu không có con mắt tinh đời, biết nhìn xa trông rộng của Lý Công Uẩn, vị tiên vương nhà Lý, cách đây 1000 năm, khi Người nhìn ngắm mảnh đất qua nhiều thời đã từng có thành Tô Lịch, có thành Đại La, có thành Tống Bình ... lúc suy lúc thịnh, nằm giữa khúc uốn quanh của dòng sông Nhĩ Hà, có thế "rồng bay", thì làm sao ta có được một thành Thăng Long, một thành Đông Đô, một thành Hà Nội rộng lớn sánh tầm cùng thời đại như ngày nay? Trước Lý Công Uẩn nhiều bậc tài danh đã cắm đất nơi đây nên mới có Tô Lịch, Đại La, Tống Bình ... Nhưng có lẽ chưa một ai trong số đó đã thấy được thế đất này là thế đất "rồng bay", một thế đất có thể làm nên nghiệp lớn, một thế đất "địa linh". Vậy nói đến Hà Nội ngày nay thì người ghi công đầu chính là Lý Thái Tổ. Và nếu

Hà Nội được đặt bằng tên của một danh nhân như Washington city hay Petrograd thì đó chắc phải là ***thành Lý Công Uẩn***. Tuy vậy chuyện đặt tên chỉ là chuyện nhỏ, bởi vì mỗi người dân Hà Nội, mỗi người dân Việt Nam khi nói đến Hà Nội là ai cũng có thể nhớ về người sáng lập, về bậc tiên vương Nhà Lý. Cái tồn tại trong lòng người mới là vĩnh cửu.

Tôi quê ở Quảng Bình, không phải là người Hà Nội gốc, nhưng suốt hơn nửa thế kỷ qua tôi đã trở thành công dân Hà Nội. Trong suốt hơn năm mươi năm ấy, ngày ngày tôi uống nước trong mạch ngầm Hà Nội, tôi hít thở không khí giữa bầu trời xanh Hà Nội và mỗi tế bào trên cơ thể tôi được sinh ra, được nuôi dưỡng hoặc bị mất đi đều gắn liền với mảnh đất Hà Nội. Hà Nội với tôi không là *"đất sinh"* nhưng đã là *"đất ở"*. Tôi quan niệm khác với cố nhà thơ Chế Lan Viên khi ông viết:

"Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn!".

Với Hà Nội, kể từ thuở ban đầu khi tôi chọn làm nơi *"đất ở"* thì trong tôi dường như nó *đã hóa tâm hồn*, không phải đợi đến lúc ra đi. Vì thế tôi đã từng mượn ý câu thơ của tác giả "Tiếng hát con tầu" để viết:

"Đây nào phải chỉ là nơi "đất ở"
Đợi ngày đi đất mới hóa tâm hồn?"

Thành thật cáo lỗi cùng hương hồn nhà thơ Chế Lan Viên khi tôi đã mượn ý câu thơ của ông để làm khác ý ông. Nhưng mỗi người có một cách suy nghĩ khác nhau về cùng một việc, chắc là ông hiểu thấu lòng tôi.

Tôi đã gắn bó cùng Hà Nội hơn năm chục năm, vì thế hầu như mỗi góc đường, mỗi ngõ phố, mỗi hàng cây, mỗi mặt hồ lớn nhỏ rải rác nơi nơi tôi đều ghi dấu thân quen. Năm phần sáu cuộc đời tôi đã gửi gấm nơi đây nên tôi thuộc lòng mỗi con đường, mỗi cảnh vật đổi thay qua đạn bom, qua sự thăng trầm và qua những mốc son biến đổi.

Như chỉ mới ngày nào, ngay sau ngày "kháng chiến chín năm" kết thúc không lâu, từ một cậu bé "nhà quê" gầy nhom và đen đúa, tôi được dẫn về Hà Nội với bao nhiêu lạ lùng bỡ ngỡ. Đó là những ngày Hà Nội vừa giải phóng, phố phường còn mang đậm nét pha trộn giữa Âu và Á, giữa "tây" và "ta". Tôi từ một miền quê nghèo, một vùng quê chỉ "khoai khoai là khoai", một vùng quê bị chiến tranh tàn phá nặng nề, xơ xác, ra đây. Tôi thật thấm thía với câu mà người ta thường nói diễu: *"Lớ ngớ như nhà quê ra tỉnh"*. Thật đúng như vậy. Đó là một thế giới hoàn toàn khác biệt, cái gì cũng lạ, cái gì cũng hay, cái gì cũng đẹp... Một gia đình người Hà Nội gốc đã mở rộng lòng *"lá lành đùm lá rách"* cho tôi ở nhờ như với một người đồng hương thân thuộc. Đó là gia đình bác Vĩnh, chủ hiệu kem Hòa Bình ở giữa phố Lò Đúc, nổi tiếng một thời. Tôi chỉ sống ở đó hơn một năm nhưng mãi mãi tôi coi gia đình ấy như những người thân thích của mình. Họ là những người Hà Nội, những người thật sự "Tràng An" với "hương nhài" thuần khiết. Tôi còn nhớ mãi cái khoảnh khắc đầu tiên khi tôi bước vào ngôi nhà mà sau này trở nên thân thuộc ấy. Gian ngoài của ngôi nhà là cửa hàng kem, vừa là nơi sản xuất, vừa là chỗ bán hàng. Hồi ấy, ngay cả cái tên "kem" tôi cũng chưa từng nghe nói tới bao giờ, khái niệm về kem càng mù tịt. Khi tôi vừa bước vào, thấy tôi là một đứa bé con nên người em trai bác Vĩnh liền lấy từ trong máy lạnh ra một chiếc kem que, trao cho tôi và bảo tôi ăn. Nhìn chiếc kem *khói bay nghi ngút* tôi đưa lên miệng thổi phù phù rồi cắn ngay một miếng. Chao ôi, thật kinh khủng, buốt răng không sao chịu nổi! Tôi ngờ rằng hai hàm răng tôi đã rụng! Không còn cách nào khác, tôi đành nhắm mắt nhắm mũi nuốt trôi miếng kem vào cổ! May mà không ai để ý. Tôi không dám và không thể cắn thêm miếng thứ hai. Đấy là lần đầu tiên tôi biết thế nào là kem, là cái lạnh đầy cảm giác mạnh của kem. Trong khi người nhà dẫn tôi lên gác, lựa lúc không ai để ý, tôi bèn liệng chiếc kem qua ô cửa sổ bên cầu thang, ra mái nhà hàng xóm. Mấy ngày sau ai bảo tôi ăn kem tôi đều từ chối! Cây kem lạnh thật đáng sợ! Tôi thấy lạ là sao nhiều người lại thích kem, mất tiền mua kem và ăn kem ngon lành đến thế !

Những ngày đầu ra Hà Nội, tôi nhớ quê da diết nên đêm đêm thường dụi đầu vào gối mà khóc rấm rức. Ban ngày tôi một mình lần theo các phố từ gần đến xa để xem những điều mới lạ,

để quên bớt nỗi nhớ quê hương. Tôi phải đánh dấu từng góc đường để không bị lạc. Chừng một tuần sau là tôi đã ra tới bờ hồ Hoàn Kiếm. Tôi đứng trên cầu Thê Húc ngắm nhìn bốn phương tám hướng. Hồi ấy tôi chưa có được cái nhìn lãng mạn, cái nhìn thi sĩ như bây giờ, nhưng tôi cũng đã thấy được cái vẻ đẹp diệu kỳ mà thiên nhiên ban tặng cho mảnh đất *rồng bay*. Nếu cứ kể ra đây những gì mà tôi cảm nhận được về sự mới lạ, về vẻ đẹp và nét hào hoa của Hà nội thời bấy giờ thì nhiều, nhiều lắm. Tôi ngỡ ngàng trước những quầy hàng đủ màu đủ sắc, bán từ những cái không ngờ như chiếc tăm tre, quả cà pháo hay những tờ báo, quyển sách mà tôi hằng ao ước, cho tới những thứ mà tôi chưa bao giờ biết đến như chiếc quạt trần hay chú *tò he* ... Cho tới lúc ấy, Hà Nội đối với tôi là một thế giới hoàn toàn khác lạ, như thể tôi lạc tới cung trăng. Bao nhiêu điều lạ lẫm và khó hiểu. Tôi lạ lùng với chiếc xích lô. Tôi tò mò với cái thùng di động mà người ta vừa la hét vừa quay tay chiếu cuốn phim "Công phá Béc lanh" cho bọn trẻ, quanh hồ. Tôi không thể nào hiểu được tại sao các bà các chị mỗi khi ra đường, dù chỉ là ra chợ mua mớ rau cũng phải điểm trang, cũng phải mặc áo dài tha thướt, chỉnh tề. Họ điệu đàng, đài các quá chăng? Nhưng cái mà tôi cảm nhận được là nhà cửa, phố phường luôn sạch sẽ, phong quang, không nhếch nhác, luộm thuộm như ở "nhà quê". Hồi ấy người ta không phơi phóng tùm lum bát nháo như bây giờ, càng không thể có cảnh đồ lót treo "vô tư" trên đầu người qua lại. Ngay trong các cửa hàng cũng không ai bày bán công khai các thứ "nội y". Có lẽ hồi ấy người Hà Nội luôn thuộc nằm lòng câu ca dao truyền thống của quê hương:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Câu ca dao ấy như một lời khen, lại như một lời động viên, như một lời nhắc nhủ người Hà Nội-Tràng An sống sao cho xứng với mảnh đất rồng bay. Nếu không có hương thơm thì đâu phải giống hoa nhài? Nếu không thanh lịch thì đâu xứng là người Tràng An-Hà Nội? Không phải như ai đó đã viết trên một tờ báo, cho rằng câu ca dao trên là lối tự hào kệch cỡm, thiếu văn hóa; là lối khoe khoang, vỗ ngực nhặng xị! Đó là một cách nhìn, một góc nhìn chủ quan phiến diện, nhìn ngược chiều ánh sáng.

Đã năm mươi năm có lẻ. Bây giờ Hà Nội khác xưa nhiều lắm. Nội thành đã trải rộng ra gấp ba bốn lần, ngoại thành càng rộng càng to hơn nữa. Hà Nội ngày nay đã bao gồm cả thành Cổ Loa nằm bên kia sông Hồng, sông Đuống với trên hai nghìn năm lịch sử, với chín lớp thành xoáy trôn ốc lừng lẫy một thời. Hà Nội bây giờ đã vươn lên ôm trọn dãy Ba Vì, nơi lưu truyền Thánh Tản, đã bao gồm cả mảnh đất Xứ Đoài với làng Đường Lâm cổ kính, nơi sinh thành hai vị quân vương. Hà Nội bây giờ đã bao gồm cả thắng cảnh chùa Hương. Bây giờ khó mà có một người biết hết được mọi ngóc ngách Hà nội như xưa. Hồi ấy, những năm năm mươi cho tới những năm đầu thập kỷ chín mươi, ngôi nhà cao nhất của Hà Nội là nhà in báo Nhân dân ở phố Tràng Tiền cũng chỉ cao đến sáu tầng, kể cả tầng mái. Bây giờ đã có nhiều ngôi nhà cao gấp bốn, năm lần và trong tương lai không xa sẽ có những ngôi nhà cao gấp tới chục lần ngôi nhà cao nhất ấy. Hà Nội đã vươn rộng, vươn xa và vươn lên cả tầm cao để sánh vai cùng thành phố Hồ Chí Minh, cùng các siêu đô thị và thủ đô trên thế giới. Mới chỉ hai thập niên đổi mới mà Hà Nội đã có được dáng vóc bề thế đúng nghĩa "rồng bay". Ai mà chẳng vui, ai mà chẳng thấy lâng lâng khi ngắm nhìn Hà Nội hôm nay? Cái vẻ mặt, cái dáng vóc của thủ đô đã dần dần đổi thay để xứng với tầm cao đất nước, xứng với tầm cao chung thời đại.

Tuy nhiên với Hà Nội hôm nay, bên cạnh cái được còn có cái gì đó chưa được, điều mà với mỗi người Tràng An thuần khiết không thể không bận tâm, trăn trở. Đó là "*nét Tràng An*" liệu có còn không?

Có người cãi rằng Hà Nội không phải là Tràng An, chưa bao giờ mang tên Tràng An! Đúng vậy, Tràng An không phải là Hà Nội mà là tên một đô thị từng là đế đô bên nước láng giềng. Nhưng từ xa xưa ông cha ta coi hai chữ "Tràng An" như là đồng nghĩa, như là biểu tượng của một đế đô. Mà Hà Nội là một đế đô suốt cả nghìn năm và bây giờ là một thủ đô văn minh hiện đại, tiếng tăm lẫy lừng khắp năm châu bốn biển. Vậy Hà Nội đồng nghĩa với Tràng An. Đã thành một thói quen, ở Việt Nam nói đến "người Tràng An" chính là nói đến người Hà Nội. Nói đến "nét người Tràng An", tức nét người Hà Nội, là nói đến sự thanh lịch điển hình như "khuôn vàng thước ngọc" mà đâu đâu cũng muốn noi theo. Từ câu chào hỏi, từ cách xưng hô đến cách ăn mặc, cách đi

đứng; từ cử chỉ, từ lời ăn, tiếng nói, đến cách đối nhân xử thế; từ việc nhỏ cho tới việc lớn, tất tần tật đều được người Tràng An-Hà Nội từ xa xưa làm một cách chuẩn mực, không xô bồ tùy tiện và bạ chăng hay chớ. Đó là phong thái, là nét thanh lịch truyền thống đặc trưng của người Tràng An-Hà Nội, được đúc kết và mài dũa tự bao đời. Người "nhà quê" chúng tôi bao giờ cũng soi vào đó mà làm gương để dạy dỗ cháu con nên người ...

Vậy mà, bây giờ... Chao ôi, đời sống ngày càng đi lên, xã hội ngày càng văn minh, càng hiện đại, sự học ngày càng cao, tầm nhìn ngày càng rộng mở... nhưng những nét đẹp có tự xa xưa của người Tràng An-Hà Nội nay bỗng như dần dần rơi rụng đi đâu mất! Bây giờ đi ra đường ta gặp bao cảnh nhí nhố, bao điều chướng tai gai mắt. Từ cách xưng hô cộc lốc, từ lối nói tục chửi thề, đến cách ăn mặc tùy tiện, kể cả mặc đồ lót ra đường ... đã trở nên phổ biến như một tập quán, một cốt cách thời thượng! Thiếu nhường trên nhịn dưới, chỉ biết sống vị kỷ, bon chen, coi vật chất là trọng... và còn bao thói hư tật xấu bỗng nhiên cứ loang dần, loang dần trên mảnh đất nghìn năm văn hiến! Tôi có nói quá lên chăng? Tôi có bi lụy quá đi chăng? Xây dựng nên một truyền thống là một việc lâu dài, nhưng phá vỡ nó đi thì nhanh chóng lắm. Bộ mặt Hà Nội được xây dựng lại và phát triển đi lên chỉ trong vài thập kỷ, nhưng nét người Hà Nội biết đến bao giờ mới lại có được sự thanh lịch đậm bản sắc văn hiến nghìn năm mà ông cha dày công vun đắp? Xin đừng đổ lỗi cho chiến tranh. Chín năm kháng chiến, Hà Nội bị tàn phá nặng nề mà sao người Hà Nội vẫn giữ được nét Tràng An? Bây giờ chiến tranh đã lùi xa trên ba thập kỷ, thời gian đâu phải là quá ngắn!

Hà Nội đang mùa thu, mùa đẹp nhất trong năm. Có một nhà thơ bạn tôi từng nói với tôi rằng những lần xa Hà Nội anh đều ao ước được trở về thủ đô vào những ngày thu. Anh không muốn xa Hà Nội vào những ngày mùa thu mà anh yêu như một tình yêu. Anh cho rằng mùa thu ở đâu cũng đẹp, nhưng mùa thu ở Hà nội có cái gì đó vượt trội mà không đâu sánh được. Phải chăng đó là hương cốm làng Vòng, là hương nhài Ngọc Hà Quảng Bá, là bánh tôm hồ Tây những chiều lắng dịu? Phải chăng đó là rặng liễu xanh tha thướt, hay tấm mành hoa lộc vừng buông soi trên mặt nước hồ Gươm? Phải chăng đó là bởi cái mầu xanh Hà Nội, với Hoàn Kiếm là *"Hồ Gươm xanh, xanh mãi liễu buông xanh"*; với hồ Tây là *"Trời xanh biếc, mặt hồ xanh vời vợi / Hương nhài vương từng lối cỏ ngất ngây"*... Tất cả, tất cả những điều trên đều đúng, nhưng có lẽ nổi bật nhất là bởi tại mầu xanh. Khác với vẻ đẹp non tơ mơn mởn của mùa xuân, mầu xanh của mùa thu có cái gì đậm đà khỏe khoắn, đầy sức sống. Mầu xanh của cây lá hòa giữa mầu xanh của bầu trời, in trên mầu xanh của nước hồ phẳng lặng như lắng sâu vào cõi tâm hồn. Bao nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ đã ngợi ca mùa thu Hà Nội hẳn là điều tất yếu. Nhà thơ mà tôi vừa nói tới đang ấp ủ làm một tuyển tập thơ về mùa thu, đặc biệt là những bài về mùa thu Hà Nội. Ý tưởng của anh rất dễ thành sự thật vì anh đã khai thác được một mạch nguồn vô cùng vô tận. Có hàng trăm hàng nghìn thi sĩ qua bao thế hệ đã viết nên những áng thơ tuyệt cú về Hà Nội mùa thu. Họ đã viết và còn viết tiếp không ngừng.

Ôi, tôi viết quá dài rồi nhỉ? Ngọn bút trên tay tôi như không thể nào dừng lại khi trong đầu tôi biết bao điều ào ào ập đến. Có bao nghĩa bao tình muốn được nói ra. Có bao nhiêu nỗi niềm cần được tỏ bày bởi tình yêu Hà Nội. Có bao điều nghĩ suy và trăn trở về một thủ đô đang trên đường đổi mới. Nhìn con đường, góc phố, hàng cây; nhìn dòng xe, cửa hàng, công viên, rạp hát ... đâu đâu cũng có điều để nhớ, để bàn, để thương và cả để giận hờn ...

Đang mải nghĩ suy và đưa bút thì bỗng đâu nhà bên lại mở to tiếng nhạc. Cô ca sĩ vẫn cất cao tiếng hát *"...Hà Nội mến yêu của ta, thủ đô mến yêu của ta, là ngôi sao mai rạng rỡ..."*. Tôi lặng yên nghe hát, quên cả dòng tâm tư đang cuộn chảy.

Cám ơn nhạc sĩ Phan Nhân đã nói hộ lòng tôi./.

9/2005

HOÀNG GIA CƯƠNG



truyện ngắn

ĐI TÌM NỬA CÁI TÔI

DƯƠNG LEH

Tới giờ này, ông Sang thấy cuộc đời ông đã được cái "số" đưa đẩy ông sát rạt từ nhỏ tới lớn, rồi bây giờ tới già, tới luôn cái thời điểm ông sắp phải về chầu tiên tổ. Nói vậy chớ ông cũng chưa đến nỗi nào. Theo như cô bạn gái đang ở cách ông nửa vòng trái đất, ông vừa tìm lại được sau gần năm chục năm biệt tăm, đã gửi cho ông một cái đĩa CD ghi lại toàn bộ lá số Tử vi về cuộc đời ông, cho biết ông còn thoải mái thưởng thức bốn cái worldcup trước khi "bái bai" cái thế giới bon chen này ở tuổi ngoài chín mươi.

Cũng được thôi, ông mong sao tới chừng đó ông đánh một giấc thẳng cẳng rồi thăng luôn, để cho con cháu và người thân một sự bất ngờ thú vị, bởi vì ông đã dặn dò trước rồi. Ông cho rằng nếu đúng như cái CD đã phán thì ông thấy cuộc đời ông đã sống quá đầy đủ. Ông có thể nói ông đã "enjoy" cuộc sống của ông từ nhỏ, đến lớn, đến già, đến… chết.

Ông nhớ lại hồi còn nhỏ, ông ở trong một gia đình không phải nghèo, cha ông làm Préparateur ở Pharmacie nói nôm na theo tiếng Việt là Bào chế viên ở tiệm thuốc tây. Nghề này bây giờ không còn nữa, nhưng ngày xưa cha ông sống thoải mái, có tiền mua nhà, dù là một căn nhà cấp bốn và nuôi sống vợ con. Ông lại được học hành tại một trường trung học tiếng tăm lừng lẫy ở Saigon. Ông chẳng phải lo lắng gì đến cái học phí như những đứa trẻ ngày nay phải "vượt khó" để đi học. Bởi vì cái trường trung học danh tiếng mà hồi đó ông theo học là một trường công lập miễn phí hoàn toàn. Không những không lấy một xu nhỏ nào của cha mẹ học sinh mà trường còn cấp học bổng cho mấy đứa học sinh giỏi mà nghèo khó. Mấy đứa nầy thích lắm coi như đi học mà có lương mang về giúp đỡ cha mẹ chúng. Nhờ vậy chúng nó lại càng cố gắng học giỏi hơn nữa để năm nào cũng được học bổng. Một năm mười hai tháng không hề có họp phụ huynh học sinh. Coi như cha mẹ giao khoán cho nhà trường về công việc học tập của lũ trẻ. Hồi đó không có cái vụ cha mẹ học sinh làm cò mồi kêu gọi đóng góp cho nhà trường khoản này khoản nọ. Bây giờ, nào tiền đồng phục đi học, đồng phục thể thao mỗi năm một kiểu. Cha mẹ học sinh thường hay hát: "Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn..."

- Sao buồn vậy Chị Ba?

- Thì hết hè, tựu trường phải chạy học phí cho ba đứa nhỏ, rồi sắm quần sắm áo đồng phục sách vở…

"Số" của ông từ nhỏ đã sướng rồi. Ông đi học thoải mái. Hết giờ học ông đi xem phim với bạn ở những rạp quanh quẩn ở Saigon, hoặc chơi bóng đá, bóng bàn, tối về học ôn bài vở, sáng tiếp tục đi học sau khi dứt một tô hủ tíu, hay một cái bánh bao, đính kèm một chén xíu mại. Ông không hề biết đến cái cảnh con nhà nghèo khó phải phụ giúp cha mẹ làm việc nhà, gánh gồng việc chợ búa, buôn thúng bán bưng, như bài thơ tả cảnh nhà nghèo ở ngoài bắc mà ông đã học trong lớp.

"…Con nhà khó nhiều khi vất vả,
Ngoài học đường thư thả được đâu,
Khi thời quẩy nước tưới rau
Chợ tan đón gánh theo sau mẹ già …"
(Cảnh vui của nhà nghèo – Tản Đà)

Rồi thì ông cũng mò lên được năm cuối cùng của bậc trung học. Đến đây ông bắt đầu hiểu lơ mơ về cái số mệnh của mỗi người và ông cảm thấy sung sướng khi cha ông, một buổi chiều đi làm về, cho biết ông chủ nhà thuốc tây hứa tài trợ cho ông đi Pháp du học sau khi đậu xong bằng Tú tài toàn phần. Ông thích quá, tập trung vào việc học và rồi cuối năm đó ông dễ dàng tốt nghiệp bậc trung học. Nhưng cái tin ông thi đậu đến muộn màng đối với ông chủ nhà thuốc tây vì ông ta đã ra đi trước rồi. Ông không đi quanh quẩn trên trái đất này mà ông đi thẳng lên thiên đường vì bị "đứt gân máu" đột ngột trước đó một tháng. Ngày xưa không gọi đó là bệnh "tai biến mạch máu não" hay gì gì đó mang tính y học hiện đại mà chỉ truyền miệng một cách nôm na dễ hiểu như vậy. Vậy là xong kế hoạch đầu đời cho một tương lai sáng quắc của ông coi như đứt chến. Nhưng lúc đó ông chưa đủ hiểu biết để nuối tiếc. Cha ông cũng có an ủi "trước đây ông chủ nói như vậy, nhưng biết đâu dù còn sống ông ta không tài trợ cho con cũng huề thôi".

Dầu sao ông cũng coi như số mệnh đã dẫn ông đi một lối khác không đúng với dự định ban đầu. Ông nghĩ cách kiếm "đường binh" khác cho cuộc đời của mình. Lúc bấy giờ ở Saigon, một số lớn thanh niên trai trẻ sau khi học xong trung học đều muốn nhanh chóng có một nghề để ra làm việc như một chuyên viên tại một công sở, một công ty kinh doanh nào đó trong nước hay của nước ngoài với mức lương mà họ biết chắc rằng dư sức nuôi sống bản thân và chu toàn cả một gia đình bé nhỏ mà họ sẽ tạo dựng sau này.

Ông Sang nộp đơn thi vào một trường Cao đẳng chuyên nghiệp và trường Cao đẳng sư phạm. Cách bao sân như thế này theo ông Sang lúc bấy giờ không sẩy vào đâu được. Quả thật, ông đậu ngay vào một trường chuyên nghiệp kinh doanh, và ông đã không ngần ngại bỏ hẳn kỳ thi vào trường sư phạm vì ông cho rằng số phận đã không muốn cho ông làm nghề thầy giáo mà ông cũng biết chắc chắn rằng sau này ra trường sẽ làm nghề cầm phấn tại một tỉnh nơi miền sông nước xa xôi nào đó.

Ông Sang đã ngoan ngoãn tuân theo số mệnh để an phận "cày" suốt ba năm trời để lấy bằng tốt nghiệp. Tuy nhiên, thời gian đã trôi qua nhanh chóng, vì ông đã có "nữ quới nhân phò trợ". Vừa vào năm thứ nhất được mấy tháng ông đã quen Ngân. Từ đó, động cơ thúc đẩy ông đến trường học cho tốt là để được nhìn thấy người con gái quê quán ở Biên Hòa, một tỉnh sát nách Saigon. Thật sự đã quen biết nhau rồi nhưng thời gian để tiếp xúc trò chuyện cũng không nhiều. Thỉnh thoảng vào giờ nghỉ giải lao ông lò mò qua dãy bàn con gái kéo một cái ghế trống đến ngồi gần cô này trò chuyện trong năm bảy phút đến khi chuông reng thì rút dù về phía con trai ngồi vào chỗ, tiếp tục học hành nghiêm chỉnh. Qua bao nhiêu lần gặp nhau ngắn ngủi ông Sang, lúc bấy giờ là một anh sinh viên nheo nhẻo, đã xâu kết thành một chuỗi thông tin về người con gái đó. Ngân là con gái độc nhất trong một gia đình khá giả đứng giữa hai người con trai. Người anh đang học năm thứ ba trường Y Saigon và cậu em út còn hai năm nữa xong phần trung học. Ông bố là một nhà kinh doanh chuyên mua bán phụ tùng các loại xe du lịch. Ông muốn con gái trở thành một nhà doanh nghiệp. Ông không nhất thiết bắt con gái phải theo cái nghề bán phụ tùng xe hơi, ông để con gái tự do dấn bước vào trong thương trường. Cô có thể đi vào con đường kinh doanh địa ốc, một nhà đầu tư chứng khoán, hay một nhà kinh doanh trong các ngành nông lâm hải sản...

Lên đến năm thứ ba tình cảm hai người đã rất khắng khít. Thỉnh thoảng, khi có giờ nghỉ giữa buổi học, hai người sóng đôi thả bộ ra trước đường, bước qua nhà thờ Francico vừa nói chuyện tâm tình vừa tận hưởng không gian tĩnh mịch của nhà thờ.

Rồi kỳ thi tốt nghiệp cũng nhanh chóng trôi qua. Chàng sinh viên Sang có ngay công việc làm đúng như ý muốn, nhưng cô sinh viên Ngân không cần phải đi xin việc làm đâu cả mà lại được gia đình giúp lấy vé máy bay lên đường sang Mỹ du học.

Ngày xưa sự chia cách như thế này thật khó mong có ngày tái hợp. Chuyện của Sang và Ngân cũng không có gì khác hơn. Ngân ra đi thoải mái lý do cô còn quá trẻ chỉ cần bỏ ra ba hoặc bốn năm nữa cô sẽ có học vị cao hơn, và khi trở về cô sẽ có công việc làm quan trọng hơn mà cô cũng còn trẻ để tính chuyện chồng con một cách dễ dàng. Lúc bấy giờ có ai nghĩ rằng cô sẽ trở về đâu? Dù sao thì sự ra đi của Ngân cũng đã làm chết trong lòng Sang không ít.

Đến đây chuyện làm ăn của Sang quả thật bình lặng vô cùng. Tiền lương hằng tháng tiêu xài không hết cho dù phải chung chi vài chầu nhậu nhẹt với bạn bè hay một vài màn khiêu vũ. Tiền còn thừa ông bỏ vào quỹ tiết kiệm ở ngân hàng. Cuối tuần có thời gian rảnh rỗi anh thả vào hồ bơi, ngụp lặn thỏa thích chừng hơn tiếng đồng hồ rồi về nhà nằm đọc sách. May mắn cho anh là có được cái thú đọc sách. Ở Saigon ngày xưa, kể cả mọi người dân ở các tỉnh thành ai ai cũng

cảm thấy sung sướng vì được đọc sách thoải mái. Sách nhiều không kể xiết. Sách bán tràn lan ở những kiosque san sát nhau dọc theo đường Lê Lợi, đường Tự Do. Người ta thường hay nói: "Ở Saigon, trên là trời dưới là sách". Nhà nào cũng vậy không ít thì nhiều đều có một tủ sách. Một người cậu của ông Sang lúc bấy giờ có thú mê đọc sách. Ông thực hiện một tủ sách gia đình, sắp xếp thật ngăn nắp. Ngoài cửa tủ sách ông để một tấm bảng nhỏ ghi: "Tủ sách Trần gia" vì ông cậu họ Trần. Con cái sáu bảy người vừa trai vừa gái đều được đặt tên một cách đơn giản "Trần văn" hay "Trần thị" gì đó tiếp theo là cái tên hoặc An, Bình, Hạnh, Phúc vv... Ông khắc một con dấu bằng đồng hình dáng hột xoài ghi bốn chữ "Tủ sách Trần gia" đóng bằng mực đỏ vào trang đầu của tất cả những cuốn sách để trưng bày trong tủ. Ông giữ sách kỹ không ai bằng. Khi đọc một cuốn sách ông từ từ rút ra khỏi tủ cuốn sách đã chọn, rồi ngồi lên ghế xếp nhẹ nhàng lật từng tờ nghiền ngẫm đọc. Thấy con cháu đọc sách mà bẻ ngược phần đã đọc ra ngoài sau ông chỉnh liền. Ông thường nói: "Sỹ nhân tam nhật bất độc thư, tắc diện mục khả tăng, ngôn ngữ vô vị" rồi ông diễn giải theo lối nói bây giờ: "Người trí thức ba ngày không đọc sách, mặt mày thấy ghét, miệng mồm nói những lời bá láp". Mỗi khi có một cuốn sách mới xuất bản ông thường mua hai cuốn, về nhà làm thủ tục đóng dấu cất vào tủ còn một cuốn để ở ngoài cho bạn bè mượn. Rủi ro có cuốn nào ra đi biến biệt thì ông khóa tủ không bao giờ cho ai mượn cuốn còn lại vì phải để dành cho ông đọc.

Chỗ làm việc của ông Sang hồi đó nằm ở khu Chợ lớn. Đây là một siêu thị cho người nước ngoài. Phòng Kế toán nằm phía sau khu vực mua bán. Trong phòng đa số là phụ nữ khoảng chừng mười lăm người. Đàn ông chỉ có bốn người. Hai ông già là sếp khoảng chừng bốn chục. Người thứ ba là Ông Sang và một cậu thanh niên làm nhân viên sai vặt. Đa số những phụ nữ làm việc trong phòng kế toán đều xếp vào đàn chị của ông Sang còn vài cô chắc cũng mới ra trường đâu đó xuýt xoát tuổi với ông Sang. Không nói cũng biết những phụ nữ làm việc cho công ty nước ngoài lúc bấy giờ ăn mặc rất đẹp, đẹp hơn nhiều so với những người phụ nữ làm công chức hay các cô giáo ở các trường học.

Ngồi sau lưng ông Sang là một cô bạn đồng nghiệp vào trước ông Sang khoảng nửa năm. Cô hay cười mỗi khi ông Sang pha trò hay kể một chuyện vui gì đó. Nghe nói cô học Luật năm thứ hai tự nhiên tạm ngưng nhảy ra đi làm kiếm tiền.

Cô nói:

- Chừng nào đi làm không được nữa thì mình đi học lại.

Cô nói nghe quá dễ dàng. Thật vậy, hồi đó lương của cô chắc chắn là phải hơn một công chức có cử nhân Luật.

Ông Sang thấy cô bạn mới này cũng vui. Cô biết rất nhiều bài hát. Ngày nào cũng vậy, buổi trưa hay buổi chiều ông và cô bạn sóng đôi bước ra khỏi nơi làm việc tà tà đi về phía đường Nguyễn Tri Phương. Đến đây hai người chia tay, cô đi về phía đường Nguyễn Tiểu La còn ông thì đi ngược về đường Nguyễn Trãi, đến nhà cha mẹ ông đối diện bệnh viện Phước Kiến.

Một buổi chiều tháng sáu, trời mưa lất phất, cô che dù, ông nấp theo đi bên cạnh. Vừa đi, cô se sẽ hát:

"Nhớ chiều nào tôi đến thăm em,
Hai bên đường phố đã lên đèn
Mưa xuân giăng mờ trắng khung trời..."(1)

Đến đường Nguyễn Tri Phương, cô vẫn tiếp tục hát: "nhưng hôm nay xa rồi..." Ông Sang không nói lời chia tay như mọi khi mà vẫn nấp dưới dù theo cô đi miết về đường Nguyễn Tiểu La. Ông Sang không thể cắt đứt giây phút hạnh phúc tuyệt vời đó. Nhưng khi về gần đến nhà, cô mới nhận ra:

- Ý! Sao anh không về?
- Về sao được? Tâm hát hay quá trời quá đất. Tôi quên về luôn.
- Anh xạo sự.
- Thật mà.
- Thôi về đi cha. Bà già chờ cơm kìa.
- OK, thôi "bai" nghe.

Nói xong ông ngoắc chiếc xích lô đang trờ tới, chỉ đường về nhà. Đêm đó ông Sang thao thức. Ông nghĩ tới cô bạn gái hồi chiều, khung cảnh êm đềm quá. Giọng hát cô nhẹ nhàng như cơn

mưa lúc đó. Ông nhớ cả mùi tóc và hơi thở cô thoang thoảng qua từng cơn gió. Ông trằn trọc và chợt nhận ra ông đang cần có một người con gái để yêu thương để nói... xạo và cười đùa. Ông cũng thích cái lối nói chuyện ngang tàng của cô này. Có lẽ cô nghĩ ông cũng ngang tuổi với cô. Mấy bà chị hay nói:

- Con Tâm nó lý sự dữ lắm. Dân học Luật mà!

Ông nghĩ. Đúng rồi! Nếu cô này cứ học lên ra làm luật sư để tranh luận, cãi lẫy trước tòa chắc là xôm tụ lắm.

*

Một buổi trưa, chuông reng đến giờ tan sở, ông Sang tắt máy cộng đứng lên từ từ bước ra khỏi phòng. Tâm chụp vội cái bóp cầm tay bước theo sau. Hai người đi gần đến cổng chánh, thình lình Tâm bị vấp, ông Sang nhanh tay chụp tay Tâm giữ lại để cô khỏi té. Một chiếc dép văng ra xa. Để Tâm đứng lại vững vàng, ông Sang bước tới nhặt chiếc dép, quan sát:

- Đứt quai rồi Tâm ơi, làm sao đi đây?
- Phước họa khôn lường, ông ơi! Tâm than thở.
- Có gì đâu mà phước với họa. Sửa một chút là xong, nhưng rủi là không có đồ nghề.
- Làm sao đi ăn đây?

Ông Sang bàn:

- Thôi Tâm về văn phòng đi. Tôi đi ăn thật nhanh rồi mua cái gì đó về cho Tâm nhe.
- OK, bánh mì đi.

Đợi cô nàng đi chân dép, chân đất, cà nhắc về văn phòng. Ông bước nhanh ra cổng đi bộ theo kiểu olympic về nhà. Cả nhà ông đã ăn uống xong rồi. Ông vô bếp làm cấp tốc một dĩa cơm. May quá hôm nay bà già làm món gà rô-ti. Vừa có nấu cơm vừa có mua trừ hao vài ổ bánh mì. Ông chén thật nhanh đĩa cơm rồi lấy một ổ bánh mì, cho vào hai miếng gà rô-ti sau khi loại bỏ hai miếng xương nhọn hoắc. Ông không quên cho thêm một tép hành lá, một miếng dưa leo, xịt cho một miếng xì dầu, rồi lấy một tờ giấy tập học trò gói ổ bánh mì lại. Ông phóng nhanh ra cửa, sờ đầu con chó nằm giữ nhà, đi như chạy về sở làm. Nếu có ai tinh mắt và biết chuyện sẽ nói: "chắc anh chàng đang sợ "nàng" đang càm ràm vì đói bụng".

Đến nơi, còn đúng mười phút tới giờ làm việc. Ông vội đưa Tâm ổ bánh mì. Mấy bà chị nhao nhao lên:

- Trời ơi! Coi cậu Sang mua bánh mì cho con Tâm kìa.
- Sao mà có phước được người ta thương quá vậy hè!

Tâm mắc cỡ quá chụp ổ bánh mì chạy chân đất vào phòng thay quần áo ngồi ăn. Còn thời gian ông Sang nhặt chiếc dép của Tâm lên xem và chỉ cho mấy bà chị thấy:

- Đứt dép rồi nè. Bàn chân bộ bén lắm sao mà cứa đứt quai.
- Sửa giùm cho nàng đi!
- Ba mươi giây!

Ông chạy lại chàng nhân viên sai vặt mượn cái kềm rồi trở về bàn lấy một cái kẹp giấy bằng kim loại bẻ thẳng ra, soi mấy lỗ nơi đầu dây da bị đứt. Ông dùng cọng kẽm từ cái kẹp giấy xâu hai đường rồi siết lại thế là xong. Ông đưa lên cho bà con xem:

- Xong rồi!

Mấy bà chị trầm trồ khen, vừa lúc đó tiếng chuông reng, mọi người ai về bàn nấy, mở máy nghe rẹt rẹt rồi cặm cụi làm việc. Tâm cũng đã kịp về bàn. Thấy đôi dép để dưới chân có vẻ lành lặn, cô đưa chân ướm thử thấy như chưa bị đứt. Cô hài lòng đưa đôi mắt trìu mến về phía ông Sang, rồi cúi xuống làm việc, trong khi ông sếp người nước ngoài đứng điểm danh từng người, và sau đó, quay vào phòng riêng.

Ông Sang đang ngồi kiểm tra toán số các hóa đơn giao hàng, thình lình có một miếng giấy nhỏ được xếp làm tư từ phía sau bay tới rớt trước mặt. Tâm muốn nói với ông cái gì đây! Ông từ từ mở miếng giấy ra xem sau khi liếc chừng anh sếp đang ngồi xem báo trong phòng. Tấm giấy ghi: "Cám ơn, anh tử tế với Tâm quá chừng, i l. u"(2).

Ông Sang cúi đầu sát mặt bàn, quay về phía sau, ông giơ ngón tay trỏ đưa lên miệng nhìn Tâm nói khẽ: "suỵt!", rồi hôn nhẹ lên tờ giấy, ông liếc nhìn vào phòng sếp, sửa lại tư thế ngồi ngay ngắn tiếp tục làm việc. Buổi chiều hôm đó, hai người cũng sóng đôi đi về hướng Nguyễn Tri Phương. Đến chỗ chia tay, ông Sang kín đáo nắm lấy tay Tâm siết nhẹ rồi nói:

- Anh về nha!
- Ok, anh về.

Sáng hôm sau, một người nước ngoài, gốc Hàn quốc đi vào phòng sếp nói chuyện, sau đó ông ta bước ra đi về phía ông Sang mời ông vào phòng bàn công việc. Ông Sang biết anh chàng này tên là Kim ở trong nhóm cố vấn tài chánh của công ty. Qua bàn bạc, Ông Sang mới hiểu ra là công ty muốn mời ông ra chi nhánh Cam Ranh làm việc, lương gấp đôi. Sẵn máu giang hồ vặt, ông Sang nhận lời ngay. Trong thâm tâm ông nghĩ cứ nhận lời đi còn lên đường chắc là còn phải qua nhiều thủ tục.

Ông Sang trở ra bàn làm việc, mấy bà chị hỏi dò, có phần lo lắng:

- Có gì đó Sang?
- Mấy ổng mời ra Cam Ranh làm việc. Ông Sang nhìn Tâm nói trong khi cô đang trố mắt nghe ngóng.
- Làm luôn hay sao?
- Làm luôn.
- Lương bổng như thế nào?
- Gấp đôi. VGS 10.
- Ngon quá! Sang đi không?
- Trả lời OK rồi.
- Chừng nào đi?
- Chưa biết.

Một lát sau anh chàng người Hàn quốc quay lại. Anh ta đến nói gì đó với ông sếp người Việt lớn tuổi. Không nghe ông ta nói gi, chỉ thấy ông sếp người Việt gật đầu lia lịa rồi cười nói:

- Được rồi, tôi sẽ sắp xếp xong ngay.

Sau đó, anh chàng Hàn quốc tiến về phía ông Sang và mời ông Sang lên gặp Tổng Giám Đốc. Anh ta còn bảo ông Sang mang theo tất cả những đồ đạc cá nhân. Ông trả lời "không có gì" rồi bước theo anh ta ra khỏi phòng sau khi đưa mắt nhìn về phía mọi người trong phòng, kể cả Tâm, và mọi người cũng đang nhìn về phía ông có phần kinh ngạc như tự hỏi: "Ủa đi liền sao cà?"

Không phải "đi liền" nhưng cái nhìn đó là lời từ giã sau cùng của ông Sang đối với mọi người.

***

Nơi ông Sang ở để làm việc là một khu dân cư nghèo trước đây là một làng đánh cá. Sáng sớm dân chúng ra đầu làng đón xe buýt đi đến khu làm việc. Ngôi làng còn có vẻ hoang sơ, chưa có được một trạm bưu điện nên không làm sao liên lạc về Saigon bằng thư tín. Điện chưa có. Những nhà khá giả sử dụng đèn "măng-sông", những nhà nghèo hơn thì sử dụng đèn dầu các loại. Do thông tin liên lạc còn khó khăn nên đã sáu tháng rồi ông Sang không hề có thông tin gì ở Saigon, ông Sang nhớ tới Tâm. Không biết giờ này cô ra sao rồi. Nếu ông không đi Cam Ranh không biết giờ chuyện tình cảm của hai người sẽ đến đâu. Ông nhớ hoài tiếng hát của Tâm trong buổi chiều mưa ngày ấy.

***

Vừa bước chân xuống máy bay ông Sang không đi ngay về nhà mà bảo taxi chạy ngay đến văn phòng kế toán, nơi ông đã ra đi cách đây hơn sáu tháng.

Ông đẩy cửa bước vào. Thoáng nhìn ông thấy có năm bẩy người mới lạ, chắc họ mới được tuyển dụng sau này. Mọi người nhìn lên và có người chợt nhận ra, tiếng của Huệ lớn nhất:

- Ý! Anh Sang về kìa!

Rồi không ai bảo ai mỗi người một câu chào làm cho văn phòng đột nhiên nhốn nháo lên. Ông Sang mỉm cười gật đầu chào lại, vẫy tay đối với những người ngồi phía xa. Vừa lúc đó một người ngồi gần chỗ ông Sang đang đứng, gọi ông và nói:

- Anh Sang, Tâm lấy chồng rồi...

(1) Bài hát 'Mưa chiều kỷ niệm' của Duy Yên và Quốc Kỳ.
(2) i l. u = I love you

DƯƠNG LEH



HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

THƯ GỞI CHỊ

Chị ở quê nhà Em ở đây !
Nhớ nhung gầy gõ tháng năm chầy
Tự thuở Đông Triều loang máu lửa,
Là lúc thân em lắm đọa đầy.
Cứ tưởng mình em chim gặp bão,
Ai ngờ chị cũng xác xơ cây.
Cái năm Giáp Ngọ buồn ly tán
Chị dắt em qua mấy vũng lầy

Chị dắt em qua mấy vũng lầy
Đầu Voi Bến Tắm Bến Đò Mây
Cổ Oeo Cổ Vịt đều xa khuất
Bến Triều phân cách cả Đông Tây
Qua phà sông nước như hờn giận
Cay đắng mình em uất nghẹn đầy
Quê nhà khi đã là quan ải
Em ngoái trông về chỉ thấy mây

Em ngoái trông về chỉ thấy mây
Núi cách sông ngăn rừng bủa vây
Nhớ nhà nhớ chị buồn da diết
Mấy chục năm trời em ngất ngây
Dòng đời lên xuống bao nhiêu nhịp
Em vẫn bơ vơ giữa bãi lầy
Giữa cuộc thoáng mơ về Ấp cũ
An Bình nay chắc cỏ xanh dầy?

An Bình nay chắc cỏ xanh dầy?
Mà em mãi mãi vẫn còn đây
Chưa về ? Thì hẳn chưa về được
Về được ? Em về để ngó mây ?
Song thân em đó, mô hoang lạnh !
Cỏ ấy chiều hôm buồn lắt lây !
Chị ơi ! Từ độ sa chân bước
Tang hải bao phen cảnh đã bầy

Tang hải bao phen cảnh đã bầy
Hỡi người đồng Ấp ! Cõi riêng tây
Xa rồi chợ Cột điêu tàn cũ
Trạo Hà tan tác cạnh Kinh Thầy
Ấp nhà ở giữa hai hòn núi
Núi Rùa Núi Vẻn xác xơ cây
Em về ! đành nhẽ chưa về được
Vì thế, hờn lên oán hận đầy

Vì thế, hờn lên oán hận đầy
Nhà xưa còn dấu ở đâu đây?
Hỏi thăm con trẻ Người xa lạ !
Nửa thế kỷ rồi ! Cách nước mây *
Được biết chị nay còn lắm lệ
Oán hờn chi nữa? Mặc cây bầy...
Chị sắp sửa tuần, Em đáo tuế
Chị ơi! Ngàn dặm tính sao đây?

Mưa Sai Gòn, Thanh Đa 20.7.2000

** Ý thơ Hạ Tri Chương Đường Thi*

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN



truyện ngắn

ĐẤT TỤ LONG

NAM NINH

Tụ Long thuộc Châu Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang xưa, sau thuộc tỉnh Hà Giang, giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đất Tụ Long phong phú về khoáng sản, đặc biệt là đồng đỏ, là "kho của" trong cương vực Việt Nam. Thế kỷ XVII đất Tụ Long bị mất về tay nhà Thanh cho đến năm 1728, triều đình Lê - Trịnh mới đòi lại được. Trong vòng 150 năm, khoáng sản từ các mỏ Tụ Long đã góp phần không nhỏ cho nền tài chính của các triều đại Việt Nam. Đến Hiệp ước biên giới Pháp - Thanh 1887, vì mưu đồ lợi ích riêng, người Pháp lại bán trở lại cho nhà Thanh. Việc làm vô lối này đã bị chính một số sĩ quan Pháp phản ứng về tận Paris, nhưng Tụ Long lại mất về tay nhà Thanh từ đấy.

(theo sử sách cũ)

Khi ta tỉnh lại, trời đã sáng, lũ chim rừng cãi nhau lóe chóe đâu đó quanh đây, một tia nắng đục nhỏ xíu xiên qua trước mặt, ta ngỡ ngàng, sao lại là chăn bông, lại là giường đệm ấm êm thế này? Ta nhìn khắp lượt, một căn phòng không rộng, nhưng gọn gàng, ta kịp nhận ra sự bài trí vương giả, cái bàn gỗ chạm khắc cầu kỳ, trên đó bộ đèn nến bằng bạc, trời đất, là sao đây? Ta định ngồi hẳn dậy, nhưng thấy choáng, không sao nhấc nổi đầu, ta đành ú ớ gọi: "Ngài... ngài ơi!". Là ta nghĩ đến Tế tửu Quốc Tử Giám, thày ta...

Bỗng một lão già lạ hoắc xuất hiện, lão mừng rỡ kêu lên, công tử đã tỉnh rồi... Ta định hỏi đầu đuôi, nhưng lão đã biến mất. Chuyện gì mà lạ vậy? Ta nắm lấy bàn tay trái bấm huyệt để bình tâm. Ta nhớ...

Đấy là một vạt núi thoai thoải, đá gan gà trơn lắm, không một cọng cây bấu víu, mù sương giăng đầy. Trước ta, Tế tửu Quốc Tử Giám khom người túm vào mẩu đá nhô lên như những cái răng nhọn, tay ngài đã tứa máu, vạt áo rách tả tơi, ta thương lắm, chỉ sợ ngài trượt chân. Phía sau ta hàng chục người, hun hút là vực thẳm, phía trước cũng hàng chục người, người thì cõng đồ, ngựa thì cõng lương thực... Võ tướng Tả thị lang Bộ binh Nguyễn Huy Nhuận dẫn đầu tìm đường, mỗi khi kiếm được mô đá làm điểm tựa, ngài lại đứng hẳn dậy hùng dũng phất cờ, đoàn quân cứ thế mà tiến ...

Ta nhớ cái suối ấy phải bơi mới sang được bờ bên kia, nước xanh leo lẻo, quân báo nói rằng nước suối độc lắm, dân không dám qua. Một số lính quân báo của ta bỏ mạng khi qua đây, một số thì ốm lắt lẻo phải gửi trở về binh trạm. Ta kinh ngạc thấy khí độc bốc lên từ mặt nước suối như màn sương, có mùi hăng hắc! Vì thế Võ tướng Tả thị lang đành tính đi đường vòng, vượt qua quả núi sang phía bên kia là đầu nguồn con suối, có thể lội qua được. Chúng ta đang đi trên đất Vân Nam, lành ít dữ nhiều. Hôm qua người ở cuối đoàn bị hổ vồ xé xác. Bọn cướp thì thoắt ẩn, thoắt hiện, không ai dám tách khỏi đoàn. Ta thấy người nóng hầm hập, miệng khấn lầm rầm, cầu đất, cầu trời, cho ta không ốm, ta không được ốm! Đến trưa thì lên đến đỉnh, tuyết bám đầy mình, nhìn người, ngựa đều trắng xóa. Xa tít, một vệt khói lờ mờ, thày ta bảo đấy là đất Tụ Long.

Xuống dốc ta vượt trước thày, mặc cho phía trước lởm chởm đá chông, ai cũng hồ hởi khi phát hiện ra con đường mòn bé như sợi chỉ vắt qua quả đồi trước mặt. Bất ngờ có tiếng hét to, ta giật mình ngoái lại, thày ta ngã bổ nhoài rồi cắm đầu lao xuống, ta nhanh chóng dang tay ôm trọn, và cứ thế ta và thày lăn đi ...

Nghĩ đến đây ta lại lịm vào giấc mộng bồng bềnh, ở chốn thiên nhiên thuyền mây nhẹ xốp, xa xa tiên nữ hiện dần. Ta căng mắt, hút hồn bởi vẻ mềm mại đến hoàn mĩ, tất thảy cứ phô bày lồ lộ, hương thơm đâu đó của da thịt nàng gần gũi như cầm nắm được, khiến ta ngất ngây.

- Công tử đã tỉnh rồi ư?

Ta giật mình, trước mặt là một cô nương dáng vẻ quyền quý! Ta lúng túng chực cất đầu dậy, giờ

mới kịp nhận ra chân tay cồm cộm, hóa ra đều được băng bó, ta đã bị chấn thương!

- Công tử cố mà nằm yên, ít cử động càng tốt.

- Ta có bị gãy chân không?

- Không, nhưng vết thương hơi nặng đấy.

- Ta hỏi bao nhiêu điều, đây là đâu, tại sao ta lại ở nơi này, mọi người đâu cả, thày ta sao rồi? Cô nương là ai kia?

- Công tử còn mệt, cố mà tĩnh tâm, mà chàng vừa nhắc đến ai kia?

- Thày ta?

Nàng ngồi xuống cạnh giường, ta cảm nhận được từng ngón tay thon nhỏ của nàng ngập ngừng trượt nhẹ trên trán.

- Công tử đã thiếp đi ba ngày, ba đêm, cha em đã cho mời thày thuốc tốt nhất cắt thuốc cho chàng, nay được tin này cả nhà em mừng lắm.

Ta hỏi, có phải ông già ban nãy là thày thuốc chăm ta? Nàng gật đầu, nàng bảo, ông ấy tận tụy ngày đêm chăm sóc ta.

Nàng bảo, em thấy họ qua đây đông lắm, hàng trăm người. Em quan sát có lẽ có hai người chỉ huy đoàn quân, ăn vận cũng khác thường, một người cao to, hùng dũng, mắt xếch, râu hùm, ta bảo đấy là Tả thị lang Bộ binh Nguyễn Huy Nhuận; còn người kia, nàng nói trông nho nhã, kiệm lời, ta bảo đấy là thày ta, Tế tửu Quốc Tử Giám Nguyễn Công Thái.

- Họ bảo chàng là người quân tử đã không quên mạng sống cứu thày, rồi gửi lại công tử cho cha em.

Ta mừng, vậy là kế của ta đã thuận, lên dốc ta đi sau thày, xuống dốc ta đi trước thày, mấy chục dặm trường, thày ngã chiều nào ta cũng chặn được.

- Thưa cô nương, đây đã phải là đất Tụ Long chưa?

- Công tử đang nằm giữa đất Tụ Long, đây chính là làng Triều Cảng.

Ta lại hỏi có phải nơi đây có con suối, nước độc lắm? Nàng bảo đấy là suối Sâm Mộc, không ai dám đi qua.

Vậy là ta đã hình dung ra mọi sự, nhưng người thấy nóng ran, cái đầu nặng chĩu, ta lại thiếp đi dưới bàn tay êm dịu của nàng.

*

Khi ta tỉnh lại thì người thày thuốc già bê cho ta bát thuốc, ta thấy nước thuốc sánh đen, uống vào có vị đắng. Nhìn vẻ mặt hiền hậu của của cụ, ta cất lời chịu ơn, lại muốn thăm dò đôi chuyện. Cụ nói:

- Lão già này chỉ biết làm thuốc, ai có bệnh cũng không từ, có chăng phải cảm ơn ông chủ và cô nương đây. Ngài đã cho người lặn lội đêm ngày, vượt qua cả ba rặng núi đến tận làng Na Thậm tìm lão, cô nương thì cả ngày lẫn đêm ở cạnh công tử. Lòng người tận tâm, công tử thành người hưởng phúc đấy.

- Mạn phép cho tôi hỏi, chủ nhân đây là ai vậy?

- Ngài là thương gia Trần Lấp, nổi tiếng ở Tụ Long, cô nương là Trần Thu Thảo, con gái út của ngài, cũng tài danh hương sắc, quan trấn Vân Nam khắp vùng để mắt qua lại, nhưng chưa thấy ưa ai.

Vừa lúc cha con nàng tới thăm, ta lúng túng tìm cách ngồi dậy mà không xoay xỏa được, khiến nàng không quản, cúi xuống cạnh ta loay hoay giúp đỡ, ta ngượng chín người.

- Đây là thân sinh ra em, thấy công tử tỉnh lại nên cha mừng lắm.

Ta thành thực cất lời cảm ơn. Người đàn ông trạc tuổi thày ta, mặt vương, tai chảy, đôi mắt thẳm sâu, nhưng nói năng kín kẽ:

- Sao công tử lại cám ơn - Cha nàng nói - Công tử cũng vì việc nước mà phải ở lại đây, chúng tôi được chăm sóc công tử cũng là hạnh ngộ lớn. Tôi còn muốn một ngày đẹp trời, cùng công tử ngắm đất Tụ Long và đàm đạo dăm ba câu chuyện.

Ta lại cám ơn, thực tình ta cũng chỉ biết cất lời cảm ơn trong phép xã giao cần thiết của kẻ ngoại bang lúc này. Cha nàng nói với ta về đất Tụ Long lắm núi nhiều sông, mù sương giăng dầy, đất trời hòa quyện, chẳng biết trần gian hay tiên cảnh. Giọng điệu ngài khôi hài, nhưng ta vẫn thấy bao điều còn xã giao bí ẩn.

Khi còn lại một mình nàng, ta cũng nói cảm ơn Thu Thảo, ta nói tên ta Chánh Thi khi nàng giới thiệu tên mình. Ta thấy có lỗi khi để nàng phải bận tâm suốt cả đêm trường. Nàng bảo là vì tiểu nữ

đây chỉ muốn ngắm người quân tử. Ta bảo, nàng quá khen. Nàng lại đùa, nhưng mà ngắm mãi không chán! Ta thấy vui vui, cứ như chính nàng là liều thuốc chữa cho ta vậy.

Nàng giục ta nằm xuống cho đỡ mệt, ta còn do dự vì thấy chừng như thất lễ, nhưng cánh tay mềm mại của nàng đã đặt ở vai ta, người ta theo cánh tay nàng ngả nhẹ. Nàng khẽ khàng kéo chăn phủ cho ta, lần này mặt giáp mặt, ta ngắm kỹ. Ẩn sau vẻ quyền quý kia là thiếu nữ xinh đẹp, đôi mắt tròn to, đôi môi mọng đỏ, run run, mùi thơm êm dịu toát ra từ bên trong con người nàng khiến ta thảng thốt... Nàng khẽ khàng nâng tay ta đang tìm kiếm bâng quơ, đặt lại dưới chăn, ta nắm lấy nó, nhỏ nhắn, mịn màng, nhịp thở trong ta cũng rộn ràng theo bàn tay nàng đang run rẩy. Cho tới khi lão thày thuốc bưng bát thuốc sánh đen bước vào ta mới kịp tĩnh tâm.

Nàng bảo, Tụ Long có làm chàng ấn tượng không? Ta bảo Tụ Long là mục đích của thày trò ta trong chuyến đi này. Nàng khéo chiên cho ta từng thìa thuốc, ta không cảm thấy đắng nữa.

Khi lão thày thuốc ra khỏi, ta mới nói, để đến được Tụ Long, đoàn của ta đã có năm người bỏ mạng, người ốm, người bị tai nạn thì nhiều, có người gửi được về binh trạm, có người phải gửi lại nhà dân như ta.

Ta thấy mắt nàng đã rớm lệ, nàng nhớ hôm đầu nhìn thấy ta bê bết máu vắt trên lưng ngựa, nàng đã hình dung ra cuộc trường chinh vất vả khôn lường, nay thấy ta nói mất nhiều người thế thì nàng không sao mà tưởng tượng được. Ta nói chính ta cũng không sao mà tưởng tượng được. Nàng bảo, chàng học cao biết rộng mà không hình dung nổi, thì sao em lại có thể nghĩ ra. Ta bảo, làm sao nàng biết ta học cao, biết rộng? Nàng bảo nhìn vượng khí ở mặt ta là cảm nhận thấy. Nàng kể, hôm đưa ta về đây cha nàng đã mời đến năm thày thuốc quanh vùng, nhưng ai cũng lắc đầu, cuối cùng cha quyết phải tìm bằng được cụ Bâu, ở cách đây đến hàng chục dặm. Cụ Bâu nghe đồn có nhiều bài thuốc bí truyền, chữa được cả người tưởng đã chết.

Ta cứ thích nắm lấy tay nàng mà hầu chuyện mãi.

*

Thêm ba ngày nữa nằm liệt giường, nghĩ miên nam, nhớ đoàn sứ bộ, nhớ người thày giáo già tận tụy tranh biện ngày đêm, giành giật với Vân Nam từng mét đất. Đến khi tỉnh hẳn, ta được tháo băng, vết thương lành lặn. Ta bảo cụ Bâu, ai ngờ nơi sơn cùng thủy tận này lại có thần dược, ơn này ta không quên được đâu. Lão vui mừng khoe:

- Kể từ nay tôi chính thức được ở lại đây làm bạn với thương gia. Công này, cũng có phần của công tử đấy, cũng là vì tôi đã chữa được cho công tử đấy.

Ngày đêm ta hăm hở họa lại miền đất Tụ Long, thậm chí qua nàng ta còn ghi được cả giá thu mua khoáng vật. Công việc tạo nên thói quen, gặp gì ta cũng thích ghi lại.

Hôm ấy, ta được thương gia Trần Lấp mời cơm, ta biết đây là bữa cơm trọng đại, bởi lẽ, theo lão Bâu, việc gì ta nói với nàng đều đến tai thương gia, cha con họ như bóng với hình. Bữa cơm hôm ấy chỉ có hai cha con nàng tiếp thì ta lại càng tin đó là việc trọng đại. Nhìn vẻ mặt hứng khởi nhiệt thành của thương gia ta thấy yên tâm, nhưng đôi mắt sâu thẳm chứa chất nhiều điều thì ta thấy ngại. Câu chuyện dần dần đến chỗ trọng tâm khi ngài hỏi ta có lý lẽ gì mà Đại Việt đòi được vùng đất Tụ Long này?

- Thưa ngài thương gia, Tụ Long, theo tôi hiểu, từ cái tên miền của nó đã là tên của Đại Việt. Ngài thử hình dung xem, Thăng Long là con rồng bay lên, còn Tụ Long đây là nơi rồng thiêng quần tụ.

Thương gia gật đầu tỏ chút hài lòng, rồi lại hỏi, việc trả lại đất cho Đại Việt, tưởng đã xong, làm sao mà còn nan giải vậy? Ta thấy ngờ ngợ, ngài hỏi ta nhiều vậy là lẽ gì? Hóa ra trước mặt ta không đơn thuần là một thương gia chỉ biết cân đong khoáng sản. Lại nghĩ, vì ngài đã có công chữa chạy cho ta nên cũng muốn ngài tường sự thật. Ta nói:

- Có lẽ ngài đây còn nhớ, từ khi vùng đất ba động là Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Yên bị tên Vũ Công Tuấn nước tôi làm phản dâng cho Vân Nam, tổng cộng 120 dặm. Nhà Lê đã nhiều lần đưa thư sang đòi lại, nhưng Thổ ty Vân Nam không chịu trả. Đành phải tính đường đến tận Yên Kinh.

- Tôi có nghe chuyện này, thương gia nói.

Câu chuyện xem ra có phần ăn nhập rồi đây. Ta tiếp:

- Năm 1690, sứ bộ nước tôi là Nguyễn Danh Nho sau đấy Nguyễn Đăng Đạo đem quốc thư sang nhà Thanh xin trả lại đất ba động, nhưng quan triều quý quốc là Vương Văn Khế, soát xét đất Vân Nam, vẫn khẳng định với Thiên triều đất ấy là của Đại Thanh - Ta vừa nói vừa quan sát, thấy thương gia trầm tư, đôi mắt lim dim, ra chiều nghĩ ngợi - Ngài thử hình dung xem, đường đi vạn dặm, vậy mà năm nào sứ bộ nước tôi cũng rong ruổi trên đường đến Yên Kinh, đoàn này về

đoàn khác sang, đường trường không mỏi, chỉ vì cái tấc đất giang sơn không để mất. Đến thời vua Ung Chính nối ngôi Khang Hy, ngoại giao đòi lại đất vẫn thế, vẫn giằng co, nhưng lẽ phải đã dần tỏ rạng.

Ngài thương gia mở to mắt nhìn ta, rồi dường như muốn giấu đi nỗi bối rối, ngài bảo con gái chiên rượu. Ta nói:

- Khi lý lẽ đã thuộc Đại Việt rồi thì ngài Cao Kỳ Trác, Tổng đốc Vân Nam lại tâu với Thiên triều là cương giới An Nam có chỗ xâm lấn vào biên cảnh cũ của nội địa, vì vậy lại phải tra xét cho rõ ràng. Đó cũng là cách để phía họ có thời gian, tìm ra mưu lược khác. Ta nhấp rượu từ tay nàng chiên rồi nói tiếp - Khi ấy Đại Việt tôi lại cử Hồ Phi Tích và Vũ Công Tể cùng với quan phái nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn đi thực địa kiểm tra. Có chứng cứ rõ ràng từ thực địa thì nhà Thanh không còn lý do từ chối. Sang năm 1726, vua Ung Chính chấp nhận trả lại cho Đại Việt 80 dặm trong số 120 dặm chiếm ở hai châu Vị Xuyên và Thuỷ Vĩ, còn còn 40 dặm chỗ có xưởng đồng Tụ Long này cho đến tận hôm nay vẫn thuộc đất Vân Nam.

- Là đất này đây, thưa công tử?

- Đúng vậy - Ta khẳng định, giọng điệu ta sục sôi, giống như thày ta ở nơi hội khám - Ngạc Nhĩ Thái, Tổng đốc mới của Vân Nam, lấy lý lẽ xằng bậy tâu với Thiên triều, nước An Nam còn chiếm đất của phủ Khai Hóa?

- Lại thế nữa kia?

- Chưa hết, bên tôi cho chạy thư kháng nghị đến địa đầu biên giới Tuyên Quang, gặp thổ mục giữ quan ải là Hoàng Văn Phác, Văn Phác không chịu tiếp nhận tờ thư, có nghĩa là không cùng bên tôi đi điều tra khám xét tiếp.

- Làm sao mà ra mặt vậy được?

- Căng thẳng như dây đàn sắp đứt - Ta giận dữ nói - Đã thế Tổng đốc Nhĩ Thái lại bày mưu khác, bảo rằng An Nam đang động binh, đem việc này tâu về Thiên triều và xin điều động binh mã ba tỉnh để phòng bị biên giới. Lúc ấy trong kinh, ngoài trấn Thăng Long không khí hoang mang, cứ như sắp có nạn binh đao.

Thấy ngài thương gia nhổm hẳn người, chừng như muốn tranh biện, nhưng ta khoát tay:

- Làm gì có chuyện động binh, khi mà chính nước tôi đang còn chia cắt, Đàng ngoài là chúa Trịnh, Đàng trong là chúa Nguyễn phân tranh. Thiên triều thấy việc bất ngờ, đâm hoài nghi, chưa vội chấp nhận thỉnh cầu điều binh mã cho Thống đốc Vân Nam, mà sai triều thần là Hàng Dịch Lộc và Nhậm Lan Chi đi thẳng sang Đại Việt hiển dụ chiếu chỉ, nhân đấy xem xét động tĩnh, thì thấy chúng tôi đâu có ý định gây hấn gì. Lúc ấy, quốc thư của Đại Việt cũng vừa kịp tới Yên Kinh, lời thư đã cố nhún nhường. Ung Chính xem quốc thư, rất hài lòng, lập tức cho viết sắc văn khác, trả nốt đất xưởng đồng 40 dặm, lấy lại biên giới là sông Đỗ Chú: *"40 dặm đất ấy nếu thuộc vào Vân Nam thì là nội địa của trẫm, nếu thuộc về An Nam thì vẫn là ngoại phiên của trẫm"*. Tuy giọng điệu còn cao ngạo, nhưng Ung Chính đã phải chấp nhận trả lại Đại Việt vùng đất Tụ Long này.

Đến đây ta thấy đã bình tâm nên tỏ lời phân giải:

- Thưa ngài thương gia Trần Lấp và tiểu thư Thu Thủy, ngài thứ lỗi cho, sở dĩ tôi nói dài dòng vậy cũng là để ngài tường tận có đầu, có đuôi câu chuyện.

- Không có gì - Thương gia xua tay nói - Cảm ơn công tử đã kể cho tôi một chương sử dài lịch sử.

Ta nói, xem ra ngài có biết sự việc? Thương gia nói có biết nhưng là quan điểm từ Vân Nam. Vẻ mặt ngài suy tư, trán hơi cau lại, do dự một lúc lâu ngài lại hỏi:

- Tôi nghe tin hai bên đã hội khám xong ở Mộc Chảy, đã định xong biên ải, vậy thì các ngài còn cất công đi tiếp đến vùng lam chướng này làm gì?

Câu hỏi có chút sỗ sàng, ta thấy tím tái, nhưng vì chuyện ngoại giao mà cố kiềm chế lại. Ta nói, hội khám chưa xong, bởi vì thày ta và người cộng sự là Tả thị lang Nguyễn Công Thuận còn nghi vấn về dòng sông biên Đỗ Chú, nói thẳng ra, thày ta nghi ngờ Vân Nam cố giữ lại khu mỏ đồng quí này.

Khi kể cho thương gia ý đó, ta thấy ngài ra chiều ngẫm ngợi. Ta còn nói thêm, cuộc hội khám diễn ra gay gắt lắm, cuối cùng đoàn bồi thẩm Vân Nam vẫn khẳng định sông Đỗ Chú họ chỉ cho ta là đúng, họ thách ta tìm ra sông Đỗ Chú nào khác trên đất Vân Nam!

Thấy thương gia không đưa ra lý sự nào, lại hỏi ta có ý định đi theo đoàn sứ bộ? Ta bảo, thân xác ta được ngài cứa chữa, ơn này ta không quên, nhưng lòng ta thì luôn ở bên thày, nếu không

được sống chết cùng thày thì ta đâu còn là người quân tử.

*

Một hôm nàng dẫn ta cưỡi ngựa đi thăm toàn cảnh vùng đất Tụ Long. Tầm mắt ta mở rộng. Tụ Long núi non nhấp nhô như rồng lượn, rừng hoang sơ bạt ngàn, những cây tùng xù xì có đến ngàn năm tuổi. Chúng ta lãng mạn đứng trên núi cao ở nơi bồng bềnh mây phủ mà ngắm sơn thủy hữu tình. Lời đồn nơi đây là mỏ đồng lớn nhất nước ta quả cũng không ngoa. Ta thấy người khai mỏ ở đây có đến hàng ngàn, hàng vạn, cứ từng tốp, từng tốp, trông xa nhỏ xíu như lũ kiến, họ chui vào chui ra từ những cái lỗ chi chít dưới chân núi, tha ra từng thúng, từng bao tải đồng nguyên khai đổ thành đống cao như đống rạ, đỏ quạch một góc trời. Trên đường đi ta gặp từng tốp thợ lam lũ, lầm lì, đầu chít khăn có vành sắt gắn nến phía trước, vai vác búa, đục, đi về phía có những hang sâu.

Trở về khu dinh thự thương gia, nàng chỉ cho ta từ ngôi nhà chính to như ngôi đình làng vùng xuôi, bên phải là các tòa của các bà vợ thương gia Trần Lấp, từ nhà vợ cả đến vợ tư, nhà nào cũng phô kiểu cách lạ, đài các. Giữa sân bày cả một tảng đồng nguyên chất, ban đầu ta lại tưởng hòn non bộ, bởi nó đã được phủ một lớp rêu xanh do phong sương lâu ngày. Theo nàng kể, ở Tụ Long phần đa là đồng nguyên chất, có nhiều tảng to lắm, khách buôn chở đi không nổi phải xẻ đôi, xẻ ba. Ta được biết nàng có nhiều anh chị, người thì buôn chuyến đến tận Vân Nam, người thì thu gom từ mỏ nhỏ, rồi qua tay các thương gia phân phối đi khắp miền. Bà tư chỉ sinh được một mình nàng, nàng lại được cha cưng chiều cho cai quản phần tài chính.

Nàng mời ta thăm gian chính của thương gia, thấy toàn gỗ quí, cột nhà bằng gỗ lim, ôm một vòng tay không xuể, Ta để ý tới bức hoanh phi: *Tưởng nhớ ơn xưa* và bức *Giữ mãi ơn phúc*, rồi hỏi nàng ai đang là ân nhân của nhà ta? Nàng ngơ ngác nhìn ta, sao chàng hỏi vậy?Ta lại đọc to cùng nàng câu đối: *Cây sinh ngàn nhánh do từ gốc*, vế bên kia: *Nước chảy muôn nơi bởi có nguồn.* Ta khen đối chuẩn, và nói, cha nàng là một nhà nho, nhưng gốc chính ông ở nơi nào? Nàng lại lơ ngơ, có lẽ điều này nàng chưa bao giờ để tâm. Ta bảo, nàng sinh ra ở đất này, nhìn cách bài trí kia ta nghĩ có lẽ đến cả cha nàng cũng sinh ra ở đất này, nhưng nội dung bức hoành phi, câu đối lại thấy đậm chất Việt?

- Những điều chàng nói làm em lại nghĩ về cha, quả thực nhiều lúc em thấy cha tư lự, không lẽ là chuyện kinh doanh, không lẽ là mấy người Vân Nam bắt chẹt. Từ hồi em năm phần tài chính, các quan trấn qua lại thăm nom, việc khó khăn giảm bớt, nhưng cha vẫn buồn, nỗi buồn sâu thẳm. Cha con em không giấu nhau điều gì, nhưng nỗi buồn này cha giấu em chăng?

Nàng khen ta có kiến văn sâu rộng, lại không quản khó khăn, ham hiểu biết, thật đáng nam nhi. Ta bảo, ta là nho sinh ở đất Thăng Long được đích thân Tế tửu Quốc Tử Giám Nguyễn Công Thái chọn hầu ngài trong việc đi "hội khám" với nhà Thanh đòi đất. Công việc chính của ta là ghi chép lại. Việc này không những chỉ có ta cảm kích, mà cả gia đình, họ tộc ta lấy làm vinh hạnh. Hôm tiễn ta lên đường, cả họ nhà ta cờ giong trống mở, lòng ta nao nao, ta tự hứa với lòng mình quyết phụng mệnh đến cùng vì quốc gia đại sự.

Nàng hỏi ta vì sao mà ta được chọn đi theo đoàn sứ bộ? Ta đành kể cho nàng sự thật này. Năm kia, bấy giờ, giữa triều đình nhà Lê và Đại Thanh đang quyết liệt về vấn đề đất Tụ Long, vì vùng này có mỏ quý nên Vân Nam tìm trăm phương nghìn kế giữ lại. Trong khoa thi Hoàng tử năm ấy, chúa Trịnh Cương đã trực tiếp ra bài thi cho Quốc Tử Giám, ngài bắt nho sinh phải thảo một bức thư trả lời Thống đốc Vân Nam, trình bày các lý lẽ rằng: *"Đất Tụ Long nguồn gốc thuộc bờ cõi Đại Việt, mãi mãi thuộc về Đại Việt,..."*. Lý lẽ bài văn của ta được Hội đồng trình đến tận tay thày Nguyễn Công Thái, phụ trách Quốc Tử Giám, được thày khen.

- Đến giờ em mới hiểu vì sao cha em quý chàng, cha không ngăn cản khi em thích chàng, thậm chí cha biết cả những đêm em ở cạnh giường chàng đến sáng.

Ra trước ban công nhà lớn, nàng ngước đôi mắt đẹp âu yếm nhìn ta rồi hỏi:

- Công tử có đến thăm nơi ở của em không? Ta gật đầu ưng thuận. Khuê phòng nhỏ nhắn xinh đẹp, bài trí gọn gàng, ngăn nắp, không thấy có vẻ phô bày của kẻ giàu sang, mà ngược lại có phần giản dị, một vài đồ sứ mỹ nghệ Giang Tây, cái lư hương nhỏ xíu, chiếc hộp gỗ đựng đồ trang sức xinh xinh... ta thầm khen thẩm mỹ của nàng.

- Chàng!

Ta quay lại, thấy mắt nàng đờ đẫn:

- Công tử biết không, chàng là người đầu tiên bước qua ngưỡng cửa này.

Ta thấy run run, một cái gì đó hình như đang chờ đợi.

- Chàng cũng là người đầu tiên nắm trọn bàn tay em.

Ta nhớ bàn tay nàng trong chăn hôm ấy, ấm áp lạ lùng.

- Chàng ưa em những đã biết gì về em?

Môi ta run run, hình như ta nói thành lời, ta có biết!

- Em chưa một chút vấn vương ai như chàng đâu.

Ta nói, nàng ơi, ta đã tin là vậy.

- Điều chàng nghi ngờ trong bức hoành phi câu đối kia là thật, em không phải người Hoa, cha con em cũng là con dân nước Việt.

Ta ngỡ ngàng, cho dù dọc đường đi ta đã gặp không ít dân nước Việt, (vì đây là vùng vốn của người Việt ta) họ nói cả tiếng Việt lẫn tiếng Vân Nam nên khó đoán, nhưng với thương gia giàu có như Trần Lấp thì ta khó tin! Ta ngắm kỹ lại nàng, vẻ bối rối khiến đôi má nàng ửng đỏ, ta nhìn xoáy sâu vào đôi mắt kia, nó đã dại đờ. Và. Thật bất ngờ, chiếc áo nhiễu xanh phủ ngoài bỗng tụt xuống. Khi ấy... ở giữa căn phòng ấy, nàng cứ buông dần, từ ngoài vào trong, từng thứ một, tròn trịa, trắng ngần, ta cứ ngây ra. Khi cái yếm đào cuối cùng định buông rơi thì cổ ta khát cháy...

- Nàng ơi! Ta sụp xuống - Không... là không phải lúc này, ta là người quân tử!

*

Vì thế hôm sau ta phải kể tiếp với nàng về câu chuyện đi tìm dòng sông Đỗ Chú:

Ta nhớ đêm ấy, khi tỉnh giấc, thấy thày ta vẫn đi đi lại lại trong cái lán trại nhỏ nhoi, chắc cả đêm thày không ngủ, ánh lửa từ đống than hồng hắt lên vẻ mặt thầy đau đáu. Từ đấy ta cũng không sao ngủ được nữa. Thày bảo, con có thấy dòng sông Đỗ Chú họ chỉ cho ta còn nhiều nghi vấn không? Ta ngạc nhiên bởi trong cuộc "hội khám" ban chiều, hai bên đã tay bắt mặt mừng, ra vẻ đồng thuận. Thày ta bảo, không, thày không tin, đất tổ tiên phải vào sâu nữa, lập xong đường biên mà không có Tụ Long thì chẳng có nghĩa lý gì. Phải tìm ra đất Tụ Long, mạn Bắc Tụ Long mới là sông Đỗ Chú. Lúc ấy ta mường tượng, phía trước là mênh mông, núi cao, rừng rậm, phương tiện đi lại chỉ có đôi chân. Thày thân mỏng, vai gầy, sức đâu mà đi!

Thày Công Thái bảo ta phải qua lán Tả thị lang mời ngài sang để bàn lại. Con phải chịu khó giúp thày, đây là việc hệ trọng quốc gia phải bàn kỹ. Ta mở cửa lán, luồng gió lạnh thốc vào, những sợi tuyết thi nhau táp vào mặt, thày lấy chiếc chăn đưa cho ta bảo, con cứ khoác thêm vào người.

Ta không muốn kể cho nàng cả quãng đường đi, bởi nàng là nữ nhi, bởi trên đường đi cũng có nhiều chuyện lạ. Nhưng vì chuyện hôm qua, ta đành nói lại. Đêm ấy trời tối đen, ta cố đi sát vào các lán sĩ quan, để phòng có chuyện thì được ứng cứu kịp thời, cũng là để nhờ ánh lửa sưởi ở các lán mà nhận biết đường đi. Càng về đêm, không gian càng tĩnh lặng, nhưng thỉnh thoảng, đâu đó có tiếng khúc khích, nỉ non, ta nghe cả tiếng nữ nhi cười bả lả. Tính tò mò, ta ghé mắt nhìn qua khe lán. Trời đất! Cứ trắng phớ! Bọn chúng chẳng cần ý tứ, chẳng sợ rét, cứ bên đống củi cháy đùng đùng mà ôm ấp mân mê. Trên đường đi, mỗi khi có tiếng rú lên, ta lại nghĩ ngay, đồ lính tráng đang tầm bậy! Vì thế khi quay về, ta phải tính đi lối khác, nhất định không để võ quan biết chuyện.

Ta đến lán của Tả thị lang, ngài đang ngồi thiền bên đống lửa, khuôn mặt võ quan đau đáu, hóa ra cũng như thày ta, ngài không ngủ. Khi nghe ta cất lời, mặt ngài rạng hẳn.

Đêm đó hai ngài bàn công chuyện với nhau đến sáng, ta ghi đầy đủ trong quyển lộ trình. Hóa ra cả hai đều nhận định, dòng sông định cắm mốc phía họ chỉ cho ta nhất định không phải là dòng sông biên Đỗ Chú!

Sáng hôm sau, trước khi vào hội khám, thày hỏi ta, đêm qua đi qua các lán con thấy anh em mình ngủ tốt không? Ta lúng túng đỏ bừng mặt, thày nghi vấn hỏi dồn, ta đành thú thật. Thày thở phào như đã tìm ra giải đáp, thày nói, ngày thì tiệc đón linh đình, đêm về thì gái gú, thế thì con suối này không phải là sông Đỗ Chú đâu.

Ta kể ra để mong nàng hiểu cho cái chuyện hôm qua. Nàng nghe xong thì trầm tư, tay vân vê món tóc, một lúc lâu mới ngước nhìn ta, tâm sự:

- Em cũng kể cho cha về chuyện ở phòng em hôm trước, mặt cha thất thần, cha nói, họ có việc lớn phải làm con ạ.

Ta không còn tin ở tai mình, sao chuyện riêng như thế mà nàng còn kể lại, có phải cha con nàng định thử ta chăng?

*

Ngày lên đường đã định, thương gia hứa cho một chuyến xe và chở ta đúng đến nơi đang hội

khám. Làm sao mà ngài biết được nơi hội khám thì ta không nghĩ ra.

Tối ấy nàng tiễn ta về đến cửa phòng, rồi tặng ta một kỷ vật nhỏ: "Em biết, không thể giữ nổi chân chàng, nhưng có kỷ vật này nhất định công tử nhớ đường mà quay lại". Ta lại tiễn nàng trở lại, cứ thế mà tiễn nhau, tuyết bám đầy cả áo. Câu chuyện của nàng hôm ấy khiến ta xúc động. Nàng bảo từ hôm ta kể câu chuyện tranh biện vùng biên, cha nàng có phần tư lự nhiều hơn, có lúc thẫn thờ cả tiếng. Thấy vậy nàng đành bảo, cha ơi, có điều gì cha còn giấu con sao? Cha không ngoái lại, người vẫn trầm tư, nàng qùy xuống bên cha khẩn cầu, con không được làm người quân tử như chàng, nhưng sẵn sàng vì cha mà không màng mạng sống. Cha bảo nàng đứng dậy đi theo cha. Cha dẫn nàng vào phòng riêng, ở tận trong buồng nơi cha ngủ, có một cái tủ lớn, cha mở tủ, lấy ra một cái hòm con, trong cái hòm con, lật mấy thứ giấy tờ văn tự thì thấy một cái hộp con nữa. Cha đưa cho nàng và nói: "Con ơi, giàu có làm chi khi cả đời ta phải găm lại thứ này".

Ta giật mình:

- Nàng đang tặng ta kỷ vật của cha nàng?

- Chàng nhanh trí hơn em tưởng.

Từ đấy tim ta nện thình thịch, không còn nghĩ được gì hơn ngoài cái kỷ vật đang ở sâu trong áo ngực.

Khi còn lại một mình ở trong phòng, ta tò mò muốn xem kỷ vật nàng đã tặng. Ta cẩn thận lột từng nếp vải mỏng, thì ra chỉ là một tờ giấy, tờ giấy màu sậm, lại giở nó ra, bỗng ta run bắn người. Đó là bản đồ Tụ Long, bản đồ gốc, nhìn niên đại ta biết nó có từ khi Vũ Công Tuấn dâng đất cho Vân Nam. Ta hăm hở lần tìm, dòng sông có tên là Đỗ Chú ở ngay trước mặt. Tim ta nện thình thịch, ta ngồi nín lặng hồi lâu rồi lại gấp nó lại như cũ, cất sâu vào trong áo ngực. Trời ơi, nếu có nó từ đầu, đã đỡ tốn bao nhiêu là xương máu. Ta biết, làm việc lộ cơ mật này, nàng đã quá liều, không nói là quá ư mạo hiểm. Ta thẫn thờ cả người, báu vật là đây, nhưng cha con nàng thì làm sao mà tránh nổi hậu họa. Ta day dứt lương tâm, không muốn để nàng phải chịu đựng một mình, nếu việc này lộ cơ. Ta quyết định trải chiếc bản đồ trên bàn chép lại. việc đó với ta không khó, gần sáng thì chép xong.

*

Hôm sau ta được chính bố con nàng đưa tiễn, thương gia nhìn ta đăm đăm, cứ như muốn moi móc ruột gan ta ra vậy, rồi lại nhìn con gái, ta hiểu ý ngài và đã nói ra điều cốt tử:

- Thưa ngài thương gia, thày tôi không quản phơi thây vì nghĩa lớn, vì vậy tôi phải đến với thày tôi để tìm ra dòng sông Đỗ Chú. Còn việc riêng, tôi đã trải lòng, nhất định phải quay lại nơi này để cùng ngài và tiểu thư đoàn viên.

Ta bước lên chiếc xe ngựa kéo ngoái lại nhìn cha con nàng hứa một ngày trở lại. Cảm ơn nàng, đã cho ta thấy cả tấm lòng trọn vẹn, cả niềm tin và cả cái phì nhiêu diệu kỳ của tạo hóa. Ta thề quay lại tìm nàng với lời ước hẹn sắt son. Ngồi trên xe ngựa cùng với người thày thuốc già lòng thấy nao nao. Chúng ta nói về vùng đất biên cương lam chướng mà giàu có đến khó tin này. Thỉnh thoảng ta lại nói về thương gia tốt bụng, ngài đã chỉ cho ta biết đường đi, lại cho xe ngựa kéo. Trên quãng đường gập ghềnh sỏi đá, rợp tán cây rừng, thỉnh thoảng lại lộ ra một cái mỏ nhỏ, một xưởng nấu quặng, tinh lọc thành đồng, thành bạc. Tốp thợ mặc áo nhồi bông, cần mẫn, thấy ta vẫy tay chào, mặt họ cứ lơ ngơ, các ngươi đâu biết rằng, ngày mai, nơi đây đã trở về với con dân nước Việt.

Đưa ta đến đúng bờ nam sông Đỗ Chú, khi đã nhìn thấy lá cờ Đại Việt trên đỉnh đồi, xe ngựa dừng lại. Ta đưa cho người thày thuốc một chiếc phong bao, dặn rằng, cụ hãy vì ta, vì nàng, phong thư này chỉ được đến tay một mình nàng, nhất định không để một người thứ hai biết chuyện. Đó chính là tấm bản đồ Tụ Long gốc ta muốn hoàn lại cho nàng, bởi lẽ ta không muốn mất nàng khi quay lại đất Tụ Long.

*

Thày Công Thái thấy ta trở về thì mừng khôn tả, lại thấy ta đưa ra tấm bản đồ Tụ Long với đầy đủ núi non sông ngòi thì thày kinh ngạc. Ta nói, đây là tấm lòng Thu Thảo, mà con chỉ là người chép lại. Thày hỏi nhiều điều, ta kể không sót, riêng chuyện với Thu Thảo ở phòng nàng hôm ấy thì ta giữ lại, nhưng chắc cũng không qua nổi mắt thày. Thày nói, khi trở về, nhất định phải rẽ qua Triều Cảng, để thày cảm ơn thương gia, cảm ơn cô nương, thày nhắc khéo ta, người quân tử thì không được phản bội lời hứa đâu con ạ. Lòng ta hân hoan!

Cuộc hội khám ngày hôm sau diễn ra suôn sẻ ngay trên bờ sông Đỗ Chú thật sau cả một chuỗi

ngày quyết liệt giằng co. Ta còn nhớ thày ta run run nâng tấm bản đồ trên hai bàn tay mà trịnh trong tuyên bố rằng, thưa các ngài, các ngài khỏi lo, đây là chứng cớ sẽ được khấu kiến đến Thiên triều. Họ nhìn nhau lơ ngơ!

Tình thế khiến người bồi thẩm đưa ra một tấm bản đồ Tụ Long mà họ Vũ đã dâng cho Thống đốc Vân Nam, trải cả hai lên bàn. Họ chụm vào nhau soát xét, khi thấy bản đồ ấy và bản đồ ta chép không sai nhau nét nào, ngài Tri phủ Khai Hóa cầm chén nước trên tay bỗng rơi xuống đất vỡ tan.

Thế rồi hai bên thống nhất dựng bia đá hai bên bờ sông Đỗ Chú. Bia phía bờ Bắc do Ngô Sĩ Côn, giữ chức Tri phủ Khai Hoá và Vương Vô Đảng giữ chức Du kích trung doanh trấn Khai Hoá dựng. Văn bia dẫn giải thêm:

"Khai Dương ở xa tận góc trời, tiếp giáp với đất Giao Chỉ. Tra trong sách vở ghi chép lại, thì giới mốc chỗ đất này phải ở vào sông Đỗ Chú cách phủ trị Khai Hoá 240 dặm về phía Nam".

Bia của bờ Nam ghi rằng:

"Lấy mốc sông Đỗ Chú làm căn cứ, ngày 18 tháng Chín năm Ung Chính thứ 6 (1728) chúng ta là: Nguyễn Huy Nhuận, Tả thị lang Bộ binh và Nguyễn Công Thái, Tế tửu Quốc Tử Giám, được triều đình ủy sai, vâng theo chỉ dụ, lập bia đá này".

Ta thấy mắt mình rưng rưng, thày ôm ta vào lòng: "Thế là thày có thể thảnh thơi nhắm mắt được rồi con ạ!"

*

Đúng như lời hứa, hôm đoàn quân chiến thắng trở về, thày trò ta rẽ qua làng Triều Cảng, nơi có tư dinh thương gia. Ta hồi hộp đến ngộp thở, nhưng đến nơi, chỉ thấy trống không, chỉ còn mỗi lão thày thuốc già, người quắt queo, cụ nhìn ta sắc mặt thẫn thờ:

- Đi hết rồi, tiểu thư khóc mãi, nhờ lão ở lại nói lời vĩnh biệt cùng công tử!

Người ta như ngây như dại, đứng như trời trồng, miếng vải gói tấm bản đồ Tụ Long mà nàng đã tặng ta ở trong túi ngực như bốc cháy. Đến khi thày vỗ vai giục đi, ta mới sực tỉnh. Chúng ta lặng lẽ đi bên nhau một đoạn đường khá xa thày mới nói: "Thương gia Trần Lấp là người họ Vũ, vì hổ thẹn nên chuyển sang họ Trần đấy thôi. Các đời họ Vũ đều được gọi là *chúa Bầu*, cai quản mấy châu vùng biên. Bắt đầu từ Vũ Văn Uyên, tới em Uyên là Vũ Văn Mật, con Mật là Vũ Công Kỷ, con Kỷ là Vũ Đức Cung, con Cung là Vũ Công Đức, con Đức là Vũ Công Tuấn, tất cả được sáu đời, đến đời thứ sáu thì dâng đất cho Vân Nam để làm phản". Ta nghĩ sao mà thày nhớ dai đến thế, nhưng lịch sử vốn dĩ công bằng. Đi một đoạn nữa thày nói tiếp: "Nhưng con cháu họ biết hổ thẹn với tiền nhân cũng là phải đạo".

Ta ngửa mặt lên trời mà đựng dòng nước mắt.

Đại Thanh bao la, nàng ở nơi nào? Ta cứ ao ước có một ngày đi khắp cùng trời cuối đất để tìm gặp được nàng, dù một khắc, một giây thôi cũng được.

BẢY NGÀY MỞ HỘI

Đầu xuân Tân Hợi (1251), vua Trần Thái Tông tự viết bài minh để dạy cho các hoàng tử về điều hay lẽ phải ở đời. Vua ban rằng:

"Ta ngày đêm suy ngẫm, viết ra ngàn chữ mà chưa nói hết lòng, nghĩ đến chữ hiếu, chữ trung thấy còn hạn, phàm làm đấng quân vương, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, tâm thiên hạ là tâm của mình. Nghe bọn sứ thần kể rằng, ở tận vùng Hoa Bắc có nạn người Mông, chiếm thổ từ Đông sang Tây, ta chạnh nghĩ, rồi đây nhỡ Đại Việt lâm nạn, liệu có còn những danh tướng như Lý Thường Kiệt thuở nào, các hoàng tử đã nghĩ tới vận hạn này chưa?"

Các hoàng tử tâm sự đêm ngày, mộng ước làm người chính danh.

Chọn ngày lành, vua gả công chúa Thiên Thành cho Trung Thành Vương, chàng phò mã tương lai được Thái sư Trần Thủ Độ chọn dâng nằm trong số ba mươi người, đều là con các thân vương trong hoàng tộc. Chàng mỏng người, mặt sáng, kiến văn sâu rộng, khí chất tinh thông.

Vua ban mở hội suốt bảy ngày đêm, bày nhiều đồ vật quý báu về lễ kết tóc và nhiều trò chơi cho người trong triều, ngoài nội đến xem. Trước ngày cưới nhà vua ban cho công chúa sang ở nhà Nhân Đạo Vương, bố của Trung Thành Vương.

Vì sự kiện này mà quan chép sử Trần Phu, trầm ngâm, quệt bút tới ba lần rồi đành viết: Thái Tông nghe Thủ Độ xếp đặt đã rồi, nhưng lại làm chẳng đúng tôn ti, chưa cưới bệ hạ đã cho công

chúa về nhà bố chồng, thì lệ xưa nay đâu có vậy?

*

Ngày đầu tiên trong tuần mở hội, là lễ rước công chúa về nhà bố chồng tương lai Nhân Đạo Vương. Công chúa thường ngày mặt sáng như trăng rằm, môi mọng như trái chín, dáng vóc thanh tao, bước đi nhẹ nhàng, vậy mà hôm nay mặt hoa ủ dột, chẳng nói chẳng rằng, mắt như ngân ngấn lệ. Công chúa không ngự trên kiệu mà đi xe loan, rèm buông bốn phía. Đôi ngựa trắng kéo xe phủ vải nhiễu điều hồng. Bọn nữ tì bưng tráp, quan thái giám ô lọng theo chân, hàng tùy tùng chỉnh tề mũ áo đứng hai bên cửa Tử Cấm Thành đưa tiễn. Những con chim cu sà xuống lối đi, nhởn nhơ tìm bạn, khi xe loan từ từ tiến ra cổng, đàn chim bay liệng thành vòng, dân hai bên đường cúi rạp đầu chào rồi tung hô lời chúc phúc. Bỗng dưng, ai cũng ngỡ ngàng, chẳng hiểu chuyện gì mà công chúa Thiên Thành thò hẳn mái đầu tết dây hoa ra khỏi rèm, nàng ngơ ngác nhìn trước nhìn sau như tìm kiếm ai đó, đến nỗi có đám thị dân bạo dạn còn nhìn rõ cả cái kim trâm bằng vàng cài trên mái tóc đen nhánh của nàng. Sau phút ngỡ ngàng, quan thái giám phục dịch nàng từ thuở nhỏ mới đến cạnh xe: "Thần khấu đầu xin công chúa giữ gìn gia phong, đừng để phiền lòng Hoàng thượng". Nàng tiếc nuối ngó nghiêng tìm kiếm xung quanh một lần nữa, rồi mới chịu buông rèm.

Trống giong cờ mở, đám thảo dân tính chuyện đón đầu, lũ lượt theo nhau về trước cổng dinh Nhân Đạo Vương ở phía cửa Đông kinh thành để chiếm chỗ. Chưa bao giờ lòng người hoan hỉ như vậy, nam áo đen, nữ áo tứ thân sặc sỡ, ai cũng muốn được nhìn thấy mặt ngọc một lần. Bất ngờ, rèm trên xe lại bùng nhùng như muốn bung ra, nhưng quan thái giám túc trực bên cạnh đã kịp thời túm chặt lại.

Xe rẽ vào trong cổng tết đầy hoa thì bất ngờ có một kỵ sĩ phi ngựa tới, người đi xem hội tránh dạt ra hai bên đường, chàng gào lên một tiếng: "Công chúa, ta đây!". Nhưng cái cổng lớn đã khép, con ngựa dậm chân một lúc rồi quay đi. Nhân Đạo Vương được cấp báo có kẻ càn quấy ở cổng, ông giận lắm, ra lệnh cho bọn giai nhân phải đuổi theo bắt về bằng được. Đám lính canh lập tức lên ngựa, theo tay người chỉ đường, đi không xa đã thấy người và ngựa của tên phá quấy thẫn thờ đứng ở bờ sông Cái. Chỉ nhìn phía sau, bọn lính đã biết đó là một chàng trai, chàng trầm tư nhìn dòng sông, mặt nước lững lờ, như vô tình, như bàng quan mọi chuyện. Chàng không quan tâm ai ở phía sau mình, chỉ khi nghe tiếng quát mới quay lại. Khi nhận ra chàng, đám lính canh giật mình, lùi lại khấu đầu. Chàng không nói không rằng, lên ngựa lững thững bỏ đi.

Chàng trai đó là Trần Quốc Tuấn, con nuôi của công chúa Thụy Bà, người đàn bà quyền uy, nổi tiếng bênh con nên cả kinh thành ai cũng e ngại.

Sử quan ghi chép tỉ mỉ về thủ tục đưa đón có một không hai này rồi buông dòng kết đúng như sự thật lịch sử: Ngày chạm ngõ, thiên hạ cùng vui hưởng lạc, nhưng vừa ra tới cổng Hoàng thành, công chúa lại còn mở rèm nghiêng ngó, cứ như triều chính trật tự bất yên, chẳng giữ gìn thể diện.

*

Trần Quốc Tuấn là con trai Yên Sinh Vương (Trần Liễu), nhưng từ nhỏ đã được công chúa Thụy Bà (chị của Trần Cảnh và Trần Liễu) nuôi dưỡng ở trong hoàng tộc. Quốc Tuấn chăm học từ nhỏ, lại có tư chất thông minh, học rộng, biết nhiều, năng khiếu võ nghệ bẩm sinh, thày dạy nào cũng khen sáng dạ.

Sự việc Quốc Tuấn phóng ngựa đến cổng nhà Nhân Đạo Vương đã đồn đến tai bà, vậy mà không những bà không quở trách mà còn lớn tiếng bênh vực. "Cùng là cô cháu trong hoàng tộc, thân tình thế, nay công chúa lấy chồng lẽ nào nó không xốn xang!".

Bà nói không sai, tuy là cô cháu, nhưng từ nhỏ Quốc Tuấn đã sớm mang vẻ hiểu biết, hay dạy bảo cô đủ trò nghịch ngợm. Công chúa Thiên Thành ở trong cấm cung, nhưng hễ có cơ hội lại tót sang nhà bà chị Thụy Bà tìm Quốc Tuấn. Quốc Tuấn hay bày trò, thích mạo hiểm, trèo cây vặt quả, có một lần ở vườn thượng uyển, Quốc Tuấn dạy cô trèo cây bắt ve sầu, cô trèo lên trước, cháu trèo sau, vai cháu đỡ vào mông cô mà đẩy. Công chúa bấu vào cành cây khô, bất ngờ cành gẫy, thế là trượt qua vai cháu rơi xuống, công chúa chưa bao giờ bị đau đến thế, khóc lặng người. Quốc Tuấn sợ quá, bế cô đặt trên võng đào, vừa dỗ vừa đánh vào cái vai mình, tại ta, tại ta, ta thề đánh đến bao giờ cô nín. Trời tối, thấy vắng bóng công chúa, cả nhà tá hỏa đi tìm, ra đến vườn thượng uyển, thấy Thái Tông đứng đó, ngài ra hiệu bảo mọi người lặng yên, nào ngờ trước mặt vua, trên võng đào, hai cô cháu như hai thiên thần đang ôm nhau ngủ. Thái Tông bảo với Thụy Bà rằng, ta trông Quốc Tuấn mới năm tuổi mà đã ra dáng nam nhi, mặt đầy vượng khí.

Ngày thứ hai của lễ hội, Thụy Bà chỉ thấy Quốc Tuấn lầm lì ở trong thư phòng, thương con bà

chỉ muốn nói lời khuyên nhủ, nhưng chàng có ý lánh mặt, đâm lo. Một lần, bà vào thư phòng quan sát, thấy quyển kinh thư để mở trên bàn, lại nghĩ, hẳn con ta đang dùi mài kinh sử đấy thôi!

Ngày hôm nay gia đình phò mã tương lai mới được phép đưa lễ vật chạm ngõ vào cung. Thụy Bà đại diện họ nhà gái, nhận lễ, bảo với Nhân Đạo Vương rằng: "Hôm lễ ăn hỏi, nhà người phải sắm cho đôi nhạn, tương truyền người Tống coi nhạn là đôi uyên ương tượng trưng cho lòng chung thủy, bởi vì chúng sống, chết luôn quấn quýt cùng nhau".

Từ khi có chuyện Quốc Tuấn cưỡi ngựa nghênh ngang, phạm đạo, Nhân Đạo Vương lòng dạ không yên, tự thấy cần cảnh giác. Ông lệnh cho lính canh gươm giáo đầy mình, bố phòng cẩn mật, kẻ nào dám xâm phạm vùng cấm đều được phép tống giam. Ông còn cho điều tiếp gia nô từ nhà riêng con trai Trung Thành Vương sang để tăng cường phòng vệ.

Thụy Bà sợ Quốc Tuấn nhớ cô mà buồn, nên chẳng mang chuyện vui trong cung về kể. Thương con giấu ở trong lòng, nỗi niềm càng chất chứa thì càng bức xúc. Bà hỏi Quốc Tuấn, sao con không đi xem hội, Quốc Tuấn nhìn bà lơ ngơ một lúc lâu rồi mới mở miệng: "Vậy là Thiên Thành đã là vợ người ta rồi sao thân mẫu?". Bà nhẹ nhàng giải thích, là chưa, mới là thủ tục chạm ngõ, ngày mốt mới ăn hỏi, đến ngày hội thứ bảy, nhà trai đón dâu về, lúc ấy cô con mới chính thức thành vợ Trung Thành Vương. Quốc Tuấn vừa đi vừa nhẩm tính, rồi bỗng thốt lên; "Chỉ còn có bốn ngày nữa thôi sao, thân mẫu?".

Cuối ngày thứ hai, sử quan hạ bút: Thái Tông cứ làm điều nghịch lý, không ra tín mà cũng chẳng ra nghĩa, đưa em gái về nhà chồng rồi mới bày trò thủ tục cưới cheo. Thủ Độ có tiếng quán xuyến trong ngoài, không việc gì bỏ qua, vậy mà cũng làm ngơ?

Làm quan chép sử là thế, chẳng ai được phép tận tường, nên thỉnh thoảng ngài lại chua một lời nhận xét, chỉ cốt để răn đời sau.

*

Ngày hội thứ ba, vua ban mở hội đua thuyền lá trên sông Tô, chăng đèn kết hoa trên sông Cái. Kinh thành náo nhiệt, đâu đâu cũng kể chuyện công chúa Thiên Thành. Các nho sinh trong Quốc Tử Giám lấy thi hứng làm thơ, vẻ đẹp của công chúa được tô vẽ khiến chim phải sa xuống, cá phải dừng bơi, cặp uyên ương đẹp như sao sáng trên bầu trời Đại Việt. Vua Thái Tông mừng rỡ nghe hoàng tử đọc thơ, ngài khen là tài, nhưng lại ngẫn người nghĩ ngợi, sao cái bọn nho sĩ kinh thành lại khoa trương đến thế?

Hội thi thuyền lá ở sông Tô bước vào giai đoạn cuối, Quốc Tuấn, được xung vào đội đua, vốn nguồn gốc cha ông xưa là dân chài lưới, chàng chèo khỏe đến nỗi chẳng biết va vào đâu mà gãy cả mái chèo, khiến cho đội nhà đang thắng bỗng thành bại. Chàng thất thểu vác cái bơi chèo gãy phang tứ tung, giận cá chém thớt, lòng rối bời bời, không hiểu vì thất bại cuộc đua hay vì cô đi lấy chồng, có ai hiểu nỗi lòng công tử?

Những ngày này Thụy Bà bận việc, lại được hoàng thượng ủy thác nên bà thường ở suốt bên Cấm Thành, hôm nay cũng vậy, nhưng về đến nhà lại không thấy Quốc Tuấn đâu, vào thư phòng, quyển kinh thư vẫn mở đúng trang ngày hôm trước. Bà lo lắng hỏi bọn gia nhân thì không ai rõ, bà đâm hoảng, bắt gia nô đánh xe ngựa chở đi khắp kinh thành, hết lò đấu vật này lại đến chỗ đấu cờ kia, nơi nào có trò bà đều đến cả. Quốc Tuấn ở đâu? Sao con tránh mặt ta, sao con không nghĩ tới lòng mẹ? Trời tối dần, chiếc xe ngựa tha thẩn ra tới bờ sông Cái, trên bến, dưới thuyền, rực rỡ đèn hoa mà lòng bà sao trống vắng. Bà bắt gia nhân cứ đánh xe đi dọc đê sông Cái, càng đi xa, ánh sáng tối dần, bất ngờ thấy con ngựa của nhà mình đang thả rông gặm cỏ trong đêm, bên cạnh, Quốc Tuấn thẫn thờ như một võ quan thất trận, chàng ngồi như kẻ vô tình, vô tâm, cặp mi xếch nhíu lại như hai lưỡi mác. Thụy Bà đứng ngây người nhìn con xót xa, điều bà muốn gạt ra khỏi đầu, nhưng nó cứ dằn vặt mãi, hay là Quốc Tuấn phải lòng công chúa Thiên Thành. Trời ơi, nếu vậy thì ta biết làm sao đây! Bà đặt nhẹ bàn tay lên vai Quốc Tuấn nói: "Về đi con, trời tối lâu rồi!"

Nhưng trớ trêu thay, điều lớn vởn trong đầu bà lại là có thật.

Thụy Bà nuôi Quốc Tuấn từ khi còn nhỏ, chàng được gửi vào tay Thụy Bà từ khi Trần Liễu về trấn vùng Yên Sinh, nguyện vọng của Trần Liễu muốn con trai được giáo huấn từ trong hoàng tộc, cùng trang lứa, bên Hoàng cung có công chúa Thiên Thành, chúng lớn lên bên nhau, vô tư bên nhau, và người mẹ thì luôn coi con mình lúc nào cũng là trẻ nhỏ. Thời gian trôi mau, Quốc Tuấn thành chàng trai vạm vỡ, Thiên Thành đến thì thiếu nữ xinh tươi, bầu ngực chúm chím to dần,

nàng e thẹn má ửng hồng mỗi khi đôi mắt thẳm sâu của Quốc Tuấn thẫn thờ chọc ghẹo. Thời gian này người ta sang chơi nhà nhau phải tìm cớ, cái cớ của Thiên Thành là để được chàng giảng về giải kinh sách. Bà giật mình nhớ lại, công chúa suốt ngày thích quẩn quanh bên bà, ngay cả những hôm Quốc Tuấn đi Giảng Võ Đường, nàng ngồi lì ở thư phòng chờ chàng cho bằng được, rồi mỗi lần chúng đang ríu rít bên nhau, thấy bà là nói lảng sang chuyện khác. Chừng ấy thôi cũng đủ để bà sang bên Hoàng cung thưa chuyện với Thái sư, lệ của nhà Trần được lấy người trong tộc kia mà, sao bà vô tình, vô tâm đến vậy? Nhưng đó cũng chỉ là hiện tượng bề ngoài, họ đã không còn xưng cô cháu với nhau từ trước đó. Chuyện bắt đầu từ hôm nàng mặc chiếc áo trắng thêu kim tuyến xanh, ngực nở vai bồng, rực rỡ như thiên nga, nàng quay trước quay sau rồi hỏi Quốc Tuấn:

- Công tử thấy áo ta có đẹp không?

Tình ý đã lâu, giờ lại được mớm lời, chàng nói:

- Nàng đẹp cả khi mặc áo của nơi thôn dã.

Công chúa lại bảo:

- Công tử có muốn đến với ta không?

Chàng ngẩn người, quỳ xuống nói thề:

- Thiên Thành ơi, đã lâu rồi, ta muốn cùng nàng đi đến cùng trời, cuối đất.

Họ cứ thế mà nắm tay nhau, lại còn cầm chung ngọn cỏ, kể cho nhau nghe về sự tích cây xấu hổ. Nàng bẽn lẽn nép bên chàng!

Sử quan hồ hởi chép rằng: tiết trời còn lạnh, bầu trời trong xanh, mây sáng báo hiệu điềm lành. Thông gia kết nối thông tỏ, sính lễ đủ đầy, xem ra nhà Trần được nhờ ở cái vận hạn. Hội càng tới càng vui.

*

Ngày thứ tư, cũng là ngày khai trương đấu võ ở Giảng Võ đường. Các võ sinh cởi trần, vấn đai, hùng dũng từ các làng quanh đô náo nức kéo về. Thụy Bà biết, võ đường là nơi Quốc Tuấn đam mê, nhưng vì việc lớn nên bà khuyên Quốc Tuấn nên sang dự lễ ăn hỏi công chúa, Quốc Tuấn vâng lời ngay, bà mừng lắm.

Lễ vật ăn hỏi gồm trâu, lợn, mấy mâm trầu cau, mười lăm tấm lụa, mâm chất thỏi vàng, mâm xếp thỏi bạc, mâm đặt bông vàng, chuỗi ngọc, kim trâm, lại có thêm bảy vò rượu quí. Đôi nhạn, theo yêu cầu của Thụy Bà, đựng trong cái lồng nạm bạc, chúng nhảy tung tăng, làm ai nấy đều vui mắt. Thụy Bà giả bộ tươi cười nhận đồ sính lễ mà lòng cứ héo đi bởi lẽ thoắt cái đã không thấy Quốc Tuấn, lại được biết công chúa ở bên nhà Nhân Đạo Vương mấy hôm đầu nằng nặc đòi về, đến hôm phải về làm lễ ăn hỏi thì nàng đòi ở lại. Thay mặt hoàng tộc, Thụy Bà khuyên Nhân Đạo Vương bình tâm, làm nhiều trò vui cho công chúa vơi đi nỗi nhớ. Bà bảo, chuyện công chúa nhớ người thân nên tính nết nảy sinh là bình thường, bởi chưa bao giờ nàng phải xa nơi cung cấm. Bà bảo, thỉnh thoảng ngươi để Trung Thành Vương tiếp chuyện với nàng, lấy tài năng chữ nghĩa ra mà khuất phục, trai gái tuy chưa tỏ mặt, nhưng mưa dầm thấm lâu.

Trời đã xẩm tối, vậy mà Quốc Tuấn vẫn chưa về, giờ này cũng đã thôi trò thi thố ở võ đường, Thụy Bà lo lắng quáng quàng, bắt gia nhân đánh xe đi ngay lập tức. Tới Giảng Võ Đường, sân tập trống không, Thụy Bà hốt hoảng đi vào trong sân, miệng gọi, chân bước, đi tới, đi lui vẫn chẳng thấy, có người bảo ở tận trong hậu trường vẫn còn người tập đấy. Bà vội đến nơi, hóa ra chỉ còn mình Quốc Tuấn, bên bó đuốc cháy đùng đùng, cả người chàng cũng hồng lên như đuốc. Bà nhìn thấy con mà lòng đau xé ruột, chàng vẫn hăng say, nhưng không phải là tập, trời ơi, chàng đang hủy hoại thân mình, chàng đấm, đá vào bao cát, vào cột, đập đầu vào tường, cái gì chàng cũng muốn nó tan ra, chàng hành hạ tấm thân mình cứ như nó là kẻ gây nên tội vậy.

Người đàn bà cứng cỏi có tiếng trong triều ấy nhẫn nại bước đến bên công tử: "Về đi con, trời tối lâu rồi con ạ!"

Đêm ấy, khi chỉ có hai mẹ con, bà đến bên Quốc Tuấn nhẹ nhàng khuyên bảo, mẹ có thể vì con làm tất cả mọi điều, nhưng số trời thì mẹ làm sao tính được! Quốc Tuấn mủi lòng, chàng gục vào lòng mẹ: "Thân mẫu ơi, con có phải là thằng hèn không hả mẹ?". Bà hoảng hồn, sao nó lại thốt ra điều gì lạ lùng vậy? Từ hôm ấy Thụy Bà thấy lo thật sự, cái điều lởn vởn trong đầu bà nay đã thành sự thật, Quốc Tuấn phải lòng Thiên Thành thật rồi, cái gì tiếp đến nữa đây?

Quốc Tuấn hận mình vì không giữ được lời hứa, bởi vì cũng tại vườn Thượng Uyển, họ đã ngầm tỏ lời cầu hôn, nàng đã hỏi chàng:

- Công tử có bảo vệ được ta không?

Quốc Tuấn bảo, công chúa có cả một thế lực, vòng trong vòng ngoài, con kiến chui vào khó lọt, cần gì đến ta bảo vệ? Công chúa giận dỗi mắng yêu:

- Sao công tử nông nổi thế, là ta nói bảo vệ trái tim này, ta chỉ muốn dành trọn cho công tử, chàng có hứa với ta không?

Quốc Tuấn cầm bàn tay nhung lụa của nàng và nói:

- Ta chỉ muốn sống cùng nàng, chết bên nàng, đời này, kiếp này không giữ được nàng thì ta không còn là Quốc Tuấn.

Sử quan ngẫm nghĩ hồi lâu rồi mới nâng bút viết: Xem ra anh chị em Hoàng Thượng có ngầm ý chống Thái sư, ngày vui sính lễ văn hoa thế mà Thiên Thành không chịu về bái tổ, nghịch lý vậy ru!

*

Sang ngày thứ năm rồi mà trong triều Thụy Bà vẫn còn chưa thấy yên tâm, bởi lẽ nhiều việc phải đến tay bà, ngày kia, nhà trai chính thức làm lễ đón dâu. Thụy Bà kỹ tính lại chu đáo nên việc nào cũng thấy bà chỉnh đốn, làm đi rồi sửa lại. Bộ binh phái đủ một trăm lính cầm cờ, nghi trượng ai cầm, vua ban giáo huấn ở đâu. Tuy bận trăm công nghìn việc, nhưng cái gì bà cũng muốn nhìn tận mắt, kiểm tận tay, lại muốn nó qua đi thật nhanh để Quốc Tuấn của bà không phải dằn vặt nữa, nội tâm con người mâu thuẫn là vậy. Từ khi nhận ra Quốc Tuấn nặng lòng với Thiên Thành, Thụy Bà lòng dạ bồn chồn, bà không muốn tin nhưng chứng cứ rõ dần, rõ nhất lộ ra lại là vẻ mặt Quốc Tuấn. Một lần Thủ Độ ngang qua, khen bà chuẩn bị chu đáo rồi ghé tai nói nhỏ: "Quốc Tuấn nó dễ làm liều, chị để mắt đến nó". Bà thót tim, làm sao cái chuyện cỏn con lại đến được tai Thái sư?

Từ đấy bà cứ vấn vương. Ngày trước Trần Liễu làm phản, bị Thủ Độ rút gươm chém không thành, không lẽ đến con trai hắn Thái sư vẫn còn cảnh giác? Từ đấy bà tính chuyện phải canh chừng, phải giữ. Xem hội về, chàng vào ngay thư phòng, nhưng bà biết, quyển Kinh thư vẫn chưa thấy sang trang. Bà mang cốc nước cam để trên bàn, cốt kiếm cớ quan sát, "con uống đi cho đỡ mệt". Chàng nhìn bà trân trân, lần đầu tiên chàng nhìn bà vẻ thách thức như thế, cứ như mẹ con đang xung khắc vậy. Bà càng tận tâm, chu đáo cho đám cưới Thiên Thành, như càng chọc sâu vào nỗi đau của Quốc Tuấn vậy. Lại nhớ hôm công chúa mặt mày ủ dột ra xe loan về nhà Nhân Đạo Vương, nhưng khi bước lên bậc xe, nàng ngoái đầu nhìn lại, ánh mắt trẻ thơ ngơ ngác, như muốn hỏi các người làm gì ta vậy, khi thấy bà, mắt nàng trân trân, như hờn, như trách, như đôi mắt Quốc Tuấn hôm nay vậy. Chả lẽ ta sai?

Thấy Quốc Tuấn lừng lững bỏ ra ngoài, không thưa gửi, bà ngạc nhiên hỏi:

- Quốc Tuấn, con không còn chút phép tắc gia phong sao?

Quốc Tuấn lầm rầm, hậm hực, nhưng rồi quay sang mẹ, chàng nói:

- Thân mẫu ơi con phải làm sao đây?

- Ngươi nói cái gì, quay lại đây, con nói cái gì vậy hả?

Người mẹ hoảng hồn, muốn níu con lại, nhưng chàng đã lầm lũi bỏ ra ngoài.

Sử quan ghi: Thủ Độ mắt như diều hâu, quét đến chỗ nào, quan quân co rúm lại, hôm nay Thái sư quán xuyến đến ngày cưới Thiên Thành. Thụy Bà được nghe lời nhỏ, mặt bỗng tái xanh.

*

Hội bước sang ngày thứ sáu, Thụy Bà thấy ruột nóng bời bời, cứ như có điềm gì ghê gớm sắp đến. Từ Cấm Thành về, việc đầu tiên bà vào thắp nén nhang, cầu trời đất, tổ tiên, hoàng tộc phù hộ độ trì để Quốc Tuấn được an bình.

Trong thư phòng đèn vẫn sáng, Quốc Tuấn ngồi vò võ, trước mặt là quyển kinh thư vẫn để mở như ngày hôm qua, mắt chàng đau đáu, đôi mày chau lại. vẻ mặt mụng lung, quyết liệt. Chàng đang tự vấn trong tâm, thời gian công chúa lên xe hoa sắp đến, nàng sắp thành vợ người ta, khát khao được gặp nàng bùng lên thành lửa; lòng chàng như có tiếng con tim Thiên Thành đập rộn, nàng đang mong ta, đang gọi ta, bởi vì nàng đã trao nó cho ta, mất nó ta không còn là Quốc Tuấn!

Chàng ra khỏi thư phòng, khói hương còn phảng phất. Mẹ ơi, con đi lần này chắc lòng mẹ đau. Lúc ấy Thụy Bà đã đi dặn dò lính canh, bảo chúng khôn khéo rình Quốc Tuấn, khi chàng ra khỏi nhà, phải báo ngay để bà biết. Bà nằm trên võng đào ngoài hiên, vừa để thư giãn vừa có ý canh chừng, chỉ còn một đêm nay nữa thôi, cầu mong con ta không làm chuyện kinh thiên, lời Thủ Độ đến bây giờ vẫn còn lạnh gáy.

- Thân mẫu ơi! Quốc Tuấn quỳ bên võng mẹ và nói - Con hư mất rồi!

Bà thấy dội lên ở cổ, bà biết con bà đau, nhưng biết làm sao được:

- Quốc Tuấn ngoan của mẹ, lại đây.

Chàng gục vào lòng mẹ, bà lại thấy chàng bé bỏng như xưa, đôi tay bà lần từng sợi tóc:

- Vào ngủ đi con, mẹ thương!

Bà muốn nói lời sâu sắc lắm nhưng nó cứ nghẹn ở cổ, không chịu buông ra, khi Quốc Tuấn trở lại thư phòng, mắt bà ngấn lệ, nhưng lòng lại thấy vui vui, con bà sâu đậm hơn người, biết nhận lỗi lầm trước mẹ, bà thiu thiu trong giấc mộng êm đềm.

Đêm ấy tối trời, ngoài đường đèn hoa chăng khắp mọi nơi, ở chỗ tối hơn còn được thắp thêm đuốc. Dân chúng kéo giăng khắp các nẻo đường, ai cũng náo nức chờ ngày mai là ngày quan trọng. Quốc Tuấn đi trong đám đông, bỏ sau dư luận.

Lúc ấy mới khoảng canh ba, Thụy Bà giật mình tỉnh dậy, hóa ra là tên lính canh đã quỳ mọp trước võng bà, nó tâu rằng, Quốc Tuấn đã bỏ ra ngoài từ nãy.

- Nó đi đâu?

- Thiếu gia đi về hướng nhà Nhân Đạo Vương.

Thụy Bà hốt hoàng:

- Trời đất, tại sao các người không nói sớm?

Cùng lúc tên lính thứ hai hốt hoảng đến báo, Quốc Tuấn đã vào trong dinh thự của Nhân Đạo Vương, bà bật lên: "Con tôi bị chém chết rồi!". Bà hỏi nó: "Rồi sao?". Nó run rẩy thưa, cả dinh thự đèn đuốc sáng trưng. Thụy Bà kêu: "Thế thì sao còn cứu nổi mạng sống!". Bà quáng quàng gọi xe, chiếc xe ngựa kéo phi ra khỏi Hoàng Thành hướng đến nhà Nhân Đạo Vương, nhưng bất ngờ bà lại bắt quay lại, phóng thẳng vào cửa Cấm Thành. Lúc ấy, bà mới chợt nhận ra, thảo nào tối nay nó quỳ xuống là để tạ tội với bà, là để đi vào chỗ chết!

Đến cửa Cấm Thành, Thụy Bà gõ cửa cấp báo, người coi cửa chạy vào cáo cấp với vua. Thái Tông ra tới nơi đã thấy chị mình quỳ trước điện, vái như tế sao, "Tâu bệ ha, không ngờ Quốc Tuấn ngông cuồng càn rỡ, đang đêm lẻn vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo đã bắt giữ hắn rồi, e giờ không nhanh sẽ không còn mạng sống". Thái Tông thấy bất ngờ, nhưng cũng thoáng hiểu ra, lập tức nhà vua lệnh người hầu cận đến ngay nhà Nhân Đao Vương can ngăn, rồi mới nâng chị mình đứng dậy.

- Sao hắn dám cả gan đến nhà người ta kia chứ?

- Tâu bệ hạ, chuyện này dài lắm, thần thấy chúng đã có tình ý với nhau.

Thái Tông lúc này mới giật mình, thảo nào trên đường về nhà Nhân Đạo Vương, công chúa dám vạch rèm trên xe loan, hóa ra đang tìm kiếm Quốc Tuấn.

- Sao không thấy chị nói chyện này với em?

Thấy Thái Tông xưng hô chị em, Thụy Bà đánh bạo thưa chuyện với nhà vua như nói với cậu em Trần Cảnh ngày xưa vậy:

- Nào chị có biết, mấy ngày mở hội, Quốc Tuấn không ăn không ngủ, lấy tấm thân đọa đầy, chị mới nhận ra thôi.

- May mà chị còn đến kịp, Nhân Đạo Vương có thể đánh chết hắn mà không có lỗi - Thái Tông chậm rãi nói - Quốc Tuấn là đứa chịu khó, học rộng, chí cao, em tin nó là người cần cho xã tắc sau này, sao mà nó lại ngông cuồng như vậy chứ.

Có tin cấp báo từ nhà Nhân Đạo Vương, chỉ thấy kiếm trần xung quanh Quốc Tuấn. Thụy Bà run lên, không còn hồn vía, vua lập tức sai quan thái úy mang chỉ dụ đến ngay nhà Nhân Đạo Vương rồi mới bảo Thụy Bà, "không có chuyện gì đâu, chị đừng ngại". Nhưng thực tình lúc ấy mặt rồng cũng biến sắc, Thái Tông trầm tư một chút rồi chân tình cùng chị:

- Nếu quả tình chúng có thành ý với nhau, thì khó bề chia cắt, điều này thì em cũng đã trải qua. Hồi phải chia tay Lý Chiêu Hoàng, em một mình một ngựa bỏ về Yên Tử, chẳng thiết ngai vàng, chẳng thiết vinh hoa, chỉ cốt tâm hồn thanh thản nơi cửa Phật. Trên đường đến Yên Tử, vất vả trăm bề, khi qua rừng rậm, khi vượt suối sâu, uống nước lã, ăn quả rừng, thấy người sợ họ nhận ra thì che mặt, chỉ nghĩ làm sao xa được cái ngai vàng mà vì nó mình thành kẻ vô tình, thành kẻ vô tâm, thành ra độc ác...

Thụy Bà thấy Thái Tông nói vậy, bà lơ mơ hiểu ra rằng Quốc Tuấn còn có cơ may...

*

Tại dinh thự Nhân Đạo Vương, đúng như tên lính canh đã bẩm báo Thụy Bà, Quốc Tuấn đi thẳng vào cổng chính, có lính canh cúi chào (vì cả kinh thành ai thấy con trai Thụy Bà đều kính cẩn), rồi thẳng tới nơi công chúa ở, nơi ấy có tới sáu nữ tỳ phục dịch, thấy chàng, bọn nữ tỳ tá hỏa, đẩy cửa cấp báo cho công chúa. Trước đêm làm dâu, công chúa còn trằn trọc chưa khép nổi

mày ngài, nàng chưa chải tóc, chưa kịp khoác áo ngoài, đã thấy chàng lừng lững che lấp cả khuôn cửa rộng.

- Công tử! Công chúa kêu lên, chàng trốn biệt ở nơi nào mà giờ mới tới, rồi nàng lao ra đấm thùm thụp vào ngực chàng - Chàng thề thốt, chàng hứa hẹn, rồi để ta bị giam cầm ngần nấy ngày trời mà không thấy xót xa ư? Nàng nói, nàng khóc, rồi nàng ngã vào vòng tay vạm vỡ của chàng.

Bọn nữ tỳ thấy cảnh ấy cũng chỉ biết chạy ra ngoài, khép nhanh cửa lại.

Lúc ấy không thấy Nhân Đạo Vương xuất hiện, nhưng cổng ngoài lập tức được lệnh khép chặt, một lúc sau lính vệ mới kéo tới vây chặt căn nhà nơi công chúa ở. Gươm sáng loáng, đuốc sáng bừng.

- Tên gian dâm kia, mau ra đền tội!

Chúng gọi tới, gọi lui, cửa vẫn đóng im ỉm, rồi đột nhiên Quốc Tuấn đẩy cửa bước ra, bọn gia nhân chỉ biết khép nhanh cửa giữ công chúa lại. Quốc Tuấn lừ lừ như con hổ dữ khiến bọn lính lùi lại. Sau phút bất ngờ, bọn chúng mới hò hét xông tới, kẻ đâm, người chém, tiếng gươm giáo choang choang. Chàng vung tay cướp được một cây kiếm, cây kiếm ấy loang loáng vòng xoáy trên đầu, tất cả bị bất ngờ dạt ra, quây thành vòng trước mặt chàng. Quốc Tuấn chống gươm nói:

- Ta dám làm dám chịu, chỉ muốn nói điều này. Công chúa Thiên Thành không có tội, tội là do ta, ta xin chịu cái chết này. Nói rồi, chàng ném gươm ra xa.

Đột nhiên cửa phòng công chúa lại bung ra, nàng lao nhanh tới, ôm lấy chàng, run rẩy, vuốt ve, "Cho ta chết cùng công tử!". Bọn lính nhà Nhân Đạo Vương hoảng hồn, chưa biết xử lý ra sao, cứ để cho đôi trai gái tã tượi ôm nhau trong vòng gươm dáo tua tủa, ngọn đuốc đùng đùng, soi tỏ thánh nhân cùng vệ nữ. Trong đám lính canh, có kẻ đã cúi đầu, ai dám ném nhát gươm vào họ?

Khi có tiếng lính vệ triều đình hô hoán, Nhân Đạo Vương mới lệnh cho gia nhân mở cổng rồi qùy trước sân chờ nghe chỉ dụ vua ban. Chỉ dụ nói rằng: giải tán binh đao, không được ồn ào, không được phao tin, ai về nhà nấy. Lúc ấy Nhân Đạo Vương mới hỡi ôi, thưa với các quan trong triều, lời lẽ xem ra có phần chua xót: "Tưởng kẻ nào xằng bậy, ai ngờ lại là đứa con cưng của Thụy Bà, đáng tiếc! Đáng tiếc!". Khi bọn lính canh dẫn Quốc Tuấn về triều rồi, ông mới cho người nhà giải tán.

*

Trời chưa sáng, trong cung cấm vẫn lặng yên, nhưng tại điện Diên Hiền, Thái Tông, Thủ Độ, Nhân Đạo Vương và Thụy Bà mỗi người một vẻ, căng thẳng lắm. Việc Quốc Tuấn làm càn, không thể dung tha, Thủ Độ đội mũ cánh chuồn, áo thụng tím, đi hia như trong buổi thiết triều, trịnh trong thưa rằng:

- Vua trị bề tôi bằng phép nước, phép nước không nghiêm thì loạn, thì mất lòng thiên hạ, con thuyền không có sức dân thì đắm - Người có công khai sinh ra triều Trần nói - Thần ngày đêm lo giữ phép nước, định tội đồ theo thứ bậc khác nhau, soạn ra Quốc triều thống chế, chỉ một lòng một dạ vì gia tộc này. Thần chỉ muốn thỉnh cầu bệ hạ một nhời này, trị nước thì phải làm từ trên xuống dưới mới lấy được lòng thiên hạ.

Nghe Thủ Độ quyết liệt thế, Thái Tông đau đáu, trầm tư, đi đi lại lại. Vua vận áo lụa, chít khăn, đi giày vải, ngài muốn bàn câu chuyện trong nhà, nhưng Thủ Độ thì ngược lại, coi là việc triều chính.

- Còn khanh? Thái Tông hỏi Nhân Đạo Vương - Ta thích khanh nói thẳng?

Nhân Đạo Vương nhìn sang Thủ Độ mặt đanh như sắt đá, lại nhìn sang Thụy Bà, đôi môi run lên, từ nãy bà đã cúi đầu nhờ Nhân Đạo Vương cất lời xin Hoàng Thượng tha mạng sống cho Quốc Tuấn. Ông đứng giữa đôi đường, một bên là Thủ Độ, người tác thành cho con trai ông và công chúa, một bên là người đàn bà quyền uy, làm sao đây, nghĩ trước nghĩ sau chọn lời, ông nói:

- Hạ thần trước sau chỉ kính cẩn tuân theo chỉ dụ của hoàng thượng mà thôi.

Mắt Thụy Bà rực lên như có lửa, vậy là không thể trông cậy ở người này, Thái Tông nhìn sang người chị đáng thương khích lệ:

- Hoàng tỉ, chị nói đi.

- Muôn tâu bệ hạ, con thần ngày đêm đèn sách, xưa nay chưa mắc tội với một người, nay chúng ưa nhau thì đâu phải là tội. Tội là kẻ nuôi dưỡng này, kẻ ngu đần dốt nát này, có tai như điếc, có mắt như mù, việc ngay trước mắt mà không tỏ, biết lại không ngăn, không còng tay cùm chân nó lại, nay xin bệ hạ mở lòng, xử hạ thần này thay cho Quốc Tuấn.

Thái Tông nói:

- Việc này ta đã bàn cùng Thái sư từ nãy rồi.

Thủ Độ tức giận đùng đùng, ngài hiểu ngay ra ý của Thái Tông với Thụy Bà, chị em họ lại phe

cánh, ngày trước là vụ Trần Liễu làm phản, nay là vụ Quốc Tuấn làm loạn, cha con nó thế này, chị em nó thế kia, thì còn đâu là kỷ cương phép nước. Thái sư đứng dậy, vẻ mặt bừng bừng:

- Ta chỉ là con chó, cốt giữ nhà cho anh, chị, em các ngươi mà cũng không xong, cho ta cáo lui vậy!

Thái Tông nghiêm mặt, nhưng lời lẽ nhẹ nhàng, mời Thái sư cùng nán lại.

- Ngày xưa ta từ nơi cửa Phật trên núi Yên Tử về với ngai vàng là nhờ công của Thái sư, nhưng từ đấy Phật vẫn ở trong ta. Phật cho ta nghe được lòng thiên hạ, thấy được lòng con dân - Vua nói - Lần trước ta che nhát kiếm Thủ Độ chém Trần Liễu, vì anh trai ta mất vợ, mất con mà tạo phản. Các ngươi có bao giờ mang tâm trạng của kẻ cướp đoạt vợ con của anh trai mình? Nhân thì có quả, nhân nào quả nấy. Nhờ trời giờ huynh trưởng đã bình tâm giữ cho hoàng tộc vùng đất Yên Sinh, nơi gốc tích của nhà Trần. Nếu huynh ấy tử nạn, thì hỏi ta có sống nổi không nào? Nay đến việc Quốc Tuấn, tội là phải lòng Thiên Thành mà làm điều nghịch lý. Hai việc khác nhau mà giống nhau là vậy. Ngày trước là việc của anh em ta, bây giờ là việc của chị em ta, trời cứ đưa đến cho ta cái trò thách đố! Ta nghĩ thế này, nếu lòng chúng đã đến với nhau mà coi thường cả mạng sống thì đấy là cái chỗ đáng khen hay đáng chê? Chê là ta đưa ra phép nước có chỗ chưa thuận tình, đó lại là tội của ta đấy chứ. Ta hiểu, Thái sư làm tất cả cũng vì phép nước, còn ta thì tìm đến cái tình, cái gốc rễ sâu xa này mà lòng ta đau đáu!

Hoàng thượng dừng lời, như để vơi đi xúc động, rồi mới nói tiếp:

- Có điều này ta muốn tỏ lòng, Đại Việt còn thì các khanh thỏa sức lập công, kẻ được tôn vinh, người được sủng ái, nhưng mất nước thì mất tất cả. Ai chịu trách nhiệm về sự mất còn này? Là ta! Hoàng thượng đi đi lại lại, mặt đau đáu - Đại Việt còn thì hoàng tộc ta còn, thiên hạ còn, phe cánh cũng còn, nhưng mất nước thì mất tất cả.

Thủ Độ thấy rưng rưng, cái điều Thái sư lo lắng nhất xưa nay lại được bệ hạ giãi bày, nào ngờ cậu bé Trần Cảnh ngày xưa được ông xếp đặt thành vua, dám bỏ cả ngai vàng trốn về Yên Tử, nay đã có ý nghĩ sâu sắc khôn lường. Thái sư lại từ từ yên tọa. /div>

- Có đêm ta trằn trọc không chợp mắt, cứ nghĩ xa xôi, nhà Trần ta mới được lập mấy chục năm nay, thái bình thịnh vượng vì chưa phải chống trả cuộc ngoại xâm nào, nhưng hiểm họa phương Bắc còn đó, nhà Tống đang lo chống trả nhà Nguyên nên chưa có thời gian nhòm ngó đến nước ta. Các khanh thử đặt ra hai giả dụ này, nếu Tống thắng Nguyên, thì có thôn tính đến ta không? Nếu Nguyên thắng Tống thì có tràn xuống ta không? Vậy nên ta trộm nghĩ tới người tài, hoàng tử cũng chỉ được mấy người, hoàng tộc cũng một vài người, nhưng người ta tin nhất lại là Quốc Tuấn, vài bận nhân chuyện nô đùa ta kiểm nghiệm, nó mẫn tiệp hơn người, mặt vượng, mắt sáng, có chí kiên trung, ta tin nó sẽ là tướng giỏi. Các khanh thử nghĩ xem, sao ta giám cả gan mà phí phạm?

Trời đã tảng sáng, Hoàng thượng bỏ ra ngoài, không thấy kết luận việc Quốc Tuấn. Thủ Độ còn nán lại vẻ đăm chiêu, rồi ngài chậm rãi đến bên Thụy Bà, nói nhỏ: "Chị lo bồi hoàn cho người ta, còn việc hôm nay, đã chuẩn bị thì cứ thế mà làm cho... Quốc Tuấn!"

*

Hội sang ngày thứ bảy, dân chúng kinh thành nô nức chen đặc ở cổng Hoàng Thành, đời người mấy ai được xem đám cưới công chúa em vua. Đến giờ đã định, phò mã lễ phục chỉnh tề vào lạy vua xin được đón công chúa. Thiên Thành đội mũ phượng, mặc áo bào đính hoa tươi, đi hài màu đỏ theo nữ quan dẫn đến hầu vua để nghe những lời giáo huấn. Giờ rước dâu đã điểm, kiệu hoa dừng trước cửa Tả Đoạn, xung quanh che rèm. Nhạc nổi tưng bừng, dìu dặt, công chúa bước ra đã có phò mã chờ sẵn bên kiệu, chàng trai sung mãn mang chiến thắng đầu đời, tự tay vén màn mời công chúa bước lên kiệu. Ra khỏi Hoàng Thành, phò mã mới lên ngựa, lính hầu bê tráp đi trước dẫn đường, rồi đến một trăm binh sĩ cầm cờ quạt, nghi trượng và phường nhạc theo sau... Đoàn rước dâu đi vòng ra Cửa Đông cho dân chúng thỏa sức ngắm nhìn, nhưng không thấy về tư dinh Nhân Đạo Vương mà quay về tư dinh Thụy Bà, gia tộc cả trăm người đứng sẵn ở cửa Hoàng Thành đón đợi. Người hiểu biết thì kháo nhau có chuyện nực cười, còn đa số thì chẳng mấy quan tâm, chỉ mong được đi xem là sướng.

Ở trong nội điện, vua ban yến tiệc linh đình. Thái Tông lòng thấy thư thái vì giữ được cái tình, Ngài cùng các triều thần nâng li chúc phúc, rượu say, mọi người đứng cả dậy dang tay hát. Quan chép sử Trần Phu cũng nắm tay mọi người, bụng lại nghĩ, trớ trêu thay, trớ trêu thay! Nhưng đến

khi Hoàng thượng bảo, khanh lại không biết ca sao? Trần Phu lập cập, miệng cũng há ra mà nói: "sử quan ca rằng, sử quan ca rằng... trớ trêu thay!"
Sử quan cứ để cho đời sau ngẫm ngợi ./.

Trại sáng tác Tạp chí Văn nghệ Quân Đội
Phú Yên, tháng 4 năm 2012

NAM NINH



thơ

NGHE TIẾNG TRỐNG BÃI TRƯỜNG

VƯƠNG HOÀI UYÊN

Sáng nay nghe tiếng trống
Nôn nao một góc trường
Nắng hạ vàng trải lụa
Sao lòng ta vấn vương ?

Mùa thi ơi mùa thi !
Xa rồi thời đi học
Hoa phượng nở sân trường
Thấy mình như muốn khóc.

Hơn nửa đời ngoảnh lại
Bao nhiêu là tháng ngày
Thời gian như nước chảy
Trôi qua mềm kẽ tay.

Ta như dòng khe sâu
Một đời mơ biển rộng
Ta như chim hải âu
Bay qua miền biển động.

Ôi về đâu tiếng trống
Vang trong miền ấu thơ ?
Ta mơ làm trò nhỏ
Theo cánh diều ngẩn ngơ.

Bãi trường 23.5.2002.

VƯƠNG HOÀI UYÊN



truyện ngắn

MỘT NHÁNH CÂY TRONG MÙA LÁ RỤNG

(Một nén tâm nhang cho người quá cố)

PHƯƠNG THỦY &
TRẦN HUY THUẬN

I

Tôi không thể không viết về cái chương đau đớn nhất trong cuộc đời mình. Ngạn ngữ phương Tây có câu: "Người ta phải lấy lửa từ quá khứ, chứ không phải tro tàn". Tôi muốn làm theo câu ngạn ngữ đó.

... Từ lúc nhận kết quả sinh thiết về bệnh của anh, tôi đã lấy hết can đảm, nhưng không tài nào điều khiển nổi đôi chân. Người tôi cơ hồ rời rã, lơ lửng ở đâu. Làm sao tôi có thể đi trên đường phố Sài Gòn với một tâm trạng như vậy! Đường phố vào giờ tan tầm, người xe như mắc cửi. Tâm trạng bối rối, tuyệt vọng, tôi không sao dắt nổi chiếc xe. Cố gắng lắm tôi mới nhích được nó đến trước cửa trường Y. Tôi ngồi xuống lặng lẽ nhìn những kẻ bụi đời ngồi đây đó và cái cảm giác sợ hãi họ thường ngày mỗi khi qua đây, lúc này biến đâu mất.. Trong đầu tôi chỉ còn một chuyện: Tôi phải nói với anh thế nào? Nên cho anh biết sự thật, hay nên giấu biệt, để anh được thanh thản những ngày cuối cùng? ... Tôi không quyết định được mình nên ra sao và cứ ngồi đó lo lắng sợ hãi. Cho đến khi bóng tối đã phủ xuống các lùm cây và những chiếc đèn thủy ngân ở đường Hùng Vương đã bật sáng, nhắc nhở tôi không còn có thể ngồi thêm được nữa, tôi mới lên xe, chậm chạp về nhà. Sài Gòn về đêm rực rỡ ánh đèn, vậy mà lòng tôi thảm đạm, u tối. Phải đương đầu với thực tế khốc liệt này thôi, chứ biết làm sao đây! Tôi dắt xe thật êm, với hy vọng có thể kéo dài giây phút gặp anh. Nhưng cửa phòng xuống ga ra bật mở. Anh đã đứng đó chờ tôi không biết tự bao giờ. Một phản xạ tự nhiên mỗi khi gặp chuyện buồn đau, tôi lao đến định ôm chầm lấy anh. Nhưng chợt nhớ ra cảnh ngộ của mình, tôi đứng sững lại bối rối:

- Xe hỏng, em phải chờ sửa lâu quá.

Anh khóa giúp tôi chiếc xe và nôn nóng hỏi dồn:

- Kết quả ra sao, em đưa anh coi nào?

Tôi cố lấy giọng thản nhiên để trấn an anh và để lấy lại bình tĩnh cho chính mình:

- Chưa có kết quả anh ạ. Họ nói phải chờ bác sỹ "đọc" phiếu sinh khiết, vì ông ấy hôm nay đi vắng.

Anh cầm tay tôi, nửa bực bội, nửa nghi ngờ:

- Sao kì cục vậy? Chỉ có một mình ông ta "đọc" được thôi sao? Bệnh chết người mà làm ăn tắc trách quá vậy. Hay là em gạt anh? Em sợ anh quỵ ngã ư? Không đâu. Anh là người phát hiện ra

bệnh của mình. Anh đủ nghị lực để chịu đựng số phận.

Vâng, chắc tôi không thể nói dối. Làm sao dối lừa được một người đã tự đến bệnh viện nói rằng: "Tôi đã đọc sách. Tôi thấy tôi có nhiều triệu chứng mắc bệnh hiểm nghèo...". Lúc ấy là lúc anh đang khỏe mạnh, sung sức. Nhưng kết quả lần khám đầu lại không chính xác. Chúng tôi đã ăn mừng vì tưởng mình thoát nạn. Nhưng rồi một lần đến chơi, ngắm nhìn sắc diện của anh, một chị bác sỹ bạn tôi, mời anh đến trung tâm tai mũi họng Thành phố xét nghiệm lại. Và kết quả là đây: ung thư xoang lệ trái! Khi đưa kết quả sinh khiết, chị còn buồn rầu bảo tôi:

- Bệnh rất khó chữa. Giá phát hiện sớm cũng có thể giữ được năm bầy năm... Tôi bàng hoàng, đau đớn. Vậy là anh đã phát hiện bệnh của mình rất sớm. Vậy mà do nhiều lẽ, người ta đã không nói được kết quả chính xác. Có thể là vì bệnh nhân quá nhiều, cơ sở chưa bệnh nhỏ bé, thiếu phương tiện và máy móc đã cũ?! Có thể vì người ta còn quá khó khăn về đời sống, nên không đủ sức quan tâm đến sinh mệnh của đồng loại! Thật không may! Còn biết oán trách ai trong lúc này. Không, tôi không muốn giấu anh. Một người có nghị lực và hiểu biết như anh, giấu giếm chỉ thêm đau đớn cho anh và cho cả mẹ con tôi nữa mà thôi. Âu cũng là số mình! Hình ảnh cái bệnh viện ung biếu vào mùa mưa vừa vắng lạnh, vừa nghèo nàn cứ chập chờn trong những suy tưởng đau đớn của tôi. Và tôi chỉ còn biết khóc khi đưa kết quả sinh khiết cho anh. Anh lặng lẽ đọc. Còn tôi, tôi không hiểu mình ra sao nữa. Chẳng nhẽ "bản án tử hình" đã rơi đúng gia đình tôi sao! ... Mới tuần trước, khi đi đưa đám tang một anh bạn làm thơ, anh còn ngậm ngùi nói với tôi: "Tội nghiệp vợ con anh ấy. Sao một người hiền và tốt, có tài năng, lại phải chết quá trẻ như vậy, trong cái thời đại văn minh này?". Ấy thế mà bây giờ, lời nói đó lại giành cho chính vợ con anh.

Mâm cơm dọn ra, nhưng không ai đụng đũa. Không ai dám bắt đầu câu chuyện. Nỗi kinh hoàng làm người ta không hiểu mình sẽ ra sao nếu nói nó thành lời. Nhưng rồi, không chịu đựng nổi cái không khí im lặng nặng nề ấy, tôi đành lên tiếng:

- Em đã hỏi bác sỹ. Bệnh của mình mới thời kì đầu, có thể chạy chữa. Miễn là phải tin tưởng và bình tĩnh.

Như không nghe thấy tiếng tôi, anh lẩm bẩm điều gì rồi đột ngột nói:

- Em phải đi xông và uống thuốc đều cho khỏi dứt cái bệnh viêm xoang đi. Phải gọi thợ mở thêm cửa sổ phòng ngủ của em, kẻo nóng quá, rất hại sức khỏe. Cái phòng người ta thiết kế có máy điều hòa nhiệt độ. Bỏ máy thì phải thiết kế lại chứ. Còn Hà, con nên nhận một công việc gì đi, đừng kén chọn nữa. Con ra trường đã ba năm rồi còn gì.

Anh cứ thế, bàn đủ mọi chuyện. Cứ như là ngày mai thôi, anh không còn có thể bàn gì được nữa. Tôi sợ hãi nhìn anh:

- Trời ơi, anh nói gì mà lung tung cả lên vậy. Phải bàn xem nên bắt đầu chạy chữa ra sao chứ. Đừng làm em sợ. Anh không thể chết. Anh đang còn sung sức mà. Còn bao nhiêu dự định chưa làm. Và em, em chưa hề chuẩn bị sẽ sống ra sao nếu còn lại mình em... Tôi lỡ lời nói nặng với anh.

II

Thế rồi một buổi chiều mưa gió, tôi đi làm về, vừa mở được cái cửa thì Hà cũng ở đâu đó chạy ùa vào theo. Và khác với mọi ngày (thường nếu gặp mặt tôi một mình, Hà chỉ cúi chào rất nhỏ: "Thưa cô con đã về"). Bưa ấy Hà la lớn:

- Mẹ ơi, nấu cơm mau. Tối nay mẹ với con đi xem phim.

Và cháu ôm chầm lấy tôi. Bối rối, tôi gỡ tay Hà ra và hỏi:

- Mưa gió thế này cô cháu mình đi sao nổi. Mà vé ở đâu Hà có vậy?

Hà mở cặp lục tìm và xòe hai chiếc vé ra trước mặt tôi, nhí nhảnh:

- Cô giáo cho con và dặn đi xem cùng với mẹ. Phim hay cực mẹ ạ. Thôi con đi xách nước mẹ

nhé.

Thấy tôi lưỡng lự, Hà quay lại ôm tôi, ép mặt vào ngực tôi... Tôi không giấu nổi xúc động của mình, òa khóc trong vòng tay bé nhỏ của đứa con riêng, mà tuy từ lâu tôi đã rất yêu thương, nhưng thực sự chưa hiểu được tâm trạng của cháu. Tâm trạng bàng hoàng của một đứa trẻ sớm phải chứng kiến cảnh cha mẹ lìa nhau, gia đình tan vỡ!

Tối đó, chúng tôi đi xem phim với nhau một cách vui vẻ, như chưa hề có gì vướng bận với nhau trong chuỗi ngày qua. Khi chúng tôi về, anh đón chúng tôi bằng một tiệc nhỏ, gồm một đĩa bánh và mấy cốc kem. Khi Hà đã đi ngủ, nét mặt rạng rỡ, anh nói với tôi:

- Em biết không. Thật là tuyệt vời. Anh sung sướng quá khi em và Hà thực sự hiểu và thương yêu nhau.

Mãi sau, qua cô giáo của Hà, tôi mới biết chính anh đã góp phần rất lớn vào việc "bình thường hóa" quan hệ giữa tôi và Hà. Cô giáo kể lại cho tôi nghe chuyện anh đến gặp cô, nhờ cô tác động trong việc khuyên can giáo dục cháu như thế nào. Rồi anh tâm sự với cô về nỗi băn khoăn của anh khi thấy cháu chưa chịu thừa nhận vai trò của tôi trong cái gia đình này...

- Em ngạc nhiên khi nghe anh ấy tâm sự như vậy, bởi thường ngày em thấy cháu Hà tỏ ra rất biết ơn sự săn sóc của chị đối với cháu. Cháu kể, từ ngày có chị, bữa cơm của bố con cháu có tính chất gia đình chứ không như hồi trước, bố con tự nấu lấy, cứ như cơm tập thể! Cháu cũng kể, mấy lần ba bị bệnh, có "cô Vân" cháu cũng đỡ lo nhiều lắm... Em nghĩ, vậy là có một cái gì đó còn khúc mắc, khiên tình cảm cháu Hà với chị, không thể bộc lộ ra được. Thế rồi, ngay ngày hôm sau gặp anh, em mua hai vé xem phim, đưa cho cháu:

- Hà ơi, cô có hai vé xem phim tối nay. Phim cực hay đấy, vậy mà chú mắc bận không đi được. Hà mời mẹ Vân đi xem với cháu nhé.

Hà đứng sững nhìn em, rồi lo lắng:

- Sợ cô Vân không chịu đi quá. Cô ấy chỉ đi xem phim với ba con thôi!

- Thế Hà vẫn gọi cô Vân bằng cô à, sao kỳ vậy?

Hà bẽn lẽn:

- Thì em cũng không biết sao nữa!..

Em ôm Hà vào lòng rồi ôn tồn bảo nó:

- Cô nói Hà nghe này. Thế Hà có công nhận cô Vân chăm sóc nuôi nấng Hà còn hơn cả mẹ đẻ của Hà không. Hôm Hà bị bệnh ấy, có phải chính cô Vân, ngày đi làm, tối vào viện trông nom con, đúng không? Hà lại vẫn gọi cô Vân bằng "cô", hẳn là cô Vân buồn lắm đấy! Hà nghe em nói thế thì im lặng, rồi chào cô giáo, cắp cặp lững thững ra về...

III

Buổi sáng ngày ba mươi tháng một năm một ngàn chín trăm tám chín – tức ngày hai mươi ba tháng chạp năm Kỷ Tị, tôi đang định đến cơ quan giải quyết một vài công việc. Nhưng như có linh tính chẳng lành, đã ra vào mấy lượt mà tôi vẫn không dắt được xe ra cửa. Thấy vậy, anh mỉm cười, cầm bút viết cho tôi: "Hôm nay anh cảm thấy bình thường, có vẻ dễ chịu nữa. Chỉ có cái bụng sao ậm ạch quá. Em chịu khó lại cơ quan mượn bơm rửa ruột cho anh. Nói với mấy đứa nhỏ ở cơ quan, khi nào khỏi bệnh, anh sẽ lại đệm đàn cho chúng nó hát nghe em. Cứ yên tâm mà đi đi, có Linh ở nhà với anh rồi".

Ôi chao! Làm sao anh lại có thể nghĩ đến chuyện đệm đàn trong lúc này! Hôm qua, bác sỹ điều trị của anh, nói với tôi: "Cố gắng lắm, anh ấy cũng chỉ có thể qua được Tết". Ôi, sự chờ đợi khủng khiếp làm sao. Những cái chết đột ngột có sự bất ngờ để chỉ đau đớn một lần. Còn tôi, tôi cứ phải nhẩm tính và góp nhặt sự đau đớn mỗi ngày! Có lẽ trời xui đất khiến và có lẽ bởi cả anh nữa, anh không muốn tôi chứng kiến cái giây phút đau lòng ấy, giây phút anh quặn đau vĩnh viễn từ biệt cõi đời này, nên anh cứ giục tôi đi... Vâng, cuối cùng thì tôi cũng dắt xe đi. Nhưng tôi chỉ vừa mới có

mặt ở cơ quan độ mười lăm phút, đang làm việc với ông giám đốc về mức thưởng và trợ cấp Tết, thì chuông điện thoại réo vang. Ông giám đốc cầm ống nghe: "A lô! Sao? Con nói sao? Ba mệt lắm hả? Muốn gặp mẹ hả? Được rồi, cứ bình tĩnh, mẹ con sẽ về ngay!". Chỉ kịp nghe thấy thế, tôi lao xuống lấy xe về nhà. Anh đang nằm trên giường, đôi mắt hé mở, nhưng đôi chân đã lạnh giá. Cháu Hà vừa khóc tức tưởi, vừa kể:

- Ba đang coi ti-vi với con. Ba bám tay vào ghế. Con bình luận về một đôi trượt băng nổi tiếng mà không thấy ba viết giấy trả lời con như mọi ngày. Con quay lại thì đã thấy hai mắt ba đờ ra. Sợ quá, con mới dìu ba xuống giường, rồi gọi điện thoại cho mẹ. Ôi, sao ba có thể bỏ mẹ con mình một cách thản nhiên như vậy! Sáng nay ba còn vui vẻ mà, ba có nói gì đâu! Tiếng kêu thảm thiết của Hà làm tôi bối rối. Mọi người đều cho là anh đã chết. Riêng tôi, tôi không tin. Tôi đổ hết cả lọ dầu vào đôi chân giá lạnh của anh và dùng đôi tay run rẩy của mình, hy vọng làm cho nó ấm lại... Người ta phải gạt tôi ra, để có thể đưa anh đến bệnh viện. Phòng cấp cứu bệnh viện sau khi khám nghiệm, đã trả lời, anh đã mất cách đó một giờ! Thế là hết! Tôi lau mặt, thay băng sạch cho anh và vuốt đôi mắt vẫn hé mở nhìn tôi đăm đắm. Tôi phải quỳ xuống hứa với anh: "Anh hãy thanh thản yên nghỉ. Em sẽ làm mọi việc theo ý muốn của anh..."Và lạ thay, thân hình anh như mềm mại hẳn, đôi mắt anh từ từ khép lại. Môi anh hé mở như mỉm cười. Nét mặt thanh thản hiếm thấy ở một người chết vì bệnh ung thư.

"... Hỏa táng anh được hai ngày. Làm theo di chúc của anh, tôi ôm bình xương cốt đến nhà thờ dòng họ, phần còn lại, tôi cùng các con thuê thuyền ra rải xuống dòng sông Sài Gòn – những chứng tích cuối cùng một tình yêu...".

Bàn tay tôi như một phản xạ: cầm và rắc. Những thứ rơi xuống dòng sông không phải hoa trong ngày lễ hội, mà là tro, tro tàn thân thể anh! Nước mắt cạn khô, tôi nhìn xuống dòng sông, trống rỗng, vô hồn...Khi chiếc hộp đựng tro anh đã nhẹ tênh, tuột khỏi tay tôi, lạnh lùng trôi theo dòng nước vô tình, tôi chợt bừng tỉnh, muốn lao theo, muốn tan chảy ra để được trôi theo anh. Mắt tôi mờ đi, chân tay run rẩy và chợt văng vẳng giọng nói anh, như từ đâu đó xa xăm:
- Hãy can đảm lên em... Trong bất kì hoàn cảnh nào, em cũng không được gục ngã...

...Em tin điều này không
Nước mắt rơi buồn tủi
Sẽ thành bão thành giông
Buốt lòng anh nơi ấy...

Đó chính là những lời anh đã viết ra giấy cho em trong tuần qua...

Con đường ven sông Sài Gòn chiều hôm nay vắng lặng và buồn đau. Tôi lang thang một mình trên đó, trên con đường quen thuộc mà khi anh còn sống, chúng tôi vẫn thường thả bộ trong những buổi hoàng hôn. Có nhiều lần, đi biểu diễn về, anh và tôi đã ôm đàn ngồi hát cho đến khuya, những bài hát tiền chiến mà chúng tôi yêu thích. Vậy mà giờ đây, chỉ còn bước chân tôi cô độc. Chợt, tiếng ngâm thơ của ai đó, rất khẽ:

"Tránh đừng đụng vào cây, mùa lá rụng!
Nhắc suốt dọc đường cũng chỉ bấy nhiêu thôi
Xin đừng đụng vào cây, mùa lá rụng..." [1]

Vâng! Tôi là một nhành cây đang trong mùa lá rụng!

PHƯƠNG THỦY (NamĐịnh)



Vĩ Thanh của Người Chép Chuyện

Sau cái chết của Người tình muộn màng, Vân như kẻ bơ vơ giữa đất khách quê người, như con thuyền không lái trôi theo dòng vô định. Đó là lý do để cô quyết định trở về Nam Định quê hương. Tại đây, Vân gặp lại rất nhiều người thân, trong đó có các bạn đồng môn trường Trung học Nguyễn Khuyến, trường cấp ba Liên khu ba,... Vân lại làm thơ, viết văn, tham gia hội khuyến học, hội cựu giáo chức, hội Đồng môn,... Có thể nói, cô đã sống những ngày rất đẹp trong tình cảm quê hương, gia đình và bè bạn. Tôi viết tặng Vân:

"Biển đời dù đục dù trong
Trước sau nguyện chỉ làm dòng "nước thơm"
Một dòng mà chẳng cô đơn
Câu thơ bè bạn, tiếng đàn tâm giao"

Nhưng cuộc đời đã không cho Vân nhiều hơn được nữa, mấy năm sau cô mắc chính căn bệnh của chồng và đã nằm lại vĩnh viễn trên mảnh đất quê cha đất tổ. Một nhành cây đã rụng theo chiếc lá cuối cùng của chính nó.

Ngày đưa tang, Hà, đứa con riêng của chồng, đứa con duy nhất của Vân, chắc là được phép của mẹ đẻ, đã bay từ Thành phố Hồ Chí Minh ra chịu tang "mẹ"! Thi hài Vân cũng được hỏa táng theo di chúc của cô. Trên tấm bia mộ tại nghĩa trang Cánh Phượng Nam Định, người ta khắc lên đôi câu đối buồn, buồn như cuộc đời của cô:

"Một cõi đi về" thăm thẳm hàng cây Lựu phố
Trăm năm "Tự khúc" nghẹn ngào ngọn gió Hoa Nha

"Một cõi đi về" và *"Tự khúc"* là hai trong các tác phẩm của "Vân" – Phương Thủy. *Lựu phố, Hoa Nha* là tên làng, nơi Vân đã được sinh ra trên cõi đời này.

Vậy đó, vậy là em đã thành NGƯỜI THIÊN CỔ. Một cuộc đời đầy nỗi đa đoan, đã kết thúc; một kết thúc nói rằng có hậu cũng được mà không có hậu, cũng được. Có điều, ai dám chắc rằng như thế nào là có hậu, như thế nào là không? Và cái kết thúc nào hạnh phúc hơn cái kết thúc nào, thì cho đến thời buổi này, thời buổi mà khoa học kỹ thuật đã tiến rất xa về phía trước, vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào có thể khẳng định được. Âm dương hẳn phải là cõi đi về mãi mãi, không chỉ của em mà của tất cả; cả anh, cả tôi, cả những người khác. Thôi đừng nghẹn ngào, cho dù đó chỉ là tự khúc!..

TRẦN HUY THUẬN





tản bút

HÀ NỘI MÙA SẤU CHÍN

MAI THỤC

Ai đã một lần dạo Bờ Hồ nắng vàng thu, không thể không cúi nhặt một quả sấu chín rụng dập vỏ, nâng trên tay mà vị chua dịu tan trong hồn. Quả sấu chín đã làm nên phong vị mùa thu Hà Nội. Không nơi nào có được. Vô lượng kiếp phong trần chẳng thể quên Hà Nội mùa sấu chín.

Mùa thu Hà Nội. Chính là mùa giông bão. Mưa bão càng nhiều, sấu chín càng rơi rụng như ủi an, chia sẻ cảm thông với người. Lặng thầm. Sâu lắng giữa bão giông.

Hà Nội thu 2013. Mưa liên miên. Giông gió cả tháng, cả tuần. Tôi luôn dành những thời khắc che ô đi dưới gió mưa, dạo Bờ Hồ nhặt từng quả sấu chín rơi.

Trái tim ngân nga tự hát **Hà Nội Mùa Sấu Chín:**

"Những cơn bão ập vào từ biển/ Chan chát mưa thu đổ giọt sầu/ Ngào ngạt tiếng tơ đêm màu nhiệm/"Hà Nội mùa này sấu chín chưa em?"/ Mến yêu, xa xót cụ sấu già/ Hiền từ gom nước mắt chúng sinh/ Kết quả sấu chát chua dịu ngọt/ Hà Nội thu sấu chín vàng ươm/ Mẹ ngâm muối ớt dành con gái/ Nũng nịu má hồng lúng liếng ơi!/ Trái sấu theo em suốt đường đời/ Bồi hồi nhớ hương thu trinh nữ/ Phía chân trời ngấn lệ rơi rơi/ Hà Nội thu cỏ hoa vấn vít/ Quyện ái ân cua ốc bùn hồ/ Những trận lũ táo tợn rừng sâu/ Hồn ma bóng quỷ gieo tai họa/ Lơ lửng trên đầu vạn kiếp dân/ Trên vòm cao sấu chín lặng thầm/ Tự rơi xuống nát bươm tặng người/ Nâng niu tôi nhặt gửi bốn phương/ Đắng cay chua mặn giọt sữa nguồn/ Vợ chồng Ngâu nước mắt tuôn rơi/ Yêu thương quằn quại trứng Âu Cơ".

Hà Nội chiều thứ bảy 7- 9- 2013. Nắng bừng lên. Người bốn phương đổ về Hồ Gươm tự tình với nắng. Ông Trời bù sau một tuần liền mưa và mưa. Không thấy Mặt Trời. Tôi đang skype cùng con cháu tại Thụy Điển thì chuông điện thoại reo. Vợ chồng nhà điêu khắc Lê Công Thành hẹn tôi bốn giờ chiều tại Cầu Thê Húc. Cuộc skype tạm ngừng. Con gái tôi cười sung sướng khi biết mẹ luôn có những cuộc hẹn hò bên Cầu Thê Húc.

Cầu Thê Húc. Hoàng hôn hồng nhẹ. Hồ Gươm sấu chín rơi. Xanh bóng những cụ sấu chung tình. Nhân loại dập dìu đến đây. Qua Cầu Thê Húc vào Đền Ngọc Sơn lễ Đức Thánh Trần Hưng

Đạo hiển linh. Chiêm ngắm phiên bản Cụ Rùa thiêng. Ngắm cụ si nghìn tuổi khề khà thả râu xòa sóng biếc.

Tôi và Kim Thái, Lê Công Thành lướt qua dòng người, băng qua nhộn nhạo xe máy, ô-tô sang quán Café dưới gốc đa Đền Bà Kiệu chuyện trò.

Chúng tôi chọn một bàn nhỏ nhìn ra Hồ Gươm. Xung quanh các bàn đông bạn Tây Tàu. Tiếng nói cười chát chúa, ồn ĩ của mấy anh chị Tàu to béo gấp ba chúng tôi, cũng không làm cho tâm tình mình kém vui.

Thoảng bâng khuâng. Tôi nhớ lại nơi đây hai mươi năm trước. Hồ Gươm dòng người đi xe đạp nhẹ tênh. Gốc đa già êm tiếng chim ca. Nàng mơ màng ngắm nhìn họa sĩ Dương Cẩm Chương say mê phác họa cây si, cây đa cổ thụ rủ cành xanh, mái nâu Đền Bà Kiệu uốn hình mây ôm ấp Hồ Gươm. Thoảng khói hương thanh tịnh. Trong Đền Bà Kiệu, Mẫu Liễu Hạnh ngồi võng đung đưa. Áo xiêm tơ lụa mượt mà trao tình yêu nhân thế.

Nay tà khí vây bủa đâu đây, tôi thầm niệm Phật "Nam mô A Di Đà" và tạ ơn Thần Siêu đã xây Lầu chắn sóng chặn độc hại xâm lăng.

Lê Công Thành dường như không bị quấy đảo bởi cảnh sắc trần gian, chìm sâu vào cõi mơ hồ nào đó. Ông nói giọng Quảng Nam nhỏ nhẹ, mềm mại:

- Sớm nay, Thành trò chuyện với Thượng Đế rằng con đang sống trong hạnh phúc tuổi già. Vẫn tự đi lại, làm chủ được mình, có việc để làm, có bạn để vui chơi. Thành đang làm tượng Bà Mẹ Thánh Gióng. Thành có Kim Thái và Mai Thục cùng đi chơi. Những cuộc đi chơi của chúng mình giúp Thành không bị phát cuồng khi phải nghe những tin chẳng lành trên trái đất, Hà Nội và non nước Việt Nam thủy tú.

Bất ngờ Lê Công Thành chuyển giọng thì thầm uyển chuyển đọc thơ. Những câu thơ ông Tự Nói Với Mình trong suốt mấy chục năm ở ẩn giữa lòng Hà Nội. Không tiếp xúc với con người xã hội:

- "*Ông Trời đang không ổn/ Lòng người cũng không yên/ Đất đai thì bề bộn/ Mặt đất đã trải qua bao nhiêu thế kỷ/ Là nền tảng nuôi sống con người/ Loài người đã hòa trộn trong đất đai/ Cả xương lẫn máu của mình/ Qua bao thế hệ/ Đến hôm nay con người vẫn tiếp tục sống/ Xây dựng lên biết bao công trình/ Để sinh sống làm ăn/ Con người có biết rằng/ Trong mỗi tấc đất mình đã đặt chân lên/ Có cả máu xương của biết bao người trộn lẫn/ Và bao linh hồn đã chôn vùi trong đó/ Cho nên phải liệu cái thân mình mà sống/ Muốn an cư lạc nghiệp/ Đừng đánh mất tâm hồn mình/ Ác nhân, ác báo/ Sự trả báo sẽ khủng khiếp khôn lường/ Đang biến thành sóng thần và lũ lớn/ Vùi dập con người vào cõi đêm đen/*"

Những câu thơ vừa dứt, Lê Công Thành chậm rãi kể chuyện:

Một giấc mơ có thật.Giữa đêm tối mịt mù. Bỗng sáng lòa như Mặt Trời lúc rạng Đông. Một ông già xuất hiện. Đến bên tôi. Bảo tôi cầm bút. Lấy giấy tờ. Người đọc và tôi viết. Viết từng chữ. Từng câu. Từng dòng. Như một bài thơ ngắn. Đọc xong. Người ngoảnh mặt đi và nói: "Hãy viết lại một nghìn lần. Lời ta". Người đi rồi. Tôi cúi đầu xuống viết. Một ngàn lần. Tôi càng viết càng hiểu rõ. Những điều người muốn nói. Tôi thấy toàn thân nhẹ nhàng thanh thoát. Đầu não không còn một chút mụ mê. Trái tim tôi đập những nhịp nhẹ nhàng theo hơi thở. Tôi lặng lẽ gục đầu ngủ một giấc thật say. Sáng ngày mai thức dậy. Nhớ lại giấc mơ có thật đêm qua. Nhưng không còn nhớ một câu, một chữ. Mà tôi đã phải viết đi viết lại một ngàn lần. Tôi chỉ thấy cuộc đời tôi, từ nay không còn như xưa nữa.

Tôi lắng nghe. Thấu hiểu. Câu chuyện giấc mơ của Lê Công Thành gắn với một tai nạn xảy ra với ông năm 1985. Khi về quê hương Đà Nẵng xây Tượng đài Chiến Thắng Núi Thành, ông trèo lên cao kiểm tra tác phẩm lần chót, bị ngã xuống đất, được cứu sống lại. Từ đó, ông hóa thân thành một con người khác. Ẩn trong nhà. Không đi dạy Mỹ thuật Công Nghiệp. Không dựng tượng đài. Ông cặm cụi nơi tầng ba mấy căn hộ tập thể, nặn tượng Mẹ Âu Cơ và vẻ đẹp Đàn Bà.

Hôm nay dưới gốc đa già Đền Bà Kiệu, Lê Công Thành giãi bày tâm tư ẩn kín, cùng tôi và Kim Thái. Ông nhìn tôi đầy tin cậy và nói như vui đùa:

- Thiên cơ bất khả lộ. Nhưng đã đến lúc thấy rồi. Đã đến lúc phải nói ra. Có những việc phải nói

ra từ hôm nay. Đợi đến ngày mai thì không còn kịp nữa. Em ơi! Sự Sống và cái chết, thể xác và tâm hồn. Chỉ là một mà thôi. Anh với em hãy nói lên sự thật cuộc đời mình. Để chứng minh cho mọi người hiểu. Để ôm nhau mà thương, mà khóc. Chứ dại gì sống một cuộc sống chia đôi. Nhà văn mái đầu đã bạc, mà vẫn phải cúi gằm, chọn từng câu, từng chữ viết lên trang giấy. Mà vẫn cứ nhạt phèo. Thôi phải tìm mảnh đất khác để mà gieo hạt. Phải đổi cái đầu đi để có thể viết lên những vần thơ, câu văn mới mẻ. Trong nhân thế hiện nay, nếu không ăn uống thì không thể sống. Ăn vào thì dễ bị ngộ độc. Mỗi sớm tỉnh dậy, không xem, không nghe tin tức thì không được. Nghe rồi thì rất dễ bị ngộ độc. Hãy tỉnh thức Chào Mặt Trời tinh khôi. Thượng Đế yêu thương truyền năng lượng, giúp ta thêm sức mạnh sống để yêu.

Nói xong, ông đứng dậy quả quyết và mau lẹ:

- Đã hết giờ. Mình phải về thôi. Thành gửi Mai Thục tập bản thảo nhật ký viết vào năm 2006.

Lê Công Thành và Kim Thái lên taxi lẫn vào phố cổ.

Câu chuyện vô tiền khoáng hậu giữa Lê Công Thành và Tôi sẽ còn tiếp diễn giữa Hà Nội không năm tháng.

Một mình tôi trở lại vườn Tháp Bút. Nam thanh nữ tú cười nói rộn ràng. Hân hoan tay trong tay tình tứ. Dòng chảy ái tình nay đã khác xưa. Từng đôi nam nữ váy ngắn, vai trần, chân thon, kề vai áp má, lướt qua lướt lại bên Hồ Gươm. Tiếng chàng mù dưới chân Tháp Bút thổi sáo và hát xẩm:

"*Cuộc sống là tình đời, tình người, tình vạn vật/ Chẳng có gì phải búa lớn đao to/ Cãi cọ nghĩ ra điều này sự nọ/ Rình rập nhau bóng tối tim đen/ Giật cướp, ném súng đạn vào nhau/ Ta yêu Đất Trời và mình ta ân ái/ Bao phát minh sáng tạo loài người/ Từ xửa xưa đã đầy dẫy trái đất/ Cha Rồng Mẹ Tiên thông tuệ hồn nhiên/ Phồn thực, yêu thương vô biên thần thánh/ Thời đại thịnh suy bao lần/ Vẫn lặp lại khúc bi hài nhân quả/ Chấp làm chi, lờ đi quái quỷ/ Tình yêu lớn người hòa muôn vật/ Vô lượng kiếp hóa sinh/ Tình ơi tình/ Ta đi với mình/ Hoàng hôn và bình minh/ Bầu trời luôn rạng rỡ/ Ngân Hà sao bừng nở hoan ca/ Đưa ta vào ái tình bất tận/*".

Hà Nội mùa thu. Sấu chín rơi. Từng bước chân chầm chậm, tôi cúi nhặt từng quả sấu hít hà sâu lồng ngực, tiếp vị hương thiếu nữ Hà Thành, cho mình thêm những giây phút trẻ trung, tươi sáng. Bên tôi, như có một người tình đằm thắm thả vào khoảng mơ lời tha thiết: "*Hà Nội mùa này sấu chín chưa em?*"

Chủ nhật 8- 9- 2013. Trời lại mưa xối xả. Ô che ướt lạnh mái đầu. Tôi không thể ra Bờ Hồ nhặt sấu chín rơi. Vô công rồi nghề. Tôi mở tập nhật ký Lê Công Thành- 2006.

Khoảng ba mươi bài thơ ngắn đánh máy. Không đề ngày tháng. Tôi đọc những dòng chữ là lạ. Chẳng giống ai. Nghĩ sâu sa tôi hơi ngạc nhiên. Những câu chữ như Ông Trời rót xuống. Không dám bàn thêm một lời nào. Tôi chép nguyên si ra hầu bạn đọc. Số thứ tự do tôi đặt, lọc từ đầu sách đến cuối sách.

1. Đã đến thời điểm. Mà mọi sự thật. Đều được hiện nguyên hình.

Từ cây kim, sợi chỉ cho đến một tòa nhà đồ sộ.

Tất cả bản chất hình hài đều tự nó lộ ra.

Cái ấy là cái gì?

Người ấy là ai?

2. Thời đại hôm nay. Ông Trời đưa ra một bài toán khó bề giải đáp.

Một bậc cao nhân thượng thặng. Sau khi lật ngược, lật xuôi bài toán. Ông chậm rãi bảo:

"Đợi đến lúc thời cuộc tự nó giải".

3. Cuộc đời chưa tận thế, nhưng là dấu chấm cuối cùng của nghĩ suy, ăn nói của những con người đã trải qua hàng nghìn năm tồn tại.

Nay mai đây nhân loại sẽ nghĩ suy theo cách khác. Hai chữ "Yêu nhau" cũng được nói ra bằng giọng khác.

4. Cuộc đời/ Đang đi vào hồi kết thúc/ Vở kịch/ Sắp hạ màn/ Mọi gút thắt/ Được tháo tung/ Các nhân vật trong vở kịch/ Đều được hóa giải/ Có kết thúc/ Bi/ Có kết thúc/ Hài/ Hay là kết thúc nửa khóc nửa cười/ Khi con người nhận ra mình quá u mê/ Ông Trời/ Người đạo diễn/ Sẽ tháo gỡ ra cái gút thắt này.

Ông Trời nhìn vào hôm nay/ Đất đai bị đào bới tùm lum/ Xây nên bao nhà cửa/ Cái cao, cái thấp/ Cái chọc trời cái như ổ chuột/ Các công trình dinh thự vua quan lộng lẫy một thời/ Rồi đổ nát/ Vùi dập xuống tận bùn đen/ Đất đai đâu cũng đều có máu và nước mắt con người/ Cỏ cây mọc lên cũng xơ xác đau buồn/ Ông Trời nhìn về quả đất rơi nước mắt/ Nước mắt biến thành sóng thần và lũ dữ/ Làm sạch Đất, Nước và Cỏ cây/ Để cứu vớt con người đang trong cơn nguy kịch.

5. Có những tài nguyên con người chưa nhìn thấy.

Nhìn thấy rồi cũng chưa biết dùng được việc chi. Khi biết rồi thì xô đẩy nhau vào tranh giành khai thác. Lợi ích vừa ló ra, tai họa đã ập đến. Khi phát lộ ra rồi, bọn cơ hội sẽ đến tận nơi/ Mang tai họa đến cho đời.

Viết lại những dòng chữ Trời ban cho Lê Công Thành cách đây bảy năm. Ngẫm sự đời. Nụ hồng hàm tiếu trên môi. Tôi hiểu mình có thêm một người bạn đồng hành, cùng nhau yêu Ông Trời.

Ông Trời

Thương tôi chỉ một Ông Trời
Tôi tin- Tin ở Ông Trời mà thôi
Trời cho người đất ruộng cày
Cho mưa nắng thuận hòa gió trăng
Cho muôn vạn vật hữu tình
Cho Thiên bẩm, cho quyền vô song
Họa phúc cũng bởi lòng Trời
Luật Nhân quả, Trời thương người hiền
Đấng Sáng Tạo công bằng minh triết
Thuận Trời Người nảy nở sinh sôi
"Còn Trời còn Đất còn non nước
Có lẽ ta đâu mãi thế này?"
Tôi cùng Trời Đất chung say đắm
Buồn vui thầm tỏ nỗi thẳm sâu
Bình tĩnh sống Chân Tâm lương thiện
Trước đảo điên Quyền lực và Tiền
Theo Ông Trời tiến hóa huyền vi
Thương yêu nhân loại chu kỳ mới
Trời nâng loài người lên tầm cao.
(Mai Thục)

Hồ Gươm Thu 2013

MAI THỤC



truyện ngắn

TRUYỆN TÌNH BÊN DÒNG SÔNG

HUY ĐỊNH

Tôi mừng đến nỗi đi ríu cả chân khi được Tiểu đội trưởng Mẫn đọc danh sách những chiến sĩ được thưởng phép đột xuất ba ngày.

Không kịp ăn cơm chiều, tôi nhét hết quần áo vào chiếc ba lô vừa đi vào chạy ra đường quốc lộ đón xe. Đêm mịt mùng, chiếc xe bịt bạt kín nhảy long sòng sọc trên mặt đường lượn sóng, nứt vỡ. Mờ sáng hôm sau, tôi đã đứng ở ngã ba huyện, quyết định đi bộ tám cây số về nhà.

- Anh Phương!

Nghe tiếng gọi thảng thốt, tôi quay lại. Trời ơi, người tôi gặp đầu tiên trên đường quê lại là Cúc. Cúc buông xe đổ ềnh giữa đường, sách vở rơi tung toé. Cô chạy đến nắm thật chặt cánh tay tôi như sợ người trước mặt mình chạy bay chạy biến trong nháy mắt. Cúc sờ hai vai, gỡ ba lô rồi cô đứng ngây như phỗng, nhìn tôi không chớp mắt. Tôi toét miệng:

- Trông anh tựa than Quảng Ninh lắm phải không?

Bất ngờ cô ôm chặt lấy người tôi, miệng hổn hển: "Không, anh của em đẹp lắm. Em bất ngờ quá anh ơi!".

Như chợt nhận ra hai đứa đứng ở ngã ba đường, thật may mới loáng thoáng có vài ba người gánh hàng ra chợ. Cúc nắm tay tôi, giục về. Tôi mắng nhẹ:

- Em định bỏ học sao, không được đâu nhé. Năm nay thi tốt nghiệp rồi còn thi đại học, em phải cố lên! Anh về nhà được ba ngày, chúng mình tha hồ mà nói chuyện!

Đang hớn hở là thế, nghe tôi nói xong mặt Cúc trùng xuống. Cúc cắn môi, ngước đôi mắt đen láy, nhìn tôi đầy trách cứ:

- Em không đi học nữa đâu. Huyện đang tuyển nữ vào bộ đội. Em phải đi biết đâu chúng mình được ở cùng nhau!

Tôi vỗ nhẹ vào má Cúc:

- Em trẻ con quá, thôi anh về tối nay sang nhà nhé!

Cúc chạy lại thu sách vở trên đất, cho vào cặp, dựng xe đặt chiếc ba lô nhẹ tênh của tôi vào chiếc đèo hàng . Cô xăm xăm dắt xe quay về làng, mặc tôi van nài em cứ lặng thinh. Buổi sớm mai của mùa hè miền quê trong lành, thanh khiết quá. Những cơn gió thổi từ phía sông làm cho mái tóc của hai chúng tôi bay bay. Cả một triền bãi ven sông dọc đường đê về làng, ngô xanh mơn mởn. Những con chèo bẻo đi ăn sớm đang chao lượn, réo rắt gọi nhau. Chiến tranh còn ở đâu xa lắm, làng quê tôi vẫn được hưởng những bình minh êm ả như thế này đây ...

Nhà tôi đông như có hội, vậy mà không hề thấy bóng dáng Cúc đâu. Lòng tôi bồn chồn, bao câu hỏi thầm ló trong óc mà không trả lời được. Thấy tôi đứng ngồi không yên, cái Thảo em gái tôi ghé vào tai: "Này người ta bị ốm bỏ học hai hôm rồi đấy!". Ba ngày sắp trôi qua, sáng mai tôi sẽ trở về đơn vị, không biết bao giờ mới trở lại thăm quê. Tôi thầm nghĩ chắc còn lâu lắm. Tôi ngồi như pho tượng ở đầu hè, nhìn ánh trăng thượng tuần chênh chếch thấp thoáng sau rặng tre. Tiếng kẽo kẹt của thân cây cọ vào nhau mỗi lần một cơn gió ào qua. Mọi người đã về cả, làng xóm tôi đi vào giấc ngủ bình yên. Tôi lững thững đi xuống bến sông quê. Nơi ấy đã in đậm kỷ niệm của mình mười mấy năm trời. Ngồi trên bãi cỏ, tôi tút từng cọng hoa mai cho vào lưỡi tìm vị ngọt. Đôi mắt tôi lơ đãng nhìn dòng sông quê lấp loá dưới ánh trăng ... Ngày mai mình lại phải rời bến sông này

biết khi nào trở lại. Bến sông quê này đã tắm cả tuổi thơ, mát dịu bao kỷ niệm thời niên thiếu. Tôi phải xa con sông ngàn đời nay vỗ về đôi bờ đất quê nhà. Con sông ấy đã đem phù sa bồi đắp cho ngô, khoai từ đời này sang đời khác, nuôi tôi lớn thành chàng thanh niên, thành anh bộ đội hôm nay ... Nhưng dòng sông này dù tôi có đi xa nhưng sẽ chẳng đổi thay còn Cúc xa tôi, chắc là tôi mất. Chẳng lẽ em thất thường như con nước lúc vơi lúc đầy kia sao ??? Bỗng một bàn tay mát và êm chịt ngang mắt. Tôi giật mình quay lại, Cúc đang hổn hển ở sau lưng.

- Sao Cúc không sang nhà cùng cái Thảo tiếp khách ?

- Khiếp, nhà anh đông thế em ngượng lắm!

- Sao em biết anh ở đây ?

- Anh tưởng hai đêm rồi em ngủ được sao. Đêm nào em cũng đứng ở góc sân nhìn ra dòng sông của chúng mình. Em nhìn sang phía nhà anh, em chờ một tiếng gọi nào có thấy. Nhìn thấy bóng anh xuống bến, em lén chốn bố mẹ đi theo anh đấy. Chúng mình đi xuống bãi đi anh!
Tôi và Cúc ngồi ở bờ cát sát mép sông mặc cho sóng xô những làn nước lên đôi chân. Cúc thì thầm:

- Tắm nước sông quê lần cuối để mai đi cho đỡ nhớ!

Vừa nói vậy, Cúc đứng dậy nắm tay tôi, hai đứa ào xuống nước. Chúng tôi ôm lấy nhau giữa dòng nước mát rượi của dòng sông quen thuộc. Dòng sông này đã chứng kiến cho tình yêu đầu đời của Cúc và tôi. Tôi mong cho trời đừng vội sáng. Đêm ấy hai chúng tôi quần áo ướt sũng, vương đầy cỏ hoa may. Khi hừng đông đã rạng, chúng tôi mới chia tay. Trước lúc rời bến sông, Cúc bắt tôi thề: "Hai đứa chúng con không được quên dòng sông quê dù có đi muôn nẻo". Chúng tôi lặng lẽ ghì chặt nhau trong vòng tay của tuổi hai mươi.

* * *

Sau bốn đêm liền, chúng tôi lặn ngụp dưới dòng sông để kiểm tra, xác định từng vị trí của chiếc tàu hơn một ngàn tấn đậu phía dưới cầu hơn cây số. Chiếc tàu chở vũ khí mới từ hạm đội bảy vào quân cảng Sài Gòn. Chúng tôi trình phương án lên cấp trên và được duyệt tác chiến đánh tàu. Chiều nay theo nguồn tin trinh sát báo về, ngày mai tàu địch sửa xong bánh lái và vào bến dỡ hàng. Chúng tôi nằm phục trong miệt vườn dày đặc cây chôm chôm, măng cụt, sầu riêng. Con tàu địch đỗ kia đen sì như một khối thép. Chúng ngạo nghễ mắc đèn sáng trưng. Phía bên kia thành phố điện sáng như ban ngày. Bọn Mỹ và quân địch suốt ngày đêm lướt tàu tuần tiễu bảo vệ. Những chiếc ca nô với đèn pha rực sáng lia quét khắp mặt sông, thỉnh thoảng chúng vãi đạn vào hai bên bờ cây tối um. Cành, lá, quả rơi xuống người, xuống đầu chúng tôi như ném đá.
- Toàn, Hiến mạn trái, Thể, Luận mạn phải còn tôi và Huy phụ trách khoang lái. Từng tốp dời bờ nước cách nhau năm phút, khi nào tiếp cận tàu bật tín hiệu!
Phân công và kiểm tra các tổ vừa xong. Chiếc ca nô địch áp sát bờ, mở hết ga tốc ngược dòng. Nước từ sông hắt lên chúng tôi ướt sũng. Tôi ra lệnh cho tổ Toàn xuất phát. Toàn, Hiến vừa lao xuống nước được mười phút, bỗng chiếc ca nô quay lộn lại xả đạn như xé nước.
Mười sau, hai mươi phút trôi đi không nhận được tín hiệu. Tôi khẽ rít lên:
- Thực hiện phương án hai!

Huy ở lại trên bờ, tôi cùng tổ của Thể lao mình xuống dòng sông ngay khi chiếc ca nô vừa vượt qua trước mặt. Chúng tôi tiếp cận tàu rất nhanh. Thể đã gài xong mìn phía mũi tàu, Luận trườn theo thân tàu lần đến đuôi tàu hỗ trợ cho tôi. Để đảm bảo chắc ăn, tôi ra lệnh:
- Đưa tất cả mìn dự phòng cho tớ, các cậu dời tàu ngay!

Luận thì thào :

- Anh Phương để em ở lại. Anh phải chỉ huy trận khác hơn nữa em đã có vợ và con trai rồi!
Tôi nghiến răng:

- Đưa ngay đây và rời tàu!

Thể và Luận rời mạn tàu, tôi gài mìn tăng cường phía bánh lái. Lặn ngụp vài phút để kiểm tra tôi mới vơ đám lục bình phủ lên mặt và trôi theo dòng nước. Bỗng hai chiếc ca nô chạy chéo cánh xẻ

từ dưới lên, soi đèn pha lục lọi và xả súng bắn như vãi đạn trên mặt nước. Tôi thấy đau nhói ở bắp chân trái, đầu gối chân phải như va vào thuỷ tinh sắc lạnh. Chân tôi không làm sao đạp nước được nữa. Tôi cố hết sức bám vào đám lục bình, tay kia vận động để không bị chìm xuống lòng sông. Cứ thế, dòng sông lặng lẽ đưa tôi trôi dạt. Một ánh chớp, hai ánh chớp loé lên phía con tàu, tiếng nổ long óc và sóng hất tôi tấp vào bờ lúc nào không hay. Khi thấy mình đau ê ẩm và choàng tỉnh. Cả người tôi bị sóng hất vào đám cây dừa đổ ven bờ. Tôi cố lết nhưng chân nặng như chì. Tôi đưa tay vuốt, khẽ rùng mình: "Thôi tôi mất hai cái chân rồi". Tôi lê người vào phía bụi cây, đầu gối va vào mấy cái cọc lổm chổm, măt tối sầm. Cả người tôi vật xuống bùn và nước ... " Hai con thỏ trắng đang vờn chiếc lá cỏ ven sông. Con thỏ bé cứ ngậm chiếc lá, con thỏ lớn cũng sán lại đớp lấy và giằng bằng đợc. Bỗng con thỏ bé nhả chiếc lá, vụt chạy ra phía bãi cỏ bờ sông. Con thỏ lớn thấy vậy, bỏ chiếc lá lao theo con thỏ bé. Nó cất tiếng gọi: "Cúc ơi, chờ anh với!"...

- Anh Hai mê sảng quá trời!

Tôi he hé mắt nhìn, một khuôn mặt bầu bĩnh lờ mờ lúc ẩn lúc hiện. Khi tỉnh hẳn, thấy cô đang cầm khăn lau mồ hôi vã ra khắp người tôi. ánh sáng ngọn nến nhập nhoà, những người vây quanh tôi như đang nhảy múa. Tôi quờ tay thấy lạnh và nhớp nháp, mở căng mắt mới biết mình đang nằm trong lòng đất.

Thấy tôi gọi nước uống, người đàn ông đeo kính trắng nói nhỏ nhẹ:

- Phải cắt bỏ một chân thôi anh bạn. Chân kia chỉ tháng sau sẽ lành!

- Thưa ông ... tôi sẽ tàn phế ?

- Đành phải chấp nhận, nếu không tính mạng anh cũng không giữ nổi!

Tôi dãy dụa và cố đạp vào bờ đất để vùng dậy. Song tim tôi thắt lại, người mềm như cọng dưa gặp lửa và nằm bất động.

* * *

Không biết bao nhiêu ngày trôi qua. Đêm đêm Sương cõng tôi lên khỏi hầm, ngày lại cõng tôi chui sâu xuống lòng đất. Khi tỉnh, khi mê nhưng lúc nào cũng thấy Sương ở bên mình . Tôi vật vã :

- Sao tôi không chết đi cho rồi!

- Anh Hai không được nói tầm bậy nào. Anh phải cố ăn cho chóng lành em và má mới ngủ! Má đang tính đưa anh về quê dưỡng bệnh đó!

- Tôi không đi đâu cả, cho tôi chết ở con sông này!

Sương dịu dàng nắm lấy tay tôi vuốt ve và nựng:

- Anh Hai giỏi quá đa. Các anh đánh đắm chiếc tàu cả ngàn tấn của địch!

Mắt tôi sáng lên, hỏi dồn Sương:

- Sao em biết ?

- Trời, em có cả báo Sài Gòn đây nè. Chúng tức tối lắm, cả tuần nay quần đảo bức hiếp bà con dọc hai bên bờ!

Sương đọc cho tôi nghe rõ từng câu. Tôi sung sướng khi biết mục tiêu chúng tôi chọn đã xoá được. Một chiến công ngay giữa mũi quân thù. Bỗng lòng tôi đau nhói, tức thở nghĩ đến Toàn, Hiến, Luận, Thể. Bây giờ chúng nó ở đâu, có đứa nào bị sao không ? Tôi cố gượng ngồi dậy hỏi Sương:

- Em có nghe tin gì người đằng mình không ?

- Dạ, hổng có đâu. Người thì bảo hy sinh hết cả rồi. Người lại bảo : "Đặc công mình giỏi quá, đánh xong là biến mất tăm chẳng để lại dấu vết gì!". Thấy vậy, bọn địch càng ruồng bố dữ dội ... Tôi lặng người, đổ ềnh xuống tấm liếp kê làm giường. Sương sợ quá, ôm lấy vai tôi vừa lắc vừa gọi: "Anh Hai, anh Hai đừng chết!".

Sương lấy khăn chấm những giọt nước mắt ứa ra trên hai khoé của tôi.

- Trời ơi, anh Hai khóc như con nít nè!

Bỗng tôi ôm choàng lấy Sương, gục đầu vào lồng ngực em tức tưởi gọi tên từng đồng đội. Sương đờ đẫn, cứng người khẽ gỡ đôi tay tôi và cầm khăn lau nước mắt. Má Sương đưa cháo xuống, nói với hai đứa:

- Không thể để thằng Hai ở trên này được nữa. Ngày mốt bố trí cho nó về dưới quê ngoại mới yên!

Biết mình không còn ích gì cho cuộc chiến đấu này. Tôi cắn môi đến bật máu rồi thưa với má:

- Con gửi cuộc đời còn lại của mình cho má và em. Khi nào khỏi con sẽ tính sau, con ơn má!

- Thằng này nói tầm bậy tầm bạ chi mày. Bà con tìm mọi cách cứu sống và bảo vệ con. Ngày mốt mạnh giỏi, nước nhà thống nhất nhớ về thăm má là được! Tôi đành im lặng tuân theo sự xếp đặt của số phận.

* * *

Tôi về bên bến sông Hàm Luông quê ngoại của Sương. Sương mơn mởn như bông hồng hàm tiếu dưới ánh nắng ban mai. Tóc dài và đen đổ trên tấm lưng tròn lẳn. Em cầm sào đẩy xuồng đưa tôi đi thăm khắp miệt vườn bao la. Ngày ngày Sương chở trái cây đi bán, tôi ngồi câu ở bến sông trước nhà đợi em về. Má Sương lo cho tôi một lí lịch giả nên được sống yên lành giữa vùng kiểm soát của địch. Mỗi lần bọn lính địch kéo nhau đi nhậu nhẹt, qua nhà chúng lại cười khả ố, trêu trọc:

- Cô Sương ơi, trẻ quá ha mà chịu lấy một thằng phế binh. Bỏ quách đi theo bọn anh cho sướng đời!

Tôi nghe thấy thế vừa tức vừa hận. Nhìn cái ống quần buộc túm lõng thõng bên chiếc chân cụt mà uất. Nhiều khi chịu không nổi, cái tức ập đến bất thường, tôi lại chửi đổng :

- Tổ cha chúng mày, tao tàn phế để cho chúng mày lành lặn đi chọc gái hả ?

Sương sợ tôi cuồng, vội vã chạy ra dìu vào trong nhà.

- Anh kêu chi cho khổ, kệ người ta em có bỏ anh đâu mà la hoài!

Chúng tôi trở thành vợ chồng từ lúc nào không hay và bé Thuỷ Chung ra đời bên một dòng sông xa quê tôi cả ngàn cây số. Đã bao đêm tôi thức nghe sóng vỗ, nghĩ như xẻ óc mình. Bao đêm nằm quạt cho mẹ con Thuỷ ngủ, còn tôi dán mắt vào đêm đen nghĩ về bến sông quê.

Đất nước mình giải phóng đã bốn năm rồi. Tôi xa đất quê nhà đã chọn chục năm. Tôi biết bố mình, em Thảo đang ngồi đếm từng ngày và sống trong vô vọng. Còn tôi đang chôn vùi tên mình, cái tên Phương ở một dòng sông xa lạ. Tôi đã trở thành một kẻ bội bạc với em. Dòng sông vẫn lặng lẽ trôi, còn tôi cứ sống lặng lẽ như những hạt phù xa nhỏ bé. Những người thân của tôi vẫn sống trong khắc khoải đợi chờ ...

* * *

Chiếc xe tốc hành dừng bánh, Sương đỡ tôi xuống xe và quay lên lấy đồ. Hai bố con tôi đứng ở đầu đường đê, con đường hơn mười năm tôi trở lại . Nhìn dãy cây gạo ven đê đỏ rực hoa. Nhìn cánh đồng ngô xanh ngan ngát, từng đàn én chao mình trên cánh đồng lúa thì con gái ... Xa xa phía dưới kia là cây đa làng tôi ẩn hiện trong mây. Sương để hai bố con tôi đứng đó, cô chạy vào cửa hàng bên cạnh mua mấy thứ lặt vặt. Ấp mái đầu con Thuỷ vào má, tôi xúc động trào nước mắt.

- Ba ơi, sao ba lại khóc nè ?

- Ừ, ba sung sướng quá khi về đến quê nhà. Ba thầm ơn ngoại, ơn má Sương đấy!

- Ba đi đánh Mỹ chắc nội không mắng ba đâu!

- Ba có tội với nội, với mọi người, với quê hương vì ba để mọi người phải đợi chờ!

- Con sẽ bảo với nội là ba bị bệnh nên ba không về ngay được. Chắc nội thương ba lắm!

- Ừ nội thương ba, thương má Sương và thương cả con nữa!

Tôi thấy lồng ngực mình như bị chèn ngang đến tức thở khi xe dừng ở gốc đa đầu làng. Chúng tôi lấy đồ, chiếc xe quay đầu về huyện. Bọn trẻ thấy người lạ bu đến. Tôi hỏi bọn chúng:

- Các cháu ơi, cô Thảo nhà ông Tính lấy chồng chưa ?

- Lấy lâu rồi, chú quen cô Thảo à ?

Một thanh niên niên đi xe đạp đến, nó chố mắt nhìn tôi và kêu thật to:

- Ôi! Chú Phương nhà bác Tính chúng mày ơi!

Nó rẽ bọn trẻ con, lao đến lật mũ tai bèo của tôi để ngắm, rồi nó ôm chầm lấy tôi khẳng định:

- Đúng chú Phương đây rồi! Chú Phương còn sống thật đây rồi!

- Cháu con nhà ai ?

Chàng trai không trả lời tôi, chạy như bay vào làng vừa đi vừa la đến khản cổ :

- Chú Phương còn sống, chú Phương về đây rồi!

Mọi người đổ xô quây lấy chúng tôi. Mỗi người nói một câu :

- Khổ quá, năm báo tử chú ông cụ chết đi sống lại mấy lần. Nhờ bà con, chính quyền cứu chữa chăm lo nên thoát được nhưng mờ cả hai mắt rồi!

Tôi nghe được thế, khuỵ người xuống đường. Sương vội ôm ngang người tôi cố nâng dậy. Mọi người dìu chúng tôi về tận đến nhà...

Cuộc hội ngộ bất ngờ đã đem lại đôi mắt cho ông cụ. Nhìn lên tấm ảnh trên bàn thờ, ông chậm rãi nói với tôi:

- Mấy hôm sau ngày truy điệu anh, chị em cái Cúc, cái Thảo lập bàn thờ anh đấy! Hôm nào chúng nó về cũng để hoa thắp hương hàng nửa giờ!

Tôi lặng câm ngồi đốt thuốc như hun chuột. Tôi biết Cúc đã lấy chồng sau ngày tôi "mất" một năm. Bây giờ em đang là Hội trưởng Hội phụ nữ huyện nhà. Mấy đêm liền, tôi lang thang như kẻ mộng du ở bến sông quê. Sương vừa ân hận, vừa lo tôi gục ngã vì bệnh tật và suy nghĩ thái quá. Ngày mai chúng tôi tổ chức lễ cưới sau sáu năm chung sống lặng lẽ bên nhau. Trăng đã lên, mọi người xúm xít bàn chuyện ăn uống. Tôi lững thững chống nạng men theo con đường làng xuống bến sông.

Sóng vỗ ì oạp vào bờ đất. Dòng nước lấp lánh ánh bạc. Dòng sông quê vẫn hiền hòa êm trôi mà sao đời tôi đầy sóng. Cúc ơi, em tha thứ cho anh. Dòng sông ơi hãy xoá lấp lời thề của tôi cùng em một đêm nào ... Tôi cứ đi lại trên bờ cát cho đến khi Sương đến bên cạnh lúc nào không hay.

- Anh, về đi kẻo ốm!

- Cứ để anh ở đây một mình!

- Thôi, anh tha thứ cho em. Em đã thú tội với ba và cô Thảo về chuyện dấu tất cả thư anh gửi về ngoài Bắc. Chỉ vì em ích kỷ, em sợ mất anh!

Tôi đứng lặng nhìn dòng nước êm trôi, Sương vẫn ôm chặt lấy tôi thì thầm to nhỏ. Không , tôi không thể trách Sương. Tôi quay lại ghì đầu Sương vào lồng ngực ốm yếu của mình.

- Em đừng nghĩ ngợi nhiều. Tình nghĩa vợ chồng đâu phải hương hoa để chia đều. Anh có em là toại nguyện lắm rồi!

Sương dìu tôi bước đi, cát mát rượi dưới bàn chân. Cát và phù xa ở dòng sông nào cũng giống nhau, chỉ có cuộc đời mỗi con người là một khác. Sương khe khẽ reo lên:

- Anh à, sáng nay em và cô Thảo vào cơ quan chị Cúc. Chị hẹn ngày mai sẽ về thật sớm. Lúc tiễn hai chị em ra cổng, Chị Cúc ôm mãi lấy em nhắc đi nhắc lại: "Nhất định mai chị sẽ về!".

HUY ĐỊNH



VĂN HỌC, VĂN HOÁ và GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

TRẦN NHUẬN MINH

Chưa bao giờ đời sống xã hội của mọi người dân được cải thiện như bây giờ, nhưng cũng chưa bao giờ đạo đức xã hội, bắt đầu từ nhiều gia đình, xuống cấp đến mức thảm hại và thảm bại như bây giờ. Rất nhiều ngôi nhà cao tầng và biệt thự hiện đại được xây dựng, với những tiện nghi đắt tiền mua sắm của nhiều nước châu Âu, nhưng trong cao tầng hay biệt thự đó, không ít gia đình tan nát, có trường hợp có án mạng. Hăng ngày báo đưa tin, cùng với việc khánh thành nhà máy này, khai trương công ti nọ, kinh tế tăng trưởng, vân vân... là hằng loạt vấn đề nhức nhối đau lòng, có lẽ ít có hoặc chưa từng có trong xã hội Việt Nam. Đó là học sinh đánh cô giáo trụy thai ngay trên bục giảng, thầy giáo đặt camêra quay trộm nữ sinh đi đại tiện trong nhà vệ sinh, ông hiệu trưởng cưỡng dâm học sinh mới 14 – 15 tuổi phải ra tòa... Rồi vợ đổ xăng thiêu chồng lúc chồng đang ngủ trưa, chống chặt vợ làm nhiều khúc, cho vào va li thả trôi sông, cháu giết bà nội chỉ để lấy 200 ngàn đồng mua ma túy... Rồi có vị quan làm đến chủ tịch tỉnh mà chơi gái bán dâm, cứ để tô hô như thế mà chụp ảnh... Rồi ông Viện phó Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, buổi sáng còn giảng cho cơ quan chống tham nhũng học tập đạo đức Bác Hồ, buổi chiều đã đi gạ kẻ phạm tội hối lộ cho mình để được giảm án, đã bị bắt quả tang... Xin thưa, không thể nào kể xiết, và nếu báo không đăng, tòa không xử... thì có lẽ có người còn cho đó là những chuyện bịa tạc để bêu xấu xã hội tốt đẹp cuả chúng ta.

Quả là xã hội của chúng ta trên tổng thể là tốt đẹp và điều đó hoàn toàn là có thực, ai cũng dễ nhận ra. Nhưng những mặt trái của nó thì đã đến lúc cần phải bình tĩnh mà nhìn cho ra vấn đề và tìm cách khắc phục cho bằng được. Tất nhiên đó cũng là việc của toàn xã hội và các ngành pháp luật, nhưng để đến lúc các ngành pháp luật phải vào cuộc thì về cơ bản, chúng ta đã thất bại rồi. Vì đó bao giờ cũng là việc cực chẳng đã...

Có nhiều góc độ để soi xét. Tôi chỉ xin nói ở một góc độ mà tôi luôn quan tâm là giáo dục gia đình. Vì ta thường nói, gia đình là tế bào của xã hội. Trước hết là có không ít ông bố bà mẹ hư hỏng, mà nhiều hơn cả là các vị bố mẹ là cán bộ các cấp. Đây là bài học trực tiếp đối với các con, sâu sắc và có hiệu quả cao hơn bất cứ bài học nào trong nhà trường, Xuất phát từ nghèo đói lại đi qua chiến tranh, với nhiều ràng buộc của đạo đức ít nhiều có tính Khổng giáo, nên đến khi đổi mới, bước vào cơ chế thị trường, "bung ra"... cán bộ là dễ hư hỏng nhất. Bố mẹ tham ô thì con cái ít biết, chứ bố mẹ nhận hối lộ thì con cái nào cũng biết cả. Rồi ngoại tình... Tôi nhớ dạo lâu có đọc một truyện ngắn của một nhà văn nữ, rất có tài, khi đó còn là một cây bút trẻ, đại khái rằng, cô bé này (nhân vật trong truyện) rất khâm phục bố, bởi bố luôn dạy con về vẻ đẹp cuả lí tưởng, của đạo đức... Rồi một lần cô dọn giường cho bố thấy trong gối có 1 thư của một tình nhân gửi cho bố mình gợi lại cả những kỉ niệm không quên được trong các cuộc ân ái... Cô bé để lại thư vào gối cho bố như cũ... cô không hề nói gì với ai, chỉ lặng lẽ buồn. Tất cả đều vẫn bình thường, nhưng ở chỗ thiêng liêng nhất trong lòng cô thì không còn bình thưỡng nữa rồi. Ông bố chỉ thấy con lảng tránh các cuộc tâm sự chuyện trò với mình mà không hề biết rằng, cô đã nhìn bố bằng con mắt khác. Cô cảm thấy mình đã bị lừa và bố có nói lí tưởng gì, đạo đức gì....cô cũng không thèm nghe. Có một cái gì cao cả thiêng liêng ở trong lòng cô, đã chết. Cô bé sẽ lớn lên và hành động thế nào sau này... chúng ta có thể hình dung được...

Tôi đã 25 năm là ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh. Tôi xác nhận rằng, có những xứ đạo từ trước đến nay, không có người trộm cắp, hiếp dâm, không có người nghiện ma túy, càn quấy gây rối, cũng không có người trốn tránh nghĩa vụ quân sự. Vào thăm nhà người có đạo là nhận ra ngay, vẻ chân thành lịch lãm của họ, dù chủ nhà là bà quét rác, hay ông

phu hồ, thợ xây... Trong nhà họ có một nền giáo dục nhất quán, đàng hoàng, mà khởi nguồn là từ Kinh Thánh. Kinh Thánh dạy nhiều thế hệ người Công giáo cùng với đức tin, trong đó Chúa của họ vừa cao cả vừa tầm thường, rất gần với mọi người lao động, nhưng trước sau thủy chung ân nghĩa và làm nhiều việc thiện vì người khác, kể cả việc hút mủ cho một bệnh nhân bị dẻ củi, tức là phong hủi. Điều mà ở đời, không ai dám làm. Trong nhà người Công giáo nào cũng có quyển Kinh Thánh. Để thay cho một cam kết, hoặc một lời thề, họ đặt tay phải lên quyển Kinh Thánh mà không cần phải nói một câu nào. Kinh Thánh dạy họ nhiều điều, và điều quan trọng nhất là đức tin, nhưng rất đáng chú ý là những điều rất cụ thể trong cách ứng xử hằng ngày mà đến nay nhiều điều vẫn thấy còn có ích và có thể làm được. Ví như Chúa dạy, khi được mời đi dự tiệc, con nên đến, không đến họ sẽ khinh, nhưng đã đến trong tay con phải mang theo một thứ gì. Rồi khi vào bàn tiệc, con nên đưa mắt nhìn xem mình nên ngồi với ai, cố không ngồi với những người có chức vụ cao hơn hoặc giầu sang hơn, vì ngồi với họ, con sẽ ăn mất ngon. Và nếu nghĩ là mình đáng ngồi bàn loại 2 thì con ngồi ở bàn loại 3, như thế khi cần chủ tiệc sẽ mời con lên mà không bao giờ phải bảo con dời chỗ... Rồi con cố không là người đầu tiên gắp trước món thức ăn mà con cho là ngon nhất trên bàn tiệc... vân vân... Rồi một trang khác, Chúa dặn: hằng tuần, con xem mình có điều gì sai trái thì thú tội với cha, hoặc đến nhà thờ tự sám hối (như ta thường nói là tự phê bình...) lòng con sẽ luôn được thanh sạch... Đạo đức gia đình và xã hội đã khởi nguồn từ đó, cũng là từ văn hóa, văn học.

Còn ta, ta dạy các con cháu đủ mọi điều lớn lao, đối với tổ quốc, với nhân loại... Cái đó là rất đúng, nhưng cùng với điều ấy, việc đối xử với bố mẹ, với thày giáo, với người già cả ốm đau khuyết tật, cơ nhỡ... Rồi khi đơn giản nhất là khách đến nhà, thì ứng xử thế nào, thì lại không có sách nào dạy cả. Tôi vốn là một thày giáo, tôi biết rất rõ điều đó. Tôi rất nhớ khi tôi mới lên 8 tuổi, tản cư ở một làng tề, con ông chủ nhà, tôi ở nhờ, học thuộc lòng bài gì đó trong sách ***Cách trí,*** trong đó dạy học trò khi đi đường gặp một đám tang thì cư xử ra sao... Tôi chỉ nghe lỏm rồi nhớ mãi và đến giờ, khi đã 70 tuổi, tôi vẫn hành xử theo sách ***Cách trí*** thời Tây mà tôi nghe lỏm được từ miệng con ông chủ nhà trọ, năm tôi 8 tuổi. Tôi rất đau xót trước cảnh:

Khách đến nhà trẻ toàn nói trống không
Khó lòng sai đun nước hay giữ chó

Chúng đến trường tay dây mực xanh đỏ
Bôi lên lưng áo các thầy cô

Sách cấm xưa lòe loẹt cổng Đền thờ
Ngõ tối bật tiếng cốc xê tanh tách
Gã trốn tù – tội đánh người và khoét ngạch
Vào quán ghếnh chân làm chóac bia hơi...

Tất nhiên sách xưa cấm mà nay được in lại, là một điều đáng mừng, nếu nó thực có giá trị như ***Bỉ vỏ, Giông tố...*** nhưng in bìa lòe loẹt với các hình người khêu gợi và bày bán trước cửa các đền thờ thì lại là điều không nên. Nó làm giảm sự tôn kính ở những nơi linh thiêng, rất có hại cho môi trường giáo dục, nhất là với lớp trẻ. Dường như các vị phát hành sách không mấy ai nghĩ đến điều này

Trong sự hứng khởi của nhiệt tình cách mạng, ta đã phá bỏ nhiều đình chùa, nhiều di tích lịch sử văn hóa, trong đó có cả những giá trị tinh thần mà nhờ nó, dân tộc ta mới còn lại đến ngày hôm nay. Tôi đã chứng kiến những việc đau lòng đó và nhớ khôn nguôi đến tận bây giờ. Và bây giờ, ta lại xây ào ạt đình chùa, số người đi xem bói và cúng khấn không sao đếm xuể... Ở một số việc cụ thể, có khi có những định hướng đúng, nhưng những người thực hiện, do quá nhạy bén và mẫn cán, thường sốt sắng hoàn thành nhiệm vụ, cứ nhảy nhoàng một cái từ tả sang hữu, rồi khi được chấn chỉnh những cái quá đà, lại nhảy nhoàng một cái từ hữu sang tả... Thành ra có trường hợp sửa mà vẫn sai, thậm chí càng sửa lại càng sai là vì thế. Những điều ấy, con cháu ta đều biết, nó có tác động vào tâm lí và hành xử của các thế hệ con trẻ như thế nào... chúng ta có thể hình dung được.

Tôi nói những điều ấy không có ý là, cố tìm những cái gì ta đã lầm lẫn ở thời còn ngây thơ ấu trĩ, để mà phê phán, hoặc những giá trị ít nhiều, đã có một thời loại bỏ mà đem ra ca ngợi như một

thứ phản ứng ôn hòa nào đó, xin được hiểu cho, không phải thế, mà là, với một thái độ trung thực, cố tìm cho ra những căn nguyên sâu xa, hoàn toàn không đổ lỗi cho khách quan, để tự giải thích cho mình, và từ đó hé lộ ra các giải pháp có khả năng loại trừ từ gốc, có hiệu quả, những tiêu cực đã từng nảy sinh. Cụ Nguyễn Trãi dạy: "*Hoạ phúc hữu môi phi nhất nhật* "(Họa và phúc đều có nguyên nhân và không phải từ một ngày). Đó là điều ta cần suy ngẫm.

Một căn nguyên khác. Tiếng ru con ngày xưa trong các làng quê, có giá trị tương tự như một thứ Kinh Thánh của người Việt, nhiều nơi bây giờ cũng không còn. Có một phần do tác động tiêu cực của đời sống đô thị hóa rất nhanh, và một phần khác, là lớp cha mẹ thế hệ mới ít nhiều xa dần với cội nguồn văn hóa dân tộc. Đây là một thực cảnh có thể thấy ở bất cứ đâu, mà tôi đã ghi lại:

Buổi sáng đi xóm cũ vẫn là Làng
Buổi chiều về Làng đã xoay thành Phố
Nhà đã tắt tiếng ru con muôn thuở
Tục ngữ ca dao chết trong sách giáo khoa
Lũ trẻ ngủ chấp chờn
Trong nhạc Rốc phát qua loa...

Các nhà dân gian học, dân tộc học, đã chứng minh tiếng ru tác động sâu sắc và có tính định hướng như thế nào đến cuộc đời của con người. Trong tập thơ ***45 khúc đàn bầu của kẻ vô danh***, tôi có viết:

Nghệ thuật là gì ư?
Ta đâu có hiểu
Nhưng ta biết
Lưỡi kiếm ra trận của người anh hùng
Đã tôi trong Lời Ru của mẹ
Và trái đất quay trong từ trường của những câu thơ
Mà còn đến bấy giờ...

Chả ai chú ý đến điều này, kể cả Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp. Có chú ý chăng là Hội Văn nghệ dân gian, nhưng hiệu lực của việc làm này của Hội Văn nghệ dân gian vào đời sống xã hội, thì không được bao nhiêu.

Ngày xưa, các cụ thường soạn ***Gia huấn ca*** dể dạy con cháu. Trong thơ văn của ta, ta ít chú ý đến điều này. Sách Nhà xuất bản Kim Đồng và nhiều sáng tác cho thiếu nhi, thì rất chú ý đến yêu cầu giáo dục, nhưng lại viết khiên cưỡng và có tính áp đặt. Ví như bài thơ khá nổi tiếng được phổ nhạc, trẻ con hát nhiều lần trong tuần hàng vài chục năm nay, có câu: " *Anh bộ đội đến nhà / Cho em lòng dũng cảm* " . Sao lòng dũng cảm lại cho dễ dàng và vội vã thế, thì thuyết phục làm sao được các em. Tôi vốn là một ông giáo, tôi biết, trong các bài giẳng ở trường phổ thông, đều có phần liên hệ với thực tế, nhưng cứ đến đó là thấy cô giáo đưa luôn các khái niệm chính trị vào, nhiều khi sống sượng và không hẳn đã phù hợp với nội dung bài giảng, nên không có mấy tác dụng, thậm chí ngược lại, tạo tâm lí chán nản khi tiếp thu những giá trị đạo đức, nhất là đạo đức cách mạng, từ các bài giảng. Ở đây, sự nhuần thấm những giá trị của cách mạng, cần được chuyển hóa tới học trò bằng cả tâm hồn và sự rung cảm của mình, thì mới có khả năng chinh phục các lớp học trò, cái mà nhiều thầy cô giáo nhất là các thày cô giáo dạy các môn khoa học tự nhiên, không có hoặc có thì sơ cứng, nói lấy được, nói cho xong như yêu cầu đã soạn ở đầu bài. Tôi đề nghị ngành giáo dục xem xét điều này.

Tôi thấy cần phải dạy con mình điều mà các nhà trường không dạy là đối xử cụ thể với người ăn mày, mà có dạo ngày nào trước cửa nhà tôi cũng có. Tôi viết bài ***Dặn con:***

Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn

Nhà mình sát đường họ đến

Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào...
Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán

Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vần xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...

Đến bài ***Trong nhà*** thì hiện thực lại là điều quan tâm chung của nhiều gia đình trong xã hội ta:

Non sông dù đã thay
Mặt người thì vẫn cũ
Đi hết một vòng đời
Lại gặp mình thuở nhỏ
Chim ưng ăn thị vịt
Người xưa đã thế à
Nhìn cõi lòng con cháu
Biết cội nguồn ông cha

Danh dự là tài sản
Cha giữ dành cho con
Con chỉ lớn, chỉ khôn
Khi sống vì người khác

Bảo con, con chẳng hiểu
Dạy cháu, cháu chẳng nghe
Đành mình nói với mình
Cuối cùng không nói nữa...

Không gì đau khổ hơn khi bố mẹ bảo con mà con không nghe, khi ông bà dạy cháu mà cháu không hiểu, mà những điều bảo ban dạy dỗ đó đều là những điều cần thiết và đơn giản của lẽ sống làm người,, ví như sự giữ gìn danh dự, và đó mới là tài sản lớn nhất của mọi đời người. Nước Nga có câu ngạn ngữ: "*Hãy giữ gìn danh dự / Từ khi còn trẻ trung.*" Rồi nạn bạo hành gia đình, chồng đánh vợ và bây giờ thì có cả vợ đánh chồng, vợ đổ xăng thiêu chồng lúc chồng ngủ trưa, cha đánh con và bây giờ thì có cả con đánh cha, thậm chí giết cha... Rồi bệnh thành tích, hình thành một thứ đạo đức giả, một kiểu hành xử gian dối, rất phổ biến... Rồi phim truyện với những cảnh ân ái, đâm chém, những thủ đoạn hãm hại người tốt, thậm chí toàn bộ phim truyện là một bài học rất hấp dẫn, dạy người xem cách hại người, cách giết người rồi phi tang như thế nào.....dù đó không phải là mục đích của nhóm làm phim, nhưng ý nghĩa khách quan và tác dụng vào thực tế lại là như thế, mà chẳng ai lưu tâm... đủ mọi thứ tác động vào đời sống và tâm lí của toàn xã hội, trong đó có lớp người rất nhạy bén và tiếp thu nhanh là lớp trẻ. Từ đói rét nghèo khổ lại đi qua sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh, chúng ta chỉ chú ý đến làm giầu. Có trường hợp làm giầu bằng mọi giá. Trước vì nghèo khổ quá mà " *Bầu ơi thương lấy bí cùng*". Bây giờ vì giầu có mà sinh ra li tán, đánh đập chém giết lẫn nhau, Vấn đề là ở đâu? Cái gì tất yếu nó đến thì nó đã đến. ***Họa phúc hữu môi phi nhất nhật*** mà. Và chúng ta có mặt ở đây là một trong nhiều biểu hiện rất nhạy bén và tích cực để cùng nhau xem xét lo toan...

Theo tôi, văn học, văn hóa chỉ là một trong những giải pháp, nhưng trước hết hãy bắt đầu từ đó. Tại diễn đàn này, tôi xin đề nghị 4 điều cơ bản , đại lược như sau:

1 – Chú ý trước hết là sách giáo khoa, trong đó tăng cường các bài dạy ở tất cả các cấp học, về lòng nhân ái, về việc giữ gìn nhân phẩm và danh dự, để các con cháu ta biết làm người rồi sau đó mới làm cán bộ hay chiến sĩ. Tôi không rõ sách giáo dục công dân gần đây nội dung có cải tiến gì không, nhưng nên có một hệ thống bài dạy học trò ứng xử trong các tình huống cụ thể, từ gia đình rồi mới đến xã hội, để hi vọng lớn lên các cháu là đứa con có hiếu, làm dâu thảo, rể hiền, biết nuôi dạy con mình và biết lo toan cho bố mẹ, phụng dưỡng ông bà... Cái gốc là từ đó đã. Tôi không tin những đứa con lếu láo, những thanh niên hành xử vô văn hóa ... lại có thể trở thành người cán bộ tốt, người chiến sĩ tốt...

2 – Giáo dục phải được xã hội hóa, có hệ thống, bài bản, cho các thế hệ thanh thiếu niên về truyền thống đạo đức của dân tộc, lòng nhân ái bao dung, thương người, cưu mang giúp đỡ người khó khăn cơ nhỡ, tàn tật... đối xử rộng lượng với những lỗi lầm của người khác, biết bảo vệ từ con vật đến cái cây... Mẹ tôi dạy anh em tôi từ thuở bé: "Những đứa trẻ tay cầm con dao, cứ thấy cây nào cũng chém chơi một nhát thì đừng nghĩ lớn lên nó biết thương người..." Và điều quan trọng hơn nữa là xây dựng một đời sống xã hội lành mạnh, có đức tin. Mất niềm tin là mất tất cả. Báo chí luôn đề cao những tấm gương hiếu thảo, những gia đình có văn hóa ứng xử cao đẹp với cộng đồng, làm những việc nhân nghĩa. Ví như có một lần lũ lụt ở miền Trung, có hai cha con đánh thuyền đi cứu hàng trăm người bị nạn, khi về nhà, nhà trôi, bữa ăn không có đến cả gói mì ăn liền... Những người như thế, nên phong danh hiệu anh hùng và có chế độ đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích làm việc thiện. Nên luôn tổ chức các cuộc gặp gỡ, tôn vinh, những ông bố bà mẹ dạy con ngoan, hướng dẫn con thành hiền tài, biểu dương những người con có hiếu, dâu thảo rể hiền... có danh hiệu cho những người này, như nhà nước phong kiến xưa, với lập trường bảo thủ, lễ giáo cứng nhắc, đã từng tôn vinh "tiết hạnh khả phong" cho các thiếu phụ... vân vân...

3 - Phát động sáng tác các thể loại, nhất là thơ, văn và ca khúc, về truyền thống đạo đức Việt Nam, về phẩm chất nhân nghĩa cao đẹp (chứ không phải chỉ có anh hùng) của con người Việt Nam từ xưa đến nay, và chọn những cuốn sách có sức thuyết phục nhất phát động cho toàn xã hội đọc, nhất là các thế hệ thanh thiếu niên, như ngày nào chúng ta đã tổ chức toàn dân đọc, và toàn thanh thiếu niên phải học ***Lôi Phong*** của Trung Quốc và ***Sống như anh*** . Hai tác phẩm này đâu phải đã hay mà tác động vào đời sống rất mạnh.

4 - Lên án và xử nghiêm những hành vi vi phạm đạo đức lễ giáo gia phong, có khung riêng. Ví như tội đánh thày giáo, giết cha... không thể xử chung như tội đánh người giết người .... Cũng như thế, những cán bộ được giáo dục, hưởng lương từ tiền thuế của dân, mà đàn áp dân, can tội hiếp dâm, ăn hối lộ, vì tiền làm sai lệch hồ sơ vu oan giá họa cho người lương thiện... thì không chỉ có lời xin lỗi và bồi thường (mà hiện nay mức bồi thường quá thấp). Việc đó, bản thân nó đã phản giáo dục, chưa kể các hành động bao che còn làm cho sự việc xấu thêm rất nhiều... Dân gian có câu án mạng thì trả mạng. Tôi đề nghị Quốc hội xem xét bổ sung vào Bộ Luật hình sự: những kẻ tra tấn ép cung, xử sai, bắt người ta đi tù oan, thì, ngoài bồi thường thiệt hại đúng mức cho người bị oan, phải chịu án tù 50 % số thời gian ghi trong án đã tuyên, mà người bị oan đã phải chịu... Chỉ có thế mới răn đe được cái xấu, mới khuyến khích được cái tốt, khẳng định đức liêm chính của chế độ ta và thực hiện pháp luật công bằng có hiệu quả. Và đó sẽ là bài học lớn nhất mà cả xã hội quan tâm, sẽ có tác dụng hướng dẫn hành vi suốt đời cho bất cứ người nào, nhất là các bạn trẻ mới bước vào đời, mới bước vào nghề.

Trong tình hình những cái xấu đang phổ biến như hiện nay, tiễu trừ cái xấu có hiệu quả, thành tựu cũng ngang, nếu không nói là cao hơn, trong việc lấy lại niềm tin cho cộng đồng, để xây dựng một xã hội lành mạnh, góp phần đề cao Cái Đẹp, Cái Thiện, nơi Con Người và xã hội Việt Nam, chính vì điều cần kíp đó, mà hội thảo này đã được tổ chức tại đây.

Viết tại TP Hạ Long 5 / 7 / 2014

Tham luận tại Hội thảo " Văn học nghệ thuật và vấn đề đạo đức xã hội" Hà Nội, tháng 8/ 2014

TRẦN NHUẬN MINH



tìm hiểu

NGƯỜI ĐẶT TÊN CHO HÀ NỘI XƯA LÀ THĂNG LONG

ĐỖNG NGỌC HOA

Chuyện kể rằng: ngày xửa, ngày xưa có một cô gái người ở châu Cổ Pháp (Bắc Ninh ngày nay) rất xinh đẹp, da trắng, tóc dài, cổ cao ba ngấn. Con người má thắm, môi son, mắt phượng mày ngài ấy tuy đã ngoài 30 tuổi, duyên phận chưa đến hay sao mà lại ra chùa Cổ Pháp ở để từ chối bao chàng trai cùng quê dạm hỏi.

Bà được sư thầy Lý Khánh Văn cắt tóc để qui y cửa Phật nhưng không may lưỡi dao cạo vấp làm đứt tai, có 3 giọt máu chảy xuống chân. Bà giận sư thầy bỏ chùa về nhà thì thấy mình có chửa. Ngươời ta chửa 9 tháng 10 ngày thì đẻ, nhưng bà lại chửa đúng 1 năm. Đêm hôm ấy, ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất, trời tự nhiên mưa giông gió giật, sấm chớp đùng đùng, bà lại lên cơn đau bụng đẻ. Mọi người xúm lại bàn tính đi rươớc bà mụ, thì có con chó lạ sợ sấm sét chạy vào nhà đứng sừng sững dùng mình vẩy nước mưa trên lông. Con chó khoang đen trắng đẹp quá lại tự nhiên nhươ nhà của nó (liếm ngửi hết mọi người). Ai cũng thấy đốm đen trên mình nó mang hình chữ Thiên tử (con trời). Cậu bé sinh ra khóc oang oang át cả tiếng sấm sét ngoài trời. Kẻ thức giả nói đó là điềm ngươời sinh vào năm Tuất làm Thiên tử. Cậu lớn nhanh nhươ thổi, mới 3 tuổi mẹ cậu đã bế vào chùa gửi cho sươ thầy Lý Khánh Văn nuôi dạy. Từ đấy cậu bé đươợc đặt tên là Lý Công Uẩn. Có một lần nhà sươ sai Lý Công Uẩn mang oản đặt lên bàn thờ cúng Phật, cậu bé đã khoét ruột ăn trươớc. Nhà sươ biết dươợc tránh mắng, cậu tức nắm, vào chùa tát cho tươợng hộ pháp 3 chiếc rồi lấy son viết vào lưng tươợng máy chữ "Đô tam thiên lý" (đày 3 ngàndặm) rồi bỏ đi. Vì cậu bé chỉ cho rằng hộ pháp nhìn thấy đã mách nhà sươ. Đêm hôm ấy nhà sư Khánh Văn nằm mơ thấy hộ pháp đến khóc và chào từ biệt với lý do bị Hoàng Đế đuổi đi. Sáng dậy nhà sư vào xem tượng rồi sai mấy chú tiểu lấy nước lau sạch chữ sau lưng hộ pháp. Nhưng ai lau cũng không sạch, đến khi Lý Công Uẩn chỉ lấy tay xoa nhẹ là chữ biến mất. (theo "Thần Đồng xưa của nước ta").

Lý Công Uẩn là người thông minh, học một biết mười. Được ít lâu Khánh Văn thấy mình hết chữ bèn dắt cậu bé sang chùa Tiên Sơn (Bắc Ninh bây giờ) gửi cho sư Vạn Hạnh dạy đỡ. Tuy đã lớn, học hành giỏi giang nhưng nghịch quá trời. Có lần Công Uẩn bị sư Vạn Hạnh phạt trói suốt đêm ở cửa chùa, bị muỗi đốt không chịu được, tức cảnh đọc bốn câu thơ đầy khẩu khí bằng tiếng Hán, dịch nôm ra như sau:

"Màn có trời cao chiếu đất liền
Cùng trăng thanh thả giấc thần tiên
Suốt đêm nào dám vung chân duỗi
Chỉ sợ sơn hà xã tắc nghiêng"
(Lê Văn Uông dịch)

Nhà sư Vạn Hạnh khen rằng: "Đứa trẻ này không phải là ngươời thươờng, sau này lớn lên tất có thể giải quyết đươợc mọi việc khó khăn, làm vua giỏi trong thiên hạ". Khi Lý Công Uẩn đã trưởng thành, nhà sư Vạn Hạnh đã tiến vào triều giúp nước "Đại Việt sử ký toàn thư". Sau khi vua Lê Đại Hành băng hà, Trung Tôn bị giết, Lý Công Uẩn ôm xác vua mà khóc, Ngoạ Triều khen là người trung. Nhờ có học vấn và tài cán, Lý Công Uẩn được phong làm "Tứ Xương quân" rồi thăng lên

chức "Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ". Từ ngày vua Lê Đại Hành mất, vua nối ngôi chơi bời truỵ lạc, không quan tâm gì đến triều chính, nhân dân chán ghét triều đại nhà Lê. Lúc ấy tại làng Cổ Pháp, nơi sinh ra Lý Công Uẩn có cây gạo bị sét đánh hiện lên dòng chữ:

"Thụ căn diểu diểu
Mục biểu thanh thanh
Hoà đao mộc lạc
Thập bát tử thành
Đông A nhập địa
Dị mộc tái sinh
Chấn cung hiện nhật
Đoài cung ấn tinh
Lục, thất niên gian
Thiên hạ thái bình."

Tạm dịch là:

"Gốc cây trăng trắng
Vỏ cây xanh xanh
Hoà đao mộc ngã
Thập bát tử thành
Đông A nhập địa
Cây khác lại xanh
Cung chấn vầng nhật
Cung đoài ấn tinh
Khoảng sáu, bảy năm
Thiên hạ thaí bình"

Thấy lạ, làng trên xã dưới người người lũ lượt kéo nhau đến xem, bàn tán:

- Đấy các cụ xem, câu 1 chẳng ám chỉ nhà vua suy yếu là gì. Còn câu 2 muốn nói tới kẻ bề tôi đã hưng thịnh. Cụ khác lại quả quyết:

- Đây, đây rõ rành rành nhé: Hoà đao mộc ghép ghép lại thành chữ Lê. Thập bát tử ghép lại thành chữ Lý, ai đến xem cũng kháo nhau ầm lên cho là điềm trời hợp với lòng dân: "Lê mất Lý thành, trời bảo vậy".

Tin có "sấm" trời từ làng Cổ Pháp dội đi khắp nơi. ở Triều đình nhà vua ra lệnh tìm giết hết người họ Lý, nhưng Lý Công Uẩn vẫn bình an ngay trong cung. Ngoạ triều băng hà, sau khi thử lòng một số quan trong triều, Lý Công Uẩn mới nghe theo lời khuyên của nhà sư Vạn Hạnh và Đào Cam Mộc lên ngôi Hoàng Đế và đổi niên hiệu là Thuận Thiên (1010). Cùng năm nhà vua hạ chiếu dời đô về thành Đại La: "là nơi có thế rồng cuộn hổ ngồi, núi sông sau trước, đất rộng bằng phẳng, cao mà sáng sủa. Dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật rất thình vượng và phồn thịnh. Xem khắp đất Việt ta, chỗ ấy là hơn cả..." "Đại Việt sử ký toàn thư". "Thiên đô chiếu" của vua có hai trăm mười bốn chữ sau lại ứng với 214 năm và 8 triều vua Lý trị vì đất nước, không kể 2 năm Lý Chiêu Hoàng thực tế quyền lực về tay nhà Trần. Được bề tôi ủng hộ, mùa thu tháng 7, vua dời kinh đô từ thành Hoa Lưu về Đại La. Thuyền vừa tạm đỗ ở dưới thành bỗng vua trông thấy rồng vàng bay lên chào đón. Vì thế vua đổi ngay tên thành Đại La là Thăng Long.

Kinh đô Thăng Long thời nhà Lý do Lý Công Uẩn chọn hàng nghìn năm trước đã trở thành thủ đô Hà Nội trái tim của cả nước như ngày nay. Ai cũng bảo: "Lý Thái Tổ dấy lên tự trời báo điềm tốt hiện lên ở nét cây thiêng. Có đức tất có ngôi, bởi lòng người qui thuận"

ĐỒNG NGỌC HOA



NHỚ VỀ CÁC NHÀ VĂN HÀ NỘI

PHẠM VŨ

Mừng 60 Năm Ngày Giải Phóng Hà Nội

- Khi tôi lớn lên, chiến tranh đã lùi xa. Đất nước yên bình và vững bước trên con đường hội nhập. Thế nhưng, những ký ức về chiến tranh, về những ngày tháng lịch sử hào hùng cùng sự hi sinh xương máu của các thế hệ đi trước vẫn khắc sâu trong tôi qua những bài học lịch sử, những áng văn, thơ truyền cảm.

Trong dòng lịch sử đó, ngày "Giải phóng Thủ đô" đã mang đến cho tôi cảm giác hân hoan vì chính tôi cùng bạn bè học sinh trường tiểu học Quang Trung đi bộ đến Phố Huế đón bộ đội tiến về Hà Nội. Đây cũng là điều tôi luôn tự hỏi, bởi tôi vốn sinh ra, lớn lên ở Hà Đông (nay là Hà Nội). Vì thế, trong tiềm thức, ngay từ khi còn nhỏ thì ý niệm về Hà Nội trong tôi đã vô cùng thiêng liêng. Có lẽ đơn giản bởi một điều: Hà Nội là Thủ đô là trái tim của cả nước. Vậy nên, tự trong lòng mình tôi đã yêu Hà Nội, yêu cả những góc phố, hàng cây, những trang lịch sử hào hùng của Hà Nội.

Trong những ngày tháng lịch sử này, Hà Nội chuẩn bị tròn 60 năm giải phóng khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Cách đây 60 năm, ngày 10-10-1954, khi những tên lính thực dân cuối cùng rút khỏi Hà Nội thì Ủy ban Quân chính TP và các đơn vị quân đội nhân dân chia làm nhiều cánh lớn, mở cuộc hành quân lịch sử tiến vào Hà Nội. Trong rừng cờ hoa, với niềm vui sướng tột độ, 20 vạn nhân dân Thủ đô náo nức đón đoàn quân chiến thắng trở về. Cờ đỏ sao vàng tung bay, cả Hà Nội tưng bừng hân hoan trong niềm vui giải phóng.

Các nhà văn sinh quán tại Hà Nội

- NGUYỄN KHẢI : sinh năm 1930 ở Hà Nội, quê cha ở Nam Định. Là nhà văn quân đội. Tác phẩm tiêu biểu: "Xung đột" (1953-1962), "Mùa lạc" (1960), "Chiến sĩ" (1973), "Gặp gỡ cuối năm" (1982), "Thời gian của người" (1985), v.v... Nguyễn Khải là một nhà văn giàu sáng tạo, rất nhạy bén trước hiện thực cuộc sống. Năng lực phân tích tâm lý sắc sảo, sức mạnh của lý trí là mặt mạnh của trang văn Nguyễn Khải. Thời kỳ đổi mới văn học nước nhà, tác phẩm của Nguyễn Khải hàm chứa chất chính luận - triết lý.

- **NGUYỄN TUÂN** (1910 – 1987) : xuất thân trong một gia đình nhà nho ở Hà Nội. Tác phẩm tiêu biểu nhất: "Vang bóng một thời" (1933), "Sông Đà" (1960), Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi...



Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: tài hoa, độc đáo và uyên bác. Cái đẹp, cái thiên lương trong cuộc đời được ông nói đến với tâm hồn nghệ sĩ đích thực, với cái nhìn phát hiện và đầy sáng tạo. Văn của ông, chữ nghĩa của ông giàu có, tài hoa. Chuyện xưa và nay, chuyện trên rừng dưới biển, chuyện làm ăn, thú ăn chơi tao nhã... đến đặc sản, thổ ngơi, chuyện người, chuyện cây cỏ... từ rượu đến hoa, từ giò chả đến phở... được ông nói đến thật hay. Người đọc cảm thấy tâm hồn mình giàu có thêm lên qua từng trang văn độc đáo của ông, để yêu hơn, tự hào hơn đất nước, con người và nền văn hoá Việt Nam.

Nếu đồng ý rằng đối với Nguyễn Tuân, Hà Nội là nơi còn in lại nhiều dấu vết lịch sử "vang bóng một thời", nơi những người tài tử hội ngộ, chúng ta sẽ hiểu tại sao tuy đây đó tác phẩm của ông có đượm chút "hoài cổ" song lại là những trang sách có ích, nó cho thấy "bề dầy" của Hà Nội, và làm cho chúng ta trân trọng những khía cạnh truyền thống tốt đẹp.

- **TẠ VŨ** : Tên khai sinh là Vũ Hùng, sinh ngày 22-3-1935 tại Hà Nội. Nhiều năm làm giáo viên bổ túc văn hoá tại Tổng cục Đường sắt. Sau đó nhiều năm làm thợ. Đã xuất bản : Vừng sen Hàm Rồng (Trường ca, 1975); Những cánh chim trời (1984).

- **TÔ HOÀI** : Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, sinh ngày 27-9-1920 (tức ngày 16-8 năm Canh Thân) tại thị trấn Nghĩa Đô, Từ Liêm , Hà Nội. Là một nhà văn có nguồn sáng tạo to lớn. Có trên 100 tác phẩm. Trước cách mạng, nổi tiếng với truyện "Dế mèn phiêu lưu ký". Sau năm 1945, có "Truyện Tây Bắc", "Mười năm", "Miền Tây", "Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ", "Tự truyện", v.v... Sáng tác của Tô Hoài thể hiện vốn hiểu biết phong phú về đời sống và phong tục, chất tạo hình và chất thơ qua miêu tả và kể chuyện đầy thú vị. Là một nhà văn viết truyện về miền núi rất thành công.

- **NGUYỄN ĐÌNH THI** : Sinh ngày 20-12-1924, tại Luang Prabang (Lào). Quê quán : Vũ Thạch, Hà Nội. Sau cách mạng Tháng Tám (1945), ông làm Tổng thư kí Hội văn hoá cứu quốc, Tổng thư kí Hội Văn nghệ (1956-1958); Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II, III. Đã xuất bản : Người chiến sĩ (1956); Bài thơ Hắc Hải (1959); Dòng sông trong xanh (1974); Tia nắng (1983); bài hát "Người Hà Nội" và "Diệt Phát-xít" nổi tiếng.

- **NGUYÊN SA** : Nguyên Sa tên thật Trần Bích Lan, sinh năm 1932 tại Hà Nội. Thơ Nguyên Sa trữ tình, lãng mạn, giàu nhạc điệu, chất chứa sáng tạo trong ngôn ngữ cũng như hình ảnh, đôi khi pha lẫn thi tứ triết học. Tác phẩm tiêu biểu: Thơ Nguyên Sa (1958), các tập biên khảo Quan Điểm Văn Học và Triết Học, Một Bông Hồng cho Văn Nghệ..., truyện Gõ Đầu Trẻ, tập truyện Mây Bay Đi.

- **NGUYỄN HUY THIỆP** : Sinh năm 1950 tại Hà Nội, là nhà văn đương đại Việt Nam trong địa hạt kịch, truyện ngắn và tiểu thuyết với những góc nhìn mới, táo bạo. Năm 2004, bài viết "Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn" đăng trên Tạp chí Ngày này của ông tạo ra

những tranh luận sôi nổi trong giới văn chương trong một thời gian dài trên Báo Văn nghệ và một số trang mạng tại Việt Nam.

Các nhà văn quê ở Tỉnh, sinh sống - viết văn tại Hà Nội

- Hoàng Ngọc Phách: người Đức Thọ, Hà Tĩnh. Thời thanh niên của Hoàng Ngọc Phách gắn liền với những kỷ niệm về các trường học của Hà Nội, cũng như ở trường Cao đẳng Sư phạm về sau. Nhìn lại nội dung tập sách, có điều lý thú là các nhân vật chính trong *Tố Tâm* đều mang cốt cách Hà Nội khá rõ.

- Nguyễn Công Hoan: đã học ở trường Bưởi Hà Nội từ khi chưa đầy mười tuổi,từ nhỏ, ông đã quen với nhân tình thế thái người phường phố, thành thạo sự đời, và chả coi cái gì làm quan trọng. Thành thử, tuy không phải bao giờ cũng trực tiếp đả động đến chuyện Hà Nội, nhưng trong cái nhìn của ông, chất Hà Nội rất rõ.

- **Ngô Tất Tố**: trong các tiểu phẩm của ông, đời sống Hà Nội hiện ra như một thứ kẻ chợ lộn xộn, ồn ào, phồn vinh giả tạo, một nhà nào như ông thấy rất chướng tai gai mắt. Chỉ riêng trong *Lều chõng*, chúng ta thấy Hà Nội hiện lên với nhiều nét đẹp, người Hà Nội từ những cô hàng bán giấy bút, cho đến ông chủ quán trọ cũng đều hết sức tài hoa, lịch thiệp.

- Nguyên Hồng: chỉ ở Hà Nội mấy tháng, rồi nhớ Hải Phòng, ông lại trở về thành phố cảng, có một dạo, Nguyên Hồng cùng gia đình ở hẳn Thủ đô vào năm 1943. Từ đây, cái nhìn của Nguyên Hồng về Hà Nội rất rạch ròi. Ông xa lạ một thứ kinh thành hoa lệ của bọn nhà giàu. Nhưng ông càng thêm yêu một Hà Nội khác, Hà Nội tranh đấu. Hà Nội đầy sức sống.

- Trần Huyền Trân – Thâm Tâm – Nguyễn Bính: nhưng ngay trong lòng Hà Nội, thường cũng có một lớp người viết sống rất nghèo khó, như dân thất nghiệp, họ lam lũ làm văn làm báo như người khác cày thuê cuốc mướn. Báo của họ bán không chạy, sách in ra không gây được tiếng vang gì lớn. Nhưng họ vẫn gắn bó với nghề, với Hà Nội, và vừa sống vừa viết một cách thanh thản. Lớp nhà văn vô sản này đại khái như Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Nam Cao, Tô Hoài.

- Nguyễn Huy Tưởng



Với *Những người ở lại, Luỹ Hoa, Sống mãi với Thủ đô*... **Nguyễn Huy Tưởng là một trong những người xứng đáng nhất với danh hiệu nhà văn Hà Nội.** Những thành công chính của ông đều gắn với đề tài này. Lại nữa, trong khi viết về thủ đô, ông biết mang lại cho sinh hoạt nơi đây một vẻ trang nghiêm, một không khí lịch sử, nó là cái sắc thái cần thiết cho suy nghĩ của người ta về thủ đô mọi nước nói chung, và rất tiêu biểu cho Thủ đô Hà Nội nói riêng.

Nhóm Tự lực Văn đoàn với: - Nhất Linh – Khái Hưng – Hoàng Đạo – Thế Lữ – Thạch Lam – Tú Mỡ, và Xuân Diệu

Tự Lực văn đoàn là một câu lạc bộ viết văn do Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) khởi xướng và bắt đầu hình thành vào cuối năm 1932, chính thức năm 1934. Trụ sở chính của văn đoàn đặt ở nhà số 80 phố Quán Thánh, Hà Nội. Đây vừa là tòa soạn báo *Phong Hóa, Ngày Nay;* vừa là trụ sở nhà xuất bản *Đời Nay.* Ban đầu, bút nhóm chỉ có 6 thành viên, gồm:– Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), là Trưởng văn đoàn và cũng là Giám đốc báo *Phong Hóa* – Khái Hưng – Hoàng Đạo – Thế Lữ – Thạch Lam – Tú Mỡ, về sau có Xuân Diệu.



Từ trái sang phải: Xuân Diệu, Thế Lữ, Nhất Linh, Khái Hưng

Việt Nam Danh Tác: Hà Nội băm sáu phố phường

Hà Nội băm sáu phố phường là tập tuỳ bút xuất sắc của Thạch Lam do NXB Đời Nay xuất bản năm 1943. Đây là những trang viết về các giá trị văn hoá Hà Nội với nhiều nét đặc sắc. Trong từng mục, từng đoạn của Hà Nội băm sáu phố phường, mọi sự ghi chép của nhà văn đều hướng theo mục đích: cái đẹp. Đọc kỹ tác phẩm, nhìn vấn đề theo định hướng đó, ta thấy Thạch Lam quan tâm đến hai mảng văn hoá nổi bật của một Hà Nội ngàn năm văn hiến, nơi hội tụ tinh hoa văn hoá dân tộc. Đó là mảng vật thể văn hoá và văn hoá phi vật thể. Trong bài viết này, chúng tội xin đề cập một số ý kiến về những văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể.

-Tuy Thạch Lam chỉ dành một số ít trang (khoảng 1/4) so với mảng thứ hai nhưng theo chúng tôi, đây là mảng Thạch Lam rất tâm huyết. Những biển hàng là bài viết rất lành. Nhà văn rủ rỉ kể về một nét độc đáo của Hà Nội: chỉ có Hàng Đào là một trong số ba mươi sáu phố phường có các biển hàng vẽ hình con vật mà chỉ là các con vật hiền không có con nào dữ cả": trâu vàng, bò vàng, cá chép vàng, lạc đà, con gà trống, con hươu sao, con kỳ lân, con phượng hoàng, con rùa, con vịt che ô, con voi.v..v. Có chăng con tê giác là con vật dữ, "nhưng con tê giác ở Hàng Đào thì lành lắm: nó không cắn ai bao giờ". "Không có hổ vàng, sư tử vàng" (Những biển hàng). Gắn với các biểu tượng này là một vài câu chuyện mang tính chất giai thoại không xác định tạo một nét hấp dẫn bình dị. Tất cả điều đó kết hợp thành một nét đẹp độc đáo mà một ai yêu Hà Nội chưa tận độ, hoặc không chuyên tâm tìm hiểu thì khó mà phát hiện được.

Nâng niu trân trọng những nét đẹp mang tầm vóc lịch sử văn hoá dân tộc, Thạch Lam không đồng tình với một số việc, một số hiện tượng chưa đẹp . Mục Người ta viết chữ Tây: Vẫn là chuyện biển hàng, nhưng "bây giờ các biển hàng viết chữ Pháp chiếm đến chín phần mười trong các biển hàng. Nhiều hàng, tuy chỉ giao thiệp với khách hàng Việt Nam thôi, cũng toàn chữ Pháp, cũng như ngày xưa họ đã dùng toàn chữ Nho". Người sử dụng không nắm vững mẹo luật, sai nghĩa, sai chính tả thành ra lố bịch, phản cái đẹp, thiếu văn hoá. Thạch Lam chắc cũng không thích gì phải dẫn ra nhiều trường hợp sai sót đến thế nhưng không thể không làm.

Ông không phải là người hoài cổ, nhưng ông thực sự tiếc những cái đẹp mang chiều sâu văn hoá của dân tộc bị mai một khi quan sát và suy ngẫm về Những biển hàng.Ông nâng niu, trân trọng giá trị văn hóa, những nét đẹp ẩn chứa trong từng vật thể này. Bởi ở đó kết đọng những phẩm chất tốt đẹp của một thương hiệu, là kết tinh những giá trị thư pháp, là truyền thống quý báu, là công sức của nhiều thế hệ vun đắp mới có được. "Tạng" của ông không khi nào gay gắt, đốp chát nhưng quả là ông ngỡ ngàng và đau buồn khi thấy "Tất cả cái gì cũng thay mới: người ta không những thấy có biển hàng, người ta thấy cả bề mặt cái cửa hàng nữa. Và sự thay đổi bề ngoài ấy đem đến cho phố xá Hà Nội một vẻ mới riêng, hơi lạ lùng và đột ngột ."

Ông là người thấy rõ giá trị những tiến bộ của thời đại mới, bởi ông là người có vốn Tây học uyên thâm, trẻ trung, rất nhạy cảm với cái mới. Đồng thời ông cũng luôn có ý thức nâng niu và bảo tồn truyền thống. Ông thấy: "Những phố gạch thẳng và rộng rãi, với từng dãy nhà giống nhau đứng xếp hàng, thẳng và đứng hàng, đó là biểu hiện của văn minh" . Nhưng cũng vì nó mà mất đi vẻ tự nhiên, vẻ yên tĩnh của những giá trị ổn định trong đời sống của một Thăng Long- Hà Nội cổ kính mang vẻ đẹp xưa- một Hà Nội giản dị mà hài hoà, mộc mạc mà chan chứa tình người, ấm tình làng xóm, với những nét sinh hoạt thân quen đậm đà bản sắc văn hoá.

Trang văn nhắc đến một vài lối ngõ con : "ngõ Phất Lộc... ngõ Trung Yên",.. ngọn cỏ Ô Quan Chưởng không có gì khác lạ mà sao thức dậy trong lòng người yêu Hà Nội bao nỗi xót xa. Hình ảnh "Bên này một cửa hàng tạp hoá có đầy đủ quả sơn đen, có chồng giấy bản và ống bút nho, có cô hàng thuỳ mỵ mà hàng phố vẫn khen là gái đảm đang.

Bên kia, nhà một ông cụ Tú, có tiếng trẻ học vang, có cậu học trò xinh trai đứng hầu chè thầy bên tràng kỷ" không cao sang, lộng lẫy, xa hoa nhưng thật đẹp, đầy cảm mến. Đáng yêu sao Hà Nội một thời tuy không có nhà cao tầng, ít tiện nghi như châu Âu hiện đại nhưng lại tiềm tàng bao nét đẹp cổ điển phương Đông với một lối kiến trúc riêng: "Giữa nhà, mảnh sân vuông lộ thiên, có bể non bộ và cá vàng, có dãy chậu lan, có bể đựng nước và trên tường có câu đối chữ Nho. Đôi khi đi qua một cánh cửa hé mở chúng ta thoáng nhìn vào: bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân, hình dáng một cụ già cúi mình trên cây cảnh. Tất cả cuộc đời của những kẻ bên trong, cuộc đời xưa, những ý nghĩ cũ, những hy vọng và mong ước khác bây giờ ".

Yêu Hà Nội nghĩ về những giá trị của một nền văn hoá đang bị tàn phai, bị thay thế, Thạch Lam không kìm giữ được tâm thế điềm tĩnh vốn có của mình đã phải đau xót thốt lên: "Không còn gì của Hà Nội ngoài năm sáu mươi năm trở về trước. Thăng Long của vua Lê, của chúa Trịnh không

còn dấu vết nào: đâu còn những cung điện ngày xưa, những phụ đế của các bậc công hầu, khanh tướng? Thỉnh thoảng một vài tên gọi còn khắc lại, một vài đống đất còn ghi dấu, thế thôi".

Đặc biệt, những suy nghĩ, quan niệm và trăn trở của nhà văn, dưới góc nhìn văn hoá ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Ông không chịu được sự lai căng, pha tạp làm tổn thương đến giá trị trường tồn của những công trình mang giá trị biểu trưng của dân tộc:Hình ảnh Hồ Gươm, Tháp Rùa, Đền Ngọc Sơn là một cái gì thiêng liêng, cao quý trong tâm thức của người Hà Nội nói riêng, người Việt nói chung. Mọi sự đổi thay, gán ghép cho dù mới chỉ trong ý định cũng không thể chấp nhận.

Với tầm nhìn văn hoá vượt thời đại, bằng cảm quan nghệ thuật tinh tế, Thạch Lam sớm nhận ra nét đẹp hoàn mĩ và giá trị thực của các di sản văn hoá này. Với ông, những việc làm cho dù với dụng ý tốt đẹp như mắc thêm đèn điện chiếu sáng, đắp tượng đài, làm bót cảnh sát để giữ gìn an ninh... nhưng thiếu mất cái nhìn của người có con mắt văn hoá sắp đặt thì đều chỉ là "sự thêm thắt xấu xa", là "bôi nhọ vẻ đẹp". Nhìn những cột điện thẳng tắp, sừng sững, dây điện nhằng nhịt, với những cái "bình tích" bằng sứ trắng, ông thấy cột điện "như một thứ cây già mọi rợ, vụng về. Cái cây đó làm cho vẻ đẹp của cổng đền Ngọc Sơn giảm mất đến chín phần mười".

Không phải ông phản đối việc đưa văn minh công nghiệp vào việc làm đẹp, mà ông nói rõ : " Muốn sáng cổng, sáng cầu thì thiếu gì cách: mắc đèn vào những chỗ lõm, khuất khúc của cổng và của cầu: đèn để như thế vừa được kín đáo, vừa không làm giảm vẻ đẹp, không kể đến lối ánh sáng đập lại ấy dịu dàng và làm tôn cảnh đền hơn lên. Đằng này, mắc những vòng sắt với cách hoa hoét rẻ tiền kia vào cái cổng đẹp đẽ có lối kiến trúc riêng, có vẻ cổ sơ ấy, thực là một cách đập phá mĩ thuật tai hại không gì bằng" .

Điều đó chứng tỏ khả năng nhìn nhận cái đẹp của Thạch Lam thật tinh tế, sâu sắc, nhất là những giá trị văn hoá cổ truyền dân tộc, ẩn chứa trong từng vật thể và phi vật thể như những gì ông đã thể hiện.

Khu phố cổ Hà Nội: phố Bắc Ninh (nay là Nguyễn Hữu Huân)

"Hà Nội 36 phố phường" là một cách gọi không chính xác của khu phố cổ, vì 36 phố phường là một cách gọi ước lệ khu vực đô thị cổ, nằm bên trong và bên ngoài cả khu phố cổ. Với khoảng 400 phố hiện nay, Hà Nội thưa thớt dăm ba cái tên phố là địa danh nơi khác. Và Hà Nội từng có một phố mang tên Bắc Ninh. Thời thuộc Pháp, có một phố mang tên thống chế Pétain, mang thêm tên phố Bắc Ninh, sau đổi thành phố Phan Thanh Giản và nay, tên chính thức là phố Nguyễn Hữu Huân. Một đầu là chỗ ngã ba với phố Trần Nhật Duật (có Trường tiểu học Trần Nhật Duật), nhưng theo một góc nhọn chứ không phải là góc thước thợ như những ngã ba thông thường khác.




Trường Tiểu Học Quang Trung - 39, Quang Trung ,Q.Hoàn Kiếm ***
Trường tiểu học Nguyễn Du – *phố Nguyễn Hữu Huân, Q.Hoàn Kiếm* (bên phải)

Sau khi lăn mình gần tròn 450m, nó kết thúc ở ngã tư Lý Thái Tổ và Lò Sũ, mà một thời phố Lý Thái Tổ được gọi là Hàng Vôi trên, phân biệt với Hàng Vôi đi song song và nhỏ hơn về phía Đông. Trường tiểu học Nguyễn Du từng được gọi là trường Hàng Vôi cũng vì thế. Hà Nội là nơi hội tụ nhiều thứ hàng, nhiều nghề, mỗi nghề cũng thường mang một nét gì đó tượng trưng, chẳng hạn các cửa hàng chữa điện thường mang chữ Quang, hàng đồ gỗ mang chứ Lâm, hàng vàng bạc mang chữ Kim.

Trong đó, những hiệu làm và bán đồ gỗ có chữ Lâm thì tập trung khá nhiều ở phố Bắc Ninh như Quảng Lâm, Quản Nam Lâm, Thành Lâm, Mỹ Lâm, vì phố Bắc Ninh một thời gần như phố bán đồ mộc từ cái giường đôi, cái ghế đẩu, chạn bát, giá để sách, tủ đứng, bàn làm việc.... có nhà làm ngay đồ trên vỉa hè, có nhà buôn gỗ súc để hàng đống gỗ tròn, trẻ con trèo lên chơi, có nhà chỉ buôn thành phẩm.

Cho đến thời điểm năm 1997-1998, chỉ còn một hai nhà chế biến đồ gỗ, còn mấy chục nhà buôn cất hàng đóng sẵn từ nơi khác đến giường, tủ, bàn, ghế, tủ gương, tủ tường, xa lông, những thứ đóng ở Hà Đông, Sơn Tây, Cổ Nhuế.

Chỗ đầu phố, trước khi có cây cầu Chương Dương đồ sộ, người Hà Nội quen gọi chỗ này là phố Cột Đồng Hồ vì có một cái đồng hồ công cộng. Còn hai bên phố có hai cái ngõ nhỏ, rất Hà Nội. Một là ngõ Phất Lộc (Thạch Lam có nhắc đến). Còn con ngõ nữa có tên chính thức là ngõ Nguyễn Hữu Huân, trước đây có tên là phố Bạch Thái Bưởi. Khi tên phố đổi, cái ngõ cũng phải đổi tên theo, Bạch Thái Bưởi chỉ còn là kỷ niệm trong lòng người Hà Nội.

Phố Nguyễn Hữu Huân nằm gọn trong khu phố cổ. Nguyên lòng phố Nguyễn Hữu Huân nay phẳng lỳ, thẳng tắp, nằm sâu trong lòng đất Hà Nội chứ khoảng trăm năm trước, đây còn là bờ sông, con đê chắn sóng còn nằm trên lòng con đường ngày nay.

Nguyễn Hữu Huân, người làng Tịnh Hà, tỉnh Tiền Giang. Ông thi đỗ thủ khoa năm 1853, nên ông mang thêm tên Thủ Khoa Huân. Năm 1875, chúng bắt ông, tuyên án tử hình, ông tự cắn lưỡi chết không chịu để Pháp chặt đầu. Ông cũng để lại nhiều áng văn thơ giá trị, còn trong nhiều tuyển tập do đời sau sưu tầm.

Đi trên hè phố Nguyễn Hữu Huân, cứ mang máng nhớ đây là phố Bắc Ninh xưa. Hàng cây xà cừ lực lưỡng mới trồng mấy chục năm nay, loáng thoáng reo vui, bóng lá thưa thớt chỉ đủ cho gió lướt qua nhè nhè, mà mình hình dung ra lơ thơ dòng nước sông Cầu, phảng phất tiếng ca quan họ, thấp thoáng tá áo đổi vai của liền chị ngày xuân cùng cái ô anh hai dùng dằng người ở...

TÓM TẮT

-Trong lời bạt viết cho cuốn ***Sống mãi với thủ đô*** **-tiểu thuyết của Nguyễn Huy Tưởng -** in ra 1961, nhà văn Nguyễn Tuân từng đưa ra một nhận xét chung:

"hình như hầu hết danh nhân, anh hùng cổ kim nước ta đều là những con người Hà Nội. Các vị ấy có thể quê quán gốc tích ở "ngũ tỉnh đàng trong, tứ tỉnh đàng ngoài!" nhưng cái đoạn trội nhất của các bậc ấy vẫn là diễn ra trên mảnh đất thủ đô.

... Cũng là một điều đúng vậy, khi mọi người bảo rằng **Thủ đô là cái nơi kết tinh mọi phong vị nhân tài của một dân tộc đời này qua đời khác. Cho nên những con người Thủ đô bao giờ cũng bén nhậy sắc cạnh hơn những người khác với tất cả những ưu điểm và nhược điểm của nó, với tất cả cái trí cái dũng, cái tài, cái tật của nó"**.

Hà Nội, Thủ đô ngàn năm văn hiến của ta là vậy. Mừng 60 năm giải phóng Hà Nội, chúng ta hãnh diện về một rừng Nhà văn – dù sinh quán tại Hà Nội hay ở Tỉnh – đều về sinh sống tại đất Thăng Long ngàn năm văn vật, chính tại nơi đây, họ đã viết biết bao điều hay lý thú về Thủ đô yêu dấu của đất Việt con cháu Rồng Tiên vậy.

Nhớ Về Ngày Giải Phóng Thủ Đô, chúng ta cùng nhau hát ca khúc :

Tiến Về Hà Nội - Sáng tác: **Văn Cao**

Chùng chùng quân đi như sấm./ Ngàn ngàn đoàn quân tiến về
Chúng ta đi nghe vui lúc quân thù đầu hàng/ Cờ ngày nào tung bay trên phố.

Chùng chùng say trong câu hát./ Lấp lánh người nghe sáng ngời
Chúng ta đem vinh quang/ Sức dân tộc trở về. /Cả cuộc đời tươi vui về đây.

Năm Cửa Ô đón mừng đoàn quân tiến về./ Như đài hoa đón mừng nở năm cánh đào chảy dọc sức sống long lanh./ Chúng ta ươm loại hoa sắc hương phai ngày xa.

[ĐK:]

Ôi phố phường Hà Nội xưa yêu dấu./ Những bông hoa ngày mai đón tương lai vào tay
Như xuân đời mỉm cười vui hát lên./ Khi đoàn quân tiến về là đêm tan dần
Như mùa xuân xuống cành đường nghe gió về./ Hà Nội vang tiến quân ca.

(Tham khảo: Tài liệu trên Sách báo trên Internet)

PHẠM VŨ



TẠI SAO ĐẠO PHẬT

DÙNG HOA SEN LÀM BIỂU TƯỢNG ?

TÂM NGUYỆN

Mọi người đã quá quen thuộc với hình ảnh PHẬT ngồi trên Đài Sen. Chùa chiền, Kinh sách thì hình ảnh trang trí cũng dùng Hoa Sen cách điệu. Thậm chí Ngài Ca Diếp sở dĩ được Truyền Y Bát cũng chỉ vì Ngài nở nụ cười khi nhìn thấy Cành Sen mà Đức Phật đưa lên trước chúng. Tại sao Đức Thích Ca không dùng những loài hoa khác, sang trọng hơn, quý phái hơn, đài các hơn để làm biểu tượng, mà lại dùng một loài hoa tầm thường, suốt kiếp sống trong bùn nhơ? Điều đó nói lên ý nghĩa nào mà người Phật Tử cần thực hành theo chăng? Có khi nào chúng ta thắc mắc hay cho là Đạo Phật đã được gọi là Chân Lý thì việc của Phật làm cái gì mà chẳng hay, chẳng đúng, ta cứ thế mà ngưỡng mộ, xưng tán thì cũng được phước rồi? Theo tôi, có lẽ việc gì hay câu nói nào của Đạo Phật cũng có điều để cho ta chiêm nghiệm - nhất là những người muốn tu hành, theo Đạo Phật - vì cho tới thời nay thì chúng ta đã bị "nhiễu thông tin" quá nhiều. Nếu không tự mình để chút thì giờ tìm hiểu thì có khi cái Đạo Phật mà ta đang tin tưởng, đang hành trì theo không còn phải là Đạo Phật chân chính, mà đã bị thời gian, bị những người do Tin mà không Hiểu, nên đã pha vào đó đủ thứ sắc màu của Dị Giáo, Thần Giáo, rồi cứ thế mà truyền từ đời nọ sang đời kia, để tới thời này, theo những gì mà chúng ta nhìn thấy, thì rõ ràng Đạo Phật không còn là CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT nữa, mà đã biến thành Thần Giáo tôn thờ đấng sáng lập. Tín đồ ngày ngày nhang khói van vái, cầu xin, nương tựa, không khác gì những tôn giáo khác.

Như chúng ta đã biết, mỗi từ của Đạo Phật ngoài Ngữ còn có Nghĩa, như Xuất Gia, Cạo tóc, Đắp Y vv... đã đề cập nơi nhiều bài trước đây. Hình ảnh Phật ngự trên Đài Sen cũng vậy. Không chỉ đơn thuần là biểu tượng để chúng ta tạc lấy để thờ, mà đó là hình ảnh tượng trưng cho sự thành tựu của công việc Giải Thoát. Phật không phải là một vị Thần Linh, quyền phép vô song, cứu nhân độ thế, mà Kinh đã giải thích rõ: Đó là sự tổng hợp của những pháp lành mà mỗi công việc tượng trưng cho 1 bộ phận như: tay, chân, mắt, tóc, răng vv... họp thành 32 tướng tốt của Phật được ghi rõ trong Kinh ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN. Kinh Kim Cang cũng viết rất rõ: "*Phật là vô tướng, do vô lượng công đức mà thành*". Vì vậy, muốn "Đúc hình, tạc tượng" Phật đúng chánh pháp, thì Tổ Đạt Ma dạy: *Nói "đúc hình tạc tượng", tức đó là tất cả chúng sanh cầu Phật đạo cần tu các giác hạnh, phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai, há phải đâu chỉ là việc*

đúc vàng tạc đồng tầm thường vậy thôi ru. ***Bởi vậy, người cầu đạo Giải Thoát phải lấy Thân Mình làm lò, lấy Pháp làm lửa, lấy Trí Huệ làm tay thợ khéo, lấy Ba Giới Tu Tịnh, Sáu Ba La Mật là khuôn phép, nấu chảy, và rèn đúc chất Chân Như Phật Tánh ở trong Tâm cho thấm nhập tất cả hình thức Giới Luật, y lời đó mà vâng làm, mỗi mỗi không hở sót, thì tự nhiên thành tựu hình tướng chân dung.*** *Hình tướng đó đích thực là pháp thân thường trụ, vi diệu và cùng tột, há phải là pháp hữu vi hư đốn sao?*

Người cầu đạo mà không hiểu nghĩa việc đúc tạc chân dung như vậy thì còn bằng vào đâu mà mở miệng nói Công Đức?"

Nhiều người cho rằng muốn tu Phật thì phải sang Ấn Độ, tìm đúng nơi Phật đã đắc đạo ngày xưa. Chí ít là phải vô Chùa, hoặc cất Am hay Cốc. Nhưng rõ ràng đó cũng là làm theo văn tự, vì dù ở Chùa hay Am, Cốc mà không biết đường lối tu hành thì cũng vô ích mà thôi. Mặt khác, dù ta có sang tận Ấn Độ hay đến Tây Tạng, nhưng đã chắc gì gặp được Chân Minh Sư? Bây giờ ở đâu cũng có thể gặp người thuyết pháp. Chỉ cần thuộc vài bài Kinh cũng có thể mang ra giảng được. Lại còn Đốn Giáo, Tiệm Giáo, ai cũng nói mình mới đúng là Chánh Đạo, người mới phát tâm làm sao phân biệt đúng, sai, chánh, tà? Trong khi đó, chúng ta đã có sẵn cả kho Chính Kinh, chỉ cần dò tìm nơi đó là chắc chắn nhất.

Nếu có đọc Kinh, chúng ta thấy trong đó Phật dặn dò: Có hai nơi mà tất cả người tu cần biết để TU, SỬA. Không phải ở Chùa, ở Cốc, mà là ở chính THÂN và TÂM của mỗi người mà Kinh dạy là: THÂN GIỚI, TÂM HUỆ. Tu ở đó thì chắc chắn sẽ thành công. Đọc sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, ta thấy Tổ Đạt Ma dạy:

Hỏi: Nếu có người dốc lòng cầu đạo thì nên tu theo pháp nào mới thực là cực kỳ tỉnh yếu?

Đáp: ***Chỉ một pháp quán tâm thâu nhiếp trọn các pháp mới thực là cực kỳ tỉnh yếu.***

Hỏi: Sao một pháp nhiếp trọn các pháp được?

Đáp: Tâm là gốc của muôn pháp. Tất cả các pháp duy một Tâm sanh. Nếu hiểu được Tâm ắt muôn pháp sẵn đủ trong đó, cũng ví như cây lớn có đủ cành nhánh, trái, bông, nhưng tất cả đều do một gốc sanh ra. Nếu chặt gốc ắt cây chết.

Nếu hiểu Tâm tu đạo ắt được tỉnh lực nên dễ thành.

Không hiểu Tâm mà tu đạo ắt nhọc công vô ích.

Mới biết tất cả việc lành, dữ đều do tự Tâm. Cầu gì khác ở ngoài Tâm, rốt không đâu có được *".*

Vì sao cần phải TU THÂN, TU TÂM. Liên quan gì đến Hoa Sen?

Con người tạo Nghiệp, gây tội, rồi triền miên trong Sinh Tử Luân Hồi cũng ở nơi cái Thân này, Tâm này. Mà tu hành, Thành Phật cũng xuất phát từ cái THÂN HÔI NHƠ này. Gây Họa cũng ở đó, mà làm Phúc cũng ở đó. Vì thế, Phật so sánh nó như là Bùn, là dưỡng chất để nuôi dưỡng cho Hoa Sen. Không có Bùn thì Sen không thể sống, không thể đơm bông, cũng như không có cái Thân thì không thể học hỏi, tu hành được. Trong tất cả các loài hoa, không có loài nào có được tính cách như Hoa Sen, vì thế nên Đức Thích Ca dùng nó để làm biểu tượng. Cũng giống như Hoa Sen, cho đến khi tàn lụi cũng không rời Bùn. Người tu hành xuất phát từ trong cái Thân đầy tội lỗi, ô trược, nhưng khi thành tựu rồi, thì cũng vẫn sống chung với nó cho đến khi nó hết Duyên, hết Nghiệp, không rời bỏ nó. Điều đó phù hợp với Bài Kệ của Lục Tổ Huệ Năng:

"Phật Pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế mịch Bồ Đề

Cáp như cầm thố giác."

Có nghĩa là "*Pháp Giải Thoát phải ở tại trần gian. Không thể rời trần gian mà giác ngộ. Rời trần gian để tìm Bồ Đề thì cũng như tìm sừng thỏ*". Trần gian không phải chỉ nói riêng về xã hội với muôn vàn người tốt có xấu có, vì thật ra, trần gian dù có xấu bao nhiêu đi nữa cũng không ảnh

hưởng đến người tu, mà chính là cái THÂN với đầy dẫy đau khổ, phiền não, mà người nào chiều theo sự lôi cuốn của nó gọi là VÔ MINH thì sẽ triền miên trong vòng Sinh tử Luân Hồi. Người tu hành theo Đạo Phật, đi tìm cái TRÍ HUỆ để biết được con đường phải đi, những việc phải hành trì, để được trang bị khả năng **Thoát Phiền Não ngay trong Phiền Não. Thoát Phàm ngay chính trong Phàm,** không phải để trốn chạy vào non cao, động vắng, tránh tiếp xúc với thế nhân, hay xây tường rào che chắn cho phiền não không đụng tới. Thoát được Phiền Não có một nghĩa khác là Thành Phật. Thành Phật cũng chỉ có một nghĩa là Thoát Phiền Não mà thôi, không phải là thành một vị Thần Linh, như mục đích của Đạo Phật được nói rõ trong Phật Ngôn: "*Nếu không vì cái Sanh, Cái Già, Bệnh, Chết, thì Đức Như Lai cũng chẳng giáng trần để làm gì, và Phật Pháp cũng không có cơ hội rải tỏa ánh sáng chân lý đến với thế gian*". Và "*Như biển cả chỉ có một vị mặn. Giáo pháp của ta cũng chỉ có một vị là Giải Thoát mà thôi*".

Nhưng nếu tu hành gian khổ mà không được gì hết thì liệu có xứng cho ta bỏ cả một đời, chịu thiệt thòi đủ thứ, không được ăn, mặc, không được hưởng thụ, lại phải Giữ Giới, kềm cái Tâm, câu thúc cái Thân? Còn Tây Phương Cực Lạc, Đông Phương Tịnh Quốc, Niết Bàn vv... thì có nghĩa gì?

Theo Đức Thích Ca quan sát, cái Thân mỗi người chỉ là một túi da, đựng đống xương, thịt, tim, gan, phèo, phổi, lông, tóc... hôi nhơ, tồn tại tối đa là trăm năm. Trong đó, đối phó với bệnh hoạn, với nghịch cảnh cũng đã mỏi mòn. Đã có THÂN là có những nỗi Khổ kèm theo đó: Nào là SINH, LÃO, BỆNH, TỬ, nào là người thương thì phải xa, kẻ oán ghét cứ phải gặp, cầu mong không được... làm cho Thân, Tâm không lúc nào được an vui. Đã vậy mà con người cũng chưa chịu dừng lại. Còn đi tranh giành, tàn sát lẫn nhau. Cuộc đời sở dĩ hỗn loạn. Nước này tranh chấp với nước kia. Láng giềng xô xát với nhau. Gia đình bất hòa. Anh em nồi da nấu thịt, cũng chỉ vì chút vật chất cho cái Thân hưởng thụ! Nhưng đôi khi đấu tranh chật vật như thế, giành được chút tiền của, vật chất rồi, chưa kịp hưởng thụ thì thần chết đã lù lù đứng bên giường. Có hối cũng không còn kịp. Do đó, những ai có chút suy nghĩ, thấy lời Phật dạy là hữu lý thì thử theo hướng dẫn mà quan sát tất cả các pháp, từ Thân, đến Tâm của mình, kể cả ngoại cảnh, xem Đạo Phật nói nó là giả tạm có đúng hay không? Nếu thấy đúng thì dùng những phương tiện của Đức Thích Ca hướng dẫn mà thực hành theo đó, thì sẽ có kết quả là được Thoát Khổ như lời Phật đã hứa.

Niết Bàn hay các Nước Phật Đông Phương, Tây Phương có nghĩa như sau: Sở dĩ con người lao tâm, khổ trí là cũng vì quá ham muốn, tìm cầu. Có rồi muốn có thêm. Bao nhiêu cũng không đủ. Do đó, muốn được an vui, hạnh phúc thì phải ngừng tìm cầu. Nhưng vật chất quá hấp dẫn, dễ gì chì vì tin lời Phật mà chịu ngưng suông nếu không có một viễn cảnh nào đó tốt đẹp hơn hiện tại. Do vậy mà Đức Thích Ca phải dùng phương tiện. Người đời thường tranh nhau những món quý là: vàng, ngọc, châu báu... gọi là Bảy Báu. Họ sẵn sàng giết nhau, lừa nhau để đạt được, đôi khi bất chấp nhân nghĩa, đạo lý! Muốn cho họ bớt đi tham đắm vật chất rồi cuộc sống bất ổn, Đức Thích Ca đã mô tả một cõi Tây Phương Cực Lạc với "*Vàng, bạc, pha lê trải thành thềm, đường ở bốn bên ao. Trên thềm đường có lầu, gác cũng đều nghiêm sức bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, Xích châu, mã não. Trong cõi Cực Lạc có Bảy từng bao lơn. Bảy từng hàng cây, đều bằng bốn chất báu bao bọc giáp vòng*". Mục đích là dùng một cảnh khác tốt đẹp hơn, để con người mơ về đó mà rời bỏ những thứ giả tạm, không còn tranh giành nhau, để cuộc sống tất cả được an vui.

Thế rồi nhiều người dừng ở đó, bám lấy đoạn Kinh đó, cho đó là thật, rồi bỏ hết mọi thứ trần gian. Bỏ cả trách nhiệm của một kiếp làm người, ngày đêm chỉ mơ màng về Tây Phương Cực Lạc, không đọc tiếp Kinh để thấy đó là Phương Tiện của Phật. (Xin mở một ngoặc nhỏ để giải thích tại sao "*Cõi Cực Lạc lại có Bảy từng bao lơn, Bảy từng hàng cây. Ao nước chứa Tám công đức*". Phật dùng con số 7, vì là trong Thân mọi người thường tạo 7 Nghiệp. Ba Nghiệp của Thân là THAN, SÂN và SI. 4 Nghiệp của Khẩu là Nói dối. Nói lưỡi hai chiều. Nói để hại người. Nói để kiêu mạn. Bỏ đi những Nghiệp xấu này thì Phật ví như tích lũy được Bảy Món Báu. "*Ao nước chứa Tám Công Đức*" đó là Bát Chánh Đạo mà người tu nào cũng phải đi trong đó. Thực hành đủ 8 con đường Chánh này thì gọi là có Tám công đức).

Nhưng như thế chẳng lẽ Đức Phật Thích Ca dối gạt mọi người?

Đức Thích Ca không hề dối gạt chúng ta, bởi cuộc sống giàu sang, vàng bạc đầy nhà mà làm gì nếu không có hạnh phúc, an vui? Nghĩa của NIẾT BÀN là "Ra khỏi rừng mê", hay là "ra khỏi rừng

phiền não". Người sống giữa các pháp mà không bị làm cho đau khổ, phiền não thì người đó đã đạt tới cảnh Niết Bàn tại thế, gọi là Hữu Dư Y Niết Bàn. Người dừng lại, không chạy theo danh vọng, vật chất, không còn hại nhau, tàn sát nhau, mà cái Tâm luôn an vui, hạnh phúc, không còn tìm cầu, khao khát, Phật gọi là tìm được viên NHƯ Ý BỬU CHÂU. Khắp nơi không còn cảnh chiến tranh chết chóc, ly tán, đau thương. Gia đình được an ổn. Vợ chồng, con cái sum vầy bên nhau, cùng chung lưng để chia sẻ những buồn vui của cuộc sống. Mọi người cũng nhau sản xuất, xây dựng, để cho cuộc sống thêm sung túc. Xã hội thịnh vượng. Đất nước giàu đẹp, thanh bình. Một thế giới hòa đồng, trong đó mọi người yêu thương, đùm bọc, san sẻ với nhau thì đó chẳng là một cuộc sống Cực Lạc rồi sao? Việc gì phải mơ màng ở cõi nào, thế giới nào khác? Đương nhiên, với nếp sống thuần thiện thì dù có tái sinh cũng sẽ được đến cảnh tốt đẹp, bởi không hại người, không gây tội ác thì địa ngục nào lôi ta xuống được. Một cuộc sống nhẹ nhàng thì khi bỏ cái thân, những dòng pháp nào cùng tầng số sẽ đến với nhau. Đó là quy luật đương nhiên, đâu cần Phật nào phải cứu, phải dắt ta lên, bởi vì Đức Thích Ca hay Chư Tổ cũng có cái Thân như ta, cũng tu hành như ta. Do đó, nếu ta cũng sống thuần thiện như các Ngài thì sẽ cùng về một nơi không khác. Điều đó là chắc chắn. Còn lúc sống mà làm ác, tạo nghiệp, rồi khi chết con cháu mời thầy tụng để Cầu Siêu, hy vọng Phật rước thì đã trễ. Phật đâu có quyền rước ai, mà chính những việc làm của mỗi người lúc sinh thời đã quyết định theo Luật Nhân Quả, không thể thay đổi. Những người cổ súy cho việc cầu xin đó là Tà Sư. Người tin như thế là tin tà pháp, không phải là Đạo Phật chân chính.

Cảnh trần, theo Đạo Phật thì đó là GIẢ CẢNH. Nhưng dù Giả, nó vẫn theo sự hiện diện của ta mà tồn tại, vì vậy, ít ra nó cũng kéo dài cả 100 năm. Con người sở dĩ KHỔ vì CHẤP những cái TƯỚNG HỮU VI. Thấy đó là Thật, nên đấu tranh, giành giật nhau. Phật dạy người tu quán sát, để thấy cuối cùng nó cũng sẽ về KHÔNG. Nhưng nhiều người không hiểu hết, lại dừng ở cái KHÔNG, trở thành mâu thuẫn với cuộc đời. Bởi nói KHÔNG, mà hành CÓ. Từ cái Thân, cho đến cơm, áo, vật dụng, thuốc men, nếu Không thì làm sao con người tồn tại? Do đó, Phật nói Các Pháp là KHÔNG để ta KHÔNG CÒN CHẤP LẤY NÓ nữa, mà chuyển cái Thấy cõi đời từ THẬT CÓ, trở thành TẠM CÓ. Biến các pháp CÓ từ hành hạ, làm cho con người phải Khổ, trở thành DIỆU HỮU, để bản thân người tu và những người chung quanh được cuộc sống yên vui, tốt đẹp. Ta đang sống trong cuộc đời. Đang nương nhờ hột cơm, bát nước, y phục, vật dụng của cõi trần. Những vật này có được là do sức lao động của nhiều thành phần trong xã hội. Do đó, người thụ hưởng có trách nhiệm phải đóng góp mới không mang nợ, vì Nhân Quả công minh. Sống ở trần gian mà không chạy theo danh vọng, vật chất, chèn ép người khác, đánh mất tình người. Trái lại, theo sức của mình mà đóng góp, dựng xây cuộc đời. Mọi người sống đúng với tính cách của một con người: Kính trên, nhường dưới, yêu thương ông bà, cha, mẹ, giúp đỡ bạn bè, người kém may mắn hơn. Chỉ cần như thế là ta đã sống đúng theo tinh thần của Đạo Phật rồi. Chẳng cần phải vô Chùa, Cạo tóc, đắp Y. Bởi suy cho cùng, người tu ở Chùa cũng chỉ cần làm một việc: Điều phục Lục Căn không cho chạy theo Lục Trần. Như thế gọi là Tu hành. Còn những việc khác chỉ là trợ đạo mà thôi. Do đó, nếu ta muốn tu mà chưa biết cách thì Học. Biết rồi thì Hành. Làm xong thì giúp người khác, gọi là "Mồi ngọn Vô Tận Đăng" để tất cả đều được hạnh phúc, an vui, gọi là người sống giữa trần gian mà không bị trần gian làm cho điên đảo. Người như vậy Đạo Phật gọi là đã được Giải Thoát. Đó là hình ảnh HOA SEN đã vươn lên từ Bùn. Đó là con người đã thành tựu con đường Giải Thoát cho bản thân, và đó cũng là mục đích của Đức Thích Ca khi mang Đạo Phật vào đời vậy.

Tháng 1/2014

TÂM NGUYỆN





MÓI TÌNH XUYÊN BIÊN GIỚI CỦA TRẠNG NGUYÊN MẠC ĐĨNH CHI

MẠC TRIỀU

Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi vốn nổi tiếng là người học vấn uyên thâm, có tài ứng đối mẫn tiệp nhưng người thấp bé, hình dung xấu xí. Còn một câu chuyện nữa rất thú vị về cuộc đời của ông mà ít người biết đến là ông có một người vợ yêu dấu ở tận xứ sở Cao Ly và suốt 600 năm nay, hậu duệ của ông vẫn không ngừng khắc khoải tìm về cội nguồn.

Chuyện trạng Việt Nam lấy vợ Cao Ly

Mạc Đĩnh Chi (1286-1350) tự là Tiết Phu, quê ở Hải Dương. Ông đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) thời Trần Anh Tông khi chưa đầy 20 tuổi. Thời xưa, người được chấm đỗ thi Đình có khi còn phải vào yết kiến để vua xét dung mạo rồi mới quyết định cho đỗ hẳn hay không. Mạc Đĩnh Chi vào ra mắt, nhưng vì Vua Trần Anh Tông thấy tướng mạo ông xấu xí nên có ý không muốn cho đỗ trạng.

Ông làm bài phú "Ngọc tỉnh liên" (Hoa sen trong giếng ngọc), ca ngợi sự cao quý của bông sen, tự ví mình với hoa quân tử. Vua đọc xong rất đẹp ý, bèn thuận cho ông đỗ Trạng nguyên. Ông làm quan trải qua ba đời vua: Anh Tông (1293-1313), Minh Tông (1314-1328), Hiến Tông (1329-1340), làm đến chức quan Thượng thư. Trong hành trình quan lộ của mình, Mạc Đĩnh Chi đã hai lần được cử đi sứ sang Trung Quốc, ông thường tỏ ra có tài hùng biện, dùng văn chương áp đảo triều thần nhà Nguyên, những câu ứng đối tài tình của ông được chép nhiều trong sách sử Trung Hoa. Đặc biệt, ông từng được vua Nguyên khen tặng là "Lưỡng quốc Trạng nguyên".

Trong chuyến đi sứ đó, một trong những giai thoại được dân gian biết đến nhiều nhất là câu chuyện Mạc Đĩnh Chi cùng với sứ thần Cao Ly thi tài làm thơ đề quạt. Sau này, 2 người đã trở thành đôi bạn tri kỷ. Khi Trạng Cao Ly về nước, ông mời Trạng Mạc sang thăm Cao Ly bốn tháng. Lần ấy, Trạng Cao Ly làm mối cho Trạng Mạc một người cháu gái để làm thiếp. Sau bốn tháng, người thiếp ấy theo Trạng Mạc về Trung Quốc, 5 năm sau thì bà về nước cùng với hai người con, một trai một gái. Mười năm sau, Trạng Mạc lại sang Cao Ly một lần nữa. Lần này, ông ở lại Cao Ly sáu tháng, đi du lãm khắp Cao Ly và có tập thơ truyền thế. Người Cao Ly rất hâm mộ ông, bởi ai cũng biết ông là bậc thông minh xuất chúng. Hết sáu tháng, ông trở về Trung Quốc rồi về Việt Nam, khi ấy người thiếp có mang đã ba tháng, sau sinh một bé trai.

Người vợ Cao Ly của ông rất chịu thương chịu khó nuôi nấng dạy bảo các con, dựng vợ gả chồng và thường ở với người con trai út. Sau đó, bà từ biệt con cháu, đi vào chùa ở, hưởng thọ

93 tuổi. Hai người con trai của Mạc Đĩnh Chi sau này cũng trở thành bậc kỳ tài của xứ sở Cao Ly. Người con trai cả của Trạng ra làm quan võ, sinh được 12 người con: 8 trai, 4 gái... Nhánh trưởng này phần đông là người giàu có. Nhánh thứ hai, sau này sinh ra nhiều nhân tài, phần nhiều là người trung nghĩa liêm khiết.

600 năm khắc khoải tìm về cội nguồn

Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, phóng viên đã ngược về quê hương của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi ở thôn Long Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương để xác minh. Tại ngôi đền thờ quan Trạng, Ông Mạc Văn Kết -Trưởng dòng họ Mạc ở thôn Long Động và ông Mạc Đức Bẩy - thủ từ của đền Mạc Đĩnh Chi - đã xác nhận, câu chuyện trên là hoàn toàn có thật. Các ông cũng cũng đã được nghe các cụ cao niên trong dòng họ kể lại sự việc này và hành trình tìm về nguồn cội của hậu duệ họ Mạc ở Cao Ly. Nhưng tiếc rằng cho đến nay, họ Mạc ở Long Động vẫn chưa gặp mặt và kết nối được với hậu duệ của Mạc Đĩnh Chi ở xứ sở Cao Ly.

Theo nguồn tài liệu trên trang mạng Mactoc.com (trang của dòng họ Mạc) thì hành trình tìm về nguồn cội của hậu duệ Mạc Đĩnh Chi ở Cao Ly bắt đầu từ khá sớm. Trang mạng này viết, năm 1926, ông Sơn Sa Lê Khắc Hoà cho biết rằng, chính ông đã gặp hậu duệ của Mạc Đĩnh Chi từ Cao Ly về Việt Nam trên một chuyến xe về phủ Khoái Châu (Hưng Yên), nhân dịp ông về thăm cha mẹ ở quê. Khi xe chạy đến gần Đình Dù thì ôtô hỏng máy, ông cùng với người Cao Ly vào nghỉ trong một lều tranh bên đường, đem giấy và bút chì ra bút đàm cùng nhau.

Ông Khắc Hoà miêu tả, người đó trạc ngoài bốn mươi, râu ba chỏm, trán hói, có vẻ thông minh xuất chúng, thái độ đĩnh đạc. Người đó kể rằng, ông là người Cao Ly nhưng vốn là dòng dõi của Mạc Đĩnh Chi, là cử nhân, thi đỗ từ năm 16 tuổi, làm quan tới chức quận trưởng. Bởi không chịu nổi cảnh áp bức của người Nhật nên ông từ quan về cố quốc, đi buôn sâm cho qua ngày tháng. Ông cũng khoe rằng, ông thuộc thế hệ nhánh trưởng, thân ở Cao Ly mà hồn ở Việt Nam. Cao Ly là nơi chôn nhau cắt rốn, nhưng đất Việt mới là quê cha đất tổ. Hồn thiêng sông núi đất Việt luôn luôn gọi ông trở về.

Ông thủ từ Mạc Đức Bẩy cũng cho biết thêm, trong dòng họ có ông Mạc Đạm, gốc ở Cao Bằng, trước 1975 sống ở Sài Gòn (nay đang ở Hoa Kỳ) thường hay về thăm đền Mạc Đĩnh Chi ở thôn Long Động có kể lại vào năm 1966, tại Sài Gòn có một người Hàn Quốc xưng là hậu duệ của Mạc Đĩnh Chi sang tìm lại cội nguồn. Sự việc cũng đã được đăng tải trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng của Sài Gòn lúc bấy giờ, nhưng do điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, ông chưa thể hoàn thành được tâm nguyện.

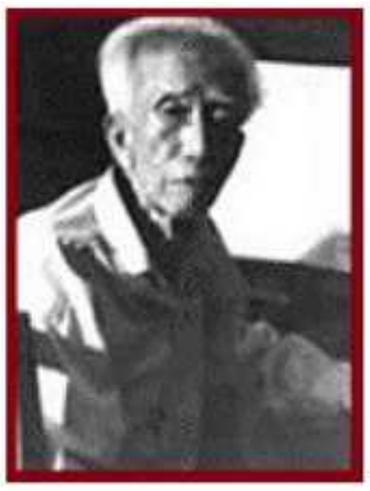
Có một sự trùng hợp nữa là trong năm 2012, đền thờ Mạc Đĩnh Chi ở thôn Long Động đã đón tiếp 2 đoàn tham quan có người Hàn Quốc. Đầu tiên là đoàn gồm 170 người của tổng hội họ Mạc toàn thế giới sống ở nhiều quốc gia khác nhau như Trung Quốc, Anh, Hoa Kỳ, Hàn Quốc... do ông Mạc Tin (đang sống ở Anh) dẫn đầu. Đoàn thứ hai có khoảng 7 người Hàn Quốc đến sau đó một tháng. Tuy nhiên, do bất đồng ngôn ngữ nên ông không giao tiếp được để hỏi sâu.

Ông Mạc Văn Kết - Trưởng tộc họ Mạc ở Long Động - bày tỏ mong muốn: Cách đây 400 năm, do những biến động của lịch sử, họ Mạc đã phải phiêu tán đi nhiều nơi. Chính trong giai đoạn này, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm đã có một câu sấm để đời: "Tứ bách niên tiền chung phục thủy/Thập tam thế hậu, dị nhi đồng" (Bốn trăm năm trước, cuối cùng trở lại như ban đầu/Mười ba đời sau, khác biệt mà vẫn cùng chung).

Quả thực sau 400 năm sau, con cháu họ Mạc đã dần tìm về cội nguồn. Họ Mạc đã tổ chức được Đại hội lần thứ nhất họ Mạc trên toàn quốc quy tập được nhiều hậu duệ ở nhiều nơi trong cả nước. Thôn Long Động chính là nơi phát tích đầu tiên của dòng họ Mạc Việt Nam, đây cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Vì vậy, ông rất mong qua phương tiện thông tin đại chúng mời các hậu duệ của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi ở Hàn Quốc nói riêng và trên toàn thế giới nói chung về thăm lại cội nguồn.

MẠC TRIỀU

Nguyễn Xuân Khoát (1910-1993)



NGUYỄN XUÂN KHOÁT NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG XÂY DỰNG NỀN ÂM NHẠC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

LƯƠNG VĂN HỒNG

Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát sinh ngày 11 tháng 2 năm 1910 ở Hà Nội. Vốn có khiếu năng âm nhạc, năm 1927 ông là một trong số mười người hiếm hoi lúc bấy giờ được tuyển vào học ở Viễn Đông âm nhạc viện do Pháp mở tại Hà Nội trong thời gian 1927-1930. Ông chơi thành thạo violin,piano và nhất là contrebass.

Giữa thời buổi: Ăn cơm Tây, ở nhà Tây, nói tiếng Tây, nghe nhạc Tây – Tây là nhất rồi! Nguyễn Xuân Khoát bằng lòng kiếm sống bằng cái nghề chơi đàn ở các tiệm nhảy của Tây. (Năm xưa, tôi vác một cây đàn contrebasse kiếm ăn bằng cách chơi đàn contrebasse trong các hộp đêm.) Nhưng ông bảo Với cái vốn âm nhạc học từ một nhạc viện của Pháp, Nguyễn Xuân Khoát lao vào công việc nghiên cứu sưu tầm: nghiên cứu nhạc chèo, ca trù và các làn điệu dân ca. Ông mời hẳn một ông thầy chèo, Bác Vương Văn Dương - để ghi chép các làn điệu, ghi đi ghi lại những luyến láy trong giọng hát chèo và trong tiếng đàn của các làn điệu chèo của nhiều nghệ nhân khác nhau. Chính sự sáng tạo cá nhân ấy làm phong phú các làn điệu và cho người ta thích thú được thưởng thức dấu ấn riêng của âm nhạc dân tộc. Đi sâu vào ca nhạc cổ truyền, ông rút ra được nhiều vấn đề có tính khái quát: âm nhạc Việt Nam có những vẻ đẹp của riêng nó: "Chèo chất phác, ca trù thanh cao, dân ca thì hồn nhiên, ý nhị. Nó vui mà không ồn ào, sặc sỡ, bi mà không đát, vừa kín đáo vừa cởi mở. Vừa mộc mạc lại vừa duyên dáng. Tất cả mọi trạng thái đó đều sáng lên trong lòng người cảm xúc, trong lòng người sáng tác ra cũng như trong lòng người thưởng thức. "(Nguyễn Xuân Khoát)

Ông phổ nhạc ba bài ca dao: Con Cò, Con Voi, Thằng Bờm để diễn đạt tâm tư của ông trong thời buổi xã hội nhiễu nhương, trong khi nhiều nhạc sĩ khác gửi gắm vào sáng tác những mối tình sầu, nỗi buồn cô quạnh. Người ta vẫn thấy ở đó còn có dấu ấn riêng của tác giả, tính cách, bóng dáng con người Nguyễn Xuân Khoát: phát huy tính dân tộc trong âm nhạc. Tính dân tộc trong âm nhạc còn thể hiện trong thanh xướng kịch Vượt sông cái, Trống Tràng Thành viết cho piano, hoà tấu Ông Gióng, Sơn Tinh Thuỷ Tinh và hoàn toàn cho bộ gõ dân tộc như Tiếng pháo giao thừa, Cúc Trúc Tùng Mai.... Ông đến với Cách mạng là đến với tấm lòng.

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc với hiệp định Genève. Trở về thủ đô Hà Nội, ông được

bầu làm Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Năm 1996, ông được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về văn học nghệ thuật..

PHÁT TRIỂN ÂM NHẠC DÂN TỘC HIỆN ĐẠI

Cho tới năm 1814, Na Uy đã hoàn toàn bị lệ thuộc vào Đan Mạch. Từ năm 1814 tới năm 1905, đất nước này bị bắt buộc phải gia nhập liên minh với Thụy Điển. Giai đoạn này cũng chứng kiến sự nổi lên của phong trào văn hoá Chủ nghĩa quốc gia lãng mạn Na Uy, khi người Na Uy tìm cách định nghĩa và thể hiện một bản sắc quốc gia riêng biệt. Phong trào này liên quan tới mọi nhánh văn hoá, gồm cả âm nhạc (Edvard Grieg). Grieg học ở Nhạc viện Leipzig (Leipziger Konservatorium) của Trường phái lãng mạn Đức với Mendelssohn, Schumann. Grieg kết thân với Nils Gade và Richard Nordraak. Nhà soạn nhạc trẻ tuổi R. Nordraak khuyên Grieg lưu ý tới những giai điệu dân gian Na Uy. Từ đó, Grieg đi tìm cảm hứng sáng tác trong đời sống hàng ngày của đồng bào mình, trong thiên nhiên và folklore Na Uy. Grieg cùng với Nordraak thành lập nhóm "Euterpe" nhằm kiến tạo nền âm nhạc Nauy hiện đại. Grieg cộng tác với nhà soạn kịch Na Uy Ibsen và kết thân với B. Bjornson. Grieg cưới ca sĩ Nina Hagerup. Ông cùng vợ trình tấu các nhạc phẩm của mình ở khắp châu Âu với tư cách là nghệ sĩ piano và nhạc trưởng. Những nhạc phẩm cho piano, đặc biệt là những bài hát của Grieg với giọng ca của Nina như luồng gió mát thổi từ vịnh Nauy đến với thính giả Na Uy.

ĐẶNG HỮU PHÚC:
TỪ NHẠC DÂN GIAN ĐẾN NHẠC BÁC HỌC
(1953-...)

Đặng Hữu Phúc sinh ngày 4 tháng 6 năm 1953 tại Phú Thọ, Việt Nam. Cậu bé Phúc học nhạc tại Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam từ năm lên 10 tuổi, và được đào tạo chính quy cả 2 chuyên ngành: sáng tác và biểu diễn Piano.
Trong thời gian là sinh viên piano, ông học với Tào Hữu Huệ (Tsao You-Whai,Trung Quốc), Issac Katz và Ghenxler (chuyên gia Liên Xô), ông đã chơi nhiều tác phẩm lớn viết cho piano như : Concerto No1 của P.Tchaikovsi [1] , Concerto No2 của S.Rakhmaninoff, Concerto No1 G-dur của M.Ravel, Concerto Cis moll của N.Rimsky-Korsakov, Sonate No23 (Appassionata) của L.V.Beethoven [2] , Sonate No2 B-moll và Ballade No1 g-moll của F.Chopin, v.v...
Đặng Hữu Phúc tu nghiệp tại Nhạc viện Quốc gia Paris tại Pháp những năm 1991-1992. Ông là nghệ sỹ dương cầm của Dàn nhạc giao hưởng Quốc gia Việt nam trong hơn 20 năm (1979-2002). Ông cũng đã từng độc tấu piano bản Sonate polyphonique (mà ông là tác giả) tại Liên hoan các nhạc sỹ trẻ các nước Xã hội Chủ nghĩa lần thứ nhất (Liên Xô cũ) năm 1988 , và thu thanh bản nhạc này tại Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam (1978).
Hiện nay, Đặng Hữu Phúc giảng dạy bộ môn sáng tác ở Học viện âm nhạc quốc gia Hà Nội. Đặng Hữu Phúc là nhạc sỹ sáng tác khí nhạc Việt Nam đầu tiên mà tác phẩm được vang lên trong các phòng hòa nhạc sang trọng của nước Cộng hòa Pháp tháng 5 năm 2007. Chính nhạc trưởng lừng danh Xavier Rist, người đoạt bảy giải nhất về chỉ huy dàn nhạc tại Nhạc viện quốc gia Paris, dàn dựng và chỉ huy biểu diễn cho bản Ouverture Ngày hội của nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc. Nhạc trưởng Xavier Rist nhận xét: "Ngày hội là một tác phẩm xuất sắc, nhạc sĩ đã chuyển đổi và tái tạo chất liệu nhạc truyền thống Việt Nam dưới lăng kính của ngôn ngữ giao hưởng đương đại với một cảm nhận về nhịp điệu và màu sắc rất tinh tế". Trang web của Hội Nhạc sỹ Việt Nam viết:" Đó là câu chuyện cổ tích giữa đời thường!"
"Những nét nhạc đẹp như thể nét vẽ của người họa sỹ trong tranh, nhạc gây ấn tượng mạnh và làm lay động tâm hồn chúng ta. Nhờ có âm nhạc, số phận của các nhân vật chính đã trở nên rõ nét hơn". Đó là lời nhận xét về nhạc của Đặng Hữu Phúc trong phim Thời xa vắng của Ban giám khảo của giải Kim Tước, Liên hoan phim quốc tế Thượng Hải lần thứ tám tháng 6 năm 2005.

Tác phẩm của nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc chia làm hai mảng chính là: Khí nhạc (thính phòng, giao hưởng) và Thanh nhạc. N ăm 2006 tập "Tuyển chọn 60 bài Romances và Ca khúc cho giọng hát

với Piano" đã ra đời sau hơn 30 năm,đó là một tuyển tập viết cho thanh nhạc và duy nhất của một nhạc sĩ Việt nam có đầy đủ cả phần piano Trong tuyển tập có nhiều ca khúc đã được phổ biến rộng rãi trong công chúng như "Cơn mưa sang đò "Trăng chiều ' , "Ru con mùa đông", "Tôi vẫn hát"... Một mảng quan trọng trong sự nghiệp sáng tác âm nhạc của anh là anh đã viết nhạc cho hàng trăm phi m và nhiều vở diễn sân khấu kịch nói, múa, rối, xiếc...vv Như các ph im truyện nhựa: "Ngõ hẹp", "Người đàn bà nghịch cát", "Tướng về hưu", "Dòng sông hoa trắng", "Đêm bến tre"... Đặng Hữu Phúc là nhạc sĩ hiện đại của Việt Nam . Qua tác phẩm âm nhạc của minh, ông đi từ nhạc dân gian để đưa âm nhạc bác học - SONATE POLYPHONIQUE CHO ĐÀN PIANO SOLO -đến với người Việt Nam yêu thích âm nhạc.

ROMANCE – VẺ ĐẸP CỦA ...

Qua đêm Con đường âm nhạc—PHÁC THẢO MÙA THU ta biết, Chất thơ trong âm nhạc của Đặng Hữu Phúc có lẽ bắt nguồn từ một mối tình thuở học trò rất đẹp và nó đã trở thành một nguồn cảm hứng trong nhiều sáng tác của anh. Đó là mối tình tuổi học trò đơn phương với ca sĩ Ái Vân. Nhạc sĩ tâm sự:"Bài hát "Trăng chiều" tôi đề tặng Vân cũng vì những lung linh kỷ niệm tuổi học trò mà cô ấy đã để lại nơi tâm hồn tôi. Có lẽ chất thơ trong âm nhạc của tôi đã bắt đầu từ những ấn tượng đẹp như giấc mộng ấy. Dư âm của nó vang trong lời hát: "bình yên bình yên giấc nồng, dịu êm dịu êm đóa hồng" (Ru con mùa đông) mà rất ám ảnh: "Bóng em ngời sáng, đóa hoa màu trắng khi trăng chiều lên" (Trăng chiều)....."

Ông chia sẻ: " Khi còn là sinh viên học viện âm nhạc, cái chất romance đã dần ngấm vào trong tôi, tôi đã cảm nhận được vẻ đẹp cao sang, tinh tuý của nó. Từ năm 1975 tôi đã bắt đầu viết, bài Romance đầu tay, phổ thơ của Chu Hoạch. Cái đẹp trong Romance của ông là "những cảm nhận vẻ đẹp của tình yêu, vẻ đẹp tinh tế của những quan sát rung động từ con tim với thiên nhiên."

ĐẤT NƯỚC TỪ NHẬT KÝ TỚI NHÀ HÁT LỚN HÀ NỘI

Nhật ký ngày 27-1-1973viết: "22h ngày 20-3-1973: nghe tiếng loa hàng xóm phát bài "Đất nước" của Nguyễn Đình Thi do Châu Loan ngâm trong buổi "Tiếng thơ". Rất xúc động, bỗng nghĩ bài thơ có thể phổ thành hợp xướng. Thế là cả đêm không ngủ được". Thứ tư 21-3-1973: "Sáng ra thư viện chép bài thơ. Chuẩn bị một số cơ sở vật chất (đèn dầu, bảng gỗ, bút chì, tẩy, giấy nhạc), định tối vào trường viết nhưng chiều đã chín muồi cảm xúc viết được đoạn đầu rất nhanh. Tối vào trường từ sớm. Làm tiếp (từ Mùa thu nay khác rồi... đến Dây thép gai đâm nát trời chiều). Trong phòng đầy muỗi và ánh đèn bão. Làm khuya, rất cảm xúc, mãi 12h đêm mới về". Thứ năm 22-3-1973: "Tối vào làm tiếp cho tới hết...".

"Cả tòa nhà 4 tầng lúc ấy tối đen, đêm về khuya chỉ còn mỗi phòng của tôi với ánh đèn dầu. Trường nhạc nằm bên nhánh sông Tô Lịch, "muỗi nhiều như trấu"... Đến giờ tôi vẫn còn thấy bồi hồi, xúc động khi mỗi lời thơ về đất nước cất lên thành nhạc".

Năm 1976, "Đất nước" được dàn hợp xướng học sinh, sinh viên của Trường Âm nhạc Việt Nam biểu diễn nhân kỷ niệm 20 năm thành lập trường.

"Đất nước"... nằm im cho đến tối 1-9-2009, dịp kỷ niệm 64 năm Ngày Quốc khánh, mới lại được vang lên tại Nhà hát Lớn, Hà Nội. Dàn nhạc của Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam đã cùng chơi "Đất nước", do chính tác giả chỉ huy. "Đất nước" mang trong nó cả niềm vui riêng nhỏ bé và sự chung vui lớn lao của cả dân tộc;

NGHỆ SĨ VIOLIN VIỆT NAM
BÙI CÔNG DUY
(1981 - ...)

Bùi Công Duy sinh năm 1981 trong gia đình có truyền thống âm nhạc, cha là nghệ sĩ violin Bùi Công Thành. Anh bắt đầu học violin từ khi lên 4 tuổi dưới sự dẫn dắt, định hướng tương lai của người cha. Khi lên 10 tuổi, Bùi Công Duy được ba mẹ đưa sang Nga với nhiều hy vọng và niềm tincủa bố mẹ. Bùi Công Duy chia sẻ: "Bố tôi tuy làm giảng viên bên Nga, nhưng để lo cho tôi ăn học đầy đủ, bố tôi hàng ngày dậy từ 5 giờ sáng dưới tiết trời băng giá, có khi xuống tới âm hàng

chục độ để làm nghề lái taxi". Nước Nga là chiếc nôi nhạc cổ điển có truyền thống đào tạo những nghệ sĩ violin nổi tiếng thế giới với những nhà sư phạm đầy tình nhân ái, lo ươm cho những tài năng phát triển. Cô giáo Kuzina tạo cho trò Bùi Công Duy một nền tảng vững chắc để anh sự tin trong nghề và trong cuộc sống. Bùi Công Duy tâm sự: "Tôi còn nhớ, hầu hết những buổi biểu diễn ban đầu để khẳng định bước đường của tôi, cô luôn cho tôi biểu diễn cùng để làm quen với sân khấu và khán giả. Những buổi biểu diễn ấy mang lại cho tôi nhiều kỷ niệm nhất." Ở lớp nâng cao Bùi Công Duy được dìu dắt bởi giáo sư âm nhạc nổi tiếng Gvozdev, bởi nghệ sĩ nhân dân Bochkova. Sau sáu năm miệt mài khổ luyện Bùi Công Duy tốt nghiệp hệ trung cấp năm 1998, và trở thành sinh viên Nhạc viện Tchaikovsky nổi tiếng ở Moskva. Tất cả những nhạc công của Virtuose Moscow đều đã đạt các giải thưởng quốc tế. Dàn nhạc này luôn có chương trình biểu diễn dày đặc tại các nước trên thế giới". Sau 14 năm học tập và rèn luyện, Bùi Công Duy đã trở thành một nghệ sĩ Violon danh tiếng trên nước Nga. Năm 2007, Bùi Công Duy về nước với nhiều dự định đặt ra cho chính bản thân và cho cộng đồng yêu âm nhạc cổ điển của đất nước thiếu vắng những nhà sư phạm tài năng giầu lòng nhân ái. Bùi Công Duy muốn lấp đầy khoảng trống ở Việt Nam: định hướng cho thế hệ trẻ và gọt giũa những tài năng mà họ không có điều kiện để phát triển, hay có điều kiện nhưng không có định hướng cho chính bản thân mình. Theo đuổi âm nhạc cổ điển là công việc theo suốt cuộc đời, ở Việt Nam nhiều em có thiên bẩm âm nhạc nhưng lại không mấy em có đủ lòng kiên nhẫn theo đuổi con đường này.

KHÔNG TRỒNG CÂY SAO CÓ HOA THƠM TRÁI NGỌT

"Rất nhiều bạn bè có quan niệm theo học nhiều giáo viên để có một cái nhìn đa dạng hơn, nhưng tôi thì ngược lại. Trong từng giai đoạn, tôi chỉ theo học một thầy, cô giáo và ảnh hưởng một phong cách nhất định" (Bùi Công Duy). Mọi con đường đều dẫn tới Rom, nhưng ta không thể cùng một lúc đi trên hai con đường để tới Rom. Văn học nghệ thuật đòi hỏi phải có năng khiếu, đặc biệt là âm nhạc. Sinh ra trong gia đình có truyền thống âm nhạc, cả cha lẫn mẹ đều là nghệ sĩ, nhưng không có khổ luyện thì không thể thành danh được. Âm nhạc là lĩnh vực, thầy nào trò nấy. Việc Bùi Công Duy năm 2007 về giảng dạy ở Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam đã tạo nên niềm hứng khởi cho sinh viên ngành violin. Họ có tấm gương thần tượng cho đời mình. Thầy Bùi Công Duy cao 1m84, khỏe khoắn, gương mặt đầy biểu cảm âm nhạc. Đôi mắt sáng và ánh nhìn rạng rỡ. Vầng trán tỏa sức hút của một người có tư duy thơ mộng... của một nghệ sĩ violin. Tên tuổi nghệ sĩ violin Bùi Công Duy Duy đã vượt ra khỏi biên giới và được biết đến ở nhiều quốc gia có nền âm nhạc cổ điển lớn như Nhật, Pháp, Mỹ, Italia, Đức, Ba Lan... nay lại tỏa sáng trên quê hương. Nỗ lực của anh và những cộng sự là đưa tinh túy của âm nhạc đến với người Việt Nam. Với nguyên tắc chất lượng, uy tín. Đáng kể nhất là nỗ lực trong hai năm để đưa dàn nhạc giao hưởng Đức danh tiếng Berliner Symphoniker, 66 người về Việt Nam, thuyết phục họ biểu diễn nhạc mục phù hợp nhất với khán giả Việt. Bùi Công Duy là nghệ sĩ violin từng gắn với nhiều giải thưởng danh giá: Giải Nhất cuộc thi Âm nhạc quốc tế Demidov (1993), giải Nhất cuộc thi Âm nhạc quốc tế Z. Bron (1995), đặc biệt là giải nhất cuộc thi tìm kiếm tài năng âm nhạc mang tên nhà soạn nhạc vĩ đại của nước Nga Tchaikovsky (1997). Bùi Công Duy giảng dạy âm nhạc với vai trò một Phó Trưởng khoa đàn dây của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

LỜI BÌNH:

Bối cảnh ra đời của tân nhạc là Việt Nam những năm đầu thế kỷ 20 (khoảng năm 1928) . Chủ nghĩa tư bản của người Pháp cùng với nền văn hóa phương Tây vào Việt Nam gây nên những xáo trộn lớn trong xã hội. Nhiều giá trị tư tưởng bền vững mấy ngàn năm trước đó lại bị giới trẻ có Tây học xem thường, thậm chí trở thành đối tượng để mỉa mai của nhiều người. Một tầng lớp tiểu tư sản ở thành thị hình thành. Những đổi thay về sinh hoạt cũng đồng thời với sự thay đổi về ý nghĩ và cảm xúc. Những thay đổi đó cũng do sự tiếp xúc với văn hóa lãng mạn Pháp. Giai đoạn trước 1937 được xem là giai đoạn chuẩn bị của Tân nhạc. Trong bài Lịch sử Tân nhạc Việt Nam nhạc sĩ Trần Quang Hải gọi đây là "giai đoạn tượng hình". Còn Phạm Duy cho rằng những năm đầu thập niên 1930 là "thời kỳ đi tìm nhạc ngữ mới". Từ đầu thế kỷ 20, các bài hát châu Âu, Mỹ được phổ biến mạnh mẽ ở Việt Nam với các đĩa hát 78 vòng rồi qua những bộ phim nói.

Những thanh niên yêu âm nhạc thời kỳ đó bắt đầu chơi mandoline , ghita và cảvĩ cầm, dương cầm. Năm 1938 được coi là điểm mốc đánh dấu sự hình thành của Tân nhạc Việt Nam với những buổi biểu diễn và thuyết trình của nhạc sĩNguyễn Văn Tuyên tại Hà Nội. tháng 9 năm 1938, tờ Ngày Nay của Nhất Linh, một tờ báo uy tín khi ấy, cho đăng những bản nhạc đầu tiên Bông cúc vàng, Kiếp hoa của Nguyễn Văn Tuyên, Bình minh của Nguyễn Xuân Khoát, Bản đàn xuân của Lê Thương, Khúc yêu đương của Thẩm Oánh,Đám mây hàng, Cám dỗ của Phạm Đăng Hinh, Đường trường của Trần Quang Ngọc... Ngay từ thời kỳ này, nhiều nhạc sĩ tài năng đã ghi dấu ấn với các nhạc phẩm trữ tình lãng mạn. Một số thuật ngữ được dùng để chỉ nền tân nhạc Việt Nam giai đoạn này, phổ biến nhất là "nhạc tiền chiến". Dòng nhạc tiến chiến còn kéo dài tới năm 1954 và cả sau 1954 ở miền Nam. Nhạc sĩ Lê Thương là một trong những người có sáng tác sớm nhất. Khi đó ông dạy học ở Hải Phòng và có tham gia cùng Hoàng Quý, Phạm Ngữ, Canh Thân. Thời kỳ này, Lê Thương đã để lại dấu ấn với các truyện ca như Bản đàn xuân, Nàng Hà Tiên, Một ngày xanh, Thu trên đảo Kinh Châu và đặc biệt bộ ba ca khúc Hòn vọng phu, được xem như một nhạc phẩm bất hủ của tân nhạc. Nhạc sĩ Văn Cao ở Hải Phòng và cũng từng tham gia nhóm Đồng Vọng. Từ năm 16 tuổi Văn Cao đã có ca khúc đầu tay là Buồn tàn thu rất được ưu chuộng. Năm 1941, theo lời khuyên của Phạm Duy, Văn Cao lên Hà Nội. Thời kỳ này, ông đã viết nhưng ca khúc vượt thời gian như Thu cô liêu, Suối mơ, Bến xuân và đặc biệt Trương Chi và Thiên Thai. Tham gia Việt Minh, cuối năm 1944, Văn Cao viết Tiến quân ca, ca khúc trở thành bài hát chính thức của Mặt trận Việt Minh rồi quốc ca của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và quốc ca của Việt Nam hiện nay. Đoàn Chuẩn là người say mê Hạ Uy cầm, Đoàn Chuẩn viết nhạc và để lại hơn 10 ca khúc, hầu hết đều nói về mùa thu, trong đó nhiều bài giá trị như Đường về Việt Bắc, Lá đổ muôn chiều, Gửi người em gái... Nhạc phẩmVĩnh biệt của ông cũng được sáng tác trong thời gian đó, nhưng đến cuối thập niên 1990 mới công bố và được ca sĩ Ánh Tuyết thể hiện. Các nhạc sĩ khác cũng ghi dấu ấn cho giai đoạn tiền chiến như Ngày về, Mơ hoa của Hoàng Giác, Giáo đường im bóng của Nguyễn Thiện Tơ, Em đến thăm anh một chiều mưa của Tô Vũ, Nỗi lòng của Nguyễn Văn Khánh, Trách người đi của Đan Trường, Đêm đông của Nguyễn Văn Thương, Ai về sông Tương của Văn Giảng, Trầu cau của Phan Huỳnh Điểu, Xuân và tuổi trẻ củaLa Hối, Dạ khúc của Nguyễn Mỹ Ca, Nhớ quê hương của Phạm Ngữ, Tình quê hương của Việt Lang, Màu thời gian của Nguyễn Xuân Khoát... Vào thời kỳ đầu tiên, Phạm Duy với vai trò ca sĩ trong gánh hát Đức Huy là một trong những người góp phần phổ biến tân nhạc. Ông là người đầu tiên hát nhạc cải cách trên đài Radio Indochine ở Sài Gòn vào năm 1944, mỗi tuần trình bày 2 lần.

Từ năm 1945, tân nhạc Việt Nam bắt đầu có sự phân tách. Đa số các nhạc sĩ rời bỏ thủ đô và những thành phố lớn để tham gia kháng chiến Với đề tài kháng chiến, ở miền Bắc, Đỗ Nhuận viết Du kích sông Thao, Nhớ chiến khu, Hoàng Vân có Hò kéo pháo, Văn Chung viếtQuê tôi giải phóng, Lê Yên viết Bộ đội về làng... Ở miền trung có Bình Trị Thiên khói lửa của Nguyễn Văn Thương, Lời người ra đi củaTrần Hoàn, Đoàn vệ quốc quân, Có một đàn chim của Phan Huỳnh Điểu, Du kích Ba Tơ của Dương Minh Viên... Còn ở miền Nam, một lớp nhạc sĩ trẻ hơn như Hoàng Việt với Lên ngàn, Nhạc rừng... Các ca khúc này đánh dấu sự ra đời thực sự của nhạc kháng chiến, hay "nhạc đỏ".

Hiệp định Genève năm 1954 đã chia Việt Nam thànhViệt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam. Tại miền Bắc, nhạc kháng chiến tiếp tục và cùng với nhạc dân ca, truyền thống là những thể loại âm nhạc duy nhất được phát trên đài phát thanh Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 ở miền Bắc. Ở miền Nam, với sự tự do, đa dạng hơn trong sáng tác nghệ thuật, các nhạc sĩ đã viết các ca khúc thuộc nhiều thể loại. Văn hóa Âu Mỹ tràn ngập miền Nam dẫn đến sự hình thành dòng nhạc trẻ. Bên cạnh đó là các phong trào Du ca và dòng nhạc phản chiến. Một nhạc sĩ tiêu biểu cho dòng nhạc phản chiến này và cả tình ca là Trịnh Công Sơn.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước nền tân nhạc Việt Nam có nhiều thay đổi thăng trầm

Vào năm 1996 bắc nguồn từ giải thưởng âm nhạc "Làn sóng Xanh" do đài tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. người đoạt giải là ca sĩ Lam Trường với ca khúc "Tình thôi xót xa" Bảo Chấn khiến cho trào lưu nhạc trẻ ra đời với hàng loạt ca khúc thành công sau đó như : Hà Nội mùa vắng những cơn mưa, Bên em là biển rộng, giọt sương trên mí mắt, Hôn môi xa, Tình em ngọn nến ... góp phần đưa hàng loạt ca sỉ trẻ nổi danh như : Mỹ Tâm, Đan Trường, Cẩm Ly,

Mỹ Linh, Hồng Nhung, Thanh lam, Quang Linh, Quang Dũng, Đức Tuấn, Tuấn Hưng, Đàm Vĩnh Hưng ...
Nhạc sĩ trẻ Hoài An đoạt giải thưởng từ cuộc thi sinh viên với bài hát "Tình thơ" với phần hoà âm mới lạ hiện đại lúc bấy giờ đã làm thay đổi quan điểm âm nhạc Việt Nam : Phần nhạc dạo đầu bài hát và Phần hoà âm và phối khí được chú trọng hơn so với trước đây làm cho ca khúc Việt Nam trở nên hiện đại hơn, hay hơn.
Nói đến nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát là nói con người của sáng tạo, là nói đến hòa thanh phối khí trong nhạc dân tộc... Con đường tìm kiếm đó bắt đầu từ sự tìm kiếm âm hưởng của nhạc cụ dân tộc mà bộ gõ có thể có khả năng đảm nhiệm chức năng độc đáo của nó. Ông rất tâm đắc với nhạc sĩ người Na Uy Edouard Grieg về việc phát triển âm nhạc dân tộc. Ông nói: "Muốn cho sự tìm tòi, khám phá, sáng tạo của mình có giá trị lâu dài, được nhân dân, dân tộc mình yêu thích, người nhạc sĩ trước hết phải thuộc, phải nắm bắt được cái cộng hưởng âm thanh và tiết tấu, cái cộng hưởng của tiếng vang cuộc sống thiên nhiên và xã hội của dân tộc đã được đúc kết làm đẹp lên trong cái cộng hưởng của nhạc cụ dân tộc mình" Những việc làm của ông như một bước đi tiên phong trong công cuộc xây dựng một nền âm nhạc dân tộc hiện đại.

Những người sáng tạo nghệ thuật thích đối đầu với cái khó, thích phá vỡ những quy phạm. Họ coi khó khăn là những thách đố trong nghề và trong cuộc đời. Nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc cũng là người như vậy. Ông hướng tới đối tượng thính giả có nhu cầu được thưởng thức những tác phẩm âm nhạc mới mẻ, giàu giá trị thẩm mỹ. Giữa tinh tuyển và phổ thông, Đặng Hữu Phúc chọn tinh tuyển: "đích lịch trình khổ nạn". Nhạc sĩ đã thành công trên con đường đầy bất trắc bằng tài năng sáng tạo và hình như có cả may mắn. Đặng Hữu Phúc là nhạc sỹ sáng tác khí nhạc Việt Nam đầu tiên mà tác phẩm được vang lên trong các phòng hòa nhạc sang trọng của nước Cộng hòa Pháp tháng 5 năm 2007. Chính nhạc trưởng lừng danh Xavier Rist, người đoạt bảy giải nhất về chỉ huy dàn nhạc tại Nhạc viện quốc gia Paris, dàn dựng và chỉ huy biểu diễn cho bản Ouverture Ngày hội của nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc. Nhạc trưởng Xavier Rist nhận xét: "Ngày hội là một tác phẩm xuất sắc, nhạc sĩ đã chuyển đổi và tái tạo chất liệu nhạc truyền thống Việt Nam dưới lăng kính của ngôn ngữ giao hưởng đương đại với một cảm nhận về nhịp điệu và màu sắc rất tinh tế". Trang web của Hội Nhạc sỹ Việt Nam viết:" Đó là câu chuyện cổ tích giữa đời thường!" Đặng Hữu Phúc đã tìm được cảm hứng sáng tác qua việc chắt lọc những nét tinh túy trong âm nhạc dân gian như chèo, tuồng, chầu văn. Những âm hưởng lãng mạn của 60 bài Romances và ca khúc với piano tạo nên dấu ấn đậm nét. Những giai điệu đẹp ấy đều được viết ra bởi chính cảm xúc và trái tim của tác giả và góp phần không nhỏ vào việc phát triển dòng nhạc giao hưởng Việt Nam.
Bùi Công Duy nhớ lại: "Khoảng thời gian từ 4 - 10 tuổi là khoảng thời gian mà vẫn còn ngây ngô, tinh nghịch của trẻ và hầu hết được bố mẹ hết mực lo lắng, cưng chiều. Nhưng với tôi thì khác, ngoài thời gian ăn, ngủ và khoảng thời gian ngắn nghỉ ngơi thì trong tay tôi lúc nào cũng có cây đàn. Những khi tập luyện một đoạn nhạc rất khó tưởng thành công rồi, để có thể được đi chơi nhưng ba tôi vẫn bắt tôi đàn lại. Sau này tôi mới thấy những lời cha dạy, cha ép chơi đi chơi lại mới thấy ông quả là một con người có tầm nhìn chiến lược. 7 năm theo học NSND Bochkova và làm thạc sĩ năm 2005. Một năm sau, Bùi Công Duy trở thành thành viên người nước ngoài đầu tiên trong lịch sử 24 năm của dàn nhạc dây Virtuose Moscow danh tiếng thế giới dưới sự chỉ đạo của V. Spivakov -người từng giành bốn giải thưởng lớn dành cho nghệ sĩ violon thế giới và là người sáng lập Dàn nhạc Vituous Moskva. Tiếng đàn violin của nghệ sĩ Bùi Công Duy sắc nét, dày dặn và tinh tế với sự chú trọng đặc biệt anh dành cho tinh thần của tác phẩm - cái hồn của bản nhạc và sức sống riêng của nó. NSND Bochkova (Nga) nhận xét: "Bùi Công Duy có cả năng khiếu và phẩm chất để trở thành một tài năng hiếm có. Duy có cả tình yêu và khổ luyện là bởi tình yêu của Duy dành cho âm nhạc là rất lớn." Từ khi về nước đến nay, Bùi Công Duy đã đào tạo được khá nhiều tài năng âm nhạc trẻ cho Việt Nam. Điển hình như trường hợp em Nguyễn Linh Nguyên (16 tuổi) đạt Giải Nhì cuộc thi "Mozart International String Competition 2011" tại Thái Lan, và em Trịnh Đan Nhi (10 tuổi) đạt Giải Nhì cuộc thi "The 4th ASEAN International Concerto Competition 2011" ở Indonesia. Nếu không trồng cây làm sao có những hoa thơm trái ngọt như vậy.

LƯƠNG VĂN HỒNG



biên luận

THƠ TÌNH XUÂN DIỆU

KIỀU VĂN

Xuân Diệu (1917–1985) thuộc thế hệ nhà thơ đàn em của Thế Lữ, nhập cuộc với Thơ Mới vào khoảng 1936.

Nếu thơ Thế Lữ chịu ảnh hưởng của trường phái thơ lãng mạn Pháp (với Lamartine, V. Hugo...) thì Xuân Diệu "mới" (moderne) hơn, đã "chộp bắt" được tinh thần thơ tượng trưng của Baudelaire – nhà cách tân thơ vĩ đại nhất nước Pháp thế kỉ XIX. Vì vậy, từ Thế Lữ đến Xuân Diệu là một bước nhảy vọt của Thơ Mới.

Vừa được vũ trang bằng một phương pháp sáng tác mới vô cùng ưu việt, Xuân Diệu đồng thời có đủ các tố chất của một nhà thơ đích thực: học vấn đầy đủ (tốt nghiệp trường Tây học), có biệt tài sáng tạo thơ, và nhất là có bản tính thiên phú để theo đuổi đến cùng một xu hướng thơ hấp dẫn vào bậc nhất: thơ tình!

Thật vậy, Xuân Diệu ngay từ "cái thuở ban đầu" bước chân vào làng thơ đã khẳng định mình là "một con chim hay hát" (*Tôi réo rắt chẳng qua trời bắt vậy*), và đã chọn cho mình một tôn chỉ: sống để phụng sự cho *tình yêu*. Phụng sự bằng trái tim yêu nồng cháy, bằng cuộc sống say mê và bằng việc hăm hở làm thơ tình!

Đúng như Nguyễn Công Trứ trước kia đã nói "Trời đất sinh ta nguyên có ý", Xuân Diệu được trời đất sinh ra trên cái xứ sở Việt Nam hữu tình này chỉ để ca hát về tình yêu, cái đề tài mà có lẽ từ trước khi có nước Văn Lang đến giờ, người Việt đã không ngừng say mê ca hát. Cái bản tính trời cho dân tộc Việt ấy đã được đúc kết trong những câu ca dao đáng "*được treo giải nhất chi nhường cho ai*" trên cả cái hành tinh này:

Ba cô đội gạo lên chùa

Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư.

Sư về sư ốm tương tư

Ôm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu!

Ai làm cho dạ sư sầu,

Cho ruột sư héo như bầu đứt dây?

Vừa có "nội lực" sung mãn như vậy, Xuân Diệu lại gặp đúng cái thời buổi "gió Âu mưa Mĩ", thời buổi mà những khát vọng yêu đương của trai gái, sau hàng nghìn năm bị lễ giáo phong kiến cấm đoán, nay được tháo cũi sổ lồng. Tình yêu của thời đại "tân thời" đang nôn nóng chờ đợi thi nhân của nó, và Xuân Diệu đã xuất hiện đúng lúc.

Thơ tình của Xuân Diệu chuyên sâu đặc tả những *rung cảm bên trong tâm hồn* của một *cái tôi* cụ thể khi nó sống trong thế giới tình yêu. Thế nhưng *cái tôi* đó chỉ là phiên bản *cái tôi chung* của con người thời đại đang có cùng một đòi hỏi: được sống đúng với nhân bản của mình, nhất là trong lĩnh vực tình yêu. Sự hăm hở của cả một thế hệ thanh niên xông lên chiếm ngự và tận hưởng những lạc thú "ngàn năm mới thấy một lần" của *tình yêu tự do, hiện đại* là nguyên do khiến thơ tình Xuân Diệu như có tiếng máu dồn mạnh trong huyết quản, thậm chí có lúc trở nên điên cuồng:

Với trăm ma tôi hẹn những mười nguyền...

Hồn đông thế tôi sợ gì cô độc?

Ma với nhau thì ôm ấp cùng nhau...

Là thi nhân số một của tình yêu, Xuân Diệu là con chim đầu đàn hót vang khúc hoan ca chưa từng có của tình yêu thời đại mới:

Tơ liễu dong gần tơ liễu êm;

Bướm bay lại sánh bướm bay kèm;

Ngàn đôi chim hót. – Chàng trai ấy

Không có người yêu để gọi "em".

Mặt trời vừa mới cưới trời xanh,

Duyên đẹp hôm nay sẽ tốt lành.

Son sẻ trời như mười sáu tuổi;

Má hồng phơn phớt, mắt long lanh...

Ghen tuông nhìn chạnh gió chen cây;

Chim lẻo không im. Liễu cứ gầy.

Và các môi hoa như sắp nói:

"Ái tình đẹp tợ chúng em đây".

(Rạo rực)

Nửa thế kỉ thơ tình Xuân Diệu là cả một quá trình khám phá không ngừng cái "tình yêu nhân bản" ở con người và thế giới kì diệu của tình yêu.

Thuở ban đầu của tình yêu thường là thực ít mộng nhiều:

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá

Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.

Tôi với người yêu qua nhè nhẹ
Im lìm không dám nói năng chi…

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ…
(Trăng)

Nhưng nỗi khao khát yêu đương mỗi lúc càng thêm bỏng cháy:

Đôi mắt của người yêu, ôi vực thẳm!
Ôi trời xa: vừng trán của người yêu!
Ta thấy gì đâu sau sắc yêu kiều
Mà ta riết giữa đôi tay thất vọng.
(Xa cách)

Và rồi căn bệnh tương tư kịch phát:

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm,
Anh nhớ em, em hỡi! Anh nhớ em.
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm
Mà ánh sáng điều hoà cùng bóng tối…
Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi,
(Được giận hờn nhau, sung sướng biết bao nhiêu!)
- Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh.
Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh…
(Tương tư chiều)

Rồi tình yêu trở nên đắm đuối và mãnh liệt, nhất là ở những tâm hồn tự do và lãng mạn. Lần đầu tiên trên thi đàn Việt Nam xuất hiện những câu thơ miêu tả tình yêu cuồng nhiệt, có hơi hướng "xác thịt", điều mà cả bọn người "cổ điển" lẫn thơ cổ điển "nhất kiêng" không dám nói tới. Đó chính là nét mới táo bạo khiến thơ tình Xuân Diệu có sức hấp dẫn mạnh với thanh niên đương thời:

Hãy sát đôi đầu! Hãy kề đôi ngực!
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài!
Những cánh tay! Hãy quấn riết đôi vai!
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng…
(Xa cách)

Lẽ tất nhiên, khi tình yêu được hưởng "đặc quyền" của thời đại mới là *tự do*, được mặc sức tung hoành với những dục vọng nhân bản, nó phải vận động mạnh mẽ và mau lẹ. Phản ánh được cái *nhịp độ sống hối hả* của con người thời đại "Âu hoá", nhất là trong tình yêu, đó chính là một nét

mới mẻ đặc sắc của thơ tình Xuân Diệu:

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi;
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! Thời gian không đứng đợi…

Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai;
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn;
Vừa xịch gối chăn, mộng vàng tan biến;
Dung nhan xê động, sắc đẹp tan tành…
(Giục giã)

Ai cũng biết trong tình yêu, *sướng vui* và *đau khổ* vốn là một cặp mâu thuẫn luôn luôn khăng khít. Sở dĩ thơ tình Xuân Diệu đọc thấy thấm thía vì nhà thơ đã "bắt" được hầu hết các căn "bệnh tình" mang "triệu chứng lâm sàng" chung là… *đau khổ*:

Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất,
Anh cho em cùng với một lá thư.
Em không lấy, và tình anh đã mất.
Tình đã cho không lấy lại bao giờ…

Anh vẫn tưởng chuyện đùa khi tuổi nhỏ,
Có ai ngờ lòng vỡ đã từ bao!
Mắt không ướt nhưng bao hàng lệ rỏ…
(Tình thứ nhất)

Lòng ta là một cơn mưa lũ
Đã gặp lòng em là lá khoai.
Mưa biếc tha hồ rơi giọt ngọc,
Lá xanh không ướt đến da ngoài.

… Ngày mai nắng mọc, mưa rơi hết
Mặt tạnh cơn si, lòng cạn hồ,
Ta sẽ thôi yêu như đã giấu
Không hề oán hận lá khoai khô…
(Nước đổ lá khoai)

Lòng ta trống lắm, lòng ta sụp

Như túp nhà không, bốn vách xiêu.
Em chẳng cứu giùm, em bỏ mặc
Mưa đưa ta đến chốn đìu hiu…

Ta thấy em xinh, khẽ lắc đầu,
Bởi vì ta có được em đâu!
Tay kia sẽ ấp nhiều tay khác,
Môi ấy vì ai sẽ đượm màu…
(Bên ấy bên này)

Sự "chuyên sâu" về đề tài tình yêu khiến Xuân Diệu có vẻ là một chuyên gia đã phát hiện, giải mã nhiều hiện tượng và nghịch lí đắng cay nhưng thú vị của nó:

Người ta khổ vì thương không phải cách,
Yêu sai duyên, và mến chẳng nhằm người,
Có kho vàng nhưng tặng chẳng tuỳ nơi,
Người ta khổ vì xin không phải chỗ.

Đường êm quá, ai đi mà nhớ ngó
Đến khi hay, gai nhọn đã vào xương.
Vì thả lòng không kiềm chế dây cương,
Người ta khổ vì lui không được nữa…
(Dại khờ)

Cũng bằng con mắt của con người thời đại mới mà Xuân Diệu vạch ra cái hố thẳm từng tồn tại cả ngàn năm, là nguyên nhân của bao nhiêu bi kịch tình yêu và tai hoạ cho tuổi trẻ, nhất là cho các cô thiếu nữ:

Ta tiếc theo sau những đoá hồng
Những nàng con gái sớm phai bông
Những cô hây hẩy còn đôi tám
Xô đuổi tình yêu, vội lấy chồng.

Ta đã tìm thăm những nấm mồ
Vô tình chôn giữa trái tim thơ,
Vô tình ôm ấp bao di tích
Của những tình thương bị hững hờ.
(Ngẫn ngơ)

Nhà thơ cũng không quên khắc hoạ hình ảnh và số phận của những nàng kĩ nữ, những con người của thế giới "tình yêu đàng điếm", tuy ở vào thời đại "tân thời" nhưng tấn kịch u thảm của các nàng thì dường như muôn thuở không thay đổi:

... Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo,
Trời đầy trăng, lạnh lẽo suốt xương da.
Người giai nhân: bến đợi dưới cây già;
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt...

Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.
Mắt run mờ, kĩ nữ thấy sông trôi.
Du khách đi. Du khách đã đi rồi.
(Lời kĩ nữ)

Trong thời kì Thơ Mới, thơ tình của Xuân Diệu hoàn toàn lãng mạn, giống như buổi bình minh đầy mơ mộng của con người và của mọi tình yêu.

Sau thời kì Thơ Mới, ở thập kỉ những năm 50 đến 80, thơ tình của ông không còn những nét sôi nổi trẻ trung ngày trước mà trở nên trang nhã, sâu lắng hơn và đượm chất triết lí hơn.

Nhưng ngay ở giai đoạn đã đứng tuổi này, Xuân Diệu vẫn tiếp tục khám phá không ngừng những bí ẩn của tình yêu. Điều đó cho thấy ông quả là một tướng lĩnh của thơ tình đích thực không mấy ai đương thời sánh kịp.

Thành tựu nổi bật nhất của Xuân Diệu trong giai đoạn khá dài này là cuộc hành trình từ *tình yêu lãng mạn phi thực tế* đến *tình yêu có thực* trong đời, từ tình yêu phi hôn nhân đến tình yêu trong hôn nhân. Chính nhờ cuộc hành trình đó, bản chất của tình yêu được khám phá ở tầm cao hơn, sâu sắc hơn. Người đọc trong khi rung cảm với thơ ông còn chợt nhận ra và học được nhiều bài học về những vấn đề tế nhị nhất trong thế giới tình yêu và hôn nhân.

Xuân Diệu bộc lộ một năng lực phi thường khi ông lật nhào quan niệm "cổ điển" về tình yêu đẹp, tình yêu thánh thiện. Ông chứng minh rằng một tình yêu tuyệt đẹp ở trên đời không nhất thiết cần phải có nhiều "bão táp", nhiều nước mắt, nhiều tình tiết li kì kiểu tiểu thuyết ái tình. Tình yêu chân chính và tốt đẹp nhất chính là tình yêu chân thật, thuỷ chung, son sắt, hết sức du dương của vợ và chồng trong cuộc đời thường. Ông đã nhắc vở cho mọi người thấy rằng đó không phải là một điều tầm thường như nhiều người vẫn lầm tưởng. Trái lại, cũng giống như một người đàn bà bình thường vẫn được coi là "kiệt tác của vũ trụ", tình yêu trong đời thường chính là một thế giới vô cùng tuyệt diệu, là cả một điều đáng khát vọng, đáng tôn thờ nếu con người hiểu thấu chân giá trị của nó và biết hưởng thụ nó. Tình yêu "đời thường" ấy chỉ vô giá trị với những kẻ có trái tim đui mù, vô cảm, những kẻ tuy mang hình hài con người nhưng xét về phương diện "chất người" thì thuộc hạng... mông muội, kém phát triển!

Ý tưởng lớn lao, táo bạo nhưng vô cùng đúng đắn ấy được Xuân Diệu thể hiện vô cùng sinh động trong cả một biển thơ tình của ông kể từ sau năm 1945.

Tất cả những trái tim đã được khai sáng bởi ánh sáng của chủ nghĩa nhân văn và không bị hư hỏng vì những giáo điều ngu xuẩn, không bị chai sạn vì những tham vọng về của cải, về danh vọng... đều có thể nhờ thiên năng của mình mà nhận thức được chân lí "*đàn bà là kiệt tác của vũ*

trụ" (câu nói của Lessing). Ngay cả người nông dân Việt Nam thời cổ xưa cũng nhận thấy giá trị "vô địch" của đàn bà thể hiện trong những câu ca dao như "*Lỗ mũi mười tám gánh lông/ Chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho*" hay câu tục ngữ "*nhất vợ nhì giời*"!

Thơ tình Việt Nam nói chung thường chỉ xoay quanh chuyện "tôi rất yêu em" hoặc "em rất yêu anh". Có lẽ chỉ Xuân Diệu (và một vài người nữa như Đinh Hùng, Xuân Quỳnh...) đã không dừng lại ở mức "yêu" mà vượt tới đỉnh cao chót vót của sự yêu: đó là *sự tôn thờ*. Từ *yêu* đến *tôn thờ* là sự nhảy vọt về chất: *yêu* là hành vi thuộc cõi trần, còn *tôn thờ* là hành vi thuộc tầng "thượng thanh khí". Sự tồn tại của người đàn bà trong thơ Xuân Diệu mới thiêng liêng làm sao! Dường như sự tồn tại ấy là chủ thể cho tất cả những tồn tại khác của cả vũ trụ và phổ vào cho chúng một linh hồn mà chúng vốn không thể có. Đó là một phát hiện thiên tài của Xuân Diệu, khiến thơ tình của ông – theo chúng tôi – ở tầm cao hơn nhiều so với hằng hà sa số thơ tình của vô số nhà thơ khác:

Hoa đẹp là hoa nhìn với mắt em
Cửa sổ là khung có hình em ở giữa
Tách nước là ngón tay em cầm
Quyển sách, chao đèn, là bóng em đọc mở...

Đường nhựa là đường in dấu vạn chân
Duy có một dấu chân – em yêu dấu
Tàu điện là tàu một đêm anh tiễn em đi...

Vũ trụ là chốn anh được gặp em
Thời gian là nơi anh với em sinh cùng thời đại...
(Hoa đẹp là hoa nhìn với mắt em)

Khuôn mặt xinh em mãi rỡ ràng
Là sách nghìn trang sách vạn trang
Sớm mai anh thấy mặt trời mọc,
Chiều hôm anh đọc ánh trăng vàng.

Mặt em ở giữa kho trời đất,
Vô tận thời gian có mặt em,
Đáy thẳm tâm hồn anh đã cất
Mặt em, hoa vĩnh viễn ngày đêm.
(Mặt em)

Em là một ngôi sao mới băng
Xuống đây, đi với anh đêm trăng...
(Đêm trăng đường Láng)

Em cho anh chén nước

Anh biến thành rượu nho…

Cái men trong mắt em
Anh để vào chén nước…
(Chén nước)

Người nào xa lạ đâu đây,
Người mi thanh sáng, người tay dịu hiền,
Tôi nhìn quên đẹp quên duyên,
Quên câu ăn nói, tôi nhìn người thôi…
Người nào tôi tưởng đã quen
Một ngày không gặp lại nên mới rồi.
Một kho vàng ngọc thêm hoài,
Người nào như cả loài người đến đây…
(Lạ)

Từ lúc yêu em, ngay sau buổi gặp đầu tiên
Anh đã tạc hình ảnh của em trên nền thương nhớ
Ở đâu có nhớ thương, anh đã đặt tượng của em vào đó…
(Bức tượng)

Có thể nói Xuân Diệu có khả năng siêu phàm *nhìn thấy được cái phi thường trong cái tầm thường của tình yêu và của người đàn bà*. Phải chăng đó là chân lí "trong một thi nhân có một siêu nhân"? Và cái "siêu" trong thi ca phải chăng chính là khả năng phát hiện những điều bí ẩn mà người thường không thể nào phát hiện được?

Nhưng Xuân Diệu không chỉ mải mê rượt đuổi theo những cái siêu phàm của tình yêu. Nhà thơ luôn dẫn người đọc thâm nhập vào đời sống thực tế của tình yêu để phăng ra muôn vàn vẻ đẹp lạ lùng nó:

Anh nằm khẽ quạt
Cho gió mát về em
Em ngủ ngon không biết
Nhưng vẫn ngủ êm đềm.

Anh quạt cho đôi tay
Anh hằng ngày yêu mến
Anh quạt đôi lông mày
Sáu năm nay quyến luyến…

Mát em mát nhiều nhiều
Yêu em, yêu lắm lắm

Một chiếc quạt trong tay
Đủ cho anh đằm thắm.
(Quạt)

Trời vào hè đã nực
Làng quen dùng rạ rơm
Cái bếp chật hùm hụp
Em chen vào làm cơm.

Lửa cháy nhanh phần phật
Tàn rạ nhẹ bay đầy
Tay em hoà tí muối
Em tiếp lửa liền tay…

Trên trán em như gương
Giọt mồ hôi lấm tấm,
Tóc đôi cọng rơm vương
Anh nhìn em, thương lắm…
(Em làm bếp)

Em đi, anh ngóng trông chừng;
Anh về, miệng đã gọi lừng: em ơi!
Bữa ăn thành một hội vui
Có em gắp với, rau thôi cũng tình…
(Đời anh, em đã đi qua…)

Trong thơ tình Xuân Diệu không thiếu một cung bực nào của tình yêu.
Nỗi khao khát về một tình yêu vĩnh cửu:

Trên đường Quần Ngựa, chiều kia
Em ơi, anh muốn dựng bia ân tình.
Khi anh qua đó một mình
Thấy còn in bóng in hình đôi ta…

Trái tim anh nói bồi hồi
Mà tim em cũng trao lời vấn vương
Đất trời chìm giữa yêu đương
Thời gian cũng gượm trên đường vô biên
Dù anh sống đến ngàn niên
Không quên những phút cùng em mơ màng…

(Kỉ niệm)

Những nỗi thảng thốt lo âu cho số phận của tình yêu và hạnh phúc:

Đó là một sớm mai cách đây tuần lễ
Hình em đi – anh bỗng nghĩ bàng hoàng:
Nếu ngày nào em hết ở cùng anh
Nếu đến khi anh không còn em nữa.
Anh biết tạc đâu ra một người như thế?
(Biết tạc đâu ra em của anh?)

Những đớn đau khủng khiếp khi tình yêu tan vỡ:

Vội gì vội lấy ai, bỏ anh
Vội gì vội, để anh đau khổ?

Ai lấy cưa ngàn răng vạn răng
Cưa đôi ta thành hai mảnh
Cưa tan nát anh làm vạn mảnh
Để trong đời một ảnh đau thương…
(Vội gì vội)

Anh đã giết em, anh chôn em vào trái tim anh
Đêm nào anh cũng đi quanh em mà khóc…
Tại em cố chấp
Tại anh đã mất
Con đường đi tới trái tim em.
Anh đã giết em rồi, anh vẫn ngày đêm yêu mến.
Em đã giết anh rồi, em vứt xác anh đâu?
(Anh đã giết em…)

Nhưng không gì tái tê, ghê rợn và chết chóc cho bằng cảnh "sống không tình như sống giữa tha ma":

Em có bao giờ tưởng tượng xem
Một mình anh sẽ sống không em,
Bơ vơ như đã muôn lần chết,
Đã chết nhưng còn phải sống thêm!
(Cứ phải là em)

Anh có cửa có nhà
Nhưng không vợ không con.
Sợ cái bếp không lửa
Sợ cái cửa không đèn.

Những đêm đi xa về
Tận xa nhìn cửa đóng,
Không ánh sáng đón mình,
Không có ai trông ngóng…

Ôi cái khung cửa sổ
Em thường đứng nhìn ra:
Em là sao của cửa,
Em là hồn của nhà…

Ôi cái khung cửa sổ
Của kiếp anh, đời anh!
Tay em không đến mở
Thôi còn gì tươi xanh?
(Khung của sổ)

Than ôi! Khát vọng tình yêu và gia đình của Xuân Diệu, khi dâng lên đến nấc thang tột cùng, đã chuyển hoá thành nỗi tuyệt vọng, thành bi kịch! Đó chính là điều thống nhiết nhất trong cõi trần gian mà người ta gọi là *định mệnh.* Cái định mệnh nghiệt ngã ấy thường rơi vào cuộc đời của "những đấng tài hoa", từng được Phạm Quí Thích (bạn của thi hào Nguyễn Du) khái quát bằng câu thơ: "*Nhất phiến tài tình thiên cổ luỵ*" (một mảnh tài tình là cái luỵ muôn đời).

Xuân Diệu, nhà thơ tình kiệt xuất không những của Việt Nam mà của cả Phương Đông, từng chứng minh một cách đầy thuyết phục chân giá trị của phái đẹp, từng khám phá hầu như toàn bộ bề sâu của thế giới tình yêu – tình yêu lãng mạn trong mơ mộng cũng như tình yêu trong cuộc đời thật – nhưng vì "tiên thiên bất túc" nên không được hưởng một tình yêu đích thực, phải sống cô độc hầu như trong suốt cả cuộc đời mình! Đó chẳng phải là một nghịch lí quá khắt khe hay sao?

Nếu Hàn Mặc Tử, trong cảnh bệnh hoạn, bị đày vào "một vũng cô liêu cũ vạn đời" vẫn bộc phát một tình yêu mãnh liệt với cuộc sống, với tình yêu, thì Xuân Diệu, trong nghịch cảnh của mình, đã tự tìm cách bù đắp, hiệu chỉnh sự khiếm khuyết của tạo hóa bằng sức mạnh tinh thần, bằng năng lực tưởng tượng phi thường để vẫn "sống" say đắm với tình yêu như mọi người! Ông đã ngang nhiên thực hiện trước mắt thiên hạ một cuộc "biến không thành có" tình yêu và hôn nhân, và miêu tả nó một cách chuẩn xác và hay một cách thần kì. Đó chính là điều kì diệu mà thi nhân (hay cũng có thể gọi là "dị nhân") Xuân Diệu đã thực hiện được!

Thông qua hiện tượng Xuân Diệu, chúng ta càng thấy rõ cái *tinh thần lãng mạn chủ nghĩa*, cái *sức mạnh kì bí của đời sống tinh thần, tâm linh* đã cống hiến cho thế giới này những thành quả văn hoá to lớn biết chừng nào!

Bí quyết để Xuân Diệu thực hiện được kì tích ấy là: nhà thơ đã ghi nhận sâu sắc rồi "khuếch đại" những cảm thụ, ấn tượng có được trong những khoảnh khắc hiếm hoi tiếp cận với một tình yêu ngắn ngủi có thật nào đó, đã cảm nhận tình yêu nhân bản của đồng loại, đã yêu con người và cuộc đời vô cùng tha thiết, đã phát huy tối đa tri giác và sức tưởng tượng ưu việt của một thi sĩ.

Chính vì vậy mà tất cả những cảm nhận, đắm say, tiên tri, khẳng định của nhà thơ về tình yêu luôn tỏ ra chính xác lạ thường, nhiều khi làm giật mình ngay cả những kẻ đang đắm mình

trong tình yêu thực sự:

Trở mình, tay ấp má
Anh thương em dáng người
Tin cậy vào cuộc sống
Tin ở anh trong đời.

Sau một ngày đẫy việc
Chúc em tôi giấc lành!
Anh vô cùng sung sướng
Nếu em mơ thấy anh.
(Anh thương em khi ngủ)

Trong buổi chiều hôm bóng nhá nhem
Anh ra trước cổng đứng chờ em,
Nhận từng vóc dáng từ xa tới
Lọc lấy một hình anh thuộc quen.
(Đứng chờ em)

Bản chất tình yêu là sự phối ngẫu âm dương, hai yếu tố nguyên thuỷ tạo nên và quyết định sự tồn tại của vũ trụ. Vì vậy tình yêu mang tính trường tồn cũa vũ trụ. Xuân Diệu đã nhận thức sâu sắc sự trường tồn đó qua bài thơ ông viết vào thời gian ông sắp phải rời cuộc sống:

Vĩnh viễn chim ca, vĩnh viễn nắng cười...
Mãi mãi em ơi
Cây đời trĩu trái
Gió trong lá mùa thu rồi trở lại
Rì rào đôi ta tình ái muôn đời.
(Cây đời mãi mãi xanh tươi)

Trọn cuộc đời, Xuân Diệu sáng tác *thơ tình*, và thực ra ông cũng chỉ thành công với *thơ tình* mà thôi. Nhưng cũng chỉ cần với *thơ tình*, Xuân Diệu đã tự khẳng định được một cách hùng hồn ông là nhà thơ hiện đại, nhân văn chủ nghĩa tiêu biểu của thế kỉ XX. *Thơ tình* của ông đã đáp ứng, thoả mãn nhu cầu bức xúc về tình yêu của nhiều thế hệ con người, trước hết là thanh niên, trong thời đại "lên ngôi" của tình yêu tự do. Xuân Diệu là thi sĩ lớn của dân tộc, của thanh niên không những của thời "Âu hoá" mà còn của 4 thập kỉ thời "hậu chiến".

Một kì tích khác của Xuân Diệu – như trên đã nói – là thực hiện bước nhảy vọt đầu tiên nhưng tối quan trọng của phong trào Thơ Mới về phương diện nghệ thuật. Do tuổi còn rất trẻ, tâm hồn rất bồng bột, do cái "tạng" riêng của mình là ham hố lăn xả vào nắm bắt những cái *thật* nhất của sự sống, *phát hiện chân tướng* của nó, Xuân Diệu đã bỏ qua thi pháp lãng mạn và bắt kịp thi pháp tượng trưng của Baudelaire – thi pháp tiến bộ nhất cuả thi ca Pháp và châu Âu thế kỉ XIX.

Ngôn ngữ thơ Xuân Diệu chính xác, biểu cảm và táo bạo, diễn đạt một cách trực tiếp cảm

xúc thật của trái tim, không có những câu cú kiểu cách, vòng vo, mơ hồ sương khói. Vì vậy hình ảnh trong thơ ông thường "nét" như trên màn ảnh:

- Giữa vườn ánh ỏi tiếng chim vui
Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời.
Sao buổi đầu xuân êm ái thế!
- Gió thơm phơ phất bay vô ý
Đem đụng cành mai sát cành đào.
- Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá
Chỉ biết yêu thôi, chẳng hiểu gì!
- Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
- Áo em để lại dáng hình
Treo trên mắc áo cho mình thấy thương
Đôi vai nho nhỏ bình thường
Khuỷu tay áo gợi hình xương tay gầy.

Nhờ có tính cấu trúc cao – các chi tiết thơ đều xoáy vào một *chủ đề duy nhất* – mỗi bài thơ của Xuân Diệu nhằm khắc hoạ, "giải mã" bản chất của một sự vật hay hiện tượng nào đó (điểm cốt lõi của thi pháp tượng trưng). Nói cách khác, thơ Xuân Diệu là lối thơ *chủ đề*, ví dụ: *Nụ cười xuân, Trăng, Yêu, Xa cách, Tương tư, Duyên, Hôn, Muộn màng, Dối trá, Dại khờ, Giục giã, Tình thứ nhất, Biệt li, Gặp gỡ, Đa tình, Mặt em, Trái tim em, Giọng nói em, Bức tượng em, Thân em, Tay em, Khung cửa sổ, Chờ em…*

Ngoài Xuân Diệu, chỉ có một số ít các nhà thơ xuất sắc của Thơ Mới đạt tới trình độ thơ cấu trúc: Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng… Trái lại, một số đông các nhà thơ khác vẫn giẫm chân trong kiểu thơ "phi cấu trúc" là lối thơ dàn trải ý tứ tuỳ tiện và tản mạn theo kiểu… rồng rắn dọc chiều dài trang giấy, khiến ý thơ trở nên tản mạn, nhạt nhòa, khó đọng lại được trong tâm trí người đọc.

Nhà thơ tình độc đáo của chúng ta đã ra đi trên 15 năm nay. Ở thế giới bên kia, rất có thể nhà thơ đang say sưa ôm ấp những "hồn ma" nào đó (như Tây Thi, Lộng Ngọc, Điêu Thuyền thời cổ hoặc những nàng con gái của thời đại văn minh…) Trong khi đó, đúng như ông đã tin tưởng, ở thế giới bên này, tình yêu vẫn không hề mất đi màu xanh muôn thuở, trai gái khắp thế gian vẫn tiếp tục tận hưởng hương mật ngọt ngào của tình yêu sống động.

KIỀU VĂN





biên luận

NỀN HỘI HỌA CẬN ĐẠI & HIỆN ĐẠI

KIÊM THÊM

Trường phái Ấn Tượng

(Impressionism)

Nguyên ủy: Đây là một phong trào hội hoạ khởi đầu ở Pháp từ thập niên 1860, ảnh hưởng về sau. Trường phái Ấn tượng không phải là một trường phái thuần nhất có chương trình và nguyên tắc được xác định rõ rệt, mà chỉ là một tập hợp những nghệ sĩ liên kết với nhau, do có quan điểm giống nhau và cũng vì mục đích trưng bày tranh của mình. Những họa sĩ trong nhóm nầy làm nổi bật những tư tưởng khác nhau mà các nhà viết sử nghệ thuật sau nầy coi là nét đặc biệt của phong trào nầy. Nhiều hoạ sĩ có thể được gọi là Ấn tượng trong một giai đoạn sự nghiệp nào đó thôi; một số khác đã bỏ trường phái Ấn tượng một thời gian, sau đó lại quay về với trường phái nầy.

Thời điểm và thành viên của nhóm: Những họa sĩ đầu tiên khởi xướng trường phái nầy phải kể: Monet, Renoir, Sisley và Bazille; họ vốn là những bạn học được đào tạo đầu tiên tại trường của Gleyre vào đầu những năm 1860, và đều bất mãn với chương trình Hàn lâm mang tính chất kinh viện.

Sau đó, họ lại kết thân với các hoạ sĩ khác như Camille Pissaro, Cézanne, Berthe Morisot và Armand Guillaumin. Họ thường họp mặt ở những quán cà phê vùng Montmartre và trong xưởng vẽ chung của Bazille và Renoir. Sau đó, nhóm nầy lại có thêm Degas và Manet. Những cuộc họp mặt của họ còn có thêm nhà phê bình nghệ thuật Théodore Duret và Georges Rivière và nhà buôn tranh Paul Durand Ruel ủng hộ và giới thiệu sâu rộng.

Năm 1873, khi phòng Triển Lãm chính thức từ chối trưng bày tranh của Pissarro, Monet, Renoir, Cézanne và Sisley, họ đã quyết định làm một việc bất thường là tổ chức những cuộc trưng bày độc lập của mình. Tiếng vang khởi đầu từ đó.

Phát triển: Trong cuộc trưng bày đầu tiên tổ chức tháng 4 năm 1874 tại phòng nhiếp ảnh của Nadar (1820-1910) các nghệ sĩ nầy tự nhận là "*Hội nặc danh những nghệ sĩ hội họa, điêu khắc và khắc bản*". Nhan đề của một trong những bức tranh của Monet có tựa đề "*Ấn tượng - mặt trời mọc* "*Musée marmottan – Paris*) đã gợi ý cho nhà báo Louis Leroy gán cho cả nhóm của họ là "Họa sĩ Ấn tượng"; cái tên đã được đặt ra lúc đầu là để "chế giễu", nhưng sau đó được chính họ chấp nhận cho khuynh hướng hội họa của mình. Có cả thảy 8 cuộc triển lãm của những hoạ sĩ Ấn tượng tuần tự khai diễn vào những năm 1874, 1876, 1877, 1879, 1880, 1881, 1882.

Và tên "Ấn tượng" đã không được dùng trong những cuộc triển lãm lần thứ nhất, lần thứ tư và lần cuối cùng. Những cuộc triển lãm không chỉ dành riêng cho những họa sĩ thành viên trong

nhóm. Sau khi trưng bày triển lãm lần thứ tám, thì nhóm tan rã, và Monet là hoạ sĩ duy nhất còn đeo đuổi những lý tưởng ấn tượng một cách kiên trì nhất.

Quan điểm chung: Nói chung, trường phái Ấn tượng chống lại phương pháp đào tạo theo kiểu Hàn lâm ở những trường Mỹ thuật thời đó. Họ cũng chống lại những nguyên tắc cơ bản của hội hoạ lãng mạn, nhấn mạnh: Mục tiêu chủ yếu của truyền đạt nghệ thuật là truyền đạt *xung động cảm giác* của nghệ sĩ, còn việc ghi nhận thiên nhiên chỉ là thứ yếu. Do chống lại quan niệm nầy, họ thường có cảm tình với trường phái Hiện thực, khi cho rằng: "*Trạng thái cảm xúc của nhà nghệ sĩ chỉ là thứ yếu; mục tiêu chính yếu là "ghi nhận một phần thiên nhiên hay cuộc sống, với tinh thần khách quan và khoa học".*


Renoir - the piano lesson

Họ gạt bỏ nghệ thuật tưởng tượng, trong đó có đề tài lịch sử vì đó là chuyện quá khứ, chú trọng nhiều đến sự ghi nhận khách quan kinh nghiệm đương đại và thực tiễn. Tuy nhiên, quan điểm của họ khác hẳn với quan điểm của trường phái Hiện thực xã hội. Mục tiêu của họ không phải là cải tại xã hội; họ thấy không xứng đáng gì khi thể hiện sự dung tục và xấu xa, mà khuynh hướng xã hội nầy thích phơi bày để tuyên truyền chính trị.

Thể tài, kỹ thuật: Trong những giới hạn quy định như vậy, đề tài quy định của họ lại khác nhau rất nhiều. Chẳng hạn: ***Renoir*** thích vẽ những người đàn bà đẹp và tươi trẻ một cách thích thú; ***Sisley, Pissarro và Monet*** chủ trọng đến phong cảnh hơn hết. Với ***Degas,*** phong cảnh không mấy hấp dẫn, những lại hướng về những hoạt cảnh như đua ngựa, ca múa, hoạt cảnh của những cô gái đồng quê.

Tham vọng thu bắt ấn tượng thị giác tức thì, thay vì những khía cạnh nhàm chán xẩy ra hằng ngày đã khiến cho những hoạ sĩ ấn tượng đánh giá rất cao về sự tìm tòi sinh hoạt ngoài trời, hoàn tất bức tranh ngay tại chỗ, trước khi điều kiện ánh sáng thay đổi. Họ không vẽ bóng bằng màu xám hay màu đen, mà bằng màu bổ túc cho màu đối tượng. Do hủy bỏ đường viền, đối tượng của khuynh hướng hội họa nầy mất vai trò trọng tâm; như thế, tranh Ấn tượng đã trở thành những bức tranh vẽ ánh sáng và bầu không khí, lợi khí để những hoạ sĩ Ấn tượng trở tài vận dụng những màu trực tiếp và màu phản chiếu.


Degas

Những tranh luận: Lúc đầu, tranh Ấn tượng chỉ được người thưởng ngoạn tiếp đón với sự hoang mang hay hoài nghi. Báo *Figaro* viết về cuộc triển lãm của nhóm nầy năm 1876 như sau: "*Năm nay, có sáu kẻ điên, trong đó, có một phụ nữ, một tập hợp những kẻ bất hạnh nhuốm màu tham vọng điên rồ, đã họp mặt tại đây để trình bày những tác phẩm của họ. Thật là một cảnh tượng kinh hoàng, khi tính hợm hĩnh của con người lan tới ranh giới của những kẻ điên khùng. Phải có một người nào đó đến bảo cho ông Pissarro biết rằng cây cối không bao giờ có màu tím, bầu trời không bao giờ có màu bơ tươi, trên đời nầy không bao giờ có những thứ mà ông ta vẽ cả...*"

Khi viện sĩ Hàn lâm J. L. Gérôme hướng dẫn Tổng thống Loubet thăm cuộc triển lãm năm 1900 ở Paris, khi dừng lại ở phòng trưng bày những hoạ phẩm Ấn tượng đã nói: "Xin Tổng thống dừng chân, vì đây là chỗ làm ô danh nước Pháp".

Tuy nhiên, trong thực tế thì lại khác. Nhà buôn tranh của nhóm nầy là Durand Ruel gặt hái những thành công to lớn vào những năm cuối của thập niên 1880, đặc biệt là phong trào chơi tranh tại Hoa Kỳ. Năm 1891, cuộc trưng bày tranh của Monet tại Paris, chỉ trong 3 ngày là bán sạch hết.

Ảnh hưởng: Ảnh hưởng của trường phái Ấn tượng rất lớn, và phần lớn lịch sử nghệ thuật hội hoạ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, là lịch sử phát triển của trường phái nầy hay phản ứng của nó. Sau đó, sự tiếp nối của nó qua một ngõ khác: các họa sĩ ***Tân Ấn tượng*** đã cố đặt những nguyên tắc "quang học" của trường phái Ấn tượng trên cơ sở khoa học; họ bắt đầu một loạt vận động lâu dài, nhằm giải phóng màu sắc và đường nét khỏi những chức năng thể hiện đơn thuần, và đã quay trở lại những giá trị cảm xúc và tượng trưng mà các họa sĩ Ấn tượng trước kia đã bỏ quên, khi tập trung vào cái thoáng qua và sự tình cờ khi bắt gặp.

Thời kỳ Hậu Ấn tượng

Danh xưng: Như trình bày ở trên, chủ nghĩa ấn tượng (trong hội hoạ) đã đánh dấu một khúc quanh không thể đảo ngược, đến nỗi mọi khuynh hướng hội hoạ đi sau nó được xem là "Hậu ấn tượng". Ngay từ cuối thế kỷ XIX, các họa sĩ Tây Phương đã tìm cách thể hiện theo chiều hướng nầy, không chỉ "cái họ quan sát", mà cả "cái họ cảm thấy", vì từ đó trở đi, nghệ thuật tự do diễn đạt cảm xúc cũng như thực tại vật chất.


Van Gogh - Women of Arles

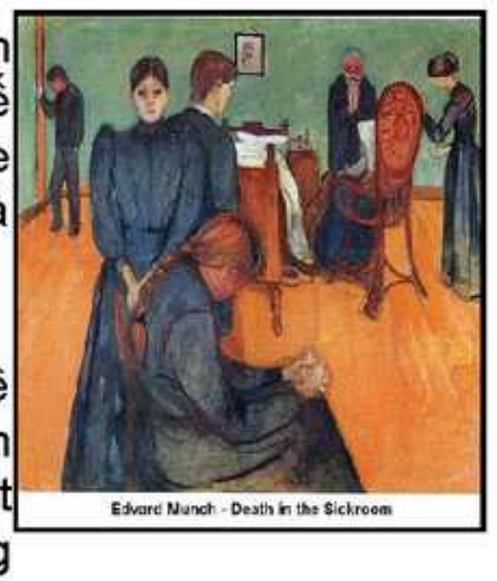
Trong trường hợp nầy, chủ nghĩa Hậu ấn tượng không phải là một phong trào thật sự, vì các hoạ sĩ liên quan không bao giờ nhắm đến hay biết đến danh hiệu nầy. Đó là nhận định của người đời sau. Danh từ "*Hậu ấn tượng*" do nhà phê bình Roger Fry (1866-1936) người Pháp, đã đặt ra, để chỉ một số họa sĩ (phần lớn là hoạ sĩ Pháp) xuất hiện sau phong trào Ấn tượng, nhưng lại theo những quan điểm khác nhau. Những hoạ sĩ nầy tìm cách vượt qua những giới hạn của trường phái Ấn tượng, và vì thế, đã dấn thân vào nhiều con đường khác nhau. Roger Fry đã đặt ra danh từ nầy làm tiêu đề cho một cuộc tiển lãm của Manet và các họa sĩ Hậu ấn tượng tổ chức cuộc triển lãm ở Grafton Gallery, London, năm 1910. Trong cuộc triển lãm nầy, những tranh nổi tiếng của Cézanne, Gauguin và Van Gogh chiếm ưu thế.

Những tài năng nổi bật của thời kỳ Hậu ấn tượng phải kể đến *Paul Cézanne (1839-1906) Van Gogh (1835-1890) Toulouse Lautrec (1864-1901*).

Trường phái Biểu hiện

(Expressionism)

Định nghĩa: Trường phái Biểu hiện hay Phong cách Biểu hiện là một thuật ngữ về lịch sử nghệ thuật hay phê bình, dùng để chỉ nghệ thuật trong đó, những tư tưởng có tính truyền thống theo chủ nghĩa Tự nhiên bị gạt bỏ, thay vào đó là cách thể hiện theo *cảm xúc riêng* của từng tác giả.


Edvard Munch - Death in the Sickroom

Kế thừa và phát triển mỹ học của Kant, chủ nghĩa Biểu hiện trở thành một khuynh hướng mỹ học và lý luận nghệ thuật tiêu biểu khởi đầu cho thế kỷ XX, bao gồm những tên tuổi của các học giả Anh: Robin George Collingwood, Bernard Bosanquet, Edgar Curritt, nhưng tiêu biểu hơn hết là học giả người Ý, Benedetto Croce.

Xuất xứ: Trường phái nầy là kết quả của sự gặp gỡ giữa 2 dòng nghệ thuật khác nhau: Một mặt, khuynh hướng toàn cầu về năng lực cảm nhận nghệ thuật, trong đó, hội họa thể hiện thực tại chỉ là phương tiện diễn đạt trong cảm xúc; mặt khác, trường phái nầy chối bỏ hẳn những ảnh hưởng của phong cách Kinh viện và xu hướng Ấn tượng. Về hội họa, những tài năng báo trước cho trường phái nầy phải kể đến Vincent Van Gogh (1853-1890) , Ferdinand Hodler (1853-1918), Edward Munch (1863-1944), James Ensor (1860-1949) từng thể hiện tâm trạng đau buồn khốc liệt

của mình... hay của hoạ sĩ Ensor, theo bước chân của Bruegel vá Bosh, đã pha trộn thái độ nhạo báng với những nét độc đáo trong tác phẩm của mình. Những tài năng nầy đã gây ảnh hưởng không ít, để trường phái Biểu hiện được hình thành và phổ biến, hình thành trên nhiều lãnh vực khác nhau.

Theo nghĩa rộng, danh từ nầy dùng để chỉ nghệ thuật của thời kỳ nào hay địa phương nào đặt vào nhận định *chủ quan* hơn là quan sát *khách quan* thế giới ngoại giới. Khi dùng theo nghĩa nầy thì thường không viết hoa. Nhưng danh từ nầy được dùng thường hơn, để chỉ một khuynh hướng nghệ thuật hiện đại ở châu Âu, và đặc biệt hơn, một khía cạnh của khuynh hướng đó - một phong trào có sức lấn át hơn hết trong nền nghệ thuật Đức - từ năm 1905 cho đến năm 1930.

Ảnh hưởng: Trường phái Biểu hiện tác động nhiều nhất trong vùng chịu ảnh hưởng văn hoá Germain: Đức, Áo, Phổ, Bắc Âu, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch... Họ thường chịu những ảnh hưởng của phong cách Baroque (Dị điển) trước đây mà trong đó đã tàng ẩn những yếu tố "biểu hiện; mặt khác, cũng đã do ảnh hưởng triết học Ấn tượng của Nietzche. Ngoài ra, ảnh hưởng xã hội đầu thế kỷ XX cũng không ít: những mâu thuẫn giữa tình hình xã hội – kinh tế đảo lộn quá nhanh chóng, tàng tích cũ bị khước từ, sanh khí của tầng lớp trẻ đang lên, hăng say hơn bao giờ hết.

Theo nghĩa nầy thì trường phái Biểu hiện có nguồn gốc từ những năm 1880, nhưng lúc đó, nó chưa được đúc kết thành một cương lĩnh rõ rệt trước năm 1905. Trên một lãnh vực khác, thuật ngữ Biểu hiện cũng chưa được dùng trước năm 1911, để mô tả một cuộc triển lãm tranh tập hợp các họa phẩm của phái Dã thú và phái Lập thể ở Berlin.

Những phong trào khai sinh: : Trường phái Biểu hiện ra đời trong tình hình phát triển sôi nổi của những phong trào "ly khai" với quá khứ, lại gắn liền với chiều hướng "Tân Nghệ Thuật". Trước tiên, nhóm "Cây Cầu" (Die Bruche) của các họa sĩ Đức thành lập tại Dresde, do Kichner, Pechstein cầm đầu; tiếp đó là ảnh hưởng của nhóm "Ly Khai Mới" của Greorg Tappet và Pechstein, nhóm "Tân Liên Hiệp Nghệ Thuật" (Neue Kunstler vereinigung) do Kandinsky chủ đạo.

Ảnh hưởng sâu sắc nhất trong giai đoạn thành hình của trường phái nầy là Nhóm Khách quan mới (Neue Sachlichkeit) do Otto Dix và Franz Roth lãnh đạo, với những bài viết giới thiệu và cổ xuý "*Trường phái Biểu hiện - Hiện thực kỳ ảo*" (1907), đã đánh dấu cho sự ra đời của trường phái nầy.

Không mấy khi trong lịch sử nghệ thuật thế giới có được một cuộc tập hợp lớn lao như vậy.

Chính không khí sinh hoạt nầy đã giúp cho trường phái Biểu hiện ra đời. Họ cũng đã kết tụ được các trào lưu đó, đồng thời lan tràn nhiều nước ở vùng Tây Âu. Nhìn chung, có 3 yếu tố chính của trường phái Biểu hiện *(a) tiếp nối truyền thống Baroque, (b) biểu trưng cho tính gợi cảm trong nghệ thuật, (c) chịu ảnh hưởng của khoa Phân tâm học của Freud.*

Biểu hiện mới: Những ảnh hưởng tàn khốc do cuộc Thế chiến thứ nhất gây nên đã tạo thêm nhiều ấn tượng của nghệ thuật Biểu hiện. Sau 1918, trường phái nầy nhân đó đã có sức bật mới. Đợt khủng hoảng xã hội và tinh thần, do cuộc chiến nầy gây ra, làm xuất hiện một khuynh hướng "***Biểu hiện mới***". Họ thường nêu lên những mặt bi quan, phẫn nộ, chỉ trích xã hội và chính quyền gay gắt hơn. Đó là khuynh hướng "Biểu hiện thần kỳ" do Beckmann đề xướng. Ngay sau đó, các họa sĩ Tây Phương lập ra nhóm "***Khách quan mới***" do Dix và Grosz, với những thể tài táo bạo, tàn nhẫn, màu sắc đen tối và sức biểu cảm mạnh mẽ hơn.

Phạm vi hoạt động: Thoạt đầu, trường phái Biểu hiện được phát triển trong ngành hội họa và điêu khắc, đồ họa tại kinh thành Vienne, của những thiên tài Egon Schile (1890-1918), Oskar Kokoschka (1886-1980), với những cuộc triển lãm tranh khắp vùng ảnh hưởng của ngôn ngữ Germain.. Nhưng chẳng bao lâu, nhiều ngành hoạt động văn học nghệ thuật khác cũng chịu ảnh

hưởng theo, tùy cách biểu đạt của mình.



Oskar Kokoschka - the bridge

Về văn học: Năm 1910, Walden cho xuất bản tạp chí văn học "*Cuồng phong*" (Der Sturm), trong đó đưa ra những nét chính về cương lĩnh trường phái Biểu hiện trong các lãnh vực khác nhau. Cũng trên tạp chí nầy, sự đóng góp của những nhân vật tiêu biểu các ngành ngày càng phong phú. Đây là cơ quan ngôn luận chính thức của trường phái Biểu hiện, được dịch ra nhiều thứ tiếng. Để khai triển phần lý thuyết, lại có thêm tạp chí "*Hành Động*" (Die Action), do Plemfert làm quản nhiệm. Chính phần triển khai trường phái Biểu hiện trên tạp chí nầy đã mở rộng nhận thức và ý thức hệ của trường phái rộng hơn.

Ngay sau đó, một nhóm thi sĩ hưởng ứng, lập thi đàn, Jakob van Hoddis công bố "Bản Tuyên Ngôn Thơ Biểu hiện" có tên là "Tận thế" (Weltende). Theo họ, những gì cần hủy hoại, loại trừ quá khứ, thì để cho xã hội triệt tiêu.

Về sân khấu: Đây cũng là hình thức phổ biến sâu rộng ý nghĩa của trường phái Biểu hiện. Nhà văn Sorge soạn vở kịch "Người hành khất" (Der Bettler), đạt thành tựu lớn. Loại kịch nầy nhân đó được khai triển mau lẹ. Nhà hát Đại Chúng (Volksbuhne) (1924) và nhà hát Bình dân (1925) được dựng lên được hoan nghênh. Các kịch phẩm của Toller và của Erwin Piscator đã nêu lên những tiêu điểm sáng tạo của trường phái Biểu hiện.

Về âm nhạc: Tuy là ngành khó thực hiện rõ nét của phong cách Biểu hiện, nhưng với những cố gắng, cũng thành công lớn. Các thiên tài âm nhạc trong giai đoạn nầy phải kể đến Schoenberg và Allban Berg, mà phần lớn công trình của họ hướng về Opera nhiều hơn.

Về điện ảnh: Trong khoảng thời gian từ 1912 đến 1926, điện ảnh châu Âu đã giành một phần lớn cho những cuốn phim viết theo trường phái nầy. Những tác giả nổi tiếng phải kể đến: Max Reinhardt, R. Wiene, Franz Murnau, Fritz Lang. Những bộ phim nổi tiếng của trường phái nầy thời đó phải kể đến: *Hòn đảo cực lạc, Phòng khám của bác sĩ, Con ma cà rồng, Metropolis, Golem...*

Đây là một trong những phương cách sử dụng khả năng kỹ thuật, có tác động biểu cảm mạnh mẽ nhất, để truyền đạt tính chất "Biểu hiện".

Ngoài ra, trường phái nầy còn có những tác động khác: chẳng hạn như tại Mexico, trường phái "Vẽ tranh tường" (của nhóm Orozco, Siquerios, Tamayo) của thập niên 1910, từ cuộc cách mạng 1911 tại đây chính là cách hoà nhập giữa nghệ thuật dân gian và trường phái Biểu hiện.

Trường phái Biểu hiện, với những khả năng phát triển đa dạng của mình, để xuất hiện xâm nhập vào nhiều mặt trận văn hoá khác nhau, lan ra ngoài khu vực ảnh hưởng ban đầu là khu vực địa lý Germain. Ngay cả Hoa Kỳ và châu Mỹ La Tinh cũng được xâm nhập. Trong các ngành, hội hoạ Biểu hiện phát triển mạnh nhất. Nhìn chung, Georges Rouault và các hoạ sĩ trường phái Paris trong thập niện 1920 (nhất là nhóm Soutine, Chagall, Pasein, Kisling) một số tác phẩm chống chiến tranh của Picasso (bức tranh Guernica)... đã tiêu biểu rõ nét nhất.



Những nghệ sĩ Do Thái lưu vong, trong thân phận biệt xứ, đã tham gia tích cực, gây ảnh hưởng lớn, trong số các nhóm khác. Họ hoạt động nhiều tại Hoa Kỳ. Tiêu biểu là trường "Ashcan Scholl" (Khốn cùng), sinh hoạt tại New York, đã khai triển khuynh hướng của trường phái nầy bên kia bờ đại dương. Cứ theo chiều hướng nầy, trong văn hoá, nghệ thuật Hoa Kỳ sau 1945, trường phái Biểu hiện của trường phái Pollock (New York) vẫn còn được thịnh hành, cho đến nay.

Nhìn chung lại, trường phái Biểu hiện không chỉ là hiện tượng khai thác chiều sâu thẳm về tâm linh và tinh thần con người, mà còn chống lại những kiểu tuyên truyền chính trị, xã hội, như của trường phái hiện thực xã hội chủ nghĩa một thời gây loạn động tại Nga.

Trường phái Biểu tượng
(Expressionism)

Ở vùng Bắc Âu, sự tán dương màu sắc của các hoạ sĩ Dã thú đạt tới những mức độ cảm xúc và tâm lý mới. Đó là chủ nghĩa Biểu tượng. Trường phái nầy phát triển ở nhiều nước, nhất là ở Đức, bắt đầu năm 1905. Đặc điểm của trường phái nầy là sự nhấn mạnh ở tính cách trừu tượng của màu sắc và hiệu quả hình thể. Trường phái nầy lấy cảm hứng ở những khía cạnh đen tối nhất trong tâm lý con người. Từ chủ nghĩa Biểu tượng trong văn học nghệ thuật, có thể áp dụng những hình thức nghệ thuật khác nhau, nhưng theo nghĩa rộng nhất, nó chỉ bất cứ nghệ thuật nào xem trọng cảm giác chủ quan hơn sự quan sát khách quan. Vì lẽ nầy, nghệ sĩ tìm cách ghi lại những trạng thái tâm hồn của mình, những diễn tiến nội tâm hơn là thực tiễn của ngoại giới.

Georges Rouault (1871-1958): Mặc dù ông theo trường phái Biểu tượng đã phát triển từ đặc điểm riêng của Đức, họa sĩ Pháp Georges Rouault cũng biết kết hợp những hiệu quả trang trí của chủ nghĩa Dã thú cùng với tính chất tượng trưng của màu sắc cục chủ nghĩa Biểu tượng Đức. Được đào tạo từ xưởng vẽ của Gustave Moreau như Matisse, Rouault cũng trưng bày tác phẩm của mình chung với các họa sĩ Dã thú, nhưng cách phổ màu và chủ đề của ông đã báo trước cho ngã rẽ khác: chủ nghĩa Biểu tượng. Những nhà phê bình khi nói về những tác phẩm của Rouault thì gọi là "Chủ nghĩa Dã thú với những cặp kính đen". Thấm nhuần tôn giáo sâu xa, Rouault bắt đầu sự nghiệp ở xưởng của một người thợ thủy tinh làm nghề phục chế kính màu cổ, việc đó có lẽ là cảm hứng cho những nét sẫm màu làm nổi các nhân vật của ông. Nếu ông tỏ ra đặc biệt ưu ái những con người bị sa cơ lỡ vận, những cô gái giang hồ, những anh hề sân khấu mà ông mô tả không chút nể nang; ngược lại ông cũng không phê phán họ, chỉ nhìn họ với nhiều thương xót. Bức tranh "Khoả thân trước gương" là sự tố cáo mạnh mẽ tính tàn ác của con người. Cô gái điếm nầy là hình ảnh nhại lại của nữ tính, phải tìm lối sống trong xã hội tàn khốc nầy. Nhưng một hình ảnh như vậy lại không mang tính chất bi quan mà hướng về nhân ái, vị tha, đồng loại hơn. Đó là tinh thần sâu sắc nhất trong loại tranh của Rouault.

Tại Đức, trường phái Biểu tượng được hình thành với nhóm họa sĩ *"Dir Brucke" (cây cầu).* Trường phái nầy ra đời tại Dresde năm 1925 và suy thoái vào 1926. Những hoạ sĩ Biểu tượng Die Brucke lấy cảm hứng từ Van Gogh, Gaugin và nghệ thuật nguyên thủy, đúng hơn là sự phối hợp khéo léo của 3 nguồn sáng tác đó.

Kirchner: Người đứng đầu trong trường phái Biểu tượng tại Đức là Ernest Ludwig Kirchner (1880-1938), muốn lấy nghệ thuật Đức làm "cây cầu" nối với tương lai. Với ông, chủ nghĩa Biểu tượng chính là "sự thể hiện niềm tin sâu xa một cách thành thực và tự nhiên".

Ngoài Kirchner, nhóm nầy còn có ***Erich Heckel (1883-1970)*** và ***Karl Schmidt Rottluff (1884-1976).*** Quan trọng là sự phóng túng. Ngay cả khi gay gắt nhất, các họa sĩ Dã thú cũng giữ một cảm thức nhất định về bố cục, nhưng với những họa sĩ Biểu tượng thì từ khước những ràng buộc như thế. Họ thường sử dụng những hình ảnh của thành thị hiện đại để cho ta ảo ảnh của một thứ "thế giới đầy thù địch". Từ đó, họ sử dụng tài tình sự lạc điệu giữa hình thể và màu sắc để cực tả.

Điều nầy thấy rõ trong bức "Cảnh đường phố Berlin" của Kirchner; ở đây, sự cuồng nhiệt của tranh như tấn công thẳng vào chúng ta.

Biểu tượng dần dà chuyển hướng. Đó là những sáng tác của ***Emil Nolde (1867-1956***) từng cộng tác trong thời gian ngắn với nhóm nầy, trở thành một họa sĩ Biểu tượng sâu sắc hơn. Sở thích của ông là tìm về nghệ thuật nguyên thủy và màu sắc gợi cảm. Do đó, ông đã vẽ những bức tranh tuyệt vời, có năng lực thôi thúc mãnh liệt. Bức tranh "Hoàng hôn" cho thấy một cảm thức điều độ về sức căng của màu sắc. Nhưng hoàn cảnh tại Đức không cho phép bành trướng thêm. Khi Hitler lên nắm quyền vào 1933, bộ máy tuyên truyền của Đức Quốc Xã đã liệt tất cả những tác phẩm nào không nói lên được ý thức hệ chủng tộc Aryens đều liệt vào loại "nghệ thuật suy đồi". Nhóm nầy chung số phận đó. Hitler còn làm nhục mạ hơn. Y cho tổ chức một cuộc triển lãm tại Munich năm 1937, treo những bức tranh của Van Gogh, Picasso và Matisse, bị bọc khỏi khung, treo nghiêng ngữa chung với những bức tranh của những người điên vẽ. Bị bêu xấu đến thế, Kirchner tự sát ngay sau đó. Nhiều nghệ sĩ khác bị lùa vào tại tập trung. Tại Áo, trường phái Biểu tượng cũng phát triển mạnh mẽ. Những hoạ sĩ tiêu biểu của trường phái nầy phải kể đến: ***Egon Schiele (1890-1918), Oskar Kokoschka (1886-1980).***

Schiele chết lúc 28 tuổi, từng sống qua những ngày khốn khổ thời thơ ấu và thanh xuân cho nên dấu ấn của tinh thần tự kỷ trung tâm đau đớn thể hiện sâu sắc trong tác phẩm. "Chân dung khoả thân tự hoạ" là sự bộc bạch thống thiết thân phận mong manh của chính mình. Con người trơ xương đó hầu như không cho rằng mình là một sinh vật hoàn toàn cá biệt. Thân thể của anh ta có một đường viền trắng sáng cho thấy anh ta ý thức được sự giam hãm và giới hạn của mình. Cánh tay dường như mất đi, bắt đầu từ khuỷu tay trở ra, biểu thị sự bất toàn, dở dang, chơi vơi với tiềm năng trong tương lai. Nhưng dù tự kỷ thế nào đi chăng nữa, nhãn quan của họa sĩ cũng biểu lộ tất cả những lo sợ tràn ngập tâm hồn con người biểu trưng cho cả thế hệ trẻ.

Còn Kokhoschka thì khác. Ông viết: *"Tôi tiếp nối di sản trường phái Dị điển (Baroque), với niềm vô thức: đó là Biểu tượng!"*. Trong tranh, ông coi thường sự hài hoà, mà lại nhấn mạnh đến sự quan trọng của quan niệm. Toàn bộ nghệ thuật của ông mang dấu ấn của một cường độ ý niệm cao. Ông yêu say đắm Alma Mahler, vợ góa của nhà soạn nhạc Áo nổi tiếng. Yêu cả trong mộng mị. Vì thế, khi thể hiện bức tranh "Hôn thê", ông thốt: "Alma hãy ngủ yên đi, trong khi mình ta tơi tả, rã rời, hấp hối!". Nhưng lại là kiệt tác của trường phái Biểu tượng. Nhìn chung, tất cả các họa phẩm trường phái này thực hiện trong những nghịch cảnh.

Trường phái Đa đa

(Dadaism)

Khai sinh của phong trào: Đa đa là một phong trào văn học nghệ thuật (nhất là hội hoạ) phản kháng dữ dội của các nghệ sĩ và các nhà văn Âu Mỹ, chống lại sự tự mãn, trong đó, những sức mạnh sáng tạo nghệ thuật được hướng vào việc chống lại nghệ thuật. Phong trào nầy sinh ra do tâm trạng vỡ mộng vì ảnh hưởng của Đại chiến thế giới lần thứ nhất, mà một số nghệ sĩ thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau đã phản ứng lại một cách mỉa mai, cay độc, thậm chí với những tư tưởng vô chính phủ nữa. Qua những thể hiện của họ, cái phi lý và tư tưởng phản kháng là hai điểm nổi bật nhất.

Vào thời Đệ nhất thế chiến, tình trạng Âu Châu vô cùng rối ren, về mặt tư tưởng cũng như xã hội có những thay đổi sâu sắc. Kết quả chiến tranh đã gây bao nhiêu đau thương, tang tóc. Con người trong thời nầy đã không còn tin ở giáo lý, luật pháp, chính quyền của xã hội nữa. Văn nghệ sĩ là những người nhạy cảm, một số đã rời quê hương mình, đến nước trung lập Thụy Sĩ.

Trong số nầy có nhà thơ Roumanie *Tristan Tzara*, họa sĩ Pháp *Jean Arp*, nhà văn Đức *Hulsenbeck*. Họ thường tập hợp tại quán Voltaire, quyết định thành lập một trường phái nghệ thuật

với mục đích chống chiến tranh. Họ nghĩ ra cách để chế nhạo, phỉ báng chủ nghĩa cơ giới, chê bai hội hoạ, phủ nhận chức năng của nghệ thuật. Nhìn chung, họ chống những gì xã hội xây dựng từ trước.

Về danh xưng: Muốn đặt một cái tên vô nghĩa cho hợp với chủ trương của phái nầy, nhóm nghệ sĩ nói trên mới lấy cuốn tự điển, nhằm trang hai cột chữ "Đa"; tất cả đồng ý lấy chữ "Đa-đa", không có nghĩa gì hết, đặt cho tên của trường phái mình. Theo một trong những cách giải thích phổ biến nhất về nguồn gốc của danh xưng nầy (tiếng Pháp dùng để chỉ con ngựa đồ chơi của trẻ con) thì danh từ "Đa-đa" đã được chọn bằng cách thọc một con dao vào giữa những trang một quyển tự điển: điều nầy dùng để biểu hiện thái độ chống tinh thần duy lý của phong trào đối kháng nầy. sau đó, các nghệ sĩ theo phong trào Đa-đa đã đi tới mức cực đoan trong việc dùng các trò hề và những thái độ khiêu khích để trêu chọc và đả phá thái độ tự mãn của công chúng về các giá trị cổ truyền.

Những người hưởng ứng: Duchamp tại Detroit, Picabia tại New York. Họ ra tuyên ngôn về trường phái Đa-đa, dùng nhiều câu vô nghĩa để chế giễu thi ca. Tristan Tzara viết bài "Cuộc phiêu lưu của ông Antipyrine" (tên thuốc cảm cúm) dùng làm tuyên ngôn của Đa- đa. Hoạ sĩ Marcel Duchamp vẽ lại tranh "La Joconde" của Leonard de Vinci, thêm ria mép hình mỹ nữ để chế giễu một tác phẩm danh tiếng. Duchamp còn lấy một cái bình tiểu tiện ban đêm, lấy tên là "Suối nước" , ký tên là Mutt gửi đi triển lãm ở New York. Theo lý luận của Duchamp thì "ai cũng có thể là nghệ sĩ, vật gì cũng có thể là tác phẩm nghệ thuật".

Những họa sĩ tham gia trong trường phái Đa đa phải kể: ***Apollinaire, Marinetti, Picasso, Modigliani, Kandinsky.*** Tháng 3/1917, một Gallery của trường phái Đa-đa ra đời ở Bahnhofstrasse. Tháng 7/1917, cuốn sách đầu tiên của trường phái Đa-đa được xuất hiện do hai hoạ sĩ Đa-đa thực hiện là Tzana Do Janko và Hans Arp. Một đoạn viết về lịch sử của trường phái Đa-đa do Huelsenbeck công bố (7/1920) ở Hanover cho rằng: *"Trường phái Đa-đa họp tại quán Voltaire tập trung các nghệ sĩ nhạy cảm với sự phát triển những cách thể hiện mới".*


Nu couché de dos, Amedeo Modigliani

Trường phái nầy có những liên hệ với các trường phái khác đặc biệt là phái ấn tượng. Huelsenbeck và Ball giúp cho chủ nghĩa ấn tượng phát triển tại Đức; Kandinsky lập một sân khấu cho trường phái ấn tượng ở Munich. Hans Arp thì quan hệ với Picasso và Braque những người lãnh đạo trường phái lập thể. Tristan Tzara, một người theo chủ nghĩa dân tộc lãng mạn, ca ngợi trường phái Đa-đa tại Roumanie. Nhưng phong trào nầy cũng chỉ nhóm lên trong thời gian ngắn (1917-1922). Tờ báo của Đa- đa chỉ xuất bản được 3 số thì đình bản. Những việc làm có tính cách "miệt thị" như Duchamp đã khiến mọi người chán ngấy. Một khi quần chúng đã không còn thích những trò chơi "lố lăng, nhàm chán" lâu ngày cũng chán ngán. Năm 1922, trò khôi hài Đa-đa cũng chấm dứt.


Kandinsky

Viết về trường phái Đa-đa và ảnh hưởng của nó, giáo sư Hebert Read (trong Lịch Sử Hội Họa thế kỷ XX) cho rằng: *"Trường phái Đa-đa là hoạt động cuối cùng của cuộc giải phóng và tham gia vào trọng trách mà Picasso, Braque và cả Leger đã nêu ra, và nó đã cung cấp một "cái súng cao su đang căng ra" cho một thế hệ họa sĩ mới".* Trường phái Đa-đa đã bị lãng quên sau 1922, tuy nhiên nó đã tạo ra một lực đẩy và xác định một khuynh hướng đối với sự phát triển của nghệ thuật phương Tây.

Bành trướng: Từ năm 1915, phong trào đã đột phá mạnh mẽ tại Zurich. Và chỉ trong một thời gian ngắn, do sự cổ súy của Tristan Tazra và Hans Arp, phong trào đã nhanh chóng lan đến Barcelona, Berlin, Paris và New York, với tinh thần phản chiến mãnh liệt. Hoa Kỳ trở thành một

trong những môi trường ươm trồng cho phong trào nầy, do ảnh hưởng truyền bá của Marcel Duchamp, Francis Picabia và Man Ray. Một động lực khác nữa là nhà văn Picabia, đã trở thành đầu cầu nối phong trào nầy ở châu Âu và châu Mỹ, mà trước đó đã hoạt động riêng rẻ với nhau. Để truyền bá nhanh hơn, họ dùng cơ quan ngôn luận, lấy tên là "291", với những ấn bản khác nhau phổ biến từ 1917 đến 1921 tại Barcelona, New York, Paris và Zurich. Những chi nhánh khác cũng nhanh chóng được tổ chức lại Áo, Bỉ, Hà Lan. Được tiếp đón nồng nhiệt nhất những hoạ phẩm của trường phái Đa-đa được triển lãm tại Paris vào mùa hè 1922.

Những ảnh hưởng: Thoạt đầu, phong trào Đa-đa chỉ hoạt động riêng rẻ, đơn độc và không chấp nhận bất cứ một khuynh hướng nào khác. Nhưng về sau, theo Tristan Tzara, họ đã tìm cách liên kết với nhiều trường phái khác, về phương pháp cũng như về nội dung, miễn là "thực hiện triệt để những kẻ hiếu chiến". Về phương diện nầy, họ chịu ảnh hưởng và liên hệ chặt chẻ nhất với trường phái Vị lai (Futurism).

Mặt khác, họ cố tạo ra những sắc thái đặc thù trong nghệ thuật. Riêng trong lãnh vực hội họa và trang trí, họ phát huy các kỹ thuật về loại tranh lắp ghép và tranh dán tường (của trường phái Lập thể). Còn về thi ca, họ thường dùng những bài thơ "vô nghĩa lý" để chỉ trích những kẻ hành động hiếu chiến, thiếu lương tâm.

Biến thể của phong trào: Như đã trình bày, Đa-đa là con đẻ của phản chiến. Chiến tranh chấm dứt, họ mất đối tượng để tấn công. Thành thử, họ quay sang đường hướng khác. Chẳng hạn: những tác phẩm của các nhà văn nổi tiếng của phong trào nầy là Grosz và Heartfield ở Đức thì quay sang lãnh vực xã hội và chính trị nhiều hơn. Chính hai nhà văn nầy đã mở đường cho trào lưu "***Khách Quan Mới***" (Neue Sachlichkeit).

Tại Pháp, phong trào văn học Đa-đa vẫn cố giữ nguyên dạng: Phong trào vẫn tiếp tục quan tâm đến chủ trương của mình về khuynh hướng về "cái phi lý" và "cái kỳ quái". Hai chủ đề nầy đã giúp cho sự khai sinh ra ***chủ nghĩa Siêu thực***. Trong những công trình sáng tác của họ, kỹ thuật sáng tạo của họ đòi hỏi phải thể hiện được "sự ngẫu nhiên" và "sự bất ngờ", cốt là để gây những chấn động mạnh về tâm lý của người thưởng ngoạn. Ở hai trọng điểm nầy, chính họ đã mở đường cho Trường phái Khái niệm (Conceptual Art), mà tiêu biểu là những họa phẩm của Joseph Kosuth.

Trên thực tế, trường phái Đa-đa vẫn chưa hẳn là biến mất, do hoàn cảnh xã hội mới. Những nghệ sĩ nầy chỉ thay đổi cách nhìn và cách thực hiện. Có nơi, biến thành phong trào "***Tân Đa-đa***" như tại Hoa Ký, do điêu khắc gia Junk chủ trương.

Trường phái Dã thú

(Fauvism)

Xuất xứ: Vào đầu thế kỷ XX, Paris trở thành trung tâm điểm của những phòng tranh. Những phòng triển lãm nổi tiếng phải kể đến: Phòng triển lãm của Hàn lâm viện, phòng triển lãm mùa thu, phòng triển lãm Luxembourg và sau cùng là phòng triển lãm của những người độc lập. Trong phòng triển lãm mùa thu năm 1905, người ta tổ chức tập trung lại những tranh có màu sắc và nét bút mãnh liệt vào căn phòng số VII, để người xem dễ nhận xét. Nhà bình luận mỹ thuật Louis Vauxcelles khi vào phòng nầy thấy pho tượng của nhà điêu khắc cổ điển Albert Marque để giữa phòng, còn chung quanh treo toàn những bức tranh thuộc loại "táo bạo" của lớp họa sĩ trẻ như Vlaminck, Matisse, Derain... buộc miệng Vauxcelles thốt lên: "*Đây là Donatello cùng các dã thú...*"

Chúng ta cũng biết Donatello là nhà điêu khắc cổ điển lớn thời đại Phục Hưng. Nhà bình luận cố ý so sánh những tranh táo bạo với những tiếng "gào thét" của dã thú. Lời châm biếm của Vauxcelles vô tình đã đặt tên cho lối vẽ táo bạo không theo nề nếp của nhà trường. Cái tên khá

ngộ nghĩnh nầy được báo chí nêu lên, và nhanh chóng được mọi người công nhận.

Nội dung: Theo định nghĩa thông thường thì trường phái Dã thú (Fauvism) là phong cách hội họa dựa trên cách dùng màu sắc chói lọi mãnh liệt không tự nhiên, diễn biến đầu tiên trong số những diễn biến quan trọng có tính chất tiền phong trong nền nghệ thuật Tây Phương từ đầu thế kỷ XX đến Thế chiến lần thứ nhất. Gương mặt nổi bật của nhóm Dã thú là Henri Matisse. Ông đã từng dùng màu sắc tương phản kể từ năm 1899, nhưng lần đầu tiên được nhận ra tiềm năng của màu sắc, nếu được giải phóng ra khỏi vai trò trang trí cổ truyền là khi ông vẽ với Signac trong ánh sáng chói lọi ở Saint Tropez vào muà hè 1904.

Phong trào hội họa Dã thú lên tới cao điểm trong cuộc Triển lãm Mùa thu 1905 và cuộc Triển lãm của Những Hoạ sĩ Độc lập năm 1906. Đối với phần lớn nhóm, Dã thú là một giai đoạn tạm thời, qua đó họ sẽ phát huy những phong cách rất khác nhau, và sau đó, không có lúc nào tác phẩm của họ cho thấy sự giống nhau như vậy nữa. Tuy nhiên, phong cách Dã thú, dù chỉ tồn tại một thời gian ngắn, nhưng đã gây ảnh hưởng quan trọng đối với trường phái Biểu hiện ở Đức quốc.

Đặc tính: Sự thật những họa sĩ Dã thú không có ý lập ra trường phái nào cả. Họ cũng chẳng có nguyên tắc, quy phạm. Phong cách, trình độ chẳng giống nhau. Điểm tương đồng giữa những hoạ sĩ trẻ nầy là sự bồng bột, hăng say, bướng bĩnh và bất mãn với xã hội đang sống. Phái Dã thú (Fauvism) là tính chất táo bạo với dụng ý đập mạnh vào tâm trí người xem, do sự mãnh liệt của sắc thái và sự tự tiện tô màu. Họ bất chấp tất cả nguyên tắc về màu sắc, ánh sáng, không khí của thiên nhiên. Để làm cho người xem ngạc nhiên, họ có thể vẽ bầu trời màu lục, lá cây màu đỏ, thân cây màu tím, dường đi màu hồng. Nét bút của họ cũng không theo nguyên tắc nào cả, và còn làm ngược lại những thể lệ đặt ra từ trước. Nhưng dù màu sắc không theo thiên nhiên, nhưng họ thường để màu bổ túc cạnh màu căn bản, để tăng cường độ tươi đẹp.

Canh tân: Như vậy, tất cả những gì gò bó, cổ điển, Hàn lâm, mang tính chất ước lệ, cho đến cả ánh sáng và chủ nghĩa Tự nhiên của hội họa Ấn tượng... cũng đều bị những người chủ trương trường phái Dã Thú chối bỏ. Phải canh tân toàn diện. Đa phần họ dùng những màu nguyên, có sức biểu tả cao, những màu rực rỡ, chói lọi, đầy sức kích thích mạnh mẽ và tràn trề của hình thể, để gia tăng sức biểu hiện cảm xúc của mình. Một khuôn mặt xanh lẹt, một đám người quay cuồng nhảy múa rực lên một màu đỏ dữ dằn, Tất cả như gây ra một cơn "sốc" cho người thưởng ngoạn. Điều nầy được Paul Gaugin giải thích: "*Với tôi, cần phải tiến đến một phong cách nghệ thuật kết hợp giữa trực cảm và chối bỏ hoàn toàn sự trung thành với thiên nhiên. Do đó, phải dùng đến những màu sắc thuộc loại Phi Biểu Tả*".

Thành thử, những hoạ sĩ của chủ nghĩa Dã thú rất có ý thức sâu sắc trong cách chọn lựa những màu sắc phi biểu tả, với mục đích tăng cường đến tối đa sự biểu tả của mình.

Họ gọi đó là "Cơn sốt của màu sắc" mới có thể lột trần hết được nguồn cảm xúc của mình.

Trong địa hạt nầy, ta thấy rõ các bậc thầy của chủ nghĩa Dã thú đã chịu ảnh hưởng của nghệ thuật phương Đông, không những cả nghệ thuật "bốc lửa" của người da đen, mà còn cả chất trang trí theo phong cách Á Rập. Theo họ, nếu không có thể tạo được "cơn sốc về màu sắc" lên trên họa phẩm của mình, thì sẽ làm tan biến ngay chất hội hoạ. Nhưng dù sao, chủ đích của những hoạ sĩ Dã thú vẫn là muốn tạo ra cuộc thể nghiệm hoá thân vào cảm xúc, để thực hiện những ước mơ hoà hợp được thiên nhiên và con người.

Henri Matisse, người đại diện xuất sắc của họa phái nầy đã phát biểu: "*Điều mà tôi mong ước thường xuyên là dùng loại nghệ thuật thăng bằng, trong sáng, yên tĩnh. Tôi không có những lo âu, thao thức trong chủ đề của mình. Tất cả thể tào nào, đối với người nghệ sĩ chân chính là trở thành một liều thuốc an thần, êm dịu. Phải làm sao cho tâm trí được bình an, thoải mái*".

Henri Matisse (1869-1954): Ông sinh trưởng tại Paris bắt đầu sự nghiệp trong ngành luật pháp, đồng thời theo học những lớp vẽ như là một thứ nghiệp dư. Ông tỏ ra có tài năng đặc biệt trong ngành nầy. Matisse thể một lối vẽ phóng túng, vui tươi, màu sắc tự do, thường gây xúc động cho người xem.



Ông ta bắt đầu bằng vẽ chân dung vợ mình, đã gây tiếng vang lớn, có tên tranh là "Sọc xanh" (Green Stripe), vì trong tranh, ông đã vẽ bóng mờ màu xanh lên hình khuôn mặt vợ mình một cách táo bạo. Toàn bộ đề tài trong tranh vẽ, tranh in, tranh minh họa, tranh nghệ thuật và điêu khắc của Matisse đều là hình ảnh con người. Con người là nhân vật trung tâm trong tác phẩm của Matisse.

Về sau, Matisse còn sử dụng họa văn Bắc Phi vào tranh của ông. Ông còn cắt và dán giấy để tạo nên những tranh màu với hình khối ước lệ. Trong suốt 50 năm trời, Matisse làm việc không mệt mỏi, không mấy khi nghỉ ngơi, ngay cả khi ngồi trên xe lăn khi về già, ông vẫn còn làm việc. Matisse có nhiều tác phẩm nổi tiếng: *"Chân dung vợ họa sĩ"* (1913), "*Tĩnh vật hoa quả"* (tranh sơn dầu) (1941), *"Vũ nhạc*" (1933), "*Xưởng đỏ*" (1937). Về nghệ thuật Dã thú, Matisse thường nói: *"Tôi muốn một nghệ thuật không làm cho người xem áy náy, lo sợ, mê loạn. Tôi muốn khi người ta mệt nhọc vì làm việc quá sức, thì tranh của tôi sẽ đem lại cho người xem sự vui thú và đỡ mệt*".

Theo ông, nguyên tắc cơ bản của một họa sĩ theo trường phái Dã thú là: Sử dụng những đường nét trong bức tranh thiên về lý trí; còn về màu sắc thì phải phụ thuộc theo cảm giác và tình cảm của mình. Cả hai phải hoà hợp. Điều quan trọng bậc nhất của một họa sĩ trường phái Dã thú là nghệ thuật phải bộc lộ toàn vẹn cá tính của mình, phải biểu hiện cho thật đầy đủ cảm xúc chủ quan. Tất cả những điều còn lại chỉ là phụ thuộc. Trên nguyên tắc nầy, màu sắc không dùng để mô tả cảnh vật "đúng như nó vốn có", mà là để phản chiếu "tâm tình sôi nổi" của người nghệ sĩ.. Có thế, mới trở về trạng thái nguyên sơ của "Dã thú", đúng như danh xưng đó.

Với chủ trương nầy, họ đã không ngần ngại gia tăng sức mạnh của màu sắc, gây cho màu sắc trở thành tiếng vang vọng, dội đập, chẳng khác gì tác dụng của âm nhạc vậy. Đó là mức độ cao nhất của nghệ thuật Dã thú vậy.

Vlaminck (1876-1958) là họa sĩ được xem là "dã thú nhất" trong nhóm Dã thú. Ông ta xuất thân trong giai cấp bình dân. Để mưu sinh và hội họa, ông ta đánh đàn trong những quán cà phê và đua xe đạp. Ông vẽ tranh cốt là để phá phách và tiêu khiển. Nhưng chuyện lạ là những bức tranh thuộc loại phá phách nầy lại được nhiều người thích và bán được. Thế là ông ta bỏ nghề đánh đàn và đua xe, chuyên vẽ tranh và trở nên giàu, tậu nhà đất ở vùng Ruel La Gadelière sống với vợ con.



Nghệ thuật của Vlaminck là sự sáng tác theo bản năng của một con người có tính chất quyết liệt, táo bạo, phá phách. Làm ăn ra, Vlaminck cũng làm tranh khắc gỗ, vẽ trang trí bìa sách và kiếm tiền khá. Nhóm Dã thú tập hợp lại từ năm 1903 và tan rã vào năm 1907, đánh dấu sự bùng nộ cuộc đấu tranh của những họa sĩ để giải phóng hội họa khỏi mọi sự ràng buộc của một nhà mỹ thuật có quyền thế. Trường phái "Dã thú" là sự nổi dậy đầu tiên của giới nghệ thuật thế kỷ XX; nó tạo cái đà cho sự ra đời của những trường phái mỹ thuật tân kỳ hơn của thời hiện đại.

André Derain (1880-1954). Ông cũng là nghệ sĩ người Pháp, kiệt sắc của trường phái Dã thú, có biệt tài trên nhiều ngành: hội họa, điêu khắc, trang trí và đồ họa. Trong hai mươi năm đầu của thế kỷ XX, vị trí của ông là gần trung tâm phong trào Tiền phong tại thủ đô Paris. Một thời, những tác phẩm của ông đã không ngừng dựa theo các danh sư hội hoạ Cổ điển, cho nên trở nên khô khan và sặc màu kinh viện.

Nhưng sau đó, đã có những chuyển hoá sâu sắc. Chính ông là một trong những nhà sáng lập trường phái Dã thú, và đồng thời, trong chuyển biến, cũng đã là thành viên đầu tiên của trường phái Lập thể. Qua hai phương hướng nầy, ông là một trong những người đầu tiên đã khám phá ra thể loại "Nghệ thuật Nguyên thủy" (Primitive art).

Mặc dầu ông là một nhân vật có tầm quan trọng trong lịch sử hội họa tiền bán thế kỷ XX về mặt lý luận và tổ chức, tuy nhiên, tác phẩm của ông thì lại không theo kịp được phẩm chất tác phẩm của những hoạ sĩ lớn cỡ như Matisse và Picasso. Ông cũng biên soạn nhiều tài liệu quý của các trường phái kể trên. Ngoài ra, ông cũng chuyên về nghệ thuật trang trí sân khấu.

Trường phái Dã thú suy thoái và mất dạng vào 1910.

Trường phái Siêu thực

(Surrealism)

Định nghĩa: Theo Bách khoa Tự điển Triết học thì: Trường phái Siêu thực (Surrealism) là khuynh hướng nghệ thuật bắt nguồn từ chủ nghĩa Tượng trưng và Phân tâm học, đặt phi lý tính lên trên lý tính. Danh từ "Siêu thực" (surréalisme) mượn theo một câu thơ của Apollinaire, để nói về sự đảo lộn hệ thống các giá trị văn hoá nghệ thuật vào Tiền bán thế kỷ XX.

Phong trào nầy được quan niêm như phương thức tư tưởng và hành động có tính cách mạng - một lối sống hơn là một hệ thống quan điểm về phong cách – và ở điểm nầy, có nhiều điểm gần với trường phát Đa-đa, mà từ đó sinh ra. Những nghệ sĩ của phong trào nầy thường hay tìm đến những đam mê về "cái kỳ dị", "cái phi lý" và mang (theo André Breton).

Tuy nhiên, mặc dù cả hai phong trào (Siêu thực và Đa-đa) đều chống lại chủ nghĩ duy lý, nhu4ng phong trào Siêu thực lại chủ trương tích cực hơn là hư vô chủ nghĩa.

Chống lại chủ nghĩa Tự nhiên trong văn học nghệ thuật, chủ nghĩa Siêu thực khám phá và thể hiện cái thực tế vô hình chứa ẩn bên dưới cái hữu hình, khám phá thế giới của tiềm thức. Do đó, những nhà văn Siêu thực đã triển khai tư tưởng Phân tâm học của Freud, trên mọi bình diện sáng tác của mình.

Theo chủ trương, khuynh hướng nầy nhằm giải phóng con người khỏi mọi xiềng xích xã hội, thể hiện nội tâm và tư duy tự nhiên, không bị gò bó bởi lý trí, lô-gic, luân lý, mỹ học, kinh tế, tôn giáo. Những sáng tác phẩm của những nghệ sĩ Siêu thực ghi chép tất cả những trạng thái tâm lý luôn luôn chuyển biến trong tiềm thức, không phân biệt thực hay mộng, tỉnh hay điên, đúng hay sai.

Phong trào Siêu thực trong văn học được quan niệm như một phương thức tư tưởng và thể hiện có tính cách mạng, thay đổi toàn diện về cách sống và cách nghĩ. Trong quan điểm nầy, phong cách của khuynh hướng Siêu thực có phần giống với trường phái Đa-đa. Tuy nhiên, mặc dù cả hai phòng trào nghệ thuật nầy đều chủ trương chống lại chủ nghĩa duy lý, tuy nhiên, phong trào Siêu thực lại có tinh thần tích cực hơn là tính chất hư vô chủ nghĩa thường thấy của trường phát Đa-đa.

Lý thuyết gia chính của phong trào (hay chủ nghĩa) Siêu thực là André Breton. Ông viết: "*Mục đích chính của phong trào Siêu thực trong văn học là giải quyết dứt khoát tình trạng mâu thuẫn sẵn có giữa mộng và thực, để đưa nó đến một thực tế tuyệt đối, thực tế Siêu thực*" *(trích: Cương lĩnh Siêu thực)*

Hai chủ điểm: Chủ nghĩa Siêu thực không phải là một khuynh hướng vô chính phủ hay chống

lại mọi thứ giá trị đã được định hình từ trước. Mục tiêu là: Tìm mối quan hệ mới giữa con người và hiện thực. Từ quan niệm nầy, chủ nghĩa Siêu thực có 2 chủ điểm: *Chủ điểm đầu tiên và chính yếu* là quan tâm đến những hiện tượng khác thường trong cuộc sống. Về lãnh vực nầy, họ xích gần lại với chủ nghĩa Đa-đa và trường phái Lập thể. Về điểm nầy, họ dùng 2 phương thức: Hình thái tự phát (automatique) và nghệ thuật cắt dán trong hội họa (collage). *Chủ điểm thứ nhì là*: Quan tâm đến thế giới của tiềm thức. Phải khai thác những giá trị tiềm ẩn trong hành động và tâm lý của nhân vật, hơn là chỉ nhìn vào mặt hời hợt bên ngoài. Về điểm nầy, chúng ta thường thấy những nhà văn thuộc trường phái Siêu thực thường hay viết lại những chuyện thần thoại, những truyền thuyết vốn đã có, nhưng với cách nhìn về chiều sâu thẳm, giá trị tiềm ẩn của sự việc hay của tâm hồn, mà từ trước đã bị bỏ quên. Về điểm nầy, những nhà văn Siêu thực được đánh giá là những người "đổi mới kho tàng văn học nghệ thuật của quá khứ".

Chiều hướng lịch sử: Về mặt lịch sử: trường phái nầy tiếp tục sau trào lưu Đa-đa, khởi đầu vào năm 1919 và kết thúc vào năm 1944. Khi trường phái Đa-đa cáo chung, ngoại trừ Tristan Tzara, đa số những nghệ sĩ tiếng tăm trong nhóm, như André Breton, Philippe Soupault, Paul Eluard, Louis Aragon đã họp lại, bàn định việc tiếp nối một số luận điểm của trường phái Đa-đa, đồng thời nêu những "phản lý", để phủ nhận tư tưởng nghệ thuật của xã hội tư sản, hiểu theo họ. Họ quay sang nghiên cứu khai thác phần tiềm thức con người, những hình ảnh hão huyền, không bị lý trí kiềm chế để sáng tạo những tác phẩm mỹ thuật.



Trong "Bản Tuyên Ngôn" của trường phái Siêu thực, André Breton viết: *"Siêu thực là sự tự động của tâm linh một cách đầy đủ để tỏ ra bằng lời nói, chữ viết, màu sắc, hay bằng những phương tiện nào khác, sự vận chuyển thực sự của tư tưởng hoàn toàn không bị kiểm soát của lý trí và ra ngoài tất cả ý nghĩ về thẩm mỹ và luân lý..."* Chính vì chủ trương nầy, cho nên những nghệ sĩ trường phái nầy coi trọng ảo mộng, thích những cái huyền bí. André Breton, trong Tuyên Ngôn nói trên, phát biểu thêm: "*Chúng ta phải dứt khoát nhận thức: Cái huyền bí là cái đẹp*". Từ chủ trương nầy, những nhà phê bình cho rằng: Chủ nghĩa Siêu thực làphi hiện thực, xây lưng lại với đời sống thực tế của con người.

Khuynh hướng Siêu thực với quan điểm đổi mới xã hội, đã nhanh chóng bành trước sâu rộng: Tại Đức với các họa sĩ Richard Oelze và hans Bellmer chủ xướng; tại Anh với Roland Penrose phát huy; tại Tây Ban Nha với hoạ sĩ Miro, Dali; tại Italia vớm nhóm "Hội họa Siêu hình" của Giorgio De Chirio; tại Hoa Kỳ với André Breton khi di cư sang đó.

Xã hội học: Những nhà văn Siêu thực cũng nhìn xã hội qua một lăng kính khác: Phải gạt bỏ những đường lối chính trị mang tính khoa trương. André Breton là nhân vật chủ xướng về hành động chính trị nầy. Sau cách mạng tháng Mười Nga, ông ta gia nhập đảng Cộng Sản, xem đó là điển hình của thay đổi lớn. Nhưng chẳng bao lâu, với cách thống trị của chuyên chính vô sản, ông thấy rõ bản chất của chế độ Sô Viết, nên ly khai khỏi đảng nầy. Những người theo đường hướng của ông cũng ly khai theo, và chống đối dữ dội.

Chủ nghĩa Siêu thực chủ trương tiến hành một cuộc "cách mạng mới", cho nên đã thu hút đông đảo những nhà văn học, nghệ thuật tham gia, mong tìm một đường lối tư tưởng để giải phóng con người ra khỏi nền chính trị của chủ nghĩa Tư bản và chủ nghĩa Công sản.

Từ sau Đệ nhị thế chiến, qua những đảo lộn thứ tự chính trị quốc tế, đến những cuộc bạo động xẩy ra liên tiếp vùng Trung Đông, những vụ khủng bố do các tổ chức Hồi Giáo quá khích, cuồng tín, chủ nghĩa Siêu thực càng thấy con đường mình đi là chính xác. Cho đến nay, ý thức về một cuộc đổi mới của họ vẫn không hề thay đổi.

Phân loại: Những hoạ sĩ Siêu thực được phân chia ra làm 3 loại: *Loại thứ nhất* dùng nhân vật có thực, vẽ rất kỹ, nhưng kết hợp lại bằng một cách hết sức kỳ dị, những kiểu kết hợp không

nghĩa lý gì hết. *Loại thứ hai* tạo ra những hình kỳ quái như trong cơn ác mộng, rồi vẽánh sáng, bóng tối rất rõ ràng như vật có thực. *Loại thứ ba* vẽ bằng những đường nét dấu hiệu như hình bùa của phù thủy, không hiểu được gì hết; loại nầy không có ánh sáng, bóng tối; màu sắc thì tùy tiện.



Loại thứ nhất được gọi là "hiện thực ma thuật", với những tài năng như Chirico người Ý, Salvador người Tây Ban Nha... *Loại thứ hai* gọi là "huyền bí vũ trụ", tiêu biểu là Ives Tanguy, Jean Lurcat người Pháp. *Loại thứ ba* gọi là "Siêu thực của dấu hiệu ma thuật", tiêu biểu là Miro người Tây Ban Nha, Paul Lkee người Đức... Với 3 loại trên, André Breton, người đứng đầu của trường phái Siêu thực đã viết: "Chủ nghĩa Siêu thực là sự tự giác tâm lýphong phú mà nó định thể hiện, dùng bằng lời hay bằng chữ viết, nét vẽ, trong quá trình suy nghĩ thực tế. Sự hướng đạo của ý nghĩa luôn tự do, không bị sự kiểm soát nào và hoàn toàn độc lập, thoát khỏi bất cứ mối quan tâm nào về đạo đức, mỹ học". Trong khi nhìn lại quá trình phát triển của trường phái Siêu thực, trên tạp chí La Revolution Surréalist, André Breton nhận định: Từ khi bắt đầu cho đến nay (1936), trường pháp Siêu thực có thể phân 2 giai đoạn: *Giai đoạn trực cảm phong phú và giai đoạn duy lý. Giai đoạn 1* được khái quát bởi niềm tin được bộc lộ trong suốt thời gian tư duy phát huy quyền năng, biểu lộ khả năng tự cảm nhận. *Giai đoạn 2* thì nhấn mạnh đến tư duy là quyền lực tối cao đối với mọi vật thể.

Nội dung: Trong phạm vi mục tiêu tổng quát của chủ nghĩa Siêu thực, bao gồm những vấn đề của chủ thuyết và kỹ thuật khác nhau, nhằm vào mục đích phá vỡ sự thống trị của lý trí và sự kiểm soát của ý thức con người. Theo André Breton, nội dung chính của chủ nghĩa Siêu thực bao gồm những hoạt động sâu sắc của tâm linh thuần túy. Nhờ đó, có thể thể hiện sự vận hành của tư tưởng, bằng lời nói hay bằng chữ viết. Dĩ nhiên là những tư tưởng nầy không lệ thuộc bất cứ sự kiểm soát hay điều khiển nào về mặt luân lý cũng như về mặt mỹ thuật học.

Thành thử, *chủ nghĩa Siêu thực căn cứ vào sự tin tưởng nơi thực tại của những hình thức liên tưởng, sức mạnh toàn năng của giấc mộng và cơ chế tư tưởng vô tư*. (André Breton).

Chủ nghĩa Trừu tượng

(Abstractionnisme)

Định nghĩa: Thuật ngữ "Nghệ thuật Trừu tượng" bắt nguồn từ một tác phẩm lý luận nghệ thuật của phê bình gia Worringer, nhan đề "Trừu tượng và cảm nhận" (1908). Trong thời gian đó, chủ nghĩa Trừu tượng hướng về một nghệ thuật vì ngày mai, nền nghệ thuật không mô tả đến vấn đề nhận thức được trong hiện hữu. Theo nghĩa nầy, "*chủ nghĩa Trừu tượng muốn thông báo về một trật tự mới, đó là "trật tự siêu nghiệm" của nội tâm*" (Hegel). Nhưng về sau, do chứa đựng nội dung mới, cho nên đã có nhiều thay đổi trong định danh nầy.

Thuật ngữ "Trừu tượng" ngày nay dùng để đặt tên cho một khuynh hướng chủ yếu của nghệ thuật tạo hình, khai thác những yếu tố hình thức, nhất là về hội họa, bao gồm những thay đổi về đường nét, hình khối và màu sắc.

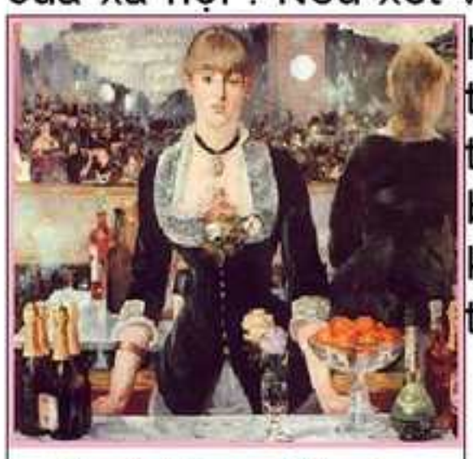
Chủ điểm: Trên nguyên tắc căn bản nầy, nghệ thuật Trừu tượng đã từ chối hầu hết những hình tượng quen thuộc, nhàm chán của thế giới hiện thực, thiên về lý tính. Trong hội họa, nếu các họa phái thế kỷ XIX đi từ hình tượng để diễn đạt cảm xúc của mình, thì trái lại, chủ nghĩa Trừu tượng lại dựa trên cơ sở gây nên cảm xúc trước; rồi sau đó, mới đạt đến một lối tạo hình tượng cao hơn. Đó gọi là "dạng thức Siêu hình tượng". Những hoạ sĩ theo khuynh hướng Trừu tượng lấy chất liệu của "nội tâm vũ trụ" để phản ánh chính nó. Điều nầy cho thấy chủ nghĩa Trừu tượng đã có những tìm tòi, nhất là về bố cục, làm sao để có thể diễn đạt thật trung thành về biểu cảm



tranh Kandinsky

của mình.

Nguyên nhân xã hội: Phân tách những nguyên nhân thúc đẩy chủ nghĩa Trừu tượng ra đời, danh họa Kandinsky cho rằng: "Nghệ thuật Trừu tượng bắt nguồn từ nhiều hoàn cảnh phức tạp của xã hội". Nếu xét về mặt thuần túy của nghệ thuật tạo hình, người khởi đầu cuộc "cách mạng hội hoạ nầy" là hoạ sĩ ***Edouard Manet*** (1832-1883), người thường dùng kỹ thuật táo bạo, tạo ra những sự tương phản mạnh mẽ, vốn là thành viên quan trọng nhất trong khuynh hướng Ấn tượng trước đó. Manet cùng một lúc vứt bỏ "tính trang trọng của chủ đề" cũng như những nguyên lý tôn trọng hình khối, phép viễn cận, luật sáng tối... của nghệ thuật Hàn lâm, cổ điển, quá thiên về giáo điều.



tranh Edouard Manet

Do sự trùng hợp nầy, nghệ thuật Trừu tượng được xem là con đẻ của chủ nghĩa Ấn tượng, phong cách diễn đạt của Gauguin, Van Gogh, cũng như chủ nghĩa Dã thú và chủ nghĩa Biểu hiện. Phần lớn những hoạ sĩ Trừu tượng xuất thân từ những trường phái đó.

Tính chất: Với mục đích thể hiện toàn vẹn biểu cảm của mình, hội hoạ Trừu tượng muốn giải toả những tâm trạng đặc biệt. Những tâm trạng, tuy mới chỉ mơ hồ cảm thấy, tuy nhiên luôn luôn day dứt tâm hồn mình. Nỗi đau khổ đến cuồng loạn của ***Van Gogh***, nét chua chát của ***Roualt,*** nỗi kinh hoàng của ***Dali***... những người thường muốn tìm cách để giải toả, nhưng những hoạ sĩ Trừu tượng thì lại tập trung để thể hiện trọn vẹn lên sáng tác phẩm của mình. Nếu các họa sĩ thuộc khuynh hướng khác thường mượn người hay cảnh để biểu lộ tâm tình, trái lại họa sĩ Trừu tượng thì lại dùng những ý tưởng tượng trưng hơn. Như thế, Tượng trưng là sự khởi đầu của Trừu tượng vậy.

Seurat đã dùng những nét phác hoạ đơn sơ thành những vết lấm tấm trong tranh, ***Mondrian*** thì dùng những gạch ngắn, kết hợp với dấu cộng, dấu trừ. Trong một phút thảng thốt nào đó, rung cảm thế nào, thì ghi lên như thế ấy. Đó lả chính đề của Trừu tượng vậy. Trong bức tranh "Những gạch, những chấm" của ***Tobey*** không phải được ném ra một cách vô ý thức. Tất cả được phân bố hài hoà trong một mạng lưới trong Nghệ thuật Trừu tượng.

Qua những ví dụ trên cho thấy rằng: Chính nghệ thuật Trừu tượng đã khai thông một hướng đi mới về nhận thức, sáng tạo, cảm thụ. Hướng đi mới của nghệ thuật Trừu tượng không phải mượn cỏ cây, hoa lá để biểu đạt, mà cần đi thẳng vào lĩnh vực sâu thẳm của nội tâm. Sáng tạo phát sinh từ đó. Trong cách thưởng ngoạn tác phẩm Trừu tượng, người xem được đi vào mức tượng tượng rất cao "*Hoạ sĩ có thể dắt ta lên, nhưng ta không ngại lạc lối về*".

Trường phái Lập thể

(Cubism)

Ý nghĩa: Trường phái Lập thể là một phong trào hội họa và điêu khắc được nhìn nhận như một trong những khúc quanh quan trọng trong nghệ thuật Tây Phương thế kỷ XX. Phong trào nầy do Picasso và Braque khởi xướng; họ đã cộng tác với nhau chặt chẽ, đến nỗi đôi khi không dễ gì phân biệt được công trình của họ; phong trào mở rộng với Juan Gris, và về sau có thêm nhiều nghệ sĩ khác tham gia, như Léger, La Fresnay, Delaunay, Metzinger, Gleines và Kupla.

Thời kỳ thành hình chính của trường phái nầy là từ khoảng năm 1907 đến 1914, mặc dù một số phương pháp và khám phá của các hoạ sĩ Lập thể vẫn tiếp tục được đưa vào vựng tập của nhiều trường phái nghệ thuật thế kỷ XX.

Theo Daniel Henry Kahnweiler, một nhà buôn tranh hỗ trợ đắc lực cho trường phái nầy thì:

Tên "Lập thể" do nhà phê bình Louis Vauxcelles đặt ra, qua ý kiến của Matisse. Trong một bài phê bình cuộc triển lãm của Braque (1908) Vauxcelles đã nói tới những "*hình lập phương*" (cubes) và sau đó là những "*cái kỳ quặc hình lập phương*" (bizarreries cubiques). Đây chỉ là một lời chế diễu, và sau được công nhận để đặt tên (như trường hợp tên của trường phái Dã thú và Ấn tượng).

Tiến trình: Sử gia chia cách "cách mạng Lập thể" làm 3 giai đoạn:


les demoiselles d'avignon - Picasso

Giai đoạn 1: đánh dấu bằng hai bức tranh "Tiểu thư d'Avignon" của Picasso (1907) và nức nỗi tiếng của Braque "Nàng khỏa thân" cũng trong năm 1907. Hai bức tranh nầy chứng tỏ còn chịu ảnh hưởng của Cézanne, phân tích, và đơn giản hoá hình dạng. Trong "*Tiểu thư d'Avignon* ", có hai khía cạnh "sơ đẳng" hay "bán khai" có thể theo ngược tới lối điêu khắc Ibéria, và làm mặt nạ Bắc Phi. Bán khai cộng với điêu khắc xa lạ làm thành quan niệm mạnh mẽ về vật thể, với khả năng diễn đạt của ảo thuật. "*Những tiểu thư d'Avignon*" là bức họa trình bày năm thiếu nữ khoả thân trong phòng một nhà thổ. Màu sắc không chói lắm như của trường phái Dã thú, nhưng không xa với Gauguin quá.


Braque - Large Nude

Giai đoạn 2: được gọi là "***Lập thể Phân tích***", màu dùng chỉ hạn chế thôi. Trong giai *đoạn nầy, tranh của Braque kém kịch tính hơn tranh của Picasso. "*Những tiểu thư d'Avignon*" là tổng hợp kiểu phân tách của Cézanne và cái khoẻ của điêu khắc Phi Châu. Khoảng 1908, tranh tĩnh vật của Picasso nhích gần lại với tranh phong cảnh của Braque. Giai đoạn nầy, hai họa sĩ cộng tác mật thiết với nhau. "Lập thể Phân tách" chú trọng đến việc thể hiện thiên nhiên, theo nghĩa lấy một số chủ đề từng mảng riêng rẻ, sau đó chắp lại với nhau một cách hài hoà. Với phương thức nầy, bức tranh được đan xen nhiều đề tài cùng loại, nhưng khác mặt phẳng. Năm 1911, Braque bắt đầu giới thiệu chữ vào trong bức tranh. Mỗi chữ thuộc về một hệ thống thông tin khác nhau. Theo cách nầy, những câu in trong tranh là những câu thường thấy trong những quán Cà phê hay đầu đề trong một bài báo nào đó. Từ đó, nhích gần từng bước nhỏ đến vật thể thật trong tranh.

Giai đoạn 3: gọi là "***Lập thể Tổng hợp***", biến chuyển dần theo kiểu dán giấy, do Braque suy nghĩ ra và Picasso hưởng ứng. Picasso dùng dùng thêm một vài thứ keo, hồ khác. Braque kết hợp những vật liệu mới, với chì, than, trong khi Picasso và Gris thêm sơn dầu vào. Với cách vẽ nầy, màu đơn điệu đã nhường chỗ cho màu tươi. Dần dà thì chất liệu lại quan trọng hơn cách trình bày, dù trường phái Lập thể luôn luôn là phong trào hiện thực. Vật thể trong tranh là thực thể hơn là hình tương tự. Về sau, lại còn phát triển một lối mập mờ, lúc họ quay về loại sơn dầu, bắt chước lối giả giấy dán.

Chủ trương: Trường phái Lập thể đã dứt khoát gạt bỏ hẳn tư tưởng coi nghệ thuật là sự mô phỏng thiên nhiên; tư tưởng đã chi phối hội họa và điêu khắc châu Âu từ thời đại Phục Hưng. Picasso và Braque đã từ bỏ những khái niệm truyền thống về phối cảnh, kỹ thuật thu ngắn và chuyển bóng, đồng thời, nhắm tới việc thể hiện sự rắn chắc và hình khối trong một mặt phẳng hai chiều, mà không chuyển mặt vải hai chiều thành một bức tranh không gian ba chiều bằng kỹ thuật ảo ảnh.

Khi họ còn thể hiện vật có thật, mục tiêu của họ là *miêu tả những vật đó theo như chúng được biết, chứ không như chúng xuất hiện từng phần ở một lúc và một nơi đặc biệt.*

Để đạt được mục đích nầy, nhiều khía cạnh khác nhau của vật có thể được miêu tả đồng thời; các hình thức của vật được phân tích thành những mặt phẳng hình học và các hình thức đó được xếp đặt lại từ nhiều điểm nhìn, đồng thời thành một hình thể phối hợp lại. Chính trong giới hạn đó, chủ trương hội họa lập thể tự nhận chính là hiện thực "về nhận thức hơn là về thị giác". Như thế, chủ nghĩa Lập thể là kết quả của hình ảnh đã được lọc qua trí tuệ hơn là tự nhiên.

Ảnh hưởng: Hai nguồn ảnh hưởng quan trọng nhất với sự xuất hiện của chủ nghĩa Lập thể là nghệ thuật điêu khắc châu Phi và những bức tranh thời kỳ sau của Cézanne. Sự báo hiệu cho phong cách mới nầy khởi đầu bằng bức tranh "*Các cô gái Avignon*" nổi tiếng của Picasso (1907), với những hình thể, góc cạnh và đứt gãy của nó.


The Bathers - Cézanne

Các thời kỳ: Thông thường, các nhà nghiên cứu nghệ thuật phân chia phong cách Lập thể ra 2 thời kỳ: thời kỳ phân tích và thời kỳ tổng hợp. *Trong thời kỳ "mộc mạc" thứ nhất* từ 1907 đến 1912, hình thể được phân tích thành những cấu trúc, mà tính chất hình học chiếm ưu thế. Còn màu sắc thì được làm dịu lại, hay chỉ dùng 1 màu. Mục đích là để không phân tán cách nhìn của người thưởng ngoạn. *Trong thời kỳ* thứ 2, màu sắc trở nên mạnh mẽ hơn và hình thể có tính chất trang trí hơn và những cấu tố mới, như chữ sáp và mẫu giấy báo được đưa vào trong tranh. Trong giai đoạn nầy, Gris cũng quan trọng như Braque hay Picasso, vì ông ta đã đưa ra một phương pháp có hệ thống và hợp lý, thay cho những phương pháp có tính trực giác hơn của hai hoạ sĩ kia.

Việc đưa kỹ thuật dán vào càng làm cho tính phẳng của mặt tranh nổi bật hơn. Thế chiến thứ nhất đã chấm dứt sự cộng tác giữa Braque và Picasso, nhưng công trình của họ đều có ảnh hưởng lâu dài. Chủ nghĩa (trường phái) Lập thể vừa là một trong những nguồn cảm hứng chính của nghệ thuật trừu tượng, vừa có khả năng thích nghi vô hạn. Nó đã sinh ra nhiều phong trào nghệ thuật và tư tưởng khác, trong đó có: Trường phái Tương lai, Trừu tượng Nhạc điệu, Trường phái Thuần túy, và Trường phái Xoáy lốc (Vorticism). Vì nó chú trọng đến việc mô tả ý tưởng hơn là thực tại được quan sát, nên chủ nghĩa Lập thể đã là một trong những nền tảng của Mỹ học thế kỷ XX. Phần lớn những hoạ sĩ lập thể lỗi lạc cũng là những nghệ sĩ đồ họa và trang trí xuất sắc. Họ cũng là những nhà điêu khắc nổi tiếng theo phong cách Lập thể. Phải kể đến: Lipchitz, Archipenko, Zandkine. Trước hết, phải kể đến cách điêu khắc của Picasso.

Với trường phái Lập thể, cách nhìn thế giới của chúng ta đã thay đổi tận gốc rễ: đó là một trong những phong trào nghệ thuật nổi bật nhất và có tính cách mạng nhất, hiểu theo nghĩa mỹ thuật. Pablo Picasso và George Braque đã "làm nổ tung" hiện thực thị giác với tính gợi cảm tuyệt vời. Nhờ những cải cách ngoạn mục của họ trong tư duy nghệ thuật, cách nhìn của chúng ta dường như được trao cho khả năng gần như thần thánh, để xem xét đồng thời tất cả mọi chiều của thực tại đó.

Pablo Picasso (1881-1973) Ông là một nghệ sĩ ưu tú nhất có ảnh hưởng lớn đối với nền hội họa quốc tế, một chiến sĩ đấu tranh cho hoà bình, chống chế độ Phát xít, người sáng lập trường phái Lập thể trong hội họa hiện đại. Picasso sinh vào ngày 25/1/1881, tại Malaga, Andalusa. Cha là giáo sư hình họa. Từ bé, Picasso đã say mê hội họa, được cha hướng dẫn những bài học hội họa đầu tiên. Năm 14 tuổi (1895), Picasso đã làm cho mọi người ngạc nhiên về bài thi vào trường Cao đẳng Mỹ thuật Barcelona, ông chỉ làm trong một ngày thay vì thí sinh làm trong một tháng. Năm 1897 (16 tuổi), vào học Học viện Mỹ thuật Hoàng gia San Fernando ở Madrid. Tại trường Picasso đã vẽ bức "Khoa học và lòng nhân ái" (1897), được nhận bằng khen (bức tranh hiện còn đang lưu giữ tại Bảo tàng viện Picasso ở Barcelona). Nhưng Picasso cũng chỉ học ở trường trong thời gian ngắn rồi bỏ học.

Năm 1899, Picasso trở lại Barcelona, cùng với một nhóm nghệ sĩ tại đây mở ra xưởng vẽ. Mùa thu năm 1900, Picasso đi sang Paris và định cư hẳn ở đây. Những bức tranh đầu tiên của Picasso chịu ảnh hưởng của các họa sĩ Pháp ở thế kỷ XIX, rồi chuyển dần sang màu sắc ấm áp hơn, đường nét tươi sáng, bố cục nghiêm khắc hơn. Picasso là người sáng lập trường phái hội họa Lập thể hiện đại. Tranh Lập thể của Picasso lúc đầu mang yếu tố không gian ba chiều, nhưng về sau Picasso từ bỏ, chỉ vẽ bằng màu sắc và họa theo những khuôn mẫu không giống tự nhiên. Quá trình sáng tác của Picasso trải qua nhiều giai đoạn, đều tạo ra nhiều kiệt tác. Đó là:

1- *Giai đoạn màu lam* (1901-1904) có "Chân dung nhà thơ Sabartés"(1901), "Cuộc gặp gỡ" (1902), " Chân dung cô gái" (1903), "Xẩm già khôn khổ" (1903). Tất cả đều mang một nỗi buồn, vẽ theo phong cách Biểu hiện (Expressionisme) với đường nét run rẫy, màu sắc xám nhạt. Qua đó, Picasso vạch hết cái hiện thực phũ phàng đang lẩn khuất đàng sau cái vẻ cao sang của thành phố châu Âu hoa lệ. *2- Giai đoạn quá độ* (1904): Bức tranh tiêu biểu trong giai đoạn nầy là "Hai diễn viên nhào lộn và con chó". 3- *Giai đoạn màu hồng* (1904-1906): Bức tranh tiêu biểu trong giai đoạn nầy là "Buồng tắm". 4- *Giai đoạn nghệ thuật Đa đa* (1907-1910): Bức tranh nổi tiếng trong thời kỳ nầy là " Những cô ả ở Avignon", được vẽ từ mùa xuân 1907, theo lối Lập thể đầu tiên, khiến mọi người rất ngạc nhiên. 5- *Hội họa Lập thể phân tích* (1910-1912): Điển hình là bức "Đĩa trái cây". 6- *Hội họa Lập thể tổng hợp* (1912-1918): Điển hình là bức "Người chơi đàn violon" và "Ban nhạc". *7- Giai đoạn cổ điển*: Điển hình là bức "Hai người phụ nữ ngồi". 8- Giai đoạn thể thức mới: Với bức tranh tường khổng lồ nổi tiếng *"Guernica*", vẽ năm 1937. Nội dung mô tả một cuộc dội bom của không quân Đức xuống thành phố Guernica trong thời kỳ nội chiến Tây Ban Nha. Guernica là tiếng kêu cảnh tỉnh loài người trước thảm họa Phát xít, thảm hoạ chiến tranh.

Vào năm 1944, Picasso gia nhập đảng Cộng Sản Pháp trong một thời gian, tham gia Phong trào Hoà bình. Tại đại hội lần thứ nhất của Phong trào Hoà bình họp tại Ba Lan, Picasso vẽ bức bích chương nổi tiếng cho đại hội "Hình tượng chim Hoà bình". Picasso mất ngày 8/4/1973 tại nhà riêng ở Mougins, đã để lại cho nhân loại hàng vạn bức tranh. Cuộc đời nghệ thuật của Picasso tiến triển qua nhiều giai đoạn khác nhau rõ rệt, đặc biệt là thời kỳ "xanh" và thời kỳ "hồng".

Thời kỳ xanh (1901-1904) - được gọi theo màu chủ đạo - tương ứng với những năm đầu tiên của ông tại Paris và dần dần chuyển sang thời kỳ hồng khi ông bắt đầu nổi danh. Bắt đầu từ thời kỳ nầy, ông cũng không làm cái gì nửa vời, như kích thước đồ sộ của bức tranh "Những người học trò ở hội chợ" cho thấy rất rõ nét. Tác phẩm khó hiểu của thời kỳ hồng nầy phát hiện những khả năng tạo hình xuất sắc và một cảm thức tinh tế về sự bần cùng và sầu thảm, cảm thức nầy là dấu ấn của những năm đầu tiên đó. Năm người làm trò ảo thuật có vẻ căng thẳng và đơn độc trong một khung cảnh bất trắc và hoang vắng; người đàn bà ở bên phải dường như không thuộc về thế giới của họ, nếu không nói tới sự lẻ loi và nét buồn của nàng. Cảnh tượng nầy toát ra một cảm giác đe dọa mơ hồ, một bí ẩn chưa thành hình. Người ta cảm thấy ở đây, Picasso không đưa ra một câu trả lời, mà chỉ đưa ra một vấn nạn.

Đối với ông, nghệ thuật là một chất trung gian truyền cảm, trong trường hợp nầy là phản ảnh những trạng thái tâm hồn của ông, của khát vọng, khẳng định mình với tư cách nghệ sĩ. Picasso chỉ mới 26 tuổi và vừa qua khỏi *thời kỳ hồng*, khi ông thay đổi tận gốc rễ những quan niệm hội hoạ của mình qua một bức tranh mà bạn bè gọi là "Các cô gái Avignon", theo tên một đường phố náo nhiệt ở Barcelone. Vì vậy, những cô gái nầy dĩ nhiên là những cô gái giang hồ mà người ta tự hỏi ai là người các cô quyến rũ. Đây là một tác phẩm quan trọng của thế kỷ XX, có ảnh hưởng đáng kể đối với chiều hướng nghệ thuật sau nầy. Những đường nét trong tranh khá kỳ lạ.

Cách thể hiện thô bạo, tàn nhẫn, những cái đầu của các nhân vật đó làm cho ta ảm thấy có ảnh hưởng của nền điêu khắc nguyên thủy, ở bán đảo Tây Ban Nha và châu Phi. Thêm vào đó, còn có thái độ hoàn toàn tự do của họa sĩ với chủ đề của mình, để hợp nhất chủ đề đó với nhãn quan riêng của mình và để phục vụ cho nhu cầu tinh thần của mình. Lúc đầu Picasso không dám cho ai thấy bức tranh này, dù là người ái mộ ông, và chính ông cũng đã sửa đi sửa lại nhiều lần. Nhưng Georges Braque lại rất thích vẻ mạnh mẽ, man dại của nó. Cả hai đều tìm cách khai triển hiệu quả của hình thức nghệ thuật mới nầy.

Vấn đề chủ yếu là xem xét thực tại, đồng thời nhìn ở mọi khía cạnh của nó, là bao trùm đối tượng trong phạm vi bối cảnh của nó như Cézanne đã từng chỉ rõ rằng không có giới hạn cho chân lý, mà chỉ có sự đột khởi của một hình thức bắt đầu, từ những phương diện khác nhau của sự nhận thức mà người ta có thể có. Không phải lúc nào các kết quả cũng dễ hiểu, cho dù các họa sĩ Lập thể thường tự giới hạn ở các đối tượng tầm thường và quen thuộc (như chai và cốc rượu hay nhạc khí). Có tinh thần sáng tạo quá mạnh, nên không thể tự giới hạn vào một phong

cách, Picasso không ngừng lao vào những cuộc thử nghiệm mới, với năng lực sáng tạo không bao giờ nhầm lẫn ngay khi ông có vẻ đã có khái niệm ổn định đặc thù nào đó, thì ông vội vàng đi tìm một khái niệm khác. Chẳng bao lâu mà Picasso trở nên giàu có và nổi tiếng, và khi mà hậu quả tai tiếng của những bước cải cách hội họa đầu tiên đã được người ta quên đi thì Picasso trở lại khai thác những chủ đề ưa thích nhất định của mình. Vì có tính tự sự hơn cả Rembrandt và Van Gogh, những người đàn bà đi qua đời ông cũng đã cung cấp nguồn cảm hứng chính yếu cho ông: mỗi một quan hệ mới đã kích thích óc sáng tạo của ông với người mẫu mới, theo nhãn quan mới.

Tranh "Những người yêu nhau" đưa ông lên sân khấu theo kiểu cách cổ điển, gợi ý sự điều độ, giản lược như trong kịch. Đó là thời kỳ ông hâm mộ nàng *Olga Kokhlova*, một nữ diễn viên múa ba lê Nga, mà ông cưới làm vợ không chút đắn đo; nhưng đến khi quan hệ của họ bắt đầu sa sút dần, ông cũng đã gạt bỏ ngay ảnh hưởng mong mang của nàng. Trong bức "Những người yêu nhau" này có nét duyên dáng dễ thương của vũ điệu, và ta cũng thấy rằng không bao giờ Picasso gạt bỏ hoàn toàn phong cách cũ của mình, như ông có thể làm thế đối với phụ nữ.

Người đàn bà gây cảm hứng quyến rũ nhất đối với Picasso là *Marie Thérèse Walter*, một thiếu nữ đẹp và hiền lành mà ông thích biểu dương hình thể nở nang của nàng. Picasso là một họa sĩ vẽ nhiều thể loại và có óc sáng tạo đang ngạc nhiên, đến nỗi mỗi người có thể tìm thấy phần của mình ở thời kỳ nào thích hợp với mình nhất. Những bức tranh do Marie Thérèse gợi hứng có vẻ dựa trên sự thanh thản sâu sắc, không có bức nào bằng. Bức tranh "Người đàn bà khoả thân trên ghế bành đỏ" là một trong những lần cuối cùng mà Picasso tỏ ra tương đối dịu dàng. Hẳn là ông tìm thấy chút gì yên ổn trong tính cách mong manh của người đàn bà trẻ nầy và trong hình thể đầy đặn của nàng. Tất cả những bức tranh thể hiện Marie Thérèse Walter đều có vẻ yêu kiều, ngọt ngào, mà không loại trừ tính cách sâu sắc không thể chối cãi. Picasso phát hiện tài tình những đường nét tròn trĩnh của thân hình nàng với cái tuổi hết sức trẻ của nàng (nàng mới 17 tuổi khi hai người gặp nhau) trong sự quan hệ của họ, cô gái trẻ nầy đóng luôn vai của một bà mẹ.

Những người đàn bà chia sẻ cuộc sống của Picasso sau đó, như Dora Maar hay Francois Gilot (có với ông hai con) - bản thân họ cũng có cá tính mạnh mẽ - càng làm kịch phát tính ghét phụ nữ và không để cho phụ nữ thống trị nổi mình! Ngay cả lúc về già và được người vợ thứ hai chăm sóc thương yêu, ông cũng biến nàng thành một "khí cụ" đấu tranh lại tuổi tác. Chịu đựng rất kém sự suy giảm tình dục, ông tìm sự bù trừ trong khả năng hoạt động nghệ thuật phi thường của mình. Một trong những bức chân dung của Dora Maar, "Người đàn bà khóc" vẽ cùng một năm với bức tranh danh tiếng "Guernica" (1937), có một vẻ độc ác không khoan nhượng. Người mẫu đội một chiếc mũ kỳ cục, gương mặt bị tách ra, xé nát bị làm xấu xí vì sự tương phản gay gắt của màu sắc đối chọi nhau: giữa cái chua cay của màu lục, màu vàng với màu đỏ nóng sáng và màu trắng thê thảm. Có lẽ những giọt nước mắt của Dora Maar do chính Picasso kích thích. Sức mạnh tiềm tàng của nghệ thuật là phú bẩm chủ yếu của Picasso. Ông có cái khả năng biến một chủ đề vô hại nhất thành một tác phẩm có sức mạnh và sức thúc đẩy không kìm hãm nổi.

Georges Braque (1882-1963) Ông là họa sĩ duy nhất đã cộng tác với Picasso trên cơ sở bình đẳng, phần nào giống như người leo núi cột dính nhau bằng một sợi dây, cùng đun đẩy nhau lên. Bắt đầu từ năm 1907, sự cộng tácdó chặt chẽ đến nổi một số tranh của họ có vẻ gần như đồng nhất. Chính cả hai đã làm cho trường phái Lập thể tiến triển và để đưa nó lên một tầm cao mới, rực rỡ hơn và dễ hiểu hơn. Trái với Picasso, Braque luôn luôn giữ mạch lạc hoàn toàn trong bút pháp của mình. Bức tranh "Tĩnh vật: Ngày" của ông dựa trên phong cách Lập thể tổng hợp, có màu sắc chừng mực và có vẻ kém rực rỡ hơn tranh của Picasso, dù cho về mặt hình thể và kết cấu khiến cho người xem thích hơn. Bức tranh nầy tương ứng với thời kỳ hai người đi theo những con đường khác nhau, điều đó giải thích sự khác biệt trong phương pháp của mỗi người.

Juan Gris (1887-1927) Hoạ sĩ Lập thể thứ ba là họa sĩ Tây Ban Nha Juan Gris. Vì chết trẻ, cho nên ông giữa được một phong cách khá đồng nhất từ đầu chí cuối, càng ngày càng diễn đạt chặt chẽ và sáng sủa hơn, đến nổi có người coi ông là "họa sĩ Lập thể hoàn toàn" duy nhất. Bức

tranh sặc sỡ vui mắt "Fantomas" của ông, với cấu trúc lệch các bình diện và bút pháp chững chạc, không thể lẫn lộn với một bức của Braque hay của Picasso.

Nghệ thuật "Op'art"

(Optical art)

Định danh: Từ ngữ "Op'art" được dùng lần đầu tiên vào năm 1920, trong "Bản Tuyên Ngôn hiện thực" của Gabo và Pevsner, nhưng khi đó chưa đưa ra một ý niệm nào đầy đủ, nhất là chưa được ứng dụng trong nhiều ngành nghệ thuật. Nhưng từ đó, được khai triển thêm từng bước.

Khuynh hướng nghệ thuật nầy gọi đầy đủ là hai thể loại "hình động và nghệ thuật quang học (Cinétisme et "op'art"); được ra đời từ năm 1946, do nhà điêu khắc người Argentina là Kisice đề xướng, mà chủ trương được ghi trong bản Tuyên ngôn của ông cho biết: "*Cả hai kỹ thuật trên đều hướng về một nền nghệ thuật tổng hoà".* Cũng thuờng được gọi là khuynh hướng hình động, nghệ thuật quang học (Op'art = optical art). Trong thập niên 1950-1960, đây là giai đoạn cực thính của Op'art, nhưng sau đó thì suy thoái dần và đã biến chất, do ảnh hưởng những loại chất liệu mới.

Tính chất: Thế nào là Op'art? Theo nhận định chung, đây là một trong những trào lưu nghệ thuật, tác động ngày càng lớn của nền văn minh công nghiệp đối với mọi loại hình nghệ thuật, nhất là nghệ thuật tạo hình. Có thể gọi đây là một loại kỹ xảo, để gây thêm ấn tượng mới và màu sắc mới, nhờ ảnh hưởng của cách thể hiện quang học.

Nhìn chung đây là phong cách thời thượng. Trong khi nên nghệ thuật dân gian hiện đại theo xu hướng hiện thực mới, thể hiện thế giới tiêu dùng, thì mặt khác, khuynh hướng "hình động" và nghệ thuật quang học (*Op'art)* lại đai diện cho một hướng nghiên cứu thử nghiệm, sử dụng mọi khả năng của công nghiệp hiện đại, nhằm diễn đạt tính linh hoạt của thế giới công nghiệp, lẫn cương vị của công chúng đối với tác phẩm nghệ thuật.

Thoạt đầu, đây là một trào lưu trừu tượng hoá hình học. Sau đó, những sáng tạo thêm của nhiều nghệ sĩ như *Vasarely, Munari, Sito, Tinguely, Kopsice, Schoffer, Le Parc, Agam*... đã triển khai thêm và nghiên cứu thêm những công trình nghệ thuật của các nhóm "tiền phong" đầu thế kỷ XX: "*trường phái Vị lai*" và "*học phái Kiến trúc*". Đáng chú ý nhất là ngay trong những thành viên chủ chốt của trường *kiến trúc Bauhaus* (đứng đầu cách thực hiện nầy là Moholy – Navy), đã đưa vào trong kết cấu của kiến trúc; trong khi đó, họa sĩ Calder thì thể hiện những tác phẩm *chuyển động*.

Bắt nguồn từ hai phong cách nầy, dần dà đã trở thành một xu hướng kiến tạo mới, theo hướng tổng hợp, với mục đích là "*khám phá mọi khả năng tạo ra "sự chuyển động" trong một tác phẩm nghệ thuật, được nhìn từ nhiêu góc độ khác nhau*" (Theo Michel Fragonard).

Thực hiện: Ảnh hưởng của Op'art khai sinh tại Đức Quốc, đã bành trướng nhanh chóng sang Hoa Kỳ. Nghệ sĩ Anuszkiewicz của Trường phái New York đã khéo léo thực hiện, bằng các sử dụng một tập hợp các màu sắc cơ bản, được kết hợp tài tình. Nhờ đó, họ đã tạo ra được những "hiệu ứng ảo giác" quang học. Ánh sáng và phản ánh sáng được khai thác triệt để. Chẳng hạn như những sáng tạo của nghệ sĩ Demarco và Malina đã gây nên những hiệu ứng ảo giác quang học, đồng thời, cũng tạo ra những bức tranh có ánh phản quang.

Khi được hỏi về hiệu ứng của Op'art, Malina giải thích: "*Màu sắc thường có những giá trị vô lường, nhất là khi biết bố trí hài hòa với nhau; khi đó, sẽ có những biến đổi, nhờ sự phản quang. Op'art chỉ là những khả năng kỹ thuật để làm sáng tỏ giá trí của sự hoà hợp nầy, mà từ bao nhiêu năm nay đã bỏ quên. Đó là công dụng chính của Op'art*". Nhưng rồi sau đó, những tranh cãi về quan điểm nghệ thuật nầy cũng không nhỏ.

Từ năm 1965, Op'art còn đi xa hơn. Những nghệ sĩ giỏi về ngành vật lý như Tinguely, Agam đã khéo léo sử dụng loại động cơ điện hay các thiết bị điện tử để tạo thành những bức tranh chuyển động và những "hoạt phẩm" (mobiles), khiến người xen cứ tưởng đó là tác phẩm điện ảnh hơn là hội họa. Hai năm sau đó. Schoffer và Takis lại có thêm những công trình nghiên cứu về khả năng tạo ra sự chuyển động của ánh sáng và phương pháp đồng bộ hoá ánh sáng lẫn âm thanh. Họ hướng đến loại hình trình diễn tổng hoà (hoà hợp 2 loại trên).

Chẳng những hội họa và kiến trúc, mà ngay cả ngành âm nhạc cũng được Op'art khai thác. Năm 1961, Nicolas Schoffer đã dựng lên một cái tháp "điều khiển được trong không gian và phát ra âm thanh" . Với kiểu nầy, ông lại sáng chế theo những loại "*kính nghe nhạc*". Với đà nầy, tại Hoa Kỳ còn đi xa hơn. Năm 1965, tại New York, những họa sĩ Kelly, Nolan, Anuszkiewicz mở cuộc triển lãm "Con mắt biết đáp ứng", với mục đích là gây ra những ảo giác mới cho người tham dự, khi nhìn vào sự chuyển động của các công trình nghệ thuật. Câu hỏi thông thường là: Liệu rằng đây có phải là nghệ thuật không? Hay chỉ là ảo thuật?

Như thế, tất cả những việc làm kể trên đã thay đổi toàn diện về khái niệm một tác phẩm nghệ thuật. Đây là điều nghịch lý: kỹ thuật vốn là sản phẩm của công nghệ, máy móc, trong khi đó, sáng tác là sản phẩm của con người. Đây cũng là điều mà những nghệ sĩ thuần túy chối bỏ. Từ đó Op'art đã suy thoái dần.

Chủ đích của Op'art là gì? Cùng với những tiến bộ của kỹ thuật vật lý học, Op'art cũng không ngừng biến dạng. Khuynh hướng "hình động" của kỹ thuật và nghệ thuật nầy không chỉ giới hạn trong việc phá bỏ quan niệm ngăn cách giữa các ***loại hình nghệ thuật*** (hội họa, điêu khắc, âm nhạc...), và trong việc sử dụng các ***chất liệu*** (nhôm, thủy tinh, thủy tinh hữu cơ) và nhất là các ***kỹ thuật hiện đại*** (máy điện toán, laser, vidéo, điều khiển học, điện tử)... mà còn bao hàm cả phần tham gia tích cực của quần chúng. Họ có thể thưởng thức tác phẩm từ nhiều góc độ khác nhau. Họ cũng theo dõi sự chuyển động của tác phẩm. Người xem có thể "đi vào trong được" tác phẩm đó, do kỹ thuật của Soto và Agam sáng chế.

Tại Nga Sô, những cách tuyên truyền cũng lợi dụng không ít kỹ thuật của Op'art trong mấy chục năm vừa qua. Những nhà kiến trúc Cộng Sản cũng bỏ khá nhiều thì giờ để tạo ra môi trường chung quanh của một tác phẩm. Họ chống đối quan điểm cho rằng: Nghệ thuật vốn cố định, bất biến, tĩnh tại.

Nhìn chung lại, khuynh hướng "hình động" trong hội họa, kiến trúc đã sử dụng kỹ thuật của các tiến bộ khoa học, để tác động vào cảm quan của con người, không qua khâu trung gian, mà lại hướng trực tiếp vào cơ chế nhận thức. Họ chỉ chú trọng về phương diện giải trí của tác phẩm hơn là về nghệ thuật; vì với Op'art, nghệ thuật chỉ là "sự kiện nhất thời" (Happenings).

Trường phái Hậu Ấn tượng

(Post Impressionism)

Định nghĩa: Thuật ngữ "Hậu ấn tượng" chỉ nhiều xu hướng hội họa khác nhau, đặc biệt là ở Pháp, phát sinh từ trường phái Ấn tượng, hay phản ứng lại trường phái nầy trong thời kỳ 1880-1905. Thật ngữ nầy do Roger Fry đã đặt ra làm tiêu đề cho một cuộc triển lãm của Manet và các học sĩ Hậu ấn tượng được tổ chức ở Grafton Gallery, London vào 1910-11. Tranh của Cézanne, Gauguin và Van Gogh chiếm ưu thế trong cuộc triển lãm nầy; họ được coi là những họa sĩ trung tâm của trường phái Hậu ấn tượng.


A Sunday on the Island of Grande Jatte, - Seurat

Trên nguyên tắc cơ bản của trường phái Hậu ấn tượng là bác bỏ chủ nghĩa Tự nhiên và sự chú trọng tới Ấn tượng thoáng qua của các hoạ sĩ Ấn tượng. Điều nầy thể hiện qua nhiều phong cách khác nhau của bốn hoạ sĩ nổi

tiếng của trào lưu Hậu ấn tượng châu Âu vào cuối thế kỷ XIX, chuyển sang đầu thế kỷ XX: ***Seurat*** thì tập trung sâu sắc về sự phân tích màu sắc một cách khoa học; ***Cézanne*** thì muốn biến phong cách Ấn tượng thành thứ gì chắc chắn và vững bền; ***Gaugin*** thì khước từ sự sai lầm to tát của chủ nghĩa tự nhiên; ***Van Gogh*** thì chính là người khai sinh ra chủ nghĩa Biểu hiện. Trong khi đó, nhiều hoạ sĩ Hậu ấn tượng khác thì chọn cách thể hiện thế giới không chỉ ở vẻ ngoài vật chất, mà còn ở những thực tế tiềm tàng, khó nắm bắt. Họ dùng những cách để phối hợp giữa màu sắc và hình thể. Nhìn chung lại, những họa sĩ Hậu ấn tượng tìm cách vượt qua những giới hạn của trường phái Ấn tượng trước đó, nhưng lại dấn thân vào nhiều đường khác nhau. Với họ, nghệ thuật "*không còn lệ thuộc trực tiếp vào thế giới thực tại nữa*".

Cézanne giải thích chủ trương nầy như sau: "*Chúng ta hiện đang sống trong một thế giới thường gây ra những biến động và thất thường; nhà nghệ sĩ có nhiệm vụ đương đầu với khái niệm đó*". Trong khi đó, Cézanne thì muốn loại trừ "kiểu mập mờ và biểu hiện nước đôi", mà phải thâm nhập vào cái có thực, không đổi, cái đang phát sáng ở bản chất sự vật, nhưng lại được ngụy trang bằng ống kính vạn hoa của sự vật, thông qua các giác quan. Với họ, các bậc tiền bối của trường phái Ấn tượng đã nhìn thế giới một cách chủ quan; điều nầy nói lên rằng: thế giới vốn tồn tại trong mọi khả năng cảm nhận, với mọi màu sắc, mọi quan điểm khác nhau. Hậu ấn tượng được xây dựng trên quan điểm đó.

Paul Cézanne (1839-1906): Lịch sử thường đánh giá tài năng hội họa của Cézanne ngang với các danh sư của mọi thời đại, như Titien, Michel Ange, Leonard da Vinci và Rembrandt. Ông là con của một chủ ngân hàng ở Aix-en Provence, nên thời niên thiếu được phụ thân hướng con mình vào con đường giáo dục kinh viện để kế thừa sự nghiệp. Nhưng đến năm 22 tuổi, khi sinh sống tại Paris, tiếp xúc với nhiều nhà nghệ thuật như Emile Zola và sau đó là họa sĩ Pissarro, ông thực sự đi vào hội hoạ. Thời gian nầy, ông chịu ảnh hưởng sâu đậm phong cách Courbet, Manet và Pissarro. Cézanne không chấp nhận cảm giác nhất thời của thị giác, là muốn cô đọng Ấn tượng, giúp cho cảm giác đó hài hòa vời hình thể, xác định các khối mà không phá vỡ hình khối trong chuyển động của ánh sáng.

Trong một cuộc đối thoại về hội họa Hậu ấn tượng với nhà phê bình Joachim Gasquet, Cézanne cho rằng: "*Trong mỗi hoạ sĩ, có hai cơ năng quan trọng: con mắt và bộ óc; cả hai phải giúp đỡ lẫn nhau để phát triển. Phát triển con mắt bằng cách nhìn thiên nhiên chính xác; phát triển bộ óc bằng luận lý của cảm giác. Cả hai giúp những phương thức để diễn đạt trong họa phẩm của mình*".

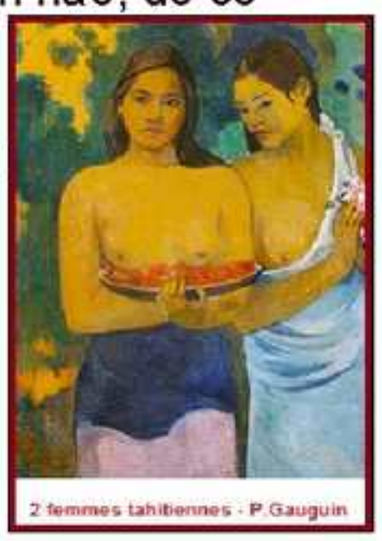
Cho đến năm 1882, ông cắt đứt hẳn đường lối của ấn tượng, nhấn mạnh đến cấu trúc hình học của phong cảnh. Ông chủ trương: Hội họa cốt yếu là tổ chức cảm giác có màu sắc của chúng ta. Vẽ theo thiên nhiên của Poussin là con đường thích hợp nhất.

Ông tìm cách phân tích cái thực tại, bằng cách tổng hợp những phần tử đơn giản tạo nên. Ông định tham gia cuộc triển lãm đầu tiên từ năm 1874, nhưng đã gây nên cuộc tranh luận với các họa sĩ Ấn tượng cũ. Nhưng về sau (1877) thì địa vị của ông càng vững chắc, do những tuyệt phẩm hậu ấn tượng đầy vẻ sinh động. Gauguin đã chịu ảnh hưởng của ông trong thời gian nầy.

Trong thời gian 1885-1895, sự nghiệp của ông lên cao nhất, với những bức chân dung, tĩnh vật và phong cảnh (Bộ tranh vẽ núi Saint Victoire); cũng từ đó, ông khai phá được nhiều kiểu bố cục khác nhau, động tác và màu sắc khác nhau. Tất cả đã tạo nên vẻ hoành tráng và phong cách hiện thực điển hình. Với ông, điểm quan trọng nhất trong hội họa là tìm ra được vẻ tự nhiên trong Ấn tượng, mà trước đây chưa đạt được.

Paul Gauguin (1848-1903)

Gaugin là họa sĩ nghiệp dư, không qua một chương trình đào tạo có quy cách nào; do có những quan hệ với hoạ sĩ Pissarro, ông đã chịu ảnh hưởng của phái Ấn tượng một thời gian. Thời đó, ông có khả năng cảm nhận sắc bén về màu sắc, nhưng ông cho khuynh hướng nầy "kém trí tuệ" cho nên đã rời bỏ. Sau đó, ông chịu ảnh hưởng khuynh hướng Tượng trưng của Redon và Puvis de Chavannes và nhất là Van Gogh. Sau cùng, ông chịu tác động nhiều nhất khi đến vùng quần đảo Polynésie.


2 femmes tahitiennes - P.Gauguin

Gauguin là mẫu nghệ sĩ không ngừng tìm kiếm, bất mãn và sáng tạo không ngừng.. Với tâm trạng nầy, ông đã bỏ Paris, bỏ sau lưng tình bạn một thời với Van Gogh, tìm đến một hòn đảo gần như hoang vu tại Tahiti và bám sống ở đó cho đến khi qua đời (1895-1903). Thiên nhiên vốn là sự quyến rủ mãnh liệt, để có thể cảm nhận được những màu sắc tuyệt vời trong tranh vẽ của mình. Tuy từng chịu ảnh hưởng khuynh hướng Tượng trưng trong hội họa của Redon và Puvis de Chavannes, nhưng theo ông, chỉ có cuộc sống quay trở về thời nguyên sơ, tinh khiết, của những mẫu người thuần lương, mới đích thực là hướng đi sâu sắc hơn bất cứ một lập luận nào khác. Ở nơi nầy, Gauguin đã tiến hành công việc tập hợp bản sắc đích thực của chính mình. Quá trình đơn giản hoá về phong cách hội họa mới nầy, đã giúp cho ông tìm kiếm được ý nghĩa "siêu hình" và thể hiện một chân lý "siêu thời gian", như ông thường viết thư từ cho bạn bè. Trong những công trình sáng tạo nghệ thuật trong giai đoạn sau cùng của đời mình, Gauguin đã trở về với nền nghệ thuật "hoang dã", với những hình tượng "nguyên thủy" của cuộc sống ở vùng hoang địa nầy. Từ đó, ông đã suy tư nhiều về tính chất Trừu tượng, những đồng thời cũng đam mê chủ nghĩa Tự nhiên, theo đúng nghĩa của nó.

Van Gogh (1853- 1890): Sinh ra trong một gia đình Tin Lành ở Hà Lan, Van Gogh được hấp thụ một nền giáo dục kinh viện và hoài vọng là trở thành một mục sư đáng kính. Nhưng cuộc đời vốn đưa đẩy không ngừng, Van Gogh làm nhân viên thu xếp phòng tranh, rồi quay sang giảng dạy ngành ngôn ngữ, đi giảng đạo và cuối cùng mới chuyển sang hội họa (1885).

Cuộc đời Van Gogh chung quy chỉ là một chuỗi những đau thương, thất bại, mất trí vả ít ai biết đến, mãi cho đến sau khi ông qua đời. Lúc sinh thời, tranh của ông chỉ đáng giá "một đĩa khoai chiên", nhưng sau khi qua đời, giới chơi tranh tìm mua cho bằng được, với giá cao nhất trong lịch sử hội họa Tây Phương. Điều nghịch lý nầy giải thích bằng 2 nguyên nhân: *(1) nhân cách của hoạ sĩ và (2) tính chất hoàn toàn mới lạ trong tranh của ông*. Về nhân cách, trước sau ông vẫn hoàn toàn cô đơn, và chỉ được xem là con người "luôn luôn bị hất hủi". Nhưng tất cả đã thể hiện sâu sắc trong mọi đường nét của Van Gogh, một cách khác thường.


Van Gogh - Women of Arles

Trước sau, Van Gogh phải chịu nhiều thử thách: Nền giáo dục Thanh Giáo khắc khổ, những thất bại trong cuộc sống cá nhân cũng như thiếu thốn về tài chánh (nếu không được sự giúp đỡ của người anh ruột là Théo), nỗi cơ đơn thường trực, rối loạn tâm thần, tất cả đều là nguyên nhân tạo ra tính chất bi thảm trong tranh Van Gogh.

Cuộc sống của Van Gogh trong nghệ thuật trải qua nhiều thử thách, gặp gỡ và kết hợp. Gặp gỡ đầu tiên là ảnh hưởng của hội hoạ Ấn tượng (1886-1887) với hội hoạ Nhật Bản; gặp gỡ thứ nhì với những danh họa ở vùng Provence (1888) với cảnh trì tuyệt vời miền Nam nước Pháp; gặp gỡ thứ ba với Gauguin (1889), nhưng chỉ được hai tháng thì gây xung đột, do một cơn khủng hoảng tinh thần của Van Gogh, rồi cắt tai mình. Sau cùng, ông trở về với tính chất hoang dã (fauvism). Quan điểm hội họa của Van Gogh là: "Hội hoạ không phải dùng để miêu tả, mà để thể hiện". Nhưng thể hiện của Van Gogh thường xẩy ra sau khi trải qua những khủng hoảng tâm thần. Ông trở thành hiện thân của một cuộc đời bi đát.

KIÊM THÊM

Tranh vẽ 'Một Buổi Đi Về / Once Upon a Time'
của Võ Công Liêm.



biên luận

PHÊ BÌNH VỀ
PHÂN TÂM LÝ HỌC và NGHỆ THUẬT

VÕ CÔNG LIÊM

Today…modern art is beginning to lose its powers of negation. Negation is no longer creative. I am not saying that we are living the end of art: we are living the end of the idea of modern art". (Octavio Paz –Modern Poetry from Romanticism to the Avant-Garde)*

Phân tâm lý học đến gần với nghệ thuật trong mô thức tâm lý xã hội học (psychosociology) và tâm lý nhân sinh học (psychobiography); thăm dò một văn hóa rõ nét bằng một giảo nghiệm tương quan giữa cá thể và xã hội với một nổ lực tìm kiếm để vạch trần hiệu năng vô thức trong cùng một động lực qua hình dáng của những tác phẩm nghệ thuật và một tri giác phản ảnh đường nét do từ chất liệu và những tiểu xảo cấu thành. Tác phẩm nghệ thuật thường khi không nhận ra chủ động vật thể với một ẩn tàng che đậy ý nghĩa trong đó, nhưng lại phát sinh một số yếu tố chủ lực của cá thể cũng như trong cùng một chủ trương cơ bản là nói lên tâm lý con người. Ở đây chúng ta tìm hiểu thêm về lịch sử cá tính của mỗi nghệ sĩ hay nhiều nghệ sĩ khác nhau, qua mỗi thể thức thuộc về phân tâm học nghệ thuật và thẩm tra của phê bình –Psychoanalytical Criticism and Art để tìm hiểu cho một tương lai như điều mà chúng ta tiếp tục khám phá hướng đi mới cho những gì biểu lộ sáng tỏ của nghệ thuật –for the future as we continue to explore new directions for artistic expression. Ấy là điều chúng ta cần thăm dò và tìm hiểu về tâm lý và nghệ thuật.

Áp dụng ý tưởng phân tâm nghệ thuật là điều khó cho một cái gì mới mẻ, giống như chủ thuyết phân tâm học tự chính nó cũng là nan giải. Khởi từ Freud ông đã bắt đầu thẩm tra về hình ảnh nghệ thuật và những người nghệ sĩ với những gì ông học tập được ở Leonardo da Vinci, Freud đã tìm thấy được lời giải và những gì ông cảm nhận được; ở Vinci là một hợp chất của một tính dục kiềm chế để nảy sinh những đường nét sáng tạo. Thử xét lại tuổi thiếu thời của Leonardo da Vinci. Freud tin tưởng ngọn nguồn cửa Leonardo: dường như trong người ông đã có ít nhiều giới tính và có một cái gì đòi hỏi chân phúc qua nụ cười ở tiểu phẩm 'Mona Lisa' cái dáng trong đó [the figures in] mà Leonardo đã đưa vào trong tranh như một hoài niệm háo hức, thèm khát ở tuổi thanh niên

và đã đánh động ông qua đôi môi mỉm cười bất hủ đó.

Tư duy trong tác phẩm của Leonardo như Freud đã nói đến, đều trở nên mẫu thức cho những gì thuộc về phân tâm học mà ông đã ra công nghiên cứu về nghệ thuật. Những gì tìm thấy được đều đưa tới tranh luận và phản đối kịch liệt tới phương thức của ông. Lý do dễ hiểu của phản đối; đó là điều đã đụng tới một cái chung của nghệ thuật, bởi họ muốn độc quyền bất khả thi (attempting the impossible) của hội họa; đó là cái nhìn thông thường, mà phải hiểu cho khoa phân tâm học của Freud ở đây là một kết cấu thuộc phạm trù tâm lý, một thứ tâm lý chứa đựng: dục tính (erotic) hứng tình (aroused), bạo dâm (sadist) có từ nghệ thuật mà thường coi như lệch lạc giá trị thẩm mỹ của hội họa; đó là vật thể hội họa [the art object] đã tiềm ẩn, một dữ kiện thuộc đối tượng vô thức [unconscious object]. Freud thừa nhận đỉnh cao thẩm mỹ nghệ thuật là phẩm chất của tác phẩm làm nên và để đời như Leonardo và Michelangelo (có thể đây là lý do tại sao Freud đã tận tụy hiến dâng trong bước đường điều tra, nghiên cứu phân tâm lý). Dựa qua tinh thần này Leonardo đã có lần thốt :'Khi trau dồi nghệ thuật, phải học đúng kỹ thuật căn bản, học xong rồi từ từ quên cái căn bản đó đi mà đi vào sáng tạo' Ý ông muốn nói nếu cứng ngắc như thế thì chỉ còn là thợ vẽ, thợ bích chương, bìa bạt, phụ trang thì hóa ra là thợ, kể cả điêu khắc thời không còn chi là nghệ sĩ sáng tạo, nó trở nên thợ đúc khuôn cùng một mẫu thức. 'Mà phải là một bức họa tổng số của phá hoại' (Picasso). Freud cho đó là dạng đông cứng của trí tuệ không mở đường cho sáng tạo, mà có chăng là một sự gượng ép của nội thức làm cho tác phẩm loãng chất giữa trào lưu hiện đại. Sự cớ đó là cái nhìn thông thường qua màu sắc của hội họa. Nhưng; nghệ thuật còn là con đường giải thoát để thoát tục với trần thế, không thể ướp lạnh trong dạng thức đông lạnh, cứng đơ (freeze). 'Nghệ thuật là một sự hóa thân của sáng tạo'(P.Klee). Freud cho rằng thứ nghệ thuật đông cứng làm do tâm thức bó rọ, cuồng si, ngu xuẩn; cái đó gọi là 'cứt tâm lý / psychic shit'và cứt xã hội tâm lý / societal shit' mà phải lấy hội họa làm phương tiện thoát ly cuộc đời, chính là thoát ly thế giới quy ước, phiến diện, bó rọ... Giữa van Gogh và da Vinci đều có cái nhìn như nhau là Không-Hóa và Vô-Dư toàn diện trong như-nhiên như một tận triển của sáng tạo. Phương pháp phân tâm học của Freud là vô tư trước hình thức và giá trị thẩm mỹ mà tuồng như đây là một sự cớ cố hữu không thể chuẩn bị để cung cấp cơ bản như đã một lần, để phán quyết về giá trị làm nên. Chính bản thân Freud đã thực hiện điều đó, ấy là phương thức của ông vừa có lợi cho nghệ thuật và người nghệ sĩ được giới thiệu ra đây là bước đầu từ những gì xây dựng, thiết lập của nghệ thuật và quan tâm đến việc nhận định phê bình. Freud cung cấp mẫu thức ở đây như một bệnh chứng cảm tính (pathographic) dành cho việc phê bình nghệ thuật. Dữ kiện đó được nhìn xuống để đưa tới bệnh tâm thần trước khi tìm thấy trở lại với nghệ thuật; điều đó có thể là dự phóng như một thúc đẩy có lợi cho việc phê nhận. Trong biên luận của Freud; những tác phẩm nghệ thuật thường phân chia ra nhiều thể thức, phát sinh từ tâm bịnh thuộc triệu chứng cảm tính (a product of neurotic pathological) bằng một nội lực trong một trí tuệ vô thức của người nghệ sĩ hơn là chú tâm của những nghệ sĩ bình thường –thông qua một cách bén nhạy của căn bệnh cảm tính 'pathographic'. Người nghệ sĩ phải giảm thiểu cách thức về cái lực thông thường mà phải vượt ra cõi ngoài kia bằng một tri giác nhận thức hoặc kiểm soát được vị trí của nó để làm nên tác phẩm của họ –the artist is reduced in this way to a kind of tool of forces beyond his or her knowledge or control.

Hiện tượng trở chứng bệnh lý phát sinh từ tuổi trẻ; nhất là những đô thị lớn, điển hình ở New York phát khởi lối vẽ nguệch ngoạc (graffiti art) thường tìm thấy sơn quẹt trên ga điện hầm làm rõ nét chất liệu cho khoa phân tâm học trong một biến đổi tâm linh bởi vì đó là một liên can phức tạp, hỗn loạn của nghệ thuật giữa người nghệ sĩ và xã hội. Đây là một liên can không những giống tâm-lý-dục-tính-xã-hội 'psycho-sexual-social'mà là hỗn loạn của tâm thức bởi một động lực sống dậy ở tuổi thành niên. Một gào thét để thoát tục như trường hợp của Jean Mitchel Basquiat là động lực thúc đẩy bởi một tâm lý bất an, một xã hội khai trừ và coi như một thứ bất cần đời, sa đọa. Basqiuat hòa nhập tâm linh và xã hội để dựng lên bi thảm hội họa đó là chứng cớ bất thường (ảnh hưởng một phần trong huyết thống của Basquiat). Hình ảnh này rõ nét kể cả trường hợp Vincent van Gogh, chối bỏ cuộc đời đang sống và tìm cách gây thương tích để chết, một tự sát bởi xã hội 'a suicide by society' (chữ của Antonin Artaud) để rồi van Gogh kê súng bắn vào người, bi thảm của người nghệ sĩ khi đứng trước tuyệt vọng nghệ thuật. Cùng một 'bản thể /cliché' đó Jackson Pollock ngập trong rượu để tìm thấy cái chết thỏa mãn cho nghệ thuật. Tuyệt vọng tâm lý là bệnh chứng cảm tính đưa tới tự tử của Mark Rothko trong cùng một thế hệ của họ; bệnh chứng

cảm tính đến cả Andy Warhol, Roy Lichtenstein. Claes Oldenburg. Robert Rauschenberg... là một trong những chứng tỏ cụ thể; mà trước đó ta bắt gặp ở Frida Kahlo, ở Amedeo Modigliani và ở cả Pablo Picasso đều rơi vào một trạng huống bức xúc của tâm sinh lý, hòa nhập giữa trí năng và vật thể để vượt xa hơn với nghệ thuật mà họ muốn tìm thấy trong cái gọi là siêu tưởng (transcendental), một kêu gào mãnh liệt qua đường nét, chất liệu và thể chất cấu thành. Nghệ thuật nguệch ngoạc (graffiti art); theo Ellen Handler Spitz tin rằng sự bộc phát của đường nét nguệch ngoạc là xác thực của biểu lộ một sáng tạo vượt bực đến từ 'chuyển hóa và một hoàn cảnh vượt thoát / transform and transcend environment'.Rồi từ đó kết tội là phá hoại, dâm đảng, thô tục; đó là thói tính của căn bệnh xã hội sinh ra. Bởi; những gì phát sinh vốn đã có trong tuổi trẻ, bằng một thứ liều lẫn, một thứ bung phá không nguyên nhân như muốn chứng tỏ. Spitz cho rằng vẽ nguệch ngoạc là tiến trình tâm lý; đó là sự phát tiết được ghi nhận qua tiến trình phân tâm sinh lý mà ra. Động não không phải hoàn cảnh mà bởi tâm thức bùng dậy, màu sắc là tiếng động, đường nét là ngôn từ. Đứng trước một tác phẩm nghệ thuật, kể cả nghệ thuật nguệch ngoạc không còn NGẮM nhìn mà để NGHE từ tâm trí một biến động bất ngờ bằng một đối tượng mê hoặc –an a object of fascination không còn thấy đơn giản, tự nhiên mà là một cách mạng sáng tạo –creative revolution. Ngay cả nhà thơ Allen Ginsberg đã hóa thân trong cái gọi là 'a suicide by society' thời đối với nghệ nhân là thường tình như một khám phá của sáng tạo; dù không thấy ở 'outsider' nhưng trong họ [inner] đã xẩy ra một phản kháng tự tại. Người nghệ sĩ ở đây (graffiti artists) mỗi khi thực hiện là họ đã nắm bắt sự việc và đặc tên gọi cho họa phẩm của mình như một đối tượng chủ thể [as a subject] và họ để lại đó một sự khước từ tên tuổi của mình dưới tác phẩm; một tác động chủ quan, một phủ nhận vô trách nhiệm của hành động, một cái gì riêng tư của họa nhân nguệch ngoạc, thông thường xử dụng bí danh thay vì tên thường gọi; đó là thói quen của trường phái này. Giữa xã hội họ là kẻ vô danh và không một ai biết đến tên tuổi của họ. Điều này thường thấy ở những thành phố lớn khắp nơi trên thế giới, nơi chứa chấp những tệ nạn xã hội, có lẽ; đây là lý do đưa tới từ xã hội, có lẽ; do từ một động lực đột biến của tuổi trẻ: một phản kháng nội tại bằng gào thét. Cũng có thể: 'họ tự tạo cho chính họ như thánh linh, dám thách đố và làm nên vũ trụ, họ vừa đùa vừa phá hoại; vô tình như bỏ lại cái mới trong cái cũ của những gì sinh ra từ rối loạn tâm can'(Spitz). Freud nhìn thứ nghệ thuật đường phố thuộc dạng thức phân tâm sinh lý, một trạng thái rối bời cần giải thoát, giải thoát để ra khỏi ngu xuẩn vô cớ, một phần trong đó gây ra từ căn bệnh cảm tính. Cho dù có ngăn ngừa nhưng sự kiện vẫn còn tiếp diễn; đây là một chứng cớ rõ nét mà gần như được thừa nhận, bởi; lý do nói lên vai trò hiểu biết, cảm nhận được trong con người nghệ sĩ, một tương quan đặc biệt giữa nghệ thuật và người nghệ sĩ –by reason of its empathic character, has a special relationship to art and artists. Thêm vào đây như một khâm phục, cảm thức và hờn ghen là ba yếu tố trong con người nghệ sĩ, nhất là nghệ sĩ đường phố (graffiti) một đòi hỏi năng động. Thật thế; vì đó là lòng căm phẫn để làm cho người nghệ sĩ trở nên hờn ghen [artist envy] là một hóa giải, một cảm nhận bình thường trong vô thức phân tâm lý, cảm nhận tuyệt đỉnh và to lớn vô cùng của người nghệ sĩ, khoa phân tâm học thấy được những gì nơi họ như thường gặp sự dẫn giải của nghệ thuật được gắn liền bằng một nhận thức khoa học của tâm lý và thấy ở chính họ như nhà khoa học đúng nghĩa của người nghệ sĩ . Bởi; họ tin khoa học là lãnh vực cho một khám phá về sự thật; tuy nhiên thấy ở họ như một nghệ sĩ tuyệt đỉnh –like scientists; they believe science the field of true discovery and; therefore sêe themselves as superior to artists.

Nói cho ngay phạm tội không thể thiếu mà là điều tối cần của khoa phân tâm học. Freud đã nói phân tâm học là hình ảnh thường xẩy ra cho những căn bệnh tâm thần cũng như chứng cảm tính (của thi, văn, họa), bởi vì sự ngấm ngầm và tính chất khoa học là những gì người nghệ sĩ đạt tới trong trạng huống vượt thoát; đó là lý do cố định, một phân tâm tự nhiên và nghệ thuật. Theo thuyết phân tâm học của Freud là trong đó có cái chất hơn thua của người nghệ sĩ 'is envious of the artist' bởi; hơn thua, ghen tị mà theo phân tâm cho đây là một nổ lực làm người nghệ sĩ hư đốn tội lỗi và tàn nhẫn trong hành động; phân tích ra thì đây là một lỗi lầm chung được xem như một thứ phi luân lý. Sự hơn thua thường đưa tới chủ nghĩa hoài nghi trong nghệ thuật và được coi như là một nổ lực tận cùng; tuy nhiên năng lực nghệ thuật được mô tả hiện hữu của con người, một mô tả chứng minh giữa con người và xã hội. Tác dụng của khoa phân tâm học và nghệ thuật là một điều kiện hết sức đặc biệt bởi mẫu thức thuộc về khoa phân tâm học phê bình nghệ thuật được thiết lập bởi Freud khởi từ những học tập về Leonardo và Michelangelo là hoàn toàn không

có tính chất tranh biện của khiá cạnh khác. Đối với người nghệ sĩ; theo Spitz :'Thì đây là lý thuyết thuộc về phê bình chiếm cứ vật thể' / 'As critical theory to dismantle the object'. Thế giới sống là là xây dựng một dự án mong đợi trong cùng một nghĩa phân tâm lý chính xác; giống như chính xác cho một nghệ thuật tiên phong hàng đầu là tiền đề cho mọi thứ không thỏa mãn ngay cả việc bất tín trong đó, một thứ ảo giác tâm sinh lý nhưng ở đây tạo được một ý thức cho sự thật và được thay vào đó một thứ ảo giác khác; đó cũng là những gì của người nghệ sĩ có được. Giữa hai cái nhìn chủ thể vấn đề và vật thể nghệ thuật với một tương đương lợi ích; phương thức của phân tâm là hình thức nhạy cảm và sắc diện kiểu cách của tác phẩm cả hai bề mặt nêu trên có thể bày tỏ phương thức thuộc về khoa phân tâm học đã lắng chìm sâu xa trong tư duy người nghệ sĩ. Thể thức, kiểu cách và vấn đề chủ thể là nằm trong tác phẩm nghệ thuật, một tiếp dẫn đặc biệt để đưa tới thánh hóa chủ thể vấn đề hoặc phân tích được tính chất thánh hóa một cách riêng tư của người nghệ sĩ (private iconography of the artist).

Luận thuyết này được xếp đặc trong vấn đề lý sự của những gì có lợi trong phân tâm của hai bề mặt nghệ thuật và nghệ sĩ; khám phá toàn diện qua tâm lý nghệ sĩ và làm thế nào hình ảnh đó thể hiện chính xác cho một tư duy chung về một nghệ sĩ bình thường và một nghệ sĩ mang chứng tâm bệnh cuồng điên.

Người nghệ sĩ bình thường sáng tạo bằng một ý thức chủ quan để đưa tới mục đích có lợi cho sản phẩm, bên cạnh đó nói lên cái ngã chính mình. Che đậy một thực thể giả tạo bên trong; lòng háo hức đó làm cho nghệ thuật suy tàn và mất luôn phẩm chất của sáng tạo. Người nghệ sĩ tâm thần với một tri giác phóng ngoại; không làm cho mình, cũng không làm cho người, đòi hỏi của bệnh tâm thần là dạng vô thức tạo ra sáng tạo độc đáo, một vượt thoát để tìm đến đỉnh cao. Thật vậy; lãng mạn hóa là quan niệm của người nghệ sĩ trong khi nuôi dưỡng bằng một nhầm lẫn thiếu nhận thức và thổi phồng sự việc cho lớn lao và gây thêm chú ý cái bản thể tự tại và ồn ào giữa nơi công cọng. Lý luận của Freud, phân tích sự hiện hữu của khoa phân tâm học là động lực thúc đẩy 'vis-à-vis' nghĩa là mặt đối mặt, đối kháng với một cái gì liên can tới nghệ thuật, là để tìm thấy cái thực trạng trong một hiện hữu của phân tâm lý dành cho nghệ thuật.

Trở lại; nghệ thuật nguệch ngoạc (graffiti art) bây giờ là hình dung từ cho mọi thứ thời trang ở đô thị, đặc biệt dân thành phố họ lại yêu chuộng thứ nguệch ngoạc đó. Nghĩa lý ấy đã xâm nhập vào văn chương đương đại một cách thích đáng, một chuẩn mực cố định, biến đổi từ động từ sang danh từ / verb has become noun.Thứ nghệ thuật đó gần giống như một phân tâm học hiện đại, nó phơi bày những thứ mà chúng ta không muốn thấy bằng một tâm sinh lý bệnh hoạn; dù đã nhiều lần chất vấn nhưng sự bung phá đó nằm trong ý thức của sự bùng dậy, khơi từ trí năng của sáng tạo, nhất là những nghệ sỉ mang chứng tâm bịnh và cảm tính. Freud cho đó là động cơ thúc đẩy qua một trí năng hỗn loạn để đi tìm một lối thoát cho chính bản thân họ. Phê bình nghệ thuật qua phương thức phân tâm chỉ là vai trò định hình giữa thực và ảo, hai trạng huống hoàn toàn khác nhau. Ánh sáng đó không những soi đường mà là sự hiểm nghèo liên đới đến phương thức khoa phân tâm học. Nhưng; ở đây là một nhận thức tạm bợ dành cho việc phê bình nghệ thuật trong phân tâm học mà một đôi khi chúng ta bắt gặp trong đời thường ./.

(ca.ab.yyc. 17/9/2014)

*** 'Ngày nay ... nghệ thuật hiện đại bắt đầu biến mất để phủ nhận năng lực của nó. Phủ nhận là vì không còn sáng tạo. Tôi chẳng biết nói gì hơn đó là những gì chúng ta đang sống chặn cuối của nghệ thuật: chúng ta đang sống cuối đời của một tư duy nghệ thuật hiện đại'**
(Octavio Paz 1914-1998) : Nhà thơ, Nhà văn, Kịch tác gia. Người Mễ Tây Cơ. Văn chương Nobel 1990.

VÕ CÔNG LIÊM



LINH HỒN MÙA HẠ

(VÀO HÈ)

HUYỄN VIÊM

Ai xui con cuốc gọi vào hè ?
Cái nóng nung người, nóng nóng ghê !

Cứ mỗi lần hè sang, ở thành phố tuy không có tiếng cuốc kêu, nhưng "*cái nóng nung người, nóng nóng ghê!*" đã nhắc ta nhớ đến hai câu thơ trên đây của cụ Tam nguyên Yên Đổ. Nếu hằng năm, bốn mùa cứ tuần tự vận hành theo đúng lịch ta thì đến đầu tháng tư âm lịch mới bắt đầu mùa hè, nhưng trong thực tế, ta đã thấy "cái nóng nung người" thường đến sớm hơn cả tháng, tức là từ đầu tháng ba âm lịch, bấy giờ hãy còn là tháng cuối xuân mà nhà nho quen gọi là tháng quí xuân.

Trong thơ xưa, những hình ảnh và âm thanh có tính cách ước lệ để báo hiệu mùa hè đến là tiếng kêu của con chim quyên (hay đỗ quyên, đỗ vũ) tức là con chim cuốc và màu đỏ như lửa của hoa lựu nên Nguyễn Du đã viết trong Truyện Kiều :

Dưới trăng quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.

Và nữ sĩ Anh Thơ, với một nghệ thuật tả cảnh độc đáo, cũng không quên hoa lựu khi viết về mùa hè :

Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng,
Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.
(Trưa hè)

Thế là những ngày nóng bức kinh khủng bắt đầu và kéo dài tưởng chừng như vô tận. Mà đâu phải chỉ có Sài Gòn mới nóng, Huế nóng cũng có kém chi :

Lửa hạ bừng bừng cháy,
Làn ma trốt trốt bay.
Tiếng ve rè rè mãi
Đánh đổ giấc ngủ ngày.

và cái cảnh:

Huê phượng như giọt huyết
Rỏ xuống phủ lề đường.
Mặt trời gay gay đỏ
Nhuộm đỏ góc sông Hương.

(Nam Trân – Huế, ngày hè)

Trời nóng, nóng quá, nóng gay gắt đến nỗi:

Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm

Vì thế mà:

Cành thưa, nắng tưới, chim không đứng,
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.

(Bàng Bá Lân – Trưa hè)

Nắng đốt cháy cỏ cây, cảnh vật. Buổi trưa nắng gắt, người ta rất ngại ra đường, cho nên trong cảnh vắng vẻ ấy hiện lên rất rõ nét một cái am xưa hay đôi chiếc bia già:

Mùa hạ cháy ở dưới trời đốt trắng,
Nắng nồng nung, mây bạc chảy ngân nga.
Cảnh thưa thớt, chỉ một con đường vắng,
Cái am xưa hay đôi chiếc bia già.

(Xuân Diệu – Hè)

Trong cái nóng bức và yên ả của buổi trưa mùa hạ, ai không ngủ được có thể nghe rõ tiếng ve kêu và tiếng gà gáy trưa trong thôn vắng, một cảnh quê Việt Nam thân yêu muôn đời còn khắc ghi trong tâm hồn những người xa xứ:

Ve ve rung cánh, ruồi say nắng,
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.

(Bàng Bá Lân – Trưa hè)

Tiếng gà gáy sáng thì sống động, reo vui, còn tiếng gà gáy trưa lại buồn rầu, áo não, nghe như máu ứa trong tim:

Tiếng gà gáy buồn nghe như máu ứa,
Chết không gian, khô héo cả hồn cao.
Thắm tuyệt vọng hai hàng bông phượng lửa,
Thê lương đời như trải mấy binh đao.

(Xuân Diệu – Hè)

Hễ hè về là phượng cũng về theo. Hoa phượng – có khác chi hoa lựu – đỏ như màu lửa khiến

cho nhà thơ vốn giàu tưởng tượng nghĩ rằng bao nhiêu lửa của mặt trời đã kết tụ lại để biến thành hoa phượng đỏ:

Đốt cháy bao la sánh mặt trời,
Linh hồn mùa hạ hiện thân ơi !
Đời người kết tụ bao nhiêu nắng?
Trưa chói chang cao, lửa rạng ngời.

(Tế Hanh – Phượng)

Trưa hè nóng bức khiến cho người thơ nhớ đến dòng sông quê hương mát mẻ, từ dòng sông liên tưởng đến ruộng đồng, thóc lúa và tự hỏi không biết người nông dân có phơi thóc dưới cái nắng gay gắt này không:

Trưa hè bỗng nhớ sông quê,
Nước xa không bóng thuyền đi đôi dòng.
Thóc nhà ai có phơi không?
Chói chang lửa thóc, sân trông bóng người.

(Quang Dũng – Trưa hè)

Nhưng Huy Cận lại nhìn trưa hè dưới một khía cạnh khác. Giữa cái nắng gay gắt oi nồng ban trưa, nhà thơ cảm thấy hoa dại thơm hơn và cánh bướm đẹp hơn:

Hoa dại thơm hơn,
Giữa giờ trưa vắng.
Con bướm chập chờn
Vờn đôi cánh nắng.

(Buổi trưa hè)

Theo tôi tới đây chắc bạn đã thấy toát mồ hôi rồi, phải không? Trời nóng, nóng quá bạn nhỉ! Thế thì ta cầu mưa vậy. Tiếc rằng ta không có tài đảo vũ như Khổng Minh ngày xưa, chỉ biết "*lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày…*", nhưng ông trời có chịu mưa đâu:

Tháng ba thiên hạ đợi mưa rào,
Đợi mãi mà mưa chẳng thấy nào.
Kinh tế khó khăn, trời tiếc nước,
Văn minh hào nhoáng, ếch trông sao…

(Tản Đà – Tháng ba không mưa)

Nhà thơ miền núi Tản sông Đà khá hóm hỉnh, những cụm từ "*trời tiếc nước, ếch trông sao*" rất đắt. Nóng quá, cầu mưa không xong, ta chỉ còn biết mong sao cho ngày chóng qua, cho đêm chóng về vì may mắn thay, ban đêm không có… nắng. Dĩ nhiên là đêm chưa mát hẳn nhưng dù sao cũng đỡ hơn ngày, nếu đêm hè mà có trăng nữa thì tuyệt:

Ông lão nằm chơi ở giữa sân,
Tàu cau lấp loáng ánh trăng ngân.
Thằng cu đứng vịn bên thành chõng
Ngắm bóng con mèo quyện dưới chân.

(Đoàn Văn Cừ - Trăng hè)

Ngày hè nóng bức khiến ta tiếc xuân rồi lại mong thu. Tiếc xuân thì dã có con cuốc tiếc hộ người:

Xuân đã qua rồi cứ gọi theo.

(Tản Đà)

Còn Xuân Diệu thì cảm thấy tiếc rẻ vì xuân qua chỉ còn lưu lại một chút dư hương:

Chỉ còn lại của mùa xuân quá vãng
Một chút hương vương vấn bụi hồng tàn.

(Hè)

Nhưng dù có tiếc xuân cũng không thể nào kéo xuân lại được. Mong thu thì thu sẽ tới với bao nhiêu hình ảnh êm đềm vẽ nên một bức họa lung linh qua màn sương ảo vọng:

Đây mùa thu tới – mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

(Xuân Diệu - Đây mùa thu tới)

Và cái cảnh nên thơ dệt nên nhiều mộng đẹp:

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.

Tản Đà (Gió thu)

Nhưng đó chỉ là sự mơ ước. Trong hiện tại, bạn và tôi, ta còn phải chịu đựng cái cảnh nắng hè gay gắt thêm một thời gian nữa:

Gió thêm nóng, ngày dài thêm ánh sáng,
Ve thêm sầu – Em cũng kém dung nhan.

(Xuân Diệu – Hè)

HUYỀN VIÊM





NHÌN LẠI MỘT NỀN VĂN HỌC

LÊ HOÀI NGUYÊN

Hôm nay đã sắp 40 năm ngày chấm dứt của nền văn học ấy. Từ thập niên 80, 90 giới nghiên cứu phê bình quen gọi là nền Văn học thực dân mới hoặc Văn học đô thị miền Nam 1954-1975. Những nhà văn đã sinh ra nền văn học đó thì gọi nó là Văn Học Sài Gòn hoặc Văn học Cộng hòa miền Nam.

Từ sau 1975 còn có một nền văn học nối dài do nhiều chủ nhân của nó định cư ở nước ngoài làm lại đã phát triển 40 năm nay với tên gọi lúc đầu là Văn học lưu vong, sau là Văn học hải ngoại hay như từ năm 1993 tôi đã gọi một cách ấm cúng trong bối cảnh đương thời là nền Văn học Người Việt ngoài nước*.

Hôm nay nhiều người Việt đã không còn nhìn nhận sự kiện 30-4-1975 như là một sự kiện thuần túy sắt máu, cũng như không còn nhìn nhận toàn bộ nền văn minh vật chất và tinh thần của xã hội miền Nam chỉ là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ để lại.

Cũng trong hoàn cảnh nhiều người trong giới viết văn, nghiên cứu phê bình trong nước đã nhìn nhận hai nền văn học ở trên là một tiến trình phát triển, một bộ phận hiển nhiên không thể bỏ đi của nền Văn học hiện đại Việt Nam.

Từ lâu tôi đã đã nghĩ đến có một ngày như thế khi tôi còn trẻ chứng kiến các khối văn hóa phẩm khổng lồ chuẩn bị được đem đi tiêu hủy. Trong số các ấn phẩm tôi còn kịp nhận ra tên của ngững kiệt tác gia của nhân loại mà ở Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội tôi chưa được đọc.

Thời gian và tình thế dân tộc, đất nước đã đủ để mỗi người Việt Nam hôm nay nhìn rõ cái lẽ phải trái một thời, có những đại cuộc viển vông, có những niềm tin ấu trĩ, những xung đột huynh đệ thảm khốc, những ý tưởng manh nha ngược chiều đương thời nay trở thành chân lý...Tôi thấy mình đang phải thoát ra khỏi các tín điều để tìm ra một cách lý giải mới về lịch sử, văn hóa đất nước qua các biến thiên thời cuộc cho đến hôm nay.

Trở lại khởi điểm các nhà mác xít Việt Nam đã nói về cái nền văn hóa ở miền Nam 1954-1975. Họ đã quả quyết rằng cái nền văn hóa ấy hoàn toàn chỉ là sản phẩm của người Mỹ mang đến, hoàn toàn do các chính sách nô dịch của người Mỹ và chính quyền tay sai Mỹ nặn ra. Họ đã bỏ qua tính độc lập của văn hóa, bỏ qua các thành tố thuần túy văn hóa của một nửa dân tộc tự xây dựng nên để tồn tại trong sự đối lập với chính quyền , trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt...

Họ quên rằng trong hàng chục thế kỷ đã qua, dân tộc Việt Nam đã có nhiều thời kỳ sống dưới ách đô hộ nước ngoài nhưng không một ngoại bang nào, không một chính thể nào có thể thay thế được nền văn hóa Việt bằng nền văn hóa của họ. Hai là không thể lẫn lộn cái gọi là sự xâm lược văn hóa với sự lan tỏa ảnh hưởng của những nền văn minh trong văn hóa của những dân tộc phát triển theo sau các đạo quân đế quốc như của Trung Hoa, Pháp và Mỹ đối với nước ta. Chính thể nào, quốc gia, cộng hòa hay cộng sản cũng đều có bộ máy văn hóa để tuyên truyền

cho nó, cố gắng áp đặt ý chí của nó nhằm tạo ra một bộ mặt văn hóa minh họa cho bản chất của nó nhưng xét đến cùng các chính thể không thể lãnh đạo được toàn bộ nền văn hóa của một dân tộc. Ngoài yếu tố bản thể tự nhiên, các nền văn hóa tư sản hay cộng sản bao giờ cũng có yếu tố dân tộc, hiện thực, nhân đạo, yếu tố mới, yếu tố đẹp, yếu tố phản kháng, yếu tố chống chiến tranh, bạo lực... Vậy thì nền văn hóa của cả nửa dân tộc Việt xây dựng ở miền Nam trong 20 năm 1954-1975 không chỉ có mỗi hình thái nô dịch đồi trụy. Hiển nhiên nó vẫn chảy theo lộ trình của văn hóa dân tộc Việt có từ ngàn năm. Chỉ tiếc rằng thế giới quan vụ lợi về chính trị đã làm cho giới nghiên cứu bấy lâu nay gạt bỏ hết phần giá trị của nó.

Vậy thì cần phải nhìn văn hóa, văn học miền Nam 1954-1975 với cách nhìn của hôm nay trong tiến trình lịch sử dân tộc, với các giá trị của tiến bộ xã hội, của con người, với xu thế phát triển của thế giới hiện tại. Phê phán những người vì mục đích tiền bạc hoặc hư vinh mà phục vụ cho guồng máy tuyên truyền của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa nhưng cũng cần phân biệt những người còn ý thức về sự tồn vong của dân tộc, đất nước, về sự đau khổ của đồng loại, những người sáng tạo vì vẻ đẹp của dân tộc. Thậm chí trong bối cảnh chiến tranh lúc đó, thái độ lưỡng lự, hoang mang, u sầu thôi cũng góp phần không hun nóng thêm những cái đầu khát vọng chiến tranh. Hoặc một tác phẩm phản ánh khách quan sự thật băng hoại của xã hội miền Nam cũng có ý nghĩa thức tỉnh tích cực lương tri của cộng đồng. Hoặc những cố gắng cách tân nghệ thuật đưa ngôn ngữ Việt tiếp cận các phương thức biểu hiện hiện đại, các tư tưởng của triết học thế giới đương thời cũng là đáng quý...

Đó là lý do tại sao những phần giá trị của văn hóa, văn học miền Nam 1954-1975 vẫn sống âm ỉ trong lòng nhiều người miền Nam, cả người miền Bắc, và cả thế hệ trẻ hôm nay.

Sức sống ấy bất chấp những nỗ lực của những người thắng cuộc sau 30-4-1975 đã huy động một bộ máy tuyên truyền, một hệ thống truy quét khổng lồ để tiêu diệt nó.

Như vậy không thể đơn giản quy chiếu toàn bộ nền Văn học miền Nam 1954-1975 dưới góc độ phản động- đồi trụy mà phải nhìn nó như nó vốn tồn tại như một lẽ tự nhiên với đầy đủ các thang bậc giá trị. Cùng với khuynh hướng phục vụ chính thể chế độ Việt Nam cộng hòa, nền văn học ấy còn có các khuynh hướng khác như :

Khuynh hướng hiện thực
Khuynh hướng phản kháng lại chính quyền
Khuynh hướng chống chiến tranh
Khuynh hướng nhân đạo
Khuynh hướng tình tự quê hương đất nước
Khuynh hướng cách tân nghệ thuật
...

Các khuynh hướng có thể tồn tại trong một nhóm tác giả hoặc đan xen phức tạp trong mỗi tác giả. Vì thế sự đánh giá mỗi tác phẩm, tác giả của nền Văn học miền Nam 1954-1975 cũng không hề đơn giản.

Với trang Văn học miền Nam 1954-1975 chúng tôi chỉ có tham vọng ghi nhận một cách nhìn mới về nền văn học này và cố gắng sưu tầm các kết quả nghiên cứu đánh giá về nó và tập hợp một tủ sách đại diện cho các khuynh hướng của nó hầu giúp cho đồng nghiệp và bạn đọc tiếp cận được một cách trung thực đời sống văn học một nửa đất nước trong hai mươi năm chia cắt.

Tháng 7-2014

• Chú thich : ***Bài Một cách nhìn mười tám năm Văn học Việt ngoài nước. Tạp chí Quê Hương – Ban Việt kiều Trung ương, số 8-1993, số đặc biệt về Văn học hải ngoại.***

LÊ HOÀI NGUYÊN

- nguyệt san việt văn mới số 15 & 16 – ngày 15 tháng 10 năm 2014 .



ĐỌC TRUYỆN "PHẠM NHAN"

VÀ SUY NGẪM

TRONG TÌNH HÌNH BIỂN ĐẢO HIỆN NAY

VƯƠNG THỦY

Truyện kí PHẠM NHAN là một trong 50 thiên truyện và kí của Trần Trợ, in trong tập kí sự nổi tiếng từ thời Lê là TỤC BIÊN CÔNG DƯ TIỆP KÍ - Ghi nhanh tiếp theo tập ***Công dư tiệp kí*** của Vũ Phương Đề, người làng Mộ Trạch huyện Đường An, nay là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Trần Trợ, tên khai sinh là Trần Quý, lịch sử văn học Việt Nam ghi tên ông là Trần Quí Nha. Người đưa tên Trần Trợ thay cho Trần Quý Nha là PGS - TS Nguyễn Đăng Na, một chuyên gia hàng đầu về văn học Trung đại Việt Nam, khi ông cùng Nguyễn Thanh Chung dịch lại, có phân tích đối chiếu văn bản, tính khoa học cao hơn các bản dịch cũ, và cho xuất bản tại Nhà xuất bản Văn học, năm 2008.

Trần Trợ người làng Điền Trì, nay là làng Trực Trì, xã Quốc Tuấn huyện Nam Sách (Hải Dương). Ông sinh tháng 10 năm Ất Sửu (1745), không rõ mất năm nào. Ở thời Lê, ông làm quan đến chức Viên ngoại lang bộ Lại, Trợ giáo Thái tử, như ta hiểu bây giờ là tương đương Vụ trưởng bộ Tổ chức cán bộ, Phụ giảng con vua học, để nối nghiệp cha. Chữ "Trợ" từ đó mà ra và con cháu dòng họ Trần Điền Trì vì thế đều gọi ông là cụ Trợ, thay cho tên. Đây là tục kị húy của dòng họ. Cha ông là Hầu tước Trần Tiến, Phó đô Ngự sử, Triều liệt đại phu, truy phong Lễ bộ thượng thư, trong họ chỉ gọi là cụ Phó. Ông của ông là Công tước (Quận Công) Trần Cảnh, Tham tụng (tể tướng) - Lễ bộ thượng thư, Triều liệt đại phu, Thượng trụ quốc, trong họ chỉ gọi là cụ Quận. Cụ ông là Hầu tước Trần Thọ, Tham tụng, Hình bộ thượng thư, do xử sai một vụ án mà hạ chức làm Tả thị lang (thứ trưởng thứ nhất) bộ Hộ, Triều liệt đại phu, Trụ quốc, trong họ chỉ gọi là cụ Tả Lễ. Tôi ghi những điều này để bạn đọc hiểu được gia thế của ông và dễ đồng cảm khi gặp trong sách xưa những chức danh như thế.

Tục biên Công dư tiệp kí là tác phẩm duy nhất còn lại của Trần Trợ, viết sau ***Công dư tiệp kí*** của Vũ Phương Đề (1755). Không rõ Trần Trợ khởi thảo từ năm nào, nhưng hoàn thành ***Tục biên*** và được truyền bá khá rộng rãi trước năm 1786, vì năm 1786, ***Tục biên Công dư tiệp kí*** , theo PGS- TS Nguyễn Đăng Na, đã được nhiều danh sĩ đương thời nói đến.

Tên truyện Phạm Nhan là tên nhân vật. Dân gian ai cũng thuộc tên hắn, cũng biết tên quê hắn, có lẽ là từ truyện kí của Trần Trợ. Quê hắn là làng An Bài, nay là xã Hưng Đạo huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh (trước năm 1962, thuộc tỉnh Hải Dương). Hắn rất nổi tiếng là tàn ác, lại càng nổi tiếng hơn khi được chính Hưng Đạo vương chém đầu. Được Hưng Đạo vương chém đầu, cũng là một vinh dự lớn cho cuộc đời phản bội của hắn.

Trong truyện kí ***Phạm Nhan***, Trần Trợ cho biết tên hắn là Bá Linh, họ Nguyễn. Phạm Nhan là tên chữ khi hắn đi thi và ra làm quan. Sau này, anh hùng dân tộc Nguyễn Thiện Thuật, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, khi đến thăm đền Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn tại Kiếp Bạc, Hải Dương, đã làm thơ động viên nhân dân đánh giặc Pháp. Cụ Tán Thuật viết về giặc Pháp: "*Độc ác còn hơn cả Bá Linh*", tức là hơn tên này. Cha Nguyễn Bá Linh là người Quảng Đông, Trung Quốc, sang buôn bán ở chợ Đông Hồ (chợ Cột - Đông Triều sau này) đã lấy vợ ở làng An Bài rồi sinh ra hắn tại đây. Lớn lên hắn về quê cha học thêm rồi đi thi, đỗ tiến sĩ. Vốn có tài làm thuốc, hắn được tuyển vào cung, rồi thông dâm với một cung nữ được vua Nguyên sủng ái, bị khép án chém đầu. Đúng lúc đó, vua Nguyên khởi binh đánh Đại Việt lần thứ 3, năm 1287, hắn xin cho lấy công chuộc tội, vì hắn rất thông thuộc "sào huyệt" của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp (Kiếp Bạc, Chí Linh, Hải Dương). Vua Nguyên ưng, phong hắn làm tướng tiên phong, cùng Nguyên soái - Bình chương sự Ô Mã Nhi, theo Tiết chế Trấn Nam vương Thoát Hoan, con vua Nguyên, dẫn quân theo đường Lạng Sơn đánh thẳng vào Vạn Kiếp. Đây là đạo quân mạnh nhất của giặc. Anh của Hưng Đạo vương là Trần Tung và các con là Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Hiện, Trần Quốc Tảng, Trần Quốc Uất, theo sự Tiết chế của Trần Quốc Tuấn đánh giặc ở phòng tuyến này, nay là vùng đất Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang và Lạng Sơn. Còn con rể nuôi là Phạm Ngũ Lão đóng quân đón đánh giặc Nguyên ở phía Nam ải Chi Lăng.

Trong trận đối đầu với giặc Nguyên trong đó Phạm Nhan làm tướng tiên phong ở ải Phú Lương, ngày 14/3 năm Đinh Hợi (1287), Hưng Đạo vương phải lui quân vì thế địch rất mạnh. Phạm Nhan thừa thắng, kéo quân từ Vạn Kiếp về Đông Triều, dọc đường đã tàn sát nhân dân ta vô cùng dã man. Thêm một căn cứ để bác bỏ ý kiến cho rằng vua Trần Nhân Tông đã đóng quân ở làng Đức Sơn xã Yên Đức, cùng bản huyện, ở phía tả ngạn sông Đá Bạc, đầu nguồn sông Bạch Đằng, vì đây là vùng đất kiểm soát của Phạm Nhan. ***Đại Việt sử kí toàn thư*** ghi rõ: vua Trần đánh trận Bạch Đằng đã kéo quân Thánh Dực từ phía Thái Bình về, qua Kiến An, rồi vào trận tại Thủy Nguyên, bên hữu ngạn sông, nay là khu vực dãy núi đá Phi Liệt, Hải Phòng.

Đến khi vào trận Bạch Đằng, chiều ngày 8/3 năm Mậu Tí, tức ngày 9/4/1288, Phạm Nhan bị bắt sống. Trước khi chết, hắn xin được đưa về làng An Bài, nơi đã sinh ra hắn và xin được Hưng Đạo vương chém đầu hắn tại đây. Có lẽ vì thế chăng, mà xã An Bài, sát cạnh quốc lộ 18, trên đường Đông Triều đi Hạ Long, sau này mang tên Hưng Đạo (vương). Quân sĩ chém đầu này, hắn lại mọc đầu khác, cho đến khi Hưng Đạo vương chém mới đứt hẳn. Vương cho vứt xác hắn xuống sông, vì không có tấc đất nào có thể chôn hắn được. Sau đó, từng mảnh xác thân hắn rữa ra biến thành những con đỉa, chuyên đi hút máu người. Đặc biệt thứ máu hắn ưa thích nhất là máu đàn bà đẻ.

Trong "tình hình biển đảo đang diễn biến phức tạp" như hiện nay, đọc lại truyện Phạm Nhan và lặng lẽ suy ngẫm, mới thấy chuyện kể đó của Trần Trợ, với phong cách biểu đạt giản dị, như chuyện kể dân gian, nhưng hàm chứa những bài học có ý nghĩa thời sự và thời thế vô cùng sâu sắc.

VƯƠNG THỦY



biên luận

LILI MARLEEN
BÀI HÁT LỊCH SỬ

TỪ VŨ

Underneath the lantern
By the barrack gate,
Darling, I remember
The way you used to wait,
'Twas there that you whispered tenderly,
That you loved me, you'd always be,
My Lili of the lamplight, my own Lili Marlene. .....

Phỏng dịch

Dưới ngọn đèn lồng lờ mờ
Trước vọng gác cổng trại
Em yêu ơi, anh hồi tưởng
Lối quen em vẫn chờ đợi anh
Nơi đây em đã thầm thì âu yếm
Rằng em yêu anh, luôn yêu anh
Lily của anh ngọn đèn sáng, Lily của riêng anh.....

Những câu hát đó đã được hấu hết tất cả những người lính của cả 2 phía - Quân đội Đồng Minh và Quân đội Đức Quốc Xã thời Đệ Nhị Thế Chiến , họ ưa chuộng , họ đã nghe, họ đã hát một mình, hát với những chiến hữu bạn bè, hát khi vui , hát lúc buồn... không biết bao nhiêu lần. " Lili Marleen " bản nhạc bán chính thức của quân đội trên tất cả các mặt trận và là một bản nhạc luôn luôn đứng đầu trong những danh sách các bản nhạc được phổ biến trong đại chúng trên thế giới ngay từ ngày chấm dứt chiến tranh đến nay : bài hát của lịch sử và bài hát muôn đời đi vào lịch sử . *** (xin xem Lili Marleen lời bằng tiếng Anh, Đức và Pháp cuối bài)

MỘT CHÚT LỊCH SỬ BÀI HÁT :

Bài hát khởi nguồn từ năm 1915 trong Đệ Nhất Thế Chiến, thời gian mà Hans Leip (sinh năm 1893 và mất năm 1983), một người lính Đức, bị đổi đi mặt trận Nga. Ông này đã sáng tác một bài thơ với chủ đề về tình yêu và sự ly biệt. Bài thơ được ông đặt tên là " Lili Marleen " , tên ghép của hai tục danh : Lili là tên người yêu của ông và Marleen là tên người yêu của một trong số các bạn thân ông. Bài thơ được ông cho xuất bản trong một tuyển tập thơ vào năm 1937.

Năm 1938, Norbert Schultze (sinh năm 1911 và mất năm 2002) khám phá ra bài thơ Lili Marleen của Hans Leip và phổ nhạc. Vào thời kỳ này , Norbert Schultze đã là một nhà soạn nhạc có tăm tiếng qua những nhạc kịch, những âm điệu du dương và những nhạc phim nhưng khi bản nhạc " Lili Marleen " được ông cho xuất hiện lại không thành công. Đặc biệt với nhân vật đại diện cơ quan



tuyên truyền của đảng Đức Quốc Xã, Joseph Goebbels, ông ta lại không thích bản nhạc, ngay chính nữ ca sĩ Lale Andersen vào lúc đầu không muốn nhận hát và nhà xuất bản cũng không muốn phát hành.

Vào năm 1928, nữ ca sĩ Lale Andersen nhận lời hát " Lili Marleen " ,nhưng không một tác động thuận lợi nào của những người ưa chuộng âm nhạc sau khi được nghe, người ta bảo rằng bài hát này gần như không " linh hồn " , không hứng thú . Kết quả thương mại : chỉ 700 đĩa hát được tiêu thụ.

Nhưng một chuyện lạ kỳ gần như không có thực đã xảy ra tại thành phố Kfrefeld - Đức quốc, trong năm 1940 : Tại đại đội 2 tiểu đoàn 3 quân đội Đức đóng tại đây , bài hát " Lili Marleen " lại là bản nhạc của những người lính tại đơn vị này trong quán cà phê mà họ thường lui tới; Trong đại đội 2 có thượng sĩ Karl Heintz Reintger làm việc cho đài phát thanh Berlin ông này bị đổi đến đây với trách vụ phụ tá chỉ huy trạm tiếp phát chương trình quân đội của đài phát thanh Belgrade . Rồi Đại đội 2 bị thuyên chuyển đi mặt trận ác liệt tại Phi Châu . Như một hồi tưởng về quá khứ, Karl Heintz Reintger mỗi buổi sáng qua chương trình phát thanh, ông đã cho truyền đi bản nhạc Lili Marleen hát bởi nữ ca sĩ Lale Andreson như lời chào hỏi buổi sáng cuả ông đến các chiến hữu cũ vào ngày 18 tháng 8 năm 1941 , bài hát đã bị mọi người không thém đếm xỉa đến, như một sự bừng tỉnh, bản nhạc đã thành công ngay trong quân đoàn Phi Châu (Afrika-Korps) của Thống chế Romel, Romel rất thích bài hát và chính ông ta đã ra lệnh cho đài Belgrade cho " Lili Marleen " hội nhập thường trực vào chương trình phát thanh, những người lính của quân đoàn Phi Châu luôn luôn yêu cầu được nghe lại để rồi " Lili Marleen "đã được truyền trên làn sóng của đài Belgrade mỗi buổi tối vào đúng 21 giờ 57 .

Một phóng viên chiến trường người Anh đã viết vào lúc đó rằng ngay những người lính của lực lượng Đồng Minh, họ cũng thế , cũng đều điều chỉnh tầng số các radio của họ trên băng tầng Belgrade để được nghe , " Lili Marleen ". Bài hát đã được quốc tế hóa ngay tức thời, đồng minh và kẻ địch đều nghe, đều yêu thích bài hát đó, bài hát đã kêu gọi họ, nhắn nhủ họ, làm họ nhớ tưởng đến quê nhà xa xôi ,nhớ tưởng đến gia đình, nhớ tưởng đến một người tình nào đó của một thời quá vãng ...

SỰ QUẢNG BÁ CỦA HIỆN TƯỢNG " LILI MARLEEN "

" Lili Marleen " đã thành công không thể chối cãi được nữa và đã trở nên một bài hát ưa chuông

của mọi người lính đồng minh bất chấp quốc tịch, mầu da, lục địa...để trở thành một " vấn đề " cho Bộ Chỉ Huy Quân Đội Đồng Minh, bởi lẽ khó thể tưởng tượng và chấp nhận được rằng những người lính đồng minh lại cất lời hát một bản nhạc được kẻ thù ưa chuộng và...bản nhạc này đã bị cấm không được hát, không được phổ biến trong hàng ngũ quân đội Đồng Minh mặc dù giới hữu trách thời đó cũng biết rằng không có biện pháp nào có thể ngăn chận được sự phổ biến ngấm ngầm.

Nhưng không được lâu, trước sự quảng bá vô cùng rộng lớn trong quần chúng bằng lời nhạc tiếng Đức , nữ ca sĩ Anh, cô Anne Sheldon đã cho ghi âm một nhạc bản bằng tiếng Anh để sau đó nữ ca sĩ Vera Lynn hát trên làn sóng đài BBC và " Lili Marleen " đã được Quân Đoàn thứ 8 của quân đội Anh Quốc đón nhận ngay , cùng lúc đó, sự xuất hiện của Marlène Dietrich với " Lili Marleen ".

Bài hát được hát trong các quân y viện, trên khắp các mặt trận, "Lili Marleen" đã trở thành " Bài Hát của Đệ Nhị Thế Chiến " : một thành công không tiền khoáng hậu và không còn gì có thể ngăn cản được nữa...Cản ngăn để làm gì ? Điều này cũng chẳng còn quan trọng , dù cho đó là một bài hát "bán chính thức " của quân đội Đức Quốc Xã hay giản dị chỉ một điệu huýt gió nhẹ nhàng... " Lili Marleen " không còn chối cãi được nữa, một bản mélodie vô cùng truyền cảm.

MARLENE DIETRICH

Viết về " Lili Marleene " mà không đề cập đến một nữ tài tử lừng danh, thể hiện vai trò " Lili Marleene " trong suốt thời kỳ Đệ Nhị Thế Chiến , Marlène Dietrich, là một thiếu sót không thể tha thứ.

Maria Magdalene Dietrich hay Marlène Dietrich sinh ngày 27 tháng 12 năm 1901 tại Schöneberg - Berlin - Đức, là người con thứ hai của Trung úy Louis Erich Otto Dietrich và bà Wilhelmina Elisabeth Josephine Felsing. Năm 1922, Dietrich khởi đầu bằng những vai trò nho nhỏ trên sân khấu kịch nghệ, đặc biệt trong " Grosses Schauspielhauss" và những vai không quan trọng trong phim ảnh. Vai đầu tiên đáng kể là " Lucy " trong Tragödie der Liebe -" Thảm trạng của cuộc tình " - của Joe May.

Năm 1928, Dietrich khởi nghiệp ca hát, bản nhạc đầu tiên được thu âm là bài "Es liegt in der Luft".

Năm 1929 vai quan trọng đầu tiên mà Dietrich thủ diễn trong phim Die Frau, nach der Man sich sehnt - Người đàn bà mà người ta thèm muốn . Qua vai trò thủ diễn, Marlène Dietrich đã được Joseph Von Sternberg giới thiệu với hãng phim Paramount. Hãng Paramount muốn " trả lời " với một hãng phim đối thủ - Metro Golwin Mayer khi hãng này đã tạo ra huyền thoại Greta Garbo và văn phòng Paramount tại Berlin đã tuyển mộ ngay Marlène Dietrich. Tài nghệ của Dietrich đã bộc lộ ngay qua phim Der Blaue Engel - Thiên Thần Xanh . Sau sự thành công của phim Der Blaue Engel, Marlène Dietrich rời Berlin để qua Hoa Kỳ làm việc kể từ năm 1930..



Vào năm 1935, Aldolf Hitler yêu cầu người nữ tài tử nổi danh này trở về để phục vụ tổ quốc, nhưng Marlène Dietrich là một trong những người chống đối kịch liệt chế độ Nazi (Quốc Xã) đã từ chối. Dietrich lấy quốc tịch Mỹ năm 1939

Kể từ năm 1942, Marlène Dietrich đã trực tiếp cống hiến tất cả công sức và tài nghệ của mình trong các buổi trình diễn văn nghệ quyên góp tài lực hoặc giải trí và động viên tinh thần của quân đội Đồng Minh . Trong suốt chiến dịch Phi Châu và Ý Đại Lợi, Marlène Dietrich đã không những chỉ hiện diện trong các màn trình diễn tại hậu cứ mà còn nỗ lực tham gia ngay tại những nơi dầu sôi lửa bỏng để săn sóc các thương binh hoặc những công việc ăn uống lương thực. Trong các chiến dịch giải phóng Pháp và Đức, Dietrich luôn thường có mặt bên cạnh Tướng Patton tại chiến

trường ,Marlène Dietrich thể hiện vai trò của " Lili Marleen ". Trong suốt 3 năm dài, Marlène Dietrich đã quyến rũ được thính giả tại nhiều nuớc khác nhau : Ý Đại Lợi, Anh quốc, Sicile, các quốc gia Bắc Phi, Alaska, Groenland, Ái Nhĩ Lan, Hung Gia Lợi, Ba Lan.... và thành công trong công việc đảo lộn vị trí bài hát " Lili Marleen " rất phổ biến trong hàng ngũ quân đội Đức Quốc Xã để trở nên một "mascotte " - vật hộ thân - của những người lính Đồng Minh đang chiến đấu giải phóng Âu Châu.



Sau khi Đức đã ký kết bản đầu hàng vô điều kiện tại Reims, tháng 6 năm 1944, Marlène Dietrich rời Âu Châu điêu tàn để trở lại Hoa Kỳ.

Năm 1947, Dietrich đã được chính quyền Hoa Kỳ tặng thưởng " Medail of Freedom" và chính quyền Pháp " Légion d'Honneur" vào năm 1951.

Năm 1975, Marlène Dietrich bị gãy chân và mang thương tật vĩnh viễn. Lần xuất hiện cuối cùng trong vai trò diễn viên màn ảnh của Dietrich là vào

năm 1979 trong Schöner Gigolo-amer Gigolo - "Đúng là một tên đĩ đực" . Kể từ năm 1980, Marlène Dietrich không còn xuất hiện trước công chúng nữa cho đến ngày 6 tháng 5 năm 1992, Marlene Dietrich từ trần tại số 12 avenue Montaigne - Paris – Pháp.

Marlène Dietrich được an táng tại Berlin-Friedenau vào ngày 16 tháng 5 bên cạnh mộ của mẹ bà.

Năm 1993, hơn 300.000 vật dụng, đồ đạc của bà khi còn sinh thời được chuyển giao cho Land de Berlin và Filmmuseum Berlin-deutsche Kinematek .

Người ta phải đợi đến năm 2002 để thành phố Berlin, thành phố nơi bà chào đời và cũng là nơi bà đã cách biệt rất lâu, " tha lỗi " cho sự "phản bội " của bà và phong tặng bà tước vị " Công Dân Danh Dự " của thành phố Berlin .

Ngày 12 tháng 6 năm 2003 tại Paris, thủ đô Pháp, trong quận 16, không xa nơi Marlène Dietrich cư ngụ lúc còn sinh thời, một quảng trường đã được khánh thành với cái tên Place Marlène Dietrich.

Tại Bá Linh - Berlin - người ta cũng có thể trông thấy một quảng trường Marlène Dietrich-Platz trong khu vực mới của Podtsdamer Platz gần Viện Phim Ảnh.
(mời xem những phim thủ diễn bởi Marlene Dietrich trong danh sách ở phần cuối)

Cho đến ngày nay, bài hát " Lili Marleen " vẫn là một thành công lớn về âm nhạc của thế kỷ XX và không thể ngần ngại để nói rằng : của muôn thuở. Cho rằng bài hát là một công cụ tuyên truyền, một hiện tượng xã hội hay giản dị chỉ là một bài hát cho tình yêu, nhưng dù sao chăng nữa cái huyền thoại " Lili Marleen " đã là phi thời gian. Được phiên dịch sang 48 ngôn ngữ khác nhau, với bao nhiêu lần được bắt chước lại, được xử dụng chính thức như một bản nhạc diễn hành của một trung đoàn quân đội nước Canada, đứng đầu trong các bài hát tại Hoa Kỳ vào năm 1968, Đức năm 1981 và Nhật Bản năm 1986, và lại thêm một lần nữa phổ biến trong các đơn vị chiến đấu trong chiến tranh Algérie, VietNam (quân đội Hoa Kỳ, Canada, Úc) và gần đây nhất tại Kosovo - Âu Châu, " Lili Marleen " vẫn ghi khắc trong tâm khảm của người được nghe qua dù chỉ một lần.

Vì nguyên cớ nào mà " Lili Marleen " lại đạt dược sự hâm mộ lớn lao như vậy ? Phải chăng bởi tính chất vượt thời gian, vượt không gian qua lời lẽ của bài hát hoặc vì " Lili Marleen " không những chỉ duy nhất là chuyện một người lính và người yêu của anh ta mà " Lili Marleen " là một bài hát đã khơi dạy toàn bộ tình cảm thật sâu đậm trong mỗi con người chúng ta : sự biệt ly của hai kẻ yêu nhau, nỗi hoài hương, niềm đơn côi, sự sợ sệt trước cái chết... : Lili Marleen.
Và huyền thoại " Lili Marleen " vẫn còn tiếp tục qua những màn trình diễn trong các cabarets, các sân khấu kịch nghệ, các phim ảnh tỷ dụ phim lừng danh quốc tế của Fassbinder (do Hanna

Schygulla thủ diễn năm 1980-81).

Như một lời chấm dứt bài viết, xin mời bạn cất tiếng hát nho nhỏ những lời dưới đây trong nhạc điệu đệm kèm bài viết :

When we are marching
In the mud and cold,
And when my pack
Seems more than I can hold,
My love for you
Renews my might,
I'm warm again,
My pack is light,
It's you Lili Marlene, It's you Lili Marlene

BẢN TIẾNG ANH

1

Underneath the lantern
By the barrack gate,
Darling, I remember
The way you used to wait,
'Twas there that you whispered tenderly,
That you loved me, you'd always be,
My Lili of the lamplight, my own Lili Marlene.

2

Time would come for roll call,
Time for us to part,
Darling, I'd caress you
And press you to my heart,
And there 'neath that far off lantern light,
I'd hold you tight, we'd kiss "good-night,"
My Lili of the lamplight, my own Lili Marlene.

3

Orders came for sailing
Somewhere over there,
All confined to barracks
Was more than I could bear;
I knew you were waiting in the street,
I heard your feet, but could not meet,
My Lili of the lamplight, my own Lili Marlene.

4

Resting in a billet
Just behind the line,
Even tho' we're parted
Your lips are close to mine;

You wait where that lantern softly gleams,
Your sweet face seems to haunt my dreams,
My Lili of the lamplight, my own Lili Marlene

BẢN TIẾNG ĐỨC

1. Vor der Kaserne
Vor dem großen Tor
Stand eine Laterne
Und steht sie noch davor
So woll'n wir uns da wieder seh'n
Bei der Laterne wollen wir steh'n
|: Wie einst Lili Marleen. :|

2. Unsere beide Schatten
Sah'n wie einer aus
Daß wir so lieb uns hatten
Das sah man gleich daraus
Und alle Leute soll'n es seh'n
Wenn wir bei der Laterne steh'n
|: Wie einst Lili Marleen. :|

3. Schon rief der Posten,
Sie blasen Zapfenstreich
Das kann drei Tage kosten
Kam'rad, ich komm sogleich
Da sagten wir auf Wiedersehen
Wie gerne wollt ich mit dir geh'n
|: Mit dir Lili Marleen. :|

4. Deine Schritte kennt sie,
Deinen zieren Gang
Alle Abend brennt sie,
Doch mich vergaß sie lang
Und sollte mir ein Leids gescheh'n
Wer wird bei der Laterne stehen
|: Mit dir Lili Marleen? :|

5. Aus dem stillen Raume,
Aus der Erde Grund
Hebt mich wie im Traume
Dein verliebter Mund
Wenn sich die späten Nebel drehn
Werd' ich bei der Laterne steh'n
|: Wie einst Lili Marleen. :|

BẢN TIẾNG PHÁP

Devant la caserne
Quand le jour s'enfuit,
La vieille lanterne
Soudain s'allume et luit.
C'est dans ce coin là que le soir

On s'attendait remplis d'espoir
|: Tous deux, Lily Marlène. :|

Et dans la nuit sombre
Nos corps enlacés
Ne faisaient qu'une ombre
Lorsque je t'embrassais.
Nous échangions ingénûment
Joue contre joue bien des serments
|: Tous deux, Lily Marlène. :|

Le temps passe vite
Lorsque l'on est deux!
Hélas on se quitte
Voici le couvre-feu...
Te souviens-tu de nos regrets
Lorsqu'il fallait nous séparer?
|: Dis-moi, Lily Marlène? :|

La vieille lanterne
S'allume toujours
Devant la caserne
Lorsque finit le jour
Mais tout me paraît étrange
Aurais-je donc beaucoup changé?
|: Dis-moi, Lily Marlène. :|

Cette tendre histoire
De nos chers vingt ans
Chante en ma mémoire
Malgré les jours, les ans.
Il me semble entendre ton pas
Et je te serre entre mes bras
|: Lily...Lily Marlène :|

DANH SÁCH PHIM MARLENE DIETRICH ĐÃ THỦ DIỄN :

. 1922 Tragédie de l'amour (Tragödie der Liebe) de Joe May .... Lucy

. 1922 So sind die Männer - De : Georg Jacoby .... Kathrin

. 1923 Der Mensch am Wege de Wilhelm Dieterle...la fille de Kramer

. 1923 Der Sprung ins Leben de Johannes Guter

. 1925 Manon Lescaut de Arthur Robison .... Micheline

. 1926 Une moderne Dubarry (Eine Dubarry von heute) de Alexander Korda .... Kokotte
. 1926 Tête haute, Charly! (Kopf Koch, Charly !) de Willi Wolf .... Edmée Marchand
. 1926 Madame ne veut pas d'enfant (Madame wünscht keine Kinder) de Alexander Korda ...une danseuse

. 1926 Le Baron imaginaire (Der Juxbaron) de Willi Wolf .... Sophie, sa fille
. 1927 Sein grösster Bluff de Harry Piel .... Yvette

. 1927 Café electric de Gustav Ucicky .... Erni Göttlinger

. 1928 Prinzessin Olala de Robert Land .... Chichotte de Gastoné

. 1928 Je baise votre main, madame (Ich küsse ihre Hand, Madame) de Robert Land ....Laurence Gerard

. 1929 Gefahren der Brautzeit de Fred Sauer ....Evelyne

. 1929 Le navire des hommes perdus (Das Schiff der verlorenen Menschen) de Maurice Tourneur.... Ethel Marley

. 1929 L'énigme / La Femme que l'on desire (Die Frau, nach der Man sich sehnt) de Curtis Bernhardt avec Fritz Kortner .... Stascha

. 1930 L' Ange bleu (Der Blaue Engel) de Josef von Sternberg avec Emil Jannings .... Lola Lola

. 1930 Morocco de Josef von Sternberg avec Gary Cooper .... Mademoiselle Amy Jolly
. 1931 Agent X 27 (Dishonored / X 27) de Josef von Sternberg avec Lew Cody .... Marie Kolverer/X27

. 1932 La Vénus blonde (Blonde Venus) de Josef von Sternberg avec Herbert Marshall .... Helen Faraday

. 1932 Shanghai Express de Josef von Sternberg avec Clive Brook .... Shanghai Lily
. 1934 L'Impératrice rouge (The Scarlet empress) de Josef von Sternberg avec Sam Jaffe .... Princess Sophia Frederica/Catherine II

. 1935 La Femme et le Pantin (The Devil is a woman) de Josef von Sternberg avec Edward Everett Horton .... Concha Perez

. 1936 Cantique d'amour (Song of Songs) de Rouben Mamoulian avec Brian Aherne .... Lily Czepanek

. 1936 Desir (Desire) de Frank Borzage avec Gary Cooper .... Contesse Madeleine de Beaupre
. 1936 Le Jardin d'Allah de Richard Boleslawski avec John Carradine .... Domini Enfilden
. 1936 I Loved a Soldier d' Henry Hathaway.... Anna Sedlak (film non sorti)
. 1937 Ange (Angel) de Ernst Lubitsch avec Melvyn Douglas, Edward Everett Horton ....Maria 'Angel' Barker

. 1937 Le Chevalier sans armure (Knight Without Armour) de Jacques Feyder avec Robert Donat .... Alexandra

. 1939 Destry Rides Again de George Marshall avec James Stewart .... Frenchy
. 1940 La Maison des sept péchés (Seven Sinners) de Tay Garnett avec John Wayne .... Bijou Blanche

. 1941 L' Entraineuse fatale (Manpower) de Raoul Walsh avec Edward G. Robinson, George Raft .... Fay Duval

. 1941 La Belle Ensorceleuse (The Flame of New Orleans) de René Clair avec Roland

Young .... Contesse Claire Ledoux

. 1942 The Lady Is Willing de Mitchell Leisen avec Fred MacMurray, Aline MacMahon .... Elizabeth Madden

. 1942 Pittsburgh de Lewis Seiler avec John Wayne .... Josie 'Hunky' Winters
. 1942 Les Ecumeurs (The Spoilers) de Ray Enright avec John Wayne .... Cherry Malotte
. 1944 Kismet de William Dieterle .... Jamilla

. 1946 Martin Roumagnac de Georges Lacombe avec Jean Gabin .... Blanche Ferrand
. 1947 Les Anneaux d'or (Golden Earrings) de Mitchell Leisen avec Ray Milland .... Lydia
. 1948 La Scandaleuse de Berlin (A Foreign Affair) de Billy Wilder avec Jean Arthur .... Erika von Schlütow

. 1950 Le Grand Alibi (Stage Fright) de Alfred Hitchcock avec Jane Wyman .... Charlotte Inwood

. 1951 Le Voyage fantastique (No highway in the sky) de Henry Koster avec James Stewart .... Monica Teasdale

. 1952 L' Ange des maudits (Rancho Notorious) de Fritz Lang avec Arthur Kennedy.... Altar Keane

. 1956 Montecarlo.... Maria de Crevecoeur

. 1956 Le Tour du monde en 80 jours (Around the world in eighty days) de Michael Anderson .... Saloon Hostess

. 1957 Témoin à charge (Witness for the prosecution) de Billy Wilder avec Tyrone Power, ... Christine Helm Vole

. 1958 La Soif du mal (Touch of Evil) de Orson Welles avec Charlton Heston, Janet Leigh .... Tanya

. 1961 Jugement à Nuremberg (Judgement at Nuremberg) de Stanley Kramer avec Spencer Tracy .... Madame Bertholt

. 1979 Just a gigolo (Schöner gigolo, armer gigolo) de David Hemmings avec David Bowie, Sydne Rome .... Baroness von Semering

. 1983 Marlene (film biographique) de Maximilian Schell

Pháp ngày – 6.11.2004.

TỪ VŨ

MỤC LỤC

. ừ thôi em về – truyện ngắn - hồ thủy – trang 07.
. buổi chiều chạng vạng – truyện ngắn – từ kế tường – trang 11.
. hồ gươm xanh – thơ – mai thục – trang 14.
. ngọn lửa làng chuồn – truyện lịch sử – tiến thảo – trang 15.
. dưới tán phượng hồng – truyện ngắn – lý thị minh châu – trang 49.
. trăng trong mưa – thơ – nguyễn đoan tuyết – trang 51.
. thác ghềng – truyện ngắn – mang viên long – trang 52.
. đất và thơ hoà lệ máu dâng đời – thơ – lê văn trung – trang 59.
. mẹ và con gái – truyện ngắn – phạm hồng thắm – trang 60.
. ghét – thơ – phạm phù sa – trang 64.
. mái nhà ấm êm – truyện ngắn – giang trung học – trang 65.
. không đề – thơ – bùi đức long – trang 69.
. chuyện cũ vẫn mới – truyện ngắn – trần minh nguyệt – trang 70.
. về đất – truyện ngắn – khải nguyên – trang 74.
. khuyển đề – truyện ngắn – trần tâm – trang 79.
. hữu tình – thơ – chu vương miện – trang 82.
. mít chín cây – truyện ngắn – trịnh tuyên – trang 83.
. trăn trở – thơ – trần hậu – trang 86.
. bà ngoại – truyện ngắn – dương phương toại – trang 87.
. tự khúc – thơ – duy phi – trang 93.
. người canh giữ đền thiêng – truyện ngắn – nguyễn thị mây – trang 94.
. sàigòn mưa – thơ – hoàng yên linh – trang 97.
. tiếng súng – truyện ngắn – qúy thể – trang 98.
. đám ma con chuồn chuồn – tản bút – hoàng thị như huy – trang 100.
. kỷ niệm thời con gái – truyện ký – phan – trang 102.
. một cuộc phỏng vấn – truyện ngắn – đàm lan – trang 110.

. ai xuôi thiên lý cùng tôi – bút ký – vũ kiêm ninh – trang 114.
. thanh gươm báu – truyện cổ – xuân thông – trang 118.
. chị và em – truyện ngắn – trương thị kim chi – trang 125.
. tiếng gọi từ trái tim – truyện ngắn – lý thu thảo – trang 129.
. thu hà nội – thơ – nguyễn khôi – trang 132.
. hắn và tôi – truyện ngắn – trần trương – trang 133.
. bút ký speyer – bút ký – diệp phương chi – trang 138.
. nam mô ta bà ha ... truyện ngắn – nguyễn lệ uyên – trang 142.
. trận chiến cuối cùng – truyện ngắn – trọng nghĩa – trang 146.
. đất lạ người quen – truyện ngắn – võ công liêm – trang 150.
. gió núi – truyện ngắn - ngô xuân tiếu – trang 153.
. đêm rình ma – truyện ngắn – hoàng thị viễn du – trang 157.
. đất bình thuận thưở ban đầu – bút ký – phan chính – trang 159.
. trời vào thu – thơ – trần vấn lệ – trang 161.
. uống trà và thú vui uống trà – tản mạn – lương văn hồng – trang 162.
. âm dương – truyện ngắn – từ sâm – trang 165.
. mặt trái của làng – truyện ngắn – nguyễn thăng – trang 167.
. tuổi già mong manh – tản bút – hoàng bích nga – trang 173.
. đôi mắt – thơ – hồ chí bửu – trang 176.
. chuyện bi thương của ông thầy pháp văn – truyện ngắn – kiều văn – trang 177.
. tàu bay mỹ và tàu thủy ta – bút đàm – vũ thế long – trang 182.
. một phút tự do – truyện chuyển ngữ – trương văn dân – trang 184.
. đây thăng long, đây đông đô, đây hà nội... - tùy bút – hoàng gia cương – trang 187.
. đi tìm nửa cái tôi – truyện ngắn – dương leh – trang 191.
. thư gửi chị - thơ – hoàng vũ đông sơn – trang 196.
. đất tụ long – truyện ngắn – nam ninh – trang 198.
. nghe tiếng trống bãi trường – thơ – vương hoài uyên – trang 213.
. một nhành cây trong mùa lá rụng – truyện ngắn – phương thủy & trần huy thuận – trang 214.
. hànội mùa sấu chín – tản bút – mai thục – trang 219.
. chuyện tình bên dòng sông – truyện ngắn – huy định – trang 223.
. văn học, văn hoá và giáo dục gia đình – tham luận – trần nhuận minh – trang 228.
. người đặt tên cho hà nội xưa là thăng long – tìm hiểu – đồng ngọc hoa – trang 233.
. nhớ về các nhà văn hànội – tiểu luận – phạm vũ – trang 235.
. tại sao đạo phật dùng hoa sen làm biểu tượng ? - tiểu luận – tâm nguyện – trang 243.
. mối tình xuyên biên giới của trạng nguyên mạc đĩnh chi – tìm hiểu – mạc triều – trang 247.
. nguyễn xuân khoát, người mở đường xây dựng ... - tìm hiểu – lương văn hồng – trang 249.
. thơ tình xuân diệu – biên luận – kiều văn – trang 255.
. nền hội họa cận đại và hiện đại – biên luận – kiêm thêm – trang 268.
. phê bình về phân tâm lý học ... - biên luận – võ công liêm – trang 291.
. linh hồn mùa hạ – biên luận – huyền viêm – trang 295.
. nhìn lại một nền văn học – nhận định – lê hoài nguyên – trang 299.
. đọc truyện phạm nhan và suy ngẫm tình hình biển đảo ... nhận định – vương thủy – trang 301.
. lili marleen bài hát lịch sữ – biên luận – từ vụ – trang 303.
. mục lục – trang 305.

VIỆT VĂN MỚI

số 15 & 16

nguyệt san văn học nghệ thuật

phát hành ngày 15 tháng 10 năm 2014

tủ sách viết văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

trình bày : emily carlier

bìa : rước dâu tranh của cố hoạ sĩ hiếu đệ

trong chủ trương bảo vệ – cũng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

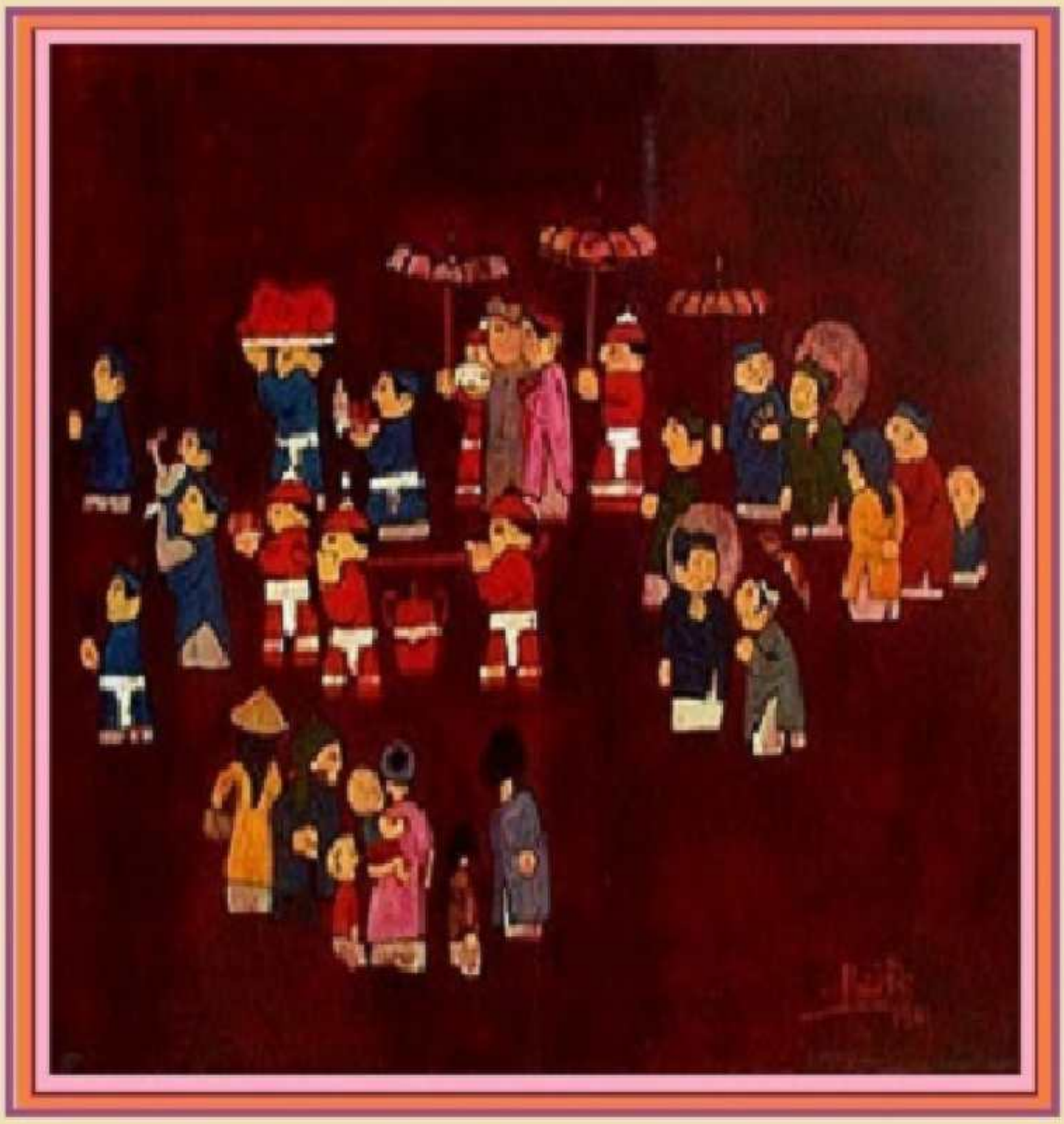
. tuyện đối không được phổ biến với tính cách thương mại.

việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 15 - 16



15 tháng 10 năm 2014

tủ sách việt văn mới

2014